

PHILIP ROTH

vết nhớ
của người

PHẠM VIỆT PHƯƠNG · HUỲNH KIM OANH dịch



VẾT NHỚ CỦA NGƯỜI

Tác giả: Philip Roth

Người dịch: Phạm Viên Phương & Huỳnh Kim Oanh

Phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 05/2019



ebook©vctvegroup

02/06/2020

1

AI CŨNG BIẾT

Chính vào mùa hè năm 1998 ấy mà ông hàng xóm Coleman Silk của tôi - ông này, trước khi nghỉ hưu cách nay hai năm, vốn là giáo sư môn văn học Hy La ở Đại học Athena trong thị trấn suốt hơn hai chục năm sau đó làm chủ tịch hội đồng giảng viên thêm mười sáu năm nữa - tâm sự với tôi rằng, ở tuổi bảy mốt, ông đang đan dũi với một cô lao công ba mươi tư tuổi đang làm việc ở trường. Ngoài ra hai lần một tuần cô còn lau dọn trạm bưu điện thị trấn, một căn chòi gỗ nhỏ xám xịt trông cứ như nó từng che chở một gia đình dân ngụ cư tới từ Oklahoma khỏi những cơn bão cát hồi thập niên 1930 và, đứng một mình lẻ loi đối diện trạm xăng và cửa hàng tạp hóa bên kia đường, nó giương cao lá cờ Mỹ tại giao lộ của hai con đường sầm uất nhất cái thị trấn phố núi này.

Coleman thấy cô lần đầu tiên khi cô đang lau sàn trạm bưu điện một ngày nọ ông ghé vào, vài phút trước giờ đóng cửa, để nhận thư từ - một phụ nữ gầy, cao, góc cạnh với mái tóc vàng nhuộm bạc cột gọn thành túm đuôi ngựa sau gáy và có nét mặt như tạc, kiểu tạc thô, thường đi liền với những bà vợ lam lũ, sùng đạo đã nếm trải những buổi đầu vất vả của miền New England, mẫu phụ nữ thuộc địa khắc khổ bị khóa chặt trong nền luân lý thống trị thời đó và tuân theo nó. Tên cô là Faunia Farley, và dù những nỗi khổ khổ mà cô phải chịu đựng là gì đi chăng nữa thì cô cũng giấu kín chúng đằng sau cái kiểu mặt xương xương vô hồn như thể nó che chẳng giấu điều gì mà chỉ toát lên một nỗi cô đơn mênh mông. Faunia sống trong một căn phòng

tại trại bò sữa địa phương nơi cô phụ việc vắt sữa để trừ tiền thuê trọ. Cô từng theo học trung học trong hai năm.

Mùa hè mà Coleman tâm sự với tôi về Faunia Farley và bí mật của họ cũng là mùa hè mà, khá trùng hợp, bí mật của Bill Clinton được hé lộ tới từng chi tiết đáng xấu hổ cuối cùng - từng chi tiết đời thực cuối cùng, sự sống động, giống như sự nhục nhã, ứa ra từ sự cay độc của cái dữ kiện cụ thể. Chúng ta chưa từng có quãng thời gian nào như thế kể từ vụ người ta vớ được ảnh khỏa thân của tân Hoa hậu Mỹ trên một số báo *Penthouse* cũ, những bức ảnh chụp cô ta tao nhã tạo dáng trong tư thế quỳ và nằm ngửa đã buộc cô thiếu nữ bị ô danh đó phải trả lại vương miện mà tiến bước trở thành một ngôi sao nhạc pop lớn. Năm chín mươi tám ở New England là một mùa hè của hơi ẩm và ánh nắng tuyệt vời, còn ở môn bóng chày là một mùa hè của trận chiến huyền thoại giữa một nam thần home run da trắng với một nam thần home run da nâu*, còn trên cả nước Mỹ thì là mùa hè hơi nồng lòng mộ đạo, hơi nồng sự thanh khiết, khi chủ nghĩa khủng bố - vốn đã trở thành mối đe dọa bao trùm đối với an ninh quốc gia - được nối tiếp bằng trò mút c., và một ông tổng thống trung niên trẻ trung, sung mãn với một nhân viên hăm một tuổi trở tráo, đăm đuối chơi nhau trong Phòng Bầu dục như hai đứa mới lớn trong bãi đậu xe làm sống lại niềm đam mê cộng đồng cổ xưa nhất của nước Mỹ, về mặt lịch sử có lẽ là lạc thú bội bạc và tai hại nhất: sự mê mị của thói cao đạo. Trong quốc hội, trên báo chí, và trên các trang mạng, đám tởm lợm công chính thích gây chú ý, điên cuồng kết tội, lên án, và trừng phạt, hùng hồn lớn tiếng dạy đời khắp nơi: tất cả chìm trong một cơn cuồng loạn có tính toán với cái tinh thần mà Hawthorne (người, hồi thập niên 1860, sống cách chỗ tôi chẳng mấy dặm) đã nhận ra từ buổi đầu non trẻ của đất nước rất lâu về trước, chính là “sự ngược đãi”; tất cả bọn họ đều hăm hở tiến hành những nghi thức thanh tẩy khắc nghiệt sẽ cắt đứt con cu chống ngược ra khỏi ngành hành pháp, nhờ đó khiến mọi chuyện trở nên thoải mái và an toàn đủ cho cô con gái mười tuổi của Thượng nghị sĩ Lieberman

lại có thể ngồi xem ti vi với ông bố xấu hổ của nó. Không, nếu bạn chưa sống qua năm 1998, bạn không hiểu được thói cao đạo nghĩa là gì đâu. William F. Buckley, nhà bình luận cánh hữu được in ở một loạt các báo, viết, “Khi Abelard* làm điều đó, người ta có thể ngăn không cho nó tái diễn,” bóng gió rằng việc làm sai trái của tổng thống - ở chỗ khác Buckley lại gọi đó là “thói dâm dục vô độ” của Clinton - có thể được cứu vãn tốt nhất không phải bằng một biện pháp hiền lành như luận tội mà, tốt hơn là, bằng kiểu trừng phạt thời trung cổ đã được dành cho giáo sĩ Abelard do dám đồng sự thích giương dao của tay bạn đồng tu với Abelard, giáo sĩ Fulbert, thực hiện, vì cái tội lén lút quyến rũ và kết hôn với cháu gái của Fulbert, trinh nữ Héloise. Không như giáo lệnh của Khomeini kết án tử cho Salman Rushdie, ước muốn thiết tha của Buckley mong được thấy đòn trừng phạt bằng thiên hoạn nhằm răn đe này không kèm theo mỗi lợi tiền bạc cho bất kỳ thủ phạm tương lai nào. Tuy nhiên, nó được thúc đẩy bởi một tinh thần nghiêm nghị không kém tinh thần của vị đại lão giáo chủ nọ, và nhân danh những lý tưởng không kém phần cao đạo.

Đó là mùa hè ở Mỹ khi mà cảm giác buồn nôn trở lại, khi mà trò đùa cợt không ngừng lại, khi mà những suy đoán và đặt giả thuyết này nọ và lối nói cường điệu không ngừng lại, khi mà nghĩa vụ giải thích cho con cái về cuộc sống của người lớn bị gác lại để duy trì trong đầu óc chúng mọi ảo tưởng về cuộc sống người lớn, khi mà sự nhỏ mọn của con người đơn giản là nghiền nát tất cả, khi mà một thứ ma quỷ đã sống chuồng trong đất nước và, ở cả hai phe, người ta ai nấy đều băn khoăn “Tại sao chúng ta lại điên đến thế?” khi đàn ông cũng như đàn bà, lúc thức dậy vào buổi sáng, khám phá ra rằng hồi đêm, trong một giấc ngủ đã đưa họ đi xa hơn nỗi ghen tị và thù ghét, họ đã mơ tới về trớ tráo của Bill Clinton. Còn tôi thì mơ thấy một biểu ngữ khổng lồ được quán theo kiểu trào lưu Dada, như một tác phẩm bao gói của Christo*, từ đầu này tới đầu kia của Nhà Trắng và mang dòng chữ

MỘT CON NGƯỜI BẰNG XƯƠNG BẰNG THỊT SỐNG Ở ĐÂY. Đó là mùa hè khi mà - lần thứ một tí - sự lộn xộn, hồ lộn, hỗn độn đó cho thấy nó còn tinh tế hơn ý thức hệ của kẻ này và hệ đạo lý của kẻ khác. Đó là mùa hè khi mà con cu của một tổng thống hiện diện trong tâm trí của từng người một, và cuộc sống, với tất cả sự bần thiêu trợ tráo của nó, một lần nữa làm cả nước Mỹ rối loạn.

Đôi khi vào một thứ Bảy, Coleman Silk sẽ gọi điện và mời tôi chạy xe từ chỗ tôi ở phía bên này núi sang chỗ ông sau bữa tối để nghe nhạc, hoặc để chơi bài gin rummy*, một điểm ăn một xu, hoặc ngồi trong phòng khách vài giờ và nhâm nhi ít cognac và giúp ông vượt qua cái mà với ông luôn là buổi tối tồi tệ nhất trong tuần. Đến mùa hè 1998, ông sống một mình trên đó - một mình trong căn nhà cũ lớn lát ván ghép sơn trắng nơi ông đã cùng bà vợ Iris nuôi lớn bốn đứa con - đã được gần hai năm, kể từ khi Iris bị đột quỵ và qua đời đột ngột trong khi ông đang mải chiến đấu với trường đại học về cáo buộc phân biệt chủng tộc do hai sinh viên trong lớp nhắm vào ông.

Đến thời điểm đó Coleman đã ở Athena gần hết cuộc đời hàn lâm của mình, một lãng tử thành thị ngọt lịm như mía, cởi mở, sắc sảo, có chút gì đó của một chiến binh, chút gì đó của một nhà điều hành, chứ chẳng có mấy tí của một giáo sư mô phạm kiểu mẫu dạy tiếng Hy Lạp và La tinh (thể hiện qua Câu lạc bộ Hy Lạp Thường đàm mà ông khởi xướng, theo kiểu tinh thần dị giáo, khi còn là một giảng viên trẻ). Khóa học tổng quan đáng nể của ông về văn học Hy Lạp cổ qua bản dịch - được gọi là GHM, viết tắt của Gods (thần linh), Heroes (anh hùng) và Myth (thần thoại) - rất được lòng đám sinh viên chính bởi nhờ tất cả những sự trực tiếp, thẳng thắn và đầy thuyết phục theo kiểu phi hàn lâm trong cách ứng xử của ông.

“Các bạn biết văn học châu Âu khởi đầu thế nào không?” ông thường hỏi, sau khi điểm danh ở buổi học đầu tiên của lớp. “Bằng một cuộc cãi cọ. Toàn bộ văn học Âu châu nảy sinh từ một cuộc tranh luận.” Rồi ông cầm cuốn *Iliad* lên và đọc cho cả lớp nghe những câu thơ mở đầu. “ ‘Hỡi thần thi ca, hãy hát về nỗi uất hận tàn hại của Achilles... Khởi sự nơi họ lần đầu tranh cãi, Agamemnon vua của loài người, và Achilles vĩ đại.’ Và họ tranh cãi nhau về cái gì, hai tâm hồn bạo liệt, dũng mãnh ấy? Nó cũng tầm thường như một trận cãi cọ trong quán rượu. Họ cãi nhau về phụ nữ. Cụ thể là một thiếu nữ. Một thiếu nữ bị tước khỏi cha cô ta. Một thiếu nữ bị bắt cóc trong chiến trận. *Mia kouri* - cô ta được tả như thế trong cuốn sử thi này. *Mia*, như trong tiếng Hy Lạp hiện đại, là mạo từ không xác định ‘một’; *kouri*, tức cô gái, trong tiếng Hy Lạp hiện đại đã chuyển thành *kori*, có nghĩa là con gái ruột. Lúc này, Agamemnon mê thiếu nữ ấy hơn vợ mình, Clytemnestra. ‘Clytemnestra không đẹp bằng cô ấy,’ ông ta nói, ‘ở khuôn mặt cũng như vóc dáng.’ Điều đó chỉ ra rất rõ tại sao ông ta không muốn từ bỏ thiếu nữ này, phải vậy không? Khi Achilles yêu cầu Agamemnon trả cô gái lại cho cha cô ta để vượt giận Apollo, vị thần vốn đang vì việc cô gái bị bắt cóc mà nổi đóa lên giết người đến nơi, Agamemnon từ chối: ông ta sẽ chỉ đồng ý nếu Achilles giao cho ông ta cô gái của *anh* để bù lại. Thế là Achilles bốc hỏa. Achilles bùng bùng sát khí: người đàn ông dễ nổi giận nhất trong số những gã man di dễ nổi khùng mà một nhà văn từng được sung sướng mô tả lại; đặc biệt khi chuyện đó lại liên quan đến uy tín và dục vọng của anh ta, cỗ máy giết người siêu nhạy cảm nhất trong lịch sử chiến tranh. Achilles lừng danh: cảm thấy cô độc và bị ruồng bỏ bởi một sự xúc phạm tới danh dự. Achilles anh hùng vĩ đại, người, bằng sức mạnh cơn thịnh nộ trước sự lẳng mạ - sự lẳng mạ vì không cứu được cô gái - đã tự cô lập mình, tự đặt mình một cách ngang bướng bên ngoài chính cái xã hội mà anh ta là người bảo vệ đầy vinh quang và sự hiện diện của anh là vô cùng cần thiết. Cuộc cãi cọ ngày ấy, một cuộc cãi cọ hung bạo về một thiếu nữ và thân xác trẻ trung của cô ta cùng những niềm khoái

lạc của sự mê đắm tình dục: nó, dù xấu dù tốt, trong cái hành động xúc phạm quyền lợi của dương vật, *phẩm giá* của dương vật, của nguồn sinh lực sung mãn nơi một ông hoàng chiến binh, chính là cách mà nền văn học hư cấu vĩ đại của châu Âu khởi đầu, và đó là lý do mà hôm nay, sau gần ba ngàn năm, chúng ta sẽ bắt đầu ở câu chuyện của hai bọn họ...”

Coleman nằm trong nhóm thiểu số người Do Thái trong đội ngũ giảng dạy ở Athena khi ông được nhận vào làm và có lẽ cũng là một trong những người Do Thái đầu tiên được phép dạy tại khoa văn học Hy La ở bất cứ đâu trên nước Mỹ; một vài năm trước đó, người Do Thái duy nhất của Athena là E. I. Lonoff, nhà văn viết truyện ngắn hầu như đã bị quên lãng và cũng là người mà, từ hồi tôi còn là một tác giả tập sự mới được xuất bản, vẫn còn chật vật và đang hăm hở tìm kiếm sự công nhận của một bậc thầy, tôi đã từng có một chuyến viếng thăm đáng nhớ. Trong suốt những năm tám mươi và lẹm cả vào thập niên chín mươi, Coleman cũng là người Do Thái đầu tiên và duy nhất từng công tác tại Athena trong vai trò chủ tịch hội đồng giảng viên; rồi, vào năm 1995, sau khi từ chức chủ tịch để quay lại sự nghiệp giảng đường, ông quay lại dạy hai lớp trực thuộc chương trình ngôn ngữ và văn chương tích hợp vốn đã nuốt trọn cả khoa văn học cổ điển Hy La và được giáo sư Delphine Roux điều hành. Trong vai trò chủ tịch hội đồng giảng viên, và với sự ủng hộ hết lòng của vị hiệu trưởng mới đầy tham vọng, Coleman đã dẫn dắt trường đại học cổ hủ, tù hãm, Lờ Đờ Trũng Thấp này và, không phải là không mạnh tay nghiền nát, đặt dấu chấm hết cho cái vai trò trang trại giải khuây cho các quý ông của nơi này bằng cách huých toẹt khuyến khích những người vô dụng trong số vệ binh già của hội đồng giáo sư tính chuyện về hưu sớm, và tuyển mộ những phó giáo sư trẻ nhiều tham vọng, đồng thời cách mạng hóa chương trình giảng dạy. Hầu như chắc chắn rằng đến lúc ông về hưu, tại bất cứ thời điểm nào mà ông muốn, và nếu không có rắc rối gì, thì hẳn sẽ có một tuyển tập những bài viết được xuất bản để vinh danh

ông, hẳn sẽ ra đời một chuỗi Bài giảng Coleman Silk mở cửa cho công chúng, sẽ có một cái ghế trong khoa văn học cổ điển mang tên ông, và có lẽ - xét đến tầm quan trọng của ông đối với việc phục hưng nơi này trong thế kỷ hai mươi - cả tòa nhà dạy các môn khoa học xã hội hoặc thậm chí giảng đường North Hall, công trình trọng điểm của trường, cũng sẽ được đổi tên để vinh danh ông sau khi ông mất. Trong thế giới hàn lâm nhỏ bé này, nơi ông đã sống phần lớn cuộc đời mình, đáng ra ông đã thôi không còn bị ghét bỏ hoặc thậm chí sợ hãi hoặc trở thành chủ đề đàm tiếu, mà thay vào đó là được chính thức xiển dương mãi mãi.

Khoảng giữa học kỳ thứ hai ông quay về làm giáo sư toàn thời gian, Coleman đã nói ra cái từ tự buộc tội sẽ khiến ông phải tự nguyện cắt đứt mọi mối dây liên hệ với trường ấy - một từ tự buộc tội đơn lẻ nằm trong số nhiều triệu từ được nói to ra trong những năm ông dạy và quản lý tại Athena, và là từ, như Coleman hiểu, đã trực tiếp dẫn đến cái chết của vợ ông.

Lớp học gồm mười bốn sinh viên. Coleman đã điểm danh sinh viên ngay lúc bắt đầu mấy bài giảng đầu tiên để biết họ tên của chúng. Khi đến tận tuần thứ năm của học kỳ vẫn còn hai cái tên vang lên từ miệng ông mà không hề nhận lại chút phản hồi nào, Coleman, trong tuần thứ sáu, mở đầu buổi dạy bằng câu hỏi, “Có ai biết hai người này không? Họ là người hay là ma vậy?”

Cuối ngày hôm đó ông rất kinh ngạc khi người kế nhiệm ông, chủ tịch hội đồng giảng viên mới, mời ông vào để nói về lời buộc tội phân biệt chủng tộc nhằm vào ông từ hai sinh viên vắng mặt đó, hóa ra họ là người da đen và, dù vắng mặt, đã nhanh chóng biết đến cái từ ông dùng để công khai đặt câu hỏi về sự vắng mặt của họ. Coleman nói với tay chủ tịch hội đồng giảng viên mới, “Tôi đang ám chỉ đến cái bản chất có thể là ma của họ. Điều đó không rõ ràng ư? Hai sinh viên này không hề dự bất kỳ buổi học nào. Tôi chỉ biết về họ có vậy thôi. Tôi dùng từ này trong ý nghĩa thông thường và sơ đẳng của nó: ‘ma’ là

một hồn ma hoặc một con ma. Tôi không hề biết hai sinh viên này có màu da gì. Có lẽ cách nay năm mươi năm thì tôi biết nhưng giờ tôi đã hoàn toàn quên rằng ‘ma’ là một từ xúc phạm đôi khi được dùng để gọi người da đen. Nếu không, vì tôi vốn rất thận trọng đối với các sự nhạy cảm của sinh viên, tôi chắc hẳn chẳng bao giờ dùng từ đó. Nghĩ đến ngữ cảnh mà xem: Họ là người hay là ma vậy? Lời buộc tội phân biệt chủng tộc là hoàn toàn sai lầm. Nó thật vô lý. Những đồng sự của tôi biết nó là vô lý và các sinh viên của tôi biết nó là vô lý. Vấn đề, vấn đề duy nhất, là việc vắng mặt của hai sinh viên này và việc sao nhãng học tập trắng trợn và không thể bào chữa được của họ. Điều gây khó chịu là ở chỗ lời buộc tội này không chỉ sai - mà nó còn sai sớ sớ ra đó luôn.” Sau khi nói đủ để biện hộ cho mình, coi như vấn đề đã khép lại, ông bỏ về nhà.

Giờ đây tôi được biết ngay cả những chủ tịch hội đồng giảng viên bình thường, những người luôn phải làm việc giữa hai làn đạn, một bên là nhân sự trong trường và một bên là cấp hành chính cao hơn, cũng luôn luôn tạo ra kẻ thù. Họ không phải lúc nào cũng chấp nhận giải quyết những đòi hỏi tăng lương hoặc những chỗ đậu xe thuận lợi được nhiều người thèm muốn hoặc những văn phòng lớn hơn mà các giáo sư tin là họ đáng được hưởng. Những ứng viên cho việc bổ nhiệm hoặc đề bạt, nhất là vào những khoa ít người học, cứ đều đặn bị khước từ. Những kiến nghị của các khoa để xin những vị trí giảng viên bổ sung và thư ký trợ lý hầu như luôn luôn bị bác bỏ, cũng như những yêu cầu tiết giảm khối lượng giảng dạy và giải thoát khỏi những lớp học sáng sớm. Lộ phí tàu xe để dự các hội nghị học thuật cũng đều đặn bị từ chối, vân vân, và vân vân. Nhưng Coleman không phải là một chủ tịch hội đồng giảng viên bình thường, và những người ông tổng khừ và cách ông tổng khừ họ, những gì ông rũ bỏ và những gì ông thiết lập, và cách ông thực hiện công việc, táo bạo, bất chấp sự kháng cự dữ dội đã thành công hơn cái mức là gây ra điều tiếng hoặc hạ thấp danh dự của vài kẻ bất bình và bạc bẽo lạc lõng. Dưới sự bảo

trợ của Pierce Roberts, viên hiệu trưởng trẻ trung đẹp trai khéo léo và chưa bị hói, người đã gia nhập ban điều hành và bổ nhiệm ông vào chức vụ chủ tịch hội đồng giảng viên - và là người nói với ông, “Sẽ có những thay đổi, và nếu ai không hài lòng hãy nghĩ đến việc ra đi hoặc về hưu sớm,” - Coleman đã đảo lộn mọi thứ. Tám năm sau, vào lưng chừng quãng đường tại vị của Coleman, Roberts nhận được chức hiệu trưởng tại một trong những trường thuộc nhóm Big Ten đầy uy tín, nhờ vào danh tiếng lẫy lừng từ tất cả những gì đạt được ở Athena trong một thời gian kỷ lục - đạt được không phải nhờ vào vị hiệu trưởng duyên dáng về cơ bản chỉ là một tay gậy quỹ, một người không bị đánh đấm tí gì và thắng tiến từ Athena với những lời tung hô và không một vết trầy xước, mà là nhờ chủ tịch hội đồng giảng viên kiên quyết của anh ta.

Ngay trong tháng đầu tiên được bổ nhiệm làm chủ tịch hội đồng giảng viên, Coleman đã mời từng thành viên trong hội đồng đến để nói chuyện, trong đó có nhiều giáo sư có thâm niên vốn là con cháu của những gia đình lâu đời ở hạt đã thành lập và tài trợ cho trường và bản thân họ vốn không thực sự cần tiền nhưng vẫn vui sướng nhận lương. Mỗi người được yêu cầu trước là mang theo hồ sơ cá nhân, và nếu ai không mang theo, bởi vì họ quá kiêu hãnh, thì dù sao Coleman cũng đã có nó trước mặt, trên bàn làm việc của ông rồi. Và ông giữ họ ở đó trong suốt một giờ, thậm chí đôi khi lâu hơn, cho đến khi, sau khi đã chỉ ra một cách đầy thuyết phục rằng mọi việc ở Athena cuối cùng cũng đã thay đổi, ông bắt đầu làm cho họ toát mồ hôi. Ông cũng không ngần ngại mở đầu cuộc nói chuyện bằng việc lật nhanh qua hồ sơ cá nhân và hỏi, “Trong mười một năm qua, anh đã làm gì?” Và khi họ nói với ông, hết như đại đa số thành viên trong khoa, rằng họ cho đăng bài đều đặn trên tờ *Athena Notes*, khi trong cùng một khoảng thời gian ông đã phải nghe quá nhiều về những mẫu nghiên cứu vụn vặt theo hướng ngữ văn học, thư tịch học, hay khảo cổ học mà hằng năm mỗi người trong bọn họ đều véo ra từ một luận án tiến sĩ xa xưa

để “công bố” trong tờ báo in roneo hằng quý được đóng lại trong tấm bìa cứng màu xám vốn chẳng được lên danh mục ở đâu trên thế giới ngoài thư viện trường Athena, thì, người ta kể lại, ông đã dám phá vỡ phép lịch sự ở Athena mà phát biểu, “Nói cách khác, anh đã tái chế rác của chính mình.” Sau đó ông không chỉ đình bản tờ *Athena Notes* bằng cách trả lại khoản thừa kế bé xíu cho người đã hiến tặng nó - cha vợ của tay chủ biên - mà còn, với mục đích khuyến khích về hưu sớm, buộc những tay chết giẫm nhất trong số các tay chết giẫm rời bỏ các lớp học mà họ đã giảng dạy như vẹt trong hai hoặc ba mươi năm qua, đưa họ sang dạy tiếng Anh cho sinh viên năm đầu và phụ trách khảo sát lịch sử và chương trình định hướng cho sinh viên năm nhất được tổ chức trong những ngày nóng nực cuối cùng của mùa hè. Ông dẹp bỏ cái giải thưởng được đặt tên rõ dõ dẩn là Học Giả Của Năm và dùng chỗ tiền hàng ngàn đô la đó cho việc khác. Lần đầu tiên trong lịch sử của trường, ông khiến người ta phải làm đơn xin nghỉ phép có hưởng lương với một mô tả kế hoạch chi tiết, và thường thì đều bị từ chối cả. Ông cho dẹp phòng ăn trưa dành riêng cho giảng viên, vốn tự hào với phần nội thất bằng gỗ sồi thuộc loại tinh xảo nhất trong khuôn viên trường, biến nó trở lại thành một phòng thảo luận chuyên sâu đúng theo dự định ban đầu, và cho ban giảng viên ăn trong phòng ăn tự phục vụ cùng sinh viên. Ông kiên quyết tổ chức những cuộc họp hội đồng giảng viên - mà việc không bao giờ tổ chức chúng đã khiến cho vị chủ tịch hội đồng giảng viên trước đó rất được lòng mọi người. Coleman cho thư ký điểm danh người tham dự để thậm chí cả những giảng viên danh tiếng với thời khóa biểu chỉ ba giờ một tuần cũng buộc phải có mặt tại trường. Ông tìm thấy một điều khoản trong quy chế trường quy định rằng những ban điều hành không được phép tồn tại, và lý luận rằng những chương ngại vật nặng nề cản trở sự thay đổi nghiêm túc đó đã nảy nòi chỉ nhờ vào tập tục và truyền thống, ông xóa sổ chúng và điều hành những cuộc họp hội đồng bằng sắc lệnh, sử dụng mỗi cuộc họp làm một dịp để thông báo những gì ông sẽ làm kế tiếp, những thứ chắc chắn sẽ gây bất mãn hơn nữa. Dưới sự lãnh đạo

của ông, thăng tiến trở nên khó khăn - và điều này, có lẽ, là cú sốc lớn nhất trong tất cả: mọi người không còn được tự động thăng chức trên cơ sở là giáo viên được ưa thích, và họ cũng không được hưởng những khoản tăng lương mà không gắn liền với công trạng nào hết. Tóm lại, ông tạo ra một sự tranh đua, ông khiến nơi này có tính cạnh tranh, điều đó, như một kẻ thù buổi đầu nhận xét, “là thứ chỉ có bọn Do Thái làm”. Và bất cứ khi nào một ủy ban bất thường đầy giận dữ được thành lập để đến than phiền với Pierce Roberts, viên hiệu trưởng luôn nhất mực ủng hộ Coleman.

Trong thời Roberts tất cả những người trẻ tuổi sáng giá mà ông tuyển mộ đều yêu mến Coleman bởi vị trí ông dành cho họ và bởi số lượng không nhỏ những người mà ông bắt đầu tuyển mộ từ những lớp sau đại học tại Johns Hopkins và Yale và Cornell - “một cuộc cách mạng về chất lượng,” từ họ dùng để mô tả nó. Những tay trẻ tuổi ấy đánh giá cao ông vì đã đẩy tầng lớp thống trị ra khỏi câu lạc bộ bé nhỏ của họ và đe dọa cái hình ảnh mà các vệ binh già tự khoác lên cho mình, việc đó luôn làm cho một giáo sư vênh vang phát điên lên. Tất cả những ông lão vốn là bộ phận yếu kém nhất trong hội đồng giảng viên đã tồn tại nhờ những danh hiệu mà họ tự nghĩ về bản thân mình - học giả vĩ đại nhất về năm 100 trước Công nguyên và các thứ đại loại vậy - và một khi những thứ đó bị thách thức từ bên trên, thì niềm tin của họ bị xói mòn và, chỉ trong vài năm, tất cả gần như cuốn gói biến sạch. Một thời kỳ sôi nổi! Nhưng sau khi Pierce Roberts chuyển đến cái vị trí quan trọng ở Michigan, và Haines, hiệu trưởng mới, người lên thay anh ta nhưng lại không dành lòng trung thành đặc biệt cho Coleman - và, không như người tiền nhiệm, không tiêu hóa nổi cái kiểu san phẳng sự kiêu căng tự đại và cái tôi độc đoán vốn đã dọn sạch nơi này chỉ trong một thời gian ngắn - và khi những người trẻ tuổi mà Coleman giữ lại cũng như những người ông tuyển mộ bắt đầu trở thành đội ngũ giảng viên kỳ cựu, thì làn sóng chống lại chủ tịch hội đồng giảng viên Silk bắt đầu mạnh nha. Ông không nhận ra nó mạnh

mẽ thế nào cho đến khi ông đếm được số lượng những người, từng khoa từng khoa một, dường như không hề tỏ vẻ khó chịu trước việc cái từ mà ông đã chọn để nói về hai sinh viên dường như không hề tồn tại của mình lại được hiểu không phải bằng nghĩa tự điển sơ đẳng vốn rõ ràng là ý ông định dùng, mà lại bằng cái nghĩa khinh thị chúng tộc đã thúc đẩy hai sinh viên da đen đó đến chỗ đệ đơn kiện ông.

Tôi còn nhớ rõ cái ngày tháng Tư đó cách nay hai năm khi Iris Silk chết và Coleman như hóa điên. Ngoài việc gật đầu chào người này hay người kia trong hai người họ mỗi khi chúng tôi tình cờ gặp nhau trên đường đến cửa hàng tạp phẩm hay bưu điện, tôi không thực sự quen gia đình Silk hay biết gì nhiều về họ cho đến lúc đó. Thậm chí tôi còn không biết Coleman đã lớn lên ở cái thị trấn bé tí East Orange của hạt Essex, New Jersey chỉ cách chỗ tôi bốn năm dặm gì đó, và chuyện, tốt nghiệp trường Trung học East Orange năm 1944, ông trên tôi, học ở trường Newark gần đó, có sáu khóa. Coleman không tìm cách làm quen với tôi, và tôi cũng không rời New York rồi chuyển vào một căn nhà nhỏ hai phòng nằm sâu trong một cánh đồng trên một đường làng tốt trên khu Berkshire để gặp gỡ bạn bè mới hoặc gia nhập một cộng đồng mới. Những lời mời tôi nhận được trong những tháng đầu tiên ở đó năm 1993 - mời đến dùng bữa, uống trà, dự một bữa tiệc cốc tai, thả bộ xuống trường đại học dưới thung lũng để thuyết trình cho công chúng hoặc, nếu tôi thích, một buổi trao đổi thân mật với một lớp học văn chương - tôi đều lịch sự từ chối, và sau chuyện đó cả những người láng giềng lẫn trường đại học đều để yên cho tôi sống và làm công việc của tôi một mình.

Nhưng rồi, vào buổi chiều đó cách đây hai năm, sau khi chuẩn bị xong cho đám tang của Iris, Coleman lái thẳng xe đến đậu bên cạnh nhà tôi, đập cửa ầm ầm và xin vào. Dù có điều cấp bách cần hỏi, ông cũng không thể ngồi yên hơn ba mươi giây để nói rõ đó là chuyện gì. Ông đứng lên, ngồi xuống, lại đứng lên, đi vòng vòng quanh phòng

làm việc của tôi, nói to tiếng và gấp gáp, thậm chí còn vung vẩy nắm đấm đầy đe dọa khi - một cách đầy sai lầm - ông tin cần phải nhấn mạnh. Tôi phải viết một cái gì đó cho ông - ông gần như ra lệnh cho tôi. Nếu tự ông viết câu chuyện này, với tất cả sự phi lý của nó, không thay đổi gì, thì sẽ không ai tin cả, không ai coi là nghiêm túc, người ta sẽ nói đó là lời dối trá lố bịch, một sự cường điệu trực lợi, họ sẽ nói rằng nguyên nhân gây ra sự sa cơ lỡ vận của ông không thể chỉ có mỗi việc thốt ra cái từ “ma” trong lớp được. Nhưng nếu tôi viết, nếu một nhà văn chuyên nghiệp viết nó ra...

Mọi sự kiểm chế đều đổ sụm trong ông, và vì thế việc nhìn ông, lắng nghe ông - một người tôi không biết, nhưng rõ ràng là người có thành tựu và tầm quan trọng hiện hoàn toàn bị loạn trí - giống như việc có mặt tại một tai nạn xa lộ thể thảm hoặc một trận hỏa hoạn hoặc một vụ nổ kinh hoàng, một thảm họa cộng đồng mà nó thu hút sự chú ý bởi tính chất khó mà xảy ra của nó cũng như bởi sự kỳ dị. Cái kiểu ông xồng xộc đi quanh phòng khiến tôi nghĩ đến những con gà quen thuộc ấy, chúng cứ chạy mãi sau khi bị chặt đầu. Đầu ông đã bị chặt đứt, cái đầu bọc lấy bộ não học thức của một chủ tịch hội đồng giảng viên và giáo sư văn học Hy La cổ đại một thời là bất khả xâm phạm, và những gì tôi đang chứng kiến là con người cụt đầu của ông đang quay mòng mòng mất kiểm soát.

Tôi - chủ ngôi nhà mà trước đây ông chưa hề bước vào, người mà đến giọng nói ông còn hầu như chưa từng nghe trước đó - phải dẹp sang một bên bất cứ chuyện gì khác mà tôi đang làm và viết về chuyện những kẻ thù của ông tại Athena, trong khi tấn ông, hóa ra lại đốn gục bà ấy. Khi tạo ra hình ảnh sai lạc về ông, khi gọi ông bằng mọi thứ mà ông không và chẳng bao giờ là thế, họ đã không chỉ xuyên tạc một sự nghiệp chuyên môn đã được gầy dựng hết sức nghiêm túc và tận tụy - mà còn giết người vợ trên năm mươi năm chung sống với ông. Giết bà cứ như họ đã nhắm và bắn một viên đạn ngay tim bà. Tôi phải viết về “sự phi lý” này, “sự phi lý” nọ - tôi, kẻ lúc đó chẳng biết gì về những

khốn khổ của ông tại trường đại học và thậm chí không thể bắt kịp thứ tự thời gian của sự việc trong cái thảm kịch mà, trong năm tháng trời trước đó, đã bủa vây ông và Iris Silk quá cố: bị nhấn chìm đầy khổ ải trong những cuộc họp, những buổi tiền nghị án, và những cuộc chất vấn, những tài liệu và những thư từ được đệ trình cho các lãnh đạo trường đại học, cho các ủy ban, cho một tay luật sư da đen đại diện không công cho hai sinh viên... những lời buộc tội, những phủ nhận, và những phản bác, sự trì độn, ngu dốt, hoài nghi, những suy diễn sai lệch cố ý và trắng trợn, những lời giải thích khiên cưỡng và trùng lặp, những câu hỏi tố tụng - và luôn luôn, không dứt, một cảm giác phi thực tế bàng bạc. “Chúng đã giết bà ấy!” Coleman kêu lên, chồm qua bàn tôi và dấm mạnh xuống. “Bọn đó đã *giết* Iris!”

Khuôn mặt mà ông bày ra với tôi, khuôn mặt mà ông kề sát mặt tôi không quá ba tấc, giờ hóp lại và méo xệch và - trong khi vốn là khuôn mặt của một ông già đẹp trai chính tề đầy sức sống - đáng kinh tởm một cách kỳ lạ, giống như bị méo mó đi do tác động độc hại của mọi cảm xúc đang vằn vữa trong ông. Nhìn thật sát, nó thâm tím và bị hủy hoại giống như một thứ trái cây bị hắt văng khỏi quầy trong chợ rồi bị những người mua sắm đi ngang qua đá tới đá lui dưới đất.

Có điều gì đó hấp dẫn ở những gì mà một lương tâm nhức nhối có thể gây ra cho ai đó vốn rõ ràng không phải là người éo lá hay yếu ớt. Nó thậm chí tàn độc hơn cả những gì bệnh tật thể xác có thể gây ra, bởi vì không có giọt morphine một miếng đệm cột sống hay ca mổ triệt để nào có thể làm nó dịu bớt. Một khi anh bị nó bầu chặt, thì cứ như nó sẽ phải giết anh để anh có thể thoát khỏi nó. Tính hiện thực trần trụi của nó chẳng giống với bất cứ thứ gì.

Bị giết. Đối với Coleman chỉ duy điều đó là có thể giải thích thế nào mà, bỗng dưng, đoạn kết lại đến với một phụ nữ sáu mươi tư tuổi đầy nhiệt huyết có phong thái uy nghi và sức khỏe hoàn hảo, một họa sĩ trừu tượng với dòng tranh sơn dầu đã thống trị những buổi triển lãm nghệ thuật địa phương và là người đã cai trị một cách độc đoán hội

họa sĩ của thị trấn này, một nhà thơ có tác phẩm đăng trên tờ báo của hạt, và ngày còn trẻ thì là nhà hoạt động chính trị tích cực hàng đầu của trường đại học chống lại những hầm trú bom, chất thải phóng xạ độc hại, và cuối cùng là chiến tranh Việt Nam, ngoan cố, kiên định, không chút mưu mô, một phụ nữ như một cơn gió xoáy cao ngạo ta có thể nhận ra ngay dù cách xa cả trăm mét bởi mái tóc trắng xoăn cứng rỏi bởi của bà; một con người quá đỗi mạnh mẽ, hiển nhiên rồi, đến độ bất chấp sự ghê gớm của ông, chủ tịch hội đồng giảng viên có tiếng là có thể nghiền nát bất cứ ai, người từng làm điều không thể về mặt học thuật là mang đến sự cứu rỗi cho Đại học Athena, cũng không thể đánh bại được vợ của chính mình trong bất cứ chuyện gì ngoài môn quần vợt.

Tuy nhiên một khi Coleman bắt đầu bị công kích - một khi lời buộc tội phân biệt chủng tộc được đưa ra điều tra, không chỉ bởi chủ tịch hội đồng giảng viên mới mà còn bởi tổ chức sinh viên da đen nho nhỏ của trường và một nhóm nhà hoạt động da đen từ Pittsfield - sự điên rồ rõ ràng rành rành của vụ này đã che khuất hàng triệu khó khăn trong đời sống hôn nhân của vợ chồng Silk, và tinh thần cao ngạo của bà, vốn xung đột với sự tự chủ ngoan cố của ông suốt bốn thập niên và dẫn đến những bất đồng vô tận trong đời sống của họ, thì nay lại được Iris dùng vào việc giúp chồng mình tổng khứ vụ kiện. Tuy trong nhiều năm họ đã không còn ngủ chung giường hay có thể chịu đựng nổi cuộc nói chuyện với người kia - hoặc bạn bè người kia - vợ chồng Silk lại sát cánh bên nhau, vung nắm đấm vào mặt những người mà họ căm ghét còn thắm sâu hơn cả nỗi thù ghét họ dành cho nhau trong những phút giây nghẹt thở nhất giữa hai người. Tất cả những gì họ chia sẻ với nhau như hai người tình nhân đồng chí hồi bốn mươi năm trước ở Greenwich Village - khi ông đang ở Đại học New York hoàn tất bằng tiến sĩ và Iris mới bỏ trốn khỏi hai đảng sinh thành vô chính phủ điên rồ ở Passaic và làm người mẫu cho những lớp vẽ mẫu thực tại trường dạy vẽ Art Students League, đã kịp sở hữu khối tóc dày đồ sộ và vẻ

nổi bật và kêu gọi, đã kịp mang dáng dấp một nữ giám mục trông rất kịch với những đồ nữ trang dân dã, nữ giám mục của Chúa trời từ trước thời có giáo đường Do Thái - tất cả những gì họ đã có chung trong những ngày ở Village đó (trừ nỗi đam mê dục tình) một lần nữa bất thần bộc ra ngoài... cho đến buổi sáng đó, khi bà thức dậy với cơn đau đầu dữ dội, và một cánh tay không còn cảm giác. Coleman vội vã đưa bà đến bệnh viện, nhưng ngày hôm sau bà đã chết.

“Bọn chúng định giết tôi nhưng thay vì thế chúng đã giết bà ấy.” Coleman đã nói thế với tôi hơn một lần trong cuộc viếng thăm không báo trước đó và rồi với từng người một tại đám tang của bà vào buổi chiều tiếp theo. Và ông vẫn tin như thế. Ông không chấp nhận bất cứ lời giải thích nào khác. Kể từ khi bà chết - và từ khi ông nhận ra rằng nỗi khốn khổ của ông không phải là đề tài mà tôi muốn nói tới trong tiểu thuyết của mình rồi nhận lại từ tôi tất cả chỗ tài liệu trút đọng trên bàn tôi hôm đó - ông đã bắt tay vào viết một cuốn sách nói lý do tại sao ông về hưu ở Athena, một cuốn sách phi hư cấu mà ông gọi là *Lũ ma*.

Có một trạm FM nhỏ ở miệt Springfield mà vào những tối thứ Bảy, từ sáu giờ đến nửa đêm, sẽ ngừng chương trình nhạc cổ điển thường kỳ mà chơi nhạc big-band suốt mấy giờ đầu buổi tối và sau đó là nhạc jazz. Ở phía sườn núi bên tôi bạn chẳng nghe được gì ngoài tiếng xèo xèo khi dò đến tần số đó, nhưng bên sườn núi chỗ Coleman sống radio bắt sóng tốt hơn. Vào những dịp khi ông mời tôi đến uống rượu tối thứ Bảy, tất cả những giai điệu khiêu vũ ngọt ngào mà thế hệ chúng tôi nghe liên tục qua đài phát thanh và chơi trên máy hát tự động hồi thập niên bốn mươi có thể nghe thấy vang lên từ nhà Coleman ngay khi tôi bước ra khỏi xe mình trên lối xe vào nhà. Coleman mở nhạc to hết cỡ không chỉ trên máy thu âm thanh nổi trong phòng khách mà còn trên máy thu thanh cạnh giường, máy thu thanh cạnh phòng tắm, và máy thu thanh cạnh lò nướng bánh mì trong bếp. Bất kể ông đang làm gì ở

nhà vào tối thứ Bảy, cho đến tận khi đài phát thanh ngừng phát sóng lúc nửa đêm - tuần nào chương trình cũng khép lại bằng nửa giờ nhạc Benny Goodman - ông cũng không xa khỏi tiếng nhạc lấy một phút.

Kỳ lạ là, ông nói, cái đồng nhạc nghiêm túc mà ông nghe suốt quãng đời trưởng thành không hề khiến ông cảm thấy xúc động theo cách mà nhạc swing xưa tạo được cho ông lúc này: “Mọi thứ sắt đá trong tôi được tháo gỡ, và mong ước đừng phải chết, không bao giờ chết, hầu như lớn đến độ không thể chịu đựng được. Và tất cả những cảm giác đó,” ông giải thích, “đến từ việc nghe nhạc Vaughn Monroe.” Nhiều đêm, từng câu của mỗi bài hát khoác lên một ý nghĩa quan trọng một cách kỳ quặc đến độ ông sẽ đứng lên khiêu vũ một mình theo điệu fox trot lê bước, rề rà, lập đi lập lại, tẻ ngắt nhưng vẫn đầy tâm trạng và hữu dụng một cách diệu kỳ, điệu nhảy ông thường nhảy với những nữ sinh Trung học East Orange, những người mà ông ấn vào họ, qua lớp vải quần, cái dương vật cương cứng những lần đầu tiên đầy ý nghĩa của ông, và trong khi khiêu vũ, không có bất cứ điều gì ông cảm thấy, ông nói với tôi, là giả tạo, cả nỗi khiếp sợ (về sự hủy diệt) lẫn cảm giác đê mê (với câu “Em thờ dài, bài hát bắt đầu. Em cất lời và tôi nghe ra tiếng vĩ cầm”). Những giọt nước mắt tự nhiên trào ra, bất kể ông có thể kinh ngạc cỡ nào trước sự kháng cự yếu ớt của mình khi Helen O’Connell và Bob Eberly thay phiên nhau hát lời bài “Green Eyes,” cho dù ông có thể sững sờ tới đâu trước cái cách Jimmy và Tommy Dorsey có thể biến ông trở thành cái kiểu ông già dễ bị công kích mà ông không bao giờ muốn trở thành. “Nhưng cứ để cho bất kỳ ai sinh năm 1926,” ông nói, “thử ở nhà một mình vào một đêm thứ Bảy năm 1998 và lắng nghe Dick Haymes hát ‘Those Little White Lies.’ Hãy để họ làm thế, và sau đó nếu rốt cuộc họ vẫn không hiểu được học thuyết lừng danh về sự thanh tẩy do bị kịch tạo ra thì tôi đi bằng đầu.”

Coleman đang rửa bát đĩa bữa tối khi tôi bước qua cánh cửa lưới bên hông nhà dẫn vào bếp. Bởi vì ông đứng bên bồn rửa và nước đang

chảy, bởi vì máy thu thanh đang vặn lớn và ông đang hát theo Frank Sinatra hồi trẻ bài “Everything Happens to Me”, nên ông không nghe thấy tôi bước vào. Đó là một tối nóng nực: Coleman mặc quần soóc vải jean và mang giày thể thao, chỉ có vậy. Nhìn từ phía sau, người đàn ông bảy mươi một này trông không quá bốn mươi - mảnh khảnh và gọn gàng và bốn mươi tuổi. Coleman cao tầm một mét bảy lăm, ông không có cơ bắp cuồn cuộn, nhưng vẫn chứa rất nhiều sức mạnh, và độ năng nổ của một vận động viên trung học vẫn còn thấy rõ, vẻ nhanh nhẹn, nhu cầu muốn hành động mà chúng ta thường gọi là sự hăng máu. Mái tóc cắt ngắn xoắn tít đã chuyển sang màu yến mạch, và trông thật tương phản, bất chấp cái mũi hếch trẻ con, khiến ông không có được vẻ trẻ trung như lẽ ra đã có nếu tóc vẫn còn đen. Ngoài ra cũng có những nếp nhăn khắc sâu ở hai bên miệng ông, và trong đôi mắt xanh nâu, từ khi Iris chết và ông rút lui khỏi trường đại học, mang nhiều, rất nhiều vẻ mệt mỏi và suy kiệt tinh thần. Coleman có cái kiểu đẹp không mấy hài hòa, trông gần như con rối, kiểu mà ta thường thấy ở khuôn mặt đang già đi của những diễn viên từng nổi tiếng trên màn ảnh từ hồi còn là những đứa trẻ rạng ngời và dấu ấn của ngôi sao trẻ con ấy mãi hằn sâu trên họ không thể xóa đi.

Dù sao, ông vẫn là một người đàn ông hấp dẫn, gọn gàng ngay cả ở độ tuổi của ông, một mẫu người Do Thái mũi nhỏ với sức nặng khuôn mặt tụ ở hàm, một trong những người Do Thái tóc xoắn có nước da vàng nhạt toát ra cái phong thái mơ hồ khó xác định chủng tộc mà ta thường thấy ở những người da đen sáng mà đôi khi bị nhầm là da trắng. Khi Coleman Silk là lính thủy ở căn cứ hải quân Norfolk tốt dưới Virginia lúc sắp kết thúc Thế chiến thứ hai, bởi vì tên ông không để lộ ông là người Do Thái - bởi vì nó rất có thể là một cái tên da đen - trong một nhà thổ, ông đã từng bị xem là một tên da đen cố tìm cách lọt vào và đã bị tống ra ngoài. “Bị ném khỏi một nhà thổ Norfolk vì da đen, bị ném khỏi Đại học Athena vì da trắng.” Tôi cứ phải nghe đi nghe lại những lời như thế ở ông trong suốt hai năm lại đây, những lời

lâm nhảm về tinh thần bài Do Thái của dân da đen và về những đồng sự phản bội, hèn nhát ở trường, những quan điểm rõ ràng đang được bơm nguyên xi, không chút chỉnh sửa, vào cuốn sách của ông.

“Bị ném ra khỏi Athena,” ông nói với tôi, “vì là cái kiểu người Do Thái mà những tên khốn ngu dốt đó gọi là kẻ thù. Là kẻ đã gây ra cho họ thảm cảnh Mỹ. Là kẻ đã lừa họ ra khỏi thiên đường. Là kẻ đã kềm hãm họ lại bao năm nay. Nguồn cội chủ yếu của nỗi thống khổ mà dân da đen phải chịu trên hành tinh này là gì? Họ biết câu trả lời mà không cần đến lớp. Họ biết mà không cần phải mở cuốn sách nào ra cả. Không cần đọc họ cũng biết - không cần *ngĩ* họ cũng biết. Ai chịu trách nhiệm đây? Vẫn là những quái vật Cựu ước độc ác phải chịu trách nhiệm cho nỗi đau khổ của người Đức.

“Họ đã giết bà ấy, Nathan. Và ai mà nghĩ rằng Iris không thể chịu được? Nhưng dù mạnh mẽ là thế, *lớn tiếng* là thế, Iris lại *không thể* chịu đựng được. Kiểu ngu ngốc của họ là quá sức chịu đựng ngay cả đối với một cỗ máy nghiền như vợ tôi. ‘Lũ ma.’ Và ở đây ai sẽ biện hộ cho tôi? Herb Keble à? Là chủ tịch hội đồng giảng viên tôi đã đưa Herb Keble vào trường. Làm chuyện đó chỉ vài tháng sau khi nhậm chức. Đưa ông ta vào không chỉ như người da đen đầu tiên trong các ngành khoa học xã hội mà còn là người da đen đầu tiên trong bất cứ ngành gì ngoài công việc lao công. Nhưng cả Herb cũng đã được giác ngộ tinh thần kỳ thị những người Do Thái như tôi. ‘Tôi không thể đứng về phía ông trong vụ này, Coleman. Tôi sẽ phải đứng về phía họ.’ Đó là điều ông ta bảo khi tôi nói cần ông ta ủng hộ. Nói ngay vào mặt tôi. *Tôi sẽ phải đứng về phía họ. Họ!*

“Anh phải thấy Herb tại đám tang của Iris kìa. Suy sụp. Thảm thương. Có người đã chết ư? Herbert không có ý định làm ai đó *chết*. Những hành động bản thiêu này chỉ là để tranh giành quyền lực. Để có tiếng nói lớn hơn trong việc điều hành trường. Họ chỉ đang cố khai thác một tình huống hữu dụng thôi. Đó là cách để thúc đẩy Haines và ban điều hành trường làm những chuyện mà nếu ở hoàn cảnh khác họ

sẽ không làm. Nhiều người da đen trong trường hơn. Nhiều sinh viên da đen hơn, nhiều giáo sư da đen hơn. Để bổ sung lực lượng - đó là vấn đề. Vấn đề duy nhất. Chúa biết cho là họ chẳng muốn ai phải chết cả. Hay nghỉ việc cũng không. Điều đó cũng khiến Herbert bất ngờ. Tại sao Coleman phải nghỉ việc? Không ai có ý định sa thải ông ta. Không ai dám sa thải ông ta. Họ làm những gì họ đang làm chỉ bởi vì họ có thể làm điều đó. Ý định của họ là giữ chân tôi trong vạc dầu lâu hơn chút nữa - tại sao tôi không thể kiên nhẫn và chờ đợi? Đến học kỳ kế tiếp thì còn ai nhớ gì về nó nữa đâu? Sự cố này - *sự cố này!* - đã cung cấp cho họ một 'vấn đề về tổ chức' thuộc kiểu cần có tại một nơi mông muội về vấn đề chủng tộc như Athena. Tại sao tôi lại nghỉ việc? Vào thời điểm tôi nghỉ việc vụ đó về cơ bản đã kết thúc. Tôi *nghỉ việc* vì cái quý gì cơ chứ?"

Vừa mới lần trước tôi đến chơi, Coleman bắt đầu vung vẩy vào mặt tôi một thứ ngay lúc tôi mới bước qua cửa, lại là một tài liệu nữa trong đồng hàng trăm tài liệu chất trong những chiếc hộp dán nhãn "Lũ ma." "Đây. Một trong những đồng sự tài giỏi của tôi. Viết về một trong hai đứa đẩu tổ tôi - một sinh viên chưa từng đến lớp tôi dạy, bị đánh trượt tất cả trừ một môn duy nhất, và cũng hầu như chẳng bao giờ tới học những lớp kia. Tôi cứ nghĩ cô ta thi rớt vì cô ta đọc tài liệu còn không nổi, nói gì đến chuyện bắt đầu nắm được nó, nhưng hóa ra cô ta thi rớt bởi vì cô ta quá kinh hãi trước tinh thần phân biệt chủng tộc tỏa ra từ những giáo sư da trắng đến độ không đủ can đảm đến lớp học. Cũng chính là tinh thần kỳ thị mà tôi đã bộc lộ ra. Tại một trong những buổi họp, những phiên tiền nghị án, đại khái thế, họ đã hỏi tôi, 'Những yếu tố gì, theo xét đoán của ông, dẫn tới việc sinh viên này không học nổi?' 'Những yếu tố gì à?' tôi đáp. 'Sự thờ ơ. Cao ngạo. Lãnh đạm. Nổi khố cá nhân. Ai mà biết được?' 'Nhưng,' họ hỏi tôi, 'xét đến những yếu tố này, ông đã đưa ra khuyến cáo tích cực nào cho sinh viên ấy?' 'Tôi chẳng có khuyến cáo gì cả. Tôi còn chưa từng trông thấy nó.

Nếu có cơ hội, tôi sẽ khuyên nó rời trường.’ ‘Tại sao?’ họ hỏi tôi. ‘Bởi vì nó không thuộc về trường học.’

“Hãy để tôi đọc tài liệu này. Nghe nè. Được ghi lại từ lời một người ủng hộ Tracy Cummings, rằng cô ta là một người mà chúng ta không được quá khắt khe hoặc quá vội vàng phán xét, cũng chắc chắn không phải là người mà chúng ta nên quay lưng đi và cự tuyệt. Chúng ta phải nâng đỡ Tracy, chúng ta phải hiểu Tracy - chúng ta phải biết, vị học giả này nói với chúng ta, ‘Tracy xuất thân từ đâu.’ Để tôi đọc cho anh nghe những câu cuối cùng. ‘Tracy xuất thân từ một hoàn cảnh khá khó khăn, từ lớp mười em ấy đã tách khỏi cha mẹ và sống với họ hàng. Do đó, em ấy không giỏi lắm trong việc đối phó với những hiện thực cuộc đời. Tôi thừa nhận khuyết điểm này. Nhưng em ấy sẵn sàng, sẵn lòng, và hoàn toàn có thể, thay đổi cách nhìn nhận cuộc sống. Những gì tôi thấy đang hình thành trong em ấy suốt mấy tuần lễ qua là nhận thức về mức độ nghiêm trọng trong cách em ấy tránh né thực tại.’ Những câu này là của Delphine Roux, chủ nhiệm khoa Ngôn ngữ và Văn chương, người phụ nữ này dạy, ngoài những lớp khác, một lớp văn học cổ điển Pháp. *Nhận thức về mức độ nghiêm trọng trong cách em ấy tránh né thực tại.* A, đủ rồi. Đủ rồi. Thật kinh tởm. Quá đỗi kinh tởm.”

Đó là những gì tôi chứng kiến, rất thường xuyên, khi đến bầu bạn với Coleman vào một tối thứ Bảy: nỗi xấu hổ ê chề vẫn đang tiếp tục hủy hoại một người vẫn đầy sức sống. Cái con người giỏi giang bị hạ bệ và vẫn đau đáu nỗi nhục thất bại. Cái kiêu mà ta có thể thấy nếu ghé thăm Nixon tại San Clemente hoặc Jimmy Carter, tận dưới Georgia, trước khi ông ta, bắt đầu tỏ ra ăn năn trước thất bại của mình, trở thành thợ mộc. Một cảnh rất buồn tẻ. Nhưng bất chấp mỗi đồng cảm đối với nỗi khốn khổ của Coleman, đối với tất cả những gì ông đã bị mất đi một cách bất công và đối với việc người đàn ông ấy gần như không thể tự bứt mình ra khỏi nỗi cay đắng, có những buổi tối, sau khi mới nhâm nhi chỉ vài hớp rượu mạnh, tôi vẫn cần đến một biển ma thuật để không ngủ gật.

Nhưng vào cái đêm tôi đang mô tả đây, khi chúng tôi ra hàng hiên mát mẻ có vách lưới bên hông nhà mà ông dùng như phòng làm việc vào mùa hè, ông yêu mến thế giới này không tả xiết. Ông đã lôi ra hai chai bia từ tủ lạnh khi chúng tôi rời nhà bếp và giờ chúng tôi ngồi đối diện nhau tại chiếc bàn gỗ dài nguyên tấm vốn là bàn làm việc của ông ngoài này, một đầu bàn chất đầy vở ghi chép, khoảng hai hay ba mươi cuốn, chia làm ba chồng.

“Nó đó,” Coleman nói, nay là con người mới hoàn toàn, bình thản, không vương bận. “Nó đó. Đó là *Lũ ma*. Đã hoàn tất bản thảo đầu tiên hôm qua, dành cả ngày hôm nay đọc hết lại, và mỗi trang trong đó đều làm tôi phát ốm. Vẻ bạo liệt trong nét viết tay kia là đủ để cho tôi coi thường tác giả. Lẽ ra tôi nên dành chỉ mười lăm phút cho chuyện này, đàng này lại tới hai năm... Iris chết vì *bọn họ* ư? Ai sẽ tin đây? Giờ tôi hầu như không còn tin được nữa là. Để biến cái đồng tràng giang đại hải này thành một cuốn sách, để làm dịu nỗi thống khổ này và biến nó thành sản phẩm của một bộ óc tỉnh táo, sẽ mất ít nhất hai năm. Và rồi tôi sẽ có cái gì, ngoài hai năm nữa nghĩ về ‘họ’? Không phải là bấy lâu nay tôi đã dành thời gian công sức ra để nghĩ về khả năng tha thứ. Đừng hiểu lầm tôi: tôi ghét bọn khốn đó. Tôi ghét bọn khốn chó đẻ đó như kiểu Gulliver ghét toàn thể loài người sau khi anh ta đến sống với đám ngựa. Tôi căm ghét họ với nỗi ác cảm như một thực thể có thực. Dù tôi luôn thấy những con ngựa đó rất buồn cười. Anh không thấy sao? Tôi thường liên hệ đến chúng khi nghĩ về cái guồng máy AngloSaxon Tin Lành da trắng cai trị chỗ này khi lần đầu tôi tới đây.”

“Ông đã lấy lại được tinh thần, Coleman - hầu như không còn bóng dáng của cơn điên trước đây. Ba tuần, một tháng trước đây gì đó, khi tôi gặp ông lần cuối, ông vẫn còn ngập chìm trong bể máu.”

“Bởi vì cái thứ *này* nè. Nhưng tôi đã đọc nó và nó như cục cứt và tôi quyết định dứt ra khỏi nó. Tôi không thể làm được như các tay chuyên nghiệp. Viết về chính mình, tôi không thể tự tách mình ra để sáng tạo. Hết trang này đến trang kia, nó vẫn là một thứ nguyên liệu

sống. Nó là một thứ nhại giễu loại hồi ký tự biện minh. Một lời giải thích vô vọng.” Mím cười, ông nói, “Kissinger có thể vãi ra một ngàn bốn trăm trang thứ này hai năm một lần, nhưng nó đã đánh bại tôi. Dù có vẻ như tôi cũng chìm ngấm một cách mù quáng trong cái bong bóng ái kỷ, tôi thực sự không bì được với ông ta. Tôi bỏ cuộc rồi.”

Giờ đây, hầu hết các tác gia đều bị chứng lại sau khi đọc lại công trình của hai năm trời - thậm chí là của một năm, hay chỉ nửa năm - và nhận thấy nó lầm lạc một cách vô vọng và phải hạ cái máy chém phê bình xuống cổ nó, đều rơi vào trạng thái tuyệt vọng những muốn tự tử mà phải mất nhiều tháng mới phục hồi lại được. Nhưng Coleman, bằng việc từ bỏ một bản thảo tồi tệ như bản thảo ông vừa hoàn tất, đã xoay sở cách nào đó để vượt thoát không chỉ khỏi cuốn sách thảm họa đó mà còn cả cuộc đời thảm họa của ông. Không còn cuốn sách nữa, giờ đây ông dường như không còn may mắn chút khao khát đỉnh chính với mọi người; gạt bỏ hết thềm muốn rửa sạch thanh danh và khoác cho đối thủ cái danh giết người, ông không còn ướp mình trong cảm giác bất công nữa. Ngoài việc xem Nelson Mandela, trên ti vi, tha thứ cho những kẻ cầm tù ông cả khi ông rời khỏi nhà tù với bữa ăn tù khốn khổ cuối cùng vẫn đang được hấp thu vào cơ thể, trước đây tôi chưa từng thấy một sự thay đổi quan điểm nào chuyển hóa được một con người bị đọa đày nhanh chóng đến vậy. Tôi không hiểu được điều đó, và mới đầu tôi cũng không thể tự mình tin nổi.

“Rũ áo ra đi như vậy, có thể vui vẻ nói, ‘Nó đã đánh bại tôi,’ rũ áo ra đi khỏi toàn bộ vụ việc này, toàn bộ nỗi thù ghét này - làm sao ông lấp đầy được cái khoảng trống oán hận ấy?”

“Tôi không lấp.” Ông lấy ra bộ bài với tập giấy để ghi điểm và chúng tôi kéo ghế đến chỗ mặt bàn không ngập ngựa giấy tờ. Ông xào bài và tôi kinh và ông chia. Và sau đó, trong trạng thái mãn nguyện yên bình, kỳ cục do được giải phóng, có vẻ là vậy, khỏi việc coi thường mọi người tại Athena, những kẻ, một cách cố tình và có ý đồ xấu xa, đã xét đoán sai lầm, bạc đãi, và bôi nhọ ông - đã đẩy ông,

trong hai năm, vào một nỗ lực đầy hãn học mang tầm vóc của Swift - ông bắt đầu hào hứng nói về những ngày tuyệt vời đã qua khi ly rượu của ông đầy tràn* và tài năng tận tâm vượt bậc của ông được dùng vào việc thu hoạch và ban phát niềm vui.

Vì bây giờ ông không còn chìm mình trong nỗi căm ghét nên chúng tôi nói chuyện về phụ nữ. Đây là một Coleman mới mẻ. Hoặc có lẽ là một Coleman cũ, Coleman trưởng thành già tuổi nhất, Coleman thỏa mãn nhất trần đời. Không phải Coleman trước vụ “lũ ma” và chưa bị bài bác là một kẻ phân biệt chủng tộc, mà là Coleman nhiệm phải độc dục vọng thuần túy.

“Tôi xuất ngũ khỏi hải quân, tìm được một chỗ ở Village,” ông bắt đầu nói với tôi trong khi gom bài lại, “và tất cả những gì tôi phải làm là đi xuống đường xe điện ngầm. Kiểu như là đi câu cá vậy. Chỉ việc đi xuống đường xe điện ngầm rồi lát sau khi đi lên đã kiếm được một cô gái. Và rồi,” ông dừng lại để nhặt quân bài tôi đã đánh ra, “tất tật một lúc, tôi lấy được tấm bằng, cưới vợ, có việc làm, có con cái, và thế là kết thúc việc câu cá.”

“Không bao giờ câu lại à.”

“Hầu như không bao giờ. Thật vậy. Tuồng như không bao giờ. Suýt soát không bao giờ. Có nghe thấy mấy bài này không?” Bốn máy thu thanh đang bật trong nhà và vì thế ngay cả ở ngoài đường cũng không thể không nghe thấy chúng. “Sau chiến tranh, chúng nổi như cồn,” ông nói. “Bốn, năm năm với những bài hát ấy, những cô gái ấy và mọi lý tưởng của tôi đều được thỏa mãn. Hôm nay tôi tìm thấy một lá thư. Đang dọn sạch mớ *Lũ ma* thì tìm thấy lá thư của một cô gái. *Cô gái đó*. Sau khi tôi được bổ nhiệm lần đầu tiên, ở Long Island, tíet mạn Adelphi, và Iris có mang Jeff, thì lá thư này đến. Một cô gái cao gần mét tám. Iris cũng là kiểu to lớn. Nhưng không bằng Steena. Iris mạnh mẽ. Steena thì khác. Steena gửi tôi lá thư này vào năm 1954, và hôm nay nó thòi ra trong khi tôi đang tổng khứ mớ hồ sơ.”

Từ túi sau chiếc quần cụt, Coleman lôi ra phong bì đựng lá thư của Steena. Ông vẫn chưa mặc áo thun, mà giờ khi chúng tôi đã ra khỏi nhà bếp và ngồi trên hàng hiên, tôi không thể ngừng chú ý tới điều này - đó là một tối tháng Bảy trời nóng, nhưng không nóng đến mức đó. Trước đó ông chưa bao giờ gây ấn tượng cho tôi như là một người mà niềm tự phụ không hề nhỏ của ông còn mở rộng ra cả thân thể mình. Nhưng bây giờ tôi cảm thấy việc phơi bày cái bề mặt rám nắng này chứa đựng nhiều hơn là chỉ mỗi cái tinh thần đang-ở-nhà. Đang bày ra trước mặt tôi là đôi vai, cánh tay và bộ ngực của một người đàn ông nhỏ con vẫn còn gọn gàng và hấp dẫn, một cái bụng không còn phẳng, chắc chắn rồi, nhưng không phải là nằm ngoài tầm kiểm soát - nói chung là vóc dáng của một người có vẻ từng là một đấu thủ thi đấu kiểu khéo léo và khôn ngoan hơn là một đấu thủ tràn trề tiềm lực. Và tất cả những điều này trước đây được che giấu khỏi mắt tôi bởi vì ông luôn mặc áo và cũng bởi vì lâu nay ông đang chết lên chết xuống trong cơn cuồng nộ.

Trong những thứ từng được che giấu trước đây còn có cả hình xăm màu xanh nhỏ, giống kiểu của Popeye, ở bả vai phải, ngay chỗ khớp vai - dòng chữ “Hải quân Mỹ” được xăm giữa hai móc chìa ra của cái mỏ neo nhỏ ám muội và chạy xéo qua vai. Một biểu tượng nhỏ xíu, nếu như nó là cần thiết, nhạt ra từ cả triệu tình huống trong cuộc đời một người khác, nhạt ra từ hằng hà sa số chi tiết hợp thành cái mớ hỗn độn mà ta gọi là tiểu sử của một con người - một biểu tượng nhỏ xíu để nhắc tôi tại sao cách ta hiểu con người, nói khách quan ra, thì luôn có chút sai lạc.

“Đã giữ nó? Lá thư này? Vẫn giữ nó sau từng ấy lâu?” tôi nói. “Hẳn là một lá thư rất ra gì.”

“Quá ra gì luôn. Một thứ đã xảy ra với tôi mà tôi không nhận ra, cho đến khi có lá thư đó. Tôi đã cưới vợ, có việc làm ổn định, chúng tôi sắp có một đứa con, nhưng tôi không hiểu rằng những chuyện như Steena đã kết thúc. Nhận được lá thư này, tôi hiểu ra rằng những thứ

ngghiêm túc đã thực sự bắt đầu, cái cuộc đời ngghiêm túc hướng đến những thứ ngghiêm túc. Ba tôi làm chủ một quán rượu nằm trên phố Grove ở East Orange. Anh là một cậu trai quê ở Weequahic, anh không biết East Orange đâu. Nó là khu nghèo khổ của thị trấn. Ba tôi là một trong số những chủ quán người Do Thái, họ ở khắp Jersey và, dĩ nhiên, tất cả họ đều có quan hệ với người nhà Reinfeld và bọn tội phạm - họ phải như vậy, để sống còn với bọn tội phạm. Ba tôi không phải là kiểu sừng sộ nhưng cũng là người có sừng có vảy và ông muốn một tương lai tốt hơn cho tôi. Ông đã mất đột ngột vào năm cuối trung học của tôi. Tôi là đứa con duy nhất. Đứa con được cưng chiều. Thậm chí ông không để cho tôi làm việc ở chỗ ông khi tôi bắt đầu đâm ra mê những hạng người ở đó. Mọi thứ trong cuộc sống, kể cả quán rượu đó - bắt đầu từ quán rượu đó - luôn thúc đẩy tôi trở thành một học sinh ngghiêm túc và, vào những ngày đó, học tiếng La tinh ở trường trung học, học lớp tiếng La tinh nâng cao, học tiếng Hy Lạp, thời đó vẫn còn là một phần trong cái giáo trình cú đỉn, tôi, cậu con trai chủ quán rượu không thể cố gắng ngghiêm túc hơn được nữa.”

Ván bài, lúc này chỉ còn giữ vị trí thứ yếu, kết thúc nhanh chóng, Coleman hạ bài xuống để cho tôi thấy là ông đã thắng. Khi tôi bắt đầu chia bài, ông lại tiếp tục câu chuyện. Trước đây tôi chưa từng được nghe. Trước đây tôi chưa từng nghe bất cứ chuyện gì ngoài việc lòng thù ghét ngôi trường đã biến ông thành người thế nào.

“Chặc,” ông nói, “một khi tôi thỏa mãn được giấc mơ của ba, trở thành một giáo sư đại học cực kỳ được trọng vọng, tôi nghĩ, như ba tôi nghĩ, rằng cuộc sống ngghiêm túc giờ đây sẽ không bao giờ chấm dứt. Rằng nó có thể không bao giờ kết thúc một khi anh có bằng cấp. Nhưng nó đã kết thúc, Nathan ạ. ‘Hay chúng là ma?’ và rồi tôi bị đá đít đi. Khi Roberts còn ở đây cậu ta thích nói với mọi người rằng thành công của tôi trong vai trò chủ tịch hội đồng giảng viên xuất phát từ những ứng xử tôi học được ở quán rượu. Hiệu trưởng Roberts, với dòng dõi thượng lưu của mình, thích có cái tay giang hồ này an tọa đối

diện cậu ta bên kia đại sảnh. Nhất là trước mặt mấy tay vệ binh già, Roberts vờ thích tôi vì xuất thân của tôi, dù, như chúng ta đều biết, người không phải dân Do Thái chả ưa gì chuyện người Do Thái làm giàu, vươn lên từ những khu ổ chuột. Phải, có một độ nhạy giễu nhốt định ở Pierce Roberts, và kể cả hồi đó, phải, giờ đây khi tôi nghĩ về mọi chuyện, ngay từ *lúc đó...*” Nhưng tới đây ông tự kềm mình lại. Không nói tiếp chuyện đó. Cơn quần trí làm một vị vua bị hạ bệ đến đây là đủ rồi. Và vậy là nổi thống khổ vốn sẽ không bao giờ chết được tuyên bố là đã chết.

Trở lại chuyện Steena. May mà còn có chuyện Steena để nói.

“Tôi gặp cô ấy năm 1948,” ông kể. “Tôi hăm hai, học Đại học New York bằng tiền nhà nước, cái kiếp lính hải quân đã ở lại sau lưng, cô ấy thì mười tám và mới ở New York vài tháng. Có việc làm và cũng đang học đại học, nhưng là vào ban đêm. Một cô gái độc lập quê ở Minnesota. Một cô gái tự tin, hoặc có vẻ như thế. Nửa Đan Mạch, nửa Iceland. Nhanh nhẹn. Thông minh. Xinh xắn. Cao ráo. Cao lạ thường. Dáng nạm đẹp như tượng. Không bao giờ tôi quên được. Tôi yêu nàng trong hai năm. Đặt biệt danh cho nàng là Voluptas. Con gái của Psyche. Nữ thần đại diện cho khoái cảm của người La Mã.”

Giờ ông đặt bài xuống, cầm lấy cái phong bì ở cạnh đồng bài đã đánh ra và rút lá thư ra. Một lá thư đánh máy dài hai trang. “Chúng tôi tình cờ gặp nhau. Tôi rời Adelphi ghé qua thành phố một ngày, và Steena ở đó, lúc ấy chừng hăm bốn, hăm lăm. Chúng tôi dừng lại nói chuyện, tôi nói với cô ấy vợ tôi có mang và cô ấy kể với tôi cô ấy đang làm gì, rồi chúng tôi hôn tạm biệt, chỉ có vậy. Khoảng một tuần sau lá thư này gửi đến cho tôi theo địa chỉ của trường. Nó có ghi ngày. Là cô ấy ghi. Đây - ‘18.8.1954.’ ‘Coleman thân mến,’ cô ấy viết, ‘em rất vui gặp được anh ở New York. Dù cuộc gặp chỉ diễn ra trong chốc lát, sau khi gặp anh em cảm thấy một nỗi buồn man mác, có lẽ bởi vì quãng thời gian sáu năm kể từ khi chúng ta gặp nhau lần đầu đến giờ khiến em thấy rõ một cách đau đớn bao nhiêu tháng ngày trong đời em đã

qua đi. Anh trông rất tuyệt và em vui khi thấy anh hạnh phúc. Anh cũng rất lịch sự. Anh đã không sà xuống. Đó là điều anh đã làm (hoặc có vẻ là vậy) khi lần đầu em gặp anh, anh ở trọ dưới tầng hầm ở phố Sullivan. Anh còn nhớ không? Anh cực kỳ giỏi việc sà xuống, giống kiểu như lũ chim khi chúng bay là là trên mặt đất hay biển và bắt gặp một vật đang di chuyển, một vật tràn trề sức sống, liền lao xuống - hoặc nhắm vào - và chụp lấy nó. Khi chúng ta gặp nhau, em đã kinh ngạc trước khả năng bay của anh. Em còn nhớ lần đầu tiên em đến phòng anh, em ngồi trên một chiếc ghế, còn anh đi loanh quanh trong phòng từ chỗ này đến chỗ kia, thỉnh thoảng dừng lại ngồi xuống một cái ghế đôn hay trường kỷ. Cái trường kỷ ọp ẹp của Salvation Army* anh dùng để ngủ trước khi chúng ta góp tiền mua tấm nệm. Anh mời em một ly, khi trao cho em anh nhìn em chăm chú với vẻ tò mò và kinh ngạc không thể tin được, cứ như việc em có hai tay và cầm được cái ly, hay việc em có một cái miệng có thể uống từ cái ly đó, hay thậm chí việc em đã hiện ra bằng xương bằng thịt trong phòng anh một ngày sau khi chúng ta gặp nhau trên tàu điện ngầm đều chẳng khác nào là phép màu. Anh nói chuyện, nêu những câu hỏi, đôi khi là trả lời những câu hỏi, theo một cách hết sức nghiêm túc nhưng thật tế tảo, em cũng cố hết sức để duy trì cuộc nói chuyện nhưng đó không phải là điều dễ dàng với em. Vì vậy em ở đó, nhìn anh, chăm chú và thấu hiểu nhiều hơn mức em nghĩ mình có thể hiểu được. Nhưng em không thể tìm ra từ ngữ để lấp đầy cái khoảng trống tạo ra bởi cái thực tế anh có vẻ đã bị em hớp hồn và em đã bị anh hớp hồn. Em cứ nghĩ, “Mình chưa sẵn sàng. Mình vừa mới đến thành phố này. Không phải lúc này. Nhưng với chút thời gian nữa, với vài câu trao qua đổi lại nữa, nếu mình có thể nghĩ ra điều mình muốn nói, mình sẽ sẵn sàng.” (“Sẵn sàng” cho cái gì, em không biết. Không chỉ là làm tình. Chỉ là sẵn sàng.) Nhưng rồi anh đã “sà xuống,” Coleman, cách cả nửa căn phòng, tới chỗ em đang ngồi, và em sửng sốt lặng người nhưng thích thú. Thế là quá sớm, nhưng không quá sớm.’ ”

Ông ngừng đọc khi nghe thấy máy thu thanh phát ra những nhịp đầu tiên bài “Bewitched, Bothered, and Bewildered” do Sinatra hát. “Tôi phải nhảy mới được,” Coleman nói. “Muốn nhảy không?”

Tôi cười to. Không, đây không phải là người báo thù tàn nhẫn, hung hăng, đầy cay đắng của *Lũ ma*, bị cuộc sống ghẻ lạnh và làm cho phát điên - đây thậm chí cũng không phải là một con người khác. Đây là một *linh hồn* khác. Đó là một linh hồn con trẻ. Lúc đó tôi đã phác ra được một bức tranh rõ nét, cả từ lá thư của Steena lẫn từ bản thân Coleman, không mặc áo sơ mi, trong khi ông đọc nó, về con người trước đây của Coleman Silk. Trước khi trở thành một chủ tịch hội đồng giảng viên đem lại cuộc cách mạng, trước khi trở thành một giáo sư cổ điển học nghiêm túc - và rất lâu trước khi trở thành kẻ bị ruồng bỏ ở Athena - ông đã không chỉ là một cậu nhóc siêng năng mà còn là một cậu nhóc đầy hấp dẫn, quyến rũ. Sôi nổi. Tinh nghịch. Thậm chí có cả chút quý quái, một thần Pan chân dê, mũi hếch. Một thời rất xưa, trước khi những thứ nghiêm túc thống trị hoàn toàn.

“Nghe nốt lá thư cái đã,” tôi đáp lại lời mời nhảy. “Đọc cho tôi nghe phần còn lại trong lá thư của Steena đi.”

“Cô ấy mới rời Minnesota được ba tháng khi chúng tôi gặp nhau. Tôi chỉ đơn giản là đi xuống tàu điện ngầm và lúc trở lên thì đã đi cùng cô ấy. Chắc,” ông nói, “bản tóm tắt ngắn gọn cái năm 1948 cho ông đó,” rồi trở lại lá thư của cô ấy. “ ‘Em hoàn toàn bị anh cuốn hút,’ ” ông đọc, “nhưng em lo rằng anh có thể thấy em quá trẻ, kiểu con gái miền Trung Tây nhạt nhẽo chán ngắt, và ngoài ra, anh đang hẹn hò với một người “thông minh xinh xắn dễ thương” rồi, dù anh đã để thêm, với một nụ cười láu cá, “tôi không tin cô ấy với tôi sẽ cưới nhau.” “Sao không?” em hỏi. “Có lẽ tôi sẽ thấy chán,” anh trả lời, qua đó bảo đảm rằng em có thể làm bất cứ điều gì để không làm anh chán, bao gồm cả việc cắt đứt liên lạc, nếu cần, để tránh cái nguy cơ trở nên nhàm chán. Chắc, vậy thôi. Như vậy là đủ rồi. Em thậm chí cũng

không nên quấy rầy anh. Em hứa em sẽ không bao giờ quấy rầy nữa. Hãy giữ gìn sức khỏe. Hãy giữ gìn sức khỏe. Hãy giữ gìn sức khỏe. Hãy giữ gìn sức khỏe. Yêu thương, Steena.’ ”

“Chắc,” tôi nói, “đó là năm 1948 của ông.”

“Nào. Chúng ta nhảy đi.”

“Nhưng ông không được hát vào tai tôi.”

“Được thôi. Đứng lên.”

Thấy kệ đời, tôi nghĩ, chẳng mấy chốc cả hai chúng tôi sẽ chết, thế là tôi đứng dậy, và ở đó trên hàng hiên, Coleman Silk và tôi nhau cùng nhảy điệu fox trot. Ông dẫn bước, và, bằng hết sức mình, tôi bước theo. Tôi nhớ lại cái ngày ông xông vào phòng làm việc của tôi sau khi thu xếp xong việc chôn cất Iris, phát điên vì sầu khổ và thịnh nộ, nói với tôi rằng tôi phải viết cho ông cuốn sách về mọi điều phi lý không thể tin được nổi trong vụ việc của ông, những thứ mà cuối cùng đã sát hại vợ ông. Người ta hẳn sẽ nghĩ rằng người đàn ông này sẽ không bao giờ tìm thấy niềm vui trong sự ngốc nghếch của cuộc đời nữa, và rằng tất cả sự vui nhộn và vô tư nơi ông ta đã bị hủy hoại và bị tước mất, cùng với sự nghiệp, danh tiếng, và cả người vợ dữ dội. Có lẽ lý do tôi không hề nghĩ đến việc bật cười ha hả rồi để mặc ông, nếu ông muốn, nhảy quanh hiên nhà một mình, còn tôi chỉ ngồi cười và thích thú nhìn ông - có lẽ lý do tôi chìa tay ra rồi để ông vòng tay đặt tay lên lưng tôi và dẫn tôi mơ màng đi quanh cái sàn nhà cũ kỹ lát đá xanh, là bởi tôi đã có mặt ở đó vào cái ngày thi hài bà vẫn còn chút âm ấm và thấy ông thành ra thế nào.

“Tôi hy vọng không có ai ở đội cứu hỏa tình nguyện lái xe ngang qua đây,” tôi nói.

“Phải,” ông đáp. “Chúng ta không muốn có bất cứ ai vỗ lên vai tôi và hỏi, ‘Tôi nhảy với bạn nhảy của ông được không?’ ”

Và thế là chúng tôi nhảy tiếp. Không có chút nhục dục nào để lộ ra, nhưng bởi vì Coleman chỉ mặc độc một chiếc quần cụt và tay tôi đặt

thoải mái trên tấm lưng ấm áp của ông như thể đó là lưng của một con chó hay con ngựa, nó hoàn toàn không phải là một điệu nhảy giễu nhại. Có một sự chân thành nửa như nghiêm túc trong cách ông dẫn bước tôi trên cái sàn lát đá, đây là chưa kể đến niềm vui vô ưu rằng ta vẫn còn sống, còn sống một cách tình cờ và khôi hài và chẳng vì lý do gì cả - kiểu niềm vui con trẻ như khi ta lần đầu học được cách tạo ra giai điệu với lược và tờ giấy vệ sinh.

Chỉ đến khi chúng tôi ngồi xuống Coleman mới nói với tôi về người phụ nữ nọ. “Tôi đang có một mối tình, Nathan ạ. Tôi đang yêu một phụ nữ ba mươi tư tuổi. Tôi không thể nói hết nỗi cho ông biết nó đã tác động tới tôi như thế nào.”

“Chúng ta vừa mới nhảy xong - ông không cần phải nói.”

“Tôi nghĩ mọi chuyện với mình thế là quá đủ rồi. Nhưng khi những chuyện kiểu này lộn lại đời ta, rõ là chẳng sớm sửa gì, hoàn toàn đường đột, hoàn toàn bất ngờ, thậm chí là không mong muốn, lộn lại đời ta và chẳng có gì để pha loãng nó, khi anh không còn phải phấn đấu trên hai mươi hai mặt trận, không còn chìm sâu trong những sự hỗn loạn thường ngày... khi nó chỉ là *cái...*”

“Và khi cô ấy mới ba mươi tư.”

“Và rục rủa. Một phụ nữ rục rủa. Cô ấy đã biến tình dục trở lại thành một thứ hàng nóng.”

“ ‘Quý bà xinh đẹp hẳn tâm khố chế anh.’ ”

“Có vẻ như thế. Tôi hỏi, ‘Ở bên một người bảy mươi một tuổi em cảm thấy thế nào?’ và cô ấy nói với tôi, ‘Thật hoàn hảo khi ở bên một người bảy mươi một tuổi. Lối sống của người đó đã ổn định và không thể thay đổi được nữa. Ta biết rõ con người họ. Không còn gì bất ngờ nữa.’ ”

“Điều gì khiến cô ấy từng trải vậy?”

“Những điều bất ngờ. Ba mươi tư năm đầy những điều bất ngờ tàn nhẫn đã cho cô ấy sự khôn ngoan. Nhưng đó là kiểu khôn ngoan rất

hạn hẹp, chống lại xã hội. Nó cũng thật tàn nhẫn. Nó là sự khôn ngoan của người chẳng mong đợi cái gì. Đó là sự khôn ngoan của cô ấy, và đó là phẩm giá của cô ấy, nhưng nó là sự khôn ngoan tiêu cực, và đó không phải là thứ giữ anh đi đúng hướng ngày này qua ngày khác. Đây là một người phụ nữ mà đời đã cố nghiền nát cô ấy kể từ lúc cô ấy mới bước vào đời. Bất cứ điều gì cô ấy học được đều xuất phát từ thực tế ấy.”

Tôi nghĩ, Ông đã tìm được người mà ông có thể nói chuyện... và rồi tôi nghĩ, Cả tôi cũng thế. Giây phút một người đàn ông bắt đầu nói với ta về tình dục tức là ông ấy đang nói lên đôi điều về tình bạn giữa hai người. Trong chín mươi phần trăm trường hợp, điều đó không xảy ra, và có lẽ cũng nên vậy, dù thế nếu như giữa hai người ta không có chút thành thực nhất định về chuyện tình dục và thay vào đó ta chọn cách ứng xử như thế nó thậm chí còn chưa từng xuất hiện trong đầu thì tình bạn nam giới ấy chưa trọn vẹn. Hầu hết đàn ông không bao giờ tìm được một người bạn như thế. Nó không phổ biến. Nhưng khi nó xảy ra, khi hai người đàn ông nhận ra họ có chung một tiếng nói về cái phần cốt yếu này của phận nam nhi, không sợ bị phán xét, không sợ xấu hổ, ghen tị, hoặc bị qua mặt, tin tưởng rằng sự tin tưởng của mình sẽ không bị phản bội, thì mối gắn kết giữa hai người họ có thể rất bền chặt và kết quả là một sự gắn gũi bất ngờ. Điều này chắc hẳn không thường gặp đối với Coleman, tôi nghĩ vậy, nhưng bởi vì ông đã đến với tôi trong giây phút thâm nhất của đời mình, với nỗi căm ghét ngập tràn mà tôi đã thấy nó đầu độc ông qua bao tháng trời, giờ đây ông cảm thấy sự tự do khi được ở bên cạnh một người đã ở bên giường bệnh của ta, chứng kiến ta vượt qua cơn bệnh ngặt nghèo. Cái ông cảm thấy không hẳn là nhu cầu muốn khoe khoang mà chính xác hơn là cảm giác nhẹ nhõm vô cùng khi không phải giữ kín chỉ riêng mình biết về một điều mới mẻ đến kinh hoàng như là sự tái sinh của chính mình.

“Ông tìm được cô ấy ở đâu?” tôi hỏi.

“Tôi đi lấy thư vào chiều nọ và cô ấy ở đó, đang chùi sàn nhà. Cô ấy chính là người phụ nữ tóc vàng gầy gò thỉnh thoảng lại lau dọn bưu điện. Cô ấy làm cho đội lao công tại Athena. Là người lau dọn toàn thời gian ở chỗ tôi từng là chủ tịch hội đồng giảng viên. Người phụ nữ đó chẳng có gì. Faunia Farley. Đó là tên cô ấy. Faunia tuyệt đối không có gì.”

“Tại sao cô ấy không có gì?”

“Cô ấy từng có chồng. Hắn đánh cô ấy đến hôn mê. Họ có một nông trại bò sữa. Hắn ta làm ăn tệ đến độ bị phá sản. Họ có hai đứa con. Máy sưởi bị đổ, bắt lửa, và cả hai đứa chết ngạt. Ngoài tro của hai đứa con mà cô ấy giữ trong cái lọ đặt dưới gầm giường, cô ấy chẳng sở hữu cái gì đáng giá trừ chiếc Chevy đời 83. Lần duy nhất tôi thấy cô ấy gần như bật khóc là khi cô ấy nói với tôi, ‘Em không biết làm gì với mớ tro này.’ Tai họa ở miền đông quê đã vắt kiệt Faunia thậm chí đến cả nước mắt. Mà cô ấy bắt đầu cuộc sống là một đứa con nhà giàu đầy đặc quyền. Lớn lên trong một ngôi nhà to bề thế ở phía Nam Boston. Có lò sưởi trong năm phòng ngủ, những thứ đồ cổ đẹp nhất, rồi đồ sứ gia bảo - tất cả đều lâu đời và là thứ tốt nhất, kể cả gia đình. Cô ấy có thể ăn nói lịch lãm đến ngạc nhiên nếu muốn. Nhưng cô ấy đã tuột xuống một nấc thang xã hội ở tít tận bên dưới từ một chỗ tít tận trên cao, giờ cô ấy là một túi đậu ngôn ngữ tả pí lù. Faunia đã bị lưu đày khỏi cái đặc quyền lẽ ra phải thuộc về mình. Bị loại khỏi giai cấp của mình. Người ta có thể thấy nơi nỗi đau khổ của cô ấy một sự dân chủ hóa.”

“Cái gì đã hủy hoại cô ấy?”

“Ông bố dượng đã hủy hoại cô ấy. Con quỷ đại tư sản đã hủy hoại cô ấy. Bố mẹ ly dị khi cô ấy lên năm. Người cha giàu có bắt gặp cảnh bà mẹ xinh đẹp đang vụng trộm. Người mẹ mê tiền, lại tái hôn với nhà giàu, ông bố dượng giàu có này không để Faunia yên. Vuốt ve cô từ ngày ông ta đến. Cứ thế bám nhằng nhằng lấy. Đứa bé tóc vàng như thiên thần này, vuốt ve rồi rờ rẫm - và đúng lúc ông ta cố ngủ với cô

ấy thì cô ấy bỏ chạy. Năm mười bốn tuổi. Bà mẹ không chịu tin cô ấy. Họ đưa cô ấy đến một bác sĩ tâm thần. Faunia kể cho vị bác sĩ đó những gì đã xảy ra và sau mười buổi điều trị tay bác sĩ tâm thần cũng đứng về phía gã bố dượng. ‘Đứng về phía người trả tiền cho ông ta,’ Faunia nói. ‘Ai mà chẳng vậy.’ Về sau bà mẹ đan dứ luôn với cả tay chuyên gia tâm thần đó. Đây là câu chuyện, như cô ấy thuật lại, đã đẩy cô ấy vào cuộc sống của một đứa bụi đời phải tự tìm con đường cho chính mình. Bỏ trốn khỏi nhà, khỏi trường trung học, đi xuống miền Nam, làm việc ở đó, vờn lên trở lại bằng cách đó, làm bất cứ công việc gì có thể, và vào lúc hai mươi tuổi thì cưới cái tay nông dân này, lớn tuổi hơn cô ấy, một nông dân nuôi bò sữa, một cựu binh Việt Nam, nghĩ rằng nếu họ làm việc chăm chỉ và nuôi dưỡng con cái và làm cho nông trại phát triển thì cô có thể có một cuộc sống bình thường, ổn định, cho dù anh chàng này thuộc loại ngu ngốc. Nhất là khi anh ta thuộc loại ngu ngốc. Cô nghĩ mình sẽ được sướng khi làm người có đầu óc trong gia đình. Cô nghĩ đó là lợi thế của cô. Cô đã lầm. Tất cả những gì họ có với nhau là trực trặc. Nông trại thua lỗ. ‘Cái gã rồ ấy,’ cô kể với tôi, ‘đã mua một cỗ máy kéo.’ Và thường xuyên đánh đập cô. Đánh cô bầm tím mình mẩy. Anh biết cô ấy coi cái gì là đỉnh điểm tốt đẹp của cuộc hôn nhân đó không? Sự kiện mà cô ấy gọi là ‘cuộc đại chiến cứt ăm’. Một tối họ ở trong chuồng gia súc sau khi vắt sữa, tranh cãi về chuyện gì đó, thì một con bò cạnh cô bèn ỉa một bãi lớn, Faunia hốt một bụm cứt quăng vào mặt Lester. Anh ta ném lại một bụm và chuyện bắt đầu như thế đó. Cô ấy nói với tôi, ‘Cuộc chiến cứt đó có lẽ là khoảng thời gian tử tế nhất chúng em có với nhau.’ Cuối cùng, người lấm đầy cứt bò họ rũ ra cười, sau khi rửa ráy bằng vòi nước trong chuồng bò, họ lên nhà làm tình. Nhưng chuyện đó lại đưa một điều vốn dĩ tốt đẹp đi quá xa. Nó không được tới một phần trăm cái vui của trò chơi cứt. Ngủ với Lester không bao giờ vui - theo như Faunia nói, anh ta không biết cách ngủ với phụ nữ. ‘Ngu ngốc đến độ không biết đụ cho ra hồn nữa.’ Khi cô ấy bảo tôi là người đàn ông

hoàn hảo, tôi nói với cô ấy rằng sở dĩ thế là vì cô đến với tôi sau khi gặp phải anh ta.”

“Và vật lộn với những thứ kiểu như Lester bằng cút ấm từ khi mười bốn tuổi đã biến cô ấy thành ra thế nào ở tuổi ba mươi tư,” tôi hỏi, “bên cạnh sự thông minh tàn nhẫn? Dữ dội? Sắc sảo? Giận dữ? Điên khùng?”

“Cuộc sống luôn phải vật lộn đã khiến cô ấy trở nên dữ dội, dữ dội đến gợi cảm, chắc chắn rồi, nhưng nó không biến cô ấy thành ra điên khùng. Ít nhất là tôi chưa thấy như vậy. Còn giận dữ ư? Nếu có - tại sao lại không nhỉ? - thì nó là cơn giận dữ ngấm ngấm. Giận dữ mà không giận dữ. Và, với một người dường như đã sống mà chẳng có chút vận may nào như vậy, thì chẳng có lấy một tiếng than van ở cô - ít nhất thì cô ấy cũng không hé ra lời nào với tôi. Nhưng sắc sảo thì không. Đôi khi cô ấy nói được mấy điều nghe có vẻ sắc sảo. Cô ấy nói, ‘Hắn là anh nghĩ về em như một bạn tâm giao bằng tuổi nhưng lại trông trẻ hơn. Em nghĩ em là kiểu như vậy.’ Khi tôi hỏi, ‘Em muốn gì ở anh?’ cô ấy nói, ‘Một kiểu tình bạn nào đó. Cùng đôi chút hiểu biết. Tình dục. Niềm vui. Đừng lo. Tất cả chỉ vậy thôi.’ Có lần khi tôi bảo rằng cô ấy thông minh trước tuổi, cô ấy nói với tôi, ‘Em ngu trước tuổi thì có.’ Cô ấy chắc chắn thông minh hơn Lester, nhưng còn sắc sảo? Không. Ở Faunia có cái gì đó như vĩnh viễn khựng lại ở tuổi mười bốn và tuyệt đối chẳng giống gì với sắc sảo. Cô ấy dan díu với sếp của mình, cái thằng cha đã nhận cô ấy vào làm. Smoky Hollenback. Tôi đã nhận *hắn ta* vào làm - cái gã phụ trách cơ sở vật chất của trường. Smoky từng là ngôi sao bóng bầu dục ở đây. Hồi những năm 1970 *hắn ta* là sinh viên của tôi. Bây giờ *hắn ta* là một kỹ sư dân dụng. *Hắn ta* nhận Faunia vào làm cho bộ phận lao công, và thậm chí ngay trong lúc làm thủ tục nhận việc, cô ấy đã biết đầu óc *hắn ta* đang nghĩ chuyện gì. Thằng đó chết mê cô ấy. *Hắn ta* bị mắc kẹt trong một cuộc hôn nhân chán ngắt, nhưng *hắn ta* không bực bội gì cô về chuyện đó - *hắn ta* không nhìn cô một cách khinh thị, thậm chí, Tại sao em chưa ổn định

cuộc sống, tại sao em vẫn lê la và lang chạ khắp nơi? Không có thói bề trên trường giả ở Smoky. Smoky chỉ làm những chuyện phải làm và làm rất ngon lành - vợ, con cái, *năm* đưa cả thầy, kết hôn như kiểu nó phải thế, một người hùng thể thao vẫn chưa rời trường đại học, nổi tiếng và được ngưỡng mộ khắp thị trấn - nhưng hẳn ta có một năng khiếu trời phú: hẳn cũng có thể bước ra khỏi tất cả những thứ đó. Anh sẽ không tin chuyện đó khi nói chuyện với hẳn đâu. Quý ngài Athena Nghiêm Túc sống nghiêm túc, người ta muốn hẳn diễn thế nào thì hẳn diễn thế ấy. Nhìn ngoài thì có vẻ hẳn ta tin trăm phần trăm vào những gì mình làm. Anh có thể chắc chắn hẳn ta sẽ nghĩ, Cái con khốn ngu ngốc sống rõ là điên rồ này á? Tổng cổ cô ta khỏi văn phòng tôi ngay. Nhưng hẳn ta không làm vậy. Không như những người khác ở Athena, hẳn ta không đến nỗi chìm ngìm trong cái huyền thoại Smoky để tránh được ý nghĩ, Phải, đây mới thực là cái hăm mà ta muốn phang. Hay để tránh giở trò. Hẳn ta phang cô ấy, Nathan ạ. Lôi Faunia vào giường với hẳn ta cùng một phụ nữ khác trong bộ phận lao công. Phang nhau tập thể. Cứ thế suốt sáu tháng. Sau đó một phụ nữ làm địa ốc, vừa ly dị, mới chân ướt chân ráo đến nơi này, *cô ta* cũng tham gia. Gánh xiếc của Smoky. Gánh xiếc tởm lợm bí mật của Smoky. Nhưng rồi, sau sáu tháng, hẳn bỏ rơi cô ấy - đá Faunia ra khỏi hội và bỏ rơi cô ấy. Tôi chẳng biết gì về chuyện này cho đến khi cô ấy kể cho tôi nghe. Và cô ấy chỉ kể cho tôi bởi vì một đêm trên giường, mắt lằng lằng đê mê, cô ấy gọi tôi bằng tên hẳn ta. Thì thảo với tôi, ‘Smoky.’ Khi đang ngồi trên Smoky già khú. Việc cô ấy đàn đúm với cái hộ gia đình đó cho tôi một ý niệm rõ hơn về người phụ nữ mà tôi đang quan hệ. Bội phần kinh hãi. Tôi thực sự choáng luôn - đây không phải là tay mơ. Khi tôi hỏi Smoky làm thế nào mà lôi kéo được đám bồ bịch, cô ấy bảo với tôi, ‘Nhờ sức mạnh con cu của anh ta chứ sao.’ ‘Giải thích xem nào’, tôi yêu cầu, và cô ấy nói, ‘Anh hẳn biết là khi một con điếm thứ thiệt đi vào phòng, thì một tay đàn ông sẽ nhận ra? Ngược lại cũng thế. Với một số người, cho dù nguy trang kiểu nào đi nữa, anh vẫn thấy ngay được họ ở đó để làm gì.’ Trên giường là nơi duy nhất

Faunia có thể xem là sắc sảo, Nathan ạ. Một sự sắc sảo thể xác theo kiểu bột phát đóng vai chính trên giường - vai chính thứ hai là của sự táo bạo quá mức. Trên giường không có gì thoát khỏi chú ý của Faunia. Da thịt cô ấy có mắt. Da thịt cô ấy thấy mọi thứ. Trên giường cô ấy là một thực thể thống nhất, câu cú rành rõ, đầy sức mạnh mà khoái lạc của nó nằm ở việc bước ra khỏi những giới hạn. Trên giường cô ấy là một tượng đài bất hủ. Có lẽ đó là món quà của cuộc quấy rối ngày bé. Khi chúng tôi xuống bếp, khi tôi làm trứng bác và chúng tôi ngồi đó ăn với nhau, cô ấy là một đứa trẻ. Có lẽ đó cũng là món quà của cuộc quấy rối nốt. Tôi đang làm bạn với một cô bé mắt mũi đờ đẫn, bị phân tâm, nói năng không đầu không cuối. Ở chỗ khác điều này không bao giờ xảy ra. Nhưng bất cứ khi nào chúng tôi ăn thì chúng tôi tái ngộ: tôi với cô bé của tôi. Cô ấy quay về làm đứa con gái còn sót lại trong mình. Không thể ngồi thẳng người trên ghế, không thể ghép nối hai câu có liên quan với nhau. Tất cả những vẻ bình thản trước tình dục và bi kịch, tất cả đều biến mất, và tôi ngồi đó, muốn nói với cô ấy, ‘Ngồi đằng hoàng ở bàn coi, kéo tay áo choàng tấm của tôi ra khỏi đĩa của em đi, cố mà nghe tôi nói và lúc nói thì nhìn vào tôi đi, giờ ạ.’ ”

“Ông nói vậy *thật* à?”

“Có vẻ không thích hợp lắm nhỉ. Không, tôi không nói - không bao giờ nói bởi tôi muốn duy trì độ đậm đặc của những gì có ở đó. Tôi nghĩ đến cái hũ dưới gầm giường, nơi cô giữ mớ tro mà không biết phải làm gì với nó, và tôi muốn nói, ‘Đã hai năm rồi. Đến lúc chôn chúng đi rồi. Nếu em không chôn xuống đất được, hãy đến sông mà đứng trên cầu rắc tro xuống. Hãy để chúng trôi đi. Hãy để chúng đi. Anh sẽ đi làm chuyện đó với em. Mình sẽ cùng làm chuyện đó.’ Nhưng tôi không phải là cha cô gái này - đó không phải là vai của tôi. Tôi không phải là giáo sư của cô ấy. Tôi không phải là giáo sư của bất cứ ai. Dạy dỗ, cải huấn, khuyên nhủ và xem xét và khai sáng con người, tôi đã nghĩ hết rồi. Giờ tôi là gã đàn ông bảy mươi một tuổi với

một cô bồ ba mươi tư tuổi; điều này khiến tôi, trong tiểu bang Thịnh vượng chung Massachusetts, bị mất đi quyền khai sáng bất kỳ ai. Tôi đang uống Viagra, Nathan à. Đó là La belle Dame sans Merci đó. Tôi có được niềm hạnh phúc và những biến động này là nhờ Viagra. Không có Viagra chuyện này sẽ không xảy ra. Không có Viagra tôi sẽ có một bức tranh thế giới thích hợp với tuổi tôi và những mục tiêu sẽ hoàn toàn khác. Không có Viagra, tôi sẽ có phẩm giá của một quý ông lớn tuổi không còn thèm khát, người biết cư xử đúng mực. Tôi sẽ không làm cái việc chả thể giải thích nổi như thế này. Tôi sẽ không làm cái việc nghe như bịa, thiếu suy nghĩ, liều lĩnh, và có khả năng gây tai họa cho tất cả những ai có liên quan như thế này. Không có Viagra, tôi có thể tiếp tục, trong những năm tháng suy tàn của mình, vun đắp cái nhìn chung chung lạnh nhạt của một người đàn ông từng trải có học thức, bị cho thôi việc trong danh dự mà từ lâu đã từ bỏ khoái lạc của cuộc đời. Tôi có thể tiếp tục rút ra những kết luận thông thái sâu xa và có ảnh hưởng đạo đức vững chắc lên người trẻ tuổi, thay vì tự đặt mình lại vào tình trạng khẩn cấp thường trực là say sưa tình dục. Nhờ Viagra tôi đã hiểu được những lần hóa thân vì tình của Zeus. Lẽ ra họ phải gọi Viagra như vậy. Lẽ ra họ phải gọi nó là Zeus.”

Ông có ngạc nhiên khi mình lại đi nói với tôi tất cả những điều này không? Tôi nghĩ có thể. Nhưng ông quá hào hứng đến độ không thể dừng lại. Cơn ngẫu hứng này cũng chính là cái đã thôi thúc ông khiêu vũ với tôi. Phải, tôi nghĩ, viết *Lũ ma* không còn là cái phản ứng kháng cự lại việc bị làm nhục nữa; mà chính là việc ngủ với Faunia này đây. Nhưng nguyên nhân thúc đẩy ông không chỉ có vậy. Đó còn là ước muốn phóng thả thú tính, phóng thả cái sức mạnh đấy ra - trong nửa giờ, trong hai giờ, trong bao lâu đi chăng nữa, để bản thân được phóng thích vào tự nhiên. Ông đã cưới vợ quá lâu. Ông đã có con. Ông đã làm một chủ tịch hội đồng giảng viên. Suốt bốn mươi năm ông đã làm những gì cần làm. Ông bận rộn và cái phần tự nhiên tức là cái thú tính đó được cất vào hộp. Và bây giờ cái hộp đó mở ra. Là chủ tịch hội

đồng giảng viên, là người cha, là người chồng, là học giả, thầy giáo, đọc sách vở, giảng bài, chấm bài, cho điểm, tất cả đã qua rồi. Tất nhiên, ở tuổi bảy mươi một ta không còn là con thú động tình, hăng máu như hồi hai mươi sáu. Mà là những tàn tích của cái thú tính, những tàn tích của tự nhiên - giờ đây ông đã gặp lại những tàn tích đó. Và do đó ông thấy hạnh phúc, ông thấy biết ơn khi gặp lại những tàn tích đó. Ông còn hơn cả hạnh phúc - ông sướng điên lên, giờ đây ông đã bị trói, đã bị trói chặt vào cô ấy, bởi vì cơn sướng đó. Không phải gia đình - sinh học chẳng ích gì cho ông nữa. Không phải gia đình, không phải trách nhiệm, không phải nhiệm vụ, không phải tiền bạc, không phải một thứ triết lý chung hay tình yêu văn chương, không phải là những cuộc thảo luận to tát về những ý tưởng vĩ đại. Không, cái buộc chặt ông với cô ấy là sự sung sướng đó. Ngày mai ông sẽ phát bệnh ung thư và bùm. Nhưng hôm nay thì ông đã có được cơn sướng này.

Tại sao ông lại nói với tôi? Bởi vì, để có thể tự do buông thả theo chuyện này, phải có người nào biết về nó. Tôi nghĩ ông có thể thoải mái buông thả bởi vì chẳng có gì rủi ro. Bởi vì không có tương lai. Bởi vì ông bảy mươi một và cô ba mươi tư tuổi. Ông lao vào chuyện này chẳng phải để học hỏi, chẳng phải để lên kế hoạch, mà để phiêu lưu; cũng như cô, ông lao vào để vui thú. Ông được quyền buông tuồng nhờ vào khoảng chênh lệch ba mươi bảy năm đó. Một ông già và, một lần cuối cùng, cú bùng nổ dục tình. Còn điều gì cảm động hơn thế?

“Dĩ nhiên tôi phải hỏi,” Coleman nói, “cô ấy đang làm gì với tôi. Điều gì thực sự đang diễn ra trong đầu cô ấy? Một trải nghiệm mới đầy hứng thú khi ở bên một người già cỡ ông nội cô ấy sao?”

“Tôi cho rằng có mẫu phụ nữ đó,” tôi nói, “họ coi đó là một trải nghiệm đầy hứng thú. Chúng ta đã có đủ mẫu người rồi, vậy tại sao mẫu người này thì lại không? Nghĩ xem, rõ ràng là có một bộ phận ở đâu đó, Coleman, một cơ quan liên bang chuyên lo cho người già, và cô ấy đến từ cơ quan đó.”

“Hồi còn trai trẻ,” Coleman nói, “tôi chưa bao giờ dính líu tới phụ nữ xấu. Nhưng trong hải quân tôi có một người bạn, Farriello, và phụ nữ xấu là món khoái khẩu của anh ta. Hồi ở Norfolk, nếu chúng tôi đến buổi khiêu vũ tại nhà thờ, nếu buổi tối chúng tôi đến Trung tâm dịch vụ quân đội, Farriello đi thẳng đến chỗ cô gái xấu nhất. Khi tôi cười nhạo anh ta, anh ta nói tôi không biết mình đã bỏ lỡ cái gì đâu. Họ không được thỏa mãn, anh ta nói với tôi. Họ không đẹp, anh ta nói với tôi, như những nữ hoàng mà anh chọn, vì vậy họ sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Hầu hết đàn ông đều ngu ngốc, anh ta nói, bởi vì họ không biết điều này. Họ không biết rằng giá như anh tiếp cận người phụ nữ xấu nhất, cô ta sẽ là người đặc biệt nhất. Nghĩa là, nếu anh chạm được vào cô ấy. Nhưng nếu anh thành công? Nếu anh chạm được vào cô ấy, anh sẽ không biết phải làm gì trước tiên, bởi cô ấy đang rung lên như dây đàn. Và tất cả là bởi vì cô ấy xấu. Bởi vì cô ấy chưa bao giờ được chọn. Bởi vì cô ấy ngồi trong xó trong khi tất cả các cô khác khiêu vũ. Là một ông già thì cũng giống vậy đó. Giống cô gái xấu xí đó. Ở trong xó tại buổi khiêu vũ.”

“Vậy Faunia là Farriello của ông.”

Ông mỉm cười. “Đại khái thế.”

“Chà, dù sau này có xảy ra chuyện gì đi nữa,” tôi nói với ông, “thì nhờ Viagra ông không còn phải chịu đựng sự tra tấn của việc viết cuốn sách đó nữa.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Coleman nói. “Tôi nghĩ đúng là như vậy. Cuốn sách vớ vẩn đó. Và tôi đã cho anh hay Faunia không biết đọc chưa? Tôi phát hiện ra điều này vào tối nọ khi chúng tôi lái xe đến Vermont dùng bữa tối. Không đọc nổi thực đơn. Ném nó sang một bên. Khi muốn tỏ vẻ khinh thường thực sự, cô ấy có cái kiểu nhếch môi trên, chỉ nhếch một chút thôi, và sau đó nói ra điều đang nghĩ trong đầu. Với vẻ khinh thường thực sự, cô ấy nói với bồi bàn, “Bất cứ cái gì ông ấy gọi, y hệt.”

“Cô ấy đi học đến năm mười bốn tuổi. Sao đến nỗi không biết đọc?”

“Khả năng đọc có lẽ đã bị lụi tàn cùng với ký ức về những năm tháng khi cô ấy học đọc. Tôi hỏi cô ấy làm thế nào mà chuyện này có thể xảy ra, nhưng cô ấy chỉ cười. ‘Đơn giản ý mà,’ cô ấy nói. Cái đám theo tư tưởng khai phóng ở Athena đã cố động viên cô ấy tham gia chương trình xóa mù chữ, nhưng Faunia không chịu. ‘Và *anh* đừng cố dạy em. Cứ làm bất cứ điều gì anh muốn, bất cứ điều gì,’ cô nói với tôi đêm đó, ‘nhưng đừng làm trò thối đó. Nghe người ta nói là đủ tệ rồi. Bắt đầu dạy em đọc, ép em làm chuyện đó, nhồi nhét chữ vào em, và anh sẽ là người đẩy em xuống hố đó.’ Suốt đường từ Vermont trở về, tôi im lặng, và cô ấy cũng thế. Mãi cho đến khi về tới nhà chúng tôi mới nói chuyện với nhau. ‘Anh không phải kiểu người đụ ai đó không biết đọc,’ cô ấy nói. ‘Anh sẽ bỏ rơi em vì em không phải là một người xứng đáng, phù hợp và biết đọc. Anh sắp nói với em, ‘Học đọc đi không thì biến đi.’ ‘Không,’ tôi nói với cô ấy, ‘tôi sẽ phang em còn dữ hơn bởi vì em không biết đọc.’ ‘Tốt,’ cô nói, ‘chúng ta hiểu nhau rồi đó. Em không hành xử theo kiểu đám con gái biết chữ và đừng hành xử với em như với tụi nó.’ ‘Tôi sẽ phang em,’ tôi nói, ‘vì đúng con người thật của em.’ ‘Thế là đẹp,’ cô ấy nói. Lúc đó cả hai chúng tôi đã cùng lăn ra cười. Faunia có tiếng cười của một cô bồi để sẵn cây gậy bóng chày dưới chân để phòng rắc rối, và thế là cô ấy cười cái kiểu cười đó của cô ấy, cái kiểu cười máu chiến, chẳng-chuyện-gì-là-tao-chưa-thấy ấy - anh biết đấy, cái tiếng cười thoải mái, thô lậu của người phụ nữ có một quá khứ dữ dội - và đến lúc ấy cô ấy đã đang kéo khóa quần tôi xuống. Nhưng cô ấy đúng phóc về việc tôi định từ bỏ cô ấy. Suốt quãng đường từ Vermont trở về tôi đã nghĩ đúng y như những gì cô ấy nói. Nhưng tôi sẽ không làm điều đó. Tôi sẽ không áp đặt đức hạnh tốt vời của tôi lên cô ấy. Hoặc lên chính tôi. Chuyện đó đã qua rồi. Tôi biết những chuyện này đều có cái giá của nó. Tôi biết ta không thể mua bảo hiểm cho những chuyện kiểu này. Tôi biết thứ đang giúp

ta bình phục có thể kết liễu ta như chơi. Tôi biết đằng sau mọi lỗi lầm mà một người đàn ông có thể mắc phải luôn là cú huých ái tình. Nhưng bây giờ tôi đâm ra chẳng còn quan tâm. Tôi thức dậy vào buổi sáng, có khăn tắm dưới sàn, có dầu xúc em bé trên bàn đầu giường. Làm thế nào tất cả chúng lại xuất hiện ở đó? Rồi tôi nhớ lại. Chúng có mặt ở đó bởi vì tôi đã sống lại. Bởi vì tôi quay lại với đông tố. Bởi vì đây chính là sống, với chữ sống viết hoa. Tôi sẽ không buông cô ấy ra, Nathan ạ. Giờ đây tôi bắt đầu gọi cô ấy là Voluptas.”

Do kết quả của cuộc phẫu thuật cắt bỏ tuyến tiền liệt nhiều năm trước đây của tôi - cuộc phẫu thuật ung thư mà, dù thành công, không phải là không có những hậu quả tai hại hầu như không thể tránh khỏi trong những ca mổ như thế bởi thần kinh bị tổn hại và đóng sẹo bên trong - tôi mất khả năng kiểm soát việc bài tiết và vì thế, việc đầu tiên tôi làm sau khi ở nhà Coleman về là tống khứ miếng bím mà tôi mang cả ngày lẫn đêm, nhét vào trong quần lót như ta nhét miếng xúc xích vào giữa ổ bánh mì. Do cái nóng của buổi tối đó, và bởi vì tôi không tới chỗ công cộng hay buổi họp mặt xã giao, nên tôi đã thử mặc quần đùi vải cotton bình thường bên ngoài bím thay vì quần vải nilon, và kết quả là nước tiểu thấm cả qua lớp quần kaki. Khi về đến nhà tôi phát hiện ra rằng cái quần dài đã đổi màu ở phía trước và tôi ngửi thấy một chút mùi - miếng bím đã được xử lý, nhưng lần này vẫn bốc mùi nồng. Tôi quá say sưa với Coleman và câu chuyện của ông đến độ không kiểm soát được bản thân mình. Suốt thời gian tôi ở đó, uống bia, nhảy với ông, chú tâm vào sự minh bạch - sự duy lý khả đoán và sự minh bạch đầy tính lộ tả - mà ông đã sử dụng để làm giảm bớt phần nào mức độ đáng sợ của bước ngoặt này trong cuộc đời, tôi đã không rời khỏi hàng hiên để kiểm tra bản thân, như tôi vẫn thường làm trừ lúc ngủ ra, và vì thế, chuyện giờ đây vẫn thỉnh thoảng lúc này lúc khác xảy ra với tôi đã xảy ra đêm đó.

Không, một trục trặc kiểu này không quật ngã tôi nhiều như khi, những tháng sau cuộc phẫu thuật, tôi lần đầu thử những cách có thể được để giải quyết vấn đề này - và khi tôi, tất nhiên rồi, vẫn quen với việc làm một người trưởng thành tự do và thoải mái, khô ráo và sạch mùi, có thể kiểm soát những chức năng cơ bản của thân thể một người lớn, một người mà trong suốt sáu mươi năm trước đó vẫn giải quyết các công việc hằng ngày của mình mà chẳng chút ưu tư gì về tình trạng quần áo lót của ông ta. Nhưng giờ đây tôi vẫn cảm thấy, không ít thì nhiều, một cơn phẫn uất tràn qua khi phải đối phó với một tình trạng nhếch nhác hơn sự bất tiện thông thường, mà giờ đã thành một phần của đời tôi, và tôi vẫn tuyệt vọng khi nghĩ rằng cái khả năng xấu xí này, thứ gần như định nghĩa nên tình trạng trẻ nít, sẽ không bao giờ bay biến.

Tôi cũng bị bất lực do cuộc phẫu thuật này. Phương thuốc để điều trị tình trạng này vẫn hầu như mới tinh vào mùa hè năm 1998 và trong thời gian ngắn có mặt trên thị trường đã chứng tỏ mình là một phương thuốc kỳ diệu, phục hồi chức năng tình dục cho những gã đàn ông luống tuổi, chẳng bệnh tật gì ngoài cái bệnh đó ra như Coleman, nhưng nó lại không có tác dụng gì với tôi bởi những tổn hại thần kinh do ca mổ gây ra là quá nặng nề. Đối với hoàn cảnh như của tôi thì Viagra cũng bó tay, và kể cả nó có hữu ích đi chăng nữa, tôi cũng không tin mình sẽ dùng nó.

Ở đây tôi muốn làm rõ một điều là không phải chứng bất lực đã đưa tôi vào lối sống ẩn dật. Mà chuyện hoàn toàn là ngược lại. Tôi đã sống và viết được khoảng mười tám tháng trong căn nhà hai phòng này ở vùng đồi núi Berkshire khi, sau cuộc kiểm tra sức khỏe định kỳ, tôi nhận được chẩn đoán sơ bộ về chứng ung thư tuyến tiền liệt và, một tháng sau, sau những cuộc xét nghiệm tiếp theo, tôi đến Boston để cắt bỏ tuyến tiền liệt. Ý tôi là bằng việc chuyển đến đây tôi đã thay đổi dứt điểm mối quan hệ của mình với tiếng rít đục tình, và không phải bởi những nài thúc hay những lần cương cứng của tôi thực ra đã bị yếu

đi theo thời gian, mà bởi vì tôi không thể đáp ứng nổi những kêu gào đòi hỏi của nó nữa, không còn có thể tập hợp được sự khôn ngoan, sức mạnh, sự kiên nhẫn, ảo tưởng, mĩa mai, nhiệt thành, ích kỷ, dẻo dai - hoặc sự cứng rắn, hoặc sự sắc sảo, hoặc sự giả dối, sự vờ vĩnh, sự lưỡng thể, *độ chuyên nghiệp* trong ái tình - để đối diện với đủ những ý nghĩa lầm lạc và mâu thuẫn nhau của nó. Kết quả là, tôi có thể giảm thiểu phần nào cú sốc hậu phẫu trước viễn cảnh bị liệt dương vĩnh viễn bằng cách nhớ lại rằng tất cả những gì vụ phẫu thuật làm được cho tôi là khiến tôi xác lập lại tinh thần buông bỏ mà tôi đã tự nguyện tìm đến. Cái mà cuộc phẫu thuật làm được là củng cố, bằng tất cả sự dứt khoát, một quyết định mà tôi đã tự mình đưa ra, dưới sức nặng của một đời người mắc mớ với những mối quan hệ nhưng là vào cái thời mà khả năng tình dục của ta còn sung mãn, mãnh liệt, và không ngơi nghỉ, khi mà cơn cuồng si nam tính liều lĩnh cứ muốn tái lập cái hành động đó - tái lập nó và tái lập nó và tái lập nó - vẫn chưa hề bị làm cho nao núng vì những vấn đề sinh lý học.

Mãi cho đến khi Coleman kể về chuyện của mình và Voluptas thì mọi ảo tưởng dễ chịu về sự bình thản đạt được thông qua sự cam chịu sáng suốt này mới biến mất, và tôi hoàn toàn mất thăng bằng. Tôi nằm thao thức cho tới gần sáng, như một gã tâm thần bất lực trong việc điều khiển suy nghĩ, bị mê hoặc bởi cái cặp đôi kia và so sánh họ với trạng thái bệ rạc của mình. Tôi nằm thao thức, thậm chí không thèm ngăn mình tái tạo trong óc “sự táo bạo quá mức” mà Coleman từ chối buông tay. Và việc tôi nhảy nhót loanh quanh giống một tên hoạn quan vô hại với một nửa vẫn còn sung mãn của cái cặp đôi điên cuồng ấy giờ đây trong mắt tôi tuyệt chẳng có vẻ gì của sự tự trào đầy cuốn hút.

Làm sao người ta có thể nói, “Không, đây không phải là một phần của cuộc sống,” trong khi nó luôn là vậy? Sự ô nhiễm tình dục, sự suy đồi mang tính cứu chuộc vốn phi lý tưởng hóa chúng loài này và giữ cho chúng ta mãi trăn trở về bản chất của mình.

Vào giữa tuần kế tiếp, Coleman nhận được một lá thư nặc danh, dài đúng một câu, chủ ngữ, vị ngữ, và những bổ ngữ hẳn học được viết to rõ ràng bằng nét chữ lớn trên một tờ giấy đánh máy trắng, cái thông điệp hai mươi hai chữ ấy, mang ý nghĩa như một bản cáo trạng, phủ kín trang giấy từ trên xuống dưới:

Ai cũng biết
ông đang lạm dụng tình dục
một phụ nữ bị ngược đãi, thất học
chỉ bằng nửa tuổi
ông

Chữ viết trên cả lá thư lẫn bao thư đều bằng mực bút bi đỏ. Bất chấp dấu bưu điện thành phố New York trên bì thư, Coleman nhận ra ngay lập tức nét chữ là của ả phụ nữ trẻ người Pháp đảm nhiệm vị trí chủ nhiệm khoa của ông lúc ông trở lại dạy sau khi rời khỏi chức chủ tịch hội đồng giảng viên và sau này cũng nằm trong số những người hăm hở nhất với việc vạch mặt ông như một kẻ phân biệt chủng tộc và đáng bị quở trách vì sự xúc phạm nhắm vào hai sinh viên da đen vắng mặt.

Trong tập hồ sơ *Lũ ma* mà ông lưu trữ, ở nhiều trang tài liệu để ra từ vụ này, ông tìm thấy những mẫu chữ viết tay khẳng định giáo sư Delphine Roux, khoa Ngôn ngữ và Văn chương, chính là người viết lá thư nặc danh đó. Ngoài việc cô ta in ra thay vì viết tay ba chữ đầu tiên, Coleman có thể thấy cô ta không thêm cố công đánh lạc hướng bằng cách giả mạo nét chữ. Cô ta có lẽ đã bắt đầu với ý định đó nhưng có vẻ đã bỏ qua hoặc quên bằng nó sau khi viết hết ba chữ “Ai cũng biết”. Trên bì thư, cô giáo sư gốc Pháp đó thậm chí chẳng buồn tránh viết những con số bảy kiểu châu Âu đúng kiểu lạ ông tôi ở bụi này trong khi viết địa chỉ nhà Coleman và mã thư tín. Sự hời hợt này, một sự thờ ơ kỳ lạ - trong một lá thư nặc danh - trong việc che giấu danh

tính của một người, có thể được giải thích bằng một trạng thái xúc động cực độ khiến cho cô ta không thể suy nghĩ thấu đáo về việc mình đang làm trước khi gửi lá thư đi, ngoại trừ việc nó không được gửi ở bưu điện địa phương - và bằng một cách thức vội vàng - mà bằng vào dấu bưu điện có vẻ như nó đã được chuyển đi khoảng gần ba trăm cây số về phía Nam trước khi được gửi qua bưu điện. Có lẽ cô ta đã nghĩ rằng chẳng có gì đặc biệt hoặc khác thường trong nét chữ viết tay của mình đến mức ông có thể nhận ra nó nhờ cái thời làm chủ tịch hội đồng giảng viên; có lẽ cô ta không thể nhớ ra những tài liệu liên quan đến vụ kiện của ông, những ghi chép về hai cuộc phỏng vấn của cô ta với Tracy Cummings mà cô ta chuyển cho ủy ban điều tra cùng với báo cáo cuối cùng có kèm chữ ký của cô ta. Có lẽ cô ta không hay biết rằng, theo yêu cầu của Coleman, ủy ban đã cung cấp cho ông bản sao những ghi chép gốc của cô ta và tất cả các tài liệu khác dính dáng đến đơn khiếu kiện nhằm vào ông. Hoặc có lẽ cô ta không quan tâm liệu ông có xác định được ai đã phát hiện được bí mật của ông hay không: có lẽ cô ta vừa muốn khiêu khích ông bằng cái vẻ hung hăng đe dọa của một lời buộc tội nặc danh, và đồng thời, gần như tiết lộ luôn rằng lời buộc tội đó được đưa ra bởi một người giờ đây thiếu gì chứ chẳng thiếu quyền.

Buổi chiều mà Coleman gọi điện và bảo tôi đến xem lá thư nặc danh đó, tất cả mẫu chữ viết tay của Delphine Roux từ dossier hồ sơ *Lũ ma* đã được bày ra ngay ngắn trên bàn nhà bếp, cả bản gốc lẫn bản sao của bản gốc mà ông đã vội vàng in ra và trên đó ông đã khoanh tròn bằng mực đỏ mọi nét bút mà ông cho là giống hệt nét bút trong lá thư nặc danh. Chủ yếu là những mẫu tự đứng riêng lẻ - chữ t, chữ m, chữ l, đây một từ kết thúc bằng chữ u với nét móc rộng, đây một chữ ư trông hơi giống một chữ i khi nép sát chữ ở kế cận nhưng lại cũng giống một chữ ư được viết kiểu thông thường khi đứng trước chữ a - và, dù những tương đồng trong nét bút giữa lá thư và những tài liệu trích trong *Lũ ma* là đáng chú ý, phải đến khi ông cho tôi xem tên của

ông trên bì thư và trong những ghi chép phỏng vấn của cô ta với Tracy Cummings thì tôi mới thấy rõ ràng rằng ông đã vạch mặt được thủ phạm đang tìm cách vạch mặt ông.

Ai cũng biết
ông đang lạm dụng tình dục
một phụ nữ bị ngược đãi, thất học
chỉ bằng nửa tuổi
ông

Trong khi tôi cầm lá thư trong tay, hết sức cẩn thận - đúng theo ý Coleman - đánh giá từ ngữ được chọn và kiểu triển khai tuyến tính của chúng như thể chúng được viết ra không phải bởi Delphine Roux mà bởi Emily Dickinson, Coleman giải thích với tôi rằng chính Faunia, xuất phát từ sự khôn ngoan tàn nhẫn của cô, chứ không phải ông, mới là người đã bắt cả hai thề giữ bí mật cái chuyện mà Delphine Roux bằng cách nào đó đã khai ra và gần như đe dọa sẽ tiết lộ nó. “Em không muốn bất cứ ai xen vào cuộc đời em. Em chỉ muốn được thanh thản phang nhau mỗi tuần một lần, trong bí mật, với một người đàn ông đã sống qua mọi chuyện và đầu đã lạnh đi. Chuyện này đích liên quan đến bất kỳ ai khác hết.”

Bất kỳ ai khác mà Faunia chủ yếu ám chỉ đến hóa ra là Lester Farley, chồng trước của cô. Dầu cho không phải là trong đời cô chỉ bị mỗi người đàn ông này đánh đập - “Làm sao mà thế được trong khi em đã sống phiêu bạt một mình từ khi mười bốn tuổi?” Chẳng hạn năm cô mười bảy tuổi, làm bồi bàn ở Florida, gã bạn trai hồi ấy không chỉ đánh cô tàn nhẫn và phá tan căn hộ của cô, hẵn còn lấy cặp máy rung của cô. “Vụ đó đau lắm,” Faunia nói. Và luôn luôn, lý do gây chuyện là máu ghen. Cô đã nhìn người đàn ông khác không đúng mực, cô đã mời mọc đàn ông nhìn cô theo kiểu không đúng mực, cô không có lời giải thích thuyết phục việc cô đã ở đâu nửa giờ trước, cô đã nói

lời lẽ không đúng mực, dùng ngữ điệu không đúng mực, dấu hiệu cho thấy, dù cô chả thấy nó có nghĩa lý gì hết, rằng cô là một ả lẳng nhăng không đáng tin - dù lý do là gì, dù người đó là ai thì hẳn ta cũng vung nắm đấm và giậm đôi ủng lên người cô và Faunia sẽ gào lên để thoát thân.

Lester Farley đã khiến cô phải vào viện hai lần trong cái năm trước khi họ ly dị, và vì hẳn ta vẫn sống đâu đó trên đồi và làm việc cho đội bảo trì đường sá của thị trấn từ hồi bị phá sản, và vì không nghi ngờ gì rằng hẳn vẫn còn khùng điên, nên cô lo cho Coleman, cô nói, cũng như lo cho chính cô, nếu hẳn phát hiện được chuyện gì đang diễn ra. Cô ngờ rằng lý do khiến Smoky đá cô gấp gáp là bởi tay cự cầu thủ đã cãi lộn hoặc chạm trán với Les Farley - bởi vì Les, một kẻ vẫn định kỳ theo dõi cô vợ cũ, không biết bằng cách nào đã phát hiện ra chuyện giữa cô với cấp trên, cho dù những chỗ hẻm hò bí mật của Hollenbeck được tính toán rất kỹ, nép kín trong những hẻm hóc xa xôi của những tòa nhà cũ mà không ai ngoại trừ người phụ trách cơ sở vật chất của trường biết được sự tồn tại của nó hoặc được quyền ra vào nơi đó. Dù rõ là liều lĩnh khi chọn bồ nhí từ trong đám nhân viên lao công của mình và sau đó hẻm hò với họ ngay trong trường đại học, Smoky lại cực kỳ thận trọng trong việc quản lý đời sống thi đấu cũng như trong công việc ở trường. Với cùng một tác phong chuyên nghiệp có thể dọn sạch những con đường trong khuôn viên trường sau một cơn bão tuyết chỉ trong vòng vài giờ, hẳn ta có thể, nếu cần thiết, giải thoát mình khỏi một trong số các cô bồ một cách lẹ làng không kém.

“Vậy tôi làm gì đây?” Coleman hỏi tôi. “Tôi không phản đối việc giữ kín chuyện này ngay cả khi tôi chưa biết đến gã chồng hung bạo của cô ấy. Tôi biết một chuyện kiểu như vậy sẽ xảy đến. Quên chuyện tôi từng là chủ tịch hội đồng giảng viên tại nơi cô ấy đang lau chùi nhà vệ sinh đi. Tôi bảy mươi một và cô ấy ba mươi tư. Chỉ riêng việc đó thôi đã đủ gây họa rồi, và vì thế, khi cô ấy nói với tôi rằng chuyện này chẳng liên quan tới ai khác cả, tôi tỉnh ra, Cô ấy đã giải quyết chuyện

này thay mình. Tôi thậm chí còn không cần đề cập đến nó. Coi đây như một vụ ngoại tình? Với tôi thì chả sao. Đó là lý do chúng tôi đi ăn tối ở tận Vermont. Đó là lý do nếu tình cờ gặp nhau ở bưu điện, chúng tôi thậm chí không buồn chào nhau.”

“Có lẽ ai đó thấy ông ở Vermont. Có lẽ ai đó thấy hai người đi chung trên xe ông.”

“Đúng - chắc là vậy. Chỉ *có thể là* thế thôi. Có thể chính Farley đã thấy chúng tôi. Chúa ơi, Nathan, tôi đã không hẹn hò đến cả năm mươi năm rồi - tôi nghĩ nhà hàng đó... tôi quả là ngốc.”

“Không, ngu ngốc gì đâu. Không, không - ông chỉ mắc chứng sợ sự cầm tù thôi. Nghe nè,” tôi nói, “Delphine Roux - tôi sẽ không giả bộ mình hiểu tại sao cô ta lại quá nhiệt tình quan tâm đến việc ông chơi ai khi đã về hưu, nhưng vì chúng ta biết rằng người ta không tử tế với những ai không sống được theo thói thường, nên ta hãy giả định cô ta là một trong số ‘người ta’. Nhưng ông thì không. Ông tự do. Một người tự do và độc lập. Một *ông già* tự do và độc lập. Ông đã mất nhiều khi từ bỏ chỗ đó, nhưng còn về những gì ông nhận được thì sao? Công việc của ông không còn là khai sáng cho người khác nữa - chính ông cũng nói như vậy. Đây cũng không phải là một bài kiểm tra để xem liệu ông có thể hay không thể rũ bỏ đến tận cái rào cản xã hội cuối cùng. Bây giờ có thể ông đã về hưu nhưng gần như cả đời mình ông đã sống trong những giới hạn của xã hội hàn lâm - nếu tôi hiểu đúng ông thì đây là điều bất thường nhất đối với ông. Có lẽ ông không bao giờ muốn chuyện với Faunia xảy ra. Thậm chí ông có thể tin rằng ông không nên muốn chuyện với cô ấy xảy ra. Nhưng ngay cả những lời biện hộ mạnh mẽ nhất cũng đầy sơ hở, và bởi thế cái sự việc ông ít ngờ được đến nhất đã nảy nòi ra trong đời ông. Ở tuổi bảy mươi mốt, ông có Faunia; năm 1998, ông có Viagra; và cái-thứ-hầu-như-bị-quên-lãng kia sống dậy trở lại. Cái nguồn an ủi lớn lao ấy. Cái sức mạnh thô nhám ấy. Sự mãnh liệt vô phương hướng. Từ trên trời rơi xuống cuộc tình chớp nhoáng cuối cùng của Coleman Silk. Hoặc biết đâu đấy,

cuộc tình chớp nhoáng *phút chót*, cuối cùng. Và rồi những tình tiết trong tiểu sử của Faunia Farley tạo thành một sự tương phản khó mà tin được với tiểu sử của ông. Và chúng không tuân theo cái khuôn mẫu dành cho người lên giường với một người đàn ông cỡ tuổi ông và ở địa vị của ông - ấy là chẳng đáng dừng mà chuyện ấy phải xảy ra. Thế những hậu quả của việc ông nói ra từ 'lũ ma' có tuân theo khuôn mẫu không? Cơn đột quy của Iris có tuân theo khuôn mẫu không? Hãy kể lá thư dớ dẫn ngu xuẩn đó đi. Tại sao ông lại chùn bước vì nó?"

"Lá thư *nặc danh* dớ dẫn ngu xuẩn đó," ông nói. "Ai lại đi gửi cho tôi một lá thư nặc danh chứ? Ai có khả năng suy nghĩ sáng suốt lại gửi cho người khác một lá thư nặc danh chứ?"

"Có lẽ đó là kiểu của dân Pháp," tôi nói. "Bộ không có cả đồng thứ đó trong Balzac sao? Trong Stendhal? Bộ không có thư nặc danh trong *Đỏ và Đen* sao?"

"Tôi không nhớ."

"Nghe nè, vì một lý do nào đó mọi thứ ông làm đều được lý giải bằng sự nhẫn tâm, và mọi thứ Delphine Roux làm đều được lý giải bằng đức hạnh. Bộ trong thần thoại không có đầy bọn khổng lồ và quái vật và rắn rết sao? Bằng việc xem ông là một quái vật, cô ta xem mình là một nữ anh hùng. Đây là hành động tiêu diệt quái vật của cô ta. Đây là sự trả thù của cô ta đối với hành động hiệp đáp kẻ yếu của ông. Cô ta mang lại cho toàn bộ vụ việc này một màu sắc thần thoại."

Qua nụ cười nhân nhượng dành cho tôi, tôi thấy mình chẳng tiến được bao lắm khi nhào nặn ra tiếp, cho dù là theo kiểu vui đùa, một cách lý giải kiểu tiền-Homer cho lời buộc tội nặc danh đó. "Thêu dệt thần thoại," ông nói với tôi, "không phải là thứ đứng đằng sau tư duy của cô ta đâu. Cô ta không đủ giàu trí tưởng tượng cho việc đó. Cái mà cô ta có là những câu chuyện mà đám nông dân vẫn kể để giải thích cho nỗi khốn khổ của họ. Động long mạch. Yếm bùa. Tôi đã yếm bùa Faunia. Trong đầu cô ta là những câu chuyện dân gian rặt các phù thủy và thầy pháp."

Giờ chúng tôi đang đùa vui với nhau, và tôi nhận ra rằng khi cố gắng đưa ông ra khỏi cảm giác cay đắng thịnh nộ bằng cách biện luận cho tầm quan trọng của khoái lạc của ông, tôi đã hun đúc tình cảm ông dành cho tôi - và phơi bày tình cảm tôi dành cho ông. Tôi đang hơi quá đà và tôi biết điều đó. Tôi khiến chính mình ngạc nhiên trước sự hăm hở muốn làm vui lòng bạn của mình, cảm thấy mình nói quá nhiều, giải thích quá nhiều, dẫn quá sâu vào câu chuyện và kích động quá mức giống như khi ta còn là nhóc tì và nghĩ mình đã tìm thấy bạn tâm giao, thẳng nhóc mới dọn đến khu phố, và ta cảm thấy thôi thúc bởi một mong muốn làm thân và vì thế hành động trái với bình thường, và cởi mở nhiều hơn mình muốn. Nhưng kể từ khi ông đập cửa nhà tôi vào cái ngày sau hôm Iris chết và đề nghị tôi viết *Lũ ma* cho ông, tôi đã, dù không hề trù định hay ngờ trước, phát triển một tình bạn nghiêm túc với Coleman Silk. Tôi không chú tâm đến hoàn cảnh khó khăn của ông đơn thuần như một bài tập trí tuệ. Những khó khăn của ông là vấn đề quan trọng đối với tôi, và điều này đã xảy ra bất chấp lòng quyết tâm chỉ muốn quan tâm đến, trong quỹ thời gian còn lại của *mình*, những đòi hỏi hằng ngày của công việc, để bị cuốn vào công việc thuần túy không hơn, không phải tìm kiếm cuộc phiêu lưu ở bất cứ đâu khác nữa - để chẳng màng gì đến ngay cả cuộc sống của chính mình, nói gì là cuộc sống của người khác.

Và tôi nhận ra tất cả điều này với ít nhiều thất vọng. Việc từ bỏ xã hội, kiêng khem những thứ có thể gây ra phân tâm, tự buộc mình tách khỏi mọi thềm muốn nghề nghiệp và ngụy tín xã hội và chất độc văn hóa và những sự gần gũi đầy sức cám dỗ, một đời sống ẩn dật khắt khe của những kẻ sùng đạo tự giam mình trong các hang động hoặc những túp nhà tranh hoặc những căn lều biệt lập trong rừng, đòi hỏi phải được duy trì bởi thứ chất liệu sắt đá hơn những thứ tạo nên tôi. Tôi sống một mình được có năm năm - năm năm đọc và viết ở trên núi Madamaska, vài dặm bên trên chân núi, trong một căn nhà nhỏ hai phòng để chịu nằm giữa một ao nhỏ sau nhà và, băng qua bụi cây bên

kia con đường đất, một đầm lầy rộng mười mẫu nơi lũ ngồng di trú Canada về ngụ mỗi tối và một con diệc xanh kiên nhẫn bắt cá một mình suốt cả mùa hè dài. Bí quyết sống trong sự xô bồ của thế giới với nỗi đau đớn tối thiểu là khiến càng nhiều người đi theo những nguy tín của bạn càng tốt; mảnh khóc để sống một mình ở tận trên này, tránh xa khỏi mọi mắc mớ căng thẳng, mọi cám dỗ, và kỳ vọng, đặc biệt là tách khỏi sự mãnh liệt của chính bản thân ta, là tổ chức sự im lặng, xem sự mênh mông của nó trên đỉnh núi như tiền vốn, còn chính nó là của cải gia tăng theo lũy thừa. Sự im lặng vây quanh như cái lợi thế ta tự mình chọn lấy và là mối thân tình duy nhất của ta. Mảnh khóc là tìm nguồn sống trong (lại trích dẫn Hawthorne) “những sự giao tiếp của một đầu óc cô độc với chính nó*.” Bí quyết là tìm nguồn sống ở những người như Hawthorne, ở sự thông thái của cái con người quá cố lỗi lạc ấy.

Cần có thời gian để hạ gục những khó khăn mà chọn lựa này đem lại, thời gian và lòng kiên nhẫn như một con diệc để làm dịu đi nỗi khát khao trông ngóng tất cả những gì đã biến mất, nhưng sau năm năm tôi đã trở nên quá thành thạo trong việc tỉ mỉ chạm khắc nên những ngày sống của mình, đến độ đối với tôi không có một giờ nào của cuộc tồn sinh đơn điệu mà tôi đã lựa chọn đi theo này lại không mang một tầm quan trọng nào đó. Sự cần thiết. Thậm chí là hưng phấn. Tôi không còn đắm mình trong cái ao ước nguy hiểm muốn hướng đến *một thứ gì đó khác*, và sẽ không bao giờ có chuyện tôi có thể chịu đựng lại một lần nữa việc có *một ai đó khác* bầu bạn ngày qua ngày. Âm nhạc tôi bật lên sau bữa ăn không phải là một quãng nghỉ khỏi sự im lặng mà là minh chứng cho nó: việc nghe nhạc một hoặc hai giờ mỗi tối không tước đi của tôi sự im lặng - âm nhạc là sự im lặng được hiện thực hóa. Mỗi sáng mùa hè việc đầu tiên tôi làm là bơi ba mươi phút trong hồ nước, và, vào những tháng còn lại trong năm, sau buổi sáng viết lách - và miễn là tuyết không dày đến mức không thể đi bộ - tôi thả rong mình theo các con đường mòn trên núi vài giờ

hầu như tất cả các buổi chiều. Chứng ung thư từng lấy đi tuyến tiền liệt của tôi không hề tái phát. Sáu mươi lăm tuổi, sung sức, khỏe mạnh, làm việc cật lực - và tôi biết rõ cái gì là cốt tủy. Tôi *phải* biết rõ.

Vậy tại sao, sau khi đã biến cuộc thử nghiệm ẩn cư tiên phong thành một cuộc tồn sinh cô độc phong phú, trọn vẹn - tại sao, không một lời cảnh báo, tôi lại thấy cô độc? Cô độc vì cái gì? Cái gì qua thì đã qua. Không có chuyện buông lời sự nghiêm nhặt, không có chuyện xóa bỏ những buông bỏ này. Chính xác thì tôi cô độc vì cái gì? Đơn giản: vì những gì tôi đã dần ác cảm. Vì những gì tôi đã khước từ. Vì cuộc sống. Những mắc mớ với cuộc sống.

Coleman trở thành bạn tôi như vậy đó, và tôi đã bò ra khỏi quyết tâm sống một mình trong ngôi nhà hẻo lánh và đối phó với những cú đâm của bệnh ung thư như vậy đó. Coleman Silk đã dẫn bước nhảy cho tôi trở lại cuộc sống. Đầu tiên là Đại học Athena, sau đó là tôi - đây là người đàn ông khiến cho phép lạ xảy ra. Thực vậy, điều nhảy gần kết tình bạn giữa chúng tôi cũng là thứ biến tai họa của ông trở thành đề tài của tôi. Và khiến cho lớp nguy trang của ông trở thành đề tài của tôi. Và khiến việc kể cho ngọn ngành bí mật của ông trở thành vấn đề tôi cần giải quyết. Và cũng vì vậy tôi không còn có thể sống tách biệt khỏi những biến động và sự mãnh liệt mà tôi đã chạy trốn. Tôi không làm gì hơn là đi tìm một người bạn nhưng tất cả sự tàn ác của thế giới đã kéo nhau ùa vào.

Cuối buổi chiều đó, Coleman đưa tôi đến gặp Faunia tại một nông trại bò sữa nhỏ cách nhà ông sáu dặm, nơi cô được miễn tiền trợ đổi lại việc thỉnh thoảng vắt sữa cho người ta. Hoạt động sản xuất sữa này, giờ đã kéo dài vài năm, được khởi xướng bởi hai phụ nữ đã ly dị, hai nhà môi trường trình độ đại học, đều xuất thân từ gia đình nông dân New England và đã lôi kéo đủ nguồn tài lực - cũng như lôi kéo cả con cái họ, sáu đứa, mà như hai bà chủ vẫn thường kể với khách hàng, không cần đến chương trình truyền hình *Sesame Street* để biết được

sữa từ đến đâu - để đảm nhận một nhiệm vụ hầu như bất khả thi là kiếm sống bằng việc bán sữa tươi. Đó là một công việc độc nhất vô nhị, không hề giống với những gì đang xảy ra tại những nông trại sữa cỡ lớn, ở đó không có chút gì phi nhân tính hay như cơ xưởng, một nơi chẳng có vẻ gì giống một nông trại sữa trong mắt hầu hết mọi người thời nay. Nó được gọi là Organic Livestock, nó sản xuất và đóng chai thứ sữa tươi ta có thể tìm thấy trong các cửa hàng tạp hóa địa phương và trong một số siêu thị khu vực và có sẵn tại trại sữa cho những khách hàng thân thiết tuần nào cũng mua ba gallon hoặc nhiều hơn.

Ở đó chỉ có mười một con bò, giống Jersey thuần chủng, và mỗi con có một cái tên kiểu cũ thay vì một thẻ đánh số đeo ở tai để nhận dạng nó. Bởi vì sữa của chúng không bị trộn với sữa của những bầy lớn vốn được tiêm đủ các loại hóa chất, và bởi vì, không bị biến chất bởi phương pháp tiệt trùng và không bị tổn hại bởi quá trình xử lý sữa, nên sữa này vương mùi, thậm chí có cả vị, của bất cứ thứ gì mà chúng ăn từng mùa - thức ăn cho chúng được nuôi trồng mà không sử dụng chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu, hay phân hóa học - và bởi vì sữa của chúng giàu dinh dưỡng hơn sữa hỗn hợp, nên nó được đánh giá cao bởi người quanh đây, những người không muốn cho gia đình ăn những thực phẩm đã qua chế biến. Nông trại này đặc biệt rất được tín nhiệm bởi những người ở ẩn trên đây, cả hội đã về hưu cũng như những gia đình có con nhỏ, những người đang muốn chạy trốn ô nhiễm và cuộc sống chán nản, suy đồi ở thành phố lớn. Trên tờ tuần báo địa phương, mục thư bạn đọc luôn đều đặn xuất hiện thư gửi từ ai đó vừa tìm được cho mình cuộc sống tốt đẹp hơn ở đâu đó trên những con đường làng này, và, bằng giọng điệu cung kính, đề cập đến sữa Organic Livestock, không chỉ đơn thuần là một thức uống ngon lành mà còn là hiện thân của sự thuần khiết thôn dã ngọt ngào, tươi mát mà lý tưởng của họ, sau khi bị cho ra bã ở thành phố, đòi hỏi. Những từ kiểu như “điều tử tế” và “linh hồn” xuất hiện đều đặn trong những lá thư được đăng tải

này, như thế việc nốc một ly sữa Organic Livestock là một nghi thức cứu rỗi không kém một ân sủng dinh dưỡng. “Khi chúng tôi uống sữa Organic Livestock, thân xác, linh hồn và tinh thần chúng tôi, tất tậ đều được bồi bổ. Các loại cơ quan trong cơ thể chúng tôi thu nhận sự trọn vẹn này và cảm kích theo một cách mà chúng tôi có thể không nhận biết được.” Những câu đại loại kiểu vậy, những câu mà với chúng, những người trưởng thành mà thực ra là có đầu óc được giải thoát khỏi bất cứ âu lo nào đã đẩy họ rời khỏi New York hoặc Hartford hay Boston, có thể dành vài phút để chịu bên bàn làm việc giả vờ như họ mới bảy tuổi.

Dù mỗi ngày Coleman chắc dùng cùng lắm là nửa tách sữa, ăn cùng món ngũ cốc buổi sáng, nhưng ông đã ký hợp đồng với Organic Livestock mua ba gallon một tuần. Việc này cho phép ông được nhận sữa, vừa mới vắt xong, ngay tại nông trại - được lái xe từ ngoài đường vào và lái xe theo lối máy kéo chạy tới nhà kho và đi bộ vào trong và lấy sữa để lạnh từ trong tủ lạnh. Ông làm những việc này không phải để kiếm được khoản giảm giá dành cho khách hàng mua ba gallon sữa mỗi tuần mà bởi vì tủ lạnh được đặt ngay bên trong lối vào nhà kho và chỉ cách độ năm mét với ngăn chuồng nơi bò được dẫn vào, mỗi lần một con, hai lần mỗi ngày, để vắt sữa, và tại đó lúc năm giờ chiều (khi ông đến nơi), Faunia, sau khi xong công việc ở trường đại học, thường đến vắt sữa mỗi tuần vài lần.

Tất cả những gì ông làm ở đó là nhìn cô làm việc. Cho dù hiếm khi có ai khác loanh quanh ở đó vào giờ đó, Coleman vẫn đứng ở ngoài ngăn chuồng nhìn vào và để cô tiếp tục làm công việc mà không phải bận tâm nói chuyện với ông. Thường thì họ chẳng nói gì, bởi vì việc không nói gì làm gia tăng niềm vui sướng của họ. Cô biết ông đang nhìn cô; biết rằng cô biết, ông nhìn càng chăm chú hơn - và chuyện họ không thể sáp lại nhau ngay chỗ bán thiụ này thì cũng không mấy may ảnh hưởng gì. Những gì họ muốn là ở một mình với nhau ở một nơi nào đó ngoài cái *giường* của ông, những gì họ muốn là duy trì vẻ điềm

nhiên cứ như không trước việc bị chia tách bởi những trở ngại xã hội không thể vượt qua, là đóng cái vai của họ, nhân công nông trại và giáo sư đại học đã về hưu, diễn thật hoàn hảo vai của họ, một phụ nữ lao động mình dầy, khỏe mạnh ba mươi tư tuổi, một kẻ không biết chữ không nói một lời, một khối xương xấu mạnh mẽ vừa mới ở trong sân dùng cây xia rơm dọn dẹp đồng chừa lại sau buổi vắt sữa ban sáng, và một công dân lớn tuổi sâu sắc bảy mươi mốt, một giáo sư văn học Hy Lạp giỏi giang, một bộ óc lừng lững chật ních từ vụng của hai thứ cổ ngữ. Những gì họ muốn là hành xử giống như hai người chẳng có gì chung, và cùng lúc nhớ lại việc họ có thể chứng cất được tinh chất cực khoái từ mọi thứ vốn không thể hòa hợp ở họ, những trái ngược giữa hai con người đã tạo ra toàn bộ sức mạnh. Những gì họ muốn là cảm nhận cơn khoái cảm của việc sống một cuộc đời hai mặt.

Thoạt nhìn, hầu như chẳng có gì có thể khiến một người đẩy lên những mong muốn nhục dục quá độ ở cái người phụ nữ gầy gò hốc hác bản thiêu, mặc quần đùi áo thun và mang ủng cao su này, người tôi nhìn thấy bên bày gia súc chiều hôm đó và là người mà Coleman giới thiệu là Voluptas của ông. Những sinh thể trông thực sự đầy nhục dục phải là những con vật với thân xác choán hết cả không gian này, những con bò màu kem với cái hông như xà nhà, đung đa đung đưa và chiếc bụng căng tròn như thùng rượu và bầu vú căng phồng sữa to quá khổ như trong tranh hí họa, những con bò không một chút xáo động, di chuyển chậm chạp, tách rời khỏi căng thẳng, mỗi con lại là một ngành công nghiệp bảy trăm ký mang đầy sự mãn nguyện của chính nó, những con thú mắt to, ở một đầu thì nhai rào rào từ máng ăn chất cỏ khô trong khi đầu kia bị hút cạn kiệt không phải bởi một hay hai hay ba mà là bốn cái miệng tự động nhịp nhàng, không mệt mỏi - đối với chúng việc được kích thích cùng một lúc tại hai đầu là quyền hưởng thụ khoái lạc của chúng. Mỗi con lại chìm sâu vào cuộc sinh tồn súc vật một cách hoan hỉ mà không hề có chiều sâu tinh thần: tiết sữa và nhai, ỉa và đái, gặm cỏ và ngủ - đó là toàn bộ lý do tồn tại của

chúng. Thịnh thoảng (Coleman giải thích với tôi) một cánh tay người đeo găng cao su dài được thọc vào trong trục tràng để lôi phân ra và sau đó, bằng cách cảm nhận bằng găng tay qua thành trục tràng, dẫn đường cho cánh tay còn lại thọc cây súng gây giống trông như ống tiêm vào đường sinh sản để cấy tinh trùng. Họ nhân giống, điều đó có nghĩa là, không phải chịu đựng sự náo loạn của con bò đực, con bò cái được chiều chuộng cả trong việc gây giống và sau đó được giúp đỡ trong việc sinh đẻ - và theo như Faunia nói đó là một quy trình đầy cảm xúc đối với tất cả những ai tham gia - ngay cả vào những đêm nhiệt độ dưới không khi một cơn bão tuyết ào qua. Cái tội đĩnh trong mọi thứ nhục dục, bao gồm cả việc nhàn nhã thưởng thức những miếng thức ăn ợ ra nhả nhoẹt đầy chất xơ của chúng. Ít có gái điếm hạng sang nào được sống như thế, huống hồ là những phụ nữ bình thường.

Giữa đám sinh vật thỏa mãn này và cái khí chất chúng tỏa ra, một sự thuần nhất sung mãn, trần tục với vẻ phì nhiêu nữ tính thì Faunia, người lao động như giống trâu bò cày kéo, với đàn bò cái vây quanh, là một võ sĩ hạng ruồi tội nghiệp hơn của cuộc tiến hóa. Gọi chúng ra khỏi chuồng nơi chúng điềm nhiên nằm ườn ra trong đồng hỗn độn cỏ khô và cứt, “Ra nào, Daisy, đừng làm tao bực. Lại đây nào, Maggie, cô bé ngoan. Nhúc nhích cái mông mày coi, Flossie, con quý già,” chộp lấy đai cổ chúng và đẩy và đỡ chúng đi qua lớp bùn quánh trong sân và leo một bậc lên sàn xi măng của phòng vắt sữa, xô những con Daisy và Maggie cồng kênh này vào trong, quay đầu nó về phía máng ăn, cho đến khi chúng được buộc vào cọc, đong và rót ra cho mỗi con một khẩu phần vitamin và thức ăn, tẩy trùng núm vú và chùi sạch chúng và giặt vài cái cho sữa bắt đầu chảy ra, sau đó gắn đầu vú đã khử trùng vào cái chụp hút tại đầu dụng cụ vắt sữa, cô hoạt động liên tục, chú ý kỹ càng vào từng giai đoạn của việc vắt sữa nhưng vẫn, tương phản thái quá với sự ngoan ngoãn lì lợm của chúng, di chuyển liên tục với sự khéo léo của loài ong cho đến khi sữa chảy thành dòng

qua ống dẫn sữa vào cái xô bằng thép không gỉ bóng loáng, và cô cuối cùng cũng được đứng yên lặng bên cạnh, theo dõi để bảo đảm rằng mọi thứ đều hoạt động và con bò cũng đứng yên. Sau đó cô lại di chuyển, xoa bóp bầu vú để bảo đảm con bò đã được vắt kiệt sữa, gỡ cái chụp hút ra, đổ khẩu phần ăn cho con bò tiếp theo sau khi thả con bò vừa vắt xong khỏi cọc, lấy ngũ cốc cho con bò kế tiếp đang đứng trước cái cọc kế đó, và sau đó, trong giới hạn của cái không gian nhỏ bé, cô nắm lấy đai cổ của con bò đã vắt sữa và dắt cái thân hình dềnh dàng kia quay mình lại, thụi nó một cái, xô nó bằng vai, nói với nó một cách hống hách, “Ra ngay, đi ra khỏi đây, sao không...” và dắt nó qua lớp bùn trở về chuồng.

Faunia Farley: chân gầy, cổ tay gầy, cánh tay gầy, với những chiếc xương sườn lộ rõ và xương vai nhô lên, nhưng khi cô gồng mình, ta sẽ thấy chân tay cô rất cứng cáp; khi cô thò tay hoặc vươn người lấy thứ gì đó ta sẽ thấy ngực cô săn chắc đến ngạc nhiên; và khi, do ruồi muỗi cứ vo ve quanh đàn bò vào ngày hè ngọt ngào này, cô vỗ vào cổ và mông cô, ta thấy ít nhiều sự nghịch ngợm, bất chấp vẻ thẳng thừng thường tình. Ta sẽ thấy rằng cơ thể cô có cái gì đó còn hơn cả vẻ rắn rỏi, rằng cô là một người phụ nữ săn chắc đến từng thớ thịt, năm chênh vênh ở cái thời tuy không còn chín muồi căng mọng nhưng cũng chưa hẳn tàn phai, một phụ nữ ở đỉnh cao nhan sắc, mà một nhúm tóc bạc của cô trở nên đặc biệt lôi cuốn chỉ đơn thuần bởi vì đường nét miền Bắc rõ rệt của đôi má và quai hàm và cái cổ dài nữ tính không thể lẫn đi đâu được vẫn chưa bị tuổi tác làm cho biến đổi.

“Đây là hàng xóm của tôi,” Coleman nói với cô khi cô dành một phút để chùi mồ hôi trên mặt bằng khuỷu tay và nhìn về phía chúng tôi. “Đây là Nathan.”

Tôi không trông đợi vẻ bình thản. Tôi đang trông đợi một người giận dữ ra mặt. Cô chào tôi chỉ bằng một cái hất cằm không hơn, nhưng đó là một cử chỉ mà cô tận dụng được rất nhiều. Đó là một cái *cắm* mà cô tận dụng được rất nhiều. Giữ nó hếch lên như cô vẫn

thường làm, nó cho cô... vẻ nam tính. Cái vẻ đó cũng có cả trong phản ứng với tôi: một thứ gì đó nam tính và khôn nguôi, cũng như một chút bất hảo, lộ ra trong cái nhìn trực diện đó. Cái nhìn của một người mà đối với họ cả tình dục lẫn sự phản bội đều như kiểu là bánh mì ăn hằng ngày. Cái nhìn của kẻ chạy trốn và cái nhìn nảy sinh từ một chuỗi đơn điệu đầy cay đắng những vận rủi. Tóc cô, mái tóc vàng óng ả đang trong cái buổi đầu đau lòng của tiến trình biến đổi không thể ngăn lại được, được buộc túm lại sau gáy bằng một dây thun, nhưng một lọn tóc cứ phủ xuống lông mày cô khi cô làm việc, và bây giờ, trong khi lặng lẽ nhìn về phía chúng tôi, cô lấy tay vén nó ra sau, và lần đầu tiên tôi nhận thấy trên gương mặt cô một nét nhỏ, dù có lẽ tôi sai, bởi vì lúc ấy tôi đang tìm một dấu hiệu, thể hiện rõ bản chất của chủ nhân nó: cái đường cong đầy đặn nhô ra giữa rìa lông mày và mí mắt trên. Cô là một phụ nữ môi mỏng với sống mũi thẳng và đôi mắt xanh trong và hàm răng đẹp và hàm bạnh ra và rêu thịt căng mọng ngay dưới chân mày cô là dấu vết khác lạ duy nhất của cô, biểu tượng duy nhất của sự quyến rũ, một thứ căng đầy khao khát. Nó cũng giải thích rất nhiều cho cái nét mơ hồ bất định trong ánh mắt vốn luôn dứt khoát đến dữ dội của cô.

Tóm lại Faunia không phải là một nàng tiên cá hấp dẫn khiến bạn sững sờ mà là một phụ nữ đường nét gọn ghẽ khiến người ta nghĩ, Hồi còn nhỏ cô hẳn rất đẹp. Mà quả vậy, như lời Coleman, cô là đứa trẻ xinh đẹp tóc vàng với một ông bố dượng giàu có không để cô yên và một bà mẹ hư hỏng không bảo vệ cô.

Chúng tôi đứng đó nhìn trong khi cô vắt sữa từng con trong số mười một con bò - Daisy, Maggie, Flossie, Bessy, Dolly, Maiden, Sweetheart, Stupid, Emma, Friendly, và Jill - đứng đó trong khi cô thực hiện cái chu trình không đổi với từng con, và, khi chuyện đó hoàn tất, cô đi vào căn phòng quét vôi trắng với đồng bồn rửa to tướng, vòi nước và dụng cụ đã khử trùng nằm cạnh phòng vắt sữa, qua khung cửa chúng tôi nhìn cô khuấy dung dịch kiềm và chất tẩy, sau khi tách vôi

hút chân không khỏi ống và cái chụp núm vú khỏi dụng cụ vắt sữa và hai xô sữa khỏi vỏ ngoài - sau khi tháo rời toàn bộ dụng cụ vắt sữa mà cô mang vào trong phòng - cô bắt đầu dùng đến đủ các loại bàn chải và xả hết bồn nước sạch này tới bồn nước sạch khác để cọ rửa từng chút một bề mặt ống dẫn, van, miếng đệm, nút chặn, đĩa, miếng lót, mũ chụp, đĩa, pít tông cho đến khi từng cái sạch bóng và được khử trùng. Trước khi Coleman ra lấy sữa của ông và chúng tôi quay trở lại xe để về nhà, ông và tôi đứng bên nhau cạnh tủ lạnh trong gần một tiếng rưỡi và, ngoài những lời ông thốt ra để giới thiệu tôi với cô ấy, chẳng ai nói một lời nào nữa. Ta chỉ có thể nghe thấy tiếng đập cánh và tiếng chiêm chiếp của lũ én trang trại, chúng làm tổ ở đó, trong khi chúng lao vút qua rui mái nơi chuồng bò mở ra sau lưng chúng tôi, và tiếng những viên thức ăn rớt xuống máng xi măng khi cô dốc xô thức ăn và tiếng những chiếc móng guốc gần như kéo lê trên sàn phòng vắt sữa trong khi Faunia, xô đẩy và kéo và dắt những con bò, buộc chúng vào cọc, và sau đó là tiếng hút sữa, tiếng thở sâu nhẹ nhàng của cái máy vắt sữa.

Sau khi từng con trong số chúng được chôn cất bốn tháng sau đó, tôi sẽ nhớ lại buổi vắt sữa đó như thể nó là một màn trình diễn sân khấu trong đó tôi đóng vai phụ, vai quần chúng, cũng chính là bản chất của tôi. Hết đêm này tới đêm khác, tôi không ngủ được bởi vì tôi không thể dừng thấy mình ở đó trên sân khấu với hai diễn viên chính và dàn hợp xướng bò, nhìn ngắm cái phân cảnh này, được diễn hoàn hảo bởi cả dàn diễn viên, một ông già si tình đang dõi theo người đàn bà lao công kiêm nhân công nông trại vốn là người tình bí mật của ông đang làm việc: một phân cảnh của sự thống thiết, thôi miên và áp bức tình dục mà trong đó mọi chuyện người đàn bà này làm với đàn bò, cách cô xử lý chúng, chạm vào chúng, phục vụ chúng, nói chuyện với chúng, đều bị lòng mê đắm của người đàn ông lấy về làm của riêng; một cảnh trong đó một người đàn ông bị khống chế bởi một xung lực bị dồn nén quá lâu bên trong đến độ nó gần như bị đập tắt, giờ lại hé lộ

ra, trước mắt tôi, sự hồi sinh sức mạnh mê mụ của nó. Nó có lẽ, tôi đồ rằng, giống như việc thấy Aschenbach đắm đuối nhìn Tadzio* - khao khát tính dục của ông ta sôi sục lên trước cái hiện thực thống khổ của kiếp hữu sinh hữu tử - trừ chuyện chúng tôi không ở trong một khách sạn hạng sang trên đảo Lido ở Venice và chúng tôi cũng không phải là những nhân vật trong một tiểu thuyết được viết bằng tiếng Đức hay thậm chí, vào lúc đó, trong một tiểu thuyết được viết bằng tiếng Anh: trời đang giữa mùa hè và chúng tôi đang ở trong một chuồng bò ở miền Đông Bắc đất nước chúng ta, ở Mỹ vào cái năm tổng thống Mỹ bị luận tội, và, cho đến lúc này, chúng tôi cũng chẳng tiểu thuyết hơn những con vật trong huyền thoại hoặc bị đem đi nhồi. Ánh sáng và hơi nóng của ngày hôm ấy (cái ân sủng đó), sự êm ả bất biến của cuộc đời mỗi con bò, mà cuộc đời nào cũng giống cuộc đời nào, ông già si tình đang ngắm nhía độ dẻo dai của người phụ nữ tháo vát và tràn trề sinh lực kia, sự ngưỡng mộ dâng lên trong ông, vẻ mặt của ông như thể chẳng có gì kích động hơn từng xảy ra với ông, và lại còn cả sự chờ đợi sẵn lòng của chính tôi, sự say mê của chính tôi trước sự lệch lạc kinh hoàng giữa hai mẫu người ấy, trước sự bất đồng bộ, sự đa dạng, sự lệch lạc ngồn ngộn giữa các cặp đôi trong cuộc đời - và với cái mệnh lệnh gieo xuống cho chúng tôi, người và bò, một đám chẳng có gì giống nhau và một đám gần như chẳng có gì khác nhau, là phải sống, không chỉ đơn thuần là chịu đựng cuộc sống mà phải *sống*, phải tiếp tục nhận, cho, cho ăn, vắt sữa, chấp nhận hết lòng, cái bí ẩn như nó vốn là thế, sự ý nghĩa đến vô nghĩa của việc sống - tất cả được ghi lại như thật bởi hàng vạn những ấn tượng tiêu tiết. Sự no đầy cảm giác, sự dồi dào, thừa mứa - thừa mứa quá độ - của cuộc sống, cái khúc cuồng tưởng ấy. Và Coleman với Faunia, những người giờ đã chết, chìm sâu trong dòng chảy những cái không ngờ, từng ngày từng ngày một, từng phút từng phút một, tự bản thân họ là những chi tiết trong cái thừa mứa đó.

Không có gì tồn tại mãi, nhưng cũng không có gì trôi qua. Và không có gì trôi qua cũng bởi không có gì là tồn tại mãi.

Rắc rối với Les Farley bắt đầu ngay đêm đó, khi Coleman nghe có gì đó khua động trong những bụi cây bên ngoài nhà ông, xác định đó không phải một con hươu hay gấu trúc Mỹ, ông đứng lên khỏi bàn ăn trong bếp nơi ông và Faunia vừa dùng xong bữa tối với món mì Ý, và, từ cửa nhà bếp, trong ánh sáng lờ mờ của buổi tối mùa hè, thoáng thấy hình ảnh một người đàn ông băng qua cánh đồng sau nhà chạy về phía khu rừng. “Này! Anh kia! Dừng lại!” Coleman la to, nhưng người đàn ông không dừng mà cũng không ngoái lại và nhanh chóng biến mất vào rừng cây. Đây không phải là lần đầu tiên trong vài tháng gần đây Coleman tin ông đang bị ai đó nấp quanh nhà theo dõi, nhưng trước đây trời quá khuya và quá tối đến độ ông không biết chắc liệu ông bị đánh động bởi một kẻ thị dâm hay một con thú. Và trước đây ông luôn luôn ở một mình. Đây là lần đầu tiên Faunia ở đó, và cô, không cần phải thấy bóng người đàn ông chạy băng qua cánh đồng, đã nhận ra kẻ xâm nhập trái phép đó chính là chồng cũ của mình.

Sau khi ly dị, cô kể với Coleman, Farley đã theo dõi cô suốt, nhưng trong những tháng tiếp sau cái chết của hai đứa con, khi hẳn ta buộc tội cô đã giết chết chúng bởi tính cầu thả của cô, hẳn tàn nhẫn một cách đáng sợ. Hai lần hẳn đột ngột xuất hiện - một lần trong bãi đậu xe siêu thị nọ, một lần khi cô đang ở trạm xăng - và gào lên qua cửa chiếc xe tải, “Con điếm giết người! Con chó cái giết người! Mà đã giết con tao, đồ chó cái giết người!” Có nhiều buổi sáng, trên đường đến trường đại học, cô nhìn vào kính chiếu hậu và y như rằng sẽ thấy chiếc xe tải của hẳn và, sau tấm kính chắn gió là khuôn mặt hẳn với đôi môi mấp máy, “Mày đã giết con tao.” Đôi khi hẳn chạy đằng sau xe cô khi cô lái xe từ trường đại học về. Lúc đó cô vẫn sống trong nửa chưa cháy hết của căn nhà gỗ nơi bọn trẻ bị chết ngạt trong ngọn lửa bắt nguồn từ lò sưởi, và vì sợ hẳn mà cô đã dọn đến một căn phòng ở

Seeley Falls và rồi, sau lần cố tự tử bất thành, lại chuyển đến một căn phòng ở trại bò sữa, nơi hai vị chủ nhà và những đứa con nhỏ của họ lúc nào cũng quanh quẩn ở đó và mỗi nguy bị hãm chặn đường kiếm chuyện cũng bứt đi. Chiếc xe tải của Farley xuất hiện trong kính chiếu hậu của cô ít dần sau lần dọn nhà thứ nhì, và rồi, khi không còn thấy hãm trong nhiều tháng, cô hy vọng hãm có thể đã biến mất vĩnh viễn. Nhưng bây giờ, Faunia chắc chắn, bằng cách nào đó hãm đã phát hiện ra chuyện Coleman và, lại giận dữ với tất cả những gì ở cô vốn luôn khiến hãm giận dữ, hãm tiếp tục trò theo dõi điên khùng của hãm, ẩn nấp bên ngoài nhà Coleman để xem cô làm gì ở đó. *Họ đang làm gì ở đó.*

Tối đó, khi Faunia vào trong xe của cô - chiếc Chevy cũ mà Coleman muốn cô đậu ở nơi khuất tầm mắt trong nhà kho của ông - Coleman quyết định theo sát sau lưng cô bằng xe của ông suốt sáu dặm cho đến khi cô đã an toàn đến được con đường đất dẫn qua chuồng bò đến nông trại. Và sau đó suốt trên đường trở về nhà mình, ông chăm chăm nhìn xem liệu có ai theo sau *ông* không. Đến nhà, ông đi bộ từ nhà xe vào nhà, một tay vung vẩy cây sắt, quất nó vào khắp mọi hướng, hy vọng bằng cách đó sẽ làm chùn chân kẻ đang nấp trong bóng tối.

Sáng hôm sau, sau tám tiếng đồng hồ trên giường trần trọc, Coleman quyết định không gửi khiếu nại đến đồn cảnh sát. Bởi vì không thể xác nhận chính xác đó chính là Farley, nên cảnh sát không thể làm gì hãm, và nếu lộ ra chuyện Coleman đã liên lạc với họ, thì khiếu nại của ông sẽ chỉ là sự chứng thực cho tin đồn đã lan truyền về ông cựu chủ tịch hội đồng giảng viên với cô lao công ở Athena. Nhưng thế không có nghĩa là, sau một đêm không ngủ, Coleman lại có thể chấp nhận thúc thủ trước *tất cả mọi chuyện*: sau bữa điểm tâm, ông gọi điện cho luật sư của mình, Nelson Primus, và chiều đó đến Athena để trao đổi với anh ta về lá thư nặc danh và ở đó, gạt bỏ gợi ý của Primus rằng hãy quên nó đi, ông đã thuyết phục anh này viết thư cho Delphine Roux ở trường Athena như sau: “Cô Roux thân mến: Tôi là

người đại diện cho ông Coleman Silk. Cách đây vài ngày cô có gửi cho ông Silk một lá thư nặc danh mà với ông ấy chẳng khác nào là một sự sỉ nhục, quấy rối, và bôi nhọ. Nội dung lá thư của cô như sau: ‘Ai cũng biết ông đang lạm dụng tình dục một phụ nữ bị ngược đãi, thất học chỉ bằng nửa tuổi ông.’ Cô đã, không may thay, can dự vào một chuyện không liên quan gì đến cô. Khi làm chuyện đó, cô đã xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông Silk và có thể bị kiện.”

Vài ngày sau Primus nhận được ba câu cộc lốc phản hồi từ luật sư của Delphine Roux. Câu giữa, phủ nhận thẳng thừng lời buộc tội rằng Delphine Roux là tác giả của lá thư nặc danh, được Coleman gạch dưới bằng bút đỏ. “Không một khẳng định nào trong lá thư của ông là đúng,” luật sư của cô ta viết cho Primus, “và, thực sự chúng là một sự phỉ báng.”

Lập tức Coleman moi được từ Primus tên của một người giám định tài liệu đang hành nghề ở Boston, một chuyên gia phân tích chữ viết vốn làm công việc pháp lý cho những tập đoàn tư nhân, cơ quan chính phủ Mỹ, và cả chính quyền tiểu bang, và ngày hôm sau, đích thân ông lái xe ba tiếng đồng hồ đến Boston để đưa tận tay người giám định tài liệu những mẫu chữ viết tay của Delphine Roux cùng với lá thư nặc danh và phong bì của nó. Tuần sau ông nhận được biên bản kết quả qua bưu điện. “Theo yêu cầu của ông,” báo cáo đó viết, “tôi đã xem xét và so sánh bản sao chữ viết tay được xác định là của Delphine Roux với lá thư nặc danh nghi vấn và một phong bì để gửi cho Coleman Silk. Ông đã yêu cầu xác định tác giả của chữ viết trên hai tài liệu nghi vấn đó. Việc xác minh của tôi liên quan đến những đặc điểm của chữ viết tay như độ nghiêng, khoảng cách, kiểu sắp xếp các mẫu tự, đặc tính dòng chữ, kiểu nhấn bút, tỉ lệ, tương quan độ cao giữa các mẫu tự, các nét nối và mẫu tự đầu và cách tạo thành nét cuối. Dựa trên những tài liệu được cung cấp, ý kiến chuyên môn của tôi là bàn tay viết những mẫu chữ được cho là của Delphine Roux cũng chính là bàn tay đã viết lá thư nặc danh và cái phong bì trong diện nghi vấn đó.

Trân trọng, Douglas Gordon, Chuyên gia Giám định Tài liệu.” Khi Coleman chuyển báo cáo của người giám định cho Nelson Primus, yêu cầu gửi một bản sao cho luật sư của Delphine Roux, Primus không đưa ra ý kiến gì nữa, dù thật khổ tâm cho anh ta khi thấy cơn giận dữ của Coleman cũng khủng khiếp gần như hồi vương vào vụ khủng hoảng với trường.

Tổng cộng tám ngày đã trôi qua từ buổi tối ông thấy Farley chạy trốn vào rừng, suốt tám ngày đó ông quyết định tốt nhất là Faunia nên lánh mặt và họ liên lạc với nhau qua điện thoại. Để tránh cả hai bị theo dõi ở bất cứ đâu, ông không đến nông trại để lấy sữa tươi mà ở nhà càng nhiều càng tốt và cẩn thận theo dõi xung quanh, nhất là sau khi trời tối, để xem liệu có ai rình mò không. Còn về Faunia, cô được khuyên là hãy cảnh giác khi ở nông trại và kiểm tra kính chiếu hậu khi cô lái xe đi bất cứ đâu. “Cứ như chúng ta là mối đe dọa cho an toàn của cộng đồng vậy” cô nói với ông, bật cười cái kiểu cười dễ dãi của cô. “Không, sức khỏe cộng đồng chứ,” ông đáp, “chúng ta không tuân theo ủy ban y tế tiểu bang.”

Đến cuối ngày thứ tám, khi ông ít nhất đã có thể khẳng định Delphine Roux là người viết lá thư, cho dù chưa chứng minh được Farley là kẻ xâm nhập, Coleman đã quyết định rằng ông đã làm mọi việc trong khả năng để chống lại tất cả những hành động chỗ mũi hết sức khó chịu và khiêu khích này. Khi Faunia gọi điện cho ông buổi chiều đó trong giờ nghỉ ăn trưa và hỏi, “Thời gian cách ly hết chưa?” thì cuối cùng ông cũng cảm thấy nỗi lo lắng vơi đi - hoặc quyết định để mình cảm thấy vậy - đủ để nói với Faunia rằng bão tố đã qua.

Trong khi chờ cô xuất hiện vào khoảng bảy giờ tối hôm đó, ông đã nuốt một viên Viagra lúc sáu giờ và, sau khi rót cho mình một ly vang, cầm điện thoại đi ra ngoài ngồi vào chiếc ghế vải xếp và điện thoại cho con gái. Ông và Iris đã nuôi dạy bốn đứa con: hai con trai giờ ngoài bốn mươi, đều là giáo sư khoa học, đã có vợ con và sống ở bờ Tây, và hai đứa sinh đôi, Lisa và Mark, chưa lập gia đình, gần bốn

mười, đều sống ở New York. Tất cả ngoại trừ một đứa trong đám con của Silk đều cố lên tận vùng đồi núi Berkshire để thăm cha chúng ba, bốn lần mỗi năm và vẫn liên lạc hằng tháng bằng điện thoại. Đứa ngoại lệ là Mark, đứa cả đời đã xung khắc với Coleman và thỉnh thoảng lại cắt đứt hoàn toàn liên lạc với ông một lần.

Coleman đang gọi cho Lisa bởi vì ông nhận ra đã hơn một tháng, thậm chí hai tháng, ông không nói chuyện với cô. Có lẽ chỉ là ông đầu hàng một cảm giác cô đơn nhất thời hẳn sẽ qua đi khi Faunia đến, nhưng cho dù động cơ của ông là gì đi nữa, ông cũng không thể ngờ tới những gì sắp xảy ra trước khi gọi cuộc điện thoại này. Chắc chắn điều cuối cùng mà ông muốn là một sự chống đối nữa, nhất là lại từ đứa con mà chỉ riêng giọng nói của nó - nhẹ nhàng, êm ái, vẫn còn như con gái, dẫu đã trải qua mười hai năm khó khăn làm giáo viên ở Lower East Side - đã có thể xoa dịu ông, giúp ông bình tĩnh lại, đôi khi thậm chí là hơn thế nữa: nó sẽ làm ông yêu thăm thiết đứa con gái này một lần nữa. Có lẽ ông đang làm cái việc mà hầu hết cha mẹ lớn tuổi sẽ làm khi, vì bất cứ lý do nào trong hàng trăm lý do, họ chờ đợi một cú điện thoại đường dài để khiến họ nhất thời sống lại một thời xưa cũ. Sự dịu dàng xuyên suốt từ trước đến giờ trong mối quan hệ giữa Coleman và Lisa đã giúp cô trở thành con người ít có cơ để bị lên án nhất vẫn còn gần gũi ông.

Khoảng ba năm trước - trước khi có sự cố lũ ma - khi Lisa đang tự hỏi liệu có phải cô đã mắc sai lầm nghiêm trọng khi từ bỏ việc dạy học ở trường và trở thành giáo viên cho chương trình Reading Recovery* hay không, Coleman đã xuống tận New York và ở lại mấy ngày để xem tình hình cô tồi tệ cỡ nào. Iris lúc đó còn sống, sống như chưa từng sống, nhưng Lisa không cần thứ năng lượng khổng lồ của Iris - cô không muốn Iris vạch đường đi cho mình như Iris vẫn vạch đường đi cho người khác - thay vào đó, cô cần ông cựu chủ tịch hội đồng giảng viên với cách gỡ rối cẩn thận, kiên quyết của ông. Chắc chắn Iris sẽ bảo cô phải vượt lên phía trước, và khiến Lisa bị ngợp và cảm

thấy bị mắc kẹt; với ông, nếu Lisa đưa ra lý lẽ thuyết phục để bác bỏ phương án tiếp tục kiên trì chịu đựng, có khả năng ông sẽ bảo cô rằng, nếu cô muốn, cô có thể từ bỏ và tự giải thoát cho chính mình - chính câu nói đó sẽ cho cô dũng khí để tiếp tục.

Ông không chỉ bỏ cả đêm đầu tiên ngồi với cô tới khuya trong phòng khách và lắng nghe những nỗi phiền muộn của cô, mà hôm sau ông còn đi đến trường để xem điều gì đã khiến cô suy sụp như vậy. Và ông đã thấy, rõ như ban ngày: trong buổi sáng, việc đầu tiên là dạy bốn tiết dạy nửa giờ liên tiếp nhau, mỗi tiết là một lứa bé sáu hoặc bảy tuổi nằm trong nhóm học sinh tiếp thu kém nhất ở khối lớp một và lớp hai, và sau đó, phần còn lại trong ngày là những tiết dạy bốn mươi lăm phút với những nhóm tám trẻ mà kỹ năng đọc của chúng không tốt hơn kỹ năng đọc của những đứa trẻ học tay đôi buổi sáng nhưng người ta lại chưa có đủ đội ngũ giảng dạy lành nghề ở chương trình tăng cường này để giúp chúng.

“Lớp học thông thường có quy mô quá lớn,” Lisa nói với ông, “cho nên giáo viên không thể dạy nổi cho những đứa bé kiểu này. Con cũng từng là một giáo viên đứng lớp. Những đứa trẻ không học được - chiếm khoảng ba trong số ba mươi đứa. Ba hoặc bốn. Không quá nhiều. Sự tiến bộ của tất cả những đứa trẻ kia sẽ thúc đẩy ta. Thay vì dừng lại và cho những đứa trẻ vô vọng những thứ chúng cần, các giáo viên chỉ cần lừa cho chúng lên lớp, nghĩ - hoặc giả vờ như - chúng đang tiến bộ theo những đứa khác. Chúng bị lừa lên lớp hai, lớp ba, lớp bốn, và rồi chúng thất bại thê thảm. Nhưng ở đây *chỉ có* bọn trẻ này, những đứa trẻ không học nổi và ta cũng không dạy nổi, và bởi vì con không thể giữ thái độ vô cảm với bọn trẻ và việc dạy học, nó tác động đến toàn bộ cuộc sống của con - toàn bộ *thế giới* của con. Và ngôi trường này, ban lãnh đạo này - ba à, nó không ổn chút nào. Bọn con có một vị hiệu trưởng không có tầm nhìn, không biết mình muốn gì, cùng một tập hợp lộn xộn những con người làm điều mà họ nghĩ là

tốt nhất. Mà những điều đó thực sự không phải lúc nào cũng là tốt nhất. Khi con đến đây mười hai năm trước nó thật tuyệt vời. Hiệu trưởng thực sự tử tế. Bà ấy đã làm thay đổi cả ngôi trường. Nhưng bây giờ chúng con đã thay hai mươi một giáo viên trong bốn năm. Vậy là quá nhiều. Chúng con đã mất nhiều người giỏi. Hai năm trước con tham gia chương trình Reading Recovery bởi vì con kiệt sức với việc đứng lớp. Mười năm ngày nào cũng trong *cảnh đó*. Con không chịu đựng nổi nữa.”

Ông để cho cô nói, còn mình thì hầu như không nói gì, và, bởi vì cô chẳng mấy mà sẽ qua tuổi bốn mươi, ông thấy không quá khó khăn để đè nén niềm thôi thúc muốn ôm lấy đứa con gái bị thực tế vùi dập này trong lúc hình dung rằng cô hẳn cũng đã phải cố nén lại cái thôi thúc tương tự đối với đứa trẻ sáu tuổi không thể đọc. Lisa có tất cả sự mãnh liệt của Iris nhưng không có quyền lực của Iris, và đối với người mà cuộc sống của họ tồn tại chỉ vì tha nhân - lòng vị tha vô phương cứu chữa là lời nguyện cho Lisa - cô, trong vai trò giáo viên, liên tục lừng lơ bên bờ vực suy kiệt. Chưa kể là lúc nào cũng có một tay bạn trai quá đòi hỏi mà cô không thể ngừng tỏ ra tử tế với tên đó, người mà cô giải bày hết lòng mình, người mà, luôn luôn, cái trình trắng đạo đức không bị vấy bẩn của cô sẽ trở thành một thứ chán ngắt chán ngợ. Lisa luôn bị đau đầu với những chuyện đạo đức, nhưng lại không đủ nhẫn tâm để khiến người khác thất vọng hoặc đủ sức mạnh để tự phá vỡ ảo tưởng về sức mạnh của mình. Đó là lý do tại sao ông biết cô sẽ không bao giờ từ bỏ chương trình Reading Recovery, và cũng là lý do tại sao lòng tự hào của bậc phụ huynh nơi ông không chỉ bị đeo thêm nỗi sợ hãi mà nhiều lúc còn nhuộm cả cảm giác thiếu kiên nhẫn gần chạm đến sự coi thường.

“Ba mươi đứa trẻ để chăm sóc, mỗi đứa khi gia nhập lớp lại ở một trình độ khác nhau, có một trải nghiệm khác nhau, và ta phải giúp chúng tiến bộ,” cô nói với ông. “Ba mươi đứa trẻ khác nhau tới từ ba mươi hoàn cảnh sống khác nhau học theo ba mươi cách khác nhau.

Thế là vô số việc để quản lý. Thế là vô số việc giấy tờ. Thế là vô số *đủ mọi thứ*. Nhưng điều đó vẫn *không là gì* so với *chuyện này*. Hẳn rồi, kể cả là với hoàn cảnh này, kể cả là trong chương trình Reading Recovery, vẫn có những ngày con nghỉ, Bữa nay mình làm rất tốt, nhưng hầu như ngày nào con cũng chỉ muốn nhảy khỏi cửa sổ. Con trăn trở rất nhiều về chuyện liệu đây có phải là chương trình thích hợp cho con không. Bởi vì con là người nhiệt huyết, ba biết đấy. Con muốn làm việc này cho đúng cách, nhưng chẳng có cái gọi là đúng cách - mỗi đứa trẻ đều khác biệt và mỗi đứa đều vô vọng, và người ta muốn con bước vào lớp và giúp chúng tiến bộ. Dĩ nhiên mọi người luôn luôn vật lộn trong việc dạy cho những đứa trẻ không học được. Ta làm gì với một đứa trẻ không thể đọc đây? Ba nghĩ xem - một đứa bé không thể đọc. Thật khó, ba ạ. Cái tôi của ta sẽ bị mắc kẹt với nó, ba biết đấy.”

Lisa, người mang trong mình quá nhiều mối quan tâm, người mà sự tận tâm không mang tính nước đôi, người ước mình tồn tại chỉ để giúp đỡ kẻ khác. Lisa Kẻ Không Thể Vỡ Mộng, Lisa Kẻ Lý Tưởng Chủ Nghĩa. Hãy gọi điện cho Lisa, ông tự nhủ, mà không tưởng tượng được rằng ông có thể nhận được từ đứa con thánh thiện ngọc ngà này cái giọng phật lòng sắt đá khi cô nhận điện thoại của ông.

“Nghe không giống con chút nào.”

“Con khỏe,” cô nói với ông.

“Có chuyện gì vậy, Lisa?”

“Không có gì.”

“Kỳ học mùa hè thế nào? Việc dạy dỗ ra sao?”

“Tốt.”

“Còn Josh?” Bạn trai gần đây nhất của cô.

“Tốt.”

“Bọn trẻ của con thế nào? Cái đứa bé không nhận ra được chữ n ra sao rồi? Nó đạt tới mức mùi chưa? Thằng bé có tên nhiều chữ n đó - Hernando.”

“Mọi chuyện đều tốt.”

Rồi ông hỏi một cách nhẹ nhàng, “Con có muốn biết ba đang thế nào không?”

“Con biết ba thế nào mà.”

“Con biết à?”

Không trả lời.

“Con đang lo nghĩ gì vậy, con yêu?”

“Không có gì.” Một câu “Không có gì,” rồi câu thứ hai, điều đó có ý nghĩa quá rõ ràng, *Ông đừng có mà con yêu con iếc với tôi.*

Một việc không thể hiểu nổi được đang xảy ra. Ai đã nói với con bé? Họ đã nói gì với con bé? Khi còn là học sinh trung học rồi trong đại học sau chiến tranh ông đã theo đuổi cái chương trình học khắc nghiệt nhất; khi là chủ tịch hội đồng giảng viên tại Athena ông đã biến những khó khăn của một công việc khó khăn thành bàn đạp để tấn tới; khi là bị cáo trong sự cố *lũ ma* ông chưa bao giờ đuối sức trong cuộc chiến đấu chống lại lời buộc tội sai trái nhằm vào ông; ngay cả việc ông rút lui khỏi trường đại học cũng không phải là hành động đầu hàng mà là một sự phản đối đầy phần nộ, một biểu hiện có chủ ý cho thái độ khinh miệt kiên định không suy suyển. Nhưng trong tất cả những năm ông kiên tâm giữ cho mình vững vàng trước bất cứ nhiệm vụ hoặc trở lực hoặc cú sốc nào, ông chưa bao giờ - ngay cả sau cái chết của Iris - cảm thấy bị lột sạch mọi sự phòng thủ như khi Lisa, hiện thân của lòng tử tế gần như đáng cười nhạt, tập hợp vào trong cụm từ “không có gì” đó tất cả những sự nghiệt ngã mà trước đây cô chưa từng, trong cả cuộc đời, tìm ra đối tượng xứng đáng với nó.

Và rồi, trong khi cụm từ “không có gì” của Lisa còn chưa rỉ ra hết toàn bộ ý nghĩa đáng sợ của nó, Coleman thấy một chiếc xe bán tải di

chuyển dọc theo con đường trải nhựa dẫn tới ngôi nhà - chạy chậm chậm tới vài mét, thẳng lại, rồi lăn bánh rất chậm, rồi lại thẳng lại... Coleman đứng dậy, ngập ngừng băng qua đám cỏ mới cắt, ghé cổ nhìn, và rồi vừa chạy vừa la, “Anh kia! Làm gì ở đó! Này!” Nhưng chiếc xe bán tải nhanh chóng tăng tốc và mất hút trước khi Coleman kịp đến đủ gần để nhận ra bất cứ điều gì giúp ông nhận diện được người lái xe hay chiếc xe tải. Vì ông không phân biệt được các hiệu xe và, từ chỗ ông chạy tới được, thậm chí ông không xác định được chiếc xe đó mới hay cũ, ông chỉ nhìn được màu xe, một màu xám lơ mờ.

Và bây giờ điện thoại đã tắt. Trong khi chạy băng qua đám cỏ, ông đã bất cẩn chạm vào nút tắt. Là thế, hoặc Lisa đã cố ý tắt máy. Khi ông quay số lại, một giọng đàn ông trả lời. “Josh hả?” Coleman hỏi. “Phải,” người đàn ông đáp. “Tôi là Coleman Silk. Ba của Lisa.” Sau một thoáng im lặng, người đàn ông đó nói, “Lisa không muốn nói chuyện,” rồi gác máy.

Tác phẩm của Mark. Phải vậy thôi. Còn ai vào đây nữa. Không thể là của tay Josh thổ tả đó - gã đó là ai chứ? Coleman cũng mù tịt không biết làm thế nào mà Mark biết ra về Faunia như ông đã mù tịt không biết tại sao Delphine Roux hay bất cứ ai khác lại đã tìm hiểu ra, nhưng lúc này điều đó không quan trọng - chính là Mark đã nhồi vào đầu cô em gái song sinh về tội lỗi của cha chúng. Vì trong mắt thằng bé đó nó sẽ là tội ác. Hầu như từ lúc biết nói, Mark đã không thể gạt bỏ ý nghĩ rằng cha cậu chống lại cậu: *ủng hộ* hai đứa con trai lớn vì chúng lớn hơn và là ngôi sao tại trường học và tiếp nhận không chút phàn nàn những kỳ vọng về trí tuệ của cha họ; *ủng hộ* Lisa bởi vì cô là Lisa, đứa con gái nhỏ của gia đình, rành rành là đứa con được cha nó nuông chiều nhất; *chống lại* Mark bởi vì mọi đặc điểm ở đứa em gái song sinh của cậu - đáng yêu, yêu hết lòng, đoan chính, dễ gây mùi lòng, cao thượng tới tận xương tủy - Mark đều không có và cũng không muốn có.

Tính cách Mark có lẽ là tính cách khó khăn nhất mà số phận của Coleman phải cố, không phải để hiểu - những nỗi oán hận của cậu thì quá dễ hiểu - mà là để vật lộn với nó. Trò rên rĩ và hờn dỗi đã bắt đầu từ trước khi cậu đủ tuổi đến nhà trẻ, và thái độ chống đối lại gia đình với thế giới quan của họ đã bắt đầu ngay sau đó và, bất chấp mọi nỗ lực làm lành, đã cố kết qua bao năm tháng thành bản chất của cậu. Lúc mười bốn tuổi cậu nhất mực ủng hộ Nixon trong suốt những phiên tòa luận tội trong khi cả nhà ủng hộ việc cho tổng thống ngồi tù chung thân; ở tuổi mười sáu cậu theo đạo Do Thái chính thống trong khi cả nhà, theo gương hai vị phụ huynh vô thần bài tăng lữ, chẳng có gì Do Thái ngoại trừ ở cái tên; ở tuổi hai mươi cậu làm cha mình giận điên lên lúc bỏ ngang Đại học Brandeis khi chỉ còn hai học kỳ nữa là xong, và bây giờ, gần bước vào tuổi bốn mươi, sau khi đảm nhận và từ bỏ cả chục công việc khác nhau mà cậu cho là không xứng đáng với tầm vóc của mình, cậu phát hiện ra mình là một nhà thơ tự sự.

Bởi cảm giác thù địch không thể lay chuyển đối với cha, Mark đã tự biến mình thành bất cứ thứ gì khác với gia đình cậu - đáng buồn hơn nữa, thành bất cứ thứ gì khác với chính cậu. Một chàng trai thông minh, đọc nhiều, với đầu óc nhanh nhạy và miệng lưỡi sắc sảo, tuy nhiên cậu không bao giờ hiểu được Coleman và cứ như thế cho đến khi, ở tuổi ba mươi tám, là một nhà thơ tự sự lấy đề tài Kinh Thánh, cậu đã đi đến chỗ nuôi dưỡng cái lòng căm ghét sâu sắc đã sắp đặt nên cả cuộc đời cậu với tất cả sự hung hăng của một người chẳng thành công trong chuyện gì cả. Một người bạn gái tận tụy, một phụ nữ trẻ thuần thành về tôn giáo, thiếu óc hài hước, căng thẳng, chặt vật kiếm tiền cho cả hai người họ bằng công việc kỹ thuật viên nha khoa ở Manhattan trong khi Mark ở lì trong tòa chung cư không thang máy ở Brooklyn viết những bài thơ lấy cảm hứng từ Kinh Thánh mà thậm chí những tạp chí Do Thái cũng không đăng, những bài thơ tràn giang đại hải về việc David đã cư xử bất công với con trai Absalom như thế nào và Isaac cư xử bất công với con trai Esau như thế nào và Judah đã

cư xử bất công với em trai Joseph như thế nào và về lời nguyện của nhà tiên tri Nathan sau khi David phạm tội với Bathsheba - những bài thơ, được che đậy theo những cách kém cỏi đầy vờ vĩnh, gợi nhớ lại cái *idée fixe** mà Markie đã đặt cược vào đó tất cả và đã mất tất cả.

Làm sao Lisa có thể nghe lời nó? Làm sao Lisa có thể coi bất cứ lời buộc tội nào Markie đưa ra là nghiêm túc khi con bé biết cái gì đã lèo lái cả cuộc đời nó? Tuy nhiên lòng rộng lượng đối với anh trai mình của Lisa, dù con bé hoàn toàn nhận thấy những thù hận đã làm biến dạng thẳng bé thực ra sai lạc đến mức nào, đã có từ khi chúng được sinh ra cùng với nhau. Bởi vì bản chất của con bé là nhân hậu, và bởi vì ngay khi còn là một nữ sinh nhỏ con bé đã chịu đựng sự cắn rứt lương tâm của đứa con được ưu ái hơn, con bé luôn luôn dịu dàng cho qua những lời oán thán của người anh song sinh và là người an ủi thẳng bé trong những cuộc tranh cãi gia đình. Nhưng chẳng lẽ sự lo lắng con bé dành cho người anh song sinh ít được yêu thương hơn này có thể khiến nó chấp nhận cả lời buộc tội điên khùng này sao? Và lời buộc tội đó là gì? Ông bố đã làm hành động nguy hại gì, ông đã gây tổn thương gì cho con cái ông đến độ hai đứa song sinh này phải trở thành đồng minh của Delphine Roux và Lester Farley? Và hai đứa con kia, hai đứa con làm khoa học của ông - chúng và những sự thận trọng của chúng cũng về phe mấy người kia sao? Lần cuối ông nghe được tin từ *chúng* là khi nào?

Bây giờ ông nhớ lại giờ phút khủng khiếp đó sau đám tang của Iris, nhớ lại và thêm một lần đau đớn bởi những lời buộc tội mà Mark ném vào cha trước khi hai đứa con trai lớn bước vào và lôi thẳng bé về phòng cũ của nó rồi giữ nó ở lại đó đến hết buổi chiều. Những ngày tiếp theo, khi các con vẫn ở quanh mình, Coleman muốn tin rằng nỗi buồn khổ của Markie chứ không phải chính Mark đã khiến nó dám nói những lời đó, nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã quên hoặc thậm chí có thể quên. Markie đã bắt đầu trách cứ ông chỉ vài phút sau khi họ

lái xe từ nghĩa trang về nhà. “Trường không làm chuyện này. Đám người da đen đó không làm chuyện này. Kẻ thù của ba không làm chuyện này. *Chính ba* đã làm chuyện này. Ba đã giết mẹ. Coi cái kiểu ba giết mọi thứ đó! Bởi vì ba phải đúng! Bởi vì ba sẽ không xin lỗi, bởi vì lúc nào ba cũng phải đúng một trăm phần trăm, nên bây giờ *mẹ* mới phải chết! Và tất cả chuyện này có thể được giải quyết bằng một cú phẩy tay - tất cả sẽ được giải quyết trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ nếu ba biết cách *xin lỗi* một lần trong đời. ‘Tôi lấy làm tiếc vì tôi đã nói “lũ ma.”‘ Ba chỉ phải làm mỗi chuyện đó thôi, vĩ nhân ạ, chỉ cần đến gặp hai sinh viên đó và nói ba lấy làm tiếc, và mẹ sẽ không chết!”

Ngoài bãi cỏ, bất ngờ Coleman cảm thấy nghẹn trong cổ cơn tức giận mà ông không còn cảm thấy kể từ cái ngày sau cơn bột phát của Markie, khi ông viết và đệ trình đơn nghỉ việc lên trường đại học, tất cả chỉ trong thời gian một tiếng đồng hồ. Ông biết rằng có những cảm nghĩ như thế đối với con cái mình là không đúng. Từ vụ việc lũ ma, ông biết rằng cơn giận dữ ở mức độ như thế là một dạng khủng điên mà ông có thể sẽ phó mặc mình cho nó. Ông biết rằng sự căm phẫn như vậy sẽ chẳng dẫn đến cách tiếp cận lớp lang và hợp lý nào đối với vấn đề. Là một nhà giáo dục ông biết cách dạy dỗ và là một người cha ông biết cách làm cha và là một người đàn ông trên bảy mươi ông biết rằng người ta không được nhận định rằng chẳng có gì, nhất là trong một gia đình, ngay cả một gia đình có một đứa con đầy thù hận như Mark, là hoàn toàn không thể thay đổi. Và không phải chỉ riêng từ sự cố lũ ma mà ông biết đến cái có thể xói mòn và làm méo mó một con người vốn tin mình đã bị bực đãi nặng nề. Từ cơn phẫn nộ của Achilles, cơn thịnh nộ của Philoctetes, những sự giận dữ của Medea, cơn điên khủng của Ajax, nỗi tuyệt vọng của Electra và nỗi đau khổ của Prometheus, ông biết nhiều điều khủng khiếp có thể xảy ra khi cơn giận dữ đạt mức độ cao nhất và, nhân danh công lý, người ta lao

đi trả thù và sự trả thù sẽ kéo theo sự trả thù như một vòng tròn luân quân.

Và may sao là ông biết tất cả những chuyện này, bởi vì phải cần tới chúng, phải cần đến cái liều thuốc phòng ngừa chiết xuất ra từ toàn bộ bi kịch Athens và sử thi Hy Lạp, để kèm giữ ông khỏi gọi điện liền tức khắc để nhắc Markie nhớ rằng cậu đã và luôn luôn là một thằng ngu xuẩn làm sao.

Cuộc chạm trán trực diện với Farley xảy ra khoảng bốn tiếng đồng hồ sau. Theo những tình tiết tôi thu thập được, Coleman, để chắc chắn rằng không có ai dò xét ngôi nhà, đã đích thân đi ra đi vào cửa trước và cửa sau và cửa bếp khoảng sáu bảy lần trong mấy tiếng đồng hồ sau khi Faunia đến. Mãi đến khoảng mười giờ, khi cả hai đang đứng cùng nhau bên trong cửa lưới nhà bếp, ôm chặt nhau trước khi chia tay, ông mới có thể vượt lên tất cả cơn giận dữ đang gặm nhấm và để cho điều thật sự nghiêm túc trong cuộc đời ông - sự say đắm với mối quan hệ tình ái cuối cùng, điều mà Mann, khi viết về Aschenbach, gọi là “cuộc phiêu lưu cảm xúc trễ tràng” - tái khẳng định mình và choán lấy ông. Khi cô sắp sửa ra về, cuối cùng ông cũng thấy khao khát cô như thể ngoài cô ra không còn gì là đáng kể nữa - không gì hết, con gái ông không, các con trai ông không, người chồng cũ của Faunia hay Delphine Roux cũng không nốt. Đây không chỉ đơn thuần là cuộc sống, ông nghĩ, đây là *điểm cuối* của cuộc sống. Điều không thể chịu đựng được không phải là toàn bộ mối ác cảm vô lý mà ông và Faunia đã khơi dậy, điều không thể chịu đựng được là ông đã tới chuỗi ngày cuối cùng, tới đầu mút của chuỗi đó, là cái lúc, nếu như cái lúc đó là có thật, để ngưng cãi vã, ngưng cự tuyệt, giải phóng bản thân ông khỏi sự tận tâm mà bằng vào nó ông đã nuôi dạy bốn đứa con hoạt bát, đã kiên trì đi qua cuộc hôn nhân như bãi chiến trường, đã gây ảnh hưởng lên các đồng sự ngoan cố, đã hướng dẫn những sinh viên tầm thường của Athena, bằng hết sức ông, học qua một nền văn chương cổ đã hai

ngàn năm trăm năm tuổi. Đã đến lúc để buông xuôi, để cho sự thèm khát giản dị này trở thành kẻ dẫn đường của ông. Xa khỏi lời buộc tội của họ. Xa khỏi bản cáo trạng của họ. Xa khỏi sự phán xét của họ. Ông tự nhủ, trước khi chết, hãy học cách sống xa khỏi vòng tài phán của lời cáo buộc ngu ngốc, đáng tởm, điên cuồng của họ.

Cuộc chạm trán với Farley. Cuộc chạm trán đêm đó với Farley, cuộc đối đầu với một chủ trang trại nuôi bò sữa, người không định thất bại nhưng đã thất bại, một công nhân trong đội làm đường đã cống hiến hết mình cho thị trấn này bất chấp nhiệm vụ được phân cho hẳn ta hèn mọn và thiếu danh giá như thế nào, một người Mỹ trung thành vốn đã phục vụ cho đất nước của hẳn với không phải một đợt mà là hai đợt nhập ngũ, người đã trở lại lần thứ hai để hoàn tất cái nhiệm vụ chết tiệt. Tái nhập ngũ và trở lại quân đội bởi khi hẳn ta về nhà lần đầu mọi người nói hẳn không như hồi trước và họ không nhận ra hẳn, và hẳn thấy điều đó là sự thật: tất cả bọn họ đều sợ hẳn. Hẳn trở về với họ từ mặt trận rừng rú vậy mà hẳn chẳng những không được trân trọng mà còn khiến người ta ghê sợ, thế thì tội tình gì hẳn lại không trở lại. Hẳn không mong đợi người ta đối xử với hẳn như anh hùng, nhưng mọi người nhìn hẳn như vậy sao? Vì vậy hẳn trở lại phục vụ quân đội lần thứ hai, và lần này hẳn đã võ bị cho mình đầy đủ. Nổi giận đùng đùng. Ngùn ngụt khả năng chiến đấu. Một chiến binh cực kỳ hăng máu. Lần thứ nhất hẳn không hùng hổ đến như vậy. Lần thứ nhất hẳn là Les xuề xòa vẫn chưa biết cảm thấy vô vọng là như thế nào. Lần thứ nhất hẳn là chàng trai đến từ vùng đồi núi Berkshire đặt rất nhiều niềm tin vào con người và chưa hề biết cuộc sống có thể rẻ mặt đến thế nào, chưa hề biết thuốc men là gì, chưa hề có cảm giác thấp kém trước bất cứ ai, Les vô tư lự, không gây đe dọa gì cho xã hội, có cả đồng bạn bè, xe ngon, những thứ kiểu vậy. Lần thứ nhất hẳn cắt những cái tai bởi vì hẳn ở đó, và người ta vẫn làm thế, nhưng chỉ có vậy thôi. Hẳn không phải là một trong những kẻ mà một khi họ ở trong tình trạng hỗn loạn

vô kỷ luật thì không thể kèm mình lại, những kẻ không giỏi kiểm soát cho lắm hay thậm chí là còn hơi quá khích và chỉ cần cơ hội nhỏ nhất nhất là nổi khùng lên luôn. Một người trong đơn vị hấn, một gã mà họ gọi là Bự Con, gã mới chỉ đến đó một hoặc hai ngày đã rạch toang bụng một phụ nữ có mang. Bản thân Farley cũng chỉ bắt đầu thạo việc vào cuối đợt đi lính đầu tiên. Nhưng đợt thứ hai, trong đơn vị này, nơi có nhiều gã khác, những người cũng quay lại trận mạc như hấn và những người không quay lại chỉ để giết thời gian hoặc để kiếm thêm vài đồng bạc, ở cùng với bọn họ, những kẻ luôn tìm cách để được cho ra mặt trận, những kẻ điên khùng thừa nhận nỗi kinh hoàng của chiến tranh nhưng cũng biết đó là phút giây tuyệt vời nhất của cuộc đời chúng, hấn cũng trở nên điên khùng. Trong một cuộc chạm súng, phải né đạn, nã súng, anh không thể sợ hãi, nhưng anh có thể phát rồ và tận hưởng khoái cảm, và vì thế trong lần đi lính thứ hai hấn đã phát rồ. Đợt thứ hai hấn tàn phá dữ dội. Sống một cuộc sống liều lĩnh, cực độ, đầy kích động và sợ hãi, và chẳng có gì trong cuộc sống dân sự có thể sánh với nó. Tác xạ trên trực thăng. Họ đang thiệt hại nhiều trực thăng và họ cần những xạ thủ trực thăng. Vào lúc họ tuyển xạ thủ trực thăng, hấn chộp ngay lấy, hấn tình nguyện. Tuốt trên đó bên trên chiến sự, và nhìn từ trên cao mọi thứ trông thật nhỏ bé, hấn chỉ cần bắn xuống *xối xả*. Bất cứ thứ gì di chuyển. Chết chóc và hủy diệt, nghề tác xạ trực thăng chỉ có thế. Lại thêm điều hấp dẫn là anh khỏi phải ở trong rừng rậm dưới đó suốt cả chiến dịch. Nhưng rồi hấn trở về nhà và mọi thứ không khá hơn lần đầu mà còn tồi tệ hơn. Không giống những chàng trai trong Thế chiến thứ hai: họ về bằng tàu, họ có cơ hội thư giãn, họ có người chăm sóc họ, hỏi thăm họ thế nào. Nhưng giờ thì không có bước chuyển tiếp. Hôm trước hấn còn làm xạ thủ trực thăng ở Việt Nam, thấy những chiếc trực thăng phát nổ, chứng kiến đồng đội nổ tung giữa không trung, ở tít bên dưới thì ngửi thấy mùi da đang cháy, nghe những tiếng kêu la, thấy cả ngôi làng cháy rụi, ngay bữa sau hấn đã trở về vùng đồi núi Berkshire. Và bây giờ hấn *thực sự* không thể hòa nhập, và, bên cạnh đó, lúc này hấn bắt đầu sợ những ý nghĩ vo ve

trong đầu. Hãn không muốn ở gần người khác, hãn không thể cười to hay nói đùa, hãn cảm thấy rằng hãn không còn là một phần trong thế giới của họ nữa, rằng hãn đã thấy và đã làm những gì vượt quá tầm hiểu biết của những người này đến độ hãn không thể nối kết với họ và họ không thể nối kết với hãn. Họ nói với hãn là hãn có thể về nhà ư? Làm sao hãn có thể về nhà? Ở nhà hãn không có trực thăng. Hãn ở một mình và hãn uống rượu và khi hãn thử đến Sở Cựu chiến binh và họ bảo hãn chỉ tới đó vò tiền trong khi hãn biết hãn đến đó để tìm giúp đỡ. Trước đó, hãn cố tìm kiếm sự giúp đỡ từ chính phủ và họ chỉ cho hãn vài viên thuốc ngủ, vậy là mả cha cái chính phủ. Đối xử với hãn giống như thứ rác rưởi. Anh còn trẻ, họ nói với hãn, anh sẽ vượt qua. Vì vậy hãn cố vượt qua. Không chơi được với chính quyền, thế nên hãn đành trông cậy vào bản thân. Chỉ có điều trở về nước và tự mình ổn định lại cuộc sống sau hai đợt đi lính thì không dễ chút nào. Hãn không bình tĩnh được. Hãn kích động. Hãn bồn chồn. Hãn uống rượu. Hơi tí là hãn nổi khùng. Đầu óc hãn vo ve vo ve những suy nghĩ. Nhưng hãn vẫn cố: cuối cùng hãn có được cô vợ, nhà, hai đứa con, nông trại. Hãn muốn ở một mình, nhưng cô ta muốn ổn định và làm nông trại với hãn, vì vậy hãn cũng cố muốn ổn định cuộc sống theo. Những thứ mà thằng Les xuề xòa muốn cách đây mười, mười lăm năm, trước khi có Việt Nam, hãn cố muốn lần nữa. Vấn đề là, hãn thực sự không đồng cảm được với những người này. Hãn ngồi trong nhà bếp và hãn ăn với họ và hãn chẳng cảm thấy gì hết. Hãn không thể đi từ không sang có tình cảm. Nhưng hãn vẫn cố. Đôi lần vào nửa đêm hãn thức giấc thấy mình đang bóp cổ cô ta, nhưng đó không phải là lỗi của hãn - đó là lỗi của chính phủ. Chính phủ đã làm thế với hãn. Hãn nghĩ cô ta là bọn địch chó đẻ. Cô ta nghĩ hãn đang làm gì cơ chứ? Cô ta biết là hãn sắp thoát khỏi nó. Hãn không bao giờ làm đau cô ta và hãn không bao giờ làm đau bọn trẻ. Những lời kia rặt toàn là nói dối. Cô ta không bao giờ quan tâm đến bất cứ thứ gì trừ bản thân. Lẽ ra hãn phải biết là đừng bao giờ để cô ta mang bọn trẻ đi. Cô ta chờ cho đến khi hãn ở trong trại cai nghiện rượu - đó là lý do cô ta muốn đưa

hắn vào trại cai nghiện. Cô ta nói cô ta muốn hắn sống tốt hơn để họ có thể lại ở với nhau và thay vào đó cô ta đã dùng toàn bộ chuyện này chống lại hắn để mang bọn trẻ ra khỏi tầm tay hắn. Con chó cái. Con khốn nạn. Cô ta đã lừa hắn. Lẽ ra hắn phải biết chừng bao giờ để cô ta mang bọn trẻ đi. Đó một phần là lỗi của hắn bởi vì hắn quá say và họ có thể dùng vũ lực tống hắn vào trại cai nghiện, nhưng hắn là tốt hơn nếu hắn giết hết bọn họ khi hắn nói hắn sẽ làm thế. Lẽ ra phải giết cô ta, lẽ ra phải giết bọn trẻ, và nếu không có vụ trại cai nghiện thì có thể lắm. Và cô ta biết điều đó, biết rằng hắn sẽ giết họ như *thế* nếu có bao giờ cô cố mang chúng đi. Hắn là cha chúng - nếu có người nào nuôi dưỡng những đứa con của hắn thì đó phải là hắn. Nếu hắn không thể chăm sóc chúng, thì tốt hơn bọn trẻ nên chết đi cho rồi. Cô ta không có quyền đánh cắp những đứa con của hắn. Đánh cắp chúng, rồi sau đó *cô ta* giết chúng. Đó là sự trả giá cho những gì hắn đã làm ở Việt Nam. Tất cả họ đều nói điều đó tại trại cai nghiện - trả giá cái này và trả giá cái nọ, nhưng tất cả mọi người đều nói vậy cũng không làm cho nó khác đi. Nó *đúng là* sự trả giá, *toàn bộ* đều là sự trả giá, cái chết của bọn trẻ là sự trả giá và tay thợ mộc cô ta đụ ngày ấy là sự trả giá. Hắn không biết tại sao hắn lại không giết gã. Ban đầu hắn chỉ nghĩ thấy mùi khói. Hắn đang ở trong bụi rậm bên đường theo dõi hai người bọn họ trong chiếc xe tải của tay thợ mộc. Họ đậu xe trên lối xe vào. Cô ta xuống cầu thang - căn hộ cô ta thuê nằm trên một ga ra ở phía sau một ngôi nhà nhỏ một tầng - và cô ta chui vô chiếc xe tải đó và dù không có đèn và không có trăng nhưng hắn biết chuyện gì đang xảy ra. Rồi hắn nghĩ thấy mùi khói. Cách duy nhất giúp hắn sống sót ở Việt Nam là dù cho có bất cứ thay đổi gì, một tiếng động, mùi của một con thú, mọi động tĩnh trong rừng rậm, hắn luôn có thể phát hiện ra trước bất cứ ai khác - trong rừng rậm hắn luôn cảnh giác, cứ như hắn sinh ra ở đó. Không thể thấy khói, không thể thấy ngọn lửa, không thể thấy bất cứ thứ gì bởi trời quá tối, nhưng bất ngờ hắn nghĩ thấy mùi khói và những thứ này bay vo ve trong đầu hắn và hắn bắt đầu chạy. Họ thấy hắn đến và họ nghĩ hắn sắp bắt bọn trẻ đi. Họ không biết ngôi

nhà đang cháy. Họ nghĩ hẳn đang phát điên. Nhưng hẳn nghĩ thấy mùi khói và hẳn biết nó tỏa ra từ tầng trên và hẳn biết bọn trẻ ở trong đó. Hẳn biết vợ hẳn, con chó cái khốn nạn ngu ngốc đó, sẽ không làm bất cứ điều gì bởi vì mụ đang trong chiếc xe tải mà bú thẳng thợ mộc. Hẳn chạy băng qua chỗ họ. Hẳn không biết hiện hẳn ở đâu, hẳn quên mất hẳn ở đâu, hẳn chỉ biết rằng hẳn phải vào trong đó và lên lầu, và thế là hẳn đâm mạnh vào cửa phụ và chạy lên tới nơi lửa cháy, và đó là lúc hẳn thấy bọn nhỏ trên cầu thang, xúm xít ở đó tại đầu cầu thang, và chúng đang thở dốc, và đó là khi hẳn bế được chúng. Chúng co rúm vào nhau trên cầu thang và hẳn bế chúng lên và lao ra khỏi cửa. Chúng còn sống, hẳn chắc thế. Hẳn không nghĩ có khả năng rằng chúng không còn sống nữa. Hẳn chỉ nghĩ chúng sợ. Rồi hẳn nhìn lên và người hẳn thấy bên ngoài cửa, đứng đó nhìn, là ai vào đây ngoài chính tay thợ mộc. Đó là lúc hẳn mất trí. Không biết mình đang làm gì. Đó là khi hẳn chộp ngay lấy cổ họng gã đó. Bắt đầu bóp cổ gã, và con chó cái đó, thay vì chạy đến chỗ bọn trẻ, lại sợ hẳn sẽ bóp cổ chết thẳng bõ chó đẻ đó. Con chó cái khốn kiếp sợ hẳn giết bạn trai ả thay vì lo cho lũ con khốn nạn của chính ả. Lẽ ra chúng đã sống sót. Đó là lý do chúng chết. Bởi vì cô ả đ. lo lắng gì đến bọn trẻ. Chưa bao giờ. Chúng chưa chết khi hẳn bế chúng lên. Chúng còn *ấm*. Hẳn biết cái chết là gì. Hai đợt đi lính ở Việt Nam, anh không cần nói với hẳn chết là gì. Hẳn có thể *đánh hơi* thấy cái chết khi cần. Hẳn có thể *nếm mùi* cái chết. Hẳn biết cái chết là gì. *Chúng - chưa - chết*. Chính là thằng bạn trai mới sắp chết cha nó đây, cho đến khi cảnh sát, móc ngoặc với chính quyền, đến với đủ súng ống, và đó là khi họ tống hẳn vào trại tâm thần. Con chó cái đó giết bọn trẻ, đó là sự tặc trách của ả, và họ tống *hẳn* vào trại tâm thần. Chúa ơi, hãy để tôi đứng trong một phút thôi! Con chó cái đó không thèm để tâm! ả không bao giờ để tâm. Giống như khi hẳn có linh cảm họ sắp lọt vào một ổ phục kích. Không thể nói tại sao nhưng hẳn biết họ đang bị gài bẫy và không ai tin hẳn, và hẳn *đúng*. Gã sĩ quan đàn độn mới đến năm đại đội không chịu lắng nghe hẳn, và người ta bị giết như thế đó. Người ta bị thiêu rụi như thế

đó! Lũ ngốc gây ra cái chết cho hai người bạn thân nhất của hắn như thế đó! Họ không thèm nghe hắn! Họ không công nhận hắn! Hắn đã sống sót trở về, không phải ư? Hắn trở về còn nguyên vẹn tay chân, hắn trở về với con cu lành lặn - anh biết để làm sao mới được như vậy không? Nhưng ả sẽ không thèm nghe! Không bao giờ. ả quay lưng lại hắn và ả quay lưng lại những đứa con của hắn. Hắn chỉ là một cựu chiến binh Việt Nam điên khùng. Nhưng hắn *biết* nhiều thứ, mẹ kiếp. Còn ả *chẳng biết* gì ráo. Nhưng họ có tống con chó cái ngu xuẩn đó vào nhà thương điên không? Họ lại tống *hắn* kìa. Họ chích cho hắn đủ thứ. Họ lại ràng hắn bằng đai da, và họ sẽ không để cho hắn ra khỏi Sở Cựu chiến binh Northampton. Và hắn chỉ làm những thứ họ đã huấn luyện hắn làm: thấy địch thì giết. Họ huấn luyện anh trong một năm, sau đó họ cố giết anh suốt một năm, và khi anh chỉ làm đúng theo những gì họ đã huấn luyện anh làm, đó là lúc bọn họ ràng con mẹ nó đai da vào anh và chích đầy cút vào anh. Hắn đã làm những điều họ huấn luyện hắn làm, và khi hắn đang làm con vợ chó đẻ của hắn đã quay lưng lại với những đứa con của hắn. Lẽ ra hắn nên giết tất cả bọn họ khi có thể. Đặc biệt là gã đó. Thăng bạn trai. Lẽ ra hắn nên cắt cái đầu chó đẻ của chúng. Hắn không biết tại sao hắn không làm. Khôn hồn đừng đến gần hắn. Nếu hắn biết thăng bạn trai chó đẻ đó ở đâu, hắn sẽ giết gã nhanh đến độ gã không biết cái gì đã đụng vào gã, và họ sẽ không biết hắn đã làm chuyện đó bởi vì hắn biết cách làm chuyện đó mà không ai nghe được động tĩnh gì. Bởi vì đó là cái chính phủ này huấn luyện hắn làm. Hắn là một sát thủ có nghề nhờ công chính phủ Mỹ. Hắn làm công việc của hắn. Hắn làm những gì người ta bảo hắn làm. Và mẹ kiếp hắn bị đối xử như thế này sao? Họ đẩy hắn vào trong khu cách ly, họ đặt hắn trong lồng bảo vệ, họ tống *hắn* vào cái lồng chó đẻ này! Và thậm chí họ còn không viết cho hắn một ngân phiếu nào. Sau tất cả những chuyện này hắn nhận được chỉ hai mươi phần trăm trợ cấp chó đẻ. Hai mươi phần trăm. Hắn đã bắt cả gia đình hắn khổ sở vì hai chục phần trăm đó. Và thậm chí để có được hai chục phần trăm đó hắn cũng phải chơi trò luân lợt. “Vậy, hãy nói cho tôi

biết chuyện gì đã xảy ra,” họ nói, những nhân viên xã hội nhỏ bé đó, những nhà tâm lý học nhỏ bé với tấm bằng đại học đó. “Anh đã giết ai khi ở Việt Nam chưa?” Có ai mà hẳn *không* giết khi hẳn ở Việt Nam không? Bộ đó không phải là những gì hẳn có nhiệm vụ *phải* làm khi họ phải hẳn đến Việt Nam sao? Giết hết bọn khi da vàng. Họ nói mọi thứ đều phải chết? Vậy là mọi thứ đều chết cả. Tất cả đều dính đến từ “giết”. Giết bọn mọi vàng! Cứ như câu “Anh đã giết ai chưa?” chưa đủ tẻ, họ cho hẳn một chuyên gia tâm thần da vàng chó đẻ, cứ như thứ cứt đá Tàu phù. Hẳn phục vụ đất nước hẳn và hẳn thậm chí không có được một bác sĩ nói tiếng Anh. Khắp vùng Northampton này họ có những nhà hàng Tàu, họ có những nhà hàng Việt Nam, những chợ Hàn Quốc - nhưng còn hẳn? Nếu anh là một thằng Việt Nam, nếu anh là một thằng Tàu, anh làm ăn, anh làm ra một nhà hàng, anh làm ra một cái chợ, anh làm ra một cửa hàng bách hóa, anh xây dựng được một gia đình, anh được hưởng một nền giáo dục tốt. Nhưng họ đi.. có gì cho hẳn hết. Bởi vì họ muốn hẳn chết. Họ mong hẳn đừng bao giờ trở về. Hẳn là cơn ác mộng tồi tệ nhất của họ. Người ta không *nghĩ* hẳn sẽ trở về. Và bây giờ là tên giáo sư đại học này. Biết thằng đó ở đâu khi chính phủ phải chúng tao tới đó dễ như ăn kẹo không? Y ở ngoài đó lãnh đạo bọn phản chiến chó đẻ. Người ta trả tiền cho bọn chúng, khi bọn chúng đến trường đại học, để dạy, để dạy bọn trẻ, chứ đi.. phải là để phản đối chiến tranh Việt Nam. Bọn chúng không cho chúng tao một cơ hội cứt gì cả. Chúng nó nói chúng tao đã thua cuộc chiến tranh này. *Chúng tao* không thua cuộc chiến này, chính phủ thua cuộc chiến này. Nhưng khi đám giáo sư bánh chọe thấy thích, thay vì lên lớp, bọn chúng lại ra chặn đường mọi người để phản đối chiến tranh, và đó là lời cảm ơn hẳn nhận được vì đã phục vụ đất nước. Đó là lời cảm ơn cho thứ cứt đá mà hẳn đã chịu đựng hết ngày này sang ngày khác. Hẳn không ngủ được trọn một đêm chết tiệt nào. Hẳn không được ngủ ngon một đêm nào trong suốt hai mươi sáu năm chó đẻ đó. Và vì thế, vì *thế* vợ hẳn mới bú cu một thằng giáo sư Do Thái chết tiệt vợ vẫn phải không? Không có nhiều thằng Do Thái chó đẻ ở Việt Nam, hẳn

nhớ là thế. Chúng quá bận rộn lo lấy bằng cấp. Thằng chó đẻ Do Thái. Bọn chó đẻ Do Thái cứ bị sao đó. Chúng nhìn chẳng ra hồn gì sất. Ắ đã bò xuống bú *thằng cha* đó sao? Chúa ơi. Mắc mưa, trời đất ơi. Toàn bộ vụ này là vì cái gì? Ắ chẳng biết cái đích gì. Đời ắ chưa có ngày nào là cực khổ. Hấn chưa từng làm đau ắ và hấn chưa bao giờ làm đau bọn trẻ. “*Ôi*, cha dượng của em rất tệ với em.” Lão cha dượng thường vuốt ve ắ. Lẽ ra phải đụ ắ, điều đó chắc làm ắ khôn ra một chút. Mà thế thì lúc này bọn trẻ vẫn còn sống. Bọn trẻ của hấn đáng ra vẫn còn sống! Hấn hấn sẽ giống tất cả những gã còn lại ngoài kia, sống với gia đình và những chiếc xe đẹp của họ. Thay vì bị nhốt một chỗ trong Sở Cựu chiến binh chó đẻ. Đó là lời cảm ơn hấn nhận được: thuốc an thần Thorazine. Lời cảm ơn của hấn là Thorazine. Chỉ bởi vì hấn nghĩ hấn vẫn đang ở Việt Nam.

Đó chính là Lester Farley, người gào lên và lao ra từ bụi cây. Đó chính là người đã bắt gặp Coleman và Faunia trong khi họ đứng sát gần cửa bếp, là người lao ra gào vào mặt họ từ bóng tối của bụi cây bên hông nhà. Và tất cả chuyện đó chỉ là chút xíu trong số những gì vo ve trong đầu hấn, đêm này qua đêm khác, qua suốt mùa xuân và lẹm cả sang đầu hè, nấp trong nhiều giờ liên tục, bị bó cứng, tỉnh như tờ, trải qua biết bao cảm xúc, nấp kín ở đó để xem cô ắ làm chuyện đó. Làm những điều cô ắ làm khi hai đứa con của chính ắ ngạt thở đến chết trong khói. Lần này thậm chí không phải với một thằng trạc tuổi cô ắ. Thậm chí không trạc tuổi Farley. Lần này cũng không phải với ông chủ của ắ, tay cầu thủ Hollenbeck vĩ đại. Ít nhất Hollenbeck còn cho cô ắ thứ gì đó bù lại. Anh có thể hầu như nể ắ về vụ Hollenbeck. Nhưng bây giờ con mụ này đã bị rồ, đến mức cô ắ sẽ làm chuyện đó với bất cứ ai mà không đòi gì cả. Bây giờ ắ ngủ với một lão già da bọc xương tóc bạc, với một tay giáo sư Do Thái cao ngạo, bản mặt Do Thái vàng ệch của lão ta méo xệch vì niềm vui thú và đôi tay già nua run rẩy của lão giữ chặt đầu ắ. Còn ai khác có vợ mình bú cu một lão

Do Thái? Có ai khác! Lần này con chó cái giết người bướng bỉnh ấy đang rên rỉ tống vào cái miệng điểm thú của ả thứ tinh dịch lỏng loét của một lão Do Thái đáng tởm, còn Rawley và Les Con thì vẫn chết.

Trả giá. Việc đó không bao giờ kết thúc.

Cảm giác như đang bay, cảm giác như ở Việt Nam, cảm giác giống như giây phút anh phát rồ lên. Điên khùng hơn, hết sức đột ngột, bởi cô ả đang bú cu lão Do Thái đó hơn là bởi cô ả đã giết chết bọn trẻ, Farley nhảy vọt lên, gào rú, và tay giáo sư Do Thái gào rú đáp lại, tay giáo sư Do Thái giơ que sắt cạy vỏ xe lên, và chỉ vì Farley đi tay không - bởi vì đêm đó hắn đi thẳng tới đó từ buổi diễn tập chữa cháy và không cầm theo cây súng nào từ cái hầm chứa đầy nhóc súng của hắn - nên hắn không bắn tan xác họ. Làm sao mà hắn lại không chộp lấy thanh sắt và tước nó khỏi tay lão và kết thúc mọi chuyện theo cách đó thì hắn chẳng bao giờ biết được. Dùng thanh sắt đó mà xử chúng thì chắc đẹp lắm. “Bỏ nó xuống! Tao sẽ đập bể cái đầu chó đẻ của mày bằng cái đó đó! Bỏ mẹ nó xuống!” Và tay Do Thái bỏ nó xuống. May mắn cho tên Do Thái, lão bỏ nó xuống.

Sau khi hắn về tới nhà đêm đó (mà hắn cũng không bao giờ biết làm sao hắn làm được điều đó) và tới tận sáng sớm - khi phải cần đến năm người đàn ông từ sở cứu hỏa, năm người bạn của hắn, giữ chặt hắn và ràng hắn vào đai da và lái xe đưa hắn đến Northampton - Les đã thấy tất cả, mọi thứ, đột nhiên, ngay ở đó trong ngôi nhà của chính hắn, chịu đựng cái nóng, chịu đựng mưa, bùn, những con kiến khổng lồ, những con ong Phi châu trên sàn nhà trải vải sơn ngay bên cạnh bàn bếp, bị ỉa chảy, nhức đầu, suy kiệt do thiếu thức ăn và nước uống, thiếu đạn dược, biết chắc chắn đây là đêm cuối cùng của hắn, chỉ chờ nó xảy ra, Foster đập nhằm bẫy mìn, Quillen chết đuối, chính hắn cũng suýt chết đuối, phát hoảng lên, ném lựu đạn tứ phía và gào la “Tao không muốn chết,” những máy bay chiến đấu đều nhằm lẫn hết cả và bắn vào họ, Drago mất một chân, một cánh tay, với mũi, thân thể

cháy đen của Conrity dính chặt vào tay hãn, không thể cho trực thăng đáp xuống, trực thăng nói họ không thể đáp xuống bởi vì họ bị tấn công và hãn giận điên lên khi biết rằng hãn sắp chết đến độ hãn đang cố bắn cho nó rơi, bắn rơi chiếc trực thăng của chính họ - đêm phi nhân nhất hãn từng chứng kiến và bây giờ nó ở ngay đây, trong căn nhà bắn thiêu của chính hãn và nó cũng là đêm dài nhất, đêm dài nhất của hãn trên trái đất này, chết điếng với từng cử động của mình, những gã kia la hét và vãi cứt và khóc lóc, bản thân hãn cũng không được chuẩn bị để nghe nhiều tiếng khóc như vậy, những gã kia lãnh đạn vào mặt và hấp hối, trút hơi thở cuối cùng và chết, xác của Conrity nằm cả trên tay hãn, Drago chảy máu tùm lum, Lester cố lay ai đó đã chết cho tỉnh lại và không ngừng la hét, gào rú, “Tao không muốn chết.” Không thể hoãn lại cái chết. Không thể nghỉ một tí khỏi cái chết. Không cách chi trốn khỏi cái chết. Không có chút gì lắng xuống nơi cái chết. Chiến đấu chống lại cái chết suốt cho đến sáng và mọi thứ đều dữ dội. Nỗi sợ hãi dữ dội, sự giận dữ dữ dội, không trực thăng nào muốn đáp xuống và cái mùi khủng khiếp từ máu Drago ở đó trong ngôi nhà chó đẻ của chính hãn. Hãn không biết cái mùi đó kinh khủng đến thế nào. **MỌI THỨ ĐỀU QUÁ DỮ DỘI VÀ MỌI NGƯỜI ĐỀU Ở XA NHÀ VÀ GIẬN DỮ GIẬN DỮ GIẬN DỮ GIẬN DỮ THỊNH NỘ!**

Gần như suốt đoạn đường đến Northampton - cho đến khi họ không chịu được nữa và bị mồm hãn - Farley đào hố đến tận khuya và thức dậy vào buổi sáng nhận ra hãn đã ngủ trong nắm mồi của ai đó cùng bọn giòi. “Làm ơn!” hãn kêu lên. “Tôi hết chịu nổi rồi! Không chịu nổi nữa!” Và thế là họ không có chọn lựa nào khác ngoài việc bắt hãn im mồm.

Tại bệnh viện Sở Cựu chiến binh, nơi người ta chỉ có thể đưa được hãn tới bằng vũ lực và cũng là nơi hãn đã bỏ trốn trong nhiều năm - cả đời chạy trốn khỏi cái bệnh viện của một chính phủ mà hãn không thể đối phó - họ đưa hãn vào phòng cách ly, buộc hãn vào giường, truyền nước cho hãn, ổn định hãn, giải độc hãn, cai rượu cho hãn, chữa bệnh

gan cho hẳn, và sau đó, trong sáu tuần tiếp theo, mỗi sáng trong buổi điều trị theo nhóm hẳn đều kể lại chuyện Rawley và Les Con đã chết ra sao. Hẳn kể cho họ nghe tất cả những gì đã xảy ra, và ngày ngày vẫn nói với họ về chuyện đã không thể xảy ra khi hẳn thấy khuôn mặt ngạt thở của hai đứa nhỏ con hẳn và biết chắc rằng chúng đã chết.

“Tê điếng,” hẳn nói. “Tê điếng chết mẹ. Không cảm xúc. Tê điếng trước cái chết của hai đứa con. Mắt con tôi trợn ngược lên và nó không có mạch. Tim nó đã ngừng đập. Con trai tôi đ.. còn thở nữa. Con trai tôi. Les bé bỏng. Đứa con trai duy nhất tôi từng có. Nhưng tôi không cảm thấy gì hết. Tôi hành động cứ như nó là người lạ. Với Rawley cũng vậy. Con bé là người lạ. Con gái bé nhỏ của tôi. Việt Nam chó đẻ, mày đã gây ra chuyện này! Sau từng ấy năm cuộc chiến đã trôi qua, và mày gây ra chuyện này! Mọi cảm xúc của tôi đều đã hỏng bét. Tôi cảm thấy giống như mình bị táng vào một bên đầu bằng một thanh gỗ trong khi không có gì xảy ra. Rồi một việc xảy ra, một việc *to* chết mẹ, thì tôi lại không cảm thấy một điều chó đẻ gì hết. Tê liệt hoàn toàn. Con tôi đã chết, nhưng thân thể tôi tê dại và đầu óc tôi trống rỗng. Việt Nam. Chính nó! Tôi chưa bao giờ khóc các con tôi. Thăng bé lên năm còn con bé lên tám. Tôi tự nhủ, ‘Tại sao mình không thể cảm thấy gì hết?’ tôi nói, ‘Tại sao mình không cứu chúng? Tại sao mình không thể cứu được chúng?’ Trả giá. Trả giá! Tôi cứ nghĩ về Việt Nam. về tất cả những lúc tôi nghĩ mình đã chết. Bằng cách đó tôi bắt đầu hiểu rằng mình không thể chết. Bởi vì tôi đã chết rồi. Bởi vì tôi đã chết ở Việt Nam rồi. Bởi vì tôi là một kẻ đã *chết* mẹ nó rồi.”

Nhóm đó gồm những cựu binh Việt Nam như Farley trừ hai người trở về từ Chiến tranh vùng Vịnh, những kẻ sứt mướt giẫm phải gai mồng tơi trong cuộc chiến tranh bốn ngày trên bộ. Một cuộc chiến một trăm giờ. Một nhóm thời gian ngồi chờ trên sa mạc. Những cựu binh Việt Nam là những người, trong cuộc sống hậu chiến, đã trải qua những điều tồi tệ nhất - ly dị, rượu chè, ma túy, tội phạm, cảnh sát, nhà

tù, sự chán nản đến tàn hại của chứng trầm cảm, khóc lóc bất khả kiểm soát, thềm gào thét, muốn đập nát thứ gì đó, tay chân run rẩy và thân thể vạm vẹo và gương mặt căng thẳng và mồ hôi từ đầu đến chân do hồi tưởng lại cái khối kim loại bay ấy và những vụ nổ lấp lóa và những tay chân bị cắt rời, do hồi tưởng lại việc giết chóc tù nhân và những gia đình, bà già và trẻ em - và vậy là, dù họ gật gù về chuyện Rawley và Les bé bỏng và hiểu hẳn không thấy cảm xúc gì về chúng khi hẳn thấy chúng với đôi mắt trợn ngược bởi vì chính hẳn đã chết, nhưng họ vẫn nhất trí, những tay thực sự bệnh tật này (trong cái giây phút hiếm hoi khi bất cứ ai trong số họ có thể nói được về ai khác không phải chính họ trong lúc lang thang khắp phố xá sẵn sàng quát nạt và gào lên “Tại sao?” với trời xanh, về bất cứ ai khác không nhận được sự tôn trọng lẽ ra họ phải nhận được, về bất cứ ai khác không được hạnh phúc cho đến khi họ chết và được chôn cất và bị quên lãng), rằng Farley nên dẹp quá khứ sang một bên và tiếp tục sống cuộc đời của hẳn.

Tiếp tục sống cuộc đời của hẳn. Hẳn biết đó là thứ vứt đi, nhưng hẳn chỉ có vậy. Cứ tiếp tục sống. OK.

Hẳn được cho ra viện vào cuối tháng Tám, trong lòng quyết tâm làm như vậy. Và với sự giúp đỡ của một nhóm hỗ trợ mà hẳn tham gia, và nhất là với sự giúp đỡ của một người phải chống nạng tên là Louie Borrero, hẳn đã thành công ít nhất là nửa quãng đường; quả là khó khăn nhưng với sự giúp đỡ của Louie hẳn đã ít nhiều làm được điều đó, kiêng rượu được gần ba tháng tròn, đến tận tháng Mười một. Nhưng rồi - và không phải bởi điều gì đó hẳn nghe được từ ai đó hoặc bởi điều gì đó hẳn thấy trên ti vi hoặc bởi vì một lễ Tạ ơn không gia đình nữa sắp đến, mà bởi vì không có lựa chọn nào cho Farley, không có cách nào ngăn được quá khứ quay trở lại, bành trướng và thúc đẩy hẳn hành động và đòi hỏi ở hẳn một sự hồi đáp khủng khiếp - tất cả những chuyện đó thay vì ở đằng sau hẳn, thì lại ở ngay trước mặt hẳn.

Một lần nữa, đó lại là cuộc đời của hẳn.

2

NÉ ĐÒN

Khi Coleman tới Athena ngày hôm sau để hỏi xem có thể làm được gì để bảo đảm ngăn chặn việc Farley lại xâm nhập đất tư của ông lần nữa hay không, thì tay luật sư, Nelson Primus, đã nói với ông điều ông không muốn nghe: rằng ông nên cân nhắc việc chấm dứt chuyện dan díu. Lần đầu tiên ông tham vấn Primus là khi bắt đầu sự cố lũ ma và, bởi lời khuyên đúng đắn mà Primus đã đưa ra - và bởi cái vẻ thẳng thừng đầy tự phụ trong thái độ của tay luật sư trẻ tuổi làm ông nhớ lại bản thân mình khi còn ở tầm tuổi đó, bởi sự ghê tởm ở Primus đối với những chuyện vớ vẩn ủy mị mà anh ta chẳng buồn che đậy đằng sau vẻ xuề xòa đơn giản thường thấy ở những luật sư khác trong thị trấn này - nên ông mới mang lá thư của Delphine Roux đến cho anh ta.

Primus ngoài ba mươi, chồng của một tiến sĩ trẻ - một giáo sư triết mà Coleman đã thuê trước đó bốn năm - và là cha của hai đứa con nhỏ. Trong một thị trấn đại học vùng New England như Athena, nơi trang phục làm việc của hầu hết những người có học thức đều là từ cửa hàng L. L. Bean, người đàn ông trẻ trung láng bóng, tóc đen mượt, dễ coi, dong dỏng, dẻo dai như vận động viên này xuất hiện ở văn phòng anh ta mỗi sáng trong bộ đồ được may cẩn thận, giày đen bóng lộn, và áo sơ mi trắng hồ bột thêu chữ lồng kín đáo, thứ quần áo cho thấy không chỉ sự tự tin bao trùm và ý thức về tầm quan trọng của cá nhân mà còn thể hiện nỗi ghê tởm đối với sự luộm thuộm ở bất cứ hình thức nào - và nó cũng gợi ý rằng Nelson Primus thèm khát một thứ gì đó to tát hơn là một văn phòng nằm bên trên cửa hàng Talbots

phía bên kia bãi cỏ trung tâm. Vợ anh ta dạy ở đây, vì vậy lúc này anh ta ở đây. Nhưng không lâu đâu. Một con báo trẻ cài khuy măng sét điện kèm bộ com lê sọc nhỏ - một con báo sẵn sàng tấn công.

“Tôi không nghi ngờ gì chuyện Farley bị bệnh tâm thần,” Primus nói với ông, phát âm rành rọt từng chữ và găm một cái nhìn sắc bén vào Coleman. “Tôi đang lo không biết hẳn ta có theo dõi tôi không. Nhưng hẳn có theo dõi ông trước khi ông cặp với vợ cũ của hẳn không? Hẳn không biết ông là ai. Vụ lá thư của Delphine Roux là chuyện hoàn toàn khác. Ông muốn tôi viết cho cô ta - dù không tán thành tôi vẫn làm chuyện đó cho ông. Ông muốn một chuyên gia phân tích nét chữ viết tay - dù không tán thành tôi vẫn tìm cho ông một người phân tích nét chữ viết tay. Ông muốn tôi gửi bản phân tích chữ viết tay đó cho luật sư của cô ta - dù không tán thành tôi vẫn gửi cho ông ta kết quả. Cho dù tôi chỉ ước ông xem nó là một mối phiền hà nhỏ như đúng bản chất của nó, tôi đã làm bất cứ điều gì ông yêu cầu. Nhưng Lester Farley không phải là mối phiền hà nhỏ, Delphine Roux chỉ là đỉnh gỏi khi so với Farley, cô ta không phải một kẻ tâm thần và cũng không phải một kẻ địch. Thế giới của Farley là thế giới mà Faunia đã suýt không sống sót qua nổi và cô ta dù muốn cũng không thể không mang theo khi bước qua cánh cửa nhà ông. Lester Farley làm việc trong đội làm đường, đúng không? Chúng ta mà xin lệnh hạn chế đối với Farley thì bí mật của ông sẽ lan khắp cái khu heo hút nhỏ bé lạng lẽ nhà ông. Rồi nó sẽ nhanh chóng lan khắp thị trấn này, khắp trường đại học, và những gì ông đã khởi sự làm sẽ không giống gì với cái tinh thần thanh giáo hiểm ác mà họ mang theo để trét hắc ín phủ lông vịt lên ông đâu. Tôi nhớ mục truyện tranh địa phương hằng tuần đã không hiểu được chính xác lời buộc tội lỗi bịch nhắm vào ông và ý nghĩa của việc ông từ chức, ‘Nguyên chủ tịch hội đồng giảng viên rời khỏi trường đại học vì tội phân biệt chủng tộc.’ Tôi còn nhớ lời chú thích bên dưới bức hình ông. ‘Một cụm từ xúc phạm dùng trong lớp học đã buộc giáo sư Silk từ chức.’ Tôi còn nhớ lúc đó mọi chuyện xảy

ra thế nào với ông, và tôi nghĩ giờ tôi biết chuyện đang xảy ra thế nào, và tôi tin mình biết chuyện sẽ xảy ra thế nào trong tương lai, khi toàn bộ hạt này biết rõ chuyện tình vụng trộm của một gã phải rời khỏi trường đại học vì bị nghi ngờ phân biệt chủng tộc. Ý tôi không phải là những gì xảy ra sau cánh cửa buồng ngủ của ông là việc liên quan đến bất kỳ ai khác trừ chính ông. Tôi biết lẽ ra nó không nên như thế này. Đây là năm 1998. Đã nhiều năm trôi qua từ sau khi Janis Joplin và Norman O. Brown làm mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn. Nhưng những người ở vùng đồi núi Berkshire này, những kẻ khờ dại cũng như những giáo sư đại học, những người không chịu học theo những giá trị mới và lịch sử nhường chỗ cho cuộc cách mạng tình dục. Những kẻ sùng đạo đầu óc hẹp hòi, những kẻ khắt khe về sự đúng mực, tất cả cái đám tiến hóa ngược đó sẽ hăm dọa vạch mặt và trừng phạt những người như ông. Họ có thể khiến ông sôi sục đó, Coleman - và không phải theo cái cách mà Viagra làm với ông đâu.”

Tự mình suy ra được chuyện Viagra thì cũng thông minh đấy. Thật là khoe mẽ, nhưng anh ta đã từng giúp đỡ mình, Coleman nghĩ, vì vậy đừng ngắt lời, đừng phê phán anh ta, cho dù việc anh ta tỏ ra ta đây biết nhiều như vậy có khó chịu đến đâu. Không có kẻ hờ trách ẩn nào trong áo giáp của anh ta ư? Thì cũng chẳng sao. Anh đã yêu cầu lời khuyên của anh ta, vậy hãy nghe anh ta nói hết đã. Anh đâu có muốn phạm sai lầm vì không chịu nghe cảnh báo trước.

“Chắc chắn tôi có thể cho ông một lệnh hạn chế,” Primus nói với ông. “Nhưng liệu điều đó có hạn chế hẳn ta? Lệnh hạn chế sẽ làm hẳn nổi điên. Tôi đã kiểm tra cho ông một chuyên gia về chữ viết tay, tôi có thể kiểm tra cho ông một cái lệnh hạn chế, tôi có thể kiểm tra cho ông áo chống đạn. Nhưng thứ tôi không thể cung cấp là thứ ông sẽ không bao giờ biết đến chừng nào ông còn dính dáng tới người đàn bà này: một cuộc sống không tai tiếng, không chỉ trích, không Farley. Sự thanh thản đầu óc khi không bị người ta rình rập. Hoặc bị bôi bác. Hoặc bị làm mất mặt. Hoặc bị đánh giá sai. Nhân tiện xin hỏi cô ta có âm tính

với HIV không? Ông đã đưa cô ta đi xét nghiệm chưa, Coleman? Ông có dùng bao cao su không, Coleman?”

Dù anh ta có tự gán cho mình cái mác tư duy phóng khoáng, anh ta cũng thực sự không thể hiểu được ông già này và tình dục. Có vẻ như chuyện này hoàn toàn bất thường với anh ta. Nhưng ở tuổi ba mươi hai ai mà nghĩ được rằng ở tuổi bảy mươi một mọi chuyện sẽ giống hệt như cũ? Anh ta nghĩ, Làm thế nào và tại sao ông ta lại *làm* được chuyện này? Sự sung mãn cú đấm của tôi và những rắc rối mà nó gây ra. Coleman nghĩ, ở tuổi ba mươi hai mình chắc cũng không thể hiểu được. Nhưng vấn đề là anh ta lại nói với thẩm quyền của một người hơn anh ta mười hay hai mươi tuổi về cách thế giới vận hành ra sao. Và anh ta có thể đã có bao nhiêu kinh nghiệm, bao nhiêu cọ xát với những khó khăn của cuộc sống, để nói bằng một thái độ kẻ cả như thế với một người hơn gấp đôi tuổi anh ta? Rất, rất ít, nếu không nói là bằng không.

“Coleman, nếu ông không dùng,” Primus nói tiếp, “thì cô ta có dùng thứ gì không? Và nếu cô ta nói cô ta có dùng, thế ông có chắc chuyện đó không? Người ta biết rằng ngay cả những bà lao công trên rãnh dưới dép cũng thỉnh thoảng che giấu sự thật, và đôi khi còn tìm kiếm thuốc chữa cho mọi thứ mà họ đã rước vào người. Chuyện gì xảy ra khi Faunia Farley có bầu? Cô ta có thể nghĩ theo cách vô số phụ nữ vẫn nghĩ kể từ khi việc đẻ ra một đứa con hoang được Jim Morison và The Doors biến thành bình thường, không còn là chuyện để đóng dấu bôi vôi. Faunia có thể rất muốn làm tới và trở thành mẹ một đứa con của vị giáo sư về hưu đáng kính là ông bất chấp mọi nỗ lực kiên nhẫn lập luận theo hướng ngược lại của ông. Có con với một vị giáo sư đáng kính chẳng khác nào là một bước lên tiên sau khi đã là mẹ hai đứa con của một kẻ thất bại hoàn toàn loạn trí. Và, một khi cô ta có mang, nếu cô ta quyết định rằng cô ta không muốn làm một người lao động chân tay nữa, rằng cô ta ước ao không bao giờ phải làm *bất cứ việc gì* nữa, một tòa án thấu tình đạt lý sẽ không do dự buộc ông phải

có trách nhiệm nuôi cả đứa trẻ và bà mẹ đơn thân đó. Khi ấy tôi có thể đại diện cho ông trong một vụ kiện nhận cha, nếu và khi tôi phải làm thế, tôi sẽ đấu tranh để giữ trách nhiệm pháp lý của ông chỉ ở mức nửa số tiền lương hưu mà ông đang lãnh. Tôi sẽ làm mọi chuyện trong khả năng của mình để tài khoản ngân hàng của ông không rỗng tuếch khi ông bước vào tuổi tám mươi. Nhưng Coleman, hãy nghe tôi: đây là một kèo rất dở. Nhìn cách nào đi nữa, nó vẫn là một kèo cực dở. Nếu ông tới gặp tay cố vấn khoái lạc của ông, hẳn sẽ nói với ông những thứ khác, nhưng tôi là cố vấn pháp luật của ông, và tôi sẽ nói với ông rằng đây là một giao kèo *tệ hại*. Nếu tôi là ông, tôi sẽ không nộp mạng mình cho mỗi bất bình man rợ của Lester Farley. Nếu tôi là ông, tôi sẽ xé nát hợp đồng với Faunia và bỏ đi luôn.”

Nói xong mọi thứ cần nói, Primus đứng lên từ phía sau bàn làm việc, một chiếc bàn lớn, bóng loáng, được giữ cẩn thận tuyệt đối không hề có bóng dáng giấy tờ hay chồng hồ sơ, cố tình không bày ra một thứ gì trừ những bức ảnh lồng khung chụp cô vợ giáo sư trẻ và hai đứa con của họ, một chiếc bàn mà bề mặt của nó là hình ảnh thu nhỏ của một thành tích sạch sẽ không một vết nhơ và chỉ có thể khiến Coleman kết luận rằng không có thứ gì lộn xộn đứng xen vào trên con đường thẳng tiến của người đàn ông trẻ nói năng lưu loát này, dù là những điểm yếu trong tính cách hay những quan niệm cực đoan hay những thúc bách hấp tấp hay thậm chí khả năng sai sót bất cẩn, chẳng có gì, dù rõ ràng rành ra hay là được che đậy khéo léo, có thể bất ngờ xuất hiện và ngăn anh ta không đạt được mọi phần thưởng nghề nghiệp và thành công của một người trung lưu. Sẽ không có những lũ ma trong cuộc đời của Nelson Primus, không có những Faunia Farley hay Lester Farley, không có những Markie khinh miệt anh ta hay những Lisa bỏ rơi anh ta. Primus đã vạch đường ranh rõ ràng và sẽ không có cái vạ nhược nhơ nào được phép chọc thủng nó. Nhưng bộ tôi không vạch đường ranh rõ ràng, cũng như tôi kém phần khắt khe khi làm thế sao? Bộ tôi ít thận trọng hơn trong việc đeo đuổi những

mục tiêu chính đáng và một cuộc sống cân bằng đáng được thiên hạ tôn trọng sao? Bộ tôi thiếu tự tin hơn trong việc bước đúng nhịp dằng sau những dẫn đo không thể xuyên thủng của chính mình sao? Tôi kém ngạo mạn hơn chăng? Đây không phải cũng chính là cách tôi đánh gục đám vệ binh già trong một trăm ngày đầu tiên tôi làm tên bạo chúa cho Roberts sao? Đây không phải là cách tôi đã khiến họ phát điên và tống họ đi sao? Bộ sự tự tin của tôi vào bản thân kém tàn nhẫn hơn sao? Nhưng chỉ một từ là đủ rồi. Không cần phải là từ gây kích động nhất, tàn ác nhất, kinh hoàng nhất trong tiếng Anh, nó vẫn đủ để phơi bày, cho mọi người cùng nhìn, cùng đánh giá, cùng nhận ra cái sự thật tôi là ai, là cái gì vẫn chưa đầy đủ.

Tay luật sư này, kể cứ thế nói huych toẹt ra mọi thứ - kể đã điểm thêm vào hầu như mỗi từ nói ra một vẻ mỉa mai cảnh báo có thể xem như một lời cảnh cáo thẳng thừng, kể đã không thềm che giấu vị thân chủ già đáng kính mục đích của lời răn dạy đó bằng dù chỉ một câu nói giảm nói tránh - từ phía sau bàn làm việc anh ta đi vòng ra để tống tiễn Coleman ra khỏi văn phòng và sau đó, tại cửa, còn tháp tùng ông xuống cầu thang và bước ra con đường đầy nắng. Chủ yếu là để thay mặt cho Beth, vợ anh ta, mà Primus muốn chắc chắn mình sẽ nói cho hết mọi điều cần nói với Coleman theo cách đanh thép nhất có thể, nói những gì phải nói dù nó tàn nhẫn đến thế nào đi nữa, với hy vọng ngăn con người từng một thời có vai vế đáng kể trong trường đại học này đừng tự bôi bác mình thêm nữa. Sự cố lũ ma đó - xảy ra cùng lúc với cái chết bất ngờ của vợ ông ta - đã khiến chủ tịch hội đồng giảng viên Silk quần trí đến độ không những ông ta xin nghỉ hưu một cách thiếu suy nghĩ (ngay khi vụ kiện chống lại ông ta bắt đầu đi hết những sự vờ vẩn của nó), mà bây giờ, tròn hai năm sau, ông ta vẫn không phán đoán được cái gì là có lợi và không có lợi về lâu về dài cho mình. Với Primus, cứ như thế sự hạ bệ bất công mà Coleman Silk phải nhận là *chưa đủ*, cứ như thế, với sự trì độn tinh ranh của một người đàn ông bị đọa đày, tựa như một người gặp rắc rối với thần linh, ông ta điên

khùng theo đuổi một vụ tấn công cuối cùng đầy hèn hạ, hiểm độc, một sự bất công tối hậu sẽ củng cố cho sự đau khổ của ông ta mãi mãi. Người đàn ông từng hưởng rất nhiều quyền lực trong thế giới nhỏ bé của ông ta có vẻ không chỉ mất khả năng bảo vệ bản thân mình trước hành động xâm phạm của một Delphine Roux nào đó, một Lester Farley nào đó và, cũng không kém phần đi ngược lại cái hình ảnh bản thân hùng hực ý chí chiến đấu ông ta tạo dựng cho mình, còn không thể tự bảo vệ mình chống lại những kiểu cám dỗ đáng thương hại mà người đàn ông có tuổi này sẽ cố dùng để bù đắp cho sự mất mát một kiếp đàn ông cường tráng. Primus có thể nhận ra qua thái độ của Coleman rằng anh ta đã đoán đúng về Viagra. Lại một mối đe dọa hóa học khác, chàng trai trẻ này nghĩ. Sao ông già này không hút cần sa luôn đi, nếu như Viagra đã mang đến nhiều lợi ích cho ông ta như thế.

Ra đến ngoài đường, hai người đàn ông bắt tay nhau. “Coleman,” Primus nói, vợ anh ta ngay sáng hôm đó, khi anh ta nói rằng mình sẽ gặp chủ tịch hội đồng giảng viên Silk, đã biểu lộ nỗi thất vọng về việc ông ta rời khỏi Athena và nói một cách khinh bỉ về Delphine Roux, người mà cô khinh thường vì những gì cô ta nhúng tay vào trong vụ lũ ma, “Coleman,” Primus nói, “Faunia Farley không xuất thân từ thế giới của ông. Tối qua ông đã thấy rõ cái thế giới đã định hình cô ta, đã hủy hoại cô ta, và rằng, vì những lý do mà ông với tôi đều biết, cô ta sẽ không bao giờ thoát khỏi nó. Một điều gì đó tệ hại hơn tối qua có thể nảy sinh từ tất cả những chuyện này, một điều gì đó tồi tệ hơn nhiều. Ông không còn chiến đấu trong một thế giới nơi họ cố tiêu diệt và đẩy ông ra khỏi công việc của ông để thay thế bằng người của họ. Ông không còn chiến đấu chống một băng đảng đạo mạo những kẻ theo thuyết bình đẳng đầy ưu tú luôn giấu tham vọng của họ đằng sau những lý tưởng cao thượng nữa. Bây giờ ông đang chiến đấu trong một thế giới nơi mà người ta chẳng còn buồn che giấu sự nhản tâm trong những phép tu từ nhân đạo. Có những người mà ý nghĩ cơ bản về cuộc đời của họ là cho rằng lúc nào họ cũng bị đối xử hoàn toàn bất

công. Những gì ông phải chịu đựng bởi cách trường xử lý vụ việc của ông, dẫu khủng khiếp là thế, là điều mà những người này cảm nhận thấy trong từng giây từng phút...”

Thái độ *Thôi đủ rồi* lúc này đã hiện lên quá rõ ràng trong ánh mắt của Coleman đến độ ngay cả Primus cũng nhận ra rằng đã đến lúc im miệng. Suốt cuộc gặp mặt Coleman đã im lặng lắng nghe, đè nén cảm xúc, cố giữ đầu óc cởi mở và phớt lờ niềm vui quá lộ liễu mà Primus tìm thấy trong bài thuyết giảng hoa mỹ về những ưu điểm của tính thận trọng với vị giáo sư lớn hơn anh ta gần bốn mươi tuổi. Trong một nỗ lực tự trào, Coleman đã nghĩ, Việc giận dữ với mình khiến họ cảm thấy khá hơn - mọi người cảm thấy được giải phóng khi bảo mình rằng mình đã sai. Nhưng lúc họ ra tới ngoài đường thì không còn có thể tách vẻ gầy hăn ra khỏi phát ngôn của anh ta nữa - hoặc tách chính anh ta ra khỏi con người chức trách cố hữu của anh ta, người được quyền kiểm soát và người phải chiều lòng kẻ khác. Vì với Primus việc nói trực tiếp vào vấn đề với thân chủ của anh ta không đòi hỏi thêm thắt châm biếm đến như thế. Nếu mục đích là nhằm tư vấn theo kiểu con nhà luật đầy thuyết phục, một lượng châm biếm rất *nhỏ* hẳn sẽ có hiệu quả hơn nhiều. Nhưng ý thức cho mình là thông minh và được sinh ra cho những thứ lớn lao của Primus có vẻ như đã thắng anh ta, Coleman nghĩ, và bởi thế hành động châm biếm một lão già ngu ngốc lỗ bịch phải tăng cường sinh lực nhờ một hợp chất được phẩm bán mười đô một viên đã trở nên không có điểm dừng.

“Anh là một bậc thầy miệng lưỡi, Nelson ạ. Sáng suốt làm sao. Lưu loát làm sao. Một bậc thầy miệng lưỡi với dòng chảy câu chữ bất tận, thừa thãi một cách phô trương. Và quá nhiều khinh miệt dành cho từng vấn đề nhân sinh một mà anh chưa phải đối mặt.” Nỗi thôi thúc muốn chộp lấy cổ áo sơ mi của tay luật sư này và ném thẳng con hoang láo xược ấy qua cửa sổ tiệm Talbots là quá lớn. Thay vào đó, lui lại, kiềm mình lại, lựa lời nói một cách nhẹ nhàng hết mức - nhưng không được chú tâm như đáng ra phải thế - Coleman nói, “Tôi không

bao giờ muốn nghe lại giọng nói tự cao đó của anh và thấy lại bản mặt trắng phớ tự mãn chó đẻ của anh nữa.”

“ ‘Trắng phớ?’ ” Primus nói với vợ anh ta tối hôm đó. “Tại sao lại ‘trắng phớ’? Người ta không bao giờ có thể bắt người khác phải chịu trách nhiệm cho cái họ tuôn ra khi họ nghĩ họ đã bị lợi dụng và bị tước đoạt nhân phẩm. Nhưng bộ anh cố ý làm như đang công kích ông ta sao? Dĩ nhiên là không. Nó còn tệ hơn thế. Tệ hơn bởi vì ông già này đã mất phương hướng và anh muốn giúp ông ta. Tệ hơn bởi vì ông này đang trên bờ vực biến một lỗi lầm thành thảm họa và anh muốn *ngăn* ông ta lại. Điều mà ông ta coi là một cuộc công kích nhắm vào ông ta thực tế chỉ là một nỗ lực lầm lạc nhằm muốn được ông ta coi trọng, nhằm muốn gây ấn tượng với ông ta. Anh đã thất bại, Beth ạ, đã xử lý quá kém. Có thể bởi vì anh *đã* sợ hãi. Dù nhỏ người, mảnh khảnh là thế, nhưng ông ta cứ lừng lững lừng lững. Anh chưa từng biết đến ông ta trong vai trò một chủ tịch hội đồng giảng viên. Anh chỉ biết ông ta khi ông ta đã gặp rắc rối. Nhưng em có thể cảm thấy sự hiện diện của ông ta. Em có thể thấy tại sao người ta bị khớp trước ông ta. Có một ai đó hiện diện ở *đấy* nơi ông ta ngồi. Nghe nè, anh không biết đó là cái gì. Thật khó mà thấu hiểu được một người khi em mới chỉ gặp người đó năm sáu lần trong đời. Có lẽ chủ yếu là do anh ngu ngốc. Nhưng cho dù cái gì đã gây ra thì anh cũng đã phạm mọi sai lầm non kém từng được thống kê ra. Tâm thần bệnh học, Viagra, The Doors, Norman O. Brown, ngừa thai, AIDS. Cái quái gì anh cũng biết. Đặc biệt nếu nó xảy ra trước khi anh ra đời, thì anh sẽ biết mọi thứ người ta có thể biết về nó. Anh lẽ ra phải ngăn gọn, thực tế, khách quan; thay vì thế anh lại khiêu khích. Anh muốn giúp ông ta nhưng thay vào đó anh lại xúc phạm ông ta và làm cho mọi chuyện tồi tệ hơn đối với ông ta. Không, anh không bắt lỗi ông ta vì đã trút lên đầu anh như vậy. Nhưng cương này, anh vẫn cứ bản khoăn: tại sao lại là trắng phớ?”

Đã hai năm nay Coleman không đến khu Đại học Athena và giờ đây ông không còn xuống thị trấn nữa nếu có thể tránh được việc đó. Ông không còn căm ghét từng thành viên của hội đồng giảng dạy Athena nữa, ông chỉ muốn không phải dính líu gì với họ, sợ rằng nếu ông dừng lại để tán gẫu, dù chỉ là tán gẫu vớ vẩn, ông có thể sẽ không che giấu được nỗi đau hoặc che giấu được việc bản thân ông đang che giấu nỗi đau - không thể ngăn ông dừng đứng đó sôi sục lên, hoặc tệ hại hơn, dừng tan nát và suy sụp đến không thể cứu vãn thành hình ảnh minh họa cho nỗi đau buồn của một người đàn ông bị đối xử bất công. Một vài ngày sau khi xin nghỉ việc, ông mở một tài khoản mới ở ngân hàng và siêu thị tận trên Blackwell, một thị trấn công nghiệp nhẹ đìu hiu bên sông cách Athena khoảng mười tám dặm, và thậm chí còn làm một thẻ thư viện địa phương ở đó, quyết định sẽ dùng nó, cho dù tủ sách ấy có nghèo nàn thế nào đi nữa, thà thế còn hơn là lại lang thang qua các giá sách ở Athena. Ông gia nhập YMCA ở Blackwell, và thay vì đi bơi tại hồ bơi Đại học Athena vào cuối ngày hoặc luyện tập trên một tấm thảm tại phòng tập thể dục Athena như ông vẫn từng làm sau giờ làm việc suốt gần ba mươi năm, ông làm mấy vòng mỗi tuần đôi lần tại hồ bơi kém uring ý hơn ở Blackwell Y - thậm chí ông còn leo cầu thang đến phòng tập thể dục ọp ẹp và, lần đầu tiên kể từ thời học sau đại học, ông bắt đầu, với một nhịp tập chậm hơn nhiều so với những năm bốn mươi, luyện tập với banh lắc và đấm bao cát. Đi về phía Bắc đến Blackwell xa gấp đôi lái xe xuống núi đến Athena, nhưng ở Blackwell ông khó mà tình cờ gặp những đồng nghiệp cũ, và nếu có gặp, thì ông cũng ít bị lúng túng hơn khi gật đầu, miệng không nở nụ cười nào, và tiếp tục công việc của mình, so với khi ở trên những con đường cổ xinh đẹp của Athena, nơi không một bảng tên đường, một băng ghế, một cội cây, không một đài kỷ niệm nào trên bãi cỏ trung tâm mà lại không ít nhiều gợi ông nhớ về chính ông trước khi ông là một tay phân biệt chủng tộc của trường và mọi thứ hoàn toàn thay đổi. Chuỗi cửa hàng bên kia bãi cỏ trung tâm thậm chí chưa mọc lên ở đó cho đến khi nhiệm kỳ chủ tịch hội đồng giảng viên của ông

đã lôi kéo đủ loại người mới tới Athena, gồm nhân sự mới và sinh viên và bố mẹ các sinh viên, và như thế, qua thời gian, ông đã đi đến chỗ thay đổi cộng đồng này hết như ông đã làm rung chuyển cả trường đại học. Cửa hàng đồ cổ xập xệ, nhà hàng chán đời, cửa hàng tạp phẩm chỉ có thể giúp người ta đủ sống qua ngày, quán rượu tình lẻ, tiệm hớt tóc nhà quê, tiệm kim chỉ thể kỷ mười chín, cửa hàng sách lèo tèo, quán trà ra vẻ thượng lưu, nhà thuốc tây u ám, quán ăn điều hieu, quầy báo không có báo, cửa hàng dụng cụ ảo thuật bí ẩn, trống không - tất cả chúng đã biến mất và được thay thế bằng những cơ sở nơi bạn có thể ăn một bữa tươi mát và uống một tách cà phê ngon và mua thuốc theo toa và chọn một chai rượu vang ngon và tìm thấy một cuốn sách nói về những thứ khác chứ không chỉ về mỗi vùng đồi núi Berkshire và cũng tìm được thứ gì đó khác hơn là đồ lót dài để giữ ấm vào mùa đông. “Cuộc cách mạng chất lượng” mà ông được tiếng là đã đem đến cho hội đồng giáo sư và chương trình giảng dạy ở Athena, thì ông cũng, hoàn toàn tình cờ, mang lại cho cả Town Street. Và điều đó chỉ càng bồi thêm cho nỗi đau và sự ngạc nhiên trước tình cảnh phải làm một người xa lạ của ông.

Giờ đây, khi hai năm đã trôi qua, ông cảm thấy mình bị bao vây không phải bởi họ - ngoài Delphine Roux, còn ai ở Athena quan tâm đến Coleman Silk và sự cố lũ ma nữa? - mà chủ yếu là bởi sự mệt mỏi với nỗi cay đắng dễ bị kích động, chưa thể xem là đã bị kiềm nén của mình; tại đó trên những con đường của Athena, giờ đây ông cảm thấy (lần đầu tiên) một mối ác cảm to lớn hơn đối với bản thân, hơn là đối với những người, do thờ ơ hoặc nhát gan hoặc tham vọng, đã không dám bày tỏ sự phản kháng dù là nhỏ nhất nhất nhân danh ông. Những kẻ học thức với bằng tiến sĩ, những người mà chính ông đã mời dạy bởi vì ông tin rằng họ có khả năng suy nghĩ một cách độc lập và hợp tình hợp lý, nhưng hóa ra lại không hề có ý định cân nhắc cái bằng chứng vô lý chống lại ông và đi đến một kết luận thỏa đáng. Người phân biệt chủng tộc: tại Đại học Athena, đột nhiên nó đã trở thành cái

danh xưng cảm tính nhất trên đời này, và trước cái khuynh hướng cảm tính đó (kèm theo nỗi lo lắng cho hồ sơ cá nhân và sự thăng tiến tương lai của họ) toàn bộ hội đồng giảng viên của ông đã gục ngã. “Kẻ phân biệt chủng tộc”, cái từ ấy được nói ra với cái âm hưởng đầy thẩm quyền và mọi đồng minh tiềm năng, đã quần đít chạy tìm chỗ trốn.

Đi bộ lên khu đại học ư? Đang là mùa hè. Trường đã nghỉ hè. Sau gần bốn thập niên ở tại Athena, sau tất cả những gì đã bị hủy hoại và mất đi, sau tất cả những gì ông đã vượt qua để tới được đó, tại sao lại không nhỉ? Đầu tiên là “lũ ma”, bây giờ là “trắng phớ” - ai biết được sự tệt hại kinh tởm nào sẽ lộ ra thông qua cái đặc ngữ đã hơi lỗi một kế tiếp, thông qua cái thành ngữ đã không còn hợp thời kế tiếp, không còn hợp thời một cách quyến rũ, sẽ phọt ra từ miệng ông? Cái cách một người bị phát giác hoặc bị xóa bỏ bởi một cái từ hoàn hảo ấy. Cái gì đốt trụi sự ngụy trang và sự che đậy và sự giấu giếm? Chính là nó, cái từ được thốt ra một cách ngẫu nhiên, thậm chí không phải suy nghĩ.

“Lần thứ một ngàn: tôi đã nói ‘lũ ma’ bởi vì ý tôi muốn nói đúng là ‘lũ ma’. Cha tôi là chủ một quán rượu, nhưng ông đòi hỏi sự chính xác trong ngôn ngữ của tôi, và tôi đã giữ lời với ông. Mỗi từ đều có nhiều nghĩa - với học vấn chỉ lớp bảy, ngay cả cha tôi cũng biết điều đó. Phía sau quầy rượu, ông giữ hai vật để giúp ông giải quyết những cuộc tranh luận giữa các khách hàng: một cái dùi cui và một cuốn tự điển. Bạn tốt nhất của ba, ông nói với tôi, là cuốn tự điển, và hôm nay nó cũng là như thế đối với tôi. Bởi vì nếu chúng ta nhìn vào cuốn tự điển, chúng ta sẽ thấy ngay nghĩa đầu tiên của từ ‘ma’ là gì. Nghĩa đầu tiên. ‘1. Con ma; âm hồn.’ ” “Nhưng Chủ tịch Silk này, người ta lại không hiểu nó như vậy. Để tôi đọc cho ông nghe nghĩa tự điển *thứ hai*. ‘2. *Miệt thị*. Một người da đen.’ Người ta hiểu nó như thế đó - và ông cũng có thể thấy ra ngay logic trong câu nói của ông luôn: Có ai biết những người này không, hay họ chỉ là một đám da đen mà không ai biết cả?” “Thưa ngài, nếu tôi có ý muốn nói, ‘Có ai biết những người

này không, hay là các bạn không biết họ vì họ là người da đen?’ thì tôi sẽ nói như vậy. ‘Có ai biết những người này không, hay là chẳng ai trong các bạn biết họ bởi vì họ tình cờ là người da đen? Có ai biết những người này không, hay họ là những người da đen không ai biết cả?’ nếu tôi có ý định nói vậy, thì tôi sẽ *nói luôn là như vậy*. Nhưng làm sao tôi có thể biết họ là sinh viên da đen nếu như tôi chưa từng trông thấy họ và, ngoài cái tên của họ, tôi không biết chút gì về họ? Những gì tôi biết được, không cần bàn cãi, là chuyện họ là những sinh viên *vô hình* - và từ có nghĩa là vô hình, có nghĩa là con ma, có nghĩa là âm hồn, là từ mà tôi đã dùng theo nghĩa đầu tiên của nó: ma. Hãy nhìn vào tính từ ‘ma mị’, là mục từ ngay sau từ ‘ma’. Ma mị. Một từ mà tất cả chúng ta đều nhớ từ thời còn bé, và nó nghĩa là gì? Theo tự điển đầy đủ: ‘1. Giống hoặc bộc lộ tính chất của một con ma hoặc hồn ma; gọi nhớ đến ma. 2. Gây cảm giác thần bí, rùng rợn. 3. (Đặc biệt khi nói về ngựa) kích động, bất kham.’ Đặc biệt khi nói về ngựa. Vậy có ai định cho rằng hai sinh viên đó bị tôi xem như những con ngựa không? Không à? Nhưng tại sao không? Chẳng nào các vị đã chẳng nói như thế kia rồi, sao không nói nốt cả ý này?”

Nhìn Athena lần cuối và rồi để cho nỗi ê chề được trọn vẹn.

Silky. Silky Silk. Trong hơn năm mươi năm qua không ai gọi ông bằng cái tên đó, thế nhưng lúc này gần như ông mong đợi nghe ai đó kêu to, “Hê, Silky!” như thế ông lại sống ở East Orange, đang đi lên đại lộ Central sau giờ học - thay vì băng qua phố Town ở Athena và, lần đầu tiên từ khi ông nghỉ việc, bắt đầu đi lên ngọn đồi đến khuôn viên trường đại học - đi lên đại lộ Central với em gái ông, Ernestine, lắng nghe câu chuyện điên khùng con bé muốn kể mà nó đã nghe lỏm được vào tối hôm trước khi Fensterman, ông bác sĩ Do Thái, nhà phẫu thuật giỏi giang làm ở bệnh viện của mẹ ở Newark, đến thăm cha mẹ họ. Trong khi Coleman ở phòng tập thể dục tập luyện với đội chạy, Ernestine đã về nhà ngồi trong bếp làm bài tập và từ đó có thể nghe

bác sĩ Fensterman, ngồi trong phòng khách với cha mẹ, giải thích tại sao đối với ông ta và bà Fensterman việc con trai Bertram của họ tốt nghiệp với số điểm cao nhất lớp là vô cùng quan trọng. Như cả nhà Silk đã biết, hiện Coleman là người đứng đầu trong lớp, còn Bert đứng nhì, dù chỉ kém Coleman ở đúng một điểm duy nhất. Một điểm B trong bảng điểm của Bert học kỳ trước, một điểm B môn vật lý mà đáng lý ra phải là điểm A - điểm B đó là toàn bộ khoảng cách giữa hai học sinh đứng đầu trong lớp cuối cấp. Bác sĩ Fensterman giải thích với ông bà Silk rằng Bert muốn theo nghề y của cha cậu, nhưng để làm được điều đó điều thiết yếu với cậu là phải có thành tích hoàn hảo, không chỉ hoàn hảo trong trường đại học mà còn phải xuất sắc từ thời nhà trẻ đến giờ. Có lẽ nhà Silk không biết đến cái chỉ tiêu đầy phân biệt đối xử được đề ra để hạn chế số người Do Thái ở khoa y, nhất là khoa y ở Harvard và Yale, nơi bác sĩ và bà Fensterman tự tin rằng, nếu Bert có cơ hội được học, cậu ấy sẽ nổi lên như đóa xuất sắc nhất trong những đóa xuất sắc. Bởi chỉ tiêu quá ít ỏi dành cho người Do Thái trong hầu hết các trường y, nên bản thân bác sĩ Fensterman đã phải xuống tận Alabama để học, và ở đó lần đầu tiên ông đã tận mắt thấy những điều mà mọi người da màu đều phải đấu tranh để chống lại. Bác sĩ Fensterman biết rằng thành kiến trong những định chế hàn lâm đối với sinh viên da màu tồi tệ hơn nhiều so với thành kiến nhắm vào người Do Thái. Ông biết kiểu chướng ngại mà gia đình Silk phải vượt qua để đạt được tất cả những gì đã khiến họ nổi bật ra như một gia đình da đen mẫu mực. Ông biết những khổ cực mà ông Silk đã phải chịu đựng suốt từ khi cửa hàng kính mắt bị phá sản trong thời Đại khủng hoảng. Ông biết rằng ông Silk, giống như ông, là người tốt nghiệp đại học, và ông biết rằng trong khi làm phục vụ cho ngành đường sắt - “Đó là từ ông ta gọi một người bồi, Coleman, một ‘nhân viên phục vụ’ ” - ông được thuê ở mức độ không tương xứng với trình độ chuyên môn của ông. Bà Silk thì dĩ nhiên ông đã biết ở bệnh viện. Theo đánh giá của bác sĩ Fensterman, không có y tá nào tốt hơn trong đội ngũ nhân viên bệnh viện, không y tá nào thông minh hơn, hiểu

biết, đáng tin cậy, hoặc có khả năng hơn bà Silk - bao gồm cả người giám sát điều dưỡng. Theo đánh giá của ông, Gladys Silk từ lâu đã phải được bổ nhiệm làm y tá trưởng ở khu nội-ngoại khoa; một trong những việc mà ông Fensterman hứa làm cho gia đình Silk là ông sẽ làm mọi thứ có thể với trường ban nhân sự để lấy cái vị trí đó cho bà Silk khi bà Noonan, y tá trưởng nội-ngoại khoa hiện tại, về hưu. Thêm nữa là ông sẵn sàng giúp đỡ gia đình Silk một khoản “cho vay” không lãi, không hoàn lại trị giá ba ngàn đô, đưa trọn một lần khi mà Coleman vào đại học và gia đình chắc chắn phải gánh thêm những phí tổn. Và đổi lại ông không yêu cầu quá nhiều như họ nghĩ. Là một học sinh hạng nhì, Coleman vẫn sẽ là học sinh da màu xếp hạng cao nhất trong khóa tốt nghiệp năm 1944, chưa kể còn là học sinh da màu xếp hạng cao nhất từng tốt nghiệp ở East Orange. Với điểm trung bình của mình, Coleman gần như chắc chắn là học sinh da màu xếp hạng cao nhất trong hạt, thậm chí trong tiểu bang, và việc Coleman hoàn tất bậc trung học ở vị trí thứ nhì thay vì ở vị trí thứ nhất sẽ không có ảnh hưởng gì khi cậu ghi danh vào Đại học Howard. Khả năng Coleman phải chịu đựng đau chỉ là một gian khổ nhỏ nhất do về nhì là hết sức nhỏ. Coleman sẽ chẳng mất gì, trong khi gia đình Silk sẽ có ba ngàn đô để trang trải chi phí học đại học của con cái; thêm nữa, với sự trợ giúp và hậu thuẫn của bác sĩ Fensterman, Gladys Silk có thể thăng tiến rất nhanh, chỉ trong vài năm sẽ trở thành y tá trưởng da màu đầu tiên ở bất cứ tầng nào của bất cứ bệnh viện nào trong thành phố Newark. Và về phía Coleman cậu chẳng phải làm gì ngoài việc chọn ra hai môn yếu nhất của mình và, thay vì đạt điểm A trong kỳ thi tốt nghiệp, cậu chỉ đạt điểm B thôi. Còn Bert có nhiệm vụ phải đạt điểm A trong tất cả các môn - đó là nghĩa vụ của *cậu* trong cuộc mặc cả này. Và nếu Bert làm mọi người thất vọng bằng việc không học đủ chăm chỉ để đạt được tất cả các điểm A, cả hai cậu con trai sẽ tốt nghiệp ở vị thế thế ngang bằng - hoặc thậm chí Coleman sẽ vươn lên hạng nhất, và bác sĩ Fensterman sẽ vẫn thực hiện lời hứa của mình. Không cần nói, thỏa thuận này sẽ được những người có liên quan giữ bí mật.

Coleman quá vui thích với những gì nghe được đến độ cậu vùng khỏi tay Ernestine và lao về phía trước, trong niềm vui hớn hở chạy theo đại lộ Central đến tận phố Evergreen và sau đó quay lại, hét to, “Hai môn yếu nhất của anh - đó là môn nào thế?” Cứ như thể khi cho rằng Coleman có điểm yếu trong học vấn, bác sĩ Fensterman đã nói ra một câu không thể hài hước hơn. “Nhà mình nói sao, Ern? Ba nói sao?” “Em không nghe được. Ba nói nhỏ xíu hà.” “Mẹ nói sao?” “Em không biết. Em cũng không nghe được mẹ nói. Nhưng ba mẹ nói gì sau khi ông bác sĩ về thì em nghe được.” “Nói anh nghe đi! Ba mẹ nói gì?” “Ba nói, ‘Tôi muốn giết thằng cha đó.’ ” “Ba nói vậy à?” “Thiệt mà.” “Còn mẹ?” “ ‘Tôi đã phải ráng giữ miệng.’ Mẹ nói vậy - ‘Tôi đã phải ráng giữ miệng.’ ” “Nhưng em không nghe ba mẹ nói gì với ông ta sao?” “Không.” “Ô, anh sẽ nói cho em điều này - anh sẽ không làm chuyện đó đâu.” “Dĩ nhiên là không rồi,” Ernestine nói. “Nhưng giả sử ba nói với ông ta là anh sẽ chịu thì sao?” “Anh có điên không, Coleman?” “Ernie này, ba ngàn đô là nhiều hơn ba làm suốt một năm đó. Ernie, ba ngàn đô lận!” Và ý nghĩ bác sĩ Fensterman trao cho cha mình một túi giấy lớn nhét đầy số tiền đó lại khiến Coleman vùng chạy, phóng bước vượt qua những cái rào tưởng tượng (trong nhiều năm liên tiếp, Coleman đã là quán quân trường Trung học Essex County trong môn chạy vượt rào thấp và đứng thứ hai trong môn chạy nước rút một trăm mét) lên đến tận Evergreen rồi quay trở lại. Lại một chiến thắng nữa - đó là điều cậu nghĩ. Lại một chiến thắng phá vỡ kỷ lục cho con người vĩ đại, kẻ vô song này, Silky Silk lưng lầy! Cậu đúng là người đứng đầu lớp đấy, lại còn là một ngôi sao điền kinh, nhưng cậu cũng chỉ mới mười bảy, đề xuất của bác sĩ Fensterman có đúng một ý nghĩa ấy là nó ám chỉ cậu có tầm quan trọng vào loại bậc nhất đối với hầu như tất cả mọi người. Bức tranh toàn cảnh rộng lớn hơn thì cậu vẫn chưa nhìn ra.

Ở East Orange, nơi hầu hết mọi người là da trắng, hoặc là dân Ý nghèo - và sống phía trên mé Orange ở rìa thị trấn hoặc xuôi xuống

dưới mạn phường 1 của Newark - hoặc là dân Tin Lành giàu có thuộc phái Thánh công hội - và sống trong những ngôi nhà lớn ngoài Upsala hoặc quanh South Harrison - người Do Thái thậm chí còn ít hơn người da đen, thế nhưng chính người Do Thái và con cái họ độ này lại có vẻ choán nhiều chỗ hơn bất kỳ ai trong cuộc sống bên ngoài giờ học của Coleman. Đầu tiên là Doc Chizner, người suýt nhận nuôi cậu năm ngoái, khi Coleman tham gia lớp quyền Anh buổi tối của ông, và bây giờ thì đến lượt bác sĩ Fensterman chìa ra ba ngàn đô để Coleman xếp hạng nhì còn Bert đứng thứ nhất. Doc Chizner là một nha sĩ mê quyền Anh. Cứ có cơ hội là ông đến xem các trận đấu - tại Laurel Garden và Meadowbrook Bowl ở Jersey, võ đài Madison Square Garden và sân St. Nick ở New York. Người ta thường nói, “Ta cứ tưởng mình rành các trận đấu cho đến khi ta ngồi cạnh Doc. Cứ ngồi cạnh Doc Chizner, ta sẽ nhận ra cứ như thể ta và ông ấy mỗi người đang xem một trận đấu khác hẳn nhau.” Doc làm trọng tài tại những trận đấu nghiệp dư trên khắp hạt Essex, kể cả sân Golden Gloves ở Newark, và các bậc phụ huynh từ khắp Oranges, Maplewood, Irvington - từ những nơi xa xôi như vùng Weequahic tận góc Tây Nam Newark - gửi con trai họ đến các lớp học quyền Anh của ông để học cách tự vệ. Coleman tìm đến lớp của Doc Chizner không phải bởi vì cậu không biết bảo vệ bản thân, mà bởi vì cha cậu phát hiện ra rằng từ năm thứ hai trung học, sau giờ tập điền kinh, hoàn toàn một mình - đôi khi đến ba lần một tuần - Coleman đã lên xuống tận Câu lạc bộ Newark Boys ở khu ổ chuột của Newark, phố Morton bên dưới phố High, bí mật tập luyện để trở thành một võ sĩ. Bắt đầu từ khi mười bốn tuổi, nặng năm mươi lăm ký, cậu vẫn thường luyện tập ở đó trong hai giờ, khởi động cơ bắp, tập đánh đỡ ba hiệp, đấm bao cát, đấm banh lắc, nhảy dây, tập thể dục, và sau đó về nhà làm bài tập ở nhà. Một đôi lần thậm chí cậu còn đấu tập với Cooper Fulham, người năm trước đã đoạt giải National Championships ở Boston. Mẹ Coleman làm việc một ca rưỡi, thậm chí hai ca liền tại bệnh viện, cha cậu phục vụ bàn trên xe lửa và hầu như chỉ về nhà để ngủ, anh cậu, Walt, thì đầu tiên là đi học đại học, sau thì

vào quân đội, và vì thế Coleman đi đi về về tùy thích, chỉ việc bắt Ernestine giữ bí mật và bảo đảm không để rớt hạng ở trường, cậu học trong giờ tự học, trên giường về đêm, trên xe buýt tới lui Newark - hai chuyến mỗi chiều, thậm chí còn tích cực làm bài tập ở trường nhiều hơn để bảo đảm không ai biết được chuyện cậu tới phố Morton.

Nếu ta muốn chơi quyền Anh nghiệp dư, Câu lạc bộ Boys ở Newark là nơi ta cần đến, và nếu ta đánh giỏi và có độ tuổi khoảng từ mười ba đến mười tám, ta sẽ được ghép đấu với những đứa từ Câu lạc bộ Boys tại Paterson, tại thành phố Jersey, tại Butler, tại Ironbound PAL, và vân vân. Có rất nhiều bọn thiếu niên ở Câu lạc bộ Boys, một số từ Rahway, từ Linden, từ Elizabeth, vài đứa ở tận Morristown, có một đứa cầm điếu mà chúng gọi là Dummy đến từ Belleville, nhưng hầu hết chúng nó đến từ Newark và tất cả đều là dân da màu, dù hai tay điều hành câu lạc bộ này là dân da trắng. Một người là cớm ở West Side Park, Mac Machrone, ông có một khẩu súng lục, ông nói với Coleman rằng nếu ông phát hiện Coleman không tập chạy, ông sẽ bắn Coleman. Mac tin vào tốc độ, và đó là lý do ông tin vào Coleman. Tốc độ và nhịp trận đánh và sự phản đòn. Một khi ông dạy Coleman cách đứng, cách di chuyển và cách tung đòn, Mac thấy ngay chàng trai này học nhanh làm sao và thông minh làm sao và phản xạ nhanh làm sao, ông bắt đầu dạy chàng trai này những thứ tinh tế hơn. Cách di chuyển đầu. Cách né những cú đấm. Cách chặn những cú đấm. Cách phản đòn. Để dạy anh chàng này cú đấm thọc, Mac nhắc đi nhắc lại, “Giống như cậu phui con bọ khỏi mũi, chỉ việc phui nó đi thôi.” Ông dạy Coleman cách thắng một trận đấu chỉ bằng đấm thọc. Tung một cú đấm thọc, gạt đòn, phản công. Một cú đấm thọc tung ra, anh né nó, tung một cú phản đòn bằng tay phải. Hoặc anh né vào gần đối thủ, anh trả lại một cú đấm móc. Hoặc anh chỉ việc cúi xuống, tung một cú đấm tay phải ngay ngực hăn, một cú móc trái ngay bụng. Nhờ vóc dáng mảnh khảnh, Coleman đôi khi chộp nhanh cú đấm thẳng bằng cả hai tay, lôi đối thủ tới và đấm móc vào bụng hăn, rồi nhóm lên, móc

vào đầu hấn. “Gạt đòn. Phản đòn. Cậu là một tay phản đòn, Silky. Cậu là người như vậy, đó là tất cả những gì có ở cậu.” Sau đó họ tới Paterson. Trận đấu giải nghiệp dư đầu tiên của cậu. Thăng nhóc kia tung một cú đấm thọc và Coleman sẽ ngã người ra sau nhưng chân vẫn trụ vững và cậu có thể bật người lại và phản đòn thăng đó bằng một cú đấm phải và cậu tiếp tục đấu với nó như thế suốt trận đấu. Thăng kia tiếp tục đấm thọc, vì vậy Coleman tiếp tục phản đòn và thăng cả ba hiệp đấu. Tại Câu lạc bộ Boys, đó trở thành phong cách của Silky Silk. Cậu vẫn tung đòn, để không ai có thể nói cậu đứng đó chẳng làm gì. Chủ yếu cậu chờ cho người kia tung đòn, sau đó cậu tung hai, ba đòn đáp trả, rồi cậu lùi ra và lại chờ đợi. Coleman có thể hạ gục đối thủ nặng tay hơn bằng cách chờ cho anh ta tấn công trước hơn là tấn công trước. Kết quả là vào lúc Coleman mười sáu, chỉ riêng ở hạt Essex và Hudson, tại những trận đấu nghiệp dư tại kho quân trang, tại Knights of Pythias, tại các buổi triển lãm dành cho cựu binh tại bệnh viện cựu chiến binh, cậu chắc đã đánh bại đến ba gã là những nhà vô địch giải Golden Gloves. Theo tính toán của cậu, cho đến lúc đó cậu có thể đã thắng 112,118,126 trận... chỉ có điều không có cách nào cậu có thể đấu ở giải Golden Gloves mà vụ đó không bị lên báo và gia đình cậu không biết. Và rồi họ vẫn biết được như thường. Cậu không biết bằng cách nào. Cậu không cần phải tìm hiểu. Họ biết được vì ai đó nói với họ. Đơn giản là vậy.

Cả gia đình đang ngồi ăn bữa tối vào một Chủ nhật, sau khi đi lễ nhà thờ về, thì cha cậu nói, “Con làm ăn thế nào, Coleman?”

“Con làm ăn thế nào là sao?”

“Tối qua. Tại Knights of Pythias. Con làm ăn thế nào?”

“Knights of Pythias là cái gì ạ?” Coleman hỏi.

“Bộ con nghĩ ta mới sinh ra hôm qua hả, con trai? Knights of Pythias là nơi họ tổ chức giải đấu loại hôm qua. Có bao nhiêu trận?”

“Mười lăm.”

“Và con làm ăn thế nào?”

“Con thắng.”

“Cho đến nay con đã thắng bao nhiêu trận? Trong những giải đấu loại trực tiếp. Trong các cuộc triển lãm. Bao nhiêu trận từ khi con bắt đầu?”

“Mười một.”

“Con thua bao nhiêu trận?”

“Cho đến nay thì chưa.”

“Và con kiếm được bao nhiêu cho cái đồng hồ đeo tay đó?”

“Đồng hồ đeo tay nào ạ?”

“Cái đồng hồ mà con đã giành được ở Lyons Veterans Hospital. Cái đồng hồ mà các cựu binh đã tặng con vì thắng trận đấu. Cái đồng hồ mà con đã cầm ở phố Mulberry. Ở Newark ý, Coleman - cái đồng hồ mà con đã cầm ở Newark tuần trước đó.”

Ông đã biết mọi chuyện.

“Ba nghĩ con kiếm được gì?” Coleman đã dám đáp lại, dù không nhìn lên khi nói - thay vào đó cậu nhìn vào hoa văn thêu trên tấm vải trải bàn ngày Chủ nhật.

“Con kiếm được hai đô, Coleman. Con lên kế hoạch trở thành tay chuyên nghiệp khi nào?”

“Con không làm chuyện đó vì tiền,” cậu nói, mắt vẫn lảng đi. “Con không quan tâm đến tiền. Con làm chuyện này vì con thích. Nếu con không thích thì con đã chẳng theo đuổi nó làm gì.”

“Con biết đó, nếu ta là cha của con, Coleman, con biết lúc này ta sẽ nói gì với con không?”

“Ba là ba con mà,” Coleman nói.

“Ô, vậy à?” ông bố nói.

“Chật, chắc chắn rồi...”

“Chật - ta chẳng chắc gì hết. Ta nghĩ rằng có lẽ Mac Machrone ở Câu lạc bộ Newark Boys mới là cha của con.”

“Thôi nào, ba. Mac là huấn luyện viên của con thôi.”

“Ta hiểu. Vậy chứ ta muốn biết ai là cha của con?”

“Ba biết mà, là ba. Là ba đó.”

“Là ta, phải không?”

“Không!” Coleman la lên. “Không, không phải!” Và tại đó, ngay lúc bắt đầu bữa ăn tối ngày Chủ nhật, cậu chạy ra khỏi nhà và trong gần một tiếng đồng hồ cậu tập chạy, lên đại lộ Central và qua đường Orange rồi xuyên qua khu Orange đến đường West Orange, rồi băng qua đại lộ Watchung tới nghĩa trang Rosedale, rồi vòng qua phía Nam xuống Washington đến Main, chạy và dẫm, chạy nước rút, rồi chỉ chạy bình thường, rồi chỉ chạy nước rút, rồi đấu quyền Anh với đối thủ tưởng tượng suốt quãng đường trở về nhà ga Brick Church, và cuối cùng thì chạy nước rút quay về nhà, đi trở vào trong nhà tới chỗ cả nhà đang ăn món tráng miệng và nơi cậu biết việc mình phải làm là ngồi xuống chỗ của mình, bình tĩnh hơn so với lúc trước, và chờ cha nói tiếp câu chuyện dang dở. Người cha không bao giờ mất bình tĩnh. Người cha luôn có một cách khác để đánh bại ta. Bằng từ ngữ. Bằng lời nói. Bằng cái mà ông gọi là “ngôn ngữ của Chaucer, Shakespeare, và Dickens.” Bằng thứ tiếng Anh không ai có thể tước đi của ta và từ miệng ông Silk vang lên đầy màu sắc, luôn luôn tròn trịa, sáng rõ và can đảm, như thể ngay trong cả cuộc nói chuyện bình thường ông cũng ngâm lại đoạn thoại của Marc Antony bên xác Caesar. Cả ba đứa con của ông đều được đặt tên lót lấy ra từ vở kịch ông thuộc nhất, mà theo ý kiến của ông nó là đỉnh cao của văn chương Anh và là văn bản nghiên cứu về sự phản trắc có tính giáo dục nhất từng được viết ra: con trai cả nhà Silk là Walter Antony, con trai thứ, Coleman Brutus; Ernestine Calpurinia, em gái út, lấy tên đệm từ người vợ trung thành của Caesar.

Cuộc đời kinh doanh của ông Silk đã có một kết thúc cay đắng khi các ngân hàng đóng cửa. Phải mất một thời gian dài ông mới vượt qua được việc mất cửa hàng mắt kính ở Orange, nếu ông quả thực đã vượt

qua được. Tội nghiệp ba, mẹ vẫn nói, ông luôn luôn muốn làm việc cho chính mình. Ông học đại học ở miền Nam, ở Georgia, vốn là quê của ông - mẹ xuất thân từ New Jersey - và theo nghề nông với chăn nuôi. Nhưng sau đó ông từ bỏ và lên miền Bắc, tại Trenton, ông theo học trường dạy nghề làm mắt kính. Sau đó ông bị bắt đi lính cho Thế chiến thứ nhất, rồi ông gặp mẹ, cùng bà chuyển đến East Orange, mở cửa hàng, mua nhà, rồi bị phá sản, và bây giờ ông là bồi bàn trên toa ăn. Nhưng nếu trong toa ăn ông không thể, thì ít nhất ở nhà ông có thể nói với tất cả sự cân nhắc và chính xác và thẳng thắn, và có thể làm bạn tề liệt bằng ngôn từ. Ông dạy bằng được cho các con phải ăn nói tử tế. Lớn lên, chúng không bao giờ nói, “Nhìn con gâu gâu kia.” Thậm chí chúng không nói, “Nhìn con chó kia.” Chúng nói, “Nhìn con Béc-giê kia. Nhìn con chó săn thỏ kia. Nhìn con chó sục kia.” Chúng học được rằng mọi thứ đều có loại này loại kia. Chúng học được sức mạnh của việc gọi tên chính xác. Lúc nào ông cũng dạy chúng tiếng Anh. Ngay cả những đứa trẻ đến chơi nhà, bạn của con ông, cũng đều bị ông Silk chỉnh lại tiếng Anh.

Khi ông là một người thợ mắt kính và mặc chiếc áo bờ lu trắng bên ngoài bộ đồ sẫm màu kiểu mục sư và làm việc theo giờ giấc như công nhân viên chức, ông thường ngồi đọc báo tại bàn ăn sau khi dùng món tráng miệng. Tất cả đều phải đọc. Mỗi đứa trẻ, cả đứa bé tí như Ernestine, sẽ lần lượt đọc tờ *Newark Evening News*, mà không phải là những trang truyện cười. Mẹ ông, bà nội Coleman, được bà chủ dạy chữ và sau cuộc Giải phóng nô lệ đã đi học ở nơi mà sau được gọi là Trường Sư phạm và Công nghiệp bang Georgia dành cho Người Da Màu. Cha ông, ông nội Coleman, là một mục sư Hội Giám lý. Trong gia đình Silk mọi người đều đọc các tác phẩm văn học cổ điển, không thiếu cuốn nào. Trong gia đình Silk con cái không được dẫn đi xem các trận đấu quyền Anh, chúng được đưa đến Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan ở New York để xem áo giáp. Chúng được đưa đến Cung thiên văn Hayden để biết về thái dương hệ. Chúng được đều đặn dẫn

đến Bảo tàng lịch sử Tự nhiên. Và rồi năm 1937, vào ngày 4 tháng Bảy, bất chấp phí tổn, tất cả chúng được ông Silk dẫn đến nhà hát Music Box Theatre ở Broadway để xem George M. Cohan diễn trong vở *I'd Rather Be Right*. Coleman vẫn nhớ những điều cha ông nói với em trai ông, chú Bobby, trên điện thoại ngày hôm sau. “Khi màn nhung kéo xuống sau lưng George M. Cohan lúc ông ấy ra cúi chào khán giả, sau không biết là bao nhiêu lần, chú biết ông ta đã làm gì không? Ông ta bước ra hát tất cả những bài hát của mình trong một giờ. Từng bài một. Liệu có cách nào tuyệt vời hơn để giới thiệu kịch nghệ với một đứa trẻ không?”

“Nếu ta là cha của con,” cha Coleman trở lại câu chuyện, trong khi cậu con trai ngồi nghiêm nghị trước cái đĩa không, “con biết ta sẽ nói gì với con lúc này không?”

“Là gì ạ?” Coleman nói khe khẽ, không phải vì cậu mệt đứt hơi do chạy bộ mà bởi vì cậu cảm thấy xấu hổ vì đã bảo cha mình, người không còn là một chủ cửa hàng mắt kính mà là một bồi bàn trên toa ăn và vẫn sẽ là một bồi bàn trên toa ăn cho đến khi chết, rằng ông không phải là cha mình.

“Ta sẽ nói, ‘Tối hôm qua con thắng hả? Tốt. Bây giờ con có thể giải nghệ, giải nghệ mà chưa hề bị đánh bại. Con đã giải nghệ.’ Ta sẽ nói với con thế, Coleman ạ.”

Mọi chuyện dễ dàng hơn nhiều khi Coleman nói chuyện với cha cậu sau đó, sau khi cậu dành cả buổi chiều làm bài tập về nhà và sau khi mẹ có cơ hội nói chuyện và thuyết phục cha cậu. Sau đó tất cả họ có thể ngồi trong không khí ít nhiều hòa bình với nhau trong phòng ăn và lắng nghe Coleman mô tả những vinh quang của nghề đánh bốt và việc chúng, xét đến tất cả những kỹ năng ta cần tập luyện thành thực cho đến khi hoàn thiện, tuyệt vời hơn cả những chiến thắng trên đường đua như thế nào.

Giờ thì đến lượt mẹ cậu nêu ra những câu hỏi, và việc trả lời bà thì chẳng mấy khó khăn. Đứa con trai thứ của bà giống như một món quà

bước ra từ mọi giấc mơ tươi đẹp mà Gladys Silk đã từng có, và cậu càng trở nên đẹp trai và thông minh hơn, thì bà càng thấy khó khăn hơn để phân biệt nó với những giấc mơ của mình. Dù bà vẫn nhạy cảm và dịu dàng đối với các bệnh nhân tại bệnh viện, bà cũng có thể, với các y tá khác, thậm chí cả với các bác sĩ, các bác sĩ da trắng, nghiêm khắc và cứng rắn, buộc họ phải tuân theo một quy tắc ứng xử khắt khe không kém quy tắc mà bà đặt ra cho chính mình. Bà cũng có thể làm như thế với Ernestine. Nhưng không bao giờ là với Coleman. Coleman có được những gì mà các bệnh nhân nhận được: lòng tốt và sự chăm sóc chu đáo của bà. Coleman có hầu như bất cứ thứ gì cậu muốn. Người cha dẫn đường, bà mẹ nuôi dưỡng tình yêu. Người này hỗ trợ cho người kia.

“Mẹ không hình dung được con sẽ nổi điên như thế nào với ai đó mà con không biết. Đặc biệt là con,” bà nói, “với bản chất vui vẻ của con.”

“Con không nổi điên. Con chỉ tập trung. Đó là một bộ môn thể thao. Con khởi động trước một trận đấu. Con đấu với đối thủ tưởng tượng. Con chuẩn bị sẵn sàng cho bất cứ thứ gì sắp nhắm vào mình.”

“Trong khi con chưa từng gặp đối thủ trước đó?” cha cậu hỏi, cố gắng kiềm chế thái độ mỉa mai bằng tất cả những gì ông có thể.

“Ý của con là,” Coleman nói, “ba không nhất thiết cứ *phải* nổi điên lên.”

“Nhưng,” mẹ cậu hỏi, “chuyện gì xảy ra nếu đứa kia nổi khùng lên?”

“Điều đó không quan trọng. Đầu óc mới giúp ta chiến thắng, chứ không phải việc nổi khùng. Cứ để cậu ta nổi khùng. Ai thèm quan tâm? Mình phải suy nghĩ. Nó giống như ván cờ vậy. Giống như con mèo với con chuột. Mình có thể dẫn dắt người khác. Tối qua, con gặp một tên, nó khoảng mười tám mười chín gì đó và nó hơi chậm chạp. Nó tung một cú đấm thọc vào đỉnh đầu con. Thế nên khi nó đấm như vậy lần kế, con đã sẵn sàng, và bụp. Con đảo người với cú phản đòn

tay phải và nó không biết cú đó đến từ đâu. Con đấm nó gục luôn. Thường con không đấm gục người khác, nhưng con đấm gục tên này. Và con thành công bởi vì con khiến nó nghĩ rằng nó có thể dùng cú đấm đó đấm trúng con lần nữa.”

“Coleman,” mẹ cậu nói. “Mẹ không thích nghe những thứ như vậy.”

Cậu đứng lên để minh họa cho bà xem. “Mẹ xem này. Đây là một cú đấm chậm. Mẹ thấy không? Con biết cú đấm thọc của nó chậm và nó không đấm trúng con. Con chẳng hề hấn gì hết. Mẹ ạ, con chỉ đang nghĩ rằng nếu nó làm vậy lần nữa, con sẽ né và trả đòn bằng cú đấm phải. Cho nên khi nó tung cú đó lần nữa, con có thể trông thấy bởi vì nó quá chậm, và con có thể phản đòn và đánh trúng nó. Con đấm nó gục luôn, mẹ à, nhưng không phải vì con giận dữ. Mà bởi vì con đánh bốc giỏi hơn.”

“Nhưng mấy cậu trai Newark mà con đấu đó. Họ chẳng giống bạn bè của con gì cả,” và với sự trù mến, bà nhắc đến tên hai người bạn da đen thông minh nhất, đàng hoàng nhất cùng khóa với cậu học tại trường Trung học East Orange, cũng chính là hai đứa bạn mà cậu cùng ăn trưa và chơi chung ở trường. “Mẹ thấy những cậu Newark này trên phố. Chúng nó *bặm trợn* quá,” bà nói. “Môn chạy đua thì vẫn minh hơn nhiều so với đánh bốc, thích hợp với con hơn nhiều, Coleman. Con yêu, con chạy rất đẹp.”

“Họ bặm trợn như thế nào hoặc việc họ nghĩ họ bặm trợn ra sao, điều đó không quan trọng,” cậu nói với mẹ. “Ngoài đường điều đó quan trọng đấy. Nhưng trên võ đài thì không. Ngoài đường tay này có lẽ đã đánh con như đòn. Nhưng còn trên võ đài? Với những luật lệ? Với đôi găng? Không, không - nó còn không thể đấm trúng một cú.”

“Nhưng chuyện gì xảy ra khi họ đánh *trúng* con? Nó ắt sẽ làm con bị thương. Cú va chạm ấy. Chắc chắn là vậy. Và như thế quá nguy hiểm. Đầu con. *Não* của con.”

“Mẹ chỉ cần xoay đầu khi cú đấm tới, mẹ ạ. Thế nên họ mới dạy ta cách xoay đầu. Giống vậy, mẹ thấy chưa? Điều đó làm giảm lực tác

động. Có một lần, và chỉ một lần duy nhất, và chỉ vì con là đứa ngốc, chỉ vì sai lầm ngu ngốc của con và bởi con chưa quen đấu với người thuận tay trái, con mới bị choáng một chút. Và nó cũng giống như mẹ bị đụng đầu vô tường thôi, mẹ cảm thấy hơi chóng mặt và run người. Nhưng sau đó bất ngờ cơ thể mẹ trở lại bình thường. Tất cả những gì mẹ phải làm là bám chặt lấy tay đó hoặc lùi ra xa, và sau đó đầu óc mẹ tỉnh táo trở lại. Đôi khi mẹ bị một cú đánh vào mũi, mắt mẹ chảy nước trong một giây, nhưng chỉ có vậy thôi. Nếu mẹ biết mình đang làm gì, sẽ chẳng có gì nguy hiểm hết.”

Đến đó, cha cậu nghe đã quá đủ. “Ta đã từng thấy những người ăn nguyên quả dấm mà không kịp thấy nó bay tới. Và khi chuyện đó xảy ra,” ông Silk nói, “mắt họ không chảy nước đâu - khi chuyện đó xảy ra, họ bất tỉnh luôn. Ngay cả Joe Louis, nếu con còn nhớ, cũng bất tỉnh luôn - đúng không? Ta có lầm không nhỉ? Và nếu đến Joe Louis còn bị bất tỉnh, thì con cũng sẽ vậy thôi, Coleman.”

“Phải, nhưng ba nè, Schmeling, khi ông ta đấu với Louis trận đấu đầu tiên đó, ông ta thấy ra một điểm yếu. Và điểm yếu đó là ở chỗ khi Louis tung cú đấm thọc, thay vì lùi lại...” Cậu lại đứng lên, diễn lại để chứng minh cho cha mẹ thấy điều cậu muốn nói. “Thay vì lùi lại, ông ta lại hạ tay trái xuống - ba mẹ thấy không? - và Schmeling cứ thế xông tới - ba mẹ thấy không? - và đó là cách Schmeling hạ ông ta đo ván. Tất cả là do suy nghĩ. Thực sự. Nó *đúng là* vậy đó, ba. Con thề độc với ba luôn.”

“Đừng có nói vậy. Đừng nói ‘Con thề độc với ba.’ ”

“Con sẽ không nói, không nói. Nhưng coi nè, nếu ông ta không lui lại và chỉnh lại tư thế, nếu thay vào đó ông ta di chuyển đến đây, người kia sẽ xoay người tung cú đấm tay phải và thế là ông ta sẽ đấm trúng được ông kia. Trận đầu tiên đã xảy ra như vậy đó. Đó chính xác là những gì đã xảy ra.”

Nhưng ông Silk đã chứng kiến nhiều cuộc đấu, trong quân đội ông đã chứng kiến những trận đấu giữa những người lính thượng đài ban

đêm cho những người lính khác xem, ở đó các võ sĩ không những bị hạ đo ván như Joe Louis mà còn bị thương nặng đến độ không sao cầm máu được. Trong căn cứ của mình, ông đã chứng kiến những võ sĩ da màu sử dụng cái đầu mình làm vũ khí chính, những người đáng lẽ phải đeo găng trên đầu, những võ sĩ đường phố bất trị, những gã ngu ngốc cứ húc đầu và húc đầu họ cho đến khi mặt của võ sĩ kia không còn ra mặt người nữa. Không, Coleman sẽ giải nghệ khi chưa bị đánh bại, và nếu cậu muốn đánh bốc vì thích nó, vì tinh thần thể thao, cậu có thể chơi nhưng không phải tại Câu lạc bộ Newark Boys, mà đối với ông Silk vốn chỉ dành cho bọn trẻ khu ổ chuột, cho bọn thất học và bọn lưu manh sẽ kết thúc đời chúng dưới đường mương hoặc nhà tù, mà là ngay ở East Orange, dưới bàn tay của Doc Chizner, trước đây là nha sĩ cho Liên hiệp Công nhân ngành Điện khi ông Silk còn là thợ làm kính cung cấp mắt kính cho các thành viên của hiệp hội này trước khi bị phá sản. Doc Chizner vẫn làm nha sĩ nhưng sau giờ làm việc ông dạy cho bọn con trai của các bác sĩ, luật sư và doanh nhân Do Thái những kỹ năng cơ bản trong môn quyền Anh, và ta có thể chắc chắn là không đứa nào trong các lớp của ông bị thương hoặc bị tàn tật suốt đời. Với cha của Coleman, dân Do Thái, ngay cả những người Do Thái trơ tráo, xấu xa như bác sĩ Fensterman, giống như những trinh sát da đỏ, những người khôn ngoan chỉ cho người ngoài thấy lối vào, chỉ ra khả năng thăng tiến xã hội, và chỉ cho một gia đình da màu có học thấy họ cần phải làm thế nào.

Và như thế, Coleman đến với Doc Chizner và trở thành chàng trai da màu mà tất cả các cậu ấm Do Thái đều phải biết tới - có lẽ là cậu trai da màu duy nhất chúng từng biết. Coleman nhanh chóng trở thành phụ tá của Doc, dạy những anh chàng Do Thái này, không phải những kỹ thuật tinh tế để tiết kiệm sức lực và chuyển động mà Mac Machrone đã dạy cậu học trò xuất sắc của ông, mà là những thứ cơ bản, vốn là tất cả những gì mà họ cần - “Tôi hô một, các anh đấm thẳng. Tôi hô một-một, các anh đấm hai cú thẳng liên tiếp. Tôi hô

một-hai, thẳng trái, xéo phải. Một-hai-ba, thẳng trái, xéo phải, móc trái.” Sau khi những học trò khác đã ra về - thỉnh thoảng có đưa máu mũi đầm đìa chịu hết xiết, không bao giờ trở lại - Doc Chizner tập riêng với Coleman, một vài tối ông củng cố sức bền của cậu chủ yếu bằng cách đánh cận chiến với Coleman, tức là ta lôi, ta kéo, ta đánh và do đó về sau việc đánh đỡ bỗng trở thành trò trẻ con. Doc bắt Coleman dậy sớm ra ngoài tập chạy bền và tập đánh cùng lúc con ngựa của người giao sữa, kéo theo chiếc xe xích đến giao hàng buổi sáng cho cả khu. Coleman thường ra ngoài lúc năm giờ sáng trong chiếc áo thể dục xám có mũ trùm đầu, trong cái lạnh, trong tuyết, bất kể thời tiết kiểu gì, ở ngoài đó ba tiếng rưỡi trước khi có tiếng chuông trường đầu tiên. Không có ai khác ở quanh đó, không có ai chạy, từ rất lâu trước khi có người đi chạy bộ, chạy nhanh ba dặm, liên tục tung những cú đấm, chỉ dừng lại để không làm con vật già nua ì ạch to lớn màu nâu sợt hãi khi, giấu mặt đầy bí hiểm trong chiếc mũ trùm như thầy tu, Coleman đuổi kịp người giao sữa và chạy nước rút về phía trước. Cậu ghét sự nhàm chán của việc chạy bộ - và cậu không bỏ một ngày nào hết.

Khoảng bốn tháng trước khi bác sĩ Fensterman đến nhà đưa ra đề nghị với ba mẹ Coleman, một thứ Bảy Coleman ngồi trong xe của Doc Chizner, trên đường lên West Point, nơi Doc sẽ làm trọng tài cho trận đấu giữa Quân đội và Đại học Pittsburgh. Doc biết huấn luyện viên đội Pitt và ông muốn tay huấn luyện viên này xem Coleman đấu. Doc tin chắc rằng, với điểm số của Coleman, tay huấn luyện viên này có thể kiếm cho cậu một học bổng bốn năm ở Pitt, một học bổng lớn hơn mọi học bổng cậu có thể kiếm được nhờ môn điền kinh, và cậu chỉ việc phải đấu quyền Anh cho đội Pitt.

Giờ đây, trên đường đi Doc không bảo cậu nói với huấn luyện viên đội Pitt cậu là người da trắng. Ông chỉ bảo Coleman đừng đề cập chuyện cậu là người da màu.

“Nếu không ai hỏi,” Doc nói, “thì anh đừng nhắc đến vụ đó. Anh không phải là thế này cũng chẳng phải là thế kia. Anh là Silky Silk.

Vậy là đủ. Thỏa thuận thế nhé.” Cách diễn đạt ưa thích của Doc: thỏa thuận thế nhé. Một thứ mà cha của Coleman sẽ không cho phép cậu lặp lại ở nhà.

“Ông ta sẽ không biết chứ?” Coleman hỏi.

“Bằng cách nào? Làm sao mà ông ta biết được? Làm thế quái nào mà ông ta biết được? Đây là chàng trai số một trường Trung học East Orange, và anh ta đi với Doc Chizner. Anh biết nếu nghĩ thì ông ta sẽ nghĩ gì không?”

“Nghĩ gì?”

“Anh, với cái vẻ ngoài của anh, lại còn đi với tôi, thế nào ông ta cũng sẽ nghĩ anh là một trong những đệ tử của Doc. Ông ta sẽ nghĩ anh là dân Do Thái.”

Coleman chưa từng xem Doc như một cây hài - ông chẳng có gì giống với Mac Machrone và những câu chuyện của Mac về việc làm cốm ở Newark - nhưng cậu vẫn cười to trước câu đó rồi nhắc Doc, “Em sẽ đi học ở Howard. Em không thể đến Pitt được. Em phải học ở Howard.” Vì từ tận lúc nào lúc nào cha cậu đã nhất quyết gửi cậu, đứa thông minh nhất trong ba đứa con, tới một trường đại học có truyền thống dạy dân da đen, để học cùng với đám con cái hưởng đặc quyền của nhóm người da đen ưu tú.

“Coleman, cứ đánh cho tay này đi. Vậy thôi. Toàn bộ thỏa thuận là thế. Để xem chuyện gì sẽ xảy ra.”

Trừ những chuyến đi mở mang kiến thức cùng gia đình đến thành phố New York, trước đây Coleman chưa từng rời khỏi Jersey, và vì vậy đầu tiên cậu dành một ngày trọn vẹn đi quanh West Point giả vờ như cậu ở West Point bởi vì cậu sắp *đến sống* ở West Point, và sau đó cậu đấu bốc cho huấn luyện viên đội Pitt với một anh chàng giống anh chàng cậu đã đấu tại Knights of Pythias - kém thông minh, kém đến độ trong vài giây Coleman nhận ra rằng anh chàng này không có cách chi đánh bại được cậu, cho dù anh ta hai mươi tuổi và là một tay võ sĩ ở đại học. Chúa ơi, Coleman nghĩ lúc cuối hiệp đầu, nếu mình có thể

đấu với tay này trong suốt phần đời còn lại, mình sẽ có thành tích cao hơn cả Ray Robinson*. Không phải chỉ là vì Coleman đã tăng thêm ba ký so với khi đánh bốc ở hạng nghiệp dư tại Knights of Pythias. Mà là vì có một thứ gì đó thậm chí cậu không thể gọi tên khiến cậu muốn tàn phá nhiều hơn những gì trước đây cậu từng dám làm, muốn làm cái gì đó nhiều hơn là chỉ chiến thắng trận ngày hôm ấy. Có phải bởi vì huấn luyện viên đội Pitt không biết cậu là người da màu chẳng? Có thể bởi vì việc cậu thực sự là ai hoàn toàn là bí mật của riêng cậu chẳng? Cậu quả thực yêu những bí mật. Cái bí mật là không ai biết những gì đang xảy ra trong đầu bạn, bạn có thể nghĩ bất cứ điều gì bạn muốn nghĩ mà không cách chi có ai biết được. Tất cả bọn trai kia luôn lăm nhăm về bản thân chúng nó. Nhưng sức mạnh, hay khoái lạc, lại không nằm ở đó. Sức mạnh và khoái lạc sẽ được tìm thấy ở cái chiều đối lập, trong việc làm một người phản thổ lộ, giống kiểu bạn là người phản đòn, và cậu biết điều đó mà không cần ai phải nói với cậu và cậu cũng không cần phải nghĩ về nó. Đó là lý do cậu thích đấu với đối thủ tưởng tượng và đấm bao cát: vì tính bí mật nơi việc đó. Đó là lý do cậu cũng thích đường đua, nhưng cái này thậm chí còn hay ho hơn. Một số gã chỉ đấm liên tục vào bao cát. Coleman thì không. Coleman *suy nghĩ*, và theo cùng cách thức mà cậu suy nghĩ ở trường hoặc trong cuộc chạy thi: loại trừ mọi thứ khác ra ngoài, không cho thứ gì khác chen vào, và để hết tâm trí vào đối tượng của mình, vào cái chủ đề, cuộc thi, hay kỳ kiểm tra - bất cứ thứ gì cần phải hoàn thiện tốt, trở thành chính nó. Cậu có thể làm như thế trong môn sinh học, cậu có thể làm như thế trong cuộc chạy thi và cậu có thể làm như thế trong việc đánh bốc. Và không những chẳng có gì bên ngoài tác động được tới cậu, mà bất cứ thứ gì bên trong cũng vậy. Nếu có người trong đám đông ở võ đài la hét với cậu, cậu có thể không bận tâm đến chuyện đó, và nếu đối thủ lúc đó là bạn thân nhất của cậu, cậu có thể không bận tâm đến chuyện đó. Sau trận đấu sẽ có khối thời gian cho họ lại trở thành bạn bè. Cậu tìm cách buộc bản thân phớt lờ những cảm xúc của mình, dù là nỗi sợ hãi hay sự hoang mang, thậm chí là cả tình bạn - không phải là cậu

không có cảm xúc mà là cậu tách chúng khỏi bản thân. Khi cậu đang đấu với đối tượng tưởng tượng chẳng hạn, cậu không chỉ luyện cơ bắp. Cậu còn hình dung ra một gã khác, trong đầu cậu đang đấu một cuộc đấu bí mật với một gã khác. Và trên võ đài, nơi gã khác đó là thực - khó ưa, khinh khỉnh, đần độn, tung những đòn thực nhất có thể - gã ta vẫn không thể biết bạn đang nghĩ gì. Không có ông thầy nào ở đó để xin câu trả lời. Tất cả những câu trả lời bạn nghĩ ra trên võ đài, bạn giữ cho riêng mình, và khi bạn hé lộ bí mật đó ra, bạn sẽ hé lộ nó bằng mọi thứ *ngoại trừ* miệng của bạn.

Nên tại West Point huyền thoại, ma thuật, nơi với cậu vào hôm đó có vẻ như có nhiều nước Mỹ trong từng phân vuông của lá cờ đang tung bay trên cột cờ West Point hơn trong bất cứ lá cờ nào cậu từng thấy, và nơi những khuôn mặt sắt đá của các học viên sĩ quan đối với cậu mang một ý nghĩa anh hùng mạnh mẽ nhất, thậm chí ở đây, tại trung tâm ái quốc, phần cốt tủy của chiếc xương sống không thể bẻ gãy được của đất nước, nơi mộng tưởng tuổi mười sáu của cậu về nơi này ăn khớp một cách hoàn hảo với cái mộng tưởng chính thức, nơi mọi thứ cậu thấy khiến cậu cảm thấy yêu điên cuồng, một tình yêu không chỉ dành cho bản thân cậu mà cho tất cả những gì có thể thấy được, cứ như mọi thứ trong tự nhiên biểu thị cho cuộc sống của chính cậu - mặt trời, bầu trời, núi non, dòng sông, cây cỏ, chỉ riêng Coleman Brutus “Silky” Silk được đưa lên cực điểm - thậm chí ở đây cũng không ai biết bí mật của cậu, và vì thế cậu đi ra đó trong hiệp đầu tiên và, không giống như người phản đòn bất bại của Mac Machrone, bắt đầu đánh gã này bằng mọi thứ cậu có. Nếu gã đó và cậu ngang ngửa nhau, cậu sẽ phải sử dụng đầu óc của mình, nhưng khi gã đó kém hơn và Coleman nhận thấy điều đó ngay từ đầu, cậu có thể làm một võ sĩ hung hăng và bắt đầu đâm tưng bừng. Và đó là điều đã xảy ra tại West Point. Trước khi ta kịp có phản ứng gì, cậu đã làm tét mắt gã kia, mũi gã chảy máu, và cậu đánh gã tui bụi. Rồi chuyện gì đó chưa từng xảy

ra bỗng xảy ra. Cậu tung một cú móc, một cú móc vào sâu đến đến ba phần tư thân thể gã kia. Nó lún sâu đến độ khiến cậu kinh ngạc, dù không kinh ngạc bằng một nửa tay đấm đội Pitt. Coleman nặng sáu mươi tư ký, khó có thể là một võ sĩ trẻ hạ đo ván một người khác. Cậu đã không trụ chân để chuẩn bị cú đấm tuyệt vời đó, đó không phải là phong cách của cậu; tuy vậy cú đấm này thọc sâu vào đối thủ đến độ gã kia gập người tới trước, một tay đấm đại học đã hai mươi tuổi, và Coleman đã giáng cho gã miếng đòn mà Doc Chizner gọi là “bao tử”. Đấm thẳng vào bao tử, và gã kia gập người lại, trong phút chốc Coleman nghĩ gã này thậm chí sẽ mưa ra, vì thế trước khi gã mưa và trước khi gã ngã vật xuống, Coleman định tống cho gã một cú đấm tay phải nữa - khi tay da trắng này ngã xuống cậu chỉ thấy đó là một người mà cậu muốn đập cho như tử - nhưng bất ngờ thay huấn luyện viên đội Pitt, người đang làm trọng tài, kêu lên, “Đừng, Silky!” và trong khi Coleman bắt đầu tung cú đấm phải cuối cùng của mình, tay huấn luyện viên chộp lấy cậu và dừng trận đấu.

“Và tay đó,” Doc nói trên đường lái xe về nhà, “tay đó cũng là một võ sĩ giỏi chết mẹ đấy. Nhưng khi họ lôi nó trở về góc đài, họ phải nói với nó là trận đấu đã kết thúc rồi. Anh chàng về đến góc đài rồi mà vẫn không biết cái gì đã hạ gục mình.”

Ngập trong chiến thắng, trong phép màu, trong cảm giác ngây ngất của cú đấm cuối cùng và của cơn lũ thịnh nộ ngọt ngào đã xô tung và tuôn trào và cuốn phăng cậu không kém gì nạn nhân của nó, Coleman nói - cứ như thể cậu đang nói mơ chứ không phải là nói lớn trong xe trong khi cậu diễn lại trận đấu trong đầu - “Chắc là cháu quá nhanh với anh ta, Doc ạ.”

“Chắc chắn là nhanh rồi. Dĩ nhiên là nhanh. Tôi biết anh nhanh. Nhưng lại còn mạnh nữa. Đó là cú móc ngoạn mục nhất anh từng tung ra, Silky. Chàng trai của tôi, anh quá *mạnh* so với anh ta.”

Cậu ư? Mạnh thực sự ư?

Dù sao thì cậu cũng quyết định đến Howard. Nếu cậu không đi, cha cậu - chỉ bằng từ ngữ, chỉ bằng tiếng Anh - hẳn sẽ giết chết cậu. Ông Silk đã tính toán mọi thứ: Coleman sẽ đến Howard học để trở thành bác sĩ, gặp một cô gái da ngăm ngăm trắng xuất thân từ một gia đình da đen tử tế, cưới vợ và an cư và có những đứa con mà sau này đến lượt chúng cũng sẽ học ở Howard. Tại Howard toàn người da đen, những lợi thế cực kỳ lớn lao của Coleman về trí tuệ và diện mạo sẽ đưa cậu vào hàng ngũ những người đứng đầu trong xã hội người da đen, giúp cậu trở thành một người mà người ta sẽ ngưỡng mộ mãi mãi. Thế nhưng trong tuần đầu tiên của cậu ở Howard, khi cậu hăm hở ra ngoài vào thứ Bảy với bạn cùng phòng, con trai một luật sư người New Brunswick, để thăm Đài tưởng niệm Washington, và họ dừng lại ở cửa hàng Woolworth để mua bánh mì kẹp xúc xích, cậu đã bị gọi là tên mọi đen. Lần đầu tiên trong đời. Và họ không bán bánh mì kẹp xúc xích cho cậu. Bị từ chối bán cho một ổ bánh mì xúc xích tại cửa hàng Woolworth ở khu trung tâm Washington, lúc bỏ đi thì bị gọi là mọi đen, và do đó, cậu không còn có thể tách bản thân khỏi những cảm xúc của mình dễ dàng như khi ở trên võ đài. Tại trường Trung học East Orange, là học sinh hạng nhất lớp, ở miền Nam bị phân rẽ này thì là một tên mọi đen như bao tên mọi đen khác. Ở miền Nam bị phân rẽ này không có chỗ cho những căn cước riêng biệt, ngay cả là với cậu và bạn cùng phòng của cậu. Người ta không cho phép những thứ tế vi ấy tồn tại, và tác động của nó thật ghê gớm. Thằng mọi đen - và cái từ ấy ám chỉ *cậu*.

Dĩ nhiên ngay cả ở East Orange cậu cũng không thoát khỏi những hình thức tẩy chay kém ác ý hơn chút xíu, trên bình diện xã hội, đã tách gia đình cậu và cộng đồng da màu nhỏ bé khỏi phần còn lại của East Orange - mọi thứ xuất phát từ cái mà cha cậu gọi là “chứng sợ da đen” của đất nước này. Và cậu cũng biết rằng khi làm việc cho hãng Hỏa xa Pennsylvania, cha cậu đã phải chịu đựng những lời lăng mạ trong toa ăn và, dù có nghiệp đoàn hay không có nghiệp đoàn, cách cư

xử đầy định kiến từ một công ty hèn mọn hơn bất cứ thứ gì Coleman từng biết khi còn là một cậu bé East Orange vốn không chỉ có nước da sáng nhất mà một người da đen có thể có, mà còn là một cậu bé nhiệt tình, hăng hái, sáng dạ, và tình cờ thay, cũng là một ngôi sao điền kinh và một học sinh được toàn điểm A. Cậu thường nhìn cha mình làm mọi thứ có thể để không nổi khùng lên khi ông từ sở làm về nhà sau khi có chuyện gì đó xảy ra ở nơi làm việc mà, nếu ông muốn giữ công việc này, ông không thể làm gì ngoài việc lặng lẽ nói, “Vâng, thưa ngài.” Chuyện những người da đen có nước da sáng hơn được đối xử tử tế hơn không phải luôn luôn đúng. “Bất cứ khi nào một người da trắng tiếp xúc với ta,” ông thường nói với gia đình, “bất kể hấn ta có thiện ý ra sao, hấn vẫn cho rằng ta thấp kém hơn về mặt trí tuệ. Bằng cách này hay cách khác, nếu không trực tiếp qua lời nói thì cũng là qua nét mặt, qua giọng điệu, qua sự thiếu kiên nhẫn, thậm chí là qua cái biểu hiện hoàn toàn ngược lại - sự độ lượng, sự *nhân đạo* của hấn - hấn sẽ luôn luôn nói chuyện với ta như thể ta là đứa ngốc, rồi sau đó, nếu ta không ngốc, hấn ta sẽ kinh ngạc.” “Chuyện gì đã xảy ra vậy ba?” Coleman thường hỏi. Nhưng do lòng tự tôn cũng như sự ghê tởm, hiếm khi cha cậu giải thích. Ông chỉ muốn truyền lại cho các con một bài học, thế thôi. Mẹ Coleman sẽ giải thích, “Những gì đã xảy ra thậm chí chẳng đáng để ba con kể lại đâu.”

Tại trường Trung học East Orange, có những giáo viên mà ở họ Coleman cảm nhận được một sự không đều trong việc công nhận, một sự không đều trong việc ủng hộ đối với cậu, so với những gì họ vẫn hào phóng ban phát cho những cậu bé da trắng thông minh, nhưng không bao giờ sự bất công đó chạm tới mức có thể ngăn cản những mục tiêu của cậu. Dù sự khinh thường hoặc trở ngại cậu gặp phải có như thế nào đi nữa, cậu sẽ vẫn vượt qua như vượt qua những rào chắn trên đường chạy. Dù chỉ là để tỏ ra mình không thể bị xuyên thủng, cậu nhún vai bỏ qua mọi việc mà Walter, chẳng hạn vậy, không thể và sẽ không bỏ qua. Walter cũng chơi bóng bầu dục trong trường đại học,

đạt điểm số cao, và, là người da đen, màu da Walter sáng bất thường không kém gì da Coleman, nhưng cậu ta luôn luôn giận dữ hơn tí chút về mọi chuyện. Chẳng hạn như khi Walter không được mời vào nhà một cậu da trắng mà buộc phải chờ bên ngoài, khi cậu ta không được mời dự bữa tiệc sinh nhật của một đồng đội da trắng mà cậu ta ngốc đến mức coi như một người bạn thì Coleman, người sống chung phòng với cậu ta, sẽ phải nghe về chuyện này hàng tháng trời. Khi Walter không đạt được điểm A môn lượng giác, cậu ta đến thẳng chỗ giáo viên, đứng đó và nói thẳng vào khuôn mặt da trắng của thầy mình, “Em nghĩ thầy nhầm lẫn rồi.” Khi thầy giáo kiểm tra số điểm và xem lại điểm số bài kiểm tra của Walter, ông ta quay lại chỗ Walter và, thậm chí kể cả khi thừa nhận sai sót của mình, ông ta còn dám nói, “Tôi không thể tin điểm số của em lại cao như vậy,” và chỉ sau khi đưa ra lời nhận xét đó ông ta mới chữa lại từ điểm B thành điểm A. Coleman hẳn không mơ đến việc yêu cầu một giáo viên thay đổi điểm, nhưng hồi đó cậu chẳng bao giờ phải làm vậy. Có lẽ bởi vì cậu không có cái kiêu kháng cự dữ tợn của Walter, hoặc có lẽ bởi vì cậu may mắn, hoặc có lẽ bởi vì cậu thông minh hơn và không mất nhiều công sức để có được sự xuất sắc trong học tập như đối với Walter, cậu đạt điểm A ngay từ đầu. Và hồi lớp bảy, khi *cậu* không được mời đến dự tiệc sinh nhật của một người bạn nọ (cậu này sống ở ngay cuối dãy phố trong khu chung cư ở góc đường, là con trai của ông bảo vệ da trắng trông coi khu nhà này, vốn vẫn cùng đi về với Coleman từ khi hai đứa đi nhà trẻ), Coleman không xem đó như sự cự tuyệt của người da trắng - sau tâm trạng bối rối ban đầu cậu coi đó như sự cự tuyệt từ đôi phụ huynh ngu ngốc của Dicky Watkin. Khi cậu dạy lớp của Doc Chizner, cậu biết có những đứa trẻ ghê sợ cậu, những đứa không thích cậu chạm vào chúng hoặc sợ dính phải mồ hôi của cậu, thỉnh thoảng có đứa còn bỏ học nửa chừng - có lẽ cũng vì cha mẹ nó không muốn nó theo học đánh bốc, hoặc theo học bất cứ thứ gì, từ một anh chàng da màu - thế nhưng, không như Walt, vốn không bỏ qua bất cứ một sự coi thường nào, Coleman sau cùng vẫn có thể quên nó đi, gạt nó đi,

hoặc quyết định tỏ ra như vậy. Có lần một trong số những vận động viên chạy bộ da trắng trong đội điền kinh bị thương nặng trong một vụ đụng xe và những chàng trai trong đội lao tới hiến máu cho gia đình đó, Coleman cũng nằm trong số họ, nhưng gia đình đó không nhận máu của cậu. Họ cảm ơn cậu và nói với cậu họ đã có đủ máu, nhưng cậu biết lý do thật sự là gì. Không, không phải là cậu không biết chuyện gì đang xảy ra. Cậu quá thông minh nên không thể không nhận ra điều đó. Cậu thi đấu với rất nhiều chàng trai Newark da trắng tại các cuộc thi chạy, dân Ý đến từ Barringer, dân Ba Lan đến từ East Side, dân Ireland đến từ Central, dân Do Thái đến từ Weequahic. Cậu đã thấy, cậu đã nghe - cậu *nghe lỏm* được. Coleman biết chuyện gì đang xảy ra. Nhưng cậu cũng biết chuyện gì đang không xảy ra, ít nhất là ở trung tâm cuộc sống của cậu. Sự che chở của cha mẹ cậu, sự che chở của Walt trong vai trò một người anh cao trên mét tám, tính tự tin bẩm sinh của cậu, vẻ hấp dẫn sáng láng của cậu, tài chạy bộ của cậu (“cậu trai nhanh nhất ở Orange”), thậm chí là cả màu da của cậu, thứ khiến cậu trở thành người mà người ta đôi khi không thể phán đoán được - tất cả những điều này gộp lại đã giảm nhẹ giúp cho Coleman những lời lăng mạ mà Walter đã không thể chịu đựng được. Và cũng có sự khác biệt về tính cách: Walt là Walt, Walt một cách quyết liệt, còn Coleman lại quyết liệt không phải vậy. Hầu như không có cách giải thích nào tốt hơn cho những phản ứng khác nhau giữa họ.

Nhưng “thằng mọi đen” ư - nhắm ngay vào *cậu* ư? Điều đó làm cậu nổi điên. Thế nhưng, trừ phi cậu muốn dính vào rắc rối nghiêm trọng, cậu chẳng thể làm gì khác trong vụ này ngoài việc tiếp tục bước ra khỏi cửa hàng. Đây không phải là trận quyền Anh nghiệp dư tại Knights of Pythias. Đây là cửa hàng Woolworth ở Washington, D.C. Những năm đấm của cậu vô dụng, đôi chân thần tốc của cậu vô dụng, cả cơn thịnh nộ của cậu cũng vậy. Hãy quên Walter đi. Làm sao *cha* cậu có thể chịu đựng được điều thối tha này? Chịu đựng những điều thối tha giống như vậy trong toa ăn đó từng ngày một! Chưa bao giờ

trước đây, với tất cả sự thông minh trước tuổi của mình, Coleman nhận ra cuộc sống của cậu đã được che chắn như thế nào, hay đong đếm được sự ngoan cường của cha cậu hoặc nhận ra sự mạnh mẽ dữ dội của người đàn ông này - mạnh mẽ không đơn thuần chỉ vì ông ấy là cha cậu. Cuối cùng cậu cũng đã thấy rõ được mọi điều mà cha cậu buộc phải chấp nhận. Cậu cũng đã thấy toàn bộ sự vô phương tự vệ của cha cậu, trong khi trước đây cậu chỉ là một cậu trai trẻ đủ ngây thơ để nghĩ, qua cái cách cư xử kiêu kỳ, khổ hạnh, đôi khi khiến người ta không thể chịu nổi của ông Silk, rằng chẳng có gì là mong manh dễ tổn thương ở nơi ông cả. Nhưng bởi vì có người, trẻ tràng thay, rốt cuộc đã gọi Coleman là thằng mọi đen, vào thẳng mặt cậu, nên cuối cùng cậu cũng đã nhận ra cái hàng rào khổng lồ mà cha cậu đã từng đảm nhiệm để che chắn cậu khỏi cái mối đe dọa Mỹ lớn lao.

Nhưng điều đó không làm cho cuộc sống ở Howard tốt đẹp hơn. Nhất là khi cậu bắt đầu nghĩ rằng có cái gì đó có vẻ mọi đen ở cậu ngay cả trong mắt những đứa ở ký túc xá, những đứa có đủ thứ quần áo mới và tiền trong túi và trong mùa hè không lang thang quanh những con phố nóng nực ở nhà mà đi “trại hè” - và không phải trại Hướng đạo sinh ở những vùng quê hẻo lánh Jersey mà là những chốn đất đỏ ở đó chúng cười ngựa, chơi quần vợt và diễn kịch. “Điều nhảy cotillon” là cái quý gì? Highland Beach ở đâu? Những thằng này đang nói về cái gì vậy? Cậu nằm trong số người có nước da sáng nhất trong số người có nước da sáng ở lớp sinh viên năm thứ nhất, thậm chí sáng hơn cả cậu sinh viên cùng phòng có nước da màu trà, nhưng cậu lại chẳng khác nào là một gã nông dân làm thuê ngu dốt nhất, đen đúa nhất, xét đến tất cả những gì họ biết mà cậu thì không. Cậu ghét Howard từ ngày mới đến, và chỉ trong một tuần cậu ghét cả Washington, và vì thế đầu tháng Mười khi cha cậu đột tử trong khi đang phục vụ bữa tối trên toa ăn của công ty Hỏa xa Pennsylvania lúc đó đang rời ga phố 30 ở Philadelphia để đi Wilmington, và Coleman về nhà để tang, cậu nói với mẹ rằng cậu đã đoạn tuyệt với cái trường

đại học đó. Bà van nài cậu cho nó cơ hội thứ hai, quả quyết với cậu rằng hẳn phải có những chàng trai từ tầng lớp bình dân giống như cậu, những đứa nhận học bổng giống như cậu, để cậu nhập bọn và kết bạn, nhưng không điều gì mẹ cậu nói, dù đúng đến đâu, có thể làm thay đổi ý định của cậu. Chỉ có hai người có thể khiến Coleman đổi ý một khi cậu đã quyết định, cha cậu và Walt, và thậm chí họ gần như phải bẻ gãy ý chí của cậu mới có thể làm được chuyện đó. Nhưng Walt đã tham gia Lục quân Mỹ và đang đóng quân ở Ý, và cha cậu, người mà Coleman từng luôn phải xoa dịu bằng cách làm theo lời ông, thì không còn ở đó để oang oang ra lệnh về bất cứ chuyện gì nữa.

Dĩ nhiên cậu khóc tại đám tang và hiểu rõ mức độ lớn lao của cái thứ, không một lời cảnh báo trước, đã bị tước đi khỏi tay cậu. Khi ông mục sư đọc, bên cạnh những đoạn trong Kinh Thánh, một đoạn của vở *Julius Caesar* trong tuyển tập kịch Shakespeare mà cha cậu rất yêu quý - cuốn sách khổ lớn đóng bìa da mềm mà, khi Coleman còn là cậu nhóc, luôn luôn khiến cậu nhớ đến một giống chó cộc nhỏ lông vàng - đứa con trai cảm thấy vẻ uy nghiêm của cha nó như chưa bao giờ cảm thấy trước đây: sự vĩ đại nơi lúc thăng cũng như trầm của ông, sự vĩ đại mà, là một sinh viên năm nhất mới vừa rời khỏi cái xó nhỏ bé của mình ở East Orange chưa đầy một tháng, Coleman đã bắt đầu mơ hồ nhìn ra nó đúng như bản chất của nó.

Những kẻ hèn nhát đã chết trăm lần trước khi tắt thở;

Người can đảm chỉ chết duy nhất một lần.

Trong mọi điều kỳ lạ mà tôi đã từng nghe,

Kỳ lạ nhất là người ta phải sợ hãi;

Thấy cái chết, một kết thúc tất yếu,

Sẽ đến khi nó phải đến.

Từ “can đảm”, khi mục sư ngâm lên, đã tước mất ở Coleman nỗ lực tỏ ra điềm tĩnh, tự chủ đầy khắc kỷ, và phơi trần nỗi mong nhớ của đứa

con đối với người đàn ông gần gũi nhất với nó mà nó sẽ không bao giờ gặp lại, người cha khổng lồ, nín nhịn trong câm lặng, người nói năng dễ dàng như thế, như dòng lũ cuốn như thế, người mà chỉ bằng sức mạnh của lời nói đã vô tình dạy cho Coleman ước muốn trở nên lớn lao. Coleman khóc bằng thứ cảm xúc căn bản và bao la nhất trong mọi thứ cảm xúc, và cậu chỉ còn lại là tất cả những gì cậu không thể chịu đựng nổi. Là một thanh niên hay phàn nàn về cha mình với bạn bè, cậu thường khắc họa ông với sự khinh miệt nhiều hơn những gì cậu cảm thấy hoặc có khả năng cảm thấy - vờ như việc mình có thể lạnh lùng đánh giá cha là một phương thức khác mà cậu dựng ra để khẳng định mình là không thể xuyên thủng. Nhưng việc không còn bị cha giới hạn và định nghĩa nữa giống như việc nhận ra rằng mọi thứ đồng hồ trên đời đều ngừng chạy, cả đồng hồ đeo tay, và rằng không còn cách chi để biết giờ giấc nữa. Cho đến tận ngày cậu đi Washington và vào học ở Howard, dù thích hay không, chính cha là người đã tạo ra câu chuyện cuộc đời Coleman cho cậu; bây giờ tự cậu sẽ phải tạo ra nó, và viễn cảnh này thật đáng sợ. Và rồi nó không còn đáng sợ nữa. Ba ngày đáng sợ, khủng khiếp trôi qua, một tuần khủng khiếp, hai tuần khủng khiếp, cho đến khi, cậu đột ngột cảm thấy phấn chấn lên.

“Những gì có thể tránh được/ Kết cục mỗi người, là chủ ý của các thánh thần toàn năng?” Những dòng này cũng là từ *Julius Caesar*, được cha cậu trích dẫn cho cậu nghe, nhưng chỉ khi cha cậu ở dưới mồ thì rốt cuộc Coleman mới chịu lắng nghe - và khi đó, cậu lập tức phóng chiếu chúng lên. *Điều này* hẳn là chủ ý của các thánh thần toàn năng! Tự do của Silky. Cái tôi thô ráp. Tất cả những sự tế vi của việc làm Silky Silk.

Ở Howard lúc trước cậu khám phá ra rằng cậu không chỉ là một tên mọi đen trong mắt Washington, D.C. - cứ như thế cú sốc đó chưa đủ mạnh, cậu còn phát hiện ra rằng tại Howard cậu cũng là một thằng da đen. Một thằng da đen ở Howard. Đêm hôm trước cái tôi thô ráp vẫn là một phần của cái “chúng ta” với tất cả sự đoàn kết áp đặt của nó, và

cậu không muốn dính dáng gì đến nó hay đến cái chúng ta đầy áp bức xuất hiện kéo theo đó. Cuối cùng ta cũng rời khỏi gia đình, cái chúng ta nguyên thủy, và ta lại tìm thấy một cái chúng ta *khác*? Một chỗ khác giống hệt như nơi đó, *thay thế* cho nơi đó? Lớn lên ở East Orange, cậu dĩ nhiên là một người da đen, hoàn toàn thuộc về cộng đồng nhỏ bé năm ngàn người hoặc cỡ đấy ở đó, nhưng đánh bốc, điền kinh, học tập, mọi thứ ấy cậu đều đã tập trung theo đuổi và thành công, lang thang khắp Orange và đi tới tận rìa Newark, dù là có Doc Chizner hay không, cậu cũng là, không phải suy nghĩ gì về những chuyện này, tất cả những gì đó khác hẳn. Cậu là Coleman, người vĩ đại nhất trong những cái tôi *tiên phong* vĩ đại.

Rồi thì cậu đi học ở Washington và, trong nội tháng đầu tiên, cậu đã là một tên mọi đen không hơn và cậu là một thằng da đen không hơn. Không. Không. Cậu đã thấy cái mà số phận sắp đặt cho mình, và cậu sẽ không nhận lấy nó. Tóm lấy nó theo trực giác, giờ cậu sẽ tự động thoái lui. Ta không thể để cái bọn họ to lớn kia áp đặt định kiến của nó lên ta cũng như ta không thể để cho cái bọn họ nhỏ bé kia trở thành một cái chúng ta và áp đặt đạo lý của nó lên ta. Không phải là cái chúng ta bạo ngược ấy với những lời lẽ nhảm nhân danh chúng ta và tất cả những gì mà cái chúng ta đó muốn đổ lên đầu ta. Không bao giờ có chuyện cậu chịu đựng cái chúng ta bạo ngược ấy, thứ đang thèm muốn được nuốt chửng ta vào, cái chúng ta đạo đức không thể trốn thoát nổi, cưỡng ép, bao trùm, lâu đời cùng khẩu hiệu *E pluribus unum* xảo quyệt của nó*. Không phải là cái bọn họ ở cửa hàng Woolworth mà cũng không phải cái chúng ta ở Howard. Thay vào đó là cái tôi thô ráp với tất cả sự lạnh lẽo của nó. Tự khám phá - đó mới là cú đâm vào bao tử. Sự độc nhất. Cuộc đấu tranh nhiệt thành cho tính độc nhất. Con thú độc nhất. Mỗi quan hệ lướt qua với mọi thứ. Không tĩnh mà chỉ lướt qua. Tự tri nhưng *được che đậy*. Cái gì có thể mạnh mẽ được như thế chứ?

“Coi chừng ngày mười lăm tháng Ba.”* Nhảm nhí - *chẳng có gì* mà coi chừng hết. Tự do. Với cả hai Bức tường thành đã biến mất - ông anh thì ở nước ngoài còn người cha đã chết - cậu được phục hồi sức mạnh và tự do trở thành bất cứ thứ gì cậu muốn, tự do theo đuổi cái mục tiêu lớn lao nhất, niềm tin từ trong xương tủy rằng cậu sẽ trở thành một cái tôi cá biệt. Tự do ở một tầm vóc cha cậu không thể hình dung nổi. Tự do như cha cậu đã không được tự do. Bây giờ tự do không phải chỉ là thoát khỏi cha cậu mà còn là thoát khỏi tất cả những gì cha cậu đã phải chịu đựng. Những gánh nặng. Những hạ nhục. Những ngăn cấm. Vết thương và nỗi đau và sự giả vờ và sự xấu hổ - tất cả những đau đớn nội tại mà sự thất bại và thua thiệt đem lại. Thay vào đó là sự tự do trên một sân khấu lớn. Tự do tiến lên và trở nên lớn lao. Tự do trình diễn cái vở kịch tự định nghĩa nên bản thân, kéo dài miên man của những đại từ chúng ta, bọn họ, và tôi.

Chiến tranh vẫn đang tiếp diễn, và trừ phi nó kết thúc ngay sáng mai thì thế nào cậu cũng bị bắt đi lính. Nếu Walt đang ở Ý chiến đấu chống Hitler, tại sao cậu lại không chiến đấu chống lại thằng con hoang đó? Giờ là tháng Mười năm 1944 và phải một tháng nữa cậu mới đủ mười tám. Nhưng cậu có thể dễ dàng nói dối tuổi - đời ngày sinh lên sớm hơn một tháng, từ ngày 12 tháng Mười một sang ngày 12 tháng Mười, chả là vấn đề gì cả. Và vì đang phải đương đầu với nỗi thống khổ của mẹ - cùng cú sốc của bà trước việc cậu bỏ học đại học - lúc đó cậu không nghĩ ra rằng, nếu muốn, cậu cũng có thể nói dối về chủng tộc của mình. Cậu muốn da mình thành ra thế nào thì nó là thế ấy, cậu có thể tự nhuộm da mình theo ý muốn. Không, cậu chưa nghĩ ra điều đó cho đến khi ngồi trong tòa nhà liên bang ở Newark và tất cả các mẫu đơn xin vào hải quân được bày ra trước mặt và, trước khi điền chúng, với thái độ cẩn trọng, với cùng cái phương thức tỉ mỉ như khi cậu học bài trước các kỳ thi hồi trung học - như thế bất cứ chuyện gì cậu làm, lớn hay nhỏ, đều là, bất kể cậu tập trung vào đó lâu hay mau,

đều là việc quan trọng nhất thế giới - bắt đầu đọc kỹ chúng. Và ngay cả khi đó ý tưởng ấy vẫn chưa đến với *cậu*. Nó đến với con tim cậu trước, trái tim bắt đầu đập thành thịch như tim của kẻ sắp sửa phạm phải tội ác tà đình đầu tiên.

Năm 1946 khi Coleman rời quân ngũ, Ernestine đã theo học chương trình giáo dục sơ cấp tại Đại học Sư phạm tiểu bang ở Montclair, Walt cũng đang hoàn tất chương trình học tại Montclair State, cả hai đều sống ở nhà với bà mẹ góa. Nhưng Coleman, nhất quyết sống một mình, tự lập, lại ở thành phố New York phía bên kia sông, theo học tại NYU*. Anh muốn sống ở Greenwich Village hơn là học NYU, anh muốn trở thành nhà thơ hoặc nhà biên kịch nhiều hơn là học để lấy bằng cấp, nhưng cách tốt nhất anh có thể nghĩ ra để theo đuổi mục tiêu mà không phải kiếm một việc làm để nuôi sống bản thân là dùng tiền của Dự luật Quân nhân. Vấn đề là ở chỗ ngay khi anh bắt đầu tham gia các lớp học, anh đều đạt điểm A, bắt đầu thấy hứng thú, và đến cuối năm thứ hai anh đã đăng trên đà vào hội Phi Beta Kappa* và có được tấm bằng hạng nhất về văn học Hy Lạp. Trí nhớ phi thường và đầu óc nhanh nhạy và khả năng đọc hiểu tốt đã khiến anh đạt được thành tích xuất sắc tại trường, như xưa nay vẫn thế, thành thử ra những gì anh mong muốn nhất khi đến New York được thay thế bằng việc thành công trong cái thứ mà người khác nghĩ anh nên theo đuổi và khích lệ anh theo đuổi và ngưỡng mộ anh vì anh quá giỏi. Chuyện này bắt đầu có vẻ giống một lối mòn: anh cứ liên tục đi chệch đường ray vì năng lực học thuật của mình. Hẳn rồi, anh có thể chấp nhận chuyện này và thậm chí tận hưởng nó, niềm khoái cảm của việc thuận theo lẽ thường theo cách trái lẽ thường, nhưng đấy không hẳn là ý định của anh. Anh từng là tay tổ về tiếng La tinh và Hy Lạp hồi ở trung học và nhận học bổng Howard trong khi điều anh muốn là đánh bốc trong giải Golden Gloves; giờ anh cũng là một tay tổ không kém trong trường đại học, dù thơ của anh, khi anh đưa nó cho các giáo sư, đã không gọi được

chút xíu nhiệt tình nào. Thoạt đầu anh vẫn duy trì việc chạy bộ và tập bốc chỉ để vui thôi, cho đến ngày nọ tại phòng tập có người đề nghị anh đánh một trận bốn hiệp tại St. Nick's Arena, trả anh ba mươi lăm đô để thế chỗ một võ sĩ vừa rút lui, và chủ yếu là để bù lại cho tất cả những gì anh đã bỏ lỡ tại giải Golden Gloves, anh nhận lời và, hết sức hài lòng, bí mật trở thành tay đấm chuyên nghiệp.

Vậy là anh có trường học, có thơ ca, có đánh bốc chuyên nghiệp, lại còn có cả các cô gái, những cô gái biết cách đi đứng và cách mặc một chiếc váy, cách *di chuyển* trong chiếc váy ấy, những cô gái hết như những gì anh hình dung khi khởi hành từ Trung tâm thủ tục giải ngũ ở San Francisco đến New York - những cô gái đã biến những con phố ở Greenwich Village và những lối đi bộ đan chéo nhau ở quảng trường Washington thành chốn của mình. Có những buổi chiều xuân ấm áp, khi chẳng có gì ở nước Mỹ thắng lợi thời hậu chiến, nói gì đến thế giới cổ đại, có thể khiến Coleman thích thú hơn những đôi chân của đám con gái đi bộ trước mặt anh. Anh cũng không phải là người duy nhất trở về từ chiến tranh bị bủa vây bởi nổi ám ảnh này. Trong những ngày ấy ở Greenwich Village, có vẻ không có trò giải trí ngoài giờ học nào cho các cựu binh học ở NYU khiến người ta mê mải hơn việc đánh giá những cặp giò của các phụ nữ đi ngang qua quán ăn và quán cà phê nơi họ tụ tập để đọc báo và chơi cờ. Về mặt xã hội học thì chả ai biết vì sao lại như vậy, nhưng là vì lý do gì đi chẳng nữa thì đó vẫn là kỳ nguyên của những đôi chân gợi dục ở nước Mỹ vĩ đại, và ít nhất một hai lần một ngày, Coleman đi theo một đôi chân từ dãy phố này sang dãy phố khác để nhìn cách chúng di chuyển, cách chúng được tạo tác và chúng trông ra sao lúc được nghỉ khi đèn giao thông ở ngã tư chuyển từ đỏ sang xanh. Và khi anh biết đã đến đúng thời điểm - sau khi đã theo sau đủ lâu để có thể vừa đỉnh đạc trong lời nói, vừa thèm khát đến điên rồ - và rảo bước để đuổi kịp, khi anh mở lời và lấy lòng nàng đủ để được phép sánh bước bên cạnh nàng và hỏi tên nàng và

làm nàng cười phá lên và khiến nàng đồng ý cho anh một cuộc hẹn, anh đang, cho dù nàng biết hay không, đề xuất một cuộc hẹn với đôi chân nàng.

Và đáp lại các cô gái cũng thích đôi chân Coleman. Steena Palsson, kẻ ly hương mười tám tuổi đến từ Minnesota, thậm chí đã viết một bài thơ về Coleman có đề cập đến đôi chân anh. Nó được viết tay trên tờ giấy vở có dòng kẻ, ký “S”, rồi gấp làm tư và nhét vào khe hộp thư ghi tên anh trong hành lang lát đá hoa bên trên căn phòng tầng hầm của anh. Đã hai tuần kể từ khi họ lần đầu tán tỉnh nhau ở trạm tàu điện ngầm, và hôm đó là ngày thứ Hai sau ngày Chủ nhật đầu tiên mà hai người họ marathon suốt hai mươi bốn giờ với nhau. Coleman đã vội vàng đến lớp học buổi sáng trong khi Steena vẫn còn đang trang điểm trong phòng tắm; vài phút sau, cô cũng lên đường đi làm, sau khi để lại cho anh bài thơ mà, bất chấp toàn bộ sức bền mà họ đã chứng minh một cách tận tình suốt ngày hôm trước, cô vẫn quá bẽn lễn đến độ không dám trao tận tay anh. Vì thời khóa biểu của Coleman đã kéo anh từ các lớp học đến thư viện rồi đến buổi tập tối muộn trên võ đài một phòng tập tời tàn ở phố Tàu, nên mãi đến mười một giờ rưỡi tối đó anh mới nhận được bài thơ thò ra từ khe hộp thư lúc trở về phố Sullivan.

Anh có một thân hình.

Anh có một thân hình đẹp...

những bắp thịt trên chân và nơi cái gáy đẹp của anh.

Anh cũng thông minh và quá tự tin.

Anh lớn hơn tôi bốn tuổi,

Nhưng đôi khi tôi cảm thấy anh trẻ hơn.

Anh ngọt ngào, lặng lẽ, và lãng mạn,

dù anh nói anh không hề lãng mạn.

Tôi là mối hiểm nguy cho người đàn ông này.

Tôi có thể nói được bao nhiêu

về những gì tôi thấy trong anh?

Tôi tự hỏi anh ấy làm gì

sau khi anh nuốt tôi trọn vẹn.

Đọc nhanh chữ viết tay của Steena trong ánh sáng lờ mờ ở hành lang, thoát tiên anh lầm chữ “gáy đẹp” thành chữ “gã đen” - và sau *gã đen của anh...* Gã đen của anh *cái gì cơ?* Đến trước lúc đó anh vẫn ngạc nhiên bởi chuyện này xảy ra mới dễ dàng làm sao. Những được cho là khó khăn hoặc ít nhiều đáng hổ thẹn hoặc tiêu cực thì lại hóa ra không chỉ dễ dàng mà còn vô hại, chẳng phải trả giá gì cả. Nhưng bây giờ mồ hôi túa khắp người anh. Anh vẫn đọc, thậm chí nhanh hơn trước, nhưng các từ tự nó không tạo thành một tập hợp nào có ý nghĩa. Gã đen của anh **CÁI GÌ MỚI ĐƯỢC?** Họ đã ở trần truồng với nhau cả ngày đêm, hầu hết trong thời gian đó không cách nhau quá vài phân. Từ khi anh là một đứa bé chưa một ai ngoài chính anh lại có nhiều thời gian như vậy để nghiên cứu cấu tạo cơ thể anh. Vì không có thứ gì ở tấm thân thon dài trắng trẻo của cô mà anh không quan sát và không có thứ gì mà cô giấu giếm và bây giờ không có thứ gì mà anh không thể hình dung lại với một cặp mắt họa sĩ, một sự sành sỏi tỉ mỉ đầy phấn khích của một người tình, và vì anh đã dành trọn cả ngày bị kích thích bởi sự hiện diện của cô trong mũi mình không kém gì bởi đôi chân giạng rộng của cô trong con mắt tâm tưởng, nên ắt hẳn là không có gì ở thân thể *của anh* mà cô không hấp thụ một cách chi li, không có gì ở bề mặt trải rộng đó vốn hẳn in nét độc đáo tiến hóa mà anh hằng lấy làm hãnh diện, không có gì ở hình thể độc nhất này trên phương diện một người đàn ông, da anh, lỗ chân lông anh, hàm râu

quai nón của anh, răng anh, đôi bàn tay anh, mũi anh, tai anh, môi anh, lưỡi anh, bàn chân anh, dái anh, mạch máu anh, dương vật anh, nách anh, móng anh, mớ lông mu bù xù của anh, tóc trên đầu anh, lông trên thân thể anh, không có gì trong cách anh cười, ngủ, thở, di chuyển, ngửi, không có gì trong cách anh rùng mình co giật khi đạt tới đỉnh mà cô không để ý đến. Và nhớ lại. Và ngẫm nghĩ.

Có phải tự bản thân hành động làm tình đã gây ra chuyện đó, sự chung chạ tuyệt đối, khi ta không chỉ ở bên trong thân thể một người khác mà cô ta còn bao chặt lấy ta? Hay đó là sự trần truồng thể xác? Ta cởi hết quần áo và nằm trên giường với ai đó, và đó thực sự là nơi mà bất kể ta che giấu cái gì, tính cá biệt của ta, bất kể nó có thể là gì, được mã hóa ra sao, cũng sẽ bị phát hiện, và đó là lý do mà người ta mới đâm ra bẽn lễn và là điều *tất cả mọi người* đều sợ hãi. Trong nơi hỗn loạn điên khùng đó, bao nhiêu phần của mình bị nhìn thấy, bao nhiêu phần của mình bị lộ trần ra? *Bây giờ tôi đã biết anh là ai. Tôi nhìn thấu suốt đến tận đáy cái bản thể da đen của anh.*

Nhưng làm sao lại có thể, bằng cách nhìn thấy *cái gì*? Nó có thể là gì cơ chứ? Có phải cô có thể nhìn ra nó, bất kể nó là gì, bởi vì cô là một nàng tóc vàng Đan Mạch lai Iceland sống giữa những người Đan Mạch và Iceland tóc vàng, được nuôi lớn theo kiểu Bắc Âu, tại nhà, trong trường, ở nhà thờ, cả đời đã làm bạn với chẳng gì khác ngoài... rồi Coleman nhận ra chữ đó trong bài thơ có ba - chứ không phải hai - mẫu tự. Chữ nàng viết không phải là “gã”. Nó là “gáy”. Ô, cái gáy của tôi! Nó chỉ là cái gáy của tôi!... *những bắp thịt trên bắp chân và nơi cái gáy đẹp của anh.*

Nhưng mà điều này có nghĩa là gì chứ: “Tôi có thể nói được bao nhiêu/ về những gì tôi thấy trong anh?” Cô ấy thấy ra trong anh cái gì mà mơ hồ đến vậy? Nếu cô ấy viết “nói ra qua” thay vì “nói về”, nó có làm cho ý cô rõ ràng hơn không? Hay sẽ làm cho nó ít rõ ràng hơn? Anh càng đọc lại khổ thơ đơn giản đó, ý nghĩa của nó càng trở nên khó hiểu hơn - và càng khó hiểu, anh càng chắc chắn rằng cô ý thức rõ

được vấn đề mà Coleman mang đến trong cuộc đời cô. Trừ phi qua đoạn “những gì tôi thấy trong anh” cô chẳng có hàm ý gì hơn là cái điều mà một kẻ hoài nghi vẫn thường hàm ý khi họ hỏi ai đó đang yêu, “Cô có thể thấy gì trong anh ta?”

Rồi còn chữ “nói” nữa? Cô ấy có thể nói được bao nhiêu với ai kia chứ? Khi dùng chữ nói liệu cô ấy hàm ý việc hiểu - “tôi có thể hiểu đến đâu”, vân vân - hay cô ấy hàm ý hành động tiết lộ, phơi bày? Và còn câu “Tôi là mối hiểm nguy cho người đàn ông này”. “Nguy hiểm cho” có khác với “nguy hiểm với” không? Mà dù là cái nào thì cái gì là nguy hiểm ở đây?

Mỗi lần anh cố hiểu thấu ý nghĩa của cô, nó đều tuột khỏi anh. Sau hai phút quay cuồng đứng ở hành lang, anh chỉ có thể chắc chắn về một điều ấy là nỗi sợ hãi của anh. Và điều này khiến anh kinh ngạc - và, như Coleman thường như vậy, tính nhạy cảm của anh, bằng cách bất ngờ chộp lấy anh, cũng làm anh hổ thẹn, kích hoạt một tín hiệu báo nguy, một tín hiệu mạnh mẽ báo cho sự tự cảnh giác biết đường làm nốt phần việc của mình.

Dù thông minh, thích mạo hiểm và xinh đẹp, Steena chỉ mới mười tám và mới rời quê nhà Fergus Falls, Minnesota, đến New York nhưng giờ đây anh thấy mình bị cô - và cái vẻ giống vàng ròng rõ rệt đến mức hầu như lỗ bịch của cô - đe dọa hơn bất cứ ai anh từng đối mặt trên võ đài. Thậm chí vào đêm đó trong nhà thổ ở Norfolk, khi con mụ đó nằm trên giường nhìn anh bắt đầu cởi đồng phục - một con điếm vú bự, béo, đầy hoài nghi tuy không hẳn xấu xí nhưng chắc chắn là không đẹp (và có lẽ bản thân cô ta cũng có chút gì đó không phải da trắng) - mỉm cười chua chát nói, “Mày là thằng mọi đen, đúng không nhóc?” và hai thằng ma cô được gọi đến để tống anh ra, chỉ lúc đó anh mới thấm hại như lúc đọc bài thơ của Steena.

Tôi tự hỏi anh ấy làm gì
sau khi anh nuốt tôi trọn vẹn.

Ngay cả *câu đố* anh cũng không hiểu được. Tại bàn làm việc trong phòng, anh vật lộn tới sáng với những hàm ý nghịch lý của khổ thơ cuối này, truy tìm ra rồi lại tự gạt bỏ đi hết cách hiểu phức tạp này đến cách hiểu phức tạp khác cho đến khi, vào lúc hùng đông, anh chỉ biết chắc chắn rằng đối với Steena, Steena mê hồn, không phải mọi thứ anh loại bỏ khỏi bản thân mình đều cứ thế biến mất vào thinh không.

Hoàn toàn sai lầm. Bài thơ của cô chẳng hàm ý gì hết. Nó thậm chí không phải là một bài thơ. Dưới sức ép cơn bão rồi của chính cô, những mảnh vụn ý tưởng, những mẫu suy nghĩ thô tháp, tất cả ồ ạt trút xuống đầu cô trong khi cô đứng dưới vòi sen, và thế là cô xé một tờ giấy từ quyển sổ của anh, hí hoáy ghi lại tại bàn làm việc bất cứ chữ gì hiện ra, sau đó nhét tờ giấy vào khe hộp thư trước khi vội vã đi làm. Những dòng chữ đó chỉ là một thứ cô đã viết ra - thứ cô *phải* viết ra - với sự mới mẻ đến dữ dội nơi tâm trạng hoang mang trong cô. Một nhà thơ ư? Chẳng phải đâu, cô bật cười: chỉ là một kẻ đang nhảy qua vòng lửa.

Họ ở trên giường trong phòng anh mỗi cuối tuần trong hơn một năm, nuốt chửng nhau như những tù nhân trong cảnh biệt giam điên cuồng nuốt chửng khẩu phần bánh mì và nước hằng ngày. Cô làm anh kinh ngạc - và làm kinh ngạc *chính cô* - với điệu nhảy cô biểu diễn một tối thứ Bảy nọ, đứng ngay chân chiếc giường gấp trong mảnh quần lót duy nhất. Cô đang cởi quần áo, và máy thu thanh đang bật - Symphony Sid - và ban đầu, để khiến cô đứng đờ và nổi hứng, là Count Basie và nhóm nhạc jazz chơi bài “Lady Be Good”, một bản thu trực tiếp đầy phóng túng, và tiếp theo đó, lại một bài do Gershwin viết, màn biểu diễn của Artie Shaw bài “The Man I Love” với tiếng kèn của Roy Eldridge làm mọi thứ nóng hết cả lên. Coleman đang nằm tựa lưng trên giường, làm cái việc anh thích nhất vào mỗi tối thứ Bảy khi họ trở về sau bữa ăn gồm bánh cannoli và mì Ý và rượu vang trị giá năm đô tại quán ăn tầng hầm phố Mười Bốn ưa thích của họ: nhìn cô cởi quần áo. Đột nhiên, anh cũng không hề gợi ý - có vẻ như

thứ duy nhất gợi ý cô là tiếng kèn của Eldridge - cô bắt đầu làm thứ mà Coleman thích mô tả là điệu nhảy lá lướt bậc nhất từng được biểu diễn bởi một cô gái Fergus Falls sau hơn một năm ở New York City. Cô có thể khiến Gershwin đội mồ sống dậy với điệu nhảy này, và với cách cô hát bài hát đó. Bị thôi thúc bởi tay chơi kèn trumpet da màu đang chơi nó giống như một bài hát thất tình của dân da đen. Cái mà ta thấy, rõ như ban ngày, là tất cả sức mạnh nơi bản thể da trắng của cô. Cái khối da trắng to lớn đó. “Một ngày nào đó anh sẽ đến... người đàn ông tôi yêu... và anh sẽ to lớn và mạnh mẽ... người đàn ông tôi yêu.” Ngôn từ giản dị như được nhắc ra từ cái cuốn sách vỡ lòng lớp một ngây thơ nhất, nhưng khi bài hát trên radio kết thúc, Steena giơ hai tay lên che mặt, nửa thực lòng, nửa giả vờ che giấu nỗi xấu hổ. Nhưng cử chỉ này chẳng bảo vệ cô trước bất cứ thứ gì, nhất là sự say mê của anh. Cử chỉ này chỉ đưa anh đi xa hơn. “Anh đã tìm thấy em ở đâu, Voluptas?” anh hỏi. “*Làm thế nào* anh lại tìm thấy em? Em là ai?”

Chính trong thời gian này, cái thời điểm không thể cưỡng nhiệt hơn được, Coleman bỏ buổi tập nặng mỗi tối ở phòng tập phổ Tàu và cắt giảm năm dặm chạy bộ buổi sáng sớm và cuối cùng là từ bỏ ý định nghiêm túc trở thành võ sĩ chuyên nghiệp. Anh đã đấu và thắng tổng cộng bốn trận chuyên nghiệp, ba trận bốn hiệp và sau đó, lần đấu cuối của anh, một trận đấu sáu hiệp, tất cả đều là những cuộc đấu vào tối thứ Hai tại sàn đấu St. Nicholas Arena cũ. Anh không bao giờ nói với Steena về các trận đấu, không hề nói với ai tại NYU, và chắc chắn là không bao giờ tiết lộ với gia đình. Trong mấy năm đầu ở đại học, đó lại là một bí mật nữa, cho dù ở võ đài anh đánh bốc dưới tên Silky Silk và những kết quả ở St. Nick được in bằng chữ nhỏ trong một ô trên trang thể thao những tờ báo khổ nhỏ ngày hôm sau. Từ giây đầu tiên hiệp đấu đầu tiên trong trận đấu bốn hiệp với thù lao ba mươi lăm đô đầu tiên, anh đã lên võ đài như một tay chuyên nghiệp với một thái độ khác hẳn thái độ thời đấu nghiệp dư. Không phải là hồi đấu nghiệp dư anh từng có ý định thua. Mà, là một tay chuyên nghiệp anh nỗ lực gấp

đôi, chỉ để chứng minh với chính mình rằng anh có thể ở đó nếu anh muốn. Không trận nào phải đánh đến hết hiệp cuối, và trong trận đấu sau cùng, trận sáu hiệp, một trận anh nhận được một trăm đô, anh đã giải quyết đối thủ chỉ trong hai phút thêm vài giây lẻ và thậm chí còn chưa thấm mệt khi trận đấu kết thúc. Đi bộ dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế để vào trận đấu, Coleman phải đi ngang qua chỗ ngồi sát võ đài của Solly Tabak, ông bầu, người dự dự tờ hợp đồng ngay trước mặt Coleman để ký nhượng một phần ba số tiền anh kiếm được trong mười năm kế tiếp. Solly vỗ vào lưng anh, bằng giọng thì thào đầy thỏa mãn, y nói với anh, “Cứ để cho thằng mọi đen đó tung hoành trong hiệp đầu, xem hấn có mảnh gì, và cho mọi người hưởng giá trị đồng tiền của họ.” Coleman gật đầu với Tabak và mỉm cười nhưng khi leo lên võ đài anh lại nghĩ, Mẹ mày. Tao nhận một trăm đô và tao sẽ để cho thằng nào đó đánh tao để cho mọi người tận hưởng cho hết số tiền họ bỏ ra hả? Tao có bốn phen quan tâm tới một thằng khốn nào đó ngồi ở hàng ghế thứ mười lăm hay sao? Tao nặng sáu ba ký và cao mét bảy tư, hấn nặng sáu sáu ký và cao mét bảy bảy, và tao có bốn phen để cho thằng đó đánh vào đầu tao bốn, năm, mười lần gì đó để làm cho ra một màn trình diễn hả? Mẹ kiếp cái màn trình diễn.

Sau trận đấu Solly không vui với cách hành xử của Coleman. Y thấy làm thế thật trẻ con. “Anh lẽ ra phải dứt điểm thằng mọi đen đó ở hiệp thứ tư thay vì hiệp đầu và cho mọi người tận hưởng số tiền họ bỏ ra. Nhưng anh không làm vậy. Tôi yêu cầu anh đàng hoàng, mà anh không làm những gì tôi yêu cầu. Tại sao vậy, đồ hợm hĩnh?”

“Bởi vì tôi không đèo bồng thằng mọi đen nào hết.” Đó là những gì anh nói, cậu sinh viên ngành văn học Hy La ở NYU và đưa con trai thủ khoa của Clarence Silk, người bán mắt kính quá cỡ, tay bồi bàn trong toa ăn, nhà ngữ học, nhà ngữ pháp nghiệp dư, người tôn sùng kỹ luật, và môn đệ của Shakespeare. Anh ngoan cố như thế đó, giấu giếm kín kẽ như thế đó - bất cứ chuyện gì anh định làm, anh đều làm tới nơi

tới chốn như thế đó, chàng trai da màu đến từ trường Trung học East Orange.

Anh ngưng đấu bởi vì Steena. Dù anh đã nhầm hoàn toàn về cái ẩn ý đáng sợ trong bài thơ của cô, anh vẫn vững tin rằng những sức mạnh bí ẩn khiến cho ngọn lửa tình của họ trở nên vô tận - thứ biến họ thành những người tình buông thả đến độ Steena, trong giờ phút chiêm nghiệm vừa tự trào vừa tự thán phục của người lần đầu vướng lưới tình, đã gọi cả hai, theo kiểu miền Trung Tây, là “hai trường hợp tâm thần” - một ngày nào đó sẽ lật tẩy câu chuyện của anh ngay trước mắt cô. Điều này sẽ xảy ra như thế nào thì anh không biết, và làm thế nào mà anh chặn trước được nó, anh cũng không biết. Nhưng việc đánh bốc sẽ không giúp được gì. Một khi cô khám phá ra về Silky Silk, những câu hỏi sẽ được đặt ra và chúng chắc chắn sẽ dẫn cô đến việc tình cờ tìm ra sự thật. Cô biết anh có một người mẹ làm y tá ở East Orange, là một người đi nhà thờ đều đặn, một ông anh trai, người đã bắt đầu dạy lớp bảy và lớp tám ở Asbury Park và một em gái đang sắp lấy chứng chỉ dạy học ở trường Montclair State, và rằng mỗi tháng một lần ngày Chủ nhật vốn luôn được dành cho cái giường trên phố Sullivan của họ sẽ bị cắt ngắn lại vì mọi người đang mong Coleman về East Orange để ăn tối. Cô biết cha anh là một thợ kính - chỉ vậy thôi, một thợ kính - và thậm chí biết cả chuyện ông có gốc gác từ Georgia. Coleman làm mọi thứ để bảo đảm cô không có lý do gì để nghi ngờ độ xác thực của bất cứ điều gì anh nói với cô, và một khi anh vĩnh viễn từ bỏ việc đánh bốc, anh chẳng còn phải nói dối gì nữa. Anh không nói dối Steena về bất cứ chuyện gì. Anh chỉ làm theo những chỉ dẫn mà Doc Chizner bảo anh cái ngày mà họ lái xe đến West Point (cũng là những gì đã giúp anh sống sót trong hải quân): nếu không ai hỏi thì đừng nhắc đến.

Quyết định mời cô đến East Orange dự bữa tối Chủ nhật, giống như tất cả các quyết định khác - thậm chí cả quyết định ngậm chửi mẹ mày với Solly Tabak bằng việc hạ tay kia ngay hiệp đầu - đều chẳng dựa

trên suy nghĩ của ai ngoài chính anh ra. Đã gần hai năm kể từ khi họ gặp nhau, Steena đã hai mươi, anh hai mươi tư, và giờ đây anh không thể hình dung ra mình đi trên phố 8, chưa nói đến việc đi hết cuộc đời này, mà không có cô. Thái độ sống không tham vọng, tuân theo lẽ thường của cô kết hợp với sự buông thả mãnh liệt cuối tuần - tất cả gộp với một thứ ánh sáng thể chất rùng rợn, một thứ hào quang nữ tính Mỹ chói lóa mà sức mạnh của nó thực chất chẳng khác nào một kiểu tà thuật - đã đạt được sự chi phối đáng ngạc nhiên lên một ý chí độc lập đến tàn nhẫn như ý chí của Coleman: cô không chỉ giằng anh ra khỏi đánh bốc và sự chống đối hung hăng của một đứa con được bọc lộ qua sự tồn tại của Silky Silk, võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp hạng bán trung bất bại, mà còn giải thoát anh khỏi việc khao khát bất cứ ai khác.

Nhưng anh không thể nói với cô anh là một người da màu. Những lời anh phải nói ra sẽ làm cho mọi việc nghe có vẻ tồi tệ hơn thực tế - làm *anh* có vẻ tồi tệ hơn con người thật của *anh*. Và nếu sau đó anh để cho cô tự hình dung ra gia đình anh, cô sẽ hình dung những con người hoàn toàn không giống họ chút nào. Bởi vì cô chẳng biết người da đen nào, cô sẽ hình dung ra kiểu người da đen cô thấy trong các bộ phim hoặc nghe qua radio hoặc biết qua chuyện cười. Giờ đây anh đã biết cô không phải kiểu người thành kiến và rằng giá như cô gặp được Ernestine, Walt và mẹ anh, cô sẽ nhận ra ngay họ cũng là những người sống tuân theo lẽ thường và, với những thứ đúng đắn một mồi mà bản thân cô đã quá mừng rỡ được bỏ lại ở Fergus Falls, cô với họ có nhiều điểm chung đến mức nào. “Đừng hiểu lầm em... Fergus Fall là một thành phố dễ thương,” cô đã vội nói với anh, “đó là một thành phố xinh đẹp. Nó khác thường, Fergus Falls ấy, bởi vì nó có hồ Otter Tail về phía Đông, và cách nhà em không xa là sông Otter Tail. Và em cho rằng, nó có hơi phong lưu hơn những thị trấn cùng cỡ khác ngoài kia, bởi vì nó nằm ở ngay phía Nam và phía Đông của Fargo-Moorhead, thị trấn đại học trong vùng.” Cha cô có cửa hàng bán đồ kim khí và

xưởng gỗ nhỏ. “Một người to con, dễ khiến người ta sợ hãi, không thể bị kìm nén, ba em đó. Khổng lồ. Giống một tảng đui lợn muối. Trong một đêm ông uống hết cả thùng bất cứ thứ rượu nào anh có trong nhà. Em không bao giờ tin được chuyện đó. Em vẫn không thể tin. Ông cứ tiếp tục như thế. Ông bị một vết thẹo lớn ngay bắp chân trong khi vật lộn với một cái máy - ông cứ để kệ nó đó, không thèm rửa gì luôn. Dân Iceland toàn như vậy thôi. Kiểu máy ủi. Cái thú vị là tính cách của ông. Ông ấy là người lạ lùng nhất. Ba em mà nói chuyện thì ông át cả phòng luôn. Mà ông không phải là người duy nhất. Ông bà nội Palsson của em cũng vậy. Ba ông y chang. Mẹ ông y chang.”

“Dân Iceland. Anh còn không biết người ta gọi họ là dân Iceland. Thậm chí anh cũng không biết là họ ở đây. Anh hoàn toàn không biết gì về dân Iceland cả. Họ đến Minnesota hồi nào vậy?” Coleman hỏi. Cô nhún vai và bật cười, “Một câu hỏi hay. Em sẽ nói là từ sau thời khủng long. Có vẻ là như vậy.” “Và giờ em đang trốn khỏi tay ông ấy hả?” “Chắc vậy. Khó có thể làm con gái của một kiểu người hùng hổ. Ông ấy kiểu sẽ áp đảo anh.” “Vậy còn mẹ em? Ông ấy có áp đảo bà không?” “Đó là đại diện của Đan Mạch trong nhà em. Nhà Rasmussen. Không, bà không thể bị áp đảo. Mẹ em quá thực tế đến độ không thể bị áp đảo. Đặc tính của gia đình bà là vậy - và em không nghĩ nó đúng với mỗi gia đình bà, em nghĩ người Đan Mạch là vậy, và họ cũng không khác người Na Uy lắm về mặt đó - họ quan tâm đến những thứ sờ được thấy được. Đồ đạc này nọ. Khăn trải bàn. Chén đĩa. Bình hoa. Họ nói không ngừng về việc mỗi món giá bao nhiêu. Ông ngoại em cũng giống vậy, ông ngoại Rasmussen của em. Cả dòng họ nhà mẹ em luôn. Trong họ không có giấc mơ nào hết. Họ không có chút gì là phi thực tế. Mọi thứ đều được tạo nên từ các đồ vật và chúng đáng giá bao nhiêu và anh có thể mua chúng với giá bao nhiêu. Bà đi vô nhà người khác và xem xét mọi đồ dùng và biết họ tìm được phân nửa số đồ đó ở đâu và chỉ cho họ chỗ có thể mua với giá rẻ hơn. Và quần áo. Mọi món trang phục. Cũng không khác. Thói thực tế. Một kiểu thực tế trần xì ra. Ở tất cả bọn họ. Tẩn tiện. Cực kỳ tẩn tiện. Sạch

sẽ. Cực kỳ sạch sẽ. Bà sẽ nhận ra ngay, khi em đi học về, nếu em có một vết mực dưới móng tay do bõm mực. Khi bà có khách vào tối thứ Bảy, bà sẽ bày bàn từ lúc năm giờ chiều thứ Sáu. Chúng sẽ ở đó, mọi cái ly, mọi món đồ bạc. Rồi bà phủ lên một lớp vải mỏng để không chút bụi nào có thể bám vào. Mọi thứ đều được sắp xếp một cách hoàn hảo. Và đó là một đầu bếp cực kỳ tuyệt vời nếu như anh không thích muối hay tiêu hay bất cứ thứ gia vị nào. Hay bất kỳ vị nào. Ba mẹ em là thế. Em không thể hiểu nổi, đặc biệt là mẹ. Về mọi thứ. Tất cả chỉ là bề ngoài. Bà tổ chức mọi thứ còn ba em phá rối mọi thứ, và thế là khi được mười tám tuổi và tốt nghiệp trung học thì em tới đây. Vì nếu em đến trường Moorhead hay North Dakota State, em vẫn phải sống ở nhà, thế là em nói quý tha ma bắt đại học đi và tới New York. Và rồi em ở đây. Steena.”

Đó là cách cô giải thích cô là ai và cô đến từ đâu và tại sao cô bỏ nơi ấy mà đi. Với anh chuyện sẽ không đơn giản như thế. *Để sau này*, anh tự nhủ. Để sau này - đến khi đó anh có thể đưa ra những lời giải thích và xin cô hiểu cho làm sao mà anh không thể cho phép tiền đồ của mình bị giới hạn một cách bất công bởi một thứ định danh tùy tiện như là chủng tộc. Nếu cô đủ bình tĩnh để nghe anh nói hết, anh tin chắc có thể làm cho cô hiểu tại sao anh chọn năm lấy tương lai trong bàn tay chính mình thay vì để cho một xã hội u mê quyết định số phận - một xã hội mà hơn tám mươi năm sau Tuyên bố Giải phóng Nô lệ, những kẻ cuồng tín té ra vẫn đóng một vai trò quá lớn đến độ anh không thể chịu nổi. Anh sẽ làm cô thấy rằng chẳng có gì sai trái ở quyết định tự nhận mình là người da trắng, nó là điều tự nhiên nhất mà một người có thể giới quan và tính khí và màu da như anh từng làm. Tất cả những gì anh từng muốn, từ lúc còn rất nhỏ đến giờ, là được tự do: không đen, thậm chí cũng không trắng - chỉ cần là chính mình và tự do. Anh không muốn xúc phạm ai qua chọn lựa của mình, mà anh cũng không cố bắt chước giống người anh xem là thượng đẳng hơn, anh cũng không phải là đang tiến hành một kiểu chống đối lại chủng

tộc mình hay chủng tộc của cô. Anh nhận ra rằng đối với những kẻ sống tuân theo lẽ thường, những người mà mọi thứ với họ đều là có sẵn và không thể thay đổi thì những gì anh đang làm sẽ không bao giờ có vẻ đúng đắn. Nhưng dám trở nên đúng đắn không hơn lại chưa bao giờ là mục tiêu của anh. Mục tiêu của anh là khiến số phận mình được quyết định không phải bởi những ý định ngu dốt, đầy căm ghét của một thế giới thù địch. Số phận ấy, ở một tầm mức chấp nhận được, phải được định đoạt bởi quyết tâm của chính anh. Tại sao lại phải chấp nhận một cuộc sống khác đi?

Đó là những gì anh sẽ nói với cô. Và há chẳng cô sẽ không cho tất cả chuyện đó là nhảm nhí, như một lời nói dối vờ vẫn được trình bày đến là thuyết phục? Trừ phi cô gặp gia đình anh trước - đối diện trực tiếp với sự thật rằng anh là một người da đen hệt như họ, và cũng như anh, họ chẳng hề giống những gì cô có thể hình dung về người da đen - nếu không thì những lời này hay bất cứ lời nào khác với cô cũng chỉ là một sự đập điểm khác mà thôi. Cho đến khi cô ngồi dùng bữa với Ernestine, Walt, cùng mẹ anh, và tất cả họ dành cả ngày thay nhau kể những chuyện vô vị tầm thường nghe mà lấy làm yên lòng thì bất cứ sự giải thích nào anh đưa ra với cô cũng sẽ chẳng khác gì những lời nhảm nhí làm bộ làm tịch, tự tăng bốc, tự biện minh, tự phụ, khoa trương mà sự giả dối của nó sẽ làm anh xấu xí trong mắt cô không kém gì trong mắt chính mình. Không, anh cũng không thể nói những điều vớ vẩn này với cô. Nó quá dưới tầm anh. Nếu anh muốn có cô gái này mãi mãi, thì cái anh cần có phải là lòng dũng cảm chứ không phải những lời phỉnh phờ hùng biện kiểu Clarence Silk.

Trong tuần lễ trước cuộc viếng thăm, dù không báo cho bất cứ ai khác, anh chuẩn bị tinh thần theo cái kiểu tập trung hết sức mình mà anh vẫn làm trước một trận đấu, và khi họ bước xuống tàu hỏa tại ga Brick Church Chủ nhật đó, anh thậm chí còn nhớ lại những cụm từ mà anh luôn luôn tụng niệm có phần hơi thần bí trước khi tiếng chuông điểm: “Nhiệm vụ, không có gì ngoài nhiệm vụ. Hợp nhất với nhiệm

vụ. Không gì khác được phép xen vào.” Chỉ lúc đó, khi tiếng chuông điểm và anh rời khỏi góc sàn đấu - hoặc ở đây thì là bước lên bậc thềm cửa trước - anh mới viện đến cái hiệu lệnh tham chiến quen thuộc của anh lính Mỹ: “Vào việc thôi.”

Gia đình Silk sống ở ngôi nhà của họ từ năm 1925, một năm trước khi Coleman ra đời. Khi họ đến đó, dân ở khu phố này toàn là da trắng, và căn nhà gỗ nhỏ này được bán cho họ bởi một đôi vợ chồng diên tiết với nhà bên cạnh nên nhất quyết bán nó cho người da màu để chọc tức những người kia. Nhưng chẳng có ai bỏ chạy khi gia đình Coleman chuyển đến, và cho dù người nhà Silk không bao giờ giao thiệp với láng giềng, mọi người sống trên đoạn đường đó, kéo dài tới nhà thờ và nhà mục sư Thánh công hội, đều tỏ ra khá dễ chịu. Dễ chịu cho dù vị mục sư, khi ông ta đến đây vài năm trước, đã quan sát xung quanh, thấy một số lượng tương đối người gốc Barbados, vốn theo Anh giáo - nhiều người trong số họ là đầy tớ cho những người da trắng giàu có ở East Orange, nhiều người trong số họ là dân đảo, biết vị trí của mình nên ngồi ở phía sau và nghĩ họ được chấp nhận - đã tựa người vào bục giảng và, trước khi bắt đầu bài giảng Chủ nhật đầu tiên của mình, ông ta nói, “Tôi thấy có một số gia đình người da màu ở đây. Chúng ta sẽ phải làm gì đó.” Sau khi xin ý kiến trường dòng ở New York, ông ta đã thu xếp để tổ chức các thể loại lễ lạt và lớp giáo lý Chủ nhật dành cho người da màu, đi ra ngoài luật cơ bản của giáo hội, tại nhà các gia đình da màu. Sau đó, hồ bơi ở trường trung học bị viên quản lý trường đóng cửa để trẻ em da trắng không phải bơi chung với trẻ em da màu. Một hồ bơi lớn, được dùng cho những giờ học bơi và đội tuyển bơi lội, một phần của chương trình giáo dục thể chất nhiều năm qua, nhưng vì có những dị nghị từ một số phụ huynh da trắng từng là chủ của các phụ huynh da đen - những người làm tó gái và quản gia và tài xế và người làm vườn và người dọn sân cho họ - nên hồ bơi bị tháo nước đi và che lại.

Trong vòng bốn dặm vuông của khu dân cư nhỏ bé này ở một thị trấn của Jersey với chưa đầy bảy mươi ngàn người, cũng như trên khắp đất nước trong thời trai trẻ của Coleman, luôn tồn tại những phân biệt nghiệt ngã giữa các tầng lớp và chủng tộc được nhà thờ thừa nhận và được các trường học hợp pháp hóa. Nhưng trên con phố nhỏ khiêm tốn với hai hàng cây bên đường của nhà Silk những con người bình thường không cần phải chịu trách nhiệm trước Chúa và nhà nước như những người mà nghề của họ là giữ cho cộng đồng dân cư, hồ bơi và tất cả mọi thứ không bị ô uế bởi những thứ dơ bẩn, và vì thế những người láng giềng này nhìn chung thân thiện với các thành viên da sáng màu, cực kỳ đáng tôn trọng của gia đình Silk - họ là những người da đen, hắc ròi, nhưng theo lời bà mẹ bao dung của một đứa bạn học cùng nhà trẻ với Coleman, “đó là những người có màu da khá dễ chịu, cứ như món rượu pha trứng sữa vậy” - thậm chí còn thân thiện đến mức sang mượn một dụng cụ gì đó hoặc một cây thang hoặc giúp xem cái xe trục trặc ở đâu khi nó không khởi động được. Khu chung cư lớn tại góc đường vẫn toàn người da trắng cho đến sau chiến tranh. Rồi, vào cuối năm 1945, khi người da màu bắt đầu tràn vào Orange - gia đình của những người có chuyên môn, gồm cả giáo viên, bác sĩ, và nha sĩ - xe tải dọn nhà ngày nào cũng xuất hiện bên ngoài khu chung cư, và phân nửa người thuê nhà da trắng biến mất trong vòng vài tháng. Nhưng mọi chuyện cũng sớm ổn định, và, dù tay chủ chung cư bắt đầu cho người da màu thuê để giữ cho nơi này hoạt động, những người da trắng quanh nơi họ sống vẫn ở lại cho đến khi dọn đi vì một lý do nào đó khác chứ không phải vì nỗi sợ người da đen.

Vào việc thôi. Anh rung chuông và mở cánh cửa trước và gọi vào trong: “Tụi con về rồi đây.”

Walt đã không thể từ Asbury Park về thăm nhà ngày hôm đó nhưng kia, đang từ nhà bếp bước ra hành lang, là mẹ anh và Ernestine. Và đây, trong ngôi nhà của họ, là bạn gái anh. Cô có thể đúng là điều họ mong đợi, cũng có thể không. Trước đó mẹ Coleman không hỏi gì. Từ

khi anh đơn thương độc mã quyết định gia nhập hải quân như một người da trắng, bà hầu như không dám hỏi anh bất cứ điều gì, vì sợ những gì có thể bà sẽ phải nghe. Bên ngoài bệnh viện, nơi mà bà sau cùng đã trở thành y tá trưởng da màu đầu tiên ở một bệnh viện tại Newark mà không cần đến sự giúp đỡ của bác sĩ Fensterman - giờ đây bà phó mặc cho Walt coi sóc cuộc đời của bà và của cả gia đình. Không, bà đã không hỏi bất cứ điều gì về cô gái, lịch sự từ chối tìm hiểu, và bảo Ernestine cũng đừng nên hỏi han. Về phần mình Coleman cũng không nói với ai bất cứ điều gì, và thế là, da trắng trẻo hết mức, và - với đôi giày bệt và túi xách màu xanh đồng bộ, trên người diện váy vải hoa và đôi găng tay trắng nhỏ và mũ tròn không vành - đứng mực và gọn gàng đến tinh tươm chẳng kém bất cứ cô gái trẻ trung năng động nào vào năm 1950, đây là Steena Palsson, dân Mỹ gốc Đan Mạch lai Iceland, con cháu xa xôi của vua Canute và các vị khác.

Anh đã làm chuyện đó, theo cách riêng của mình, và ngay cả một thoáng giật mình cũng không thể tìm thấy nơi bọn họ. Minh chứng cho khả năng thích nghi của các loài. Không ai ngăn ngừa tìm lời, không ai im lặng hẳn, mà cũng không có ai nói liền thoáng. Những chuyện cũ rích, phải, những câu làm màu, hăn rồi - những chuyện chung chung, những chân lý hiển nhiên, những chuyện sáo rỗng, cái nào cũng cả mớ. Việc được nuôi dạy bên bờ sông Otter Tail không hẳn là vô ích với Steena: nếu là chuyện nhảm tẻ, cô có thể nói được ngay. Rất có thể nếu Coleman bịt mắt ba người phụ nữ trước khi giới thiệu họ với nhau và giữ cho họ bị bịt mắt suốt cả ngày hôm đó, cuộc nói chuyện của họ sẽ chẳng sâu sắc hơn là bao so với khi họ mỉm cười nhìn thẳng vào mắt nhau. Nó cũng sẽ không có một hàm ý nào khác ngoài cái thường thấy: tức là, tôi sẽ không nói bất cứ điều gì có thể làm bạn mích lòng nếu bạn cũng không nói điều gì khiến tôi mích lòng. Tôn trọng bằng mọi giá - đó là điểm mà người nhà Palsson và người nhà Silk gặp nhau.

Điều khiến cả ba bị bối rối, kỳ lạ thay, lại là việc thảo luận về chiều cao của Steena. Đúng, cô cao một mét tám, hơn Coleman gần bảy phân và cao hơn cả em gái lẫn mẹ ông cả tấc rưỡi. Nhưng cha Coleman cao một mét tám lăm và Walt cao hơn ông vài phân, vì vậy sự cao ráo tự thân nó không là cái gì mới mẻ với gia đình này, kể cả khi, trong trường hợp Steena và Coleman, người phụ nữ lại cao hơn người đàn ông. Nhưng bảy phân chênh lệch chiều cao của Steena - khoảng cách tương đương từ chân tóc đến chân mày cô - đã khiến cuộc trò chuyện lộn xộn về những bất thường thể chất suýt soát trở thành thảm họa khoảng mười lăm phút trước khi Coleman ngửi thấy mùi gì khen khét và đám phụ nữ - cả ba người họ - ào xuống nhà bếp để cứu bánh nướng khỏi cháy.

Sau chuyện đó, trong suốt bữa ăn và cho đến lúc đôi bạn trẻ phải quay trở về New York, tất cả giữ một thái độ đúng mực không suy suyến, một ngày Chủ nhật bề ngoài giống như giấc mơ về niềm hạnh phúc Chủ nhật trọn vẹn của mọi gia đình tử tế và, do đó, đối lập hoàn toàn với cuộc sống, thứ mà, như kinh nghiệm đã dạy cho ngay cả người trẻ nhất trong bốn người này, không thể mất đi sự bất ổn cố hữu của nó dù chỉ là trong nửa phút, chứ đừng nói là bị đập giập ra thành một bản chất dễ đoán.

Mãi cho đến khi chuyến xe lửa đưa Coleman và Steena trở lại New York vào ga Pennsylvania vào đầu buổi tối đó Steena mới òa ra khóc.

Theo như anh biết, cho đến lúc ấy cô vẫn say ngủ, đầu tựa trên vai anh trên suốt đoạn đường từ Jersey - gần như là ngủ ngay từ lúc họ đáp tàu tại nhà ga Brick Church, ngủ vì kiệt sức sau những nỗ lực mà cô đã hoàn thành hết sức xuất sắc vào buổi chiều hôm đó.

“Steena - có chuyện gì vậy?”

“Em không thể làm được!” cô khóc, và, không một lời giải thích nào nữa, thở hỗn hển, khóc nức nở, ôm lấy cái túi xách vào ngực - và bỏ quên chiếc nón vẫn đang nằm trên đùi anh, chỗ anh để nó khi cô

ngủ - cô phóng một mình khỏi xe lửa như thể đang cố thoát khỏi một kẻ tấn công và không điện thoại cho anh hay tính gặp lại anh lần nữa.

Bốn năm sau, năm 1954, họ gần như va vào nhau bên ngoài nhà ga Grand Central và dừng lại để bắt tay nhau và nói chuyện, chỉ đủ lâu để khởi lên sự kinh ngạc thuở đầu tiên mà họ đã gọi ra trong nhau ở tuổi hai mươi hai và mười tám và sau đó đi tiếp, tin chắc rằng cuộc gặp gỡ tình cờ hy hữu kiểu này gần như chắc chắn sẽ không bao giờ xảy ra lần nữa. Lúc đó anh đã cưới vợ, sắp làm cha, hôm đó anh vào thành phố vì công việc dạy văn học Hy Lạp tại trường Adelphi, và cô làm việc trong một hãng quảng cáo đầu đó trên đại lộ Lexington, vẫn độc thân, vẫn xinh đẹp, nhưng giờ đã mang dáng vẻ đàn bà, một phụ nữ New York ăn mặc trau chuốt và rõ ràng là một người mà chuyến đi tới East Orange có thể đã kết thúc theo một cách khác nếu như nó xảy ra muộn hơn.

Cách nó lẽ ra có thể đã diễn ra - cái kết cục mà thực tế đã phủ quyết dứt khoát - là điều duy nhất anh có thể nghĩ tới. Kinh ngạc bởi việc cả hai dường như chẳng quên được là bao về nhau, anh bước đi và hiểu ra, vì những chuyện như vậy, không thuộc phạm vi kịch Hy Lạp cổ điển mà Coleman đọc, trước đây anh chưa bao giờ phải hiểu, rằng cuộc sống có thể là thế này thay vì là thế khác dễ dàng làm sao và một số phận được định đoạt một cách ngẫu nhiên làm sao... mặt khác, định mệnh có thể có vẻ ngẫu nhiên làm sao trong khi mọi thứ không bao giờ có thể diễn ra khác đi như nó diễn ra. Nghĩa là, anh bước đi mà chẳng hiểu gì cả, biết rằng mình không thể hiểu gì cả, nhưng lại là với cái ảo tưởng rằng anh lẽ ra đã thấu hiểu, ở tầm mức siêu hình, một điều gì đó cực kỳ quan trọng trong cái quyết tâm bướng bỉnh muốn trở thành kiểu người mà mình muốn chỉ có điều... chỉ có điều chẳng bao giờ ta hiểu nổi những điều như thế.

Cái lá thư hai trang đáng yêu cô gửi vào tuần kế tiếp, về địa chỉ trường, mô tả cái cách “sà xuống” điều luyện của anh trong lần đầu tiên họ ở cùng nhau trong căn phòng ở phố Sullivan - “sà xuống,

giống kiểu như lũ chim khi chúng bay là là trên mặt đất hay biển và bắt gặp một vật đang di chuyển, một vật tràn trề sức sống, liền lao xuống... và chụp lấy nó” - đã bắt đầu bằng, “Coleman thân mến, em rất vui gặp được anh ở New York. Dù cuộc gặp chỉ diễn ra trong chốc lát, sau khi gặp anh em cảm thấy một nỗi buồn man mác, có lẽ bởi vì quãng thời gian sáu năm kể từ khi chúng ta gặp nhau lần đầu đến giờ đã khiến em thấy rõ một cách đau đớn bao nhiêu tháng ngày trong đời em đã ‘qua đi’. Anh trông rất tuyệt và em vui khi thấy anh hạnh phúc...” và chấm dứt bằng một phần kết uể oải, lững lờ gồm bảy câu ngắn, một đoạn kết đầy nuối tiếc mà, sau khi đọc lại không biết bao nhiêu lần, anh coi đó như thước đo sự nuối tiếc cho mất mát của cô, cũng là một lời thú nhận kín đáo cho sự ăn năn, đau xót nói ra một lời tạ lỗi lặng thầm: “Chắc, vậy thôi. Như vậy là đủ rồi. Em thậm chí cũng không nên quấy rầy anh. Em hứa em sẽ không bao giờ quấy rầy nữa. Hãy giữ gìn sức khỏe. Hãy giữ gìn sức khỏe. Hãy giữ gìn sức khỏe. Yêu thương, Steena.”

Anh không bao giờ vứt lá thư này đi, và khi anh ngẫu nhiên tìm thấy nó trong chồng hồ sơ và, bất kể công việc còn dở dang, dừng lại để đọc nó - sau khi đã quên bằng nó đi trong năm sáu năm - anh nghĩ tới điều anh đã nghĩ ra trên phố ngày hôm đó sau khi hôn phớt lên má cô và nói lời tạm biệt Steena mãi mãi: rằng nếu cô lấy anh - như anh muốn cô làm vậy - cô hẳn sẽ biết mọi thứ - như anh đã muốn cô biết - và những gì xảy ra tiếp theo với gia đình anh, với gia đình cô, với những đứa con của họ, chắc đã khác hẳn những gì xảy ra với Iris. Những gì đã xảy ra với mẹ anh và Walt rất có thể đã chẳng hề xảy ra. Nếu Steena nói chấp nhận, anh hẳn đã sống một cuộc sống khác.

Em không thể làm được. Có sự khôn ngoan trong đó, khôn ngoan đến đáng sợ đối với một cô gái trẻ, không phải kiểu khôn ngoan người ta thường có lúc mới đôi mươi. Nhưng đó là lý do khiến anh say mê cô - bởi vì sự khôn ngoan ở cô là kiểu suy nghĩ theo lẽ thường, tự lo cho bản thân và đầy chắc chắn. Nếu cô không như vậy... nhưng nếu cô

không như vậy, cô đã không phải là Steena, và chắc anh hẳn cũng không muốn cưới cô làm vợ.

Anh vẫn nghĩ những ý nghĩ vô ích đó - vô ích với một người đàn ông không có tài năng lớn như anh, thậm chí là với cả Sophocles: một số phận được tạo ra ngẫu nhiên làm sao... hoặc nó có vẻ ngẫu nhiên làm sao, trong khi cái diễn ra lại là tất yếu.

Như lần đầu cô tự miêu tả bản thân và nguồn gốc của mình với Coleman, Iris Gittelman lớn lên là một cô gái cứng đầu, thông minh, ngấm ngấm nổi loạn - bí mật lập mưu, từ khi mới lớp hai, để thoát khỏi môi trường ngột ngạt quanh mình - trong một gia đình ở thành phố Passaic sôi sục lòng căm ghét với mọi hình thức áp bức xã hội, đặc biệt là quyền thế của các giáo sĩ và những lời nói dối trá trước muôn người của họ. Người cha nói tiếng Yiddish của cô, như cô khắc họa tính cách ông, là một kẻ vô chính phủ dị giáo triệt để đến độ thậm chí ông không cho hai người anh của Iris cắt bao quy đầu, mà cha mẹ cô cũng không quan tâm đến việc làm giấy hôn thú hoặc chấp nhận một nghi lễ dân sự nào. Họ tự coi mình là vợ chồng, tuyên bố mình là người Mỹ, thậm chí còn xem mình là người Do Thái, họ, hai kẻ nhập cư vô thần vô học nhổ nước bọt xuống đất khi một giáo sĩ đi ngang qua. Nhưng họ tự gọi mình bằng cái tên mà họ gọi mình một cách tự do, không cần xin phép hoặc tìm sự tán đồng từ những gì mà cha cô khinh bỉ mô tả là những kẻ thù đạo đức giả của tất cả những gì tự nhiên và tốt đẹp - tức là, giới chức trách, những kẻ nắm giữ quyền lực một cách không chính đáng. Trên Bức tường nứt nẻ đầy vết bẩn khô cứng bên trên máy bán soda của cửa hàng bánh kẹo nhà họ trên đại lộ Myrtle - một cửa hàng bừa bộn nhỏ đến độ, cô nói, “anh không thể chôn năm người nhà em cạnh nhau ở đó được” - treo hai bức hình lồng khung, một của Sacco, cái kia của Vanzetti, những bức hình xé ra từ trang báo ảnh. Cứ đến ngày 22 tháng Tám - vào ngày này năm 1927 bang Massachusetts đã tử hình hai tay vô chính phủ vì tội giết người

mà Iris và hai anh cô được dạy tin rằng cả hai đều không phạm cái tội ấy - việc buôn bán được gác lại và cả gia đình rút lên lầu, một căn phòng nhỏ xíu tối mò mà sự bừa bộn điên rồ của nó vượt quá cả sự bừa bộn dưới cửa hàng, để ăn chay một ngày. Đây là một nghi thức mà cha Iris đã, giống như thủ lĩnh một giáo phái, tự nghĩ ra, bắt chước một cách ngớ ngẩn lễ Chuộc tội của người Do Thái. Cha cô không hiểu gì về những ý tưởng mà ông cứ nghĩ là mình hiểu - thứ ăn sâu trong ông là sự ngu dốt cực độ và nỗi tuyệt vọng cay đắng vì bị tước sạch mọi thứ, ý chí căm thù muốn cách mạng nhưng bất lực. Mọi thứ đều được nói ra với năm đấm siết chặt, và mọi thứ đều là bài hô hào. Ông biết những cái tên như Kropotkin và Bakunin, nhưng không biết gì về tác phẩm của họ, và tờ tuần báo vô chính phủ bằng tiếng Yiddish *Freie Arbeiter Stimme*, mà ông luôn tha theo quanh căn hộ của họ, ông hiếm khi đọc hơn vài chữ mỗi đêm trước khi lăn ra ngủ. Cha mẹ cô, cô giải thích với Coleman - bằng một giọng hết sức cường điệu, cường điệu đến khiếm nhã, trong một quán cà phê trên phố Bleeker vài phút sau khi anh tán cô ở quảng trường Washington - rằng cha mẹ cô là những con người đơn giản bị kẹp chặt trong một giấc mơ viễn vông mà họ còn lâu mới có thể mô tả rõ ràng hoặc bảo vệ nó một cách có lý có tình nhưng vì nó họ đã sẵn lòng hy sinh bạn bè, họ hàng, công việc, thiện chí của hàng xóm, thậm chí là sự tinh táo của chính họ, thậm chí là sự tinh táo của *con cái* họ. Họ chỉ biết là cái gì không có điểm chung với họ, mà những thứ đó, càng lớn Iris càng nhận ra, có vẻ như là tất cả mọi thứ. Xã hội, như nó được tạo thành - với những xung lực không ngừng vận động, cái mạng lưới ngằm phức tạp những lợi ích chông chéo kéo dài tới tận giới hạn của nó, cái trận chiến vị lợi luôn tiếp diễn, cuộc chinh phục luôn tiếp diễn, những xung đột và những cấu kết bè phái, những uyển ngữ đạo đức xảo quyệt, những kẻ hôn quân nhân từ đã trở thành một phần quen thuộc, cái ảo tưởng bấp bênh về sự bền vững - xã hội như nó được tạo thành, luôn luôn đã và *phải* được tạo thành, lại xa lạ với họ như triều đình của vua Arthur xa lạ với gã Bắc Mỹ gốc Connecticut*. Nhưng không phải bởi vì họ bị trói buộc

bởi những mối dây bền chặt nhất vào một không gian hay thời gian nào khác rồi sau đó bị ném thẳng vào một thế giới hoàn toàn xa lạ: họ giống như là những người bước thẳng từ chiếc nôi của trẻ con vào tuổi trưởng thành mà không hề được giáo dục cách khống chế và kiểm soát sự hèn mọn ở con người. Iris không thể xác định được, từ lúc cô còn là đứa trẻ, cô được nuôi dưỡng bởi những kẻ lập dị hay những người nhìn xa trông rộng, hoặc liệu sự căm ghét dữ dội mà cha mẹ muốn cô chia sẻ là một mặc khải về sự thật đáng sợ hay chỉ là một thứ hoàn toàn lỗ bịch và thậm chí có thể là điên loạn.

Suốt buổi chiều đó cô đã kể cho Coleman nghe những câu chuyện nghe cuốn hút chẳng khác nào truyện dân gian, những câu chuyện khiến cho việc sống sót sau khi lớn lên ở tầng trên cửa hàng bánh kẹo ở thành phố Passaic trong vai trò con gái của những người theo chủ nghĩa cá nhân u mê như Morris và Ethel Gittelman có vẻ như là một cuộc phiêu lưu khốc liệt không giống gì là bước ra từ văn chương Nga mà là từ những tờ báo khôi hài của Nga, như thể gia đình Gittelman là những láng giềng loạn trí trong một cột truyện tranh trên báo Chủ nhật có tựa đề “Những đứa con nhà Karamazov*.” Đó là một màn trình diễn xuất sắc, nhất là với một cô gái xấp xỉ mười chín tuổi vượt sông Hudson để trốn khỏi Jersey - có ai trong số những người bạn thân thiết của anh ở Village mà không bỏ trốn, và từ cả những nơi xa tít như là Amarillo? - không hề muốn gì khác ngoài tự do, một thứ hương xa xứ lạ nghèo khó đầy mới mẻ trên sân khấu phố 8, một cô gái da ngăm đen lôi cuốn cá tính với ngũ quan lớn đến mức phô trương, về cảm xúc mà nói thì là một xung lực sôi nổi, và “như một vựa trái cây”, theo cách nói thời đó, một sinh viên tại Art Students League, trang trải một phần học phí bằng việc làm mẫu cho các lớp vẽ người thật, một người với phong cách là chẳng có gì phải giấu, và về chuyện săn sàng gây xôn xao nơi công cộng thì các vũ nữ múa bụng cũng chỉ đến như thế mà thôi. Tóc cô là thứ không thể không nhắc đến, một mê hồn trận lòng

bùng những lọn tóc quăn và xoắn tít, xù lên như dây bện và đủ lớn để làm một món trang trí Giáng sinh. Tất cả nổi trắc trở thời thơ ấu có vẻ đã chuyển hóa thành mớ tóc xoắn xít rậm rịt trên đầu cô. Một mái tóc không thể vẫn hời. Ta có dùng nó đánh bóng chai lọ thì kết cấu của nó vẫn bền vững chẳng kém một thứ được vớt lên từ đáy biển đen như mực, một thứ thực thể san hô rắn chắc, một thứ mã não sống ngồn ngộn lai giữa san hô và cây bụi, có lẽ còn có cả được tính nữa.

Trong ba giờ đồng hồ cô mê hoặc Coleman bằng thứ hài kịch của mình, bằng cơn giận dữ, mái tóc, và năng lực gây hào hứng, bằng thứ trí tuệ mới lớn điên cuồng, chưa qua uốn nắn và cái năng khiếu diễn xuất tự nhóm lên cảm xúc và tin vào từng lời cường điệu mình nói ra, khiến cho Coleman - một thứ tự chế quý quýệt, nếu trên đời có một thứ như thế, một sản phẩm mà không ai ngoài anh có được bằng sáng chế - cảm thấy mình cứ như một người hoàn toàn không có ý niệm nào về bản thân.

Nhưng khi anh đưa cô về phố Sullivan tối hôm đó, mọi thứ đều thay đổi. Hóa ra cô không hề biết mình là ai trong thế giới này. Một khi ta vượt qua được mái tóc ấy, toàn bộ những gì có ở cô là một dung dịch nóng chảy. Một đối cực của cái mũi tên nhắm vào cuộc đời là gã Coleman Silk hai mươi lăm tuổi - cũng là một đấu sĩ chiến đấu giải phóng bản thân đấy, nhưng lại là cái phiên bản bòn chòn, cái phiên bản *vô chính phủ*, một cô gái muốn tìm con đường cho chính mình.

Không hẳn là cô sẽ chờ người ra sừng sờ trong năm phút khi biết ra rằng anh sinh ra và lớn lên trong một gia đình da màu và gần như cả cuộc đời anh nhận mình là người da đen, cũng như cô hẳn sẽ chẳng mấy bận tâm giữ kín bí mật đó cho anh nếu anh yêu cầu cô làm thế. Khả năng chịu đựng những gì bất thường không phải thứ mà Iris Gittelman thiếu thốn - đối với cô chỉ những gì ăn rơ nhất với các tiêu chuẩn trên đời này mới là không bình thường. Là hai người thay vì là một? Là hai màu da thay vì một? Đi trên đường phố với tên giả hay

trong một vỏ bọc khác, không là cái này mà cũng không là cái kia, mà là một thứ gì đó ở giữa? Sở hữu đến hai hay ba hay bốn nhân cách? Với cô chẳng có gì đáng sợ ở những điều bị xem là dị dạng như thế. Cái kiểu đầu óc cởi mở của Iris thậm chí cũng không phải là một phẩm chất đạo đức mà hội cấp tiến hay hội theo chủ nghĩa tự do vẫn lấy làm tự hào: nó gần như là một chứng điên, một đối cực điên rồ của thói cố chấp. Những kỳ vọng, điều không thể thiếu đối với hầu hết mọi người, những sự giả định, niềm tin vào thẩm quyền, việc hợp pháp hóa sự cố kết và trật tự, đối với cô chúng chẳng giống với bất cứ thứ gì trên đời này - chỉ là những thứ vô lý, hoàn toàn gàn dở. Tại sao mọi chuyện xảy ra như nó xảy ra và lịch sử được ghi lại như thế, nếu cái chúng ta gọi là bình thường là trạng thái cố hữu của sự sống?

Thế nhưng, điều anh nói với Iris lại là anh là người Do Thái, họ Silk là cách giản lược từ Silberzweig ở đảo Ellis*, do một nhân viên hải quan tử tế gán cho cha anh. Anh thậm chí mang cả dấu vết cắt bì thiêng liêng, trong khi chẳng mấy đứa bạn da đen ở East Orange cùng thời kỳ đó có được. Mẹ anh, khi làm y tá trong một bệnh viện đa phần là bác sĩ Do Thái, bị thuyết phục bởi quan niệm y khoa khá phổ biến thời đó về những lợi ích đáng kể về mặt vệ sinh của việc cắt bao quy đầu, cho nên người nhà Silk đã thực hiện cái nghi thức truyền thống của người Do Thái - và nó, hồi đó, cũng ngày càng được nhiều các bậc phụ huynh không phải dân Do Thái bắt đầu chọn lựa như một khâu phẫu thuật hậu sinh - được một bác sĩ thực hiện cho mỗi bé trai sơ sinh trong tuần thứ hai sau khi nó chào đời.

Coleman đã nhận anh là người Do Thái trong nhiều năm gần đây - hoặc để mặc cho người khác nghĩ thế - từ khi nhận ra rằng tại NYU cũng như ở những quán cà phê anh thường lui tới, nhiều người anh biết có vẻ đã cho rằng anh là người Do Thái ngay từ đầu. Điều anh học được trong hải quân là ta chỉ phải làm một việc là cung cấp một lời giới thiệu ngon lành và nhất quán về bản thân và sẽ chẳng ai thắc

mắc, bởi vì không có ai quan tâm quá sâu. Những người quen ở NYU và Village có thể dễ dàng đưa ra phán đoán ấy - cũng như bạn bè trong quân đội - rằng anh có nguồn gốc Trung Đông, nhưng vì đây là thời điểm mà tinh thần ái kỷ của dân Do Thái trong tầng lớp trí thức tiên phong ở quảng trường Washington thời hậu chiến đang ở đỉnh điểm, khi mà cái ham muốn vươn cao thôi thúc đầu óc Do Thái táo bạo của họ đang bắt đầu có vẻ vượt ngoài tầm kiểm soát và màu sắc văn hóa đặc trưng tỏa ra từ những câu nói đùa và những giai thoại gia đình, từ tiếng cười và trò mua vui và những lời lém lỉnh và những luận điểm của họ - thậm chí từ cả những lời lăng mạ - cũng nhiều chẳng kém từ những tờ báo như *Commentary*, *Midstream*, và *Partisan Review*, hiển nhiên là anh cũng chịu ít nhiều ảnh hưởng, nhất là những năm thời trung học làm trợ lý cho Doc Chizner trong vai trò huấn luyện viên quyền Anh cho đám nhóc Do Thái hạt Essex đã khiến cho việc tự nhận là mình có một thời thơ ấu Do Thái ở New Jersey không gặp quá nhiều gian khó như việc giả vờ làm một thủy thủ Mỹ có gốc Libăng hay Syria. Việc khoác lấy cái uy thế thể phẫm của dân Do Thái Mỹ ngông ngạo, ưa tự vấn, thích nghĩ táo tợn, khoái trá với những trớ trêu của cuộc sống ngoài rìa ở Manhattan hóa ra chẳng có gì gọi là quá liều lĩnh như đáng ra sẽ thế nếu anh bỏ ra nhiều năm để tự mình dựng ra và thêu dệt lớp vỏ nguy trang, ấy thế mà, khoan khoái thay, nó vẫn có cảm giác hết sức liều lĩnh - và khi anh nhớ lại bác sĩ Fensterman, người đã đề nghị tặng gia đình anh ba ngàn đô để Coleman giả vờ đánh hỏng bài thi cuối cấp, qua đó giúp Bert trở thành học sinh đứng nhất lớp, anh thấy nó cũng là một việc cực kỳ buồn cười, một trò đùa dàn xếp điểm số hoành tráng có một không hai. Thế giới quả đã tính toán đủ mọi đường - một trò láu cá trần tục đến cùng cực! Nếu trên đời từng có một sự sáng tạo hoàn hảo độc nhất vô nhị - há chẳng phải sự độc nhất chính là tham vọng vị kỷ sâu kín nhất của anh bao lâu nay sao? - thì nó chính là sự hội tụ kỳ diệu này vào đứa con trai Fensterman của bố anh.

Đây không còn là trò anh chơi cho vui nữa. Dùng Iris - một Iris Do Thái phi-Do-Thái, hoàn toàn không giống Steena, bất kham, dễ kích động - như phương tiện qua đó để làm mới bản thân, cuối cùng anh đã thành công. Anh không còn phải thử rồi lại bỏ, một chuỗi không ngừng nghỉ những luyện tập và chuẩn bị. Đây chính là nó, cái giải pháp, cái bí quyết cho bí mật của anh, được gia thêm chỉ một giọt lỗ bịch - cái sự lỗ bịch cứu rỗi, trấn an, đóng góp nho nhỏ của cuộc đời cho mọi quyết định của con người.

Như một mớ hỗn hống chưa từng được biết tới, cái kẻ chẳng giống ai nhất trong những kẻ đáng ghét trong lịch sử nước Mỹ, bây giờ thì anh đã không còn là một thực thể vô lý nữa.

Tuy nhiên, không phải là không có một pha chuyển tiếp. Sau Steena và trước Iris, có một pha chuyển tiếp kéo dài năm tháng có tên là Ellie Magee, một cô da màu nhỏ bé, người eo ọt, cân đối, da màu vàng nâu, lấm tấm vài nốt tàn nhang trên mũi và hai má, nhìn bề ngoài thì chưa vượt hẳn ranh giới giữa tuổi thiếu nữ và phụ nữ, làm việc ở cửa hàng Village Door trên đại lộ Sáu, hào hứng chào bán các loại giá sách và chào bán các loại cửa - cửa lắp chân thành bàn giấy và cửa lắp chân thành giường ngủ. Lão Do Thái già yếu sở hữu cửa hàng bảo rằng việc muốn Ellie bán hàng đã tăng doanh số của lão lên tới năm mươi phần trăm. “Ngày trước tôi có bán chác được gì đâu,” lão nói với Coleman. “Phải chật vật sống qua ngày. Nhưng bây giờ ai ở Village cũng muốn một cánh cửa làm bàn giấy. Người ta đổ tới, họ không hỏi gặp tôi - họ hỏi Ellie. Họ gọi điện thoại tới, muốn nói chuyện với Ellie. Con bé này đã thay đổi mọi thứ.” Quả thực, chẳng ai cưỡng lại được sự hấp dẫn ở cô, kể cả Coleman, người bị thu hút, thử đầu tiên, bởi cặp giò đi giày cao gót và rồi vì toàn bộ sự tự nhiên của cô. Cặp bồ với những cậu NYU da trắng bị cô thu hút, cặp bồ với những cậu NYU da màu bị cô thu hút - một cô bé hai mươi ba tuổi tỏa sáng lấp lánh, chưa bị cái gì làm tổn thương, chuyển đến Village từ Yonkers, nơi cô lớn lên, và

đang sống một cuộc sống phóng túng với chữ *p* viết thường, cái cuộc sống ở Village mà người ta vẫn quảng cáo. Cô là cả một phát hiện, và thế là Coleman bước vào mua một cái bàn anh không cần đến và tối đó đưa cô đi uống nước. Sau Steena và cú sốc mất đi một người mà anh từng khao khát đến thế, anh lại có được khoảng thời gian thoải mái, anh lại được sống, từ ngay giây phút họ bắt đầu tán tỉnh nhau trong cửa hàng. Lúc ở trong cửa hàng cô có nghĩ anh là người da trắng không? Anh không biết. Thật thú vị. Rồi đêm đó cô cười và, nheo mắt nhìn đầy trêu ghẹo, nói, “Thế rốt cuộc anh là gì?” Ngay lập tức cô đã đánh hơi được vấn đề và cứ thế nói toẹt ra luôn. Nhưng giờ đây anh không vãi mồ hôi như hồi hiểu nhầm bài thơ của Steena nữa. “Anh là gì hả? Kiểu gì anh cũng chơi được,” Coleman nói. “*Thật* như thế hả?” cô hỏi. “Dĩ nhiên rồi, là vậy đó,” anh nói. “Vậy đám gái da trắng nghĩ anh là da trắng à?” “Họ có nghĩ gì,” anh nói, “anh cũng để thế thôi.” “Còn em thì sao?” Ellie hỏi. “Cũng vậy thôi,” Coleman nói. Chuyện đó trở thành trò chơi nho nhỏ của họ, trở thành niềm hứng khởi cho họ, việc chơi trò nước đôi. Anh không đặc biệt quá gần gũi với bất kỳ ai, nhưng những thằng anh quen biết ở trường nghĩ anh đang đi chơi với một em da màu, và bạn bè cô nghĩ cô đang giao du với một gã da trắng. Việc khiến người khác nghĩ họ là một cặp đôi rất ra gì đem lại một niềm vui ra trò, và hầu hết những nơi họ tới, người ta đều nghĩ như vậy. Bởi lúc đó là năm 1951. Đám thanh niên hỏi Coleman, “Con nhỏ đó thế nào?” “Bốc lửa,” anh nói, thốt chữ đó ra trong khi hờ hững phẩy tay theo kiểu mấy thằng Ý hời ở East Orange vẫn làm. Nỗi phấn khích dội lên trong anh từng ngày một, từng giây một, đời anh giờ mang tầm vóc của một ngôi sao điện ảnh nho nhỏ: anh lúc nào cũng như trên sân khấu mỗi khi ra ngoài với Ellie. Chẳng ai trên phố 8 biết chuyện quái gì đang xảy ra, và anh khoái chí với điều đó. Cô có cặp giò hết sảy. Cô cười suốt buổi. Cô là người phụ nữ theo kiểu tự nhiên - đầy vẻ thoải mái và sở hữu một sự ngây thơ sinh động khiến anh say mê. Cô khá giống Steena, trừ việc cô không phải da trắng, do đó họ không phải vội vàng về thăm gia đình anh và họ cũng chẳng vội vàng

đến thăm gia đình cô. Tại sao lại phải đi? Họ sống ở khu Village. Anh thậm chí còn chẳng nghĩ đến chuyện đưa cô về East Orange. Có lẽ bởi vì anh không muốn nghe tiếng thở phào nhẹ nhõm, không muốn nghe mọi người bảo, kể cả là không thành lời, rằng anh đang làm điều đúng đắn. Anh nghĩ về động cơ của mình khi đưa Steena về nhà. Thành thực với mỗi người chẳng? Và anh đạt được gì? Không, không gia đình nào hết - tạm thời là vậy.

Cùng lúc đó, anh lại thích ở cạnh cô đến độ một đêm nọ anh đã buột miệng nói ra sự thật. Kể cả chuyện anh chơi đấm bốc, điều anh không bao giờ có thể nói với Steena. Nói với Ellie thật dễ dàng. Việc cô không phản đối khiến vị thế của cô tăng vọt trong mắt anh. Cô không tuân theo thói thường - thế nên mới an toàn như vậy. Anh đang giao du với một người đầu óc hoàn toàn không hẹp hòi. Cô gái tuyệt vời này muốn nghe hết. Và thế là anh kể, và khi không bị kèm hãm thì anh là một người kể chuyện đặc biệt có duyên, và Ellie thích mê đi. Anh kể cho cô nghe về thời ở hải quân. Anh kể cho cô về gia đình, và hóa ra nó không khác gia đình cô là mấy, ngoại trừ chuyện cha cô, một dược sĩ có cửa hàng thuốc ở Harlem, thì vẫn còn sống, và tuy không vui vẻ gì với chuyện cô tới sống ở Village, nhưng may cho Ellie là ông ấy không thể từ bỏ lòng yêu thương dành cho cô. Coleman kể cho cô nghe về trường Howard và chuyện anh không chịu đựng nổi ngôi trường đó. Họ nói chuyện rất nhiều về Howard vì cha mẹ cô cũng muốn cô tới học ở đó. Và lúc nào cũng vậy, dù họ nói về bất cứ gì, làm cho cô cười là chuyện dễ như ăn kẹo với anh. “Anh chưa bao giờ gặp một lúc nhiều người da màu đến thế, ngay cả ở miền Nam Jersey trong buổi sum họp gia đình. Với anh Đại học Howard chỉ giống như một đám quá đông người da màu ở cùng một chỗ. Đủ các thứ đức tin, đủ các mẫu người, nhưng anh không muốn ở gần họ như thế. Anh thấy nó chẳng có gì dính dáng tới anh. Mọi chuyện ở đó đều đậm đặc đến độ bất kỳ thứ tự tôn nào anh có được đều bị teo tóp lại. Bị teo tóp hoàn toàn vì một môi trường giả tạo quá đậm đặc.” “Giống như ly nước giải

khát quá ngọt,” Ellie nói. “Chậc,” anh bảo cô, “nó không hẳn là có quá nhiều thứ được thêm vào, mà là mọi thứ khác đều bị rút ra.” Nói chuyện cởi mở với Ellie, Coleman tìm được sự khuây khỏa. Đúng, anh chẳng còn là anh hùng nữa, nhưng anh cũng chẳng có tí gì là vô lại. Phải, cô là một đối thủ, cái cô nàng này ấy. Việc cô vươn tới độc lập, việc cô biến mình thành một thiếu nữ Village, cái kiểu cô xử lý mối quan hệ với cha mẹ - cô có vẻ như đã trưởng thành theo cái cách mà ta vẫn được mong đợi.

Một tối nọ cô đưa anh tới một tiệm nữ trang nhỏ xíu trên phố Bleecker, nơi tay da trắng chủ tiệm chế tạo những món đồ xinh xắn bằng chất liệu men. Họ chỉ nhìn ngắm loanh quanh, nhưng khi rời đi, cô bảo Coleman rằng tay đó là da đen. “Em lầm rồi,” Coleman nói, “không thể nào.” “Đừng nói là em lầm,” cô bật cười, “*anh* mù thì có.” Một tối khác, gần nửa đêm, cô dẫn anh tới một quán rượu trên đường Hudson nơi đám họa sĩ tụ tập uống rượu. “Thấy tay kia không? Thằng cha chải chuốt đó?” cô thì thào, hất đầu về phía một gã da trắng điển trai độ hăm mấy đang hút hồn mọi cô gái trong quán. “Anh nhìn gã đó đi,” cô nói. “*Không đời nào*,” Coleman nói, người bật cười lúc này lại là anh. “Anh đang ở Greenwich Village, Coleman Silk à, bốn dặm vuông tự do nhất nước Mỹ. Ở khu phố nào cũng có một tay như thế cả. Anh quá tự phụ, anh nghĩ chỉ mình anh dựng ra những chuyện kiểu vậy ấy.” Và nếu như cô biết có ba người như thế - mà cô biết chắc, không sai đi được - thì phải có cả chục, nếu không nói là nhiều hơn. “Từ khắp mọi nơi,” cô ấy, “họ đổ về phố 8. Giống như anh từ xứ East Orange nhỏ xíu tới đây vậy.” “Và,” anh nói, “anh hoàn toàn không nhận ra điều đó luôn.” Và câu đó khiến họ bật cười, cười và cười và cười bởi vì anh thật là vô phương cứu chữa, không thể thấy được điều đó ở người khác và vì Ellie là người dẫn đường cho anh, chỉ ra cho anh biết.

Lúc đầu, anh mãi tận hưởng cái giải pháp cho vấn đề của mình. Bỏ đi bí mật đó, anh lại cảm thấy mình như một cậu bé. Cậu bé anh từng

là thuở anh chưa phải giữ bí mật. Một đứa tiêu yêu. Nhờ vào sự tự nhiên nơi cô mà anh cảm thấy dễ dàng sống đúng như là mình, cảm thấy được cả niềm vui của việc đó. Nếu ta muốn là một hiệp sĩ hay anh hùng, ta phải khoác lên mình bộ giáp, và điều anh nhận được lúc này chính là niềm vui được cởi bỏ bộ giáp. “Anh may mắn đấy,” ông chủ của Ellie bảo anh. “Rất may mắn luôn,” lão lặp lại, hoàn toàn thực lòng. Khi ở với Ellie điều bí mật không còn cần thiết nữa. Không chỉ là anh có thể nói với cô mọi thứ và quả anh đã làm thế, mà còn là nếu, và khi anh muốn, anh có thể về nhà ngay lập tức. Anh có thể đối diện với anh mình, và nếu không có cô, anh biết, anh sẽ chẳng bao giờ làm được. Mẹ anh với anh có thể trở lại gần gũi và thoải mái y như xưa. Và rồi anh gặp Iris, và thế là hết. Ở bên Ellie thì vui đấy, và mọi chuyện sẽ vẫn vui, nhưng nó thiếu một chiều kích nào đó. Toàn bộ mối quan hệ này thiếu đi tham vọng - nó không nuôi dưỡng được cái ý niệm về chính mình vốn là động lực của anh từ trước đến nay. Iris xuất hiện và anh trở lại sàn đấu. Cha anh đã nói với anh, “Bây giờ con có thể giải nghệ, giải nghệ mà chưa hề bị đánh bại. Con đã giải nghệ.” Nhưng giờ đây anh găm lên lao ra khỏi góc sàn đấu - anh lại mang cái bí mật đó theo mình. Và cả *năng lực* giữ bí mật, một thứ không dễ có được. Có thể lúc này có cả chục thằng nữa giống anh sống quanh quẩn ở Village này. Nhưng không phải ai cũng có được năng lực đó. Nghĩa là, chúng có nó, nhưng theo những kiểu tầm thường: chúng chỉ việc nói dối suốt mà thôi. Chúng không giữ bí mật theo cái kiểu ngon lành và tinh tế như Coleman. Anh trở lại cái con đường vượn xa. Với cái bí mật ấy, anh đã có được thần dược, và cảm giác giống như thuần thục một ngôn ngữ khác - giống như ở một nơi mà anh luôn cảm thấy tươi mới. Anh đã sống mà không có nó, thế cũng tốt, không có gì kinh khủng xảy ra, cũng chẳng có gì đáng chê trách. Sống thế rất vui. Một niềm vui thơ ngây. Nhưng nó thiếu thốn tất cả những thứ khác. Hẳn rồi, anh đã chuộc lại được sự ngây thơ của mình. Ellie đã cho anh điều đó. Nhưng ngây thơ thì để làm gì? Iris cho anh nhiều hơn. Cô nâng

mọi thứ lên một tầm cao mới. Iris trả lại cho anh cuộc đời ở tầm cỡ mà anh hằng mong muốn.

Hai năm sau khi quen nhau, họ quyết định kết hôn, và đó là khi, vì cái giấy đăng ký kết hôn anh đã có được, vì cái tự do anh đã tuyên bố ra, những lựa chọn mà anh đã dám thực hiện - và liệu anh còn có thể khéo léo hay thông minh hơn thế, trong việc đạt tới một cái tôi, trong phạm vi có thể diễn xuất được, đủ lớn để chứa đựng tham vọng của mình và đủ ghê gớm để đối đầu với thế giới? - anh đã phải trả cái giá đắt đầu tiên trong đời.

Coleman trở về East Orange để thăm mẹ. Bà Silk không biết đến sự tồn tại của Iris Gittelman trên đời, tuy vậy bà không hề ngạc nhiên khi anh bảo bà rằng anh sắp lấy vợ và cô gái ấy là dân da trắng. Bà cũng chẳng ngạc nhiên cả khi anh nói với bà rằng cô ấy không biết anh là người da màu. Nếu có người ngạc nhiên thì đó là Coleman, sau khi công khai tuyên bố ý định của mình, đã lập tức tự hỏi liệu có phải toàn bộ quyết định này, quyết định lớn lao nhất trong đời anh, thực ra lại dựa trên một thứ kém nghiêm túc nhất mà ta có thể nghĩ đến: mái tóc của Iris, cái mớ tóc rậm dợn sóng mang nhiều chất da đen hơn cả tóc của Coleman - giống tóc của Ernestine hơn tóc anh. Hồi còn nhỏ, Ernestine nổi tiếng vì hay hỏi, “Sao con không có tóc bay như mẹ?” ý là, tại sao tóc con bé không bay trong gió, giống như không chỉ tóc của mẹ mà tất tậ phụ nữ bên họ ngoại trong nhà.

Đối mặt với nỗi khổ não của mẹ mình, lơ lửng bên trong Coleman là nỗi sợ hãi điên khùng, rùng rợn rằng toàn bộ những gì anh mong muốn ở Iris Gittelman chỉ là lời giải thích thỏa đáng mà diện mạo của cô có thể đem lại khi người ta đặt câu hỏi cho chất tóc của con cái họ sau này.

Nhưng làm thế nào mà một động cơ vụ lợi quái gở, trơ tráo như vậy đến nay anh mới nhận ra? Bởi vì mọi thứ hoàn toàn không phải như vậy chẳng? Nhìn mẹ đau khổ như thế - rưng rờ trong lòng vì cách cư xử của chính mình nhưng vẫn quyết tâm, như Coleman luôn quyết

tâm, đâm lao phải theo lao - làm sao mà ý tưởng kỳ khôi này với anh dường như lại chính là sự thật chứ không phải bất cứ điều gì khác? Ngay cả khi tiếp tục ngồi đối diện mẹ trong trạng thái tự chủ hoàn hảo, anh vẫn có một ấn tượng hết sức rõ ràng, rằng anh vừa chọn vợ vì cái lý do ngu xuẩn nhất có thể và anh là gã đàn ông rỗng tuếch nhất trên đời.

“Và cô ấy tin rằng bố mẹ con đã chết, Coleman. Con nói với cô ấy vậy.”

“Đúng thế.”

“Con không có anh trai, không có em gái. Không hề có Ernestine. Không hề có Walt.”

Anh gật đầu.

“Rồi? Con còn nói gì với cô ấy nữa?”

“Mẹ nghĩ con còn nói gì với cô ấy nữa?”

“Bất cứ gì cái gì hợp ý con.” Đó là khoảnh khắc gay gắt nhất của bà cả buổi chiều hôm đó. Sự giận dữ của bà chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có thể nhắm vào anh. Chỉ nhìn thấy anh thôi, từ giây phút sinh anh ra, cũng đã khơi lên những cảm xúc mà bà vô phương chế ngự và chúng không liên quan gì đến chuyện anh có xứng đáng hay không.

“Mẹ sẽ không bao giờ được biết mặt cháu nội của mẹ,” bà nói.

Anh đã chuẩn bị cho mình. Điều quan trọng là quên đi mái tóc Iris và để bà nói, để bà tìm ra mạch nói của mình và, từ cái dòng chảy ngôn từ êm ái của bà, anh sẽ tạo ra lời biện hộ cho chính mình.

“Con sẽ không bao giờ cho chúng nó gặp mẹ,” bà nói. “Con sẽ không bao giờ cho chúng biết mẹ là ai. ‘Mẹ’, con sẽ bảo mẹ, ‘Mẹ, mẹ đến ga xe lửa New York, rồi mẹ ngồi trên băng ghế trong phòng đợi, và lúc mười một giờ hăm lăm buổi trưa, con sẽ đi qua với đám con của con, chúng sẽ diện bộ đồ Chủ nhật đẹp nhất.’ Đó sẽ là quà sinh nhật cho mẹ trong năm năm nữa. ‘Ngồi đó nhé, mẹ, đừng nói gì hết, và con sẽ dẫn chúng từ từ đi qua.’ Và con biết quá rõ là mẹ sẽ có mặt ở đó.

Nhà ga. Sở thú. Công viên Central Park. Bất cứ chỗ nào con nói, dĩ nhiên mẹ sẽ làm theo. Con bảo mẹ cách duy nhất để mẹ có thể chạm vào mấy đứa cháu của mẹ là để con thuê mẹ làm bà vú em tên Brown đến cho chúng đi ngủ, mẹ sẽ làm vậy. Bảo mẹ đóng vai bà Brown đến để lau nhà, mẹ sẽ làm *thế*. Chắc chắn mẹ sẽ làm điều con bảo. Mẹ không được lựa chọn.”

“Vậy sao?”

“Lựa chọn à? Sao? Lựa chọn của mẹ là gì, Coleman?”

“Mẹ có thể từ con.”

Với vẻ gần như chế giễu, bà giả vờ suy nghĩ chút đỉnh về ý kiến đó. “Mẹ nghĩ mẹ có thể nhẫn tâm cỡ đó với con. Phải, có thể lắm, mẹ nghĩ vậy. Nhưng con nghĩ mẹ tìm đâu ra sức mạnh để nhẫn tâm như thế với chính mẹ?”

Đây không phải là lúc cho anh nhớ lại tuổi thơ của mình. Không phải lúc cho anh thán phục sự minh mẫn hay tài châm biếm hay lòng can đảm của mẹ mình. Đó không phải lúc anh để cho mình bị khuất phục bởi cái hiện tượng gần như mang tính bệnh lý của tình mẹ. Đó không phải lúc cho anh lắng nghe những lời lẽ mà dù bà không nói ra nhưng chúng còn mạnh mẽ hơn những gì được nói thành lời. Đó không phải lúc nảy ra những ý nghĩ nào khác ngoài những ý nghĩ anh đã trang bị cho mình khi tới đây. Đó cũng chắc chắn không phải lúc để viện tới những giải thích, để bắt đầu khôn khéo điếm ra những thuận lợi và bất lợi và giả vờ như đây chỉ là một quyết định hợp logic, không hơn. Chẳng lời giải thích nào có thể xem là thỏa đáng, dẫu chỉ phần nào, cho sự xúc phạm anh đang gây ra cho bà. Đây là lúc anh cần tập trung hơn nữa vào điều anh muốn đạt được khi tới đây. Nếu từ con là một lựa chọn không khả dĩ đối với bà, vậy thì bà chỉ còn cách là lãnh trọn thực tế đau đớn ấy. Nói chuyện một cách mềm mỏng, ít thôi, quên mái tóc Iris đi, và, dù có mất bao nhiêu thời gian, hãy cứ để bà tiếp tục dùng lời lẽ để nuốt lấy vào bên trong mình sự tàn bạo của điều tàn bạo nhất mà anh từng gây ra.

Anh đang giết chết bà. Ta không cần giết cha ta. Thế giới này sẽ làm việc đó cho ta. Có biết bao thứ sức mạnh cố tóm lấy cha ta. Cuộc đời này sẽ giải quyết cha ta, như trên thực tế nó đã giải quyết ông Silk. Người để giết là mẹ, và đó là điều anh thấy mình đang làm với bà, cái cậu trai từng được yêu thương nhiều như anh đã được người đàn bà này yêu thương. Giết chết bà nhân danh cái ý niệm tự do đầy hồ hởi của anh! Chuyện hẳn sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu không có bà. Nhưng chỉ qua cuộc khảo nghiệm này anh mới có thể là con người mà anh đã chọn, dứt khoát tách ra khỏi những gì anh được trao cho khi ra đời, được tự do trần trở trước tự do như bất kỳ con người nào muốn được tự do. Để giành được từ cuộc đời cái số phận theo ý muốn của mình, anh phải làm những việc cần làm. Không phải hầu hết mọi người đều muốn thoát ra khỏi cuộc sống khốn khổ chó chết mà họ nhận được đó sao? Nhưng họ không làm được, và điều đó khiến cho họ là họ, và việc này khiến cho anh là anh. Hãy tung cú đấm, gây tổn thương, và vĩnh viễn khóa cửa lại. Ta không thể giáng chuyện này xuống một người mẹ tuyệt vời vốn yêu ta vô điều kiện và vẫn luôn làm cho ta hạnh phúc, ta không thể gây ra nỗi đau này rồi nghĩ rằng ta có thể đảo ngược tình hình. Nó đáng sợ đến nỗi ta chỉ có một nước là sống với nó. Một khi ta làm một việc như thế này, ta gây ra nhiều bạo lực đến mức nó *không bao giờ* xóa bỏ được nữa - cũng là điều Coleman muốn. Giống như khoảnh khắc ở West Point khi đấu thủ kia gục xuống. Chỉ có trọng tài mới cứu được hắn thoát khỏi cái mà Coleman đủ tiềm lực để gây ra. Ngày đó cũng như bây giờ, anh đang trải nghiệm sức mạnh của nó như một võ sĩ. Bởi vì đó cũng là một khảo nghiệm, để đem lại cho sự tàn bạo của hành động từ bỏ người thân ý nghĩa con người chân thực, không thể tha thứ của nó, để đối đầu bằng toàn bộ những gì hiện thực và sáng rõ có thể có ngay thời điểm khi mà số phận của ta gặp gỡ với một thứ lớn lao. Đây là khoảnh khắc đó của anh. Người đàn ông này và mẹ anh ta. Người đàn bà này với đứa con được yêu thương của bà ấy. Nếu, để tôi rèn bản thân, anh phải làm việc khó khăn nhất có thể nghĩ ra, thì đây chính là việc đó, lựa chọn duy nhất

nếu không muốn cầm dao đâm bà. Hành động này đưa anh tới thẳng cốt lõi vấn đề. Đây là hồi lớn trong vở kịch đời anh, và, có ý thức, đầy sống động, anh cảm nhận được sự lớn lao của nó.

“Mẹ không biết tại sao mẹ lại không chuẩn bị tinh thần để đón nhận chuyện này, Coleman. Mẹ phải chuẩn bị chứ,” bà nói. “Con đã bao nhiêu lần đưa ra cảnh báo cho mẹ, hầu như bắt đầu từ ngay ngày con ra đời. Con đã thực sự ngần ngại ngay cả việc bú mẹ. Phải, con đã ngần ngại. Bây giờ mẹ đã hiểu tại sao. Ngay cả việc đó cũng có thể trì hoãn cuộc đào tẩu của con. Luôn có điều gì đó ở gia đình ta, và mẹ không có ý muốn nói tới màu da - luôn có điều gì đó ở nhà ta cản trở con. Con luôn nghĩ như một tù nhân vậy. Con là vậy, Coleman Brutus. Con trắng như tuyết và con nghĩ như một nô lệ.”

Đó không phải lúc thừa nhận sự thông minh của bà, hay xem ngay cả cái cách diễn đạt mũi lòng nhất như hiện thân của một trí tuệ đặc biệt. Cũng đôi khi bà có thể nói ra điều gì đó nghe cứ như bà biết nhiều hơn thực tế. Cái nửa sáng suốt của gia đình. Đó là kết quả từ việc nhường phần thuyết giảng cho cha anh và, khi đặt bên cạnh ông, dường như điều bà nói ra mới là cái đáng nói.

“Giờ đây mẹ có thể bảo con rằng không hề có lối thoát, rằng mọi nỗ lực vượt thoát của con sẽ chỉ dẫn con trở lại điểm xuất phát. Cha con sẽ bảo con như vậy. Và ông ấy sẽ viện đến một chi tiết nào đó trong vở *Julius Caesar*. Nhưng đối với một chàng trai trẻ như con, người mà ai cũng yêu mến? Một chàng trai thông minh, hấp dẫn, dễ coi với vóc dáng của con, quyết tâm của con, sự khôn ngoan của con, với toàn bộ năng khiếu tuyệt vời của con? Con với đôi mắt xanh và hàng mi đen dài đó? Chuyện này đâu thể gây khó khăn cho con được, nhỉ. Tới gặp mẹ thế này chắc chẳng dễ dàng gì với con, nhưng nhìn xem, con đang ngồi mới bình thản làm sao. Và đó là do con biết điều con đang làm là rất hợp lý. Mẹ biết nó hợp lý, bởi vì con sẽ không theo đuổi một mục tiêu không hợp lý. Dĩ nhiên con sẽ gặp phải những thất vọng. Dĩ nhiên ít có chuyện gì sẽ diễn biến như con tưởng tượng, khi bình thản ngồi

đối diện với mẹ lúc này đây. Số phận đặc biệt của con sẽ đặc biệt thôi - nhưng theo cách nào? Hai mươi sáu tuổi - con không thể biết được. Nhưng nếu con không làm gì thì chẳng phải điều đó vẫn đúng sao? Mẹ nghĩ rằng mọi thay đổi sâu xa trong đời đều bắt đầu từ cái câu ‘Tôi không biết anh’ mà ta nói với ai đó.”

Bà tiếp tục nói trong gần hai tiếng sau đó, một bài thuyết giảng dài về khả năng tự định đoạt của anh, lần ngược về từ tận hồi anh còn ẵm ngửa, điều luyện tiếp nhận nỗi đau bằng cách miêu tả mọi điều bà phải đối mặt và không chút hy vọng kháng cự và đành phải cam chịu, trong suốt lúc đó Coleman cố hết sức để không chú ý tới - những điều đơn giản nhất, như mái tóc đã rụng gần hết (tóc mẹ anh, không phải tóc Iris) và cái đầu nhô ra của bà, vết tấy lên ở cổ chân, chỗ mỡ nơi eo bà, những cái răng bự thừa ra quá độ - bà đã bị kéo gần hơn nữa về phía cái chết kể từ ngày Chủ nhật đó ba năm trước khi bà đã làm tất cả những hành động tử tế có thể để khiến Steena thấy thoải mái. Vào tầm giữa buổi chiều ấy, với Coleman có vẻ như bà đang bước tới ngay rìa vực của sự thay đổi lớn: thời điểm bà biến đổi, như người già vẫn vậy, thành một thực thể nhỏ xíu méo mó. Bà nói càng lâu, anh càng tin rằng mình đang thấy điều đó xảy ra. Anh cố không nghĩ tới căn bệnh sẽ giết chết bà, về đám tang họ dành cho bà, về những lời ai điếu sẽ được đọc lên và những bài kinh cầu được dâng lên Thượng đế bên phần mộ của bà. Đồng thời anh cũng cố không nghĩ đến chuyện bà tiếp tục sống, đến việc anh bỏ đi và bà ở lại đây và sống tiếp, năm tháng qua đi và bà cứ nghĩ về anh và con cái của anh với vợ, rồi thêm nhiều năm nữa qua đi và mối liên hệ giữa hai mẹ con chỉ càng trở nên bền chặt hơn với bà bởi chính hành động phủ nhận mối liên hệ này.

Việc mẹ anh sống hay là chết đều không được phép có bất kỳ tác động nào lên những gì anh đang làm, hay ngay cả những vật lộn mà gia đình bà đã trải qua ở Lawnside, nơi bà được sinh ra trong một căn chòi đồ nát và sống với cha mẹ bà cùng bốn anh em cho tới khi cha bà mất khi bà bảy tuổi. Họ hàng của cha bà đã ở Lawnside, New Jersey,

từ 1855. Họ là những nô lệ bỏ trốn, được tín đồ Quaker đưa lên phía Bắc theo đường dây Xe lửa ngầm* từ Maryland vào Tây Nam Jersey. Dân da đen ban đầu gọi nơi này là Free Haven. Hồi đó không có dân da trắng sống ở đó, và đến giờ cũng chỉ có một nhóm nhỏ thôi, và đều là ở tận ngoài rìa của một thị trấn vài ngàn dân nơi hầu như tất cả mọi người đều là con cháu của nô lệ bỏ trốn được tín đồ Quaker ở Haddonfield che chở - thị trưởng là hậu duệ của họ, rồi cả chỉ huy sở cứu hỏa, cảnh sát trưởng, nhân viên thuế vụ, các giáo viên ở trường tiểu học, bọn trẻ trong trường tiểu học cũng vậy. Nhưng sự độc nhất vô nhị của Lawnside trên danh nghĩa một thị trấn da đen cũng không được ảnh hưởng tới bất cứ điều gì cả. Hay ngay cả là sự độc nhất vô nhị của Gouldtown, đi tiếp về phía Nam Jersey, xuống tới tận Cape May. Đó là quê hương của họ hàng bên mẹ bà, và là nơi gia đình tới sinh sống sau khi cha bà mất. Cũng lại là một khu định cư khác của người da màu, nhiều người da rất trắng, trong đó có bà nội của bà, mà mỗi người ít nhiều đều có dây mơ rễ má với tất cả những người khác. “Hồi xưa, xưa lắm,” như mẹ thường giải thích cho Coleman khi anh còn là một cậu bé - đơn giản hóa và cô đọng lại hết sức có thể toàn bộ cái truyền thuyết bà từng được nghe - một nô lệ của một người lính trong Quân đội lục địa* bị chết trong Chiến tranh với Pháp và người da đỏ. Người nô lệ nọ chăm sóc bà vợ góa của người lính. Anh làm mọi việc, từ sáng đến tối không lúc nào ngơi tay làm những gì cần làm. Anh bừa củi và kéo gỗ, thu hoạch mùa màng, đào và xây một nhà kho bắp cải và chất bắp cải vào đó, trữ bí ngô, vùi táo, củ cải, và khoai tây dưới đất để dành cho mùa đông, chất lúa mạch và lúa mì vào kho lúa, xẻ thịt con heo, ướp muối thịt heo, làm thịt con bò và muối thịt bò, cho tới ngày nọ bà góa cưới anh và họ có ba con trai. Và những đứa con này lấy các cô gái Gouldtown là con cháu xa xôi của các gia đình tới đây khai khẩn từ hồi năm 1600, những gia đình mà đến thời chiến tranh giành độc lập đều đã kết hôn dị chủng và pha trộn ràng rịt. Người này người kia hoặc tất cả bọn họ, mẹ Coleman kể, đều là con cháu của anh chàng da đỏ tới từ khu định cư Lenape rộng lớn ở Indian

Fields, anh này cưới một cô Thụy Điển - ở địa phương này dân Thụy Điển và Phần Lan đã thay thế di dân định cư Hà Lan buổi đầu - và có năm con với cô ta; người này người kia hoặc tất cả bọn họ là con cháu của hai anh em trắng lai đen được mang từ quần đảo Tây Ấn đến đây trên một thương thuyền đi ngược sông từ Greenwich tới Bridgeton, nơi họ được giao theo hợp đồng cho các chủ đất đã trả lộ phí cho họ và cũng chính họ sau này trả lộ phí cho hai chị em Hà Lan từ Hà Lan qua đây để làm vợ họ; người này người kia hoặc tất cả bọn họ là hậu duệ của cháu gái gọi John Fenwick là ông nội, đó là con trai một tòng nam tước người Anh, một sĩ quan kỵ binh trong đội quân Thịnh vượng chung của Cromwell và là thành viên của Hội Huynh đệ, người đã chết ở New Jersey không lâu sau khi New Cesarea (tỉnh lỵ nằm giữa sông Hudson và sông Delaware vốn được em của vua Anh chuyển nhượng cho hai vị đặc trách thuộc địa người Anh) trở thành New Jersey. Fenwick chết năm 1683 và được chôn ở đâu đó trong lãnh địa riêng mà ông đã mua, thành lập, và cai trị, một lãnh địa trải dài về phía Bắc Bridgeton tới Salem và về phía Nam và Đông tới Delaware.

Cháu gái mười chín tuổi của Fenwick, Elizabeth Adams, cưới một người da màu tên Gould. Câu “Thằng đen đó là đứa làm con bé tiêu đời” là mô tả của ông nội bà về Gould trong bản di chúc mà qua đó ông tước đi của Elizabeth phần tài sản thừa kế cho đến khi “Chúa mở mắt cho nó để nhìn ra tội lỗi ghê tởm của nó đối với Người.” Theo chuyện kể lại, chỉ một trong năm người con trai của Gould và Elizabeth còn sống đến tuổi trưởng thành, và đó là Benjamin Gould, người kết hôn với một cô Ann người Phần Lan. Benjamin chết hồi 1777, một năm sau khi Tuyên ngôn Độc lập được ký ở Philadelphia, bên kia Delaware, để lại một con gái, Sarah, và bốn con trai, Anthony, Samuel, Abijah, và Elisha, là người được lấy tên để đặt cho Gouldtown.

Qua mẹ anh, Coleman biết được mê cung rối rắm của lịch sử gia tộc ngược tới thời của John Fenwick, nhà quý tộc, người đối với vùng Tây Nam New Jersey chẳng khác nào William Penn* đối với cái vùng ở Pennsylvania bao lấy Philadelphia ấy - và đôi khi, có vẻ như toàn bộ Gouldtown là hậu duệ của ông này - và rồi anh lại nghe chuyện đó lần nữa, tuy chẳng bao giờ mọi chi tiết của nó giống nhau, qua các bà dì và ông dượng, qua các bà cố dì và ông cố dượng, một số người trong bọn họ chắc phải gần cả trăm tuổi, khi, hồi còn bé, anh, Walt, và Ernestine theo cha mẹ về Gouldtown dự cuộc họp mặt hằng năm - gần hai trăm họ hàng từ Tây Nam Jersey, từ Philadelphia, từ Atlantic City, từ mãi tận Boston, cùng ăn cá ngừ chiên, gà hầm, gà chiên, kem tự làm, đào ngào đường, bánh nướng, và bánh ngọt - ăn những món ưa thích của dòng họ và chơi bóng chày và hát hò và hồi tưởng suốt cả ngày, kể lại câu chuyện về phụ nữ thời xưa quay tơ và đan áo, luộc thịt heo mỡ và nướng những ổ bánh mì khổng lồ để đàn ông mang ra đồng, may quần áo, kéo nước từ giếng lên, chế thuốc men chủ yếu lấy từ rừng, những thuốc sắc từ dược thảo để chữa bệnh sốt, những thứ xi rô từ mật đường và hành để trị chứng ho gà. Câu chuyện về những bà chủ gia đình nuôi bò sữa làm những thứ pho mát cực ngon, về những phụ nữ tới thành phố Philadelphia để làm quản gia, thợ may, và cô giáo, và về những phụ nữ nội trợ có lòng hiếu khách đặc biệt. Câu chuyện về những người đàn ông vào rừng, đánh bẫy và bắn thú mùa đông để lấy thịt, về những nông dân cày ruộng, đốn gỗ khối và cửa gỗ thanh để làm hàng rào, mua, bán, giết gia súc lớn, và những người giàu có, các nhà buôn, bán hàng tấn cỏ muối dùng để đóng kiện cho các lò gốm ở Trenton, thứ cỏ khô cắt từ đầm lầy nước mặn do họ sở hữu dọc khu vịnh và bờ sông. Câu chuyện về những người đàn ông rời bỏ rừng, nông trại, đầm lầy, và bãi lầy mọc đầy tuyết tùng để nhập ngũ - một số làm lính da trắng, một số làm lính da đen - trong cuộc Nội chiến. Câu chuyện về những người đàn ông ra biển để trở thành thủy thủ tàu hàng du kích, và những người đàn ông tới Philadelphia để làm cho nhà đờn đám ma, làm thợ in, thợ hớt tóc, thợ điện, thợ làm xì gà,

và mục sư trong Giáo hội thánh công giám lý Phi châu - một người còn sang Cuba để cưỡi ngựa với Tổng thống Teddy Roosevelt và đám lính kỵ binh tình nguyện Rough Rider của ông ta, và vài người gặp vấn đề pháp lý, bỏ trốn, và không bao giờ trở lại. Câu chuyện về những đứa trẻ giống như anh em Coleman, thường ăn mặc tồi tàn, đôi khi không có giày hoặc áo khoác, mùa đông ngủ trong những căn phòng lạnh giá của những ngôi nhà đơn sơ, trong cái nóng của mùa hè chúng hắt, chất, kéo cỏ khô với đám đàn ông, nhưng được cha mẹ dạy dỗ phép lịch sự, và được giáo hữu phái Trưởng lão dạy giáo lý trong trường - nơi chúng cũng học đánh vần và đọc - và luôn luôn ăn mọi thứ chúng muốn, kể cả là trong những ngày đó, từ thịt heo đến khoai tây và bánh mì và mật đường và thịt rừng, và lớn lên mạnh mẽ và khỏe khoắn và lương thiện.

Nhưng người ta đâu có quyết định không trở thành tay đấm bốc vì lịch sử những nô lệ bỏ trốn ở Lawnside, sự dòi dào gi gi gi cái gi cũng có ở những buổi sum họp gia đình ở Gouldtown, và sự phức tạp trong phả hệ Mỹ của gia tộc - hoặc không trở thành một giáo sư văn chương Hy La vì lịch sử những nô lệ bỏ trốn ở Lawnside, sự dòi dào gi gi gi cái gi cũng có ở những buổi sum họp gia đình ở Gouldtown, và sự phức tạp trong phả hệ Mỹ của gia tộc - mà là người ta quyết định không trở thành bất cứ một con người nào khác vì chính những lý do đó. Nhiều thứ đã biến mất khỏi đời sống một gia đình. Lawnside là một, Gouldtown là hai, phả hệ là điều thứ ba, và Coleman Silk là điều thứ tư.

Suốt năm mươi năm qua hoặc hơn, anh cũng không phải đứa trẻ đầu tiên được nghe về việc thu hoạch cỏ muối cho các lò gốm Trenton hoặc ăn cá ngừ chiên và đào ngào đường trong những lần sum họp ở Gouldtown để rồi khi lớn lên thì biến mất như thế này - biến mất, như họ thường nói trong gia đình, “cho đến khi mọi dấu vết của hấn mất

sạch”. “Mất sạch dấu vết trong mắt mọi người trong nhà” là một cách diễn đạt khác của họ.

Sùng bái tổ tiên - đó là kiểu diễn đạt của Coleman. Vinh danh quá khứ là một chuyện - việc tôn thờ ngẫu tượng mà cụ thể ở đây là sự sùng bái tổ tiên lại là một chuyện khác. Quỷ tha ma bắt thứ tù hãm đó đi.

Đêm đó sau khi từ East Orange trở lại Village, Coleman nhận một cú điện từ ông anh ở Asbury Park, cú điện thoại thúc đẩy mọi chuyện đi nhanh hơn anh dự định. “Mày đừng bao giờ đến gần mẹ nữa,” Walt cảnh báo anh, và trong giọng anh ấy như có cái gì đó phải chật vật lắm mới có thể kèm nén được - nó đáng sợ hơn chính bởi vì nó *bị* kèm nén - mà kể từ khi cha qua đời anh không nghe thấy lại. Trong gia đình đó còn có một thế lực khác mà giờ đây nó đẩy anh sang *hắn* phía bên kia. Hành vi này đã được thực hiện vào năm 1953 bởi một cậu trai táo tợn ở Greenwich Village, bởi một con người cụ thể tại một nơi cụ thể vào một lúc cụ thể, nhưng giờ đây anh sẽ phải ở lại phía bên kia vĩnh viễn. Tuy vậy, như anh nhận ra, đó mới chính là cái đáng nói: tự do bao giờ cũng nguy hiểm. Tự do rất nguy hiểm. Và chẳng có gì cứ theo ý muốn của ta mãi được. “Thậm chí mày cũng đừng có *tìm cách* thăm bà ấy. Không liên lạc. Không gọi điện. Không gì cả. Không bao giờ. Nghe tao nói không?” Walt nói. “*Không bao giờ*. Mày đừng có mà chường cái mặt trắng phớ của mày tới cái nhà này nữa!”

3

BA LÀM GÌ VỚI MỘT ĐỨA NHỎ KHÔNG BIẾT ĐỌC?

Nếu Clinton sục vào đít con nhỏ đó, nó chắc đã câm miệng lại rồi. Bill Clinton không phải cái kiểu như thiên hạ vẫn nói đâu. Nếu thằng chả lật ngửa con nhỏ đó ra trong phòng Bầu Dục và sục vào đít nó thì đã chẳng có chuyện thế này xảy ra.”

“Ừ, ông ta chẳng bao giờ áp chế con nhỏ đó. Ông ta chơi kiểu an toàn quá.”

“Mấy anh thấy đó, một khi vào được Nhà Trắng, ông ta không áp chế ai được nữa. Không thể. Ông ta cũng không áp chế được Willey* luôn. Bởi thế nên con nhỏ mới bực tức. Một khi lên làm tổng thống, ông ta mất khả năng áp chế phụ nữ thời còn ở Arkansas. Chừng nào ông ta còn làm chưởng lý và thống đốc một tiểu bang nhỏ vớ vẩn thì đời ông ta còn đẹp.”

“Đúng rồi. Vụ Jennifer Flowers đó.”

“Chuyện xảy ra ở Arkansas hả? Nếu anh té khi còn ở Arkansas, anh sẽ không quá đau đâu. Trèo cao thì ngã mới đau mà.”

“Đúng. Và người ta sẽ nghĩ anh là thằng mê đít. Có một truyền thống như vậy luôn.”

“Nhưng khi anh tới được Nhà Trắng, anh không thể áp chế ai nữa. Và khi anh không thể áp chế, thì cô Willey sẽ quay ra chống lại anh,

và cô Monica cũng chống lại anh. Lẽ ra anh đã giành được lòng trung thành của cô ta bằng cách sục vào đít cô ta. Thế thì mới đạt được giao ước. Nó sẽ gắn chặt hai người với nhau. Nhưng chả có giao ước gì cả.”

“Chậc, cô ta hoảng sợ. Cô ta suýt chút nữa đã không khai gì hết, mấy anh thấy đó. Cha Starr đã áp đảo cô ta. Mười một thằng ở trong phòng với cô ta ở khách sạn đó? Để tán tỉnh cô ta chắc? Đó là một vụ phang tập thể. Đó là một cuộc hiệp dâm tập thể mà Starr* đã trình diễn ở khách sạn đó.”

“Ừ. Chuẩn luôn. Nhưng cô ta lại kể với Linda Tripp*.”

“Ừ, đúng rồi.”

“Cô ta kể với mọi người chứ chả phải mỗi Linda Tripp. Cô ta cũng thuộc về nền văn hóa ngu dốt đó mà. Miệng lúc nào cũng toang toác toang toác. Cái thế hệ tự hào về sự nông cạn của mình. Cứ diễn một cách thành khẩn là quan trọng nhất. Thành khẩn và rỗng tuếch, hoàn toàn rỗng tuếch. Kiểu thành khẩn mù quáng. Kiểu thành khẩn còn tệ hơn sự giả dối, và sự ngây thơ đó còn tệ hơn sự thối nát. Tất tật những sự tham lam của chúng đều ẩn dưới vẻ thành khẩn. Ẩn dưới những biệt ngữ mà chúng thường nói. Thứ ngôn ngữ kỳ diệu mà đứa nào cũng dùng - chúng có vẻ *tin* vào cái ngôn ngữ ấy thật - để nói về chuyện chúng chẳng có ‘tự tôn tự tiếc’ gì hết, trong khi điều chúng thực sự tin lại là chúng được quyền hưởng mọi thứ. Thói trơ tráo của chúng thì chúng gọi là sự thân tình, còn thói nhẫn tâm được ngụy trang thành ‘lòng tự tôn’ không còn tồn tại. Hitler cũng thiếu lòng tự tôn vậy. Đó chính là vấn đề của hắn. Mấy nhóc này đang chơi một trò lập lờ đánh lộn. Bi kịch hóa quá mức những cảm xúc vớ vẩn nhất. Mỗi quan hệ. Mỗi quan hệ của tôi. Hãy làm rõ mỗi quan hệ của tôi. Chúng cứ mở miệng ra là tôi muốn phát khùng. Toàn bộ ngôn ngữ của chúng là cộng dồn sự ngu dốt của bốn mươi năm qua. Đơn cử như là cái kết

chẳng hạn. Sinh viên của tôi không thể nghĩ lâu được hay sao ấy. Cái kết! Chúng cứ bám chặt lấy cái lối tự sự đã thành quy ước, với mở đầu, thân bài, và kết luận - mọi trải nghiệm, bất kể mơ hồ thế nào, bất kể rối rắm hay bí hiểm thế nào, đều bị nhét vào cái khung khuôn sáo kiểu phát thanh viên làm tầm thường hóa, quy ước hóa mọi thứ đó. Bất cứ đứa nào nói ‘cái kết’ tôi đánh rớt liền. Chúng đã muốn kết thì tôi cho chúng kết luôn.”

“Chậc, bất kể con nhỏ đó như thế nào - một đứa hoàn toàn ái kỷ, một con nhãi thâm hiểm, đứa con gái Do Thái phô trương nhất trong lịch sử Beverly Hills, hoàn toàn bị các đặc quyền làm cho mục ruỗng - ông ta đều biết trước. Ông ta có thể nhìn thấu nó. Nếu ông ta không nhìn thấu được Monica Lewinsky, làm sao ông ta nhìn thấu được Saddam Hussein? Nếu ông ta không nhìn thấu và cáo già hơn Monica Lewinsky, thì cha đó *đừng nên* làm tổng thống. Có cơ sở *xác thực* cho việc luận tội tổng thống. Không, ông ta thấy hết. Ông ta thấy không sót thứ gì. Tôi không nghĩ câu chuyện vờ vịt của cô ta có thể che mắt ông ta được lâu. Chuyện cô ta hoàn toàn thối nát và hoàn toàn ngây thơ, dĩ nhiên ông ta thấy hết. Sự ngây thơ tuyệt đối *chính* là sự thối nát - đó là sự thối nát và điên khùng và xảo quyệt của cô ta. Kết hợp chúng lại, đó chính là sức mạnh của cô ta. Việc cô ta nông cạn, đó chính là bùa mê của cô ta vào những ngày cuối cùng ông ta còn làm tổng tư lệnh*. Điểm hấp dẫn của nó nằm ở mức độ sâu sắc của sự nông cạn. Ấy là chưa nói tới độ nông cạn của sự sâu sắc đó. Những câu chuyện về tuổi thơ của cô ta. Những lời khoe khoang về tính ngang bướng đáng yêu của cô ta: ‘Coi đó, mới lên ba tôi đã có cá tính riêng.’ Tôi chắc chắn là ông ta hiểu rằng việc ông ta làm những chuyện không tuân theo ảo tưởng của cô ta sẽ là một đòn trí mạng nữa vào lòng tự tôn của cô ta. Nhưng ông ta không nhận ra được là mình phải sục vào đít cô ta. Tại sao? Để cô ta ngậm miệng lại. Tổng thống mình cư xử lạ thiệt. Đó là thứ đầu tiên cô ta phơi ra trước mặt ông ta. Cô ta gí nó vào mặt ông ta. Cô ta biểu nó cho ông ta. Vậy mà ông ta

chẳng làm gì cả. Tôi không hiểu thằng cha này. Nếu ông ta sục vào đít cô ta, tôi ngờ là cô ta chắc đã chẳng kể với Linda Tripp đâu. Bởi vì cô ta hẳn là không muốn kể về vụ đó đâu.”

“Cô ta muốn kể vụ xì gà*.”

“Chuyện đó lại khác. Trò trẻ con ấy mà. Không, ông ta đã không đều đặn cho cô ta cái thứ mà cô ta không muốn nói tới. Thứ ông ta muốn còn cô ta thì không. Đó là sai lầm.”

“Lỗ đít là nơi anh tìm được lòng trung thành, nhi.”

“Tôi không biết liệu điều đó có làm cô ta ngậm miệng không. Tôi không biết rằng làm cô ta ngậm miệng có phải là chuyện trong khả năng của con người. Đây không phải vụ cổ Họng Sâu. Đây là vụ Miệng Toang Toác.”

“Tuy vậy, ta vẫn phải thừa nhận rằng con nhỏ này lột trần nước Mỹ nhiều hơn bất kỳ ai kể từ thời Dos Passos*. *Á ta* đã thọc nhiệt kể vào sâu trong đít cái *đất nước này*. *Nước Mỹ* của Monica.”

“Vấn đề là cô ta chỉ moi được từ Clinton cái cô ta moi được từ tất cả những thằng khác. Cô ta muốn một thứ gì khác ở ông ta. Ông ta là tổng thống, còn cô ta là tay khủng bố ái tình. Cô ta muốn ông ta phải khác biệt so với tay thầy giáo mà cô ta từng quan hệ.”

“Phải, sự tử tế đã giết chết ông ta. Hay thiệt. Không phải tính tàn bạo mà là sự tử tế. Họ chơi theo luật của cô ta chứ không phải luật của ông ta. Cô ta kiểm soát ông ta bởi vì ông ta muốn thế. Ông ta phải có được cái đó. Sai toét cả. Anh biết nếu là Kennedy thì ông ta sẽ nói gì khi cô ta xuất hiện để xin một công việc không? Anh biết nếu là Nixon thì ông ta đã nói gì với cô ta không? Cả Harry Truman, hay thậm chí Eisenhower hẳn cũng sẽ nói thế với cô ta. Là vị tướng trùm sò của Thế chiến thứ hai, ông ta biết làm thế nào để không tử tế. Họ hẳn sẽ nói

với cô ta rằng không những họ không cho cô ta công việc, mà không một ai khác có thể cho cô ta công việc chừng nào cô ta còn sống. Rằng cô ta sẽ không thể kiếm được ngay cả việc lái taxi ở Horse Springs, New Mexico, nữa kìa. *Không gì hết*. Rằng công việc của cha cô ta sẽ bị hủy hoại, và *ông ta* sẽ thất nghiệp. Rằng mẹ cô ta sẽ chẳng bao giờ tìm được việc, rằng anh cô ta sẽ chẳng bao giờ tìm được việc, rằng không ai trong gia đình cô ta có thể kiếm được một xu nào nữa, nếu cô ta cả gan đến mức dám mở miệng kể ra về mười một lần bú cu đó. Mười một lần. Thậm chí chưa tròn một tá. Tôi không nghĩ dưới một tá trong hai năm là đủ để mang lại giải Heisman* trong bộ môn trượt tuyết, nhỉ?”

“Thối thận trọng, thối thận trọng đã giết ông ta. Hiển nhiên rồi. Ông ta chơi trò này cứ như một luật sư vậy.”

“Ông ta không muốn cho cô ta bằng chứng nào hết. Bởi thế nên ông ta mới không xuất.”

“Vụ đó thì ông ta đúng. Ông ta xuất xong cái là đi tong luôn. Cô ta đã có hàng. Thu được bằng chứng. Thế là xử tử luôn. Nếu ông ta phang vào đít ả ấy, chắc đất nước đã tránh được cái cú sốc kinh khủng này.”

Họ cười. Bọn họ có ba người.

“Ông ta chẳng bao giờ phê hết mình đâu. Luôn dành một mắt để trông chừng cửa. Ông ta có cả một bộ sậu ở đó. Cô ta thì chỉ muốn tăng tiền cược.”

“Đây không phải chuyện đám Mafia làm sao? Anh cho ai đó thứ gì mà họ không thể nói về nó. Thế là anh nắm được họ.”

“Anh biến họ thành đồng phạm, và cả hai cùng nhau thối nát. Hẳn rồi.”

“Thế nên vấn đề của ông ta là ông ta *chưa đủ* thối nát.”

“Ồ, phải. Dứt khoát là thế. Và quá ngô nghê.”

“Hoàn toàn trái ngược với cáo buộc cho rằng ông ta vô đạo đức. Ông ta chưa đủ vô đạo đức.”

“Dĩ nhiên. Nếu anh đã làm cái chuyện đó thì còn đặt ra giới hạn nữa làm gì? Thế không quá giả tạo sao?”

“Một khi anh vạch giới hạn, anh lộ rõ rằng anh đang sợ hãi. Và một khi anh sợ hãi, anh tiêu luôn. Cái kết giáng xuống anh từ ngay cái điện thoại của Monica chứ chẳng đâu xa.”

“Ông ta không muốn mất kiểm soát, mấy anh thấy đó. Nhớ ông ta nói gì không, tôi không muốn bị say mê em, tôi không muốn bị nghiện em? Tôi nghĩ nó hàm chứa cả sự thật.”

“Nghe như một câu thoại kịch vậy.”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ có lẽ cái kiểu cô ta nhớ câu đó làm nó nghe như thoại, nhưng tôi nghĩ động cơ chính - không, ông ta không muốn ràng buộc tình dục. Cô ta ngon đấy nhưng vẫn còn đầy người thay thế được.”

“Chả có ai là không thể thay thế được.”

“Nhưng mấy anh đâu biết trải nghiệm của ông ta ra sao. Ông ta không dấy vào gái điếm hoặc kiểu kiểu thế.”

“Kennedy thì thích điếm.”

“Ồ phải. Loại thứ thiệt. Còn cha Clinton này, đúng kiểu học trò.”

“Tôi không nghĩ mấy trò ông ta làm hồi còn ở Arkansas là kiểu học trò.”

“Không, mấy thứ đó ở Arkansas thì lại là vừa độ. Ở đây nó thì trật đường tàu hoàn toàn. Và chuyện đó chắc khiến ông ta phát điên. Là tổng thống Mỹ, ông ta có khả năng tiếp cận được mọi thứ, nhưng ông ta không thể sờ vào nó. Đúng là địa ngục. Nhất là với bà vợ luôn tỏ ra chính chuyên đó.”

“Bà ta chính chuyên, anh nghĩ vậy hả?”

“Ồ, chắc chắn rồi.”

“Còn chuyện của bà ta với Vince Foster?”

“Chậc, bà ta sẽ yêu ai đó đấy, nhưng bà ta sẽ không bao giờ làm chuyện gì điên khùng bởi vì ông ta đã *có gia đình*. Bà ta có thể khiến cho ngay cả việc ngoại tình cũng chán phèo. Bà ta đúng là kiểu người không-thể-phạm-lỗi.”

“Anh nghĩ bà ta đụ Foster à?”

“Phải. Chuẩn luôn.”

“Giờ thì cả thế giới đều mê người phụ nữ chính chuyên. Đó chính là cái kiểu mà thiên hạ si mê.”

“Cái tài của Clinton là đã cho Vince Foster một công việc ở Washington. Đặt ông ta ở ngay tại đó. Để ông ta giúp việc cho chính phủ. Thiên tài. Clinton hành xử như một bố già Mafia và nắm được thóp bà ta.”

“Ừ. Phải đó. Nhưng ông ta lại không làm thế với Monica. Mấy anh thấy đó, ông ta chỉ nói với Vernon Jordan về vụ Monica. Ông này có lẽ là người tốt nhất mà Clinton có thể bàn bạc. Nhưng họ không thể dự trù được chuyện đó. Vì họ nghĩ cô ta chỉ bép xép với mấy đứa bạn ngu ngốc ở California. Được. Thích thì cứ kể. Nhưng hóa ra lại là Linda Tripp, tay Iago* này, tay Iago ẩn mặt mà Starr cho làm việc trong Nhà Trắng...”

Đến đây, Coleman đứng dậy khỏi chỗ ông đang ngồi và đi về phía khuôn viên trường đại học. Đó là toàn bộ bài đồng ca mà Coleman nghe được trong khi ngồi trên băng ghế ở bãi cỏ, ngấm nghĩ xem tiếp theo mình nên làm gì. Ông không nhận ra những giọng nói ấy, và vì họ ngồi quay lưng lại phía ông và băng ghế của họ nằm ở phía bên kia gốc cây, nên ông không thấy được mặt họ. Ông đoán chừng họ là ba chàng trai trẻ, mới đến trường sau khi ông nghỉ dạy, ngồi trên bãi cỏ trung tâm uống nước đóng chai hay cà phê đã khử cafein trong bình giữ nhiệt, có lẽ vừa trở về sau một buổi tập trên sân quần vợt của thị trấn, và xả hơi với nhau, bàn tán về những tin tức mới có trong ngày liên quan đến Clinton trước khi về nhà với vợ con. Với ông, họ có vẻ

rành rọt và tự tin về tình dục theo những kiểu mà ông không bắt gặp ở những trợ giảng trẻ, nhất là ở Athena. Kiểu nói chuyện đó hơi thô, hơi sống sượng so với các cuộc nói chuyện cà giỡn của giới học thuật. Thật tiếc là đám trẻ tuổi táo tợn này lại không xuất hiện vào thời của ông. Họ có thể là lực lượng nòng cốt chống lại... Không, không. Ở trong trường, nơi không phải ai ta cũng có thể thân thiết, cái loại năng lượng này có xu hướng tiêu tan ngay khi kết thúc những chuyện đùa nhả nơi nó không cần hoàn toàn tự kiểm chế - họ chắc cũng chả hề sẵn sàng hơn số còn lại trong hội đồng giảng viên khi ông cần tập hợp một lực lượng chống lưng. Dù sao, ông không biết họ và cũng không muốn biết. Ông chẳng còn quen biết ai nữa. Suốt hai năm qua, trong toàn bộ thời gian ông lo viết *Lũ ma*, ông đã cách ly mình hoàn toàn khỏi những bạn bè, đồng nghiệp và cộng sự ông đã quen biết cả đời, và thế nên đến tận hôm nay, ngay trước buổi trưa, sau cái cuộc gặp với Nelson Primus, đã kết thúc không chỉ là tồi tệ mà là tồi tệ đến ngỡ ngàng, khi mà Coleman *tự thấy* kinh ngạc vì những lời lẽ phi báng của mình - ông mới phải làm cái việc là rời khỏi phố Town, như ông đang làm đây, đi về phía South Ward và rồi, ở đài tưởng niệm Nội chiến, leo dốc lên khu đại học. Rất có thể là ông sẽ không phải chạm mặt ai đó quen biết, có lẽ ngoại trừ những người đang dạy cho các học viên về hưu vẫn tới đây vào tháng Bảy để dành ra vài tuần cho chương trình Elderhostel* của trường, một chương trình bao gồm những chuyến thăm thú đến các buổi hòa nhạc ở Tangle wood, phòng trưng bày Stockbridge, và Viện bảo tàng Norman Rockwell.

Chính những học viên mùa hè ấy là những người ông thấy trước tiên khi lên tới đỉnh đồi và từ sau tòa nhà thiên văn cũ bước ra vuông sân chính lốm đốm nắng, vào lúc đó họ trông ra cái vẻ sinh viên sáo rỗng hơn cả hình ảnh trên bìa tập sách quảng cáo giới thiệu Athena. Họ đang đi về phía quán ăn tự phục vụ để ăn trưa, đi thần thơ từng cặp theo những con đường đan cắt nhau có trồng cây hai bên trong khoảng

sân. Một cuộc diễn hành của các cặp: hai vợ chồng đi chung với nhau, hai ông chồng, hai bà vợ, hai bà góa chồng, hai ông góa vợ, bà góa chồng với ông góa vợ - hoặc là Coleman nghĩ thế - những người đã kết đôi sau khi gặp nhau trong giờ học của chương trình Elderhostel. Tất cả đều mặc đồ mỏng mùa hè gọn gàng, rất nhiều áo sơ mi và áo cánh màu sáng, quần kaki trắng hoặc màu nhạt, rồi quần kẻ ca rô của hãng Brooks Brothers. Hầu hết đàn ông đội nón lưỡi trai, nón kết đủ màu, nhiều cái có thêu logo của các đội thể thao chuyên nghiệp. Không xe lăn, không khung tập đi, không nạng, không gậy chống nào lọt vào tầm mắt ông. Họ là những người già nhanh nhẹn tầm tuổi ông, có vẻ sung sức chẳng kém gì ông, một số hơi trẻ hơn, một số rõ ràng già hơn nhưng tất cả đều đang vui hưởng điều mà cảnh tự do lúc về hưu đem lại cho những người đủ may mắn để hít thở ít nhiều dễ dàng, để đi đây đó ít nhiều không đau đớn, và suy nghĩ ít nhiều mạch lạc. Lẽ ra ông phải được ở đây. Được kết đôi một cách thực sự. Và thích hợp.

Thích hợp. Từ khóa đang thịnh hành để ám chỉ việc kèm chế hầu hết mọi sai lệch khỏi những hướng dẫn sống lành mạnh và nhờ đó khiến mọi người cùng cảm thấy “thoải mái”. Không làm cái điều ông đang bị chỉ trích vì làm nó, mà thay vào đó, ông nghĩ, lại làm điều được coi là thích hợp bởi mấy triết gia đạo đức nào đó chỉ có Chúa mới biết được. Barbara Walters? Anh em Joyce? William Bennett? Tạp chí truyền hình *Dateline NBC*? Nếu còn làm giáo sư ở đây, ông có thể dạy “Cách ứng xử thích hợp trong kịch Hy Lạp cổ điển,” một giáo trình có thể kết thúc trước cả khi nó bắt đầu.

Họ đang đi ăn trưa, băng qua North Hall trên đường đi, đó là tòa nhà gạch kiểu thuộc địa thường xuyên leo khắp bốn Bức tường và phủ màu thời gian theo một cách tuyệt đẹp, nơi mà trong hơn một thập kỷ, Coleman Silk, chủ tịch hội đồng giảng viên, đã làm việc trong văn phòng đối diện với cụm phòng của hiệu trưởng. Tòa kiến trúc nổi bật của trường này, tháp đồng hồ sáu mặt của North Hall, trên cùng là một chóp nhọn và trên chóp nhọn là lá cờ - và, từ dưới thị trấn Athena,

người ta có thể dễ dàng nhìn nó bằng cặp mắt của những người vẫn thường lui tới giáo đường trong thị trấn này khi ngược mắt nhìn lên những ngôi giáo đường châu Âu sừng sững hiện ra trên đường xe chạy - đang điếm chính ngọ khi ông ngồi trên băng ghế dưới bóng cây sồi cổ thụ xù xì nổi tiếng nhất trong sân, ngồi và cố gắng suy nghĩ về những gì sự đúng mực ép buộc người ta phải làm. Tính *chuyên chế* của sự đúng mực. Vào lưng chừng năm 1998, ngay cả ông cũng cảm thấy khó mà tin vào sức mạnh lâu bền của sự đúng mực kiểu Mỹ, trong khi ông lại tự coi mình là kẻ bị nó áp chế: sợ cương mà nó ràng vào cái thứ ngôn ngữ chung mà cả xã hội dùng, nguồn cảm hứng nó đem lại cho cái điệu bộ người ta khoác lên mình, sự hiện diện ngoan cố, đâu đâu cũng có mặt của cái trò hô hào đức hạnh chỉ tổ làm bào mòn con người, cái trò mà H.L. Mencken đã gọi tên một cách chính xác là báỉ vú giáo*, mà Philip Wylie xem là hành động của đứa con nít lệ thuộc vào mẹ, mà những người Âu không biết từ hồi nào vẫn gọi là nền Thanh giáo Mỹ, mà những kẻ như cha Ronald Reagan nọ gọi là những giá trị cốt lõi của Mỹ, và nó duy trì quyền phán xét rộng khắp bằng cách ngụy trang mình thành một thứ khác - thành *mọi thứ* khác. Như một thể lực, sự đúng mực rất uyển chuyển, một nữ chúa thống trị dưới cả ngàn lớp ngụy trang, nó xâm nhập, nếu cần, trong lớp vỏ trách nhiệm dân sự, phẩm cách của dân Anglo-Saxon Tin lành da trắng, quyền phụ nữ, niềm tự hào mang dòng máu da đen, lòng trung thành sắc tộc, hoặc sự nhạy cảm đạo đức mang nặng cảm xúc của người Do Thái. Mọi chuyện không phải là cứ như thế Marx hay Freud hay Darwin hay Stalin hay Hitler hay Mao Trạch Đông chưa hề xuất hiện - mà nó cứ như thế Sinclair Lewis chưa hề xuất hiện. Nó, ông nghĩ, cứ như thế *Babbitt** chưa hề được viết ra. Cứ như thế ngay cả trí óc sáng tạo ở mức độ cơ bản nhất như thế cũng chưa từng được tiếp nhận vào ý thức để gây nên xáo động nhỏ nhất. Một thể kỷ hủy hoại với sự cực đoan chưa từng thấy trong lịch sử, đã giáng xuống và làm tàn lụi loài người - hàng chục triệu con người bình thường bị tước đoạt hết lần này tới lần khác, bị buộc phải chịu đựng hết tàn bạo này đến tàn bạo

khác, hết cái xấu này đến cái xấu khác, một nửa thế giới hoặc hơn thế đã phải chịu đựng chứng bạo dân bệnh lý được biết đến với cái tên chính sách xã hội, rất nhiều xã hội được tổ chức và trói buộc bởi nỗi sợ hãi sự ngược đãi bằng bạo lực, sự suy thoái của đời sống cá nhân diễn ra trên một quy mô chưa từng có trong lịch sử, những quốc gia bị tan rã và nô dịch bởi đám tội phạm ý thức hệ, cái đám tước đi của họ mọi thứ, những cộng đồng dân cư mà toàn bộ không trừ một ai đều bị suy đồi đến độ không thể ra khỏi giường buổi sáng với dù chỉ là chút ít hăm hở muốn khởi đầu một ngày mới... tất tạt những chuẩn mực tồi tệ ấy mà thế kỷ này mang lại, trong khi đó thì ở đây họ đang sôi sục lên vì Faunia Farley. Ở đây tại Mỹ, nếu không phải Faunia Farley thì là Monica Lewinsky! Niềm thống khoái của những cuộc đời này đã bị xáo động vì cách ứng xử không phù hợp của Clinton và Silk! Đây, vào năm 1998, là sự đồi bại mà họ phải chịu đựng. Đây, vào năm 1998, là nỗi thống khổ, nỗi đau đớn, là cái chết tinh thần của họ. Thứ giày vò họ nhất là việc Faunia bú cu tôi và tôi đụ Faunia. Tôi suy đồi không chỉ đơn thuần là vì có lần đã thốt ra cụm từ “lũ ma” với một lớp gồm toàn sinh viên da trắng - và đã nói điều đó, xin nhớ cho, không phải trong lúc đang đứng đó nhận định về di sản của chế độ nô lệ, về những tố cáo đầy tức giận của đảng Báo Đen*, những lần hóa thân của Malcolm X*, khả năng hùng biện của James Baldwin*, hoặc sự phổ biến của chương trình radio *Amos 'n' Andy*, mà là trong lúc điếm danh như thường lệ. Tôi suy đồi không chỉ đơn thuần là vì...

Tất cả suy nghĩ trên đến chỉ sau một khoảng thời gian chưa đầy năm phút ngồi trên một băng ghế và nhìn ngắm tòa nhà xinh đẹp nơi ông từng làm chủ tịch hội đồng giảng viên.

Nhưng sai lầm thì cũng đã phạm rồi. Ông đã trở lại. Ông đang ở đó. Ông trở lại ngọn đồi nơi họ đã xua ông đi, và trở lại trong ông là sự khinh bỉ của ông đối với những người bạn đã không tập hợp quanh ông và những đồng nghiệp không buồn hậu thuẫn ông và những kẻ thù

đã bác bỏ toàn bộ ý nghĩa nơi sự nghiệp chuyên môn của ông một cách dễ dàng đến thế. Nỗi thôi thúc muốn phơi bày thói tàn bạo đồng bóng của sự ngu dốt phải đạo ở họ khiến ông nổi giận tràn hông. Ông trở lại trên ngọn đồi này, bị lôi đi bởi cơn giận dữ và ông có thể cảm thấy sự dữ dội của nó đang đẩy lùi mọi lý trí và đòi hỏi ông phải hành động ngay lập tức.

Delphine Roux.

Ông đứng dậy và hướng tới văn phòng của cô ta. Đến một tuổi nhất định, ông nghĩ, đừng làm việc mình sắp làm thì tốt cho sức khỏe hơn. Đến một tuổi nhất định, thế giới quan của một người đàn ông tốt nhất là nên được điểm thêm bằng sự tiết chế, nếu không muốn nói là cam chịu, nếu không muốn nói là đầu hàng vô điều kiện. Đến một tuổi nhất định, người ta phải sống mà không hoặc là lái nhái quá nhiều về những bất mãn trong quá khứ, hoặc là mời gọi những chống đối trong hiện tại bằng cách thách thức những quan niệm được xem là hiển nhiên. Tuy nhiên từ bỏ không đóng vai trò nào ngoài vai trò được xã hội ấn định, trong trường hợp này là vai một người về hưu đáng kính - ở tuổi bảy mươi mốt, đó chắc chắn là thứ thích hợp, là việc mà, trong mắt Coleman Silk, vì hồi xưa ông đã chứng tỏ, với sự nhẫn tâm cần thiết, với chính mẹ mình, là thứ mà ông không thể chấp nhận.

Ông không phải loại người vô chính phủ cay nghiệt như Gittelman, ông bố điên rồ của Iris. Ông không phải loại người xúi giục hay kích động người khác. Ông không phải thằng điên. Ông cũng không phải là tay cấp tiến hay cách mạng, kể cả là khi nhìn nhận bằng đôi mắt trí thức hay triết học, trừ phi ta xem cách mạng là khi tin rằng bác bỏ những giới hạn ngặt nghèo nhất mà xã hội lễ thói đặt ra, và độc lập khẳng định một lựa chọn tự do của cá nhân, và lựa chọn đó hoàn toàn nằm trong vòng luật pháp, là điều gì đó không phải quyền cơ bản của con người - trừ phi ta xem cách mạng là, khi vào thời điểm trưởng thành, anh từ chối tự động chấp nhận thỏa ước được soạn sẵn cho anh ký kết ngay từ lúc anh ra đời.

Lúc này ông đã đi qua phía sau tòa North Hall và đang hướng tới vạt cỏ hai sắc xanh dẫn tới khu Barton và văn phòng của Delphine Roux. Ông không rõ mình sẽ nói gì nếu như ông gặp được cô ta tại bàn làm việc vào một ngày giữa hè rực rỡ như hôm nay, khi mà học kỳ mùa thu phải đến sáu hay bảy tuần nữa mới bắt đầu - và ông cũng không có cơ hội biết được, bởi vì, trước khi ông tới gần lối đi rộng lát gạch chạy quanh khu Barton, ông nhìn thấy khuất ở phía sau tòa nhà North Hall, tụ tập trên một vạt cỏ râm mát gần lối cầu thang xuống tầng hầm, một nhóm năm lao công của trường, trong bộ quần áo lao công màu nâu như của hãng UPS, đang chia nhau một cái bánh pizza và bật cười xả láng trước câu chuyện vui của ai đó. Người phụ nữ duy nhất trong năm người đó và là tâm điểm chú ý của các đồng nghiệp trong bữa trưa - cô, người đã kể câu truyện cười hoặc nói ra một câu châm biếm hoặc làm trò cười, và tình cờ cũng là người đang cười to nhất - chính là Faunia Farley.

Đám đàn ông có vẻ mới ngoài ba mươi hay khoảng đó. Hai gã râu ria, và một trong hai gã râu ria đó, cột tóc đuôi ngựa, đặc biệt vạm vỡ và to như bò mộng. Hắn là người duy nhất đứng, mà mục đích của hành động ấy, có vẻ thế, là để lớn vờn ngay trên đầu Faunia vì cô đang ngồi dưới đất, đôi chân dài duỗi ra phía trước và đầu ngửa ra sau trong tâm trạng vui vẻ lúc đó. Mái tóc cô khiến Coleman ngạc nhiên. Nó rủ xuống. Theo kinh nghiệm của ông, nó luôn được buộc chặt ra sau bằng một sợi thun - nó chỉ rủ xuống trên giường khi cô cởi sợi thun để nó buông xuống đôi vai trần của mình.

Với mấy thằng thanh niên. Đây hẳn là “đám thanh niên” cô nhắc tới. Một trong bọn họ vừa ly dị gần đây, một cựu thợ máy xe kém cỏi, cũng là kẻ thầu vụ bảo dưỡng sửa sang chiếc Chevy cho cô và đưa cô đi làm và về nhà vào những ngày mà cái xe chết tiệt ấy không nổ máy dù gã ta có làm gì đi nữa, và một trong bọn họ từng muốn đưa cô đi xem phim con heo vào những đêm vợ hắn ta phải làm ca đêm tại nhà máy đóng hộp giấy Blackwell, và một tên trong đám thanh niên đó thì

ngây thơ tới mức chẳng biết lưỡng tính nghĩa là gì. Khi đám thanh niên xuất hiện trong câu chuyện giữa hai người, Coleman lắng nghe không bình luận, chẳng hề tỏ vẻ căm ghét gì trước những điều cô muốn nói về họ, dù ông rõ là bản khoán không biết lũ bọn họ hứng thú với cô đến đâu, dựa vào nội dung những gì họ nói mà Faunia kể lại. Nhưng vì cô không nói dông dài về họ, mà ông cũng không đặt cho cô câu hỏi nào về họ, nên đám thanh niên này không khiến Coleman chú ý như họ hẳn đã khiến Lester Farley, ví dụ vậy, chú ý. Dĩ nhiên tự cô có thể chọn thái độ ít vô tư hơn đôi chút và nộp mình một cách bớt nhiệt tình hơn đôi chút cho những thứ họ mơ đến trong đầu, nhưng ngay cả khi Coleman cảm thấy buộc phải nhắc đến điều đó, ông vẫn dễ dàng kèm mình lại được. Cô ấy có thể nói chuyện, những chuyện có nghĩa hay vô nghĩa, tùy ý, với bất cứ ai, và bất kể hậu quả thế nào, cô cũng sẽ phải gánh chịu chúng. Cô ấy chẳng phải con gái ông. Thậm chí cô ấy không phải “bồ” của ông. Cô ấy là... chính cô ấy.

Nhưng nhìn cô, mà không bị cô nhìn, từ chỗ ông đã nép người vào nơi Bức tường đầy bóng râm của North Hall thì hầu như không dễ gì có được cái nhìn khách quan và bao dung như thế. Bởi vì lúc này ông không chỉ nhìn thấy điều ông luôn thấy - điều mà cuộc đời quá ít ỏi thành công này đã gây ra cho cô - mà có lẽ cả chuyện tại sao cô chỉ có được ít ỏi thành công đến thế; từ điểm nhìn thuận lợi cách xa chưa tới hai chục thước, ông có thể nhìn thấy rất rõ, khi không có ông ở đó để rập khuôn theo, cô rập khuôn theo kẻ thô lậu nhất quanh đó, kẻ lỗ mãng nhất, kẻ mà những kỳ vọng của người ta về hẳn chỉ ở mức thấp nhất và ý niệm về cái tôi của hẳn thuộc vào loại nông cạn nhất. Bởi vì, bất kể ta có thể thông minh tới đâu, Voluptas vẫn gần như biến mọi điều ta muốn nghĩ trở thành sự thực, một số khả năng nhất định thậm chí chưa bao giờ được nảy ra trong đầu ta, nói chi là phỏng đoán tường tận, và việc nhìn nhận đúng những phẩm chất nơi Voluptas của ta là điều còn khuya ta mới làm được... cho đến lúc ta lui vào chỗ bóng râm và quan sát cô lẩn ngửa ra trên cỏ, đầu gối gập lại và hơi giạng ra,

pho mát từ miếng bánh pizza chảy trên tay này, một lon Coca không đường vung vẩy trên tay kia, và cười như nắc nẻ - cười chuyện gì? chuyện lưỡng tính à? trong khi lù lù phía trên cô ấy, trong thân xác của một thợ máy kém cỏi, là tất cả những thứ trái ngược hoàn toàn với lối sống của chính ta. Một Farley khác sao? Một Les Farley khác? Có lẽ không kinh đến mức đó, nhưng dứt khoát là một kẻ thay thế cho Farley hơn là cho ông.

Một cảnh tượng hẳn sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu Coleman bắt gặp nó trong một ngày hè từ hồi ông còn là chủ tịch hội đồng giảng viên - bởi ông hiển nhiên đã bắt gặp rất nhiều lần - một cảnh tượng mà vào hồi đó chắc không những có vẻ vô hại mà còn bộc lộ, đầy chào mời, niềm sung sướng mà việc ăn uống ngoài trời vào một ngày nắng đẹp mang lại, thế nhưng cái cảnh ấy bây giờ chẳng hề có gì khác ngoài ý nghĩa. Trong khi cả Nelson Primus lẫn Lisa yêu dấu của ông thậm chí cả lời tố cáo mơ hồ được Delphine Roux phát tán nặc danh đều không thể thuyết phục được ông, thì cái cảnh tượng chẳng lấy gì làm quan trọng này trên bãi cỏ phía sau khu North Hall rốt cuộc lại lột trần cho ông thấy nổi nhục nhã của chính ông.

Lisa. Lisa và những đứa trẻ ấy của nó. Carmen nhỏ xíu. Hình ảnh con bé là những gì đã vụt hiện ra trong đầu ông, Carmen nhỏ xíu, mới sáu tuổi nhưng, như Lisa diễn tả, trông nhỏ hơn tuổi nhiều. “Nó xinh xắn,” Lisa nói, “nhưng cứ như đứa sơ sinh vậy.” Và quả nhiên Carmen xinh xắn đáng yêu vô cùng: da nâu nhạt, rất nhạt, tóc đen thẫm tết thành hai bím cứng ngắc, đôi mắt chẳng giống bất kỳ đôi mắt con người nào mà ông từng thấy, đôi mắt như hai hòn than hóa xanh vì hơi nóng và tỏa ánh sáng từ bên trong, còn cái thân thể uyển chuyển và nhanh lẹ của một đứa bé thì được đóng bộ với quần jean mini và giày mini, chân đi đôi vớ sặc sỡ và mặc cái áo thun ống hẹp như một que thông ống tẩu - một bé gái nghịch ngợm có vẻ như chú ý tới mọi thứ, và nhất là tới ông. “Đây là Coleman bạn cô,” Lisa nói khi Carmen đi vào phòng, trên khuôn mặt nhỏ nhắn nhìn như luôn được mẹ nó lau

sạch tinh sạch tươm, là một nụ cười ra vẻ ta đây chừng như thích thú. “Chào, Carmen,” Coleman nói. “Bác ấy chỉ muốn xem chúng ta làm gì thôi,” Lisa giải thích. “Được thôi,” Carmen nói, nghe như tán thành, nhưng nó lại soi xét ông kỹ lưỡng không kém gì ông quan sát nó, nhìn nụ cười ấy là biết. “Chúng ta vẫn học như mọi lần nhé,” Lisa nói. “Được thôi,” Carmen nói, nhưng lúc này nó chuyển sang một nụ cười trông nghiêm túc hơn nhiều để thử xem phản ứng của ông. Và khi nó quay đi và bắt đầu loay hoay với những mẫu tự bằng nhựa dính nam châm trên cái bảng nhỏ và Lisa bảo nó đẩy chúng qua lại để ráp thành những từ “want”, “wet”, “wash”, và wipe”, “Cô lúc nào cũng nói,” Lisa bảo, “rằng con phải nhìn vào những chữ cái đầu tiên. Con đọc những chữ cái đầu xem nào. Dùng ngón tay ấy,” chốc chốc Carmen lại quay đầu, rồi quay cả người, để nhìn Coleman, để không mất dấu ông. “Bất cứ thứ gì cũng có thể làm nó mất tập trung,” Lisa nói thầm với cha cô. “Nào Carmen. Nào, cưng. Ông ấy vô hình mà.” “Tức là sao?” “Vô hình,” Lisa lặp lại, “tức là con không thấy ông ấy được.” Carmen bật cười, “Con có thể thấy ông ấy mà.” “Thôi nào. Trở lại với cô này. Những chữ cái đầu. Đúng rồi. Làm tốt lắm. Nhưng con cũng phải đọc cho hết từ đó. Phải không? Chữ cái đầu tiên - và bây giờ là phần còn lại. Tốt - ‘wash’. Còn chữ này là gì? Con biết mà. Con biết chữ đó mà. ‘Wipe’. Tốt.” Khi Coleman đến ngồi dự lớp Reading Recovery thì chương trình đã chạy được hai mươi lăm tuần rồi, và tuy Carmen có tiến bộ nhưng không nhiều. Ông nhớ nó đã vật vã thế nào với từ “your” trong cuốn sách truyện minh họa mà nó đọc thành tiếng - gãi mấy ngón tay quanh mắt, túm chặt và vo vạt áo lại, móc hai chân vào thanh ngang của cái ghế trẻ em, chầm chậm nhưng dứt khoát dịch mông xuống khỏi thành ghế - và vẫn không thể nhận ra chữ “your” hay phát âm nó ra. “Giờ là tháng Ba, ba à. Hai mươi lăm tuần. Gặp khó khăn với chữ ‘your’ như thế là lâu quá. Lẫn lộn ‘couldn’t’ với ‘climbed’ thế là lâu quá, nhưng tới lúc này con chỉ tập trung vào chữ ‘your’ đã. Chương trình dự trù chỉ hai mươi tuần là hết. Nó đã từng đi mẫu giáo - nó hẳn phải học được mấy mặt chữ cơ bản. Nhưng hồi

tháng Chín con cho nó xem một danh sách các từ - lúc đó nó vào lớp Một rồi - nó bảo, ‘Đó là gì ạ?’ Nó thậm chí không biết chữ là gì. Còn các chữ cái: *h* nó không biết, *j* nó không biết, nó lẫn lộn *u* với *c*. Ta có thể hiểu được việc đó, hai chữ đó nhìn giống nhau, nhưng sau hai mươi lăm tuần học nó vẫn gặp tương đối khó khăn. Chữ *m* với *w*. Chữ *i* với *l*. Chữ *g* với *d*. Vẫn còn khó nhằn với nó. Cái gì cũng là cả một vấn đề với nó.” “Con khá nản chí với Carmen nhỉ,” ông nói. “Chắc, mỗi ngày nửa tiếng ư? Dạy như thế là quá nhiều. Làm việc thế là quá nhiều. Đáng lẽ nó phải đọc ở nhà, nhưng ở nhà chị gái mười sáu tuổi của nó vừa sinh em bé, và cha mẹ thì quên mất hoặc chẳng quan tâm. Cha mẹ nó là dân nhập cư, tiếng Anh không phải tiếng mẹ đẻ, với họ đọc cho con cái nghe bằng tiếng Anh chẳng dễ dàng gì, tuy Carmen chẳng bao giờ được đọc cho nghe dù là bằng tiếng Tây Ban Nha. Và đây là thứ con phải đối mặt hết ngày này sang ngày khác. Chỉ để xem liệu một đứa bé có thể làm gì với một cuốn sách. Con đưa nó cho chúng, một cuốn giống cuốn này, có tranh minh họa sặc sỡ bên dưới tựa sách, và con nói, ‘Cho cô xem bìa trước cuốn sách nào.’ Một số đứa biết, nhưng phần lớn thì không. Chữ in chẳng có nghĩa gì với chúng. Và,” cô nói, mỉm cười với vẻ kiệt sức và hoàn toàn chẳng có gì là đáng yêu như Carmen, “người ta bảo với con lũ trẻ này không phải là thiếu khả năng học. Carmen không nhìn vào các chữ khi *con* đọc. Nó không quan tâm. Và bởi thế nên đến cuối ngày là ba gục. Những giáo viên khác cũng có những nhiệm vụ khó khăn, con biết chứ, nhưng hết một ngày với toàn những Carmen, ba về đến nhà mà hao mòn cảm xúc. Đến lúc về nhà *con* cũng không đọc nổi. Con thậm chí không nói chuyện điện thoại được nữa. Con ăn cái gì đó rồi đi ngủ. Con quả thực thương lũ trẻ này. Con yêu lũ trẻ này. Nhưng tình trạng của con còn tệ hơn là hao mòn - mà là như chết rồi.”

Lúc này Faunia đang ngồi trên cỏ, nốc hết lon nước cuối trong khi một đứa trong đám thanh niên kia - thẳng trẻ nhất, gầy nhất, trông nhóc tí nhất trong bọn, râu dưới cằm mọc lộn xà lộn xộn và ngoài bộ

đồng phục nâu thì còn quấn khăn ca rô đỏ trên đầu và chân đi một thứ trông giống ủng cao gót của dân cao bồi - đang thu nhặt các thứ vụn thừa của bữa trưa và nhét vào một bao rác, còn ba người kia đứng tản ra, chỗ có nắng, người nào cũng đang hút điếu thuốc cuối cùng trước khi trở lại làm việc.

Faunia bây giờ còn một mình. Và im lặng. Ngồi đó nghiêm trang với lon soda rỗng và suy nghĩ về cái gì chứ? Về hai năm làm bồi bàn mãi tận Florida khi cô mới mười sáu và mười bảy, về những doanh nhân nghỉ hưu thường vào quán ăn trưa mà không có vợ đi cùng và hỏi xem cô có thích sống trong một căn hộ xinh xắn và có quần áo đẹp và một chiếc Pinto mới ngon lành và tài khoản tín dụng ở mọi cửa hàng quần áo Bal Harbour và ở cửa hàng nữ trang và thẩm mỹ viện hay không, mà đổi lại thì cô chẳng phải làm gì hơn chuyện làm bạn gái họ vài tối mỗi tuần và thỉnh thoảng là dịp cuối tuần? Không phải một, hai, ba, mà có tới bốn lời đề nghị như vậy chỉ trong năm đầu tiên. Rồi tới lời đề nghị của gã Cuba. Cô kiếm trăm đô mỗi khách mua sâm và không phải chịu thuế. Với một đứa tóc vàng mảnh dẻ vú bự, một con bé cao ráo, dễ coi như cô với tham vọng và nhiệt tình và sự táo tợn, mặc áo yếm với váy ngắn và đi đôi ủng, cô có thể kiếm ngàn đô một đêm như không. Một, hai năm, và, nếu lúc đó cô muốn, cô giải nghệ - cô có đủ tiền để làm thế. “Và em đã không làm chuyện đó?” Coleman hỏi. “Không, ừm. Nhưng đừng nghĩ là em không nghĩ về chuyện đó,” cô nói. “Tất cả những thứ thối tha ở cái nhà hàng ấy, những kẻ khiến ta sồn gai ốc đó, đám đầu bếp điên khùng đó, trong khi tờ thực đơn thì em không đọc được, những yêu cầu gọi món em không ghi lại được, phải nhớ mọi thứ ngay vào đầu - đó không phải những chuyện dễ như ăn kẹo. Nhưng ngay cả khi em không biết đọc, em vẫn biết đếm. Em biết cộng. Em biết trừ. Em không đọc được chữ nhưng em biết Shakespeare là ai. Em biết Einstein là ai. Em biết phe nào thắng cuộc Nội chiến. Em không ngu. Em chỉ mù chữ thôi. Một khác biệt rất nhỏ nhưng đúng là vậy. Những con số là chuyện khác.

Tin em đi, em biết những con số. Đừng nghĩ là em không nghĩ rằng nó chưa chắc là một ý tưởng tồi.” Nhưng Coleman không cần lời dặn dò như thế. Không những ông nghĩ ở tuổi mười bảy cô đã nghĩ rằng chuyện làm gái kiếm tiền cũng là một ý hay, ông còn nghĩ đó là một ý tưởng mà cô không chỉ đơn thuần là ấp ủ trong đầu.

“Ba làm gì với đứa nhỏ không biết đọc?” Lisa đã hỏi ông như thế trong lúc tuyệt vọng. “Đó là mấu chốt của mọi thứ, nên ba phải làm việc gì đó, nhưng làm như thế đang khiến con kiệt sức. Năm thứ nhì của ba được coi là sẽ dễ thở hơn. Năm thứ ba còn khá hơn nữa. Mà bây giờ là năm thứ tư của con rồi.” “Và nó không khá hơn hả?” ông hỏi. “Khó. Khó lắm. Mỗi năm mỗi *khó hơn*. Nhưng nếu cách dạy một thầy một trò không hiệu quả thì ba làm gì đây?” Phải, ông đã giúp đứa nhỏ không biết đọc bằng cách biến cô thành nhân tình của ông. Farley biến cô thành bao cát tập đấm cho hắn. Gã Cuba thì biến cô thành con đĩ của hắn, hoặc một trong đám đĩ ấy - Coleman vẫn thường tin như vậy. Và là con đĩ cho hắn trong bao lâu? Phải chăng đó là điều Faunia đang nghĩ trước khi nhồm dậy quay lại North Hall để hoàn tất việc lau chùi các hành lang? Có phải cô đang nghĩ xem tất cả những chuyện đó đã diễn ra trong bao lâu rồi? Bà mẹ, gã cha dượng, cuộc đào tẩu khỏi tay gã cha dượng, những vùng đất ở miền Nam, những vùng đất ở miền Bắc, những gã đàn ông, những vụ đánh đập, các công việc, cuộc hôn nhân, nông trại, bày gia súc, vụ phá sản, hai đứa con, hai đứa con đã chết. Bảo sao ngồi trong nắng nửa giờ cùng ăn một cái bánh pizza với đám thanh niên đối với cô lại là thiên đàng.

“Đây là Coleman bạn cô, Faunia. Ông ấy chỉ đến xem thôi.”

“Được thôi,” Faunia nói. Nó đang mặc bộ áo liền quần vải nhung màu xanh lá, vớ cao trắng tinh tươm, và đi giày đen bóng, và hoàn toàn không vui vẻ như Carmen - bình thản, lịch sự, lúc nào cũng hơi trầm, một đứa bé trung lưu da trắng xinh xắn với mái tóc vàng dài được kẹp thành hai lọn tóc ở hai bên bằng kẹp tóc hình bướm và, không như Carmen, chẳng hứng thú gì với ông, chẳng tò mò gì về

ông, sau khi nghe giới thiệu. “Xin chào,” nó lăm bằm một cách nhu mì, và ngoan ngoãn trở lại với việc di chuyển những chữ cái dính nam châm, đẩy các chữ *w*, *t*, *n*, *s* lại với nhau, và, ở một góc bảng khác, tập hợp các nguyên âm lại với nhau.

“Dùng cả hai tay,” Lisa bảo nó, và nó làm theo.

“Những chữ này là những chữ nào?” Lisa hỏi.

Và Faunia đọc chúng. Đọc đúng hết.

“Giờ thì mình thử mấy từ nó biết,” Lisa nói với cha cô. “Xếp chữ ‘not’ nào, Faunia.”

Faunia làm theo. Faunia xếp chữ “not”.

“Làm tốt lắm. Bây giờ thì sang một từ nó không biết, xếp chữ ‘got’ coi.”

Nhìn chăm chú vào các chữ cái, nhưng không có gì xảy ra. Faunia chẳng làm gì cả. Không làm gì cả. Chờ đợi. Chờ đợi chuyện kế tiếp xảy ra. Nó đã chờ đợi chuyện kế tiếp xảy ra từ trước đến nay rồi. Nó luôn vậy.

“Cô muốn con thay đổi chữ cái đầu, Faunia ạ. Nào. Con biết cái này mà. Chữ cái đầu của ‘got’ là gì?”

“G.” Nó bỏ chữ *n* đi và thay chữ *g* vào đầu từ đó.

“Tốt. Bây giờ xếp thành ‘pot’ coi.”

Nó làm được. “Pot”.

“Tốt. Bây giờ lấy ngón tay chỉ rồi đọc xem nào.”

Faunia di ngón tay bên dưới từng mẫu tự trong khi phát ra từng âm rõ ràng. “Pơ - ah - tơ.”

“Nó học nhanh đấy,” Coleman nói.

“Vâng, nhưng bài này thì cũng nhanh mà.”

Có ba đứa trẻ khác cùng với ba giáo viên của chương trình Reading Recovery ngồi ở những chỗ khác trong căn phòng rộng lớn này, và do đó khắp chung quanh ông có thể nghe thấy những giọng nói bé bỏng

đọc thành tiếng, lên bổng xuống trầm theo cùng cái ngữ điệu của bọn trẻ con, không cần biết nội dung, và ông nghe những giáo viên khác nói, “Con biết nó mà... âm *u*, giống như trong ‘umbrella’... *u, u...*” rồi “Con biết âm *ing* đó mà, con biết *ing...*” và “Con biết *I...* tốt, tốt lắm,” và khi nhìn quanh, ông thấy rằng những đứa bé khác cũng là Faunia. Những bảng chữ cái ở khắp nơi, với những bức hình đồ vật để minh họa cho từng chữ cái, và những chữ cái bằng nhựa nằm la liệt khắp nơi để bọn trẻ có thể cầm lên, chúng được làm khác màu nhau để giúp ta ghép từng chữ một theo âm đọc, và chất đồng khắp nơi là những cuốn sách đơn giản kể những câu chuyện đơn giản nhất: “... vào thứ Sáu chúng tôi đến bãi biển. Thứ Bảy chúng tôi đến sân bay.” “ ‘Cha Gấu ơi, Bé Gấu có ở chỗ anh không?’ ‘Không’ Cha Gấu đáp.” “Buổi sáng một con chó sủa với Sara. Nó hoảng vía. ‘Hãy can đảm lên nào, Sara’ Mẹ nói.” Ngoài những cuốn sách đó và những câu chuyện đó và những Sara đó và những con chó đó và những con gấu đó và những bãi biển đó, là bốn giáo viên, bốn giáo viên toàn tâm cho Faunia, và họ vẫn không thể dạy được nó đọc ở mức tương ứng với một đứa trẻ tầm tuổi nó.

“Nó đang học lớp một,” Lisa nói với cha cô. “Tụi con hy vọng rằng nếu cả bốn người ngày nào cũng dạy nó học suốt cả ngày thì đến cuối năm tụi con có thể giúp nó bắt kịp bạn bè. Nhưng thật khó làm cho nó tự thấy ham học.”

“Con bé dễ thương,” Coleman nói.

“Sao, ba thấy nó dễ thương à? Ba thích kiểu đó hả? Đó là mẫu của ba sao, kiểu xinh xắn, đọc-kém với mái tóc vàng để dài và ý chí yếu đuối và những kẹp tóc hình con bướm?”

“Ba không nói thế.”

“Ba không cần phải nói. Con đã quan sát ba với nó,” và cô chỉ quanh căn phòng về phía cả bốn Faunia ngồi lặng lẽ trước bảng, ráp đi ráp lại các chữ “pot” và “got” và “not” từ những chữ cái nhựa nhiều màu. “Cái lúc con bé đọc được chữ ‘pot’ bằng ngón tay lần đầu tiên,

ba không thể rời mắt khỏi nó. Được, nếu chuyện đó làm ba mê nó thì ba lẽ ra phải ở đây hồi tháng Chín. Hồi tháng Chín nó còn đọc sai tên riêng và tên lót của nó. Mới rời mẫu giáo và từ duy nhất trong bảng từ vựng mà nó nhận ra được là ‘not’. Nó không hiểu được rằng chữ in hàm chứa một thông điệp. Nó không biết là phải đọc trang bên trái trước trang bên phải. Nó không biết *Goldilocks* và *ba con gấu*. ‘Con biết *Goldilocks* và *ba con gấu* không, Faunia?’ ‘Không.’ Thế nghĩa là kiến thức nhà trẻ của nó - vì đây là những thứ chúng được học ở đó, chuyện thần tiên, bài học vần vỡ lòng - không ổn lắm. Hôm nay nó đã biết ‘Cô bé quàng khăn đỏ’, nhưng hồi đó thì sao? Đừng có mơ hồ. Ồ, nếu ba gặp Faunia hồi tháng Chín rồi, mới chân ướt chân ráo rời nhà trẻ nơi nó đã học hành chả ra sao, con bảo đảm rằng, ba à, nó sẽ làm ba phát điên luôn.”

Ta làm gì với một đứa bé không đọc được? Đứa bé đang bận bú cu ai đó tới bến trong cái xe tải nhỏ trên đường dẫn vào nhà trong khi, trên gác, trong một hộ nhỏ xíu bên trên ga ra, hai đứa con nhỏ của nó đang ngủ bên một lò sưởi đang cháy - hai đứa bé không ai trông chừng, một ngọn lửa đốt bằng dầu hỏa, và nó với thằng đó trong cái xe tải. Đứa bé từng trốn nhà đi bụi từ năm mười bốn, suốt đời chỉ cố gắng trốn khỏi cái cuộc đời không thể giải thích nổi của nó. Đứa bé gái sau này, vì sự ổn định và an toàn mà gã chồng sẽ đem lại, đã kết hôn với một cựu quân nhân cuồng chiến tranh có thể siết cổ ta chỉ vì ta trở mình trong giấc ngủ. Đứa bé gái phản trắc, đứa bé trốn đi và nói dối, đứa bé không biết đọc mà *biết* đọc, nó vờ rằng mình không biết đọc, tự nguyện nhận lấy khuyết điểm que cụt này để càng nhập vai tốt hơn vào cái vai thành viên một phân loài mà nó không thuộc về và không nhất thiết phải gia nhập nhưng, vì đủ thứ lý do chẳng ra đâu vào đâu, nó lại muốn ông tin rằng nó thuộc phân loài đó. Muốn chính nó tin rằng mình thuộc phân loài đó. Đứa bé gái mà sự tồn tại của nó đã trở thành một cơn ảo giác từ lúc bảy tuổi và là một thảm họa lúc mười bốn và sau đó thì là một tai ương, nghề nghiệp của nó chẳng ra một cô

hầu bàn cũng chẳng phải gái điếm hay nông dân hay lao công mà mãi mãi là con ghẻ của một gã cha dượng dâm dăng và là đứa con không được bảo vệ của một bà mẹ chỉ biết nghĩ đến bản thân, đứa trẻ ngỡ vực mọi người, chỉ thấy ở mọi người sự lừa phỉnh, thế nhưng như thế cũng không giúp nó tránh được chuyện gì, đứa bé với khả năng sinh tồn thật to lớn nhưng chỗ để nó bầu vịu vào cuộc sống lại quá nhỏ bé, đứa trẻ bị vây khốn đã lọt vào mắt xanh của sự bất hạnh, đứa trẻ mà mọi điều đáng nguyên rủa có thể xảy ra đều đã xảy ra cho nó, và vận may của nó chẳng có dấu hiệu gì là sẽ thay đổi thế nhưng lại là kẻ kích thích và làm ông mê đắm hơn bất kỳ ai khác sau Steena, mà xét về mặt đạo đức, nó là kẻ ít phản cảm nhất, chứ không phải nhiều nhất, mà ông từng biết, một người mà ông cảm thấy say mê bởi ông đã nhắm vào hướng ngược lại từ quá lâu - vì tất cả những gì ông đã *bỏ lỡ* vì đi theo hướng ngược lại - và bởi vì cái cảm giác ngậm ỉn về sự đúng đắn từng khống chế ông trước đây lại chính là điều hiện đang thúc đẩy ông, với kẻ chung chạ chẳng ai ngờ ấy ông chia sẻ một sự hợp nhất tinh thần không kém gì sự hợp nhất thể xác, một người hoàn toàn *không phải* là món đồ chơi cho ông mỗi tuần hai lần buông thả thân xác để duy trì phần thú tính mà đối với ông đây giống như một chiến hữu hơn bất kỳ ai khác trên đời này.

Và ta làm gì với một đứa trẻ như thế? Ta tìm một bột điện thoại công cộng ngay lập tức và sửa chữa sai lầm ngu ngốc của mình.

Ông nghĩ cô đang nghĩ xem tất cả đã diễn ra được bao lâu rồi, bà mẹ, gã cha dượng, chuyển chạy trốn khỏi gã cha dượng, những vùng đất ở miền Nam, những vùng đất ở miền Bắc, những gã đàn ông, những vụ đánh đập, các công việc, cuộc hôn nhân, nông trại, bầy gia súc, vụ phá sản, hai đứa con, hai đứa con đã chết... và có lẽ cô cũng đang nghĩ thế thật. Có lẽ cô nghĩ thế thật ngay cả khi, một mình trên thảm cỏ lúc này trong khi đám thanh niên hút thuốc và thu dọn bữa trưa, cô nghĩ mình đang nghĩ về những con quạ. Cô nghĩ về lũ quạ suốt. Chúng ở khắp

nơi. Chúng ngủ trong rừng không xa cái giường nơi cô ngủ, chúng ở trong đồng cỏ khi cô ra đó đây hàng rào cho lũ bò, và hôm nay chúng kêu quàng quạc khắp khuôn viên đại học, và vậy là thay vì nghĩ về điều cô đang nghĩ theo kiểu Coleman nghĩ cô đang nghĩ, cô lại nghĩ về con quạ từng quần quanh gần cửa hàng ở Seeley Falls khi mà, sau vụ cháy và trước khi dọn về nông trại, cô mượn một phòng có sẵn mọi thứ đồ đạc để trốn khỏi Farley, con quạ thường quần quanh trong bãi đậu xe giữa bưu điện và cửa hàng, con quạ mà ai đó đã nuôi làm thú cưng vì nó bị bỏ rơi hoặc vì mẹ nó bị giết - cô chẳng bao giờ biết được cái gì đã khiến nó mồ côi. Và bây giờ nó lại bị bỏ rơi lần thứ nhì và bắt đầu quen với việc quần quanh trong bãi đậu xe đó, nơi mà hầu hết mọi người đến rồi đi trong ngày. Con quạ này gây nhiều rắc rối ở Seeley Falls vì nó bắt đầu chơi trò bổ nhào xuống khi người dân vào trạm bưu điện, đuổi theo kẹp tóc trên đầu các bé gái và vân vân - như bọn quạ thường làm vì bản năng của chúng là sưu tập những món lấp lánh, các mẫu thủy tinh và mấy thứ đại loại như thế - và thế là bà trưởng trạm bưu điện, sau khi tham khảo ý kiến vài ba người liên quan, đã quyết định đưa nó tới Hội Bảo vệ môi trường Audubon, ở đó nó được nuôi trong lồng và chỉ thỉnh thoảng mới được thả cho bay; người ta không thể thả nó tự do vì một con chim thích quần quanh ở bãi đậu xe thì sẽ không thích nghi được trong đời sống hoang dã. Cái tiếng kêu của con quạ đó. Cô nhớ tới nó mọi lúc, ngày hoặc đêm, lúc thức, lúc ngủ, hoặc lúc mất ngủ. Nó có tiếng kêu thật lạ. Không giống tiếng của những con quạ khác, có lẽ vì nó không lớn lên với những con quạ khác. Ngay sau vụ hỏa hoạn, tôi từng ghé thăm con quạ đó ở Hội Audubon, và cứ đến lúc tôi quay lưng ra về, nó lại gọi tôi lại bằng tiếng kêu đó. Phải, sống trong một cái lồng, nhưng với một con quạ như nó thì như thế tốt hơn nhiều. Cũng có những con chim khác sống trong lồng, được người ta đem tới đây vì chúng không sống được trong tự nhiên nữa. Có một cặp cú nhỏ. Hai cái khối lốm đốm trông giống như đồ chơi. Tôi cũng thường ghé thăm bọn cú đó. Và một con chim cắt với tiếng kêu chói tai. Những con chim dễ thương. Và rồi tôi

chuyển về đây và, với cuộc sống cô đơn tôi đã sống, đang sống, tôi dần hiểu lũ quạ hơn bao giờ hết. Và chúng cũng hiểu tôi. Ốc khô hài của chúng. Có phải thế không? Có thể nó chẳng phải ốc khô hài. Nhưng với tôi nó có vẻ như vậy. Cái kiểu chúng bước đi loanh quanh. Cái kiểu chúng rụt đầu. Cái kiểu chúng ré lên nếu tôi không có bánh mì cho chúng. Faunia, đi kiểm bánh mì đi. Chúng khệnh khạng. Chúng chỉ huy bọn chim khác quanh đó. Vào thứ Bảy, sau khi nói chuyện với con ửng đuôi đỏ ở dưới Cumberland, tôi về nhà và nghe thấy hai con quạ đó bay về lại vườn. Tôi biết đang có chuyện gì đó xảy ra. Cái tiếng kêu đáng sợ đó. Quả vậy, tôi thấy ba con chim - hai con quạ đang kêu quàng quạc và quang quác chiến lại con ửng. Có thể nó chính là con ửng tôi vừa trò chuyện vài phút trước. Đang đuổi theo nó. Rõ ràng con ửng đuôi đỏ có ý đồ xấu. Nhưng chiến với một con ửng à? Đó có phải là một ý hay không? Việc này giúp chúng lấy điểm với những con quạ khác, nhưng tôi không biết liệu tôi có làm thế không. Thậm chí *cả hai* đứa chúng nó có chiến được một con ửng không? Mấy con quạ hung hăng. Thái độ hầu như thù địch. Tốt cho chúng thôi. Tôi từng thấy một bức ảnh - một con quạ phóng thẳng tới một con đại bàng và kêu chí chóc. Con đại bàng chẳng thèm quan tâm. Thậm chí không nhìn tới nó. Nhưng con quạ ấy không tầm thường. Cái kiểu mà nó bay đó. Chúng không đẹp như chim raven khi chim raven bay và thực hiện những cú nhào lộn đẹp mắt, phi thường. Chúng có phần thân lớn, bay được lên không phải dễ, nhưng chúng cũng không cần phải chạy lấy đà. Chỉ vài bước là đủ. Tôi đã quan sát. Như thể chúng chỉ cần bỏ ra một nỗ lực lớn. Chứng nỗ lực và rồi chúng sẽ bay lên được. Hồi tôi còn dẫn bọn trẻ đi ăn ở Friendly. Bốn năm trước. Có cả triệu con quạ. Quán Friendly trên phố East Main ở Blackwell. Lúc xế chiều. Trước khi trời tối. Có cả triệu con trong bãi đậu xe. Đại hội quạ ở Friendly. Sao bọn quạ cứ mê các bãi đậu xe vậy? Sao lại như thế? Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết ra nó có ý nghĩa gì, hay là bất cứ chuyện gì. Mấy loài chim khác có phần đàn độn khi xếp bên cạnh quạ. Phải, chim giẻ cùi* có cú bật hết sảy. Giống như chơi bạt nhún. Cũng

giỏi đấy. Nhưng quạ thực hiện được cả cú bật *lăn* cú lao mình đi. Trò ấn tượng nhất của chúng. Quay đầu từ trái qua phải, xem nên nhắm vào đâu. Ồ, chúng rất là ra trò. Chúng đúng kiểu chất nhất quả đất. Tiếng quàng quạc. Tiếng quàng quạc om sòm. Nghe đi. Chỉ cần lắng nghe. Ồ, tôi yêu nó. Chúng giữ liên lạc với nhau như thế đó. Tiếng kêu cuống cuống tức là có nguy hiểm. Tôi chết mê nó. Phóng ngay ra ngoài. Năm giờ sáng thì cũng kệ, tôi không quan tâm. Tiếng kêu rồ đại vang lên, phóng ngay ra ngoài, và ta có thể được thấy màn diễn bắt đầu bất cứ lúc nào. Những tiếng kêu khác, tôi không dám chắc mình hiểu chúng. Có thể chúng chẳng là gì. Đôi khi chỉ là một tiếng kêu nhanh. Đôi khi tiếng kêu hơi khàn. Đừng có lẫn nó với tiếng kêu của quạ raven. Quạ kết đôi với quạ và raven kết với raven. Thật kỳ diệu là chúng không bao giờ lẫn lộn. Ít nhất là theo những gì tôi biết. Ai nói chúng là thứ chim ăn xác chết xấu xa - mà hầu hết người ta nói thế - là lũ dở hơi. Tôi nghĩ chúng thật đẹp. Ồ, phải. Rất đẹp. vẻ thon gọn bóng bẩy của chúng, sắc đen của chúng. Nó đen tuyền đến độ ta thấy được ánh tía trong đó. Đầu của chúng. Ngay chỗ đầu mỏ râu nhu nhú mọc ra, như kiểu ria mép, thứ râu mọc ra từ lông vũ. Có lẽ nó có tên riêng. Nhưng tên gọi không quan trọng. Không bao giờ. Điều quan trọng là nó nằm ở đó. Và không ai biết tại sao. Nó giống như mọi thứ khác - cứ thế nằm ở đó thôi. Mọi cặp mắt của chúng đều đen. Mọi người ai cũng có mắt đen. Móng vuốt đen. Bay thì sẽ ra sao nhỉ? Raven sẽ làm một cú bay vút lên, quạ có vẻ chỉ tới nơi chúng muốn tới thôi. Theo như tôi biết, chúng không bay lòng vòng. Lũ raven thích thì cứ việc phóng lên. Thích thì cứ việc bay vút lên. Thích thì cứ việc bay cao hàng dặm và phá các kỷ lục và đoạt giải. Quạ thì phải bay từ nơi này tới nơi khác. Chúng nghe được rằng tôi có bánh mì, nên chúng tới. Chúng nghe được rằng ai đó cách đây hai dặm đường có bánh mì, thế là chúng tới đó. Khi tôi ném bánh mì ra cho chúng, luôn có một con canh chừng và một con khác ta có thể nghe thấy tiếng từ đằng xa, và chúng gửi tín hiệu qua lại chỉ để cả đám nắm rõ tình hình. Thật khó mà tin vào chuyện đưa này lại quan tâm tới lợi ích của đứa khác, nhưng mọi

thứ có vẻ diễn ra như thế đấy. Có một câu chuyện tuyệt vời mà tôi không bao giờ quên do một người bạn hỏi tôi còn nhỏ kể lại sau khi được nghe từ mẹ mình, về một bầy quạ thông minh đến nỗi chúng đã nghĩ ra cách đưa những quả hạch chúng kiếm được nhưng không tách được vỏ ra xa lộ, và chúng sẽ quan sát những ngọn đèn, đèn giao thông ấy, và chúng biết khi nào xe sẽ lăn bánh - chúng thông minh tới độ chúng biết những ngọn đèn ấy để làm gì - và chúng sẽ đặt những quả hạch ngay trước bánh xe để nó bị nghiền vỡ ra và ngay khi đèn đổi màu chúng sẽ lao xuống. Hồi đó tôi tin chuyện đó. Hồi đó cái gì tôi cũng tin. Và bây giờ khi tôi chỉ biết có chúng thôi, tôi lại tin vào chuyện đó. Tôi với đám quạ. Thế là đẹp. Cứ dính chặt lấy lũ quạ và ta sẽ lên hương. Tôi nghe nói chúng còn rủa lông cho nhau. Chưa từng thấy cảnh đó. Mới chỉ thấy chúng ở sát bên nhau và tự hỏi chúng đang làm gì thôi. Nhưng chưa bao giờ thực sự thấy chúng làm điều đó. Thậm chí còn không thấy chúng tự rủa lông cho mình nữa kìa. Nhưng sau rốt thì, tôi ở sát chỗ chúng ngủ, chứ không phải trong trống. Phải chi tôi ở trong trống. Hẳn tôi sẽ thích làm một con quạ. Ồ, phải, chắc chắn rồi. Tất nhiên là thế rồi. Làm quạ thì thích hơn bao nhiêu. Chúng không phải lo chuyển chỗ ở để tránh mặt bất kỳ ai hay bất kỳ cái gì. Chúng cứ thế đi thôi. Chúng không phải gói ghém cái gì cả. Chúng cứ thế đi thôi. Khi chúng bị cái gì đập trúng, vậy đó, thế là xong. Rách một bên cánh, thế là xong. Gãy một chân, thế là xong. Thế thì tốt hơn thế này nhiều. Có lẽ tôi sẽ trở lại làm một con quạ. Tôi vốn là gì trước khi tôi trở thành thế này? Tôi là một con quạ! Phải! Tôi là một con quạ! Và tôi nói, “Chúa ơi, con ước mình là con bé vú bự ở dưới trần gian đó,” và tôi được toại nguyện, và bây giờ, Chúa ơi, thực tình con muốn trở về làm quạ. Quạ tôi. Tên quá hợp với một con quạ. Quạ tôi. Một cái tên quá hợp với bất cứ thứ gì đen và bự. Ăn rơ với cái vẻ khệnh khạng. Quạ tôi. Hồi nhỏ tôi để ý đủ thứ. Tôi yêu chim chóc. Luôn chú ý lũ quạ và chim ưng và cú. Vẫn còn thấy cú ban đêm, khi lái xe từ chỗ Coleman về. Tôi không ngăn được mình đừng ra khỏi xe để nói chuyện với chúng. Không nên. Phải lái thẳng về nhà trước khi

thằng chó đó giết tôi. Bọn quạ nghĩ gì khi chúng nghe những loài chim khác hót? Chúng nghĩ việc đó ngốc nghếch. Thực vậy. Kêu quàng quạc. Thế là đủ. Một con chim đi khệnh khạng rồi lại hót một điệu ngọt ngào thì không coi được chút nào. Không, cứ kêu quàng quạc thật lực thôi. Thế là đẹp - kêu quàng quạc thật lực và chẳng sợ cái quái gì và ở đó ăn tất cả những gì đã chết thối. Nếu ta muốn bay như thế thì phải kiếm được kha khá xác trên đường lộ. Chả buồn nhọc sức tha cái xác đi đâu mà cứ thế ăn ngay trên mặt đường. Đợi đến tận khi chiếc xe đã tiến tới ngay sát, lúc đó chúng mới ngẩng lên và phóng đi nhưng không quá xa, đủ để trở lại và bươi móc tiếp ngay khi xe chạy qua. Ăn ngay giữa đường. Chuyện gì sẽ xảy ra khi thịt bị thối nhĩ. Có lẽ nó không thối đối với chúng. Có lẽ thân phận thú ăn xác chết có nghĩa là thế. Chúng và bọn kền kền đầu đỏ - đó là công việc của chúng. Chúng phụ trách những thứ bị loại ra trong rừng và trên đường lộ mà chúng ta không muốn động vào chút nào. Chẳng con quạ nào bị đói trong cái thế giới này. Không bao giờ thiếu ăn. Đồ ăn thối cũng chẳng bao giờ thấy quạ bỏ đi. Ở đâu có xác chết, chúng có mặt ở đó. Có cái gì chết là chúng nhào xuống thanh toán. Tôi thích thế lắm. Tôi thích thế cực kỳ. Có ra sao thì cũng cứ ăn con gấu mèo đấy đã. Chờ cho xe tải chạy tới cán nứt toác xương sống và sau đó quay lại gặm sạch những gì ngon lành cần thiết để có thể nhấc bổng cái xác đen tuyền tuyệt đẹp đó rời khỏi mặt đất này. Hẳn rồi, chúng cũng có lối cư xử kỳ lạ của mình. Giống như mọi thứ khác. Tôi đã từng thấy chúng ở trên những cái cây, tập hợp lại với nhau, nói chuyện với nhau, và *chuyện gì đó* đang xảy ra. Nhưng là chuyện gì thì tôi không bao giờ biết được. Ở trên đó có một bàn tay sắp đặt thần sầu. Nhưng tôi cũng không biết được liệu chính chúng có biết đó là cái gì không nữa. Nó có thể vô nghĩa như mọi thứ khác. Dù gì thì tôi cũng cá là nó không vô nghĩa và rằng nó có ý nghĩa gấp con mẹ nó hàng triệu lần hơn bất cứ thứ thối tha nào dưới đây. Hay không phải như vậy? Hay nó chỉ là một đồng thứ trông giống thứ gì đó khác nhưng thực ra không phải vậy. Có lẽ đó chỉ là một cú máy giật di truyền. Hãy hình dung nếu như bọn quạ nắm quyền mà

xem. Liệu cánh cứt đá như hiện giờ sẽ lặp lại chẳng? Chúng có một đặc điểm là tất cả chúng đều thực dụng. Trong việc bay. Trong việc kêu. Thậm chí trong cả màu sắc của chúng. Đen tuyền. Ngoài đen ra chẳng còn gì khác. Có thể tôi là một con quạ mà cũng có thể không. Tôi nghĩ đôi khi tôi tin tôi là một con quạ. Phải, trong nhiều tháng nay thỉnh thoảng vẫn tin như vậy. Sao không? Có những đàn ông bị nhốt trong thân xác phụ nữ và những phụ nữ bị nhốt trong thân xác đàn ông, vậy tại sao tôi không thể là một con quạ bị nhốt trong thân xác này? Và đâu rồi tay bác sĩ, người sẽ làm những gì có thể để giải thoát tôi? Tôi phải đến đâu phẫu thuật để trở thành chính tôi đây? Tôi phải nói chuyện với ai? Tôi phải đi đâu và tôi phải làm gì và tôi phải làm thế quái nào để thoát ra được đây?

Tôi là một con quạ. Tôi biết mà. Tôi biết mà!

Tại tòa nhà của hội liên hiệp sinh viên, năm lưng chừng con đường từ North Hall xuống đồi, Coleman tìm thấy một trạm điện thoại trong hành lang đối diện quán ăn tự phục vụ nơi các sinh viên Elderhostel đang dùng bữa trưa. Qua lớp cửa kính, ông có thể nhìn vào bên trong, tới tận những chiếc bàn ăn dài nơi các cặp đang vui vẻ ăn trưa với nhau.

Jeff không có ở nhà - lúc đó là khoảng 10 giờ sáng ở Los Angeles, và đáp lại Coleman là máy trả lời tự động, và vì thế ông tìm trong cuốn danh bạ số máy của Jeff tại trường đại học, cầu mong rằng Jeff chưa lên lớp. Những gì ông bố cần nói với đứa con trai cả phải được nói ngay lập tức. Lần gần đây nhất ông gọi cho Jeff trong trạng thái giống như vậy là để báo cho nó biết Iris đã chết. “Tụi nó đã giết bà ấy. Tụi nó lên kế hoạch giết ba nhưng chúng lại giết bà ấy.” Đó là điều ông nói với mọi người, và không chỉ trong hai mươi bốn giờ đầu tiên đó. Đó là khởi đầu của tan rã: mọi thứ đều bị cơn cuồng nộ trưng dụng. Nhưng đây là kết thúc của nó. Sự kết thúc - đó là tin ông dành

cho con trai mình. Và cho chính ông. Kết thúc của cái cảnh bị tổng khứ khỏi đời sống trước đó. Để hài lòng với thứ gì đó ít to tát hơn kiếp tự lưu đầy và cái thách thức khủng khiếp ta quàng cho sức lực của mình. Để chấp nhận thất bại theo lối giản dị, để được tái tạo lần nữa thành một sinh vật có lý trí và tẩy đi cái tai ương và sự phẫn nộ. Nếu kiên quyết, hãy kiên quyết một cách bình thản. Một cách bình yên. Sự chiêm nghiệm có tự tôn - thế là đẹp, như Faunia thích nói. Một lối sống không dính dáng gì đến Philoctetes*. Ông không cần phải sống giống như một nhân vật bi kịch trong giáo trình của ông. Lấy cái nguyên sơ làm giải pháp không phải là điều gì mới - nó luôn vậy. Với dục vọng, mọi thứ thay đổi. Câu trả lời cho tất cả những gì bị phá hủy từ trước đến giờ. Nhưng quyết định kéo dài vụ tai tiếng này bằng cách duy trì mãi thái độ phản kháng? Quá là ngu. Quá là loạn trí. Và cái thói đa cảm không thể gồm ghiếc hơn. Nhớ nhung Steena trong buổi tiệc. Khiêu vũ một cách hề hươc với Nathan Zuckerman. Thổ lộ với ông ta. Hồi tưởng cùng ông ta. Kể cho ông ta nghe. Mà sắc cảm nhận về hiện thực của nhà văn. Rót vào cái dạ dày thùng đầy cơ hội đó, trí óc của một nhà tiểu thuyết. Dù là tai ương nào xảy đến, anh ta đều chuyển thành tác phẩm. Tai ương là bia đỡ đạn cho anh ta. Nhưng *tôi* có thể chuyển nó thành cái gì đây? Tôi bị mắc kẹt với nó. Như lúc này đây. Không ngôn ngữ, hình dạng, cấu trúc, ý nghĩa – tam duy nhất không, thanh tẩy không, cái gì cũng không*. Chỉ có thêm cái bất khả tiên liệu không thể chuyển hóa thành gì khác. Và tại sao lại có người muốn thêm nữa chứ? Ấy nhưng người đàn bà như Faunia lại chính là điều bất khả tiên liệu. Xoắn xuýt đầy khoái lạc với điều bất khả tiên liệu, và cuộc sống theo lẽ thường thành ra không thể chịu đựng nổi. Những nguyên tắc chính trực thật là không thể chịu đựng nổi. Tiếp xúc với cơ thể cô là nguyên tắc duy nhất. Không có gì quan trọng hơn điều đó. Và sức mạnh tinh thần nơi sự khinh bỉ của cô. Xa lạ tới tận xương tủy. Tiếp xúc với *cái đó*. Cái bốn phận phải dâng cuộc đời tôi cho cuộc đời cô và những thất thường của nó. Việc cô cứ sống lang thang. Việc cô không đi học. Sự kỳ lạ của nó. Niềm hoan lạc của cái

khao khát ái tình nguyên sơ này. Hãy vác cây búa Faunia tới trước tất cả những gì đã lưu cữu quá lâu, tất cả những biện minh cao thượng, và đập nát chúng để mở ra con đường đến với tự do. Tự do thoát khỏi cái gì? Khỏi vinh quang ngu ngốc của việc làm người chính trực. Khỏi cuộc mưu cầu lối bịch đi tìm ý nghĩa. Khỏi cuộc tranh đấu bất tận nhằm đạt được tính chính thống. Cuộc tiến công của tự do ở tuổi bảy mươi mốt, tự do bỏ lại cả cuộc đời sau lưng - còn được gọi là chứng điên Aschenbach. “Và trước khi đêm xuống,” trích những lời cuối cùng trong *Chết ở Venice*, “một thế giới đã bị chấn động và tỏ lòng kính trọng khi nhận được tin về cái chết của ông.” Không, ông không cần phải sống giống như một nhân vật trong bất cứ lớp nào ông dạy.

“Jeff! Ba đây. Ba của con đây.”

“Chào ba. Mọi chuyện thế nào?”

“Jeff, ba biết tại sao con không gọi điện cho ba, tại sao Michael không gọi điện cho ba. Mark thì ba không nghĩ nó sẽ gọi - còn Lisa thì gác máy ngay khi ba gọi cho nó lần gần đây nhất.”

“Con bé có điện cho con. Nó có kể con nghe.”

“Nghe nè, Jeff - chuyện của ba với người đàn bà này đã kết thúc.”

“VẬY SAO? TẠI SAO?”

Ông nghĩ, Bởi vì cô ấy hết hy vọng rồi. Bởi vì đám đàn ông đã đánh đập cô ấy. Bởi vì hai đứa con của cô ấy đã chết trong đám cháy. Bởi vì cô ấy là một lao công. Bởi vì cô ấy không được học hành và nói cô ấy không biết đọc. Bởi vì cô ấy đã lang bạt từ năm mười bốn tuổi. Bởi vì cô ấy thậm chí còn không hỏi ba, “Anh đang làm gì với em vậy?” Bởi vì cô ấy biết *mọi người* đang làm gì với cô ấy. Bởi vì cô ấy đã trải qua mọi chuyện trên đời và không có hy vọng gì nữa.

Nhưng ông chỉ nói với con trai mình, “Bởi vì ba không muốn mất các con.”

Với tiếng cười dịu dàng nhất, Jeff nói, “Có muốn ba cũng không làm được đâu. Chắc chắn ba không thể mất con. Mà con cũng không tin ba sẽ mất Mike hay Lisa. Markie lại là chuyện khác. Markie khao khát một thứ mà *không ai* trong chúng ta có thể cho nó. Không chỉ ba - mà là không ai trong chúng ta cả. Chuyện Markie buồn thật đó. Nhưng còn chuyện chúng con đang mất *ba*? Chuyện chúng con đã mất ba từ khi mẹ mất và ba rút khỏi trường đại học? Tất cả bọn con lâu nay đã sống cùng điều đó. Ba ạ, không ai biết phải làm gì. Từ khi ba tuyên chiến với trường đại học, nói chuyện với ba thật không dễ gì.”

“Ba nhận ra điều đó,” Coleman nói, “ba hiểu điều đó,” nhưng cuộc nói chuyện chỉ mới diễn ra được hai phút mà ông đã cảm thấy không thể chịu đựng được. Chuyện đứa con trai biết điều, giỏi giang, dễ tính của ông, đứa con trai cả, cái đầu lạnh nhất trong đám, đang nói một cách bình tĩnh về vấn đề đang làm cả gia đình đau đầu với *chính* ông bố người *đã* gây ra vấn đề thì cũng khó chịu như chuyện thằng con út rất vô lý đang nổi giận với ông và phát khùng lên vậy. Cái đòi hỏi quá đáng mà ông đã quăng ra, vin vào sự thông cảm nơi đám con - vin vào với sự thông cảm nơi con cái của chính ông! “Ba hiểu,” Coleman lặp lại, và việc ông đã hiểu ra càng làm mọi chuyện trở nên tồi tệ.

“Con hy vọng không có gì quá kinh khủng đã xảy ra với cô ta,” Jeff nói.

“Với cô ấy? Không. Ba chỉ mới quyết định chấm dứt chuyện này.” Ông sợ nếu nói nữa ông có thể sẽ bắt đầu nói điều gì đó khác hẳn.

“Thế là tốt,” Jeff nói. “Con thấy hết sức nhẹ nhõm. Vì không có hậu quả gì, nếu đúng như ba vừa nói. Thật vui.”

Hậu quả à?

“Ba không hiểu ý con,” Coleman nói. “Tại sao lại là hậu quả?”

“Không phải giờ ba tự do và thành thoi sao? Không phải ba lại là chính mình sao? Bao nhiêu năm rồi mới thấy ba có vẻ lại giống với chính mình. Ba đã gọi điện - đó mới là điều quan trọng. Con đã chờ

đợi và hy vọng và giờ ba đã gọi điện. Thế là đủ. Ba đã trở lại. Tụi con chỉ lo nghĩ chuyện đó mà thôi.”

“Ba không hiểu, Jeff. Hãy nói cho ba biết. Ba không hiểu chúng ta đang bàn về cái gì ở đây. Hậu quả của chuyện gì?”

Jeff ngừng lại trước khi nói, và khi cậu nói, thì thái độ thật miễn cưỡng. “Vụ phá thai. Vụ toan tự tử.”

“Faunia?”

“Phải.”

“Phá thai? Toan tự tử? Hồi nào?”

“Ba, mọi người ở Athena đều biết. Vậy nên mới đến tai tụi con.”

“Mọi người? Mọi người là ai?”

“Nghe nè, ba. Không có hậu quả...”

“Chuyện đó chưa hề xảy ra, con trai, đó là lý do không hề có ‘hậu quả’. *Chuyện đó chưa hề xảy ra*. Không hề có chuyện phá thai, không hề có chuyện toan tự tử - theo ba biết thì không. Và theo cô ấy biết thì không. Nhưng *mọi người* là ai chứ. Mẹ kiếp, con nghe được câu chuyện kiểu đó, một chuyện nhằm nhí kiểu đó, tại sao con không cầm lấy điện thoại, tại sao con không tìm đến *ba*?”

“Bởi vì việc của con không phải là tìm đến ba. Con không tìm đến một người tuổi ba...”

“Không, con sẽ không đến tìm ba đâu, đúng không? Nhưng thay vào đó con lại tin bất cứ điều gì người ta nói về một người đàn ông ở tuổi ba, dù nó có lỗ bịch đến đâu, dù vô lý và ác ý đến đâu.”

“Nếu con sai, con thật sự xin lỗi. Ba đúng, dĩ nhiên là ba đúng. Nhưng chúng con đã phải băng qua một quãng đường dài. Lúc này thật không dễ gặp ba để...”

“Ai nói chuyện này với con?”

“Lisa. Nó nghe được đầu tiên.”

“Lisa nghe nó từ ai?”

“Nhiều nguồn. Người quen. Bạn bè.”

“Ba muốn biết tên. Ba muốn biết mọi người này là ai. Bạn bè nào?”

“Bạn cũ. Bạn ở Athena.”

“Những người bạn thơ ấu thân thiết của con bé. Con cái đồng nghiệp của ba. Ba tự hỏi không biết ai đã nói với chúng.”

“Không có vụ toan tự tử,” Jeff nói.

“Đúng, Jeffrey, không có. Ba cũng không biết có vụ phá thai nào.”

“Vậy thì tốt.”

“Nếu có thì sao? Nếu ba có làm cho người đàn bà này có thai và cô ấy đi phá thai rồi sau vụ phá thai đã tìm cách tự tử thì sao? Jeff này, giả sử cô ấy tự tử thành công thì sao? Rồi sao? Rồi sao Jeff? Tình nhân của ba con tự sát. Rồi sao? Oán trách ba à? Người cha tội lỗi của các con? Không, không, không - chúng ta hãy trở lại chuyện *toan* tự tử. Ồ, nghe hay đó, ba thực lòng tự hỏi không biết ai nghĩ ra vụ *toan* tự tử này. Có phải do phá thai mà cô ấy tìm cách tự tử không? Chúng ta hãy làm cho ra lẽ tấn kịch sứt mứt mà Lisa nghe được từ đám bạn ở Athena của nó nào. Bởi vì cô ấy không *muốn* phá thai? Bởi vì vụ phá thai là cô ấy bị ép phải làm? Ba hiểu rồi. Ba hiểu ra cái tàn nhẫn trong chuyện này rồi. Một bà mẹ mất hai đứa con trong một vụ hỏa hoạn lại có bầu với người tình của cô ấy. Phấn khích thay. Một cuộc sống mới. Một cơ hội khác. Một đứa con mới thế chỗ cho hai đứa đã chết. Nhưng người tình đó - *không*, ông ta nói, và túm tóc lôi cô ta tới tay bác sĩ phá thai, và rồi - dĩ nhiên - sau khi áp đặt ý muốn lên cô ta, đã mang cái thân thể máu me, trần truồng *đó*...”

Đến đó Jeff đã cúp máy.

Nhưng đến lúc đó Coleman cũng không cần tới Jeff để tiếp tục. Ông chỉ cần thấy những cặp học sinh Elderhostel bên trong quán ăn tự phục vụ uống nốt cà phê của họ trước khi trở lại lớp học, ông chỉ cần nghe họ cười nói thoải mái và thích thú, với cái vẻ già nua thích hợp trên gương mặt họ và giọng điệu mà những người ở tuổi họ nên nói, là đủ

để ông nghĩ rằng ngay cả những điều hợp lẽ ông đã làm cũng không khiến cho ông thấy nhẹ lòng. Không những từng là giáo sư đại học, không những từng là chủ tịch hội đồng giảng viên, không những vẫn tiếp tục làm chồng, vượt qua mọi gian khó, với người phụ nữ ghê gớm là vợ mình, mà còn có hẳn một gia đình, có những đứa con thông minh - và tất cả những thứ đó chẳng đem lại cho ông gì cả. Nếu con cái của bất kỳ ai cũng có thể hiểu được điều này, sao con cái của ông lại không? Nào là cho chúng học mẫu giáo. Nào là đọc cho chúng nghe. Rồi những bộ sách khoa thư. Chuẩn bị cho các kỳ thi. Những cuộc đối thoại trong bữa ăn. Những bài học cứ kéo dài mãi, của Iris, của ông, về bản chất đa dạng của cuộc sống. Để ý kỹ lưỡng đến ngôn ngữ chúng dùng. Mọi thứ chúng tôi đã làm, và rồi chúng đáp trả tôi bằng thái độ này sao? Sau tất cả những học hành và tất cả những sách vở và tất cả những lời dạy dỗ và tất cả những điểm số cao ngất trong kỳ sát hạch chuẩn đại học, quả là không thể chấp nhận được. Sau mọi sự trân trọng dành cho chúng. Khi chúng nói điều gì ngu ngốc, vẫn tiếp cận vấn đề đó một cách nghiêm túc. Mọi sự chú tâm cho việc phát triển lý lẽ và trí tuệ và khả năng đồng cảm. Và cả óc hoài nghi, một óc hoài nghi được trang bị đầy đủ thông tin. Rồi khả năng suy nghĩ độc lập. Để rồi sau đó thì chúng nuốt chửng ngay lấy tin đồn đầu tiên? Từng ấy sự giáo dục đều trở nên vô nghĩa. Không gì có thể cách ly chúng khỏi những ý nghĩ ở cấp độ hèn hạ nhất. Thậm chí còn không biết tự hỏi, “Nhưng chuyện đó nghe giống ba tụi mình sao? Chuyện đó giống với người ba mình biết sao?” Thay vào đó, ba chúng nó là một bài toán mà mọi thứ đã bày sờ sờ ra trước mặt. Không bao giờ được phép xem ti vi và giờ thì chúng lộ rõ cái não trạng phim truyền hình rẻ tiền. Không được phép đọc thứ gì ngoài những tác phẩm Hy Lạp hoặc những thứ tương tự, và giờ thì chúng biến cuộc đời mình thành thứ phim truyền hình rẻ tiền. Trả lời các câu hỏi của chúng. Mọi câu hỏi của chúng. Không né tránh bất kể câu nào. Chúng hỏi về ông bà chúng, họ là ai, và ta đã trả lời chúng. Họ đã chết, ông bà của tụi bây, khi ta còn trẻ. Ông nội mất khi ta học trung học, bà nội mất khi ta

đang trong hải quân. Lúc ta giải ngũ trở về, tay chủ nhà trọ đã vất mọi thứ ra đường từ lâu. Chẳng còn lại thứ gì. Tay chủ nhà trọ bảo ta ông ta không có đủ tiền để thế nợ thế kia, chẳng thu được xu tiền thuê nhà nào nữa, và ta có thể đã giết lão chó đẻ đó. An bum ảnh. Thư từ. Các thứ kỷ vật hồi nhỏ của ta, rồi của họ, tất cả, mọi thứ, toàn bộ các thứ, mất sạch. “Họ sinh ra ở đâu? Họ đã sống ở đâu?” Họ sinh ở Jersey. Người đầu tiên trong gia đình sinh ra ở đây. Ông là người quản lý quán rượu. Ta tin rằng ở Nga ba ông ấy, ông cố của tụi bây, làm việc trong quán rượu. Bán rượu cho bọn Nga. “Tụi con có chú bác cậu dì không?” Cha ta có một người anh đến California khi ta còn nhỏ, và mẹ ta là con một, giống như ta vậy. Sau khi đẻ ta bà không sinh nở được nữa - ta không biết tại sao lại vậy. Anh của cha ta, vẫn mang họ Silberzweig - theo chỗ ta biết thì bác ấy không chấp nhận cái tên người ta đổi. Jack Silberzweig. Được sinh ra ở quê cũ và vậy là cứ giữ tên đó. Khi ta lên tàu rời khỏi San Francisco, ta tìm trong mọi cuốn niên giám California để thử kiểm chỗ ở của bác ấy. Bác ấy và cha ta không qua lại với nhau. Cha ta coi bác ấy là loại ăn bám biếng nhác, chẳng muốn dính dáng gì với bác ấy, cho nên không ai biết bác Jack sống ở thành phố nào. Ta đã tìm trong mọi cuốn niên giám. Ta định báo với bác ấy rằng em trai bác đã chết. Ta muốn gặp bác ấy. Người bà con bên nội duy nhất còn sống. Bác ấy là kẻ ăn bám thì sao chứ? Ta muốn gặp con của bác ấy, anh em họ của ta, nếu có. Ta tìm bên dưới chữ Silberzweig, ta tìm bên dưới chữ Silk. Ta tìm cả bên dưới chữ Silber. Có thể ở California bác ấy đổi sang họ Silber chẳng. Hồi đó ta không biết. Và giờ ta cũng không biết. Ta tuyệt chẳng biết gì cả. Rồi ta thôi tìm kiếm. Khi các con chưa có gia đình của mình, các con sẽ quan tâm đến những chuyện này. Rồi ta có các con và ta không còn ưu tư chuyện ông bác với đám anh chị họ nữa... Mỗi đứa đều nghe cùng một chuyện đó. Và đứa duy nhất không hài lòng là Mark. Những đứa lớn hơn không hỏi chuyện đó nhiều, nhưng hai đứa sinh đôi thì cứ nhất quyết hỏi. “Trước đây có cặp sinh đôi nào không?” Theo chỗ ta biết - ta tin ta đã được nghe kể lại - thì có ông cố hay ông cố tổ gì đó là có

anh em sinh đôi. Đây cũng là câu chuyện ông đã kể cho Iris. Tất cả chuyện đó được bịa ra là vì Iris. Đây là câu chuyện ông đã kể cho bà ấy trên phố Sullivan khi họ gặp nhau lần đầu và ông cứ bám chặt vào câu chuyện này như là bản mẫu gốc. Và người duy nhất không hề hài lòng là Mark. “Ông cố tổ của tụi con từ đâu tới?” Nga. “Nhưng mà thành phố nào?” Ta đã hỏi cha mẹ ta, nhưng dường như họ cũng không biết chắc. Mỗi lần lại là một cái tên khác. Có cả một thế hệ người Do Thái giống như vậy. Họ không bao giờ biết rõ cả. Người già không nói nhiều về chuyện đó, và trẻ con Mỹ không tò mò đến vậy, chúng hào hứng với việc là người Mỹ, và thế là, trong gia đình ta cũng như nhiều gia đình khác, mọi người bị mắc chứng mất ký ức địa lý mà dân Do Thái thường mắc. Mỗi khi hỏi, Coleman nói với chúng, ta chỉ nghe được câu trả lời là “Nga.” Nhưng Markie nói, “Nước Nga lớn lắm, ba. *Chỗ nào ở Nga?*” Markie sẽ không chịu ngồi yên. Và tại sao? *Tại sao?* Không có câu trả lời. Markie muốn biết họ là ai và họ từ đâu tới. Toàn bộ chuyện đó cha nó không cho nó biết được. Và phải chăng đó là lý do nó trở thành một người Do Thái Chính thống giáo? Đó có phải là lý do nó viết những bài thơ phản kháng dựa trên Kinh Thánh không? Đó có phải là lý do Markie ghét ông đến thế không? Không thể nào. Có cả đồng người nhà họ Gittelman. Ông bà ngoại Gittelman. Cô chú dì cậu người nhà họ Gittelman. Anh em họ nhà Gittelman sống ở khắp Jersey. Chừng đó không đủ sao? Nó cần bao nhiêu họ hàng đây? Sao lại phải có cả những người nhà họ Silk và Silberzweig chứ? Nếu đem chuyện đó ra để trách cứ thì hoàn toàn vô lý - không thể vậy được! Nhưng Coleman vẫn tự hỏi, dầu biết là phi lý, liệu phải chăng nỗi giận dữ dai dẳng của Markie có liên hệ gì tới bí mật của riêng ông. Chừng nào Markie còn hằn học với ông, ông vẫn không thể ngăn mình đừng băn khoăn, và ông chưa từng băn khoăn một cách khổ sở hơn thế sau khi Jeff ngắt điện thoại. Nếu những đứa con mang dòng dõi của ông trong gien của chúng và sẽ truyền những dòng dõi đó cho con cái của chúng lại có thể dễ dàng nghi ngờ ông đã phạm phải cái tội ác tàn tệ nhất với Faunia, thì phải giải thích thế nào đây? Bởi vì ông không

bao giờ có thể nói với chúng về gia đình chúng chẳng? Bởi vì ông nợ chúng điều đó chẳng? Bởi vì không cho chúng biết ngọn ngành là sai trái chẳng? Thật vô nghĩa lý! Sự trừng phạt đâu có được thực thi trong vô thức hay không được hay biết như thế. Đâu có cái kiểu ăn miếng trả miếng như thế. *Không thể nào*. Thế nhưng, sau cú điện thoại - rời khỏi hội sinh viên, rời khỏi khu đại học, trong suốt thời gian ông lái xe trong nước mắt trở về ngôi nhà trên núi - đó chính xác là những gì ông cảm thấy.

Và suốt chặng đường lái xe về nhà ông nhớ lại thời điểm ông suýt nữa đã nói cho Iris biết mọi chuyện. Đó là sau khi hai đứa con sinh đôi ra đời. Gia đình họ lúc đó đã hoàn chỉnh. Họ đã làm được - ông đã thành công. Không có dấu hiệu nào cho thấy bí mật của ông xuất hiện ở những đứa con, như thế ông đã được *giải thoát* khỏi bí mật của mình. Niềm sung sướng từ việc trút bỏ được gánh nặng đã khiến ông gần như muốn nói toạc mọi chuyện. Phải, ông sẽ tặng vợ ông món quà tuyệt vời nhất mà ông có: ông sẽ nói cho mẹ của bốn đứa con ông biết cha của chúng thực sự là ai. Ông sẽ nói với Iris sự thật. Ông đã vui mừng và nhẹ nhõm nhường ấy, đã thấy đất dưới chân mình vững chãi nhường ấy khi Iris cho ông hai đứa con sinh đôi xinh xắn, và ông đã đưa Jeff và Mikey đến bệnh viện để gặp em trai và em gái mới của chúng, và nỗi e sợ khủng khiếp nhất về cả đám bọn chúng đã được giữ bỏ sạch sẽ khỏi đời ông.

Nhưng ông không tặng Iris món quà đó. Ông thoát khỏi việc phải làm điều đó - hoặc bị nguyên rủa phải bỏ dở việc đó - bởi biến cố ập xuống đầu người bạn thân của bà ấy, cộng sự thân thiết nhất của bà ấy trong ban chấp hành hội nghệ thuật, một họa sĩ màu nước nghiệp dư tao nhã xinh xắn tên là Claudia McChesney, khi chồng bà ấy, chủ công ty xây dựng lớn nhất hạt này, hóa ra lại có một bí mật cực kỳ chấn động: một gia đình thứ hai. Trong khoảng tám năm, Harvey McChesney đã chu cấp cho một phụ nữ trẻ tuổi hơn nhiều so hơn Claudia, nhân viên kế toán tại xưởng làm ghế gần Taconic, người đã

cho ông ta hai con, một đứa lên bốn và một đứa lên sáu, sống ở một thị trấn nhỏ ở bang New York giáp với Massachusetts, người mà ông ta đến thăm mỗi tuần, người mà ông ta chu cấp, người mà ông ta yêu thương, người mà không một ai trong gia đình của McChesney ở Athena biết tí gì cho đến khi một cú điện thoại nặc danh gọi đến - có lẽ từ một đối thủ trong ngành xây dựng của Harvey - tiết lộ với Claudia và ba đứa con tuổi vị thành niên, chuyện McChesney tới đâu khi ông ta không làm việc. Claudia ngã quỵ ngay đêm đó, hoàn toàn suy sụp và đã cố cắt mạch máu cổ tay, và chính là Iris, bắt đầu từ 3 giờ sáng, với sự giúp đỡ của một người bạn là bác sĩ tâm lý, đã thực hiện công cuộc giải cứu và trước bình minh đã đưa được Claudia vào Austin Riggs, bệnh viện tâm thần ở Stockbridge. Và chính Iris là người mà, suốt thời kỳ chăm sóc hai đứa con mới sinh và làm mẹ hai đứa trẻ ở tuổi mẫu giáo, đã đến bệnh viện mỗi ngày, nói chuyện với Claudia, vực bà ấy dậy, trấn an bà ấy, mang cho bà ấy những chậu cây cảnh để chăm sóc và sách nghệ thuật để xem, thậm chí chải và tết tóc cho Claudia, cho đến khi, sau năm tuần - và đó là nhờ vào sự tận tâm của Iris cũng nhiều như chương trình chữa trị - Claudia đã về nhà và bắt đầu thực hiện những bước cần thiết để dứt bỏ người đàn ông đã gây cho bà toàn bộ nỗi thống khổ này.

Chỉ trong vòng vài ngày, Iris đã cho Claudia tên của vị luật sư chuyên về ly dị ở Pittsfield và, cùng cả đám trẻ nhà Silk, cả hai đứa mới sinh, được buộc dây an toàn vào băng ghế sau xe, bà đã lái xe đưa bạn mình tới văn phòng luật sư để chắc chắn rằng những thủ tục ly dị được tiến hành ngay và việc giải thoát Claudia khỏi McChesney sẽ mau chóng diễn ra. Trên đường về nhà hôm đó việc rất nhiều các hoạt động lên dây cót tinh thần đã phải diễn ra, nhưng động viên người khác chính là chuyên môn của Iris, và bà đã làm tất cả để bảo đảm rằng quyết tâm chinh đốn lại cuộc đời mình của Claudia sẽ không bị cuốn trôi bởi những nỗi sợ hãi còn sót lại trong lòng.

“Làm thế với người khác thật là tệ bạc làm sao,” Iris nói. “Không phải là chuyện cô bồ. Tệ đấy, nhưng cũng xảy ra rồi. Thậm chí cũng không phải chuyện đấm con nít - không phải hai đứa con nhỏ của người phụ nữ kia, dù chuyện đó có gây đau đớn thế nào cho ai ở vị trí người vợ đi nữa. Không, chính là cái bí mật kia - đó là cái gây ra tai vạ này, Coleman à. Đó là lý do Claudia không muốn sống nữa. ‘Đầu gối tay ấp mà thế ư?’ Lần nào câu hỏi đó cũng khiến cô ấy khóc. ‘Đầu gối tay ấp mà thế ư’ cô ấy nói, ‘ông ta lại đi giấu em một bí mật như thế?’ Chuyện ông ta giấu được cô ấy điều này, chuyện ta ông *hắn* sẽ tiếp tục giấu không cho cô ấy biết - đó là điều Claudia không thể chống đỡ lại được, đó là lý do khiến cô ấy vẫn muốn tự tử. Cô ấy nói với em, ‘Cảm giác giống như việc phát hiện ra một xác chết. Ba xác chết. Ba xác người được giấu dưới sàn nhà chúng tôi.’ ” “Phải,” Coleman nói, “nó giống như trong thần thoại Hy Lạp. Trong vở *The Bacchea*.” “Còn tệ hơn,” Iris nói, “bởi vì nó không phải vở *The Bacchea*. Nó là chuyện đời Claudia.”

Khi, sau gần một năm điều trị ngoại trú, Claudia nối lại mối quan hệ với chồng và ông ta trở lại sống trong ngôi nhà ở Athena và người nhà McChesney lại tiếp tục sống chung với nhau như một gia đình - khi Harvey đồng ý bỏ người phụ nữ kia, nhưng không từ bỏ hai đứa con, mà ông đã thề sẽ làm một người cha có trách nhiệm - Claudia cũng không hăm hờ gì hơn Iris trong việc duy trì tình bạn của họ, và sau khi Claudia rút khỏi hội nghệ thuật, hai bà không còn gặp nhau một cách thân mật hoặc tại các buổi họp mặt của hội mà Iris thường là nhân vật chủ chốt nữa.

Và Coleman cũng không tiến hành - như cái chiến thắng khi hai đứa bé sinh đôi ra đời đã thôi thúc ông muốn làm - việc tiết lộ cho vợ bí mật chấn động *của ông*. Ông nghĩ mình đã được cứu thoát khỏi cái phút bốc đồng cảm tính trẻ con nguy hiểm nhất mà chút nữa thôi đã gây hại cho ông. Đột nhiên lại đi suy nghĩ giống như một gã ngốc: đột nhiên nghĩ tất cả mọi người đều tốt đẹp, rũ bỏ hoàn toàn sự ngờ vực,

sự thận trọng, sự ngờ vực *chính mình*, để nghĩ rằng mọi khó khăn đã đến hồi kết thúc, rằng mọi chuyện phức tạp không còn tồn tại nữa, để quên mất không chỉ việc mình đang ở đâu mà còn cách mình đến được đó, để từ bỏ tính cẩn thận, tính kỷ luật, việc đánh giá từng tình huống một... Như thế cái trận chiến đó, thứ thuộc về riêng mỗi người, bằng cách nào đó lại có thể gác lại, như thế một cách chủ động người ta có thể tiếp tục và tạm ngưng là cái tôi của chính mình, cái tôi đặc trưng, bất di bất dịch mà trận chiến nổ ra trước hết là nhân danh nó. Hai đứa con út của ông sinh ra với màu da trắng hoàn hảo đã khiến ông nắm lấy điều mạnh mẽ nhất trong ông và điều khôn ngoan nhất trong ông và xé nó thành trăm mảnh. Sự khôn ngoan bảo, “Đừng làm gì hết,” và nó đã cứu được ông.

Nhưng thậm chí trước đó, sau khi sinh đứa con đầu lòng, ông đã làm một điều cũng ngu ngốc và ủy mị chẳng kém. Ông lúc đó là một giáo sư văn học Hy La trẻ từ Adelphi đến Đại học Pennsylvania dự một hội nghị ba ngày về *Iliad*; ông đã trình bày một bài tham luận, ông đã gặp gỡ một số người, thậm chí ông đã được một nhà nghiên cứu văn học Hy La danh tiếng kín đáo mời nộp đơn xin vào vị trí còn khuyết tại Princeton, và, trên đường về nhà, trong giây phút nghĩ mình đang lên hương, thay vì đi về hướng Bắc trên đường cao tốc Jersey Turnpike, để tới Long Island, ông quẹo sang hướng Nam và đi dọc theo những con đường nhỏ của hạt Salem và Cumberland đến Gouldtown, đến ngôi nhà tổ tiên của mẹ ông nơi họ thường tổ chức buổi cắm trại gia đình hằng năm khi ông còn nhỏ. Phải, ngày ấy cũng hết như bây giờ, sau khi trở thành một ông bố, ông đã định tặng cho mình cái niềm vui dễ dãi ấy, ông đã định tặng cho mình một trong những thứ cảm xúc rất chi là ý nghĩa mà người ta sẽ đi tìm bất cứ khi nào họ ngừng suy nghĩ bằng đầu. Nhưng bởi ông có một cậu con trai chẳng đòi hỏi ông phải rẽ về phía Nam đến Gouldtown, nên, khi tới Bắc Jersey, việc có đứa trẻ này làm con trai mình đã buộc ông chạy xe vào lối rẽ ở Newark và hướng về East Orange. Nhưng lại cũng có một

thôi thúc khác cần nén lại: nỗi thôi thúc muốn gặp mẹ, kể với bà những gì đã xảy ra và mang đứa bé đến gặp bà. Nỗi thôi thúc, hai năm sau khi từ bỏ bà, và bất chấp lời cảnh báo của Walter, muốn *xuất hiện* trước mặt mẹ. Không. Dứt khoát không thể được. Vậy là thay vào đó ông tiếp tục đi thẳng về nhà với cô vợ da trắng và đứa con da trắng của ông.

Và, khoảng bốn thập niên sau, trên suốt đoạn đường lái xe từ trường đại học về nhà, bị sự thống trách vây bủa, nhớ lại những giây phút tuyệt vời nhất trong cuộc đời - sự ra đời những đứa con, niềm phấn chấn, cái nổi xáo động vô cùng ngây thơ, cơn dao động dữ dội của quyết tâm nơi ông, cảm giác nhẹ nhõm lớn lao đến độ gần như *xóa đi* cả quyết tâm của ông - ông cũng nhớ đến đêm tồi tệ nhất trong đời mình, nhớ lại thời ở hải quân và cái đêm ông bị tống ra khỏi nhà thổ ở Norfolk, nhà thổ dành cho dân da trắng nổi tiếng có tên Oris. “Mày là thằng mọi đen, phải không nhóc?” và vài giây sau những tên bảo kê đã lẳng ông từ cửa trước, bay qua mấy bậc thềm ra đến phố. Chỗ mày muốn tìm là Lulu đó, trên phố Warwick đằng kia - chúng hét lên sau lưng ông, Lulu là chỗ chứa loại đít đen mày đó. Trán ông đập xuống lề đường, nhưng ông đứng dậy được, chạy cho đến khi thấy một con hẻm, và từ đó chạy ra khỏi phố lớn và tránh đám Tuần tra Bờ biển, cái đám người có mặt trên khắp khu đó vào ngày thứ Bảy, tay vung vẩy những cây dùi cui. Cuối cùng ông chui vào nhà vệ sinh của quán rượu duy nhất ông dám bước vào trong bộ dạng không thể tả tơi hơn lúc đó - một quán rượu của người da màu cách khu cảng Hampton Roads và bến phà Newport News (phà chở thủy thủ đến Lulu) vài trăm mét và cách Oris khoảng mười dãy nhà. Đó là quán rượu da màu đầu tiên ông đặt chân vào kể từ khi ông là một nam sinh trường East Orange, cái thời ông và một người bạn từng điều hành trò cá cược bóng bầu dục ở Câu lạc bộ Billy’s Twilight nằm trên tuyến đường sắt Newark. Suốt hai năm đầu trung học, ngoài việc đánh bốc lén lút, ông còn tới lui

Câu lạc bộ Billy's Twilight suốt cả mùa thu, và chính ở đó mà ông đã tích lũy được toàn bộ những kinh nghiệm phục vụ rượu mà sau này ông khẳng định là đã học được - từ hồi là một thằng nhóc da trắng ở East Orange - trong quán rượu do ông bố Do Thái của mình làm chủ.

Ông nhớ lại lúc đó ông đã xoay xở ra sao để cầm máu cái mặt bị rách tét của mình và dù ông đã tuyệt vọng chùi vào cái áo thủy thủ trắng nhưng máu vẫn cứ nhỏ xuống và bắn vào mọi thứ. Bồn cầu không có tấm lót ngồi dính đầy cứt, sàn lót ván ngập lênh láng nước tiểu, bồn rửa, nếu thứ đó là bồn rửa, cứ như cái máng đầy đờm dãi và chất nôn mửa - đến độ khi cơn nôn ọe dâng lên do cơn đau từ cổ tay, ông đã mửa vào Bức tường trước mặt thay vì cúi mặt xuống cái chỗ bẩn thỉu đó.

Đó là một quán rượu tầm lợm, dơ bẩn, nơi tồi tệ nhất, không giống bất cứ chỗ nào ông từng gặp, nơi kinh tởm nhất ông có thể tưởng tượng ra, nhưng ông cần chỗ trốn, và thế là, trên một băng ghế trống mà ông có thể kiểm được cách xa nhất với đám cận bã người lúc nhúc trong quán rượu, và trong cơn sợ hãi tột cùng, ông cố nhấp một ly bia, để trấn an mình và làm dịu cơn đau đồng thời tránh lời kéo sự chú ý. Thực ra cũng chẳng có ai trong quán rượu thèm nhìn về hướng ông sau khi ông mua ly bia và biến mất đằng sau những chiếc bàn trống sát tường: cũng như tại nhà thổ da trắng, ở đây người ta nhìn ông như đúng con người thật của ông.

Ông vẫn biết, dù đã uống ly bia thứ hai, ông đang ở nơi ông không nên có mặt, vì nếu bọn Tuần tra Bờ biển vớ được ông, nếu họ phát hiện lý do ông bị tống ra khỏi Oris, thì đời ông thế là tàn: một phiên tòa quân sự, một bản án, một chuỗi ngày dài lao động khổ sai và kéo theo sau đó là cuộc thái ngũ đầy nhục nhã - tất cả là vì ông đã khai man với hải quân về chủng tộc của mình, tất cả là do ông đã ngu ngốc đến mức bước qua ngưỡng cửa nơi mà những tay da đen chỉ đến để giặt giũ chăn màn hoặc lau chùi.

Vậy đó. Ông sẽ phục vụ hết thời hạn tại ngũ như một người da trắng và sau đó thì dừng. Bởi vì mình không làm được, ông nghĩ - thậm chí mình còn không muốn. Trước đây ông chưa từng biết đến ô nhục thực sự. Trước đây ông chưa từng biết trốn tránh cảnh sát là gì. Trước đây ông chưa từng bị chảy máu vì lãnh một cú đấm - trong tất cả những hiệp đấu quyền Anh nghiệp dư đó ông chưa từng mất một giọt máu hay bị đau hay bị thương dưới bất cứ hình thức nào. Nhưng giờ đây chiếc áo thủy thủ trắng của ông đỏ như tấm băng gạc phòng mổ, quần ông đẫm máu khô cứng và chỗ đầu gối bị té cắm xuống rãnh nước thì rách bươm và đen kịt bùn đất. Và cổ tay ông bị thương, thậm chí có thể đã bị gãy, do ông chống tay xuống trước khi tiếp đất - ông không thể cử động mà cũng không dám đụng vào nó. Ông nốc cạn ly bia và gọi thêm một ly nữa để làm dịu cơn đau.

Đây là kết quả của việc không hoàn thành được những lý tưởng của cha ông, của việc tung hô những mệnh lệnh của cha ông, của việc ruồng bỏ người cha quá cố. Nếu như ông làm như cha ông đã làm, như Walter đã làm, mọi thứ chắc đã xảy ra theo cách khác. Nhưng đầu tiên là ông phá luật bằng việc khai man khi vào hải quân, và bây giờ, khi đi tìm một phụ nữ da trắng để đụ, ông đã đâm đầu vào cái thứ tai họa tồi tệ nhất có thể xảy ra. “Hãy cho con tiếp tục cho tới ngày xuất ngũ. Hãy để con ra khỏi quân đội đã. Con sẽ không bao giờ nói dối nữa. Chỉ cần cho con hoàn tất thời hạn của mình, chỉ vậy thôi!” Đây là lần đầu ông nói chuyện với cha ông từ khi ông ấy gục chết trong toa ăn xe lửa.

Nếu ông cứ thế này, cuộc đời ông sẽ chẳng đi tới đâu. Sao Coleman biết được điều đó? Bởi vì cha ông đang nói vọng về với ông - tiếng nói rầy la ngày xưa một lần nữa lại ùng ục dội ra từ ngực cha ông, âm vang như mọi khi với sự chính đáng rõ ràng của một con người chính trực. Nếu Coleman cứ tiếp tục giống như vậy, đời ông sẽ kết thúc dưới một đường mương với vết cắt ngang cổ họng. Hãy nhìn nơi ông đang ngồi. Hãy nhìn chỗ ông đã đến để trốn lánh. Và cách mà ông

đã trốn? Tại sao chứ? Đó là bởi tuyên ngôn của ông, bởi cái tuyên ngôn láo xược, kiêu ngạo của ông, “Tôi không phải là một trong số các người, tôi không chịu đựng được các người, tôi không nằm trong cái chúng ta da đen của các người.” Cuộc đấu tranh anh dũng vĩ đại chống lại cái chúng ta của họ - và hãy nhìn xem giờ ông trông giống cái gì! Cuộc đấu tranh nhiệt thành cho sự độc nhất quý giá, cuộc nổi dậy của một người chống lại số phận mọi đen - và hãy nhìn xem con người ngang ngạnh vĩ đại đó đã kết thúc ở chỗ nào! Coleman, đây có phải là nơi ta đến để tìm kiếm ý nghĩa sâu xa hơn của cuộc tồn sinh không? Một thế giới ngập tràn tình yêu thương, đó là thứ mi có, và mi đã từ bỏ nó vì cảnh này đây! Mi đã hành động thật tệ hại và khinh suất làm sao! Và không chỉ tác động tới mi - mà còn tới tất cả chúng ta. Tới Ernestine. Tới Walt. Tới Mẹ. Tới ta. Tới ta đang nằm dưới nắm mồ của ta. Tới cha ta trong nắm mồ của ông ấy. Mi còn định làm điều to tát gì nữa đây, hỡi Coleman Brutus? Còn ai nữa sẽ bị mi phản bội và lừa dối đây?

Nhưng ông vẫn không thể ra phố vì nỗi sợ đám Tuần tra Bờ biển, tòa án binh, buồng tạm giam trên tàu hải quân, và án thái ngục mà nó sẽ ám ông mãi mãi. Mọi thứ trong ông kích động đến độ ông không thể làm bất cứ điều gì khác ngoài việc tiếp tục uống cho đến khi, dĩ nhiên, một ả điểm rõ là cùng chủng tộc với ông tới ngồi cặp với ông trên băng ghế.

Khi đám Tuần tra Bờ biển tìm thấy ông vào sáng hôm sau, họ cho những vết thương đầy máu và cái cổ tay gãy và bộ quân phục lấm lem, nhàu nát là do ông đã ở qua đêm trong khu mọi đen, lại thêm một gã da trắng hứng tình nửa muốn kiếm một cái hăm đen rồi - sau khi đã bị phang đã đời, uống đã đời, sau khi bị vắt kiệt đã đời (cũng như được xăm mình ra trò nữa) - đã bị lẳng ra bãi đất đầy thủy tinh vụn đăng sau bến phà cho bọn cơ hội tranh thủ cuôm nốt những gì còn lại.

“Hải quân Mỹ” hình xăm ghi vậy, những chữ này, cao chỉ vài li, được ghi bằng mực xanh nước biển giữa hai ngạnh xanh của một mỏ

neo xanh, dài năm sáu phân. Một họa tiết thuộc loại khiêm tốn nhất trong số những hình xăm quân đội và, nằm kín đáo ngay bên dưới chỗ bắp tay phải nối với bả vai, một hình xăm mà ta có thể dễ dàng giấu kín. Nhưng khi ông nhớ mình đã có hình xăm này thế nào, cái dấu vết đó không chỉ gợi lại sự hỗn loạn trong cái đêm tồi tệ nhất đời ông mà còn gợi lại những thứ ẩn tàng dưới sự hỗn loạn đó - nó là dấu hiệu cho toàn bộ lịch sử đời ông, cho tính bất khả phân ly của sự anh hùng và nỗi ô nhục. Nằm sâu trong hình xăm xanh nước biển đó là hình ảnh thực sự và trọn vẹn của chính ông. Cái lý lịch không thể xóa bỏ được năm đó, cả nguyên mẫu của cái không thể xóa bỏ được đó, bởi một hình xăm chính là biểu tượng cho những gì vĩnh viễn không thể tẩy sạch. Dự phóng lớn lao cũng nằm ở đó. Những lực tác động bên ngoài nằm ở đó. Toàn bộ cái chuỗi không thể tiên liệu, những nguy cơ của việc vạch trần và những nguy cơ của việc giấu giếm - thậm chí cả sự vô nghĩa của cuộc đời cũng ở đó trong cái hình xăm màu xanh nhỏ bé ngu ngốc ấy.

Ông bắt đầu gặp khó khăn với Delphine Roux ngay từ học kỳ đầu tiên ông đi dạy trở lại, khi một sinh viên của ông tình cờ lại là học trò cưng của giáo sư Roux tới tìm cô, chủ nhiệm khoa, để phàn nàn về hai vở kịch của Euripides trong lớp kịch Hy Lạp của Coleman. Một vở tên *Hippolytus*, vở kia là *Alcestis*; sinh viên đó, Elena Mitnick, nhận thấy chúng “hạ thấp phụ nữ”.

“Vậy tôi sẽ làm gì để chiều ý cô Mitnick đây? Xóa Euripides khỏi chương trình à?”

“Không phải vậy. Mọi việc rõ ràng tùy thuộc vào việc ông dạy Euripides như thế nào.”

“Thế,” ông hỏi, “hiện nay phương pháp được quy định là gì?” nghĩ trong đầu, ngay cả trong khi nói vậy, đây không phải là một cuộc tranh luận mà ông có đủ kiên nhẫn hay lịch sự cho nó. Ngoài ra, *không* tham gia tranh luận thì sẽ dễ làm Delphine lúng túng hơn. Dù tràn đầy sự tự

tin về trí tuệ của mình, cô cũng chỉ mới hai mươi chín tuổi và gần như không bươn chải gì ngoài phạm vi trường ốc, lại chỉ vừa nhận công việc và cũng có thể xem là lính mới đối với cả ngôi trường này lẫn đất nước này. Từ những lần gặp trước đó của họ, ông hiểu rằng để đốp lại cái nỗ lực ở nơi cô nhằm tỏ ra mình không những chỉ trên cơ người đàn ông này mà là siêu siêu trên cơ ông ta - “Mọi chuyện rõ ràng tùy thuộc” và những từ đại loại vậy - thì chỉ có cách là bày tỏ sự thờ ơ hoàn toàn trước ý kiến của cô. Dù đã có cả đồng điều không chịu nổi ở ông, cô còn không chịu nổi việc cái nền tảng học vấn vốn vẫn gây ấn tượng mạnh với những đồng nghiệp khác của cô ở Athena lại chưa khuất phục được tay cự chủ tịch hội đồng giảng viên này. Dù không hề muốn, cô cũng không thoát được cảm giác sợ hãi người đàn ông này, người mà cách đây năm năm đã miễn cưỡng nhận cô vào làm lúc cô vừa tốt nghiệp chương trình sau đại học ở Yale và sau này đã không hề giấu giếm thái độ hối tiếc với quyết định đó, đặc biệt là khi đám người trì độn trong khoa quyết định chọn một phụ nữ trẻ đầu óc còn rỏi bời đến vậy làm sếp của họ.

Cho đến tận bây giờ, cô vẫn không ngừng bất an vì sự có mặt của Coleman Silk đến độ cô ước gì có thể làm cho ông bối rối trước cô. Có điều gì đó ở ông luôn đẩy cô trở lại thời trẻ nít với nỗi sợ hãi của đứa trẻ khôn sớm rằng mình đang bị người ta nhìn thấu suốt; cũng như trở lại với nỗi sợ hãi của đứa trẻ khôn sớm rằng chưa được người ta nhìn cho đủ. Sợ bị phơi bày, nhưng thèm muốn được để mắt đến - quả là một cảnh tiến thoái lưỡng nan. Điều gì đó ở ông thậm chí còn khiến cô phải tự vấn lại tiếng Anh của mình, mà bình thường dùng nó cô thấy hoàn toàn thoải mái. Bất cứ khi nào họ gặp mặt nhau, có điều gì đó luôn khiến cô nghĩ rằng ông chẳng muốn gì hơn ngoài việc trói hai tay cô ra sau lưng.

Rốt cuộc đó là cái gì? Là việc ông đánh giá khả năng tình dục của cô khi cô lần đầu đến văn phòng để phỏng vấn xin việc, hay là việc ông không đánh giá khả năng tình dục của cô? Không thể đọc được

cách ông đọc vị cô, và chuyện đó lại diễn ra vào một buổi sáng khi cô biết mình đã vận dụng tối đa mọi khả năng của mình. Cô muốn mình trông tuyệt vời và đúng là cô trông tuyệt vời thật, cô muốn mình nói năng lưu loát và cô đã nói năng lưu loát, cô muốn mình ăn nói thật uyên thâm và cô đã thành công, cô chắc chắn vậy. Ấy thế mà ông chỉ nhìn cô như thể cô là một đứa học trò, đứa con tầm thường của ông và bà Cùi Bắp.

Có lẽ đó là vì chiếc váy len kẻ ô - cái váy kilt như kiểu mini juyp hần đã khiến ông nghĩ đến bộ đồng phục nữ sinh, đặc biệt là khi người mặc nó là một phụ nữ trẻ tóc đen, nhỏ bé, gọn gàng với khuôn mặt nhỏ nhắn chỉ có mắt với mắt, và cân nặng, cộng cả quần áo và những thứ khác, chưa tới năm mươi ký. Ý định của cô, với chiếc váy cũng như với chiếc áo cổ lọ màu đen bằng len cashmere, quần tất đen, và đôi ủng đen cao, chẳng phải là để xóa đi yếu tố giới tính bằng trang phục (mọi nữ giáo sư đại học ở Mỹ mà cô gặp cho tới thời điểm đó đều cố công theo đuổi đúng cái lối ăn mặc đó) mà cũng chẳng phải để tỏ ra là đang cố trêu người ông. Dù nghe bảo ông đã sáu mươi mấy, nhưng trông ông không già hơn người cha năm mươi tuổi của cô là bao; trên thực tế ông trông giống một đối tác trẻ trong công ty của cha cô, một trong đám kỹ sư phụ tá cho cha cô, kẻ đã để mắt đến cô từ khi cô mười hai. Khi, ngồi đối mặt với tay chủ tịch hội đồng giảng viên, cô bắt chéo chân và vạt váy mở tênh hênh ra, cô đã chờ qua một, hai phút rồi mới khép vạt váy lại - và khép nó lại một cách hời hợt giống như ta đóng nắp một cái ví - chỉ bởi vì, cho dù trông còn trẻ thế nào, cô cũng *không phải* là một nữ sinh với những nỗi sợ hãi của nữ sinh và vẻ nghiêm trang khô cứng của nữ sinh, bị nhốt kín trong những khuôn phép của nữ sinh. Cô không muốn để lại ấn tượng như thế cũng như không muốn tạo ra ấn tượng ngược lại bằng cách để kệ cho vạt váy mở tênh hênh ra và qua đó mời gọi ông tưởng tượng rằng cô có ý cho ông nhìn, trong suốt cuộc phỏng vấn, vào cặp đùi thon thả của cô trong chiếc quần tất đen. Cô đã cố hết mức có thể, qua cách chọn lựa

trang phục cũng như qua thái độ, để bày sảng ra trước mặt ông sự tác động qua lại phức tạp của *tất cả* những thứ sức mạnh đã hòa trộn với nhau để khiến cho cô trở nên thú vị đến như vậy ở tuổi hai mươi tư.

Ngay cả món nữ trang của cô, chiếc nhẫn to có đeo ở ngón giữa bàn tay trái sáng hôm đó, thứ trang sức duy nhất của cô, cũng được chọn bởi nó tôn thêm vẻ trí thức nơi cô, một người mà việc hưởng thụ bề mặt thẩm mỹ của cuộc sống một cách cởi mở, không phòng thủ, với niềm ham thích và sự sành sỏi không che đậy, vẫn bị nuốt chửng trong sự tận hiến cả đời cho phấn đấu học thuật. Chiếc nhẫn, bản sao thế kỷ mười tám của một chiếc nhẫn triện La Mã, là một chiếc nhẫn đàn ông trước đây từng được một người đàn ông đeo. Trên mặt mã não hình trái xoan đặt nằm ngang - khiến cho chiếc nhẫn có vẻ to bè đầy nam tính - là hình khắc Danaë đón tiếp thần Zeus trong hóa thân là một cơn mưa vàng. Ở Paris, bốn năm trước, khi Delphine hai mươi, cô được tặng chiếc nhẫn này như một bằng chứng của tình yêu từ vị giáo sư sở hữu nó - vị giáo sư duy nhất cô không thể cưỡng lại và đã có một mối tình nồng nàn với ông ta. Thật trùng hợp, ông ta cũng là một nhà nghiên cứu văn học Hy Lạp. Lần đầu họ gặp nhau trong văn phòng ông ta, ông ta có vẻ quá xa cách, quá xét nét, đến độ cô thấy mình tê đi vì sợ hãi cho tới khi cô nhận ra rằng ông ta đang chơi trò quyến rũ theo kiểu ngược đời. Đó có phải là điều mà tay chủ tịch hội đồng giảng viên Silk này nhắm đến không?

Dù chiếc nhẫn to lù lù như thế, tay chủ tịch hội đồng giảng viên cũng không hề muốn xem cơn mưa vàng được khắc trên mặt mã não, và cô xác định như thế cũng tốt. Cho dù câu chuyện làm thế nào cô có được chiếc nhẫn chứng tỏ, hơi ngược đời, một sự trưởng thành táo tợn, ông sẽ chỉ nghĩ chiếc nhẫn là một thứ ý thích phù phiếm, một dấu hiệu cho thấy cô *chưa đủ* trưởng thành. Ngoại trừ chút hy vọng lẻ loi, cô hầu như chắc chắn rằng ông nghĩ về cô theo kiểu đó ngay từ giây phút họ bắt tay nhau - và cô đã đúng. Coleman chỉ thấy cô là một người quá trẻ cho công việc này, hội tụ quá nhiều mâu thuẫn chưa được giải

quyết, vừa hơi quá tự hào về mình, đồng thời lại thích giả đò quan trọng hóa bản thân, chẳng khác nào một đứa trẻ, một đứa trẻ tự chủ nhưng lại chưa đến nơi đến chốn, phản ứng tức thì khi đánh hơi thấy sự phản đối, động bát động đĩa là bị tổn thương, và nhạt nhẽo, cả ngày còn bé lẩn khi là phụ nữ, hết thành tựu này đến thành tựu khác, hết người ngưỡng mộ này đến người ngưỡng mộ khác, hết cuộc chinh phục này đến cuộc chinh phục khác, mà xuất phát điểm là từ sự thiếu quyết đoán cũng nhiều như bởi sự tự tin. Một người sắc sảo so với tầm tuổi cô, thậm chí quá sắc sảo, nhưng lệch lạc về mặt cảm xúc và chậm phát triển một cách nghiêm trọng trong hầu hết các mặt khác.

Qua lý lịch của cô và bài luận tiểu sử bổ sung dài mười lăm trang đi kèm - kể chi tiết diễn tiến cuộc hành trình trí tuệ bắt đầu từ sáu tuổi - ông đã hiểu khá rõ về cô. Thành tích của cô quả thật xuất sắc, nhưng mọi thứ ở cô (kể cả các thành tích) khiến ông cảm thấy chúng không hề phù hợp với một nơi nhỏ bé như Athena. Thời thơ ấu thì sống ở đại lộ Longchamp thuộc *quận nội thị* số 16. Ông Roux Cha là kỹ sư, chủ một công ty bốn mươi nhân công; bà Roux Mẹ (nhũ danh Malincourt) sinh ra với một cái họ danh giá lâu đời, là tầng lớp quý tộc địa phương, vợ, mẹ của ba đứa con, học giả văn học Pháp trung cổ, một tay đàn clavico bậc thầy, học giả nhạc clavico, sử gia về các giáo hoàng, vân vân... Một cái “vân vân” đầy ấn tượng! Delphine, con thứ và cũng là con gái duy nhất trong nhà, tốt nghiệp Lycée* Janson de Saily, nơi cô học triết học và văn chương, văn học Pháp, La tinh, Đức và Anh: “... đọc toàn bộ các tác phẩm kinh điển của văn học Pháp một cách có hệ thống.” Sau Lycée Janson, là Lycée Henri IV: “... nghiên cứu sâu về văn chương và triết học Pháp, lịch sử văn học và ngôn ngữ Anh.” Ở tuổi hai mươi, sau khi học Lycée Henri IV, vào học ở École Normale Supérieure de Fontenay: “... với những *élite** của giới trí thức Pháp... một năm chỉ tuyển ba mươi học viên.” Luận án: “Sự phủ nhận chính mình ở Georges Bataille.” Bataille à? Hẳn rồi. Mọi học viên sau đại học siêu ngẫu siêu chất ở Yale đều làm luận án hoặc về

Mallarmé hoặc về Bataille. Không khó để biết cô định cho ông thấy cái gì, nhất là khi Coleman biết đôi chút về Paris nhờ từng là một giáo sư trẻ sống ở đó, mang cả gia đình đi cùng, theo chương trình Fulbright trong một năm, và biết đôi chút về những người Pháp trẻ tham vọng được đào luyện trong những trường trung học dành cho thành phần ưu tú này. Những người trẻ non nớt hết sức thông minh được chuẩn bị cực kỳ tốt, được gặp gỡ những bậc thầy trí tuệ, được tận hưởng cái nền giáo dục Pháp trường giả bậc nhất và nhiệt thành chuẩn bị để được thiên hạ ghen tị suốt đời, mỗi tối thứ Bảy họ hay đến nhà hàng Việt Nam rẽ tiền trên đại lộ St. Jacques nói về những điều lớn lao, không bao giờ đề cập đến những chuyện tầm phào hay vụn vặt - chỉ triết học, chính trị, tư tưởng. Ngay cả lúc rảnh, khi họ ở một mình, họ cũng chỉ nghĩ về sự tiếp nhận Hegel trong đời sống trí thức Pháp thế kỷ hai mươi. Giới trí thức thì không được phù phiếm. Cuộc sống chỉ xoay quanh tư tưởng. Dù bị tẩy não thành một nhà Marxist hăng say hay một tay chống Marxist điên cuồng, họ có nỗi ghê sợ bẩm sinh với mọi thứ thuộc về nước Mỹ. Vì những điều kiểu vậy và hơn nữa, cô đến Yale: đăng ký dạy tiếng Pháp cho sinh viên cấp cử nhân và xin vào chương trình đào tạo tiến sĩ, và, như cô ghi trong bài tự thuật của mình, cô là một trong hai người Pháp duy nhất được nhận vào chương trình. “Tôi vào Đại học Yale trong một tinh thần rất Descartes, và ở đó mọi thứ thì đa nguyên và phức điệu hơn nhiều.” Thấy buồn cười với đám sinh viên cử nhân. Đời sống trí thức của chúng ở đâu vậy? Hoàn toàn bị sốc với kiểu vui chơi của chúng. Cách suy nghĩ của chúng thật vô tổ chức, không có tí tư tưởng nào - cả cách sống! Thậm chí chúng chưa từng xem một phim nào của Kurosawa - chúng không biết *hiều* như vậy đó. Hồi ở độ tuổi của chúng, cô đã xem mọi phim của Kurosawa, mọi phim của Tarkovsky, mọi phim của Fellini, mọi phim của Antonioni, mọi phim của Fassbinder, mọi phim của Wertmuller, mọi phim của Satyajit Ray, mọi phim của René Clair, mọi phim của Wim Wenders, mọi phim của Truffaut, của Godard, Chabrol, Resnais, Rohmer, Renoir, còn tất cả những gì bọn này từng xem là *Chiến tranh*

giữa các Vì sao. Ở Yale, với thái độ hết sức nghiêm túc, cô nổi lại sứ mệnh tri thức của mình, theo học lớp của những giáo sư nổi danh nhất. Tuy nhiên, có chút lạc lối. Lúng túng. Nhất là với những học viên sau đại học khác. Cô quen sống với những người nói cùng thứ ngôn ngữ trí tuệ, còn những người Mỹ này... Và không phải ai cũng thấy cô thú vị. Những tưởng đến Mỹ và được nghe mọi người nói, “Ôi, Chúa ơi, cô ấy quả là một *normalien**”. Nhưng ở Mỹ không ai đánh giá cao cái con đường rất đặc biệt mà cô đã đi ở Pháp và sự ngưỡng mộ người ta dành cho nó. Cô không nhận được kiểu công nhận mà cô đã được tập để tiếp nhận như một thành viên đầy triển vọng của tầng lớp trí thức ưu tú Pháp. Thậm chí cô cũng không nhận được kiểu thù ghét mà cô đã được tập để tiếp nhận. Tìm một giáo sư cố vấn và viết luận án của mình. Bảo vệ nó. Được trao bằng. Đạt được học vị một cách nhanh chóng đặc biệt bởi từ khi ở Pháp cô đã làm việc chăm chỉ cực độ. Học hành và làm việc cật lực như thế, bây giờ cô đã sẵn sàng cho một công việc quan trọng ở một ngôi trường quan trọng - Princeton, Columbia, Cornell, Chicago - và khi chẳng nhận được gì, cô gục ngã. Một chỗ thỉnh giảng ở Athena à? Athena là trường gì? Nó ở đâu? Cô khinh khỉnh. Cho đến khi giáo sư cố vấn của cô nói, “Delphine, trong thị trường này, cô kiếm được công việc ngon lành thông qua một công việc khác. Giáo sư thỉnh giảng ở Athena à? Cô có thể chưa từng nghe về nó, nhưng chúng tôi thì có. Một học viên hoàn toàn tử tế. Một công việc hoàn toàn tử tế đối với một người mới ra trường.” Những học viên sau đại học cũng gốc nước ngoài như cô nói với cô rằng đối với Athena thì cô quá giỏi, chỗ đó quá là *dưới tầm* cô, nhưng những học viên sau đại học người Mỹ, những kẻ có thể giết người để đi dạy ở phòng bán chứng khoán của Stop & Shop, lại nghĩ rằng tính chảnh chọe là đặc trưng của Delphine. Một cách miễn cưỡng, cô nộp đơn - và cuối cùng là ngồi đối diện chủ tịch hội đồng giảng viên Silk bên bàn giấy trong chiếc váy ngắn và đôi bốt. Để có việc làm thứ hai, việc làm trong mơ, trước tiên cô cần có được công việc này ở Athena, nhưng trong gần một giờ chủ tịch hội đồng giảng viên Silk lắng nghe

ta gần như tự mời mình ra khỏi công việc ở Athena. Cấu trúc tự sự và thời gian chủ quan. Những mâu thuẫn nội tại của công trình nghệ thuật. Rousseau giấu mình đi và rồi lối tu từ vạch trần ông. (Hơi giống cô ta, ông chủ tịch hội đồng giảng viên nghĩ, trong bài luận về tiểu sử bản thân đó.) Tiếng nói của nhà phê bình chính đáng chẳng kém tiếng nói của Herodotus. Tự sự học. Sự kể lại. Khác biệt giữa kể lại và diễn lại. Trải nghiệm đóng ngoặc. Tính dự cảm của văn bản. Coleman không cần phải hỏi tất cả những thứ này nghĩa là gì. Ông biết, theo đúng nghĩa từ nguyên Hy Lạp, cái động từ ngữ đi ra từ Yale có nghĩa gì và động từ ngữ đi ra từ École Normale Supérieure có nghĩa gì. Cô ta có biết không? Đã làm việc này hơn ba thập niên, ông không có thì giờ cho mấy thứ này. Ông nghĩ: Tại sao một người xinh đẹp như thế lại muốn núp sau những ngôn từ đó để lánh khỏi khía cạnh con người trong trải nghiệm sống của bản thân? Có lẽ chính vì cô ta quá xinh đẹp. Ông nghĩ: Tự định giá bản thân cẩn thận biết bao, và cũng thật mù quáng về chính mình biết bao.

Dĩ nhiên cô có năng lực. Nhưng với Coleman cô là hiện thân của cái thứ rác rưởi hàn lâm chảnh chọe mà các sinh viên Athena còn lâu mới cần tới nhưng sức hấp dẫn đối với những kẻ tầm thường trong hội đồng giảng viên là không thể cưỡng lại.

Lúc đó ông nghĩ rằng việc nhận cô vào làm cho thấy mình có một tinh thần cởi mở. Nhưng nhiều khả năng đó là do cô hấp dẫn quá đỗi. Dễ thương quá đỗi. Cuốn hút quá đỗi. Và có lẽ hơn hết là vì cái vẻ ngoài của một đứa con gái.

Delphine Roux đã hiểu sai cái nhìn chăm chú của ông khi nghĩ, có phần hơi kịch tính - chính là một trong những trở ngại đối với tài trí của cô, nổi thôi thúc không chỉ muốn nhảy ngay đến một kết luận kịch tính mà còn muốn nhượng bộ, một cách khêu gợi, trước sức mê hoặc của sự kịch tính - rằng ông chỉ muốn trói quặt hai tay cô ra sau lưng: cái ông muốn, vì mọi lý do có thể có, là không phải thấy cô lẫn quần

quanh đây. Và thế là ông nhận cô. Và như thế họ bắt đầu ra sức không hòa thuận với nhau.

Và giờ thì đến lượt cô kêu ông đến văn phòng mình để phỏng vấn. Hồi 1995, năm Coleman rời chức chủ tịch hội đồng giảng viên để trở lại giảng dạy, sức quyến rũ từ vẻ thanh lịch toàn diện của Delphine xinh xắn dễ thương, với những gợi ý lém lỉnh về một thứ nhục cảm ngấm ngấm, cùng những lời ngon ngọt văn hoa kiểu École Normale của cô (thứ mà Coleman mô tả là “hành vi tự lãng xê thường trực của cô”), dưới con mắt của ông, có vẻ đã thuyết phục được mọi tay giáo sư đại gái ngu ngốc và, khi tuổi còn chưa đến đầu ba - nhưng có lẽ đã để mắt tới chức chủ tịch hội đồng giảng viên từng là của Coleman - cô đã chiếm được ghế trưởng khoa của phân khoa nhỏ bé mà trước đây hơn chục năm đã sáp nhập, cùng với những khoa ngôn ngữ khác, khoa Văn học Hy La mà ở đó Coleman đã khởi đầu với vị trí trợ giảng. Trong khoa Ngôn ngữ và Văn chương mới lập này có một đội ngũ giảng dạy gồm mười một người, một giáo sư tiếng Nga, một tiếng Ý, một Tây Ban Nha, một Đức, có Delphine tiếng Pháp và Coleman về văn học Hy La, và có năm người trợ lý thường xuyên ngập việc, gồm phụ giảng chưa có kinh nghiệm lẫn hội người nước ngoài dạy những khóa sơ cấp.

“Việc em Mitnick hiểu sai hai vở kịch đó,” ông nói với cô, “xuất phát từ những bản khoản thiên cận, hẹp hòi về tư tưởng sẽ nói không với việc điều chỉnh lại bản thân chúng.”

“VẬY tức là ông không phủ nhận điều em ấy nói - rằng ông không giúp đỡ em ấy.”

“Sinh viên nào nói với tôi rằng tôi nói với em ấy bằng ‘Thứ ngôn ngữ gây sự’ thì người đó nằm ngoài khả năng giúp đỡ của tôi.”

“VẬY,” Delphine nhẹ nhàng nói, “đó là vấn đề, đúng không?”

Ông cười lớn - vừa tự phát vừa cố ý. “Chắc vậy? Thứ tiếng Anh mà tôi nói chưa đủ tinh tế đối với một đầu óc tao nhã như đầu óc của em Mitnick chẳng?”

“Coleman, ông đã không đứng lớp trong một thời gian rất dài.”

“Còn cô thì vẫn còn ngồi ở lớp. Giáo sư thân mến,” ông nói, một cách cố tình, và với một nụ cười cố tình chọc tức, “tôi đã đọc và nghĩ về những vở kịch này cả đời rồi.”

“Nhưng chưa bao giờ đọc và nghĩ theo quan điểm nữ quyền của Elena.”

“Ngay cả theo quan điểm Do Thái của Moses cũng chưa luôn. Ngay cả theo quan điểm thời thượng kiểu Nietzsche về quan điểm cũng chưa nốt.”

“Coleman Silk, một mình một kiểu, không có quan điểm nào khác hơn là quan điểm văn chương thuần túy vô tư.”

“Hầu như không có ngoại lệ, giáo sư thân mến,” mà tại sao lại cần phải có chứ? “sinh viên của chúng ta ngu dốt khôn cùng. Họ được dạy dỗ một cách vô cùng tệ hại. Cuộc sống của họ nghèo nàn về mặt trí tuệ. Họ đến đây chẳng biết gì và hầu hết bọn họ rời khỏi đây vẫn chẳng biết gì. Ít nhất họ phải biết, khi có mặt trong lớp của tôi, cách đọc kịch cổ điển. Dạy học tại Athena, nhất là trong thập niên 1990, dạy học cho các thế hệ vào dạng ngu dốt nhất trong lịch sử Mỹ, cũng giống như vừa đi trên Broadway ở Manhattan vừa nói chuyện một mình, trừ việc thay vì có mười tám người trên đường phố nghe cô tự làm nhảm một mình, thì tất cả họ ở trong phòng học. Thiệt tình chúng *chẳng biết* gì cả. Sau gần bốn mươi năm làm việc với những sinh viên như thế - và cô Mitnick chỉ là một trường hợp tiêu biểu không hơn - tôi có thể nói với cô rằng một cái nhìn nữ quyền về Euripides là thứ họ *ít* cần đến nhất. Cung cấp cho những độc giả ngờ nghệch nhất một cái nhìn nữ quyền về Euripides là một trong những cách hay nhất cô có thể dựng ra để bóp chết suy nghĩ của họ trước cả khi nó có cơ hội đánh đổ được một trong những ‘ý thích’ ngu si của họ. Tôi thấy khó mà tin được rằng một phụ nữ học thức đến từ nền học thuật Pháp giống như cô lại tin rằng một cái nhìn nữ quyền về Euripides lại không phải là cái gì đó ngu xuẩn không hơn. Cô thực sự được khai trí trong một thời

gian ngăn như thế, hay đây chỉ là nhu cầu tiến thân cổ hủ hiện đang khiến cho cô phải sợ hãi trước những đồng nghiệp nữ quyền? Bởi vì nếu nó chỉ là nhu cầu tiến thân, thì tôi thấy tốt thôi. Con người là vậy và tôi hiểu. Nhưng nếu đầu óc cô thực sự theo đuổi thứ ngu xuẩn này, thì tôi thật lòng hoang mang, bởi vì cô không phải là một kẻ ngốc. Bởi vì cô biết nhiều hơn thế. Bởi vì ở Pháp chắc chắn không ai xuất thân từ École Normale lại coi cái thứ này là nghiêm túc. Hay là có? Đọc hai vở như *Hippolytus* và *Alceste*, rồi nghe cả lớp thảo luận về mỗi vở trong một tuần, sau đó thì chẳng biết nói gì về chúng ngoài việc cho rằng chúng ‘hạ nhục phụ nữ’, thì đó không phải là một ‘quan điểm’, Chúa ơi - nó là thứ cặn bã. Nó chỉ là thứ cặn bã dạng mới.”

“Elena là một sinh viên. Em ấy hai mươi tuổi. Em ấy vẫn đang học.”

“Việc đối xử cảm tính với sinh viên của mình không thích hợp với cô chút nào, cô gái ạ. Nhìn nhận nghiêm túc đi. Elena không học. Em ấy chỉ đang lặp lại như con vẹt. Lý do em ấy chạy thẳng đến cô là bởi vì rất có thể cô chính là người mà em ấy đang nhại theo.”

“Điều đó không đúng, dù có thể ông thấy hài lòng khi chụp mũ tôi như vậy, điều đó cũng được thôi, và hoàn toàn có thể đoán được. Nếu ông cảm thấy trên cơ tôi khi đặt tôi vào cái mũ lỗ bịch như thế, thì cứ làm đi, thưa giáo sư,” giờ cô khoái trá khi lần này mình là người mỉm cười. “Cách cư xử của ông với Elena đã xúc phạm em ấy. Đó là lý do em ấy tìm tới tôi. Ông làm em ấy sợ. Em ấy hoang mang.”

“Phải, tôi bắt đầu có thói chọc tức những thứ kiểu cách riêng của người khác khi tôi phải đối diện với những hậu quả của việc từng thuê ai đó giống như cô.”

“Và,” cô đáp lại, “một số sinh viên của chúng ta cũng bắt đầu chọc tức những thứ kiểu cách riêng khi chúng phải đối diện với thứ sự phạm hóa thạch cổ lỗ. Nếu ông cứ cố chấp dạy văn học theo cái lối chán ngắt quen thuộc, nếu ông khư khư giữ cách tiếp cận bi kịch Hy

Lạp theo lối nhân văn chủ nghĩa mà ông đã chọn từ thập niên 1950, thì những xung đột như thế này sẽ phát sinh liên tục.”

“Tốt,” ông nói. “Cứ để chúng đến.” Và bỏ ra ngoài. Và rồi ngày học kỳ kế tiếp, khi Tracy Cummings chạy tới giáo sư Roux, gần như khóc, hầu như không nói nên lời, bối rối khi biết được rằng, sau lưng mình, giáo sư Silk đã sử dụng một tính ngữ phân biệt chủng tộc đầy ác ý để nói về cô với bạn bè trong lớp học, Delphine quyết định rằng việc yêu cầu Coleman đến văn phòng cô để thảo luận về cáo buộc này chỉ có thể làm lãng phí thời gian. Vì cô chắc chắn rằng ông sẽ không cư xử tử tế hơn lần vừa rồi khi ông bị một sinh viên nữ phàn nàn - và, từ kinh nghiệm bản thân, chắc chắn rằng nếu cô mời ông tới, ông sẽ lại hạ cố mà nói chuyện với cô theo cung cách bề trên, lại thêm một con đàn bà nữa dám chất vấn tư cách của ông, lại thêm một con đàn bà nữa với những mối băn khoăn mà ông phải làm tầm thường hóa chúng đi, ấy là nếu ông có buồn nhắc đến - cô đã chuyển vấn đề này cho chủ tịch hội đồng giảng viên kế nhiệm ông. Cô có thể dành thời gian của mình cho Tracy một cách hữu ích hơn, động viên, an ủi, hầu như là làm gậy chống đường cho cô gái đó vịn vào, một cô gái da đen mồ côi đã thất bại đến độ, trong vài tuần đầu sau sự vụ đó, để ngăn không cho cô ấy thu dọn đồ đạc và bỏ đi - mà cũng chẳng có nơi nào để đi - Delphine đã xin phép chuyển cô bé từ ký túc xá vào căn phòng bỏ trống trong căn hộ của mình và, tạm thời, là người bảo trợ cho Tracy. Dù vào cuối năm học, Coleman Silk, bằng việc tự nguyện rời khỏi trường, về cơ bản đã thú nhận ác tâm của ông trong vụ lũ ma, thì tổn hại gây ra cho Tracy đã khiến một người vốn cực kỳ dễ dao động như cô bé thành ra vô phương cứu chữa: không thể tập trung vào chuyện học tập do ảnh hưởng từ cuộc điều tra và nỗi là rằng giáo sư Silk tác động đến các thầy cô khác khiến họ có thành kiến với mình, cô đã bị rớt tất cả các môn học. Tracy thu dọn đồ đạc không chỉ để rời khỏi trường đại học, mà còn là rời khỏi thị trấn này - rời khỏi Athena, nơi Delphine đã hy vọng có thể chăm sóc cho cô và tìm cho cô một công việc và người

kèm cặp việc học cho đến khi cô có thể trở lại trường. Một ngày nọ Tracy bắt xe buýt đến Oklahoma, để ở với người chị cùng cha khác mẹ tại Tulsa, nhưng sử dụng địa chỉ của cô bé ở Tulsa, Delphine không bao giờ tìm được cô gái nữa.

Rồi sau đó Delphine nghe nói về mối quan hệ của Coleman Silk với Faunia Farley, thứ ông đang tìm mọi cách để che giấu. Cô không tin được điều đó - nghỉ hưu đã được hai năm, lại đã bảy mươi mốt tuổi, và người đàn ông này vẫn chứng nào tật nấy. Khi không còn sinh viên nữ nào khác dám chất vấn thiên kiến của ông để cho ông dọa dẫm, không còn thiếu nữ da đen nào đang cần được chăm bón cho ông nhạt bóng, không còn những nữ giáo sư trẻ, như chính cô, đe dọa quyền uy của ông để cho ông bắt nạt và xúc phạm, ông đã moi ra được, từ cái chốn thấp bé nhất của trường đại học, một ứng cử viên làm nô dịch cho ông ta, một ứng cử viên là hình mẫu của những sự thê thảm ở người phụ nữ: một người vợ đã hoàn toàn bị cho ra bã. Khi Delphine ghé qua phòng nhân sự để tìm hiểu lý lịch của Faunia, khi cô đọc về người chồng cũ và cái chết đau thương của hai đứa con nhỏ - trong trận hỏa hoạn bí ẩn mà một số người nghi ngờ là *do* chồng cũ của cô ấy gây ra - khi cô đọc về tình trạng mù chữ khiến Faunia chỉ có thể làm những công việc vụn vặt nhất của đội lao công, cô hiểu rằng Coleman đã đào lên được không gì khác ngoài một báu vật hoàn hảo cho một kẻ ghét đàn bà: ở Faunia Farley ông đã tìm thấy một người yếu nhược thậm chí còn hơn cả Elena hay Tracy, một miếng mồi ngon cho ông nghiền nát. Faunia Farley giờ sẽ phải trả giá cho bất cứ ai ở Athena từng dám thách thức thứ đặc quyền vô lý của ông ta.

Và không ai ngăn ông ta lại, Delphine nghĩ. Không ai cản đường ông ta.

Biết rằng ông đã ở ngoài quyền xét xử của trường đại học và vì thế không có gì ngăn cản ông trả thù cô - trả thù cô, phải, chính cô, vì tất cả những gì cô đã làm để ngăn ông khùng bố tâm lý những sinh viên nữ, vì vai trò mà cô tự nguyện gánh vác trong việc lột bỏ quyền lực

của ông và tổng cổ ông ra khỏi lớp học - cô không thể kiềm chế cơn nóng giận của mình. Với ông, Faunia Farley là vật thay thế cho cô. Qua Faunia Farley ông đang đánh trả cô. Cô ấy gợi cho ông nghĩ đến khuôn mặt, cái tên, và hình dáng của tôi chứ còn ai vào đây nữa - là hình phản chiếu của tôi, cô ấy không thể khiến ông nghĩ đến người nào khác ngoài tôi. Bằng việc quyến rũ một phụ nữ, cũng như tôi, làm việc cho trường Athena, một phụ nữ, cũng như tôi, chưa bằng nửa tuổi ông - nhưng đồng thời lại là một phụ nữ trái ngược tôi về mọi mặt - ông đồng thời vừa che giấu một cách tài tình, vừa thể hiện ra một cách trắng trợn ai là người ông muốn hủy hoại. Ông đâu phải kiểu người ngu si để mà không biết điều đó, và, từ vị thế cao vợi vợi của mình, ông đủ nhẫn tâm để tận hưởng. Nhưng tôi cũng không ngu để mà không nhận ra rằng chính tôi, dưới dạng hình nộm, mới là người ông đang quyết tâm tóm lấy.

Ý nghĩ xảy đến quá nhanh, trong những câu từ bức xúc đầy bột phát, đến độ khi cô ký tên mình ngày cuối mặt thứ hai của lá thư và đề địa chỉ của ông lên bì thư, cô vẫn sôi sục trước ý nghĩ về sự độc ác xấu xa có thể biến người phụ nữ khốn khó cùng cực vốn đã mất hết mọi thứ này thành một *món đồ chơi*, có thể tùy hứng biến một con người đau khổ như Faunia Farley thành một vật tiêu khiển chỉ để trả thù cô. Sao thậm chí *ông ta* có thể làm điều này? Không, cô sẽ không sửa đổi dù chỉ một âm tiết những gì cô đã viết, và cô cũng không thèm đánh máy nó để ông đọc dễ hơn. Cô không muốn làm nhẹ đi cái thông điệp đã được thể hiện ra bằng nét chữ viết nghiêng chồm tới của mình. Không được để người đàn ông đó đánh giá thấp quyết tâm của cô: với cô hiện không có gì quan trọng hơn việc phơi bày con người thật của Coleman Silk.

Nhưng hai mươi phút sau cô đã xé lá thư đó. Và may mắn thay. May mắn thay. Khi chủ nghĩa lý tưởng số lông trào dâng trong cô, không phải lúc nào cô cũng có thể xem nó như một thứ huyền tưởng. Cô làm đúng khi lên án một con thú săn mồi đáng lên án như thế.

Nhưng còn chuyện cho rằng mình có thể giải cứu một phụ nữ đã lún sâu như Faunia Farley trong khi cô đã không thể cứu giúp Tracy? Cho rằng mình có thể thắng thế trước một người, trong tuổi già đầy cay đắng, đã thoát khỏi không chỉ mọi ràng buộc từ trường sở mà là cả - trong khi con người đó vốn là một nhà nhân văn - những suy nghĩ nhân văn? Với cô không có cái ảo tưởng nào lớn hơn việc tin rằng cô là đối thủ xứng tầm với sự xảo trá của Coleman Silk. Ngay cả một lá thư rành rành được viết trong cơn xung động mà nỗi kinh tởm nhân danh đạo đức đem lại, một lá thư thông báo rõ ràng bí mật của ông đã bị lộ, rằng ông đã bị lộ mặt nạ, bị phơi bày, bị phát hiện, khi vào tay ông, nó có thể bằng cách nào đó bị bóp méo thành một bản cáo trạng được dùng để tấn công cô và, nếu có cơ hội, hủy hoại cô triệt để.

Con người đó nhẫn tâm và hoang tưởng, và dù cô thích hay không thích, vẫn có những vấn đề thực tế cần cân nhắc, những ưu tư hẳn đã không thể ngăn cô lại khi cô còn là một nữ sinh trung học có xu hướng Marxist mà việc không thể trừng phạt sự bất công đôi khi, thú thật là, làm cô quên đi cả lẽ thường tình. Nhưng giờ cô là một giáo sư đại học, được vào biên chế khá sớm, là chủ nhiệm phân khoa mà cô dạy, và gần như chắc chắn một ngày nào đó sẽ chuyển tới Princeton, tới Columbia, tới Cornell, tới Chicago, thậm chí là quay trở lại Yale một cách đầy vinh quang. Một lá thư như thế, do cô ký và được Coleman Silk chuyển tay đi cho đến khi, một cách tất yếu, nó đến tay của một ai đó, vì ghen tị, vì oán hận, bởi vì cô quá thành công khi còn quá trẻ, có thể nảy sinh ý đồ ngầm hại cô... Phải, một lá thư táo tợn như vậy, không thêm giấu đi chút phần nộ nào, nó có thể bị ông sử dụng để hạ bệ cô, để minh chứng rằng cô thiếu chín chắn và không có quyền trở thành thượng cấp của *bất kỳ ai*. Người đàn ông đó có những mối quan hệ, ông vẫn quen biết nhiều người - ông có thể làm điều đó. Ông sẽ làm điều đó, để xuyên tạc ý định của cô...

Cô nhanh chóng xé vụn lá thư và, ở chính giữa một tờ giấy trắng, với cây bút bi đỏ loại cô không bao giờ dùng để viết thư, và bằng

những chữ in to mà không ai có thể nhận ra là chữ của cô, cô viết:

Ai cũng biết

Nhưng chỉ có vậy. Cô dừng lại ở đó. Ba đêm sau, sau khi tắt đèn được vài phút, cô lại rời khỏi giường và, đã suy nghĩ tỉnh táo bình thường trở lại, đi đến bàn làm việc định vò nhàu và vứt bỏ và mãi mãi quên đi tờ giấy bắt đầu bằng “Ai cũng biết” nhưng thay vào đó, cô lại cúi người, thậm chí không dám ngồi xuống - sợ rằng trong thời gian ngồi xuống cô sẽ lại mất bình tĩnh - và viết một mạch các từ còn lại, những từ đủ để cho ông biết vụ việc sẽ sớm bị vạch trần. Bao thư đã được đề địa chỉ, dán tem, lá thư không chữ ký đã được nhét bên trong, đèn bàn tắt đi, và Delphine, nhẹ nhõm sau khi lựa chọn được một cách quyết đoán cái phản ứng đanh thép nhất mà những giới hạn thực tế của hoàn cảnh cho phép, quay lại giường và sẵn sàng đi vào một giấc ngủ không vương bận những bức xúc đạo đức.

Nhưng trước tiên cô phải nén mọi nỗi thôi thúc muốn trở dậy và mở bao thư để đọc lại những thứ cô đã viết, để xem liệu có phải cô đã nói quá ít hay nói quá yếu ớt - hoặc nói quá gay gắt. Dĩ nhiên đó không phải là lỗi ăn nói của cô. Chắc chắn là thế. Đó là lý do cô sử dụng nó. Nó quá mạnh bạo, quá thô, quá giống khẩu hiệu đến độ không thể lần ngược ra người viết là cô được. Nhưng vì chính lý do đó, có lẽ nó đã bị cô đánh giá sai và thiếu thuyết phục. Cô phải thức dậy để xem liệu cô có nhớ sửa chữ viết của mình không - để xem liệu, một cách tình cờ, do tác động ma lực nhất thời, trong hành động giận dữ, cô có bất cẩn và ký tên mình không. Cô phải xem liệu có bất cứ chi tiết nào ở đó cô đã vô ý để lộ cô là ai không. Và nếu có thì sao? Cô *nên* ký tên mình. Toàn bộ cuộc đời cô đã là một cuộc chiến để không bị dọa nạt bởi những người như Coleman Silk, những kẻ sử dụng đặc quyền của họ để áp đảo người khác và tự cho bản thân cái quyền thích gì làm nấy. Chỉ rõ quan điểm của mình cho bọn đàn ông. Nói to quan điểm của mình với đàn ông. Ngay cả những kẻ lớn tuổi hơn nhiều. Học cách

không sợ hãi cái thâm quyền giả định của họ và thứ thông thái giả ngụy của họ. Hiểu rằng trí tuệ của cô có *sức nặng* của nó. Dám xem bản thân cô ngang hàng với họ. Học cách, khi cô đề xuất một lý lẽ và nó không thuyết phục, khắc chế thôi thúc đầu hàng, học cách viện đến khả năng lý luận và lòng tự tin và sự tinh táo để *tiếp tục* tranh luận, bất chấp những gì họ nói hoặc làm để khiến cô im miệng. Học cách đi bước kế tiếp, duy trì nỗ lực thay vì ngã quy. Học cách tranh luận mà *không nhường bước*. Cô không phải chiều ý người đàn ông đó, cô không phải chiều ý *bất cứ ai*. Ông không còn là tay chủ tịch hội đồng giảng viên đã nhận cô vào làm nữa. Và ông cũng không phải là chủ nhiệm khoa. Giờ cô mới là chủ nhiệm. Chủ tịch hội đồng giảng viên Silk giờ chẳng là gì cả. Cô nên mở bì thư ra và ký tên mình. Người đàn ông đó chẳng là gì cả. Cụm từ đó có tất cả sự khuây khỏa của một câu thần chú: chẳng là gì cả.

Cô đi khắp nơi với cái bì thư dán kín để trong ví suốt mấy tuần, xem xét cẩn thận những lý lẽ của mình, không chỉ chuyện có gửi nó hay không, mà còn cả chuyện có ký tên vào đó hay không. Người đàn ông đó đã quyết định chọn người phụ nữ bất hạnh này, kẻ không có cơ may nào chống cự được ông. Kẻ không thể đấu tranh với ông. Xét trên bình diện trí tuệ thì cô ấy thậm chí còn không tồn tại. Ông chọn một phụ nữ vốn chưa bao giờ bảo vệ được mình, *không thể* tự bảo vệ mình, người phụ nữ yếu đuối nhất trên trái đất này để lợi dụng, một kẻ thấp kém hơn ông về mọi mặt - và ông chọn cô ấy vì cái động cơ rõ ràng nhất trong số những động cơ đối nghịch: bởi vì ông coi mọi phụ nữ là thấp kém và bởi vì ông sợ bất cứ phụ nữ nào có đầu óc. Bởi vì tôi lên tiếng bảo vệ bản thân, bởi vì tôi sẽ không bị hăm dọa, bởi vì tôi thành công, bởi vì tôi hấp dẫn, bởi vì tôi có tư tưởng độc lập, bởi vì tôi có được một nền giáo dục xuất sắc, một bằng cấp thượng hạng...

Và rồi, tại New York, vào một thứ Bảy nọ cô đến đó để xem cuộc triển lãm tranh Jackson Pollock, cô rút bì thư ra khỏi ví và suýt nhét lá thư hơn hai chục từ đó, không ký tên, vào thùng thư trong tòa nhà Port

Authority, thùng thư đầu tiên cô thấy sau khi rời khỏi xe buýt Bonanza. Nó vẫn còn trên tay khi cô vào tàu điện ngầm, nhưng khi tàu điện bắt đầu di chuyển cô quên chuyện lá thư, nhét nó vào trong giỏ xách, và để cho những ý nghĩa của tàu điện ngầm chiếm lấy tâm trí. Cô vẫn chưa hết kinh ngạc và phấn khích trước tàu điện ngầm New York. Khi đi Métro* ở Paris cô chưa từng nghĩ về chuyện này, nhưng về thống khổ u sầu của con người ở tàu điện ngầm New York bao giờ cũng khôi phục trong cô niềm tin vào tính đúng đắn của quyết định đến nước Mỹ. Tàu điện ngầm New York tượng trưng cho lý do cô đến đây - là cử chỉ cự tuyệt không muốn thoái lui trước thực tế của cô.

Cuộc triển lãm Pollock thu hút cảm xúc của cô đến độ cô cảm thấy, khi cô xem hết bức tranh kỳ diệu này đến bức tranh kỳ diệu khác, thứ cảm giác mãnh liệt, căng đầy chính là cái ham muốn cuồng điên. Khi điện thoại di động của một phụ nữ bất ngờ vang lên trong khi toàn bộ cái hỗn mang của bức tranh có tên *Number 1A, 1948* đang ào ạt tiến vào một không gian mà trước ngày hôm đó - trước cái năm đó - chỉ là thân xác của cô không hơn, cô giận dữ đến độ quay sang kêu lên, “Thưa bà, tôi muốn bóp cổ bà cho rồi!”

Sau đó cô đến Thư viện công cộng New York trên phố 42. Cô luôn luôn làm vậy khi ở New York. Cô đến các bảo tàng, các phòng tranh, các buổi hòa nhạc, cô đi xem những bộ phim sẽ không bao giờ tìm đến cái rạp chiếu bóng duy nhất, chán kinh lên được, ở Athena hẻo lánh, và cuối cùng, bất kể cô đến New York để thực hiện công việc gì, cô cũng đều có một giờ đọc bất kỳ cuốn sách nào cô mang theo tại phòng đọc chính của thư viện.

Cô đọc. Cô nhìn quanh. Cô quan sát. Cô cảm nằng những người đàn ông ở đó. Ở Paris cô đã xem phim *Marathon Man* tại một trong những đợt liên hoan phim. (Không ai biết rằng khi xem phim cô là một kẻ đa cảm kinh khủng và thường khóc sướt mướt.) Trong *Marathon Man*, nhân vật chính, một cô gái mạo danh sinh viên, thường lui tới thư viện

công cộng New York và được Dustin Hoffman tán tỉnh, và vì thế, cô cứ luôn nghĩ về Thư viện công cộng New York với cái cảm xúc lãng mạn đó. Cho đến lúc này chưa ai ở đó tán tỉnh cô, trừ một sinh viên y khoa vốn quá trẻ, quá thô vụn, và ngay câu nói đầu tiên đã phạm sai lầm. Vừa gặp cậu ta đã nói về thổ âm của cô, và cô không chịu được cậu ta. Một gã chưa từng trải đời gì hết. Cậu ta khiến cô cảm thấy mình giống bà của cậu ta vậy. Ở tuổi cậu ta, cô đã đi qua rất nhiều chuyện tình, nghĩ tới nghĩ lui rất nhiều, và đã trải qua rất nhiều mức độ đau khổ - ở tuổi hai mươi, trẻ hơn cậu ta vài tuổi, cô đã trải qua không chỉ một, mà là hai mối tình lớn. Trong chùng mực nào đó cô đến Mỹ là để *chạy trốn* chuyện tình của cô (và, cũng, để đi khỏi vai trò một diễn viên phụ trong vở kịch dài hơi - nhan đề *Vân vân...* - chính là cuộc đời thành công đến choáng váng của mẹ cô). Nhưng giờ đây cô cực kỳ cô đơn trong nỗi vô vọng muốn tìm một người đàn ông để làm bạn.

Những kẻ từng tán tỉnh cô đôi khi cũng nói điều gì đó chấp nhận được, đôi khi đủ châm biếm hoặc đủ tinh nghịch để trở nên hấp dẫn trong mắt cô, nhưng sau đó - bởi vì ở khoảng cách gần cô xinh đẹp hơn họ nghĩ và, đối với một người xinh xắn dường ấy, cô có vẻ hơi kiêu căng hơn họ nghĩ - họ trở nên rụt rè và rút lui. Những ai liếc mắt đưa tình với cô sẽ tự động trở thành người cô không ưa. Và những người chìm đắm trong trang sách của họ, những người, hấp dẫn thay, lãng quên đời và, hấp dẫn thay, kêu gọi cực kỳ, thì... chìm đắm trong trang sách của họ. Rốt cuộc cô đang tìm kiếm ai? Cô đang tìm người đàn ông có thể thấu hiểu cô. Cô đang tìm kiếm Kẻ Thấu Hiểu Vĩ Đại.

Hôm nay cô đang đọc, bằng tiếng Pháp, một cuốn sách của Julia Kristeva, một chuyên luận tầm tàm về sự u sầu, và đối diện bên cạnh cô thấy một người đàn ông đang đọc, thật tình cờ, một cuốn sách tiếng Pháp của chồng Kristeva, Philippe Sollers. Sollers là người mà óc khôi hài của ông cô không còn đọc một cách nghiêm túc nữa bất kể những gì cô đã dành cho ông trước đây trong hành trình mở mang đầu

óc; những nhà văn Pháp khôì hài, không giống những nhà văn Đông Âu khôì hài như Kundera, không còn khiến cô thỏa mãn... nhưng ở Thư viện công cộng New York chuyện đó không thành vấn đề. Vấn đề là sự trùng hợp ngẫu nhiên, một sự trùng hợp ngẫu nhiên cơ hồ như mang điềm gỡ. Trong tâm trạng bồn chồn, khao khát, cô bơi trong muôn vàn suy đoán về người đàn ông đang đọc Sollers trong khi cô đang đọc Kristeva và nhắc thấy bóng dáng không chỉ của một cuộc tán tỉnh mà là của một chuyện tình. Cô biết rằng người đàn ông tóc đen bốn mươi hay bốn mươi hai tuổi này có một sức nặng mà cô không thể tìm thấy ở bất cứ ai tại Athena. Những gì cô có thể phỏng đoán từ cách anh ta lặng lẽ ngồi và đọc khiến cô càng lúc càng hy vọng rằng một điều gì đó sắp xảy ra.

Và nó xảy ra thật: một cô gái đến bên anh ta, rõ ràng là một cô gái, một người thậm chí trẻ hơn cô, và hai người cùng nhau ra về, còn cô cũng gom góp đồ đạc của mình và rời thư viện và tại thùng thư đầu tiên cô gặp, cô lấy lá thư khỏi ví - lá thư cô đã giữ trong đó hơn một tháng - và nhét nó vào thùng thư với cùng một sự giận dữ như khi cô nói với người phụ nữ tại cuộc triển lãm Pollock rằng cô muốn bóp cổ bà ta. Đó! Vậy là xong! Ta đã làm được! Tốt!

Độ năm giây sau tầm nghiêm trọng của hành động sai lầm này choán lấy cô và cô cảm thấy hai đầu gối mình mềm nhũn. “Ôi, Chúa ơi!” Kể cả khi chưa ký tên, kể cả khi sử dụng lối nói mạnh bạo vốn không phải của cô, thì lai lịch của lá thư cũng sẽ không có gì là bí ẩn với kẻ lúc nào cũng chăm chăm vào cô như Coleman Silk.

Giờ thì người đàn ông đó sẽ *không bao giờ* để cô được yên.

4

THẰNG ĐIÊN NÀO NGHĨ RA CHUYỆN ĐÓ?

Tôi chỉ gặp Coleman, khi vẫn còn sống, một lần nữa sau tháng Bảy đó. Ông không đích thân kể cho tôi về lần ghé thăm trường đại học hay cú điện từ hội sinh viên gọi cho Jeff con trai ông. Tôi biết được chuyện ông đã tới trường đại học ngày hôm ấy bởi vì ở đó ông đã bị cựu đồng nghiệp Herb Keble phát hiện - một cách tình cờ, từ cửa sổ văn phòng - ông này, vào cuối bài phát biểu ở tang lễ, đã bóng gió rằng mình thấy Coleman đứng dựa khuất vào Bức tường khuất bóng của tòa nhà North Hall, dường như đang ẩn mình vì những lý do nào đó mà Keble chỉ có thể phỏng đoán. Tôi biết được về cú điện thoại bởi Jeff Silk, người tôi trò chuyện sau đám tang, đã đề cập về chuyện ấy, đủ cho tôi biết rằng cú điện đó đã buột khỏi tầm kiểm soát của Coleman. Rồi trực tiếp nghe từ miệng Nelson Primus mà tôi biết được là Coleman ghé văn phòng luật sư trước khi ông gọi điện cho Jeff và chuyện đó cũng kết thúc, như cú điện thoại kia, với cảnh Coleman tức tối rửa xả. Sau vụ đó, cả Primus lẫn Jeff Silk đều không nói chuyện với Coleman nữa. Coleman không trả lời điện thoại của họ hoặc của tôi - nhưng hóa ra ông cũng chẳng nghe điện của ai cả - và rồi hình như sau đó ông đã ngắt máy trả lời tự động, bởi điện thoại chỉ reo lên bất tận khi tôi cố liên lạc với ông.

Tuy nhiên, ông chỉ ở đó một mình trong ngôi nhà - ông không bỏ đi. Tôi biết ông ở đó vì, sau vài tuần gọi điện không được, một tối thứ

Bảy nọ, tầm đầu tháng Tám, tôi lái xe qua khi trời đã tối để kiểm tra. Chỉ vài ngọn đèn sáng nhưng, rõ ràng, khi tôi đậu xe lại bên cây thích cổ thụ cành nhánh rậm rạp của Coleman, tắt máy, và ngồi bất động trong xe trên con đường rải nhựa ở cuối bãi cỏ dập dờn, có tiếng nhạc vọng qua những ô cửa sổ để mở cửa căn nhà cửa chớp đen, vách ghép trắng, chương trình FM kéo dài suốt đêm thứ Bảy đưa ông trở lại với Steena Paulsson và căn phòng tầng hầm ở phố Sullivan ngay sau chiến tranh. Bây giờ ông ở đó với mỗi mình Faunia, người này bảo vệ người kia khỏi tất cả những người khác - người này, với người kia, là *tập hợp tất cả* những người khác. Ở đó họ khiêu vũ, hẳn là trần truồng, vượt khỏi sự cay cực của cuộc đời, trong một thiên đàng nằm ngoài thế gian, thiên đàng của ham muốn trần tục nơi việc kết đôi của họ là tấn kịch mà họ đã trút mọi thất vọng giận dữ của đời họ vào đó. Tôi nhớ ông từng kể cho tôi nghe về điều mà Faunia đã nói trong cơn mê kéo theo sau một buổi tối làm tình, khi mà sự giao hòa đến với họ vô cùng mãnh liệt. Ông có nói với cô, “Đây không chỉ là chuyện tình dục,” và cô trả lời thẳng thừng, “Không, không phải. Chỉ là anh đã quên tình dục là gì thôi. Đây chính là tình dục. Chỉ mình nó. Đừng phá hỏng nó bằng cách vờ như nó là cái gì khác.”

Bây giờ họ là ai? Họ là phiên bản đơn sơ nhất có thể của chính họ. Cốt tủy của cái độc nhất. Mọi thứ đón đầu kết tủa thành đam mê. Có lẽ họ thậm chí cũng không còn hối tiếc rằng sao mọi chuyện không khác đi. Họ đã chôn chặt trong nỗi ghê tởm để mà cảm thấy như vậy. Họ đã luôn thoát ra khỏi tất cả những thứ từng chất chồng lên họ. Đời này chẳng còn gì cảm dỗ được họ, chẳng còn gì kích động được họ, chẳng còn gì làm vơi bớt lòng căm thù cuộc đời của họ hơn sự gằn gỏi này. Những kẻ khác nhau đến trái ngược này là ai mà lại hợp nhất đến hỗn độn ở tuổi bảy một và bốn tư như thế? Họ chính là mối tai họa mà họ bị bắt phải gánh chịu. Theo nhịp đàn ban nhạc của Tommy Dorsey và tiếng hát ngân nga dịu dàng của Sinatra hồi trẻ, họ dìu nhau trần truồng khiêu vũ thẳng vào một cái chết khốc liệt. Mỗi người trên đời

chọn một kết thúc khác nhau: đây là cách hai người bọn họ chọn lấy cái kết. Bây giờ họ không còn kịp dừng bản thân lại nữa. Mọi chuyện đã an bài.

Tôi không phải là người duy nhất đứng ở ngoài đường lắng nghe tiếng nhạc.

Khi những cú điện của tôi không được hồi đáp, tôi cho rằng Coleman không muốn dính líu gì với tôi nữa. Có điều gì đó không ổn, và tôi cho rằng, như người ta vẫn làm thế khi một tình bạn chấm dứt đột ngột - nhất là một tình bạn mới - tôi là người chịu trách nhiệm, nếu không phải vì một lời nói hay việc làm thiếu ý tứ đã gây khó chịu hay làm tổn thương ông sâu xa, thì chỉ có thể do cái con người mà tôi là. Hãy nhớ là Coleman ban đầu đã tìm đến tôi, bởi vì, một cách thiếu thực tế, ông hy vọng thuyết phục được tôi viết cuốn sách về việc trường đại học đã giết vợ ông như thế nào; cho phép chính người tác giả đó sục vào cuộc sống riêng tư của ông có lẽ là điều bây giờ ông không muốn nhất. Tôi không biết kết luận gì khác hơn rằng đối với công việc giấu tôi những chi tiết trong cuộc sống với Faunia, cho dù vì lý do gì đi nữa, thì cũng khôn ngoan hơn là tiếp tục thổ lộ với tôi.

Dĩ nhiên lúc đó tôi chẳng biết tí sự thật nào về gốc gác của ông - điều đó tôi cũng chỉ biết được hần hoi tại đám tang - và vì như thế tôi không thể bắt đầu phỏng đoán rằng lý do khiến chúng tôi không bao giờ gặp nhau trong nhiều năm trước cái chết của Iris, lý do khiến ông *không* muốn gặp, là do tôi lớn lên ở chỗ chỉ cách East Orange vài dặm, và do, đã nhìn mặt khu vực này, có thể là tôi biết quá rành rẽ hoặc quá tò mò đến độ khó mà để yên không lục lọi về gốc gác của ông ở Jersey. Giả dụ hóa ra tôi là một trong những thằng Do Thái người Newark trong lớp quyền Anh sau giờ học của Doc Chizner xem? Sự thực thì tôi có tham gia lớp đó, nhưng là mãi đến năm 46 và 47, lúc đó Silky không còn giúp Doc dạy bọn trẻ như tôi cách đứng và di chuyển

và tung cú đấm bài bản nữa, mà ông đã ở NYU bằng tiền của Dự luật Quân nhân Mỹ.

Sự thật là, sau khi làm quen với tôi trong thời gian ông đang viết nháp cuốn *Lũ ma*, ông quả thực đã chấp nhận rủi ro, hơn nữa còn là một rủi ro ngớ ngẩn, sau gần sáu thập niên, của việc bị lộ tẩy rằng ông chính là cậu học sinh da đen đứng đầu Trung học East Orange, chàng trai da màu đấm bốc ở khắp Jersey trong những trận đấu nghiệp dư của Câu lạc bộ Morton Street Boys trước khi vào hải quân như một gã da trắng; nghỉ chơi với tôi vào giữa mùa hè năm đó là chuyện dễ hiểu, nghĩ kiểu gì cũng thấy dễ hiểu, cho dù vào lúc đó tôi không cách nào hình dung được là tại sao.

Rồi, tới lần cuối tôi gặp ông ấy. Một thứ Bảy trong tháng Tám, cảm thấy cô đơn, tôi lái xe tới Tanglewood để nghe buổi tổng duyệt cho chương trình hòa nhạc vào hôm sau. Đã một tuần kể từ lần đậu xe trước nhà ông ấy, tôi vẫn nhớ Coleman, nhớ cả cảm giác có một người bạn thân thiết, và tôi nghĩ đến việc hòa mình vào đám khán giả ít ỏi sáng thứ Bảy đó, những người chỉ chiếm một phần tư thính phòng Music Shed vào những cuộc tổng dợt như vậy, một nhóm khán giả gồm những kẻ yêu nhạc và những nhạc sinh từ nơi khác đến, nhưng chủ yếu là những du khách lớn tuổi, những người đeo máy trợ thính và những người cầm theo ống nhòm và những người đang đọc tờ *New York Times*, cả hội đã đi xe buýt tới vùng đồi núi Berkshire ngày hôm đó.

Có lẽ chính là sự kỳ cục nảy sinh từ việc tôi tái hòa nhập cộng đồng đã là tác nhân, cái trải nghiệm nhất thời của việc làm một sinh vật quảng giao (hay một sinh vật giả vờ quảng giao), hoặc có lẽ nó là do một cảm nhận thoáng qua của tôi về những người đứng tuổi tụ họp với nhau trong đám khán giả, họ như những người sắp lên tàu, như những người sắp bị trục xuất, chờ được âm nhạc nâng lên khỏi những tù túng thấy rõ của tuổi già, nhưng vào ngày thứ Bảy nắng ấm, gió hiu hiu này

trong mùa hè cuối cùng của cuộc đời Coleman Silk, thính phòng Music Shed cứ khiến tôi nhớ đến những cầu tàu hai bên thông thống nhô ra tít tắp trên sông Hudson, cứ như thể một trong những cầu tàu rộng thênh thang với hàng chân thép có từ thời những con tàu vượt đại dương đậu ở Manhattan ấy đã được nâng lên khỏi mặt nước với tất cả sự đồ sộ của nó và bắn thẳng một trăm hai mươi dặm về phía Bắc, được đặt xuống nguyên vẹn trên bãi cỏ Tanglewood mênh mông, một cú tiếp đất hoàn hảo giữa đám cây cao và cảnh núi non rợn ngợp của New England.

Khi tìm cách đến một ghế đơn còn trống mà tôi đã nhắm được từ xa, một trong vài ghế trống gần sân khấu chưa bị ai đánh dấu bằng cách quàng một cái áo len hay áo khoác trên đó, tôi cứ nghĩ rằng tất cả chúng tôi đang cùng nhau đi về một nơi khác, quả thực đã đi và tới được đó, để lại mọi thứ sau lưng... trong khi mọi thứ chúng tôi đang làm chỉ là chuẩn bị nghe dàn nhạc Boston Symphony diễn tập tác phẩm của Rachmaninoff, Prokofiev, và Rimsky-Korsakov. Dưới chân Music Shed có một nền đất nện khiến người ta cảm thấy không thể rõ hơn, rằng cái ghế của anh đang mắc cạn trên đất liền; đậu trên đỉnh của tòa kiến trúc này là lũ chim mà ta có thể nghe được tiếng riu rít của chúng trong cái im lặng nghiêm trang xen giữa những giai điệu của dàn nhạc, những con én và hồng tước từ cánh rừng tận ngọn đồi tất tả bay vào rồi lại lao vụt ra theo cái cách mà hẳn không con chim nào dám như vậy khi rời khỏi con thuyền của Noah. Chúng tôi đang ở cách Đại Tây Dương ba tiếng chạy xe về hướng Tây, nhưng tôi không giữ bỏ được cái cảm giác tôi vừa có mặt ở nơi tôi đang đứng lại vừa đã lên tàu, cùng với số công dân lớn tuổi còn lại, đến một vùng nước bí ẩn chưa từng được biết tới.

Phải chăng trong đầu tôi chỉ có cái chết khi nghĩ về cảnh hành khách rời tàu này? Cái chết và chính tôi? Cái chết và Coleman? Hay đó là cái chết và một đám người vẫn có thể tìm thấy niềm vui trong việc được xe buýt chở đi loanh quanh như một nhóm người cắm trại

trong một chuyến đi chơi mùa hè, nhưng đồng thời lại như, khi nhìn họ như một tập thể người mà ta sờ được thấy được, một thực thể có da thịt còn cảm giác và máu còn đỏ ấm, ngăn tách khỏi sự tàn lụi bởi cái lớp sự sống mong manh nhất, mỏng nhất?

Khi tôi đến thì chương trình diễn ra trước buổi tổng dợt sắp kết thúc. Một thuyết trình viên sôi nổi mặc áo thun thể thao và quần kaki đứng trước những hàng ghế trống của ban nhạc đang giới thiệu cho khán giả những tiết mục cuối cùng họ sắp nghe - trên một máy thu băng đang chơi những trích đoạn của Rachmaninoff, và hào hứng kể về “tính chất nhịp nhàng, âm u” của khúc “Symphonic Dances”. Chỉ đến khi anh ta kết thúc và khán giả vỗ tay ồ lên tán thưởng thì mới có người xuất hiện từ cánh gà để gỡ tấm phủ các mặt trống và đặt bản nhạc lên các giá đỡ. Ở đầu kia sân khấu, mấy nhân viên sân khấu xuất hiện khiêng những cây thụ cầm, và các nhạc công đi vào, tán gẫu với nhau trong khi len vào chỗ của mình, và tất cả, cũng giống như tay thuyết trình viên, đều ăn mặc thoải mái cho buổi tổng dợt này - tay chơi kèn ô boa mặc áo nỉ xám kèm mũ trùm đầu, mấy tay chơi đại hồ cầm mặc đồ Levi’s bạc màu, rồi tới những tay vĩ cầm, cả nam lẫn nữ đều diện trang phục mà nhìn bên ngoài có thể biết là của Banana Republic. Khi nhạc trưởng đeo kính lên - một nhạc trưởng khách mời, Sergiu Commission, một người Rumani lớn tuổi mặc áo cổ lọ, tóc bạc bù xù trên đầu, giày đế cói xanh bên dưới - và đám khán giả lịch sự kiểu trẻ con lại bắt đầu vỗ tay lần nữa, tôi thấy Coleman và Faunia bước dọc lối đi, tìm một chỗ gần sân khấu để ngồi.

Khi các nhạc công, những người sắp sửa chuyển mình từ một đám những tay nghỉ mát trông có vẻ vô tư lự thành cỗ máy âm nhạc mạnh mẽ, uyển chuyển, đã ổn định vị trí và đang chỉnh nhạc cụ thì cặp đôi kia – người nữ tóc vàng, cao, mặt xương xương và người nam thanh mảnh, đẹp dáng, tóc muối tiêu không cao bằng người phụ nữ, và lớn tuổi hơn nhiều, tuy vẫn có cái bước đi nhanh lẹ của người tập thể thao

- đi tới hai ghế trống cách chỗ tôi ba dãy và chếch về mé bên phải tôi chừng sáu bảy mét.

Nhạc phẩm của Rimsky-Korsakov là một câu chuyện cổ tích du dương với kèn ô boa và sáo mà vẻ ngọt ngào của nó như hút hồn khán giả, và khi ban nhạc kết thúc lượt đầu tiên của họ, tiếng vỗ tay nhiệt tình lại tuôn tràn như một cơn bột phát của sự hồn nhiên nơi đám đông lớn tuổi. Các nhạc công quả thực đã bày sàng ra những ý tưởng trẻ trung nhất, ngây thơ nhất của chúng ta về cuộc đời, nỗi khao khát không thể bị hủy diệt hướng đến cái cách mà cuộc sống không diễn ra và sẽ không bao giờ diễn ra. Đó là những gì tôi đã nghĩ khi hướng ánh nhìn về phía ông bạn trước đây với tình nhân của ông ấy và thấy họ trông không hề có cái vẻ khác lạ hay bị cô lập như tôi mừng tượng về cặp đôi này kể từ khi Coleman biến mất khỏi cuộc sống thường nhật. Họ trông không hề có chút gì là cực đoan, nhất là Faunia, nét mặt đậm chất Bắc Mỹ của cô khiến tôi nghĩ tới một căn phòng hẹp với cửa sổ nhưng không có cửa ra vào. Ở họ không hề có cái vẻ xung đột với cuộc đời, cũng không hề công kích hay thù thế. Có lẽ nếu chỉ có một mình cô, trong khung cảnh lạ lẫm này, Faunia hẳn không thể tỏ ra thoải mái như hiện giờ, nhưng với Coleman bên cạnh, sự ham thích của cô dành cho khung cảnh này có vẻ cũng tự nhiên chẳng kém sự ham thích cô dành cho Coleman. Trông họ không hề giống hai kẻ tuyệt vọng ngồi đó với nhau, mà như một đôi tình nhân đã đạt được sự thanh thản tập trung tột bậc của mình, đã không còn để tâm tới bất cứ thứ cảm xúc và ý nghĩ nào mà sự hiện diện của họ có thể gọi lên ở bất cứ đâu trên cõi đời này, chứ đừng nói là hạt Berkshire.

Tôi tự hỏi liệu Coleman có hướng dẫn trước cho cô về cung cách mà ông muốn cô tuân theo hay không. Tôi tự hỏi liệu nếu ông làm thế thực, thì cô có nghe theo không. Tôi tự hỏi việc hướng dẫn đó có cần thiết không. Tôi tự hỏi tại sao ông quyết định đưa cô tới Tanglewood. Đơn giản vì ông muốn nghe nhạc chẳng? Vì ông muốn cô nghe và thấy nhạc công chơi nhạc sống? Dưới sự bảo trợ của thần tình yêu

Aphrodite, trong hình dạng Pygmalion*, và trong khung cảnh Tanglewood, là vị giáo sư văn học Hy La về hưu đang thổi sức sống vào một Faunia cứng đầu, bất kham, trở thành một Galatea* được khai hóa về cái đẹp chẳng? Liệu có phải Coleman đã xúc tiến việc giáo dục cô, tác động lên cô - xúc tiến việc cứu vớt cô khỏi cái bi kịch mà sự khác lạ của cô đem lại? Có phải Tanglewood là bước đi đầu tiên nhằm biến sự bất thường của họ thành điều gì đó ít nghịch mắt hơn chẳng? Tại sao lại mau chóng như vậy? Rốt cuộc là tại sao? Tại sao, khi mọi thứ họ cùng có với nhau đã vịn vào sự bí mật và sự thô phác kín đáo mà tiến triển? Tại sao phải bỏ công bình thường hóa, chuẩn mực hóa mỗi quan hệ này, tại sao lại phải cố làm thế, bằng cách đi đây đi đó như một “cặp”? Vì sự công khai sẽ chỉ làm hao mòn sự mãnh liệt, nên liệu đây có phải là điều họ thực sự muốn? Ông ấy muốn cái gì? Phải chăng bây giờ việc *thuần hóa* là thiết yếu với cuộc đời của họ, hay việc họ có mặt ở đây không hề có ý nghĩa như thế? Phải chăng đây là một trò đùa của họ, một hành vi khiêu khích, một sự chọc tức cố ý? Họ đang tự cười với chính họ, những sinh vật lạ thú đó, hay thực ra chỉ đến đây để nghe nhạc?

Vì họ không đứng dậy để vươn vai hoặc dạo quanh trong khi ban nhạc nghỉ giải lao và một cây dương cầm được đẩy lên sân khấu - cho hòa tấu khúc dương cầm số hai của Profokiev - nên tôi vẫn ngồi tại chỗ. Có chút lạnh lẽo bên trong thính phòng này, sự mát lạnh của mùa thu hơn là của mùa hè, dù ánh nắng, tỏa rực khắp bãi cỏ lớn, vẫn đang sưởi ấm những con người thích nghe nhạc từ bên ngoài thính phòng hơn, một đám khán giả đa phần trẻ tuổi gồm những cặp đôi mười và những bà mẹ bế con nhỏ và những gia đình đi chơi dã ngoại đang dọn bữa trưa ra khỏi những chiếc giỏ mây của họ. Cách chỗ tôi ba hàng ghế, Coleman, đầu hơi nghiêng về phía Faunia ấy, đang nói chuyện với Faunia một cách lặng lẽ, nghiêm trang, nhưng nói về chuyện gì, dĩ nhiên, tôi không biết.

Vì chúng ta không biết, phải không? *Ai cũng biết...* Làm thế nào mà một chuyện lại xảy ra như nó đã xảy ra? Cái gì nằm bên dưới sự hỗn loạn của chuỗi những sự kiện, những bất định, những rủi ro, sự tan rã, những lệch lạc đầy choáng váng định nghĩa nên những chuyện của con người? *Không ai* biết, giáo sư Roux ạ. “Ai cũng biết” chỉ là sự viển vông đến một lối nói rập khuôn, và là khởi đầu của sự tầm thường hóa trải nghiệm của con người, và chính cái vẻ nghiêm trang và thái độ quyền uy của người ta khi nói ra cái thứ rập khuôn đó mới là thứ khó chịu đến tận cùng. Chúng ta chỉ biết, nói một cách không rập khuôn, rằng chẳng ai biết gì hết. Ta *không thể* biết bất cứ chuyện gì. Những điều ta biết ta không biết. Ý định? Động cơ? Hậu quả? Ý nghĩa? Mọi thứ mà ta không biết thật đáng ngạc nhiên. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là việc ta cứ ngỡ là mình biết.

Khi khán giả lục tục trở vào, tôi bắt đầu, theo kiểu hí họa, mừng rỡ ra thứ bệnh tật chết người, mà không ai nhận ra, đang tiến triển trong chúng ta, trong mỗi người chúng ta: hình dung những mạch máu nghẽn tắc dưới cái mũ lưỡi trai, những khối u ác tính lớn lên dưới mái tóc bạc dợn sóng, những cơ quan dặt dẹo, teo tóp, đình trệ, hàng trăm tỷ tế bào chết chóc lén lút đưa đám khán giả này tới cái tai ương ở phía trước mà không ai nghĩ là sẽ diễn ra. Tôi không tìm mình lại được. Cuộc thăm sát kinh khủng là cái chết đang cuốn phăng tất cả chúng ta đi. Ban nhạc, khán giả, nhạc trưởng, các kỹ thuật viên, lũ chim én, hồng tước - hãy nghĩ tới những con số chỉ tính riêng ở Tanglewood từ giờ tới năm 4000. Rồi nhân con số đó với mọi thứ. Một cuộc tiêu vong không ngừng. Một ý tưởng ly kỳ làm sao! Thăng thiên nào nghĩ ra được cái đó? Và trong khi đó thì hôm nay là một ngày mới tuyệt vời làm sao, một ngày đáng yêu làm sao, một ngày hoàn hảo chẳng thiếu thứ gì tại một điểm nghỉ mát ở Massachusetts mà bản thân nó cũng đẹp đẽ và vô hại như bất cứ nơi nào trên quả đất này.

Rồi Bronfman xuất hiện. Bronfman thẩn lẩn sấm! Ngài Fortissimo*! Bronfman lên sân khấu để trình diễn nhạc Prokofiev theo

một tiết tấu và với một vẻ hiên ngang như để đánh bật sự u ám bệnh tật ra khỏi đầu óc tôi. Ông ta có nửa thân trên to lớn, một thể lực tự nhiên được ngụy trang trong lớp áo ni, một kẻ bước vào thính phòng Music Shed sau khi rời khỏi rạp xiếc nơi ông ta vào vai diễn viên cơ bắp, một kẻ xem cây dương cầm như một thách thức kỳ cục đối với sức mạnh phi thường mà ông ta có. Yefim Bronfman trông chẳng có gì giống một người sắp chơi cây dương cầm đó, mà giống một gã bốc vác có nhiệm vụ di chuyển nó hơn. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy ai tấn công cây dương cầm giống như tay người Nga gốc Do Thái râu ria không cạo người ngợm bé nhỏ răn rỏi như cái thùng tô nô này. Ông ta mà chơi xong thì người ta sẽ phải vất cái đàn đi luôn, tôi nghĩ vậy. Ông ta nghiền nát nó. Ông ta không cho cây dương cầm ấy giấu giếm điều gì. Bất kỳ cái gì có trong đó đều phải đi ra, và đi ra với hai tay giơ lên trời. Và khi đó, mọi thứ ở đó đã được phô bày cạn kiệt, cho đến cái nhịp đập cuối cùng của nhịp đập cuối cùng, thì tự ông ta cũng đứng lên và bỏ đi, để lại sau lưng sự cứu rỗi cho chúng tôi. Với một cái vẫy tay phờ phợt, ông ta đột nhiên biến mất, và tuy ông ta đi mang theo tất cả ngọn lửa của mình với một sức mạnh không kém gì sức mạnh của Prometheus, cuộc sống của chúng tôi lúc này dường như không thể lụi tàn. Không ai chết, *không một ai* - Bronfman đã làm tất cả để điều đó không xảy ra!

Buổi tối dượt lại nghỉ giải lao, và khi Faunia cùng Coleman đứng dậy để rời thính phòng, tôi cũng đứng lên. Tôi chờ cho họ đi trước, bụng không chắc mình nên đến gặp Coleman thế nào hoặc - vì có vẻ như ông chẳng còn ích dụng gì cho tôi hay cho bất kỳ ai khác quanh đây - liệu có nên đến gặp ông không. Nhưng tôi quả thực có nhớ ông. Và tôi đã làm gì nên nổi chú? Nổi khao khát muốn có một người bạn hiện ra y như nó đã trôi lên khi chúng tôi gặp nhau lần đầu, và một lần nữa, bởi cái sức hút ở Coleman, một sức cám dỗ mà tôi chẳng bao giờ định rõ được, tôi không tìm được cách nào ghì nó xuống.

Tôi quan sát từ đằng sau cách họ chùng ba mét khi họ di chuyển theo đám người đang nhích từng bước chậm chạp theo lối đi giữa hai hàng ghế về phía bãi cỏ đầy nắng, Coleman lại lặng lẽ trò chuyện với Faunia, bàn tay của ông đặt giữa hai bả vai cô, lòng bàn tay ông áp vào xương sống dịu cô đi trong khi ông đang giải thích về cái điều gì gì đó mà ông đang giải thích, cái điều gì gì đó mà cô chưa biết. Ra tới ngoài, họ bắt đầu băng qua bãi cỏ, chắc là đi về công chính và bãi đất mà phía sau đó là bãi đậu xe, và tôi không định bụng đi theo. Khi tình cờ ngoái lại nhìn thính phòng, tôi có thể thấy bên trong, dưới những bóng đèn trên sân khấu, tám cây đại hồ cầm đẹp đẽ xếp thành hàng ngay ngắn ở chỗ các nhạc công, trước khi ra ngoài giải lao, đã đặt chúng nằm ra. Tại sao cả hình ảnh này cũng gợi tôi nghĩ tới cái chết của tất cả chúng ta thì tôi không hiểu nổi. Một nghĩa trang của những thứ nhạc cụ nằm ngửa ra? Bộ chúng không thể, một cách vui vẻ hơn, khiến tôi nghĩ đến một tốp cá voi sao?

Tôi đang đứng trên bãi cỏ thư giãn gân cốt, đón nhận hơi ấm của nắng trên lưng thêm vài giây trước khi trở về chỗ ngồi để nghe nhạc Rachmaninoff thì thấy họ quay lại - có vẻ họ rời khu vực quanh thính phòng chỉ để thả bộ trong khuôn viên, có lẽ vì Coleman muốn chỉ cho cô thấy cảnh vật phía Nam khu này - và bây giờ họ quay lại để nghe ban nhạc kết thúc buổi tổng dợt, bài “Symphonic Dances”. Để giải đáp những khúc mắc trong lòng, tôi quyết định tiến thẳng về phía họ bất chấp việc trông họ vẫn giống những người chẳng muốn người khác xía vào chuyện của họ làm gì. Vẫy tay với Coleman, vừa vẫy vừa nói “Chào, kìa. Coleman, xin chào,” tôi chặn họ lại.

“Tôi đã ngờ ngợ là ông rồi,” Coleman nói, và tuy không tin ông, tôi vẫn nghĩ, Nên nói cái gì để cô ấy thấy thoải mái đây? Để khiến tôi thoải mái. Để khiến ông ấy thoải mái. Chẳng để lộ ra cái gì ngoài vẻ quẩn rữ của ông chủ tịch hội đồng giảng viên trường khoa cứng như đá, tính tình dễ chơi, không chút gì bức mình vì sự xuất hiện bất ngờ của tôi, Coleman nói, “Bronfman thật đáng nể. Tôi đang bảo Faunia

rằng ông ta đã lấy đi ít nhất mười năm tuổi đời của cây dương cầm đó.”

“Tôi cũng đang có ý nghĩa đại loại vậy.”

“Đây là Faunia Farley,” ông nói với tôi, và với cô ấy, “Đây là Nathan Zuckerman. Hai người gặp nhau ở nông trại rồi đó.”

Cao cỡ tôi hơn là cỡ Coleman. Thanh mảnh và khắc khổ. Chẳng có gì nhiều hiện ra trong đôi mắt. Khuôn mặt rõ ràng thiếu thần thái. Thú nhục dục? Không hề. Không thấy ở đâu cả. Bên ngoài chỗ vắt sữa, mọi thứ quấy rầy chấm dứt. Cô đã xoay xử để cho *mình* thậm chí còn không hiện diện ở đây. Kỹ năng của một con thú, bất luận là thú săn mồi hay con mồi.

Cô mặc quần jean bạc màu và đi đôi giày lười - Coleman cũng vậy - và trên người, với tay áo xắn lên, là chiếc áo ca rô cũ mà tôi nhận ra là của ông bạn.

“Tôi nhớ ông đấy,” tôi nói với ông. “Có lẽ tối nào đó tôi sẽ mời hai người đi ăn tối.”

“Ý hay đấy. Được. Cứ thế đi.”

Faunia không còn chú ý đến chúng tôi nữa. Cô đang nhìn xa xăm lên những ngọn cây. Chúng đang đu đưa trong gió, nhưng cô dõi theo chúng cứ như chúng đang nói chuyện. Lúc đó tôi nhận ra rằng cô quả thực thiếu điều gì đó, và ý tôi không phải là khả năng nói chuyện phiếm. Nếu có thể nói ra nó là gì thì tôi hẳn đã nói ngay rồi. Nó không phải trí thông minh. Nó không phải sự đĩnh đạc. Nó không phải sự đoan trang hay tao nhã - những mảnh khóc đó cô có thể dễ dàng thực hiện. Nó không phải chiều sâu - sự nông cạn không phải là vấn đề. Nó không phải tính hướng nội - ta có thể thấy trong nội tâm cô phải loay hoay với rất nhiều thứ. Nó không phải sự tỉnh táo - cô hoàn toàn tỉnh táo và, theo một cách hơi rụt rè, cũng có vẻ kiêu ngạo, có phần bề trên, nhờ vào uy quyền mà những đau khổ đã đem lại. Nhưng rõ ràng có một phần của cô không có ở đó.

Tôi để ý đến chiếc nhẫn trên ngón giữa bàn tay phải của cô. Viên đá nạm trên đó có màu trắng sữa. Một viên ngọc mắt mèo. Tôi chắc chắn ông đã tặng nó cho cô.

Khác hẳn Faunia, mọi mảnh của Coleman đều ở đó, hoặc có vẻ như thế. Một cách dễ dãi. Tôi biết ông không có ý định dẫn Faunia đi ăn tối với tôi hay với bất kỳ ai khác.

“Quán Madawaska Inn,” tôi nói. “Ăn ở ngoài. Thế được không?”

Chưa bao giờ tôi thấy Coleman lịch sự hơn như khi ông nói với tôi, nói dối, “Quán đó - được quá. Chúng tôi đi chứ. Chúng tôi sẽ đi. Nhưng hãy cho tụi tôi đãi ông. Nathan, như vậy đi,” ông nói, đột nhiên vội vã nắm lấy tay Faunia. Hất đầu về phía thính phòng Music Shed, ông ta nói, “Tôi muốn Faunia nghe Rachmaninoff.” Và họ đi mất, đôi tình nhân “chạy trốn vào giông bão”, như những gì John Keats viết.

Chỉ chưa đầy vài phút bấy nhiêu chuyện đã xảy ra, hoặc có vẻ đã xảy ra - vì chẳng có gì quan trọng thực sự xảy ra - đến độ thay vì trở về chỗ ngồi, tôi bắt đầu lang thang quanh quán, ban đầu giống một kẻ mộng du, bước đi vu vơ qua bãi cỏ rải rác những người đi chơi dã ngoại và đi được nửa đường vào Music Shed, rồi lại đi vòng lại ra chỗ mà quang cảnh nhìn xuống vùng đồi núi Berkshire vào giữa mùa hè cũng đẹp chẳng kém quang cảnh phía Đông dãy Rocky. Tôi có thể nghe những vũ khúc của Rachmaninoff xa xăm vọng đến từ thính phòng, nhưng ngoài tiếng nhạc ra tôi chỉ có một mình, chìm sâu vào cái thung khe giữa những ngọn đồi xanh xanh kia. Tôi ngồi trên cỏ, ngạc nhiên, không thể lý giải điều tôi đang nghĩ: ông có một bí mật. Người đàn ông được tạo thành từ những thứ cảm xúc đáng tin nhất, thuyết phục nhất này, cái xung lực mà xung lực là lịch sử đằng sau nó này, cái người đàn ông đẩy đàn ông trông như liền một khối, quyến rũ như không, tinh ranh một cách dễ chịu này tuy vậy lại có một bí mật khổng lồ. Làm thế nào mà tôi đi tới kết luận này? Tại sao lại là một bí mật? Bởi vì nó ở đó khi ông đi với cô ấy. Và khi ông không ở bên cô ấy nó cũng có mặt ở đó luôn - cái bí mật đó chính là thứ tạo nên sức

hấp dẫn của ông. Chính cái thứ *không* có mặt ở đó đã lôi buộc tôi đi, chính nó là thứ thu hút tôi, cái *thứ* bí ẩn mà ông đặt riêng ra, biến nó thành của riêng ông và không của ai khác. Ông đã khiến cho mình giống như mặt trăng để người ta chỉ thấy được một nửa. Và tôi không thể khiến ông hoàn toàn lộ diện. Có một khoảng trống. Tôi chỉ có thể nói thế. Cùng với nhau, hai người họ là một *cặp* khoảng trống. Có một khoảng trống ở cô ấy, và mặc cho cái thần thái của một con người vững vàng ở ông, thậm chí nếu cần thì ông còn có thể là một địch thủ ngoan cố và quyết liệt - một gã khổng lồ giậm dừ trong đội ngũ giảng viên thà rút lui còn hơn chịu nhục - cũng có một khoảng trống ở đâu đó trong ông, một chỗ bị tẩy xóa, một đoạn bị cắt bỏ, tuy rằng là cái gì thì tôi không thể đoán ra... thậm chí không thể biết liệu linh cảm của tôi là đúng hay tôi chỉ đang áp một ý nghĩ ngu dốt của mình lên một con người khác.

Mãi đến ba tháng sau, khi tôi biết được bí mật đó và khởi sự viết cuốn sách này - cuốn sách mà lúc đầu ông đã yêu cầu tôi viết, nhưng lại không được viết hoàn toàn theo kiểu ông muốn - thì tôi mới hiểu được điểm mấu chốt trong giao ước giữa họ: ông đã kể cho cô nghe toàn bộ chuyện đời mình. Chỉ mình Faunia biết Coleman Silk đã trở thành con người hiện tại như thế nào. Làm sao tôi biết rằng cô biết? Tôi không trả lời được. Tôi cũng không thể biết được. Giờ thì tôi không thể biết. Bây giờ khi họ đã chết, chẳng ai biết được. Dù kết quả có thể nào, tôi chỉ có thể làm điều mà những ai nghĩ rằng mình hiểu chuyện sẽ làm. Tôi tưởng tượng. Tôi buộc lòng phải tưởng tượng. Tình cờ thay đây cũng là việc tôi làm để kiếm sống. Đó là công việc của tôi. Giờ đây đó là tất cả những gì tôi làm.

Sau khi Les rời khỏi bệnh viện Cựu chiến binh và tham gia nhóm trợ giúp để cai rượu và kiểm soát sự bất ổn tinh thần, mục tiêu dài hạn mà Louie Borrero đặt ra cho hắn là làm một chuyến hành hương tới Bức tường - nếu không phải Bức tường thật, tức là Bức tường tưởng niệm

Cựu binh chiến tranh Việt Nam ở Washington, thì là Bức tường Lưu động* khi nó tới Pittsfield vào tháng Mười một. Washington, D.C. là thành phố mà Les từng thề sẽ không bao giờ đặt chân tới vì lòng thù ghét chính quyền và, từ 1992, vì hấn khinh bỉ thẳng trốn quân dịch đang ngủ trong Nhà Trắng*. Dù sao, bắt hấn vượt hết quãng đường từ Massachusetts đến Washington có lẽ là một đòi hỏi quá mức: từng ấy cảm xúc trong từng ấy thời gian ngồi trên xe khách là quá nhiều đối với một người vừa xuất viện.

Cách Louie chuẩn bị cho Les tham quan Bức tường Lưu động cũng là cách mà ông ta chuẩn bị cho những người khác: bằng một nhà hàng Tàu, để Les đánh bạn với bốn hoặc năm tay khác và cùng nhau ăn một bữa tối kiểu Tàu, cần bao nhiêu bữa thì đi bấy nhiêu lần - hai, ba, bảy, mười hai, mười lăm lần, nếu cần - cho đến khi hấn có thể ngồi hết trọn một bữa tối, ăn hết các món, từ súp khai vị tới món tráng miệng, mà không toát mồ hôi ướt đẫm áo sơ mi, không run lẩy bẩy tới mức chẳng giữ được cái muỗng ăn súp, không mỗi năm phút lại chạy ra ngoài để thở, không kết thúc với việc ới mưa trong phòng tắm và trốn vào một ngăn khóa kín cửa nhà vệ sinh, và, dĩ nhiên, không mất trí và nổi điên với tay bồi bàn người Hoa.

Louie Borrero được xếp vào dạng cựu binh được nhận bồi hoàn 100%, đến nay ông ta đã cai được ma túy và dùng thuốc được mười hai năm, và ông ta bảo, giúp đỡ cựu binh là cách ông ta điều trị cho mình. Hơn ba mươi năm rồi, ngoài kia vẫn còn rất nhiều cựu binh bị tổn thương, và thế là từ ngày này qua ngày khác, từ sáng đến đêm, ông ta lái chiếc xe tải nhỏ đi khắp tiểu ban, chỉ đạo những nhóm trợ giúp cho cựu binh và gia đình họ, tìm bác sĩ cho họ, đưa họ tới những buổi chia sẻ kinh nghiệm cai rượu, lắng nghe đủ loại vấn đề, gia đình, tâm thần, tài chánh, tư vấn về các vấn đề liên quan đến chế độ cựu binh, và cố gắng đưa những người đó tới thăm Bức tường ở Washington.

Bức tường là đứa con tinh thần của Louie. Ông ta tổ chức mọi thứ: thuê mướn xe khách, sắp xếp chuyện ăn uống, và bằng năng lực kết thân với mọi người ông ta đích thân chăm sóc những cựu binh hoảng sợ khi nghĩ đến chuyện mình sẽ khóc thảm thiết hoặc cảm thấy quá buồn nôn hoặc sắp lên một cơn đau tim và chết. Ban đầu họ luôn thoái thác bằng cách nói những điều đại loại như: “Không được đâu. Tôi không thể tới bức tường. Tôi không thể tới đó và đọc tên của người này người kia. Không được đâu. Không thể được. Không làm nổi đâu.” Les, chẳng hạn, đã bảo Louie, “Tôi có nghe về chuyến đi của anh lần vừa rồi. Tôi nghe đủ thứ về chuyện nó tồi tệ ra sao. Hăm lăm đô một người cho cái xe khách thuê này. Tiền vé bao cả bữa trưa, và thằng nào cũng nói bữa trưa như cứt - không đáng hai đô. Và cái thằng người New York đó không muốn phải chờ, cái thằng tài xế đó. Đúng không, Lou? Nó muốn về sớm để làm một cửa tới thành phố Atlantic phải không? Thành phố Atlantic! Tổ bà cái thứ nhảm nhí đó, mẹ nó. Thúc vào đít tất cả mọi người xong hết ngày lại ngóng một khoản tiền bồi dưỡng cỡ bự ư? Không có tôi đâu, Lou. Đ... được đâu. Nếu phải trông thấy hai thằng mặc đồ rằn ri ôm chầm lấy nhau rồi khóc lóc chắc tôi phát ói quá.”

Nhưng Louie biết một chuyến đi đến bức tường có ý nghĩa gì. “Les, giờ là năm một ngàn chín trăm chín mươi tám rồi. Cuối thế kỷ hai mươi rồi, Lester. Đã đến lúc anh đổi mặt chuyện này. Anh không thể làm tất cả mọi thứ cùng một lúc, tôi biết, và sẽ không ai bắt anh làm thế. Nhưng giờ là lúc tiến hành chương trình của anh, ông bạn ạ. Đến lúc rồi. Chúng ta sẽ không bắt đầu với bức tường. Chúng ta sẽ bắt đầu chậm thôi. Chúng ta sẽ bắt đầu với một nhà hàng Tàu.”

Nhưng với Les khởi đầu như thế chẳng hề chậm chút nào; với Les, chỉ việc đi tới tiệm bán thức ăn mang về ở Athena thôi, hẳn đã phải ngồi trong xe chờ, trong khi Faunia nhận thức ăn. Nếu vào trong, hẳn sẽ muốn giết sạch cái đám da vàng ngay khi nhìn thấy họ. “Nhưng họ là người Hoa,” Faunia bảo hẳn, “chứ đâu phải Việt Nam.” “Ồ ngu!

Tao chẳng quan tâm chúng là *cái chó gì!* Chúng là lũ khỉ vàng! Một lũ khỉ vàng không hơn!”

Cứ như thế việc ngủ nghê của hắn chưa đủ tồi tệ trong hai mươi sáu năm qua, một tuần trước khi đến nhà hàng Tàu, hắn đã thức trắng. Hắn chắc phải gọi điện cho Louie đến cả năm mươi lần bảo rằng hắn không đi được, và để đến một nửa số cuộc gọi ấy là vào lúc hơn ba giờ sáng. Nhưng Louie vẫn lẳng nghe bất kể giờ nào, để cho hắn nói ra mọi thứ có trong đầu, thậm chí còn đồng ý với hắn, kiên nhẫn đáp “ừ-hừ... ừm-ừm... ừm-em” suốt cuộc điện, nhưng sau cùng ông ta luôn chặn họng hắn theo cùng một kiểu: “Anh sẽ đến đó ngồi, Les à, cố mà ngồi. Anh chỉ phải làm thế thôi. Bất kể anh cảm thấy gì, dù là buồn bã, dù là giận dữ, bất kể cái gì - căm ghét, phẫn nộ - tất cả chúng tôi sẽ ở bên anh, và anh sẽ cố gắng ngồi đó mà không bỏ chạy hay làm điều gì ngu ngốc.” “Nhưng còn *bồi bàn*,” Less nói vậy, “tôi phải làm thế nào với tay bồi bàn mắc dịch ở đó? Tôi không thể, Lou - Tôi sẽ nổi khùng con mẹ nó mất thôi!” “Tôi sẽ lo vụ bồi bàn. Anh chỉ cần ngồi đó thôi.” Với bất kỳ phản đối nào do Les nêu ra, kể cả nguy cơ hắn có thể giết tay bồi bàn, Louie luôn đáp lại rằng hắn chỉ phải làm một việc là ngồi thôi. Cứ như chỉ cần bấy nhiêu - ngồi - là ngăn được một người không giết kẻ thù mình căm ghét nhất.

Họ có năm người cả thấy trong xe tải của Louie khi tất cả đến Blackwell một tối nọ, chưa đầy hai tuần sau khi Les xuất viện. Có Louie, người mẹ kiêm người cha kiêm người anh kiêm người lãnh đạo, một tay hói đầu, mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao, mặc đồ mới ủi và đội mũ kẹp đen Cựu binh Việt Nam và cầm ba toong, và, với thân hình lùn thấp, vai xuôi, bụng phệ, trông ông ta hơi giống chim cánh cụt với cái dáng đi khó nhọc trên đôi chân yếu ớt. Lại có những tay bự con kiêu lời: Chet, thợ sơn nhà từng ba lần ly dị, vốn là dân thủy quân lục chiến - ba bà vợ bị dọa cho mất vía vì thẳng cha lừng lừng kín như bưng cột tóc đuôi ngựa, lăm lăm chẳng hề hé miệng lấy một lời - và Bobcat, một cựu xạ thủ mất một chân vì dính mìn và

đang làm việc cho Midas Muffler. Sau cùng là một tay cổ quái thiếu dinh dưỡng, một gã hen suyễn gầy gò, co giật, mất gần hết bộ răng hàm, tự xưng là Swift, đã chính thức đổi tên sau khi giải ngũ, cứ như thể việc hăn không còn được gọi bằng Joe Brown hay Bill Green hay bất kỳ cái tên nào của hăn trước đây khi mới nhập ngũ có thể khiến hăn, khi về nước, cảm thấy yêu đời mỗi sớm mai thức dậy. Từ khi rời Việt Nam, sức khỏe của Swift gần như bị hủy hoại vì đủ loại bệnh ngoài da, hô hấp và thần kinh, và bây giờ hăn đang héo mòn dần vì sự thù địch nhắm vào đám cựu binh Chiến tranh Vùng Vịnh còn lớn hơn cả lòng khinh bỉ của Les. Suốt đoạn đường tới Blackwell, trong khi Les đã bắt đầu run bần bật và cảm thấy buồn nôn, Swift ồn ào hết cả phần mấy gã to xác kia. Cái giọng khò khè của gã không lúc nào ngơi. “Vấn đề lớn nhất của chúng nó là chúng không thể tới được bờ biển sao? Tụi nó thấy khó chịu ở bãi biển khi nhìn thấy cát hả? Bọn cứt đá. Cái thứ lính kiếng, rồi đột nhiên tụi nó phải đối diện chiến tranh thứ thiệt. Bởi thế nên tụi nó mới tán loạn lên - tất cả chui vào lực lượng dự bị, chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ bị gọi ra mặt trận, và rồi chúng bị gọi ra mặt trận. Và chúng chẳng làm được cái *đéo* gì hết. Chúng chẳng biết chiến tranh là gì. Cái đó mà là chiến tranh? Cuộc chiến bốn ngày trên bộ? *Tụi nó* thọt được mấy thằng khí vàng? Tụi nó đều cẩu vì không diệt được Saddam Hussein. Chúng nó chỉ có một kẻ thù - Saddam Hussein. Cho tao xin. Mấy thằng đó chẳng sao hết. Chúng nó chỉ muốn có tiền mà không phải ném mật năm gai. Một chỗ phát ban. Mà biết tao bị bao nhiêu vết phát ban vì chất độc Da Cam không? Tao còn chẳng sống được tới sáu mươi, còn mấy thằng đó lại quần đít lên vì một vết phát ban!”

Cái nhà hàng Trung Quốc nằm ở tận cùng mạn phía Bắc của Blackwell, trên xa lộ, chỉ đi quá nhà máy giấy đóng ván kín mít một chút, và quay lưng vào con sông. Tòa nhà bê tông này thấp, dài và sơn màu hồng, có một cửa sổ kính nguyên tấm ở mặt tiền, và nửa tấm kính được sơn cho giống một Bức tường gạch - một Bức tường gạch màu

hồng. Nhiều năm trước nó là sân chơi bowling. Trong khung cửa kính lớn, những mẫu tự nhấp nháy chập chờn của bảng hiệu bằng đèn neon được thiết kế cách điệu theo kiểu chữ Tàu, tạo thành dòng chữ “The Harmony Palace”.

Với Les, chỉ cần nhìn tấm bảng hiệu ấy thôi là đủ xóa sạch chút hy vọng le lói nhất. Hắn không làm được. Hắn sẽ chẳng bao giờ làm được. Hắn sẽ mất trí hoàn toàn.

Sự đơn điệu của việc lặp lại những lời đó - đồng thời với nó là cái sức mạnh hắn cần bỏ ra để vượt qua nỗi kinh hoàng này. Dòng sông máu mà hắn phải lội qua để tới chỗ gã da vàng tươi cười ở cửa và ngồi vào chỗ của hắn ở bàn. Và nỗi khiếp đảm - một nỗi khiếp đảm đến loạn trí mà chẳng có gì cản nó lại - khi gã da vàng đưa cho hắn cuốn thực đơn. Sự lỗ bịch tuyệt đối khi gã da vàng rút cho hắn ly nước. Mời *hắn* uống nước! Nguồn cội cho toàn bộ đau khổ của hắn có thể chính là thứ nước đó. Nó khiến hắn cảm thấy điên loạn đến thế đấy.

“Được đấy, Les, anh đang làm tốt đấy. Làm tốt thật đấy,” Louie nói. “Cứ từ từ mà làm. Đến đây là rất tốt rồi. Bây giờ tôi muốn anh xử lý cái thực đơn. Thế thôi. Chỉ thực đơn thôi. Chỉ cần mở thực đơn, mở nó ra, và tôi muốn anh tập trung vào các món súp. Việc duy nhất anh phải làm bây giờ là gọi món súp. Anh chỉ phải làm thế thôi. Nếu anh không chọn được, tụi tôi sẽ chọn cho anh. Ở đây người ta có món súp hoành thánh rất tuyệt.”

“Thằng bồi thối tha,” Les nói.

“Anh ta không phải bồi, Les à. Tên anh ta là Henry. Anh ta là chủ. Les này, chúng ta sẽ tập trung vào món súp. Henry, anh ta ở đây để điều hành quán này. Để bảo đảm mọi việc trôi chảy. Không hơn, không kém. Anh ta chả biết gì khác đâu. Chả biết gì sất, mà cũng không muốn biết ấy. Anh chọn món súp nào?”

“Mấy người chọn món gì?” *Hắn* đã hỏi thế. Les. Ngay giữa tấn kịch tuyệt vọng này, *hắn*, Les, đã xoay xở để tách ra khỏi mớ hỗn độn trong đầu và hỏi họ định ăn gì.

“Hoành thánh,” cả bọn đáp.

“Được thôi. Hoành thánh.”

“Được rồi,” Louie nói. “Bây giờ chúng ta sẽ gọi món khác. Chúng ta ăn chung nhé? Như thế có quá sức với anh không, Les, hay anh thích ăn riêng? Les, anh thích ăn cái gì? Anh muốn ăn gà, rau, hay heo? Muốn mì xào không? Với mì sợi?”

Hắn gồng mình lên, để xem có thể làm được lần nữa không. “Mọi người tính ăn gì?”

“Ồ, Les, người thì ăn món heo, người thì ăn bò...”

“Tôi chẳng quan tâm!” Và hắn không quan tâm vì toàn bộ chuyện này đang xảy ra ở hành tinh nào khác, cái trò giả vờ gọi món ăn Tàu này. Đây không phải là thứ đang thực sự xảy ra.

“Thịt heo áp chảo ha? Heo áp chảo cho Les. Được rồi. Bây giờ, Les này, anh chỉ phải làm một việc là tập trung và Chet sẽ rót cho anh ít trà. Được không? Được mà.”

“Chỉ cần đừng để thằng bồi chó chết đó qua đây.” Vì liếc mắt là hắn nhận ra có động tĩnh gì đó.

“Này, anh ơi...” Louie gọi người bồi bàn. “Này, anh cứ đứng nguyên ở đó, chúng tôi sẽ mang phiếu gọi món lại. Nếu anh không phiền. Chúng tôi sẽ mang phiếu gọi món lại cho anh - anh chỉ cần giữ khoảng cách với chúng tôi.” Nhưng tay bồi bàn có vẻ không hiểu, và khi gã lại dậm bước tiến về phía họ, Louie, lóng ngóng nhưng mau lẹ, đứng dậy trên đôi chân khập khiễng. “*Này anh !* Chúng tôi sẽ mang phiếu gọi món lại cho *anh. Cho. Anh.* Được chưa? Tốt,” Louie nói, rồi ngồi xuống. “Tốt,” ông ta nói, “tốt,” gật đầu với tay bồi bàn, lúc đó đang đứng đờ ra cách đó mười bước. “Đúng rồi. Chuẩn luôn.”

Harmony Palace là một nơi không mấy sáng sủa, với những cây kiếng giả bày rải rác dọc các Bức tường và có khoảng năm mươi bàn xếp thành các dãy dài dọc theo chiều dài căn phòng. Chỉ vài bàn có khách, và những bàn đó cũng đủ xa để không khách hàng nào nhận ra

chút lộn xộn ở cuối phòng nơi có năm gã đang ăn. Để phòng xa, khi bước vào nhà hàng Louie luôn nhờ Henry xếp cho một bàn tách biệt khỏi những người khác. Ông ta với Henry đã quen với vụ này.

“Được rồi, Les, mọi chuyện lại đâu vào đấy rồi. Bây giờ anh có thể bỏ tay khỏi cái thực đơn. Les, buông tờ thực đơn ra đi. Bắt đầu với tay phải. Rồi, bây giờ tay trái. Rồi. Chet sẽ gấp nó lại cho anh.”

Hai gã to lớn, Chet và Bobcat, được xếp ngồi hai bên Les. Họ được Louie phân công làm quân cảnh tối nay và đều biết phải làm gì nếu Les quậy. Swift ngồi ở bên kia cái bàn tròn, bên cạnh Louie, gã ta ngồi đối diện thẳng với Les, và lúc này, bằng giọng ân cần kiểu ông bố nói với con trai khi dạy nó chạy xe đạp, Swift nói với Les, “Tao nhớ lần đầu tới đây, tao cứ nghĩ mình chẳng bao giờ làm được. Mà đang làm rất tốt. Lần đầu tiên, tao thậm chí còn không đọc được thực đơn nữa. Máy con chữ cứ quay cuồng lao vào tao. Tao nghĩ mình sắp lao ra ngoài qua đường cửa sổ. Hai thằng phải lôi tao ra vì tao không ngồi yên được. Còn mà đang làm rất tốt đó, Les à.” Nếu Les có thể để ý đến bất cứ điều gì khác ngoài hai tay hăn đang run bần bật, chắc hăn đã phát hiện được rằng trước đây hăn chưa có lúc nào thấy Swift không co giật cả. Lúc này Swift không co giật cũng không càu nhàu. Đó là lý do Louie dẫn gã theo - vì giúp người khác ăn đàng hoàng một bữa tối ở quán Tàu có vẻ là việc mà Swift giỏi nhất trên đời này. Ở đây, duy tại nhà hàng Harmony Palace này, đầu óc Swift có vẻ tạm thời trở lại bình thường. Ở đây người ta khó lòng cho rằng Swift là một kẻ đã phải bò lê lết qua cuộc đời này. Ở đây, bộc lộ ra trong cái thân tàn ốm yếu, cay đắng này là một mẫu rất nhỏ, tả tơi, của cái từng là lòng can đảm. “Mày đang làm rất ngon lành, Les à. Mày làm được đấy. Mày chỉ phải dùng chút trà thôi,” Swift gợi ý. “Để Chet châm chút trà đi.”

“Hít thở,” Louie nói. “Vậ đó. Hãy hít thở, Les. Nếu ăn xong món xúp mà anh không chịu nổi, mình sẽ về. Nhưng anh phải ăn hết được món khai vị. Nếu anh không xơi được món heo áp chảo thì cũng được.

Nhưng anh phải ăn hết được món xúp. Hãy đặt một mật mã đi, trong trường hợp anh phải ra ngoài. Anh sẽ nói với tôi cái mật mã đó khi không còn lựa chọn nào khác. Chọn mật mã là ‘lá trà’ được không? Anh chỉ cần nói thế và chúng ta sẽ rời khỏi đây. Lá trà. Nếu anh cần thì cứ nói. Nhưng *chỉ khi* anh cần thôi đấy.”

Tay bồi bàn bưng khay xúp của bọn họ đứng tần ngần cách bàn một quãng ngắn. Chet và Bobcat bật ngay dậy đón món xúp và bưng tới bàn.

Lúc này Les chỉ muốn nói “lá trà” và rút khỏi chỗ quái quỷ này. Tại sao hắn không nói? Tôi phải biến khỏi đây. Tôi phải biến khỏi đây.

Bằng cách lặp lại với chính mình “Tôi phải biến khỏi đây,” hắn có thể đưa bản thân vào trạng thái như thôi miên và, cho dù không hề thấy đói gì hết, hắn có thể bắt đầu ăn món xúp. Nuốt trôi một ít nước xúp. “Tôi phải biến khỏi đây,” và cách này giúp hắn gạt khỏi tâm trí gã bồi bàn và tay chủ nhà hàng, nhưng không gạt đi hai phụ nữ ở một bàn sát tường đang bóc vỏ đậu và bỏ những hạt đậu vào nồi. Từ khoảng cách cả chục mét, Les có thể nhận ra mùi của thứ nước hoa loãng toẹt rẻ tiền mà bọn họ đã xịt vào phía sau bốn cái vành tai vàng khè của họ - với hắn nó như óc y như mùi của đất thô. Bằng cùng thứ năng lực sinh tồn kỳ lạ từng giúp hắn đánh hơi ra cái mùi khảm lăm lâu ngày không tắm của một tay bán tía núp kín trong cũi dày đặc đen ngòm của rừng già Việt Nam, hắn đánh hơi thấy mùi của hai phụ nữ đó và bắt đầu mất kiểm soát. Không ai bảo hắn là sẽ có những người phụ nữ đó làm cái việc đó ở đây. Họ sẽ làm việc đó trong bao lâu? Hai phụ nữ trẻ đó. Bọn khỉ vàng. Sao chúng nó lại ngồi đó và làm cái việc ấy? “Tôi phải biến khỏi đây.” Nhưng hắn không thể cử động bởi vì hắn không thể dứt tâm trí mình ra khỏi hai cô gái kia được.

“Sao mấy cô kia làm chuyện đó?” Les hỏi Louie. “Sao họ không dừng lại đi? Họ cứ phải làm chuyện đó sao? Họ định tiếp tục làm chuyện đó suốt cả tối nay sao? Họ định làm đi làm lại chuyện đó sao?”

Có lý do nào không? Có ai bảo cho tôi biết lý do là gì không? Bắt họ ngừng lại đi.”

“Bình tĩnh nào,” Louie nói.

“Tôi bình tĩnh mà. Tôi chỉ muốn biết - bộ họ định tiếp tục làm chuyện đó sao? Có ai ngăn họ lại được không? Chẳng lẽ không ai nghĩ ra được *cách nào* à?” Hăn bắt đầu to tiếng, và ngăn hăn lại cũng chẳng dễ dàng gì hơn ngăn hai người phụ nữ kia.

“Les, mình đang trong nhà hàng. Mà trong nhà hàng thì người ta nhặt đậu.”

“Hạt đậu,” Les nói. “*Đó là hạt đậu!*”

“Les, anh ăn xong xúp rồi và món kế tiếp sắp ra. Món kế tiếp: lúc này đó là toàn bộ những gì anh cần biết. Tất cả. Vậy đó. Việc anh phải làm kế tiếp là ăn chút thịt heo áp chảo, thế thôi.”

“Tôi ăn xúp đủ rồi.”

“Vậy sao?” Bobcat nói. “Mày tính không ăn thêm món đó hả? Ngán nó rồi hả?”

Bị vây bủa tứ bề bởi tai họa gần kề - nổi thống khổ có thể được chuyển hóa thành *việc ăn uống* trong bao lâu? - Les cố gắng nói, giọng lí nhí, “Dọn nó đi.”

Và đó là lúc tay bồi bàn bước tới - dám chùng là để dọn đĩa trống đi.

“Không!” Les gầm lên, và Louie lại đứng bật dậy, và lúc này, trông như tay điều khiển sư tử trong gánh xiếc - trong khi Les thì căng người ra và sẵn sàng chờ tay bồi bàn để tấn công - Louie dùng gậy ra hiệu cho tay bồi bàn lui lại.

“Anh cứ ở nguyên đó,” Louie nói với tay bồi bàn. “Ở nguyên đó. Chúng tôi sẽ bưng đĩa lại cho anh. Anh đừng đến chỗ tụi tôi.”

Hai phụ nữ bóc đậu đã dừng lại, không cần Les phải đứng dậy và tới chỉ cho họ phải dừng lại thế nào.

Và bây giờ Henry cũng có mặt trong câu chuyện, rõ ràng là thế. Henry gầy gò, lỏng khỏng, ưa cười, một gã trẻ tuổi mặc quần jean với sơ mi sặc sỡ và đi giày chạy bộ, người đã rót nước và là chủ nhà hàng này, đang đứng ở cửa chăm chú nhìn Les. Mím cười nhưng cứ nhìn chăm chăm. Tay đó là một mối đe dọa. Y đang chặn lối ra. Henry phải đi chỗ khác thôi.

“Mọi chuyện ổn cả,” Louie kêu với Henry. “Thức ăn rất ngon. Thức ăn tuyệt vời. Bởi thế nên chúng tôi trở lại.” Rồi ông ta nói với bồi bàn, “Cứ theo chỉ dẫn của tôi,” rồi ông ta hạ gậy và ngồi xuống. Chet và Bobcat gom các đĩa trống rồi bưng đi và chất trên khay của tay bồi bàn.

“Còn ai nữa không?” Louie hỏi. “Còn ai muốn kể về bữa ăn đầu tiên của mình không?”

“Ừ ừm,” Chet ậm ừ trong khi Bobcat chọn cái việc dễ chịu là xử lý nốt món xúp của Les.

Lần này, ngay khi bồi bàn từ nhà bếp bưng ra những món họ gọi, Chet với Bobcat liền đứng dậy và bước tới chỗ tay da vàng đàn độn đó trước khi hắn bắt đầu quên khuấy mọi đặn dò và tiến đến cái bàn đó lần nữa.

Và nó đã ở đây. Mớ thức ăn. Nồi giày vò mang tên thức ăn. Mì xào tôm thịt. Gà xào thập cẩm. Thịt bò hầm tiêu. Heo áp chảo. Sườn non. Cơm. Nồi giày vò của cơm. Nồi giày vò của hơi nước bốc lên. Nồi giày vò của các thứ mùi. Mọi thứ ngoài kia đáng lẽ phải cứu hắn thoát chết. Đưa hắn trở lại với Les khi còn là một đứa trẻ ngây thơ. Đó là giấc mơ cứ trở đi trở lại: đứa trẻ hồn nhiên nơi nông trại, đứa trẻ chưa biết đến sự tan vỡ.

“Trông ngon đấy!”

“Nếm còn ngon hơn!”

“Anh muốn Chet san cho một ít lên đĩa không, hay anh muốn tự lấy, Les?”

“Không đỏi.”

“VẬY CŨNG ĐƯỢC,” Louie nói, trong khi Chet bắt đầu xúc các món vào đĩa của Les cho hẳn. “Vấn đề không phải là đỏi hay không. Đó không phải thỏa thuận.”

“SẮP XONG CHƯA?” Les nói. “Tôi phải biến khỏi đây thôi. Không giỡn đâu, mấy cha. Tôi thực sự phải biến khỏi đây. Quá đủ rồi. Không chịu được nữa. Tôi cảm thấy mình sắp phát điên. Tôi ngán quá rồi. Ông bảo tôi có thể đi còn gì. Tôi phải biến thôi.”

“Tôi chưa nghe thấy mật khẩu, Les à,” Louie nói, “nên chúng ta cứ tiếp tục thôi.”

Bây giờ hẳn càng run tợn. Hẳn không xử lý được món cơm. Nó cứ rơi khỏi cái nĩa, hẳn run quá mức.

Rồi, ôi Chúa toàn năng, đến vụ một tay bồi bàn xuất hiện với bình nước. Cứ như mọc ra từ thinh không, một tay bồi bàn không phải tay trước đó đánh một vòng rồi tiến tới chỗ Lester từ phía sau. Suýt thì họ đã không thể ngăn Les hét lên “Yahhhh!” và thò tay chộp cổ gã bồi bàn, và bình nước vỡ tan dưới chân gã.

“DỪNG LẠI!” Louie kêu lên. “Lui ra!”

Hai phụ nữ bóc đậu bắt đầu gào lên.

“Anh ta không cần nước!” Quát lên, đứng thẳng dậy và quát lên, với cây gậy giơ quá đầu, Louie nhìn đám phụ nữ như một gã mất trí. Nhưng họ không biết mất trí là gì nếu họ nghĩ rằng Louie bị mất trí. Họ không hiểu gì hết.

Ở mấy bàn khác một số người đứng dậy, và Henry chạy vội đến và nói chuyện lầm rầm với họ cho tới khi họ ngồi xuống. Anh ta giải thích rằng đó là mấy cựu binh chiến tranh Việt Nam, và bất cứ lúc nào họ ghé đây, anh ta luôn tự bắt mình phải thực hiện nghĩa vụ với tổ quốc là tỏ ra hiếu khách với họ và chấp nhận chịu đựng những vấn đề của họ trong một hay hai tiếng.

Từ đó trở đi trong nhà hàng im lặng tuyệt đối. Les nhấm nháp chút thức ăn và những người khác ăn hết mọi thứ cho đến khi những thứ duy nhất còn lại trên bàn là mớ thức ăn trên đĩa của Les.

“Mày xong rồi ấy hả?” Bobcat hỏi hần. “Mày tính không ăn nữa hả?”

Lần này hần thậm chí không nói được “dọn nó đi”. Chỉ cần nói ba chữ đó, và tất cả những kẻ bị chôn dưới cái nhà hàng này sẽ ngoi dậy đòi báo thù. Chỉ việc nói *một* chữ thôi, và nếu bạn chưa bao giờ nhìn thấy chuyện đó, thì chắc như bấp là bây giờ bạn sẽ thấy ngay.

Rồi đến lượt món bánh quy may mắn. Thường thì họ rất thích. Đọc những lời in trong giấy, cười đùa, uống trà - ai mà lại không thích thế? Nhưng Les la lên “Lá trà!” và bỏ ra ngoài, Louie nói với Swift, “Ra ngoài với hần. Bắt kịp hần nghe, Swiftie. Theo sát hần. Đừng rời mắt khỏi hần. Tụi tôi sẽ kêu tính tiền.”

Trên đường về chỉ có im lặng: Bobcat im lặng vì gã no càn hông; Chet im lặng vì gã đã học được qua quá nhiều trận cãi lộn lặp đi lặp lại đến nhàm, rằng với một kẻ đang rối trí như hần, im lặng là cách duy nhất để tỏ ra thân thiện; và cả Swift cũng im lặng, một sự im lặng cay đắng và bức bối, bởi vì một khi những bóng đèn neon nhấp nháy đã ở phía sau họ, ký ức về chính mình mà gã dường như có được ở nhà hàng The Harmony Palace cũng biến mất theo. Bây giờ Swift đang mãi gặm nhấm nỗi đau.

Les im lặng vì hần đang ngủ. Sau mười ngày hoàn toàn mất ngủ trước chuyến đi này, cuối cùng hần đã gục.

Lúc những người kia đã xuống xe, chỉ còn lại mình Les với Louie thì Louie nghe hần tỉnh giấc, liền nói, “Les? Les? Anh làm tốt đấy, Lester. Tôi thấy anh đỡ mờ hôi, tôi nghĩ, Ừmm-ừmm- ừmm, chắc gã ta không làm nổi đâu. Anh phải thấy cái sắc mặt của anh lúc đó. Tôi không tin nổi. Tôi cứ nghĩ tay bồi bàn đó đi tong rồi.” Louie, người từng ngủ những đêm đầu tiên ở nhà với tay bị còng vào dàn sưởi trong ga ra của bà chị để bảo đảm ông ta không giết ông anh rể, người đã tử

tế cho ông ta vào trú ngụ khi ông ta vừa từ rừng rậm trở về được bốn mươi tám tiếng, người mà ngoài lúc ngủ thì thời gian hầu như chỉ dành để chăm lo cho mọi nhu cầu của người khác để cho không có thôi thúc quý dữ nào có thể khả dĩ chen được vào, người mà, hơn mười hai năm không uống rượu hút thuốc, thực hành chương trình Mười hai bước cai nghiện và đều đặn uống thuốc mỗi ngày - chống lo lắng có Klonopin, chữa trầm cảm có Zoloft, cổ chân rệu rã, đầu gối nhức nhối và hai bên hông đau không ngơi thì có Salsalade, một thứ thuốc kháng viêm mà quá nửa thời gian chẳng làm được gì nhiều hơn việc khiến ông ta bị đau bao tử, đầy hơi và tiêu chảy - đã xoay xở dọn dẹp được đồng đồ nát đời mình để có thể lại nói chuyện văn minh với người khác và cảm thấy, nếu không hẳn là thoải mái, thì cũng là bớt đau khổ quá mức chuyện phải di chuyển lóng ngóng suốt phần đời còn lại trên đôi chân đau nhức khôn nguôi đó, cũng như chuyện phải cố gắng đứng thẳng trong khi nền đỡ dưới chân chỉ toàn là cát - Louie vô tư lự bật cười. “Tôi nghĩ hẳn *cầm chắc* là tiêu đời rồi. Nhưng, trời ạ,” Louie nói, “anh không chỉ qua được món xúp, anh còn ngồi tới tận món bánh quy may mắn. Anh biết tôi phải mất bao nhiêu lần mới ngồi tới được món bánh quy may mắn đó không? Bốn. Bốn lần, Les à. Lần đầu thì tôi lao thẳng vào phòng vệ sinh và họ mất mười lăm phút mới lôi được tôi ra. Anh biết tôi sẽ nói gì với vợ tôi không? Tôi sẽ nói với bà ấy, ‘Les làm *rất ổn*. Les làm *ngon lành* luôn.’ ”

Nhưng đến lượt mình trả lời, Les từ chối. “Tôi ngồi đó như vậy không đủ sao?” “Tôi muốn anh ăn,” Louie nói. “Tôi muốn anh ăn trọn bữa. Nói được là phải làm được, không thể có chuyện không ăn. Chúng ta có mục tiêu mới, Les à.” “Tôi không muốn đạt được mấy mục tiêu của ông nữa. Tôi đã vượt qua được. Tôi không giết ai cả. Vậy chưa đủ sao?” Nhưng một tuần sau họ lại chạy xe tới Harmony Palace, cũng những nhân vật đó, ly nước đó, thực đơn đó, thậm chí cả mùi nước hoa loãng toẹt rẻ tiền tỏa ra từ thứ da thít châu Á của đám phụ nữ ở nhà hàng và thoảng tới chỗ Les, theo cái cách đường đột ngọt ngào

của nó, cái mùi như lạ ông tôi ở bụi này mà nhờ nó hắt lần ra dấu vết con mồi. Lần thứ nhì hắt ăn, lần thứ ba hắt ăn và gọi món - tuy họ vẫn không cho bồi bàn tới gần - và lần thứ tư họ để bồi bàn tới phục vụ, và Les ăn như điên như khùng, ăn đến lúc hắt muốn nứt cả bụng, ăn cứ như hắt không được thấy thức ăn cả năm trời.

Bên ngoài Harmony Palace, mọi người đập tay nhau ăn mừng. Ngay cả Chet cũng hoan hỉ. Chet nói, Chet hét, “Semper fi!”*

“Lần tới,” Les nói, khi họ chạy xe về và cái thứ đội lên là cảm giác ngây ngất như được đội mồ sống lại, “lần tới, ông sẽ còn đi xa hơn nữa. Lần tới ông sẽ muốn tôi phải thích mới được!”

Nhưng việc kế tiếp là đối mặt với Bức tường. Hắt phải đến nhìn vào tên của Kenny. Và chuyện này hắt không thể làm nổi. Một lần tìm kiếm tên của Kenny trong cuốn sách họ có ở văn phòng Cựu chiến binh là đã quá đủ. Sau đó, hắt phát ốm cả tuần lễ. Hắt chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi. Dù thế nào hắt cũng chỉ nghĩ đến chuyện đó. Kenny không đầu nằm ngay cạnh hắt. Suốt ngày đêm hắt nghĩ, tại sao lại là Kenny, là Chip, là Buddy, tại sao lại là tất cả bọn chúng mà không phải mình? Đôi khi hắt nghĩ chúng nó là những đứa may mắn. Với chúng mọi chuyện đã kết thúc. Không, hắt không thể, không cách chi tới chỗ Bức tường được. Bức tường đó. Dứt khoát không. Không làm được. Không bao giờ làm. Vậy thôi.

Hãy nhảy vì anh.

Họ đã ở bên nhau được khoảng sáu tháng, thế nên một tối nọ ông bảo, “Nào, hãy nhảy vì anh,” và trong phòng ngủ ông bật một đĩa CD, “The Man I Love” do Artie Shaw soạn lại với Roy Eldridge chơi trumpet. Hãy nhảy vì anh, ông nói, nới lỏng vòng tay đang ôm chặt cô và chỉ về phía khoảng sàn ở cuối giường. Và như thế, không chút lúng túng, cô nhồm khỏi chỗ cô đang ngủ cái mùi ấy, cái mùi của Coleman

trần truồng, cái mùi của làn da cháy nắng - nhồm dầy từ chỗ cô đang nằm rúc sâu vào, khuôn mặt cô vùi vào cạnh sườn để trần của ông, răng cô, lưỡi cô còn dính đầy tinh trùng của ông, bàn tay cô để nơi hạ bộ của ông, xòe trên mớ lông loãn xoắn nhơm nhớp, bèo nhèo đó, và, trong khi ông vẫn nhìn cô chăm chú - đôi mắt màu xanh lá không chút xao động, chăm chăm nhòm ra qua rèm mi dài sậm màu, chẳng hề giống một lão già vừa xả hết, sẵn sàng xiu ra đó mà giống một ai đó mặt bị gí vào khung kính cửa sổ - cô làm việc đó, không hề kêu gọi, không giống Steena đã làm vào năm 1948, không phải vì cô là một thiếu nữ hấp dẫn, một thiếu nữ hấp dẫn khiêu vũ vì niềm vui được đem lại cho ông niềm vui, một thiếu nữ hấp dẫn không hiểu nhiều lắm về việc mình đang làm và đang tự nhủ, “Mình có thể đem lại điều đó cho anh ấy - anh ấy muốn, và mình có thể, thế thì làm thôi.” Không, không phải là kiểu ngây thơ và khờ khạo của chồi nụ bưng nở thành đóa hoa hay ngựa non lớn thành ngựa cái như vậy. Faunia làm được việc đó, làm được chứ sao không, nhưng cái cách cô làm việc đó thì không có cái vẻ trưởng thành bưng nở, không có kiểu lý tưởng hóa non trẻ, mờ sương về chính mình và ông và tất cả những ai còn sống và đã chết. Ông nói, “Nào, hãy nhảy vì anh,” và, với giọng cười dễ dãi, cô nói, “Tại sao không nhỉ? Em rất hào phóng khoản đó,” và cô bắt đầu di chuyển, xoa lên làn da mình cứ như nó là chiếc váy bị nhàu, bảo đảm rằng mọi thứ ở đúng chỗ của nó, rần rỏi, xương nhô ra, hoặc tròn trịa theo đúng kiểu của nó, một thoáng hương của chính cô, mùi hương thảo mộc khơi gợi phả ra một cách quen thuộc từ những ngón tay của cô khi cô vuốt chúng ngược lên cổ và lướt qua hai mang tai âm ỉm và chậm rãi chuyển qua hai má rồi tới bờ môi, rồi tóc cô, mái tóc vàng ngả xám xâm xấp mờ hôi và xõa tung sau cuộc làm tình, cô chơi đùa với chúng như rong biển, giả vờ rằng nó là rong biển, rằng nó lúc nào cũng là rong biển, một dải rong biển lớn sừng nước mặn còn chảy nhỏ giọt, và việc này cũng có lấy mất của cô cái gì đâu? Có gì ghê gớm đâu? Lao vào. Tuôn ra. Nếu người đàn ông này muốn điều đó, thì hãy cuốn ông đi, cho ông sập bẫy. Cũng chẳng phải lần đầu tiên.

Cô biết rõ khi nào nó bắt đầu diễn ra: cái thứ đó, mối liên kết giữa hai người. Cô di chuyển, từ khoảng sàn đang là sân khấu của cô ở cuối giường, cô di chuyển, mái tóc rối bù đầy quyến rũ và cơ thể nhom nhóp sau mấy tiếng vừa qua, dây dóm và xúc dầu thánh từ màn trình diễn trước đó, tóc vàng hoe, da thịt những chỗ không r ám nắng nông trại thì trắng bóc, năm bảy vết sẹo, một bên đầu gối bị trầy da nhìn chẳng khác gì đầu gối một đứa trẻ, do cô bị trượt chân trong kho lúa, những vết cắt mảnh như sợi chỉ đang bắt đầu lành trên cả chân lẫn tay cô do quây hàng rào trên đồng cỏ, hai bàn tay cô bị thô ráp, ửng đỏ, đau rát do những mẩu vụn sợi thủy tinh đâm phải trong khi xoay tấm rào, do phải nhổ và cắm lại các cọc trụ mỗi tuần, một vết bầm hoa đỏ au nằm ngay nơi giữa cổ và ngực, do vắt sữa hoặc do chính ông gây ra, một vết bầm khác, thâm tím ngay chỗ gấp khúc của bắp đùi không cơ không bắp, những chỗ cô bị cắn và chích, một cọng lông của ông, một cọng lông loãn xoắn như một nốt ruồi xám xinh xắn dính vào má cô, miệng cô hé mở vừa đủ để lộ ra vàng răng cong, và cô chẳng hề vội mãi sốt sắng đi đến đích, bởi niềm vui bao giờ cũng nằm trên quãng đường. Cô di chuyển, và bây giờ ông đang nhìn cô, nhìn tấm thân thon thả chuyển động nhịp nhàng, thân hình thanh mảnh này thực ra khỏe mạnh hơn vẻ ngoài của nó và có một bộ ngực đầy đặn một cách đáng ngạc nhiên, thân hình ấy cứ xuôi xuống, xuôi xuống, xuôi xuống nữa, trên đôi cẳng chân dài, xà xuống về phía ông như một cái muôi chứa chất dịch của ông đầy tới miệng. Không cưỡng lại, ông duỗi cẳng người ra trên những nếp gấp lượn sóng của chiếc khăn trải giường, một cái xoáy uốn lượn mấy cái gối cuộn vào nhau để ông kê đầu, đầu ông nằm ngang tầm với hông của cô, với bụng của cô, cái bụng đang di chuyển của cô, và ông đang nhìn cô, từng phân tử một, ông nhìn cô và cô biết ông đang nhìn cô. Họ được kết nối với nhau. Cô biết ông muốn cô tuyên bố điều gì. Anh ấy muốn mình đứng đó và di chuyển, cô nghĩ, và tuyên bố cái gì là của mình. Cái gì của mình? Anh ấy. Là anh ấy. Anh ấy đang trao chính bản thân anh ấy cho mình. Được thôi được thôi, vụ này căng phết đấy nhưng mình tới luôn thôi.

Và thế là, hướng xuống nhìn ông với nét tinh tế trong ánh mắt, cô di chuyển, cô di chuyển, và cuộc chuyển giao quyền lực chính thức bắt đầu. Và cô cảm thấy thú vị hết sức khi di chuyển như thế theo tiếng nhạc đó và quyền lực chuyển dịch sang cô, và cô biết rằng chỉ cần mệnh lệnh nhỏ nhất của cô, bằng cái búng ngón tay để gọi bồi bàn, ông sẽ bò ra khỏi cái giường đó để tới liếm chân cô. Chẳng mấy chốc trong điệu nhảy ấy, cô đã có thể lột vỏ và ăn gọn ông như một miếng trái cây. Đâu phải chỉ có mỗi mình chuyện tôi bị đánh tơi tả và làm thân tạp vụ và tôi ở trường đại học dọn cứt của người khác và tôi ở trạm bưu điện dọn cứt của người khác, có một nỗi cay cực khủng khiếp đi kèm với nó, cái việc thu dọn thứ người khác thải ra; nếu các vị muốn biết sự thật, thì nó tồi tệ lắm, và đừng có nói với tôi rằng những việc khác cũng chẳng hề tốt hơn, nhưng tôi đã làm công việc đó, đó là những gì tôi làm, ba công việc, vì cái xe này chỉ còn chừng sáu ngày nữa là phải bỏ, tôi phải mua một cái xe rẻ tiền còn chạy được, nên giờ tôi đang làm tới ba công việc cùng lúc, và đây cũng không phải lần đầu đâu, và nhân tiện, cái nông trại bò sữa là công việc cực nhọc chết mẹ, với các vị thì nó nghe có vẻ tuyệt lắm và trông có vẻ hay ho lắm, Faunia với lũ bò, nhưng sau tất cả nó làm cái sống lưng chó chết của tôi muốn gãy rời... Nhưng bây giờ tôi ở trần truồng trong căn phòng với một người đàn ông, nhìn anh nằm đó với con cu và hình xăm hải quân ấy, và mọi thứ thật tĩnh tại và anh ấy thật tĩnh tại, ngay cả lúc phấn khích khi nhìn tôi nhảy anh cũng tĩnh tại, và anh ấy cũng vừa bị vùi dập đến thảm hại nữa. Anh ấy đã mất vợ, anh ấy đã mất việc, anh ấy bị làm nhục công khai, bị coi là một giáo sư phân biệt chủng tộc, và một giáo sư phân biệt chủng tộc là cái gì chứ? Đâu phải là ta vừa trở thành một giáo sư phân biệt chủng tộc trong phạm vi ngày một ngày hai. Câu chuyện ở đây là người ta phát hiện ra ta là người phân biệt chủng tộc, tức là cả đời mình ta đã là người phân biệt chủng tộc. Không phải chỉ là ta phạm lỗi một lần. Nếu ta là một tay phân biệt chủng tộc, thì từ trước đến nay ta vẫn luôn là một tay phân biệt chủng tộc. Đột nhiên, suốt cuộc đời mình ta là một kẻ phân biệt

chúng tộc. Đó là một vết nhớ và thậm chí nó không đúng sự thật, nhưng giờ thì anh tỉnh tại. Tôi có thể làm điều này cho anh. Tôi có thể khiến anh tỉnh tại như vậy, anh có thể khiến tôi tỉnh tại như vậy. Tất cả những gì tôi phải làm là tiếp tục di chuyển. Anh nói hãy nhảy vì anh và tôi nghĩ, Tại sao không? Tại sao không, chỉ có điều nó sẽ khiến anh nghĩ tôi sẽ hòa vào với anh và giả bộ rằng đây là một thứ hoàn toàn khác. Anh sẽ vờ rằng thế giới này là của chúng tôi, và tôi sẽ kệ anh và rồi tôi cũng sẽ làm theo thế. Chắc, sao lại không nhỉ? Tôi có thể nhảy... nhưng anh phải nhớ. Sự thể chỉ là vậy, ngay cả nếu tôi chẳng mặc gì trừ một chiếc nhẫn mặt ngọc, trên người tôi trần trụi không có gì khác ngoài chiếc nhẫn anh tặng tôi. Chỉ là đứng trước mặt người tình của mình, dưới đèn sáng trưng, và nhảy. Được thôi, anh là một người đàn ông và anh đã qua thời sung mãn nhất, và anh đã có cuộc đời của anh và tôi không nằm trong đó, nhưng tôi biết chuyện gì đang diễn ra ở đây. Anh đến với tôi như một người đàn ông. Vậy là tôi đến với anh. Vậy là nhiều rồi. Nhưng tất cả chỉ có vậy. Tôi đang nhảy trước mặt anh trần truồng dưới ánh đèn, và anh cũng trần truồng, và mọi thứ khác chẳng còn quan trọng nữa. Nó là điều đơn giản nhất chúng ta từng làm - nó là nó. Đừng hủy hoại nó bằng cách biến nó thành cái gì to tát hơn. Anh không làm vậy, và em cũng sẽ không. Chuyện không cần *phải* to tát. Anh biết gì không? Em thấy anh, Coleman.

Rồi cô nói lớn điều đó. “Anh biết gì không? Em thấy anh.”

“Thật ư?” ông hỏi. “Vậy thì địa ngục bắt đầu rồi.”

“Anh nghĩ - nếu anh từng bao giờ muốn biết - Chúa có tồn tại ư? Anh muốn biết tại sao em tồn tại trong thế giới này? Chuyện này là gì đây? Nó là nó thôi. Chính là, Anh ở đây, và em sẽ làm việc này cho anh. Là không nghĩ anh là một người nào khác ở một chỗ nào khác. Anh là một người phụ nữ và anh ở trên giường với chồng, và anh không đụ vì muốn đụ, anh không đụ để sướng, anh đụ bởi vì anh ở trên giường với chồng và đó là điều nên làm. Anh là một người đàn

ông và anh ở với vợ anh và anh đụ cô ta, nhưng anh đang nghĩ anh muốn đụ một con lao công bưu điện. Được - anh biết gì không? Anh đang ở với con lao công đó.”

Ông nói dịu dàng, kèm một tiếng cười, “Và điều đó chứng minh sự tồn tại của Chúa.”

“Nếu cái đó không chứng minh được thì chẳng có gì chứng minh được.”

“Cứ nhảy đi,” ông nói.

“Khi anh chết,” cô hỏi, “nếu anh có lấy phải người không hợp với mình thì cũng chẳng có nghĩa lý gì nữa.”

“Ừ, chuyện đó chẳng nghĩa lý gì nữa. Thậm chí khi em còn sống nó cũng chẳng có nghĩa lý gì nữa. Cứ nhảy đi.”

“Thế thì cái gì, Coleman? Cái gì quan trọng?”

“Cái này,” ông nói.

“Giỏi lắm cưng,” cô đáp. “Giờ anh đang khôn ra đấy.”

“Là vì thế đấy à - em đang dạy anh đấy à?”

“Cũng đến lúc phải có ai làm việc đó chứ. Phải, em đang dạy anh. Nhưng giờ đừng có nhìn em như thể em có thể đem lại cho anh thứ gì khác chứ không phải thứ này. Thứ gì đó to tát hơn thứ này. Đừng làm vậy. Hãy ở đây với em. Đừng đi. Cứ thế này thôi. Đừng nghĩ về bất kỳ thứ gì khác. Hãy ở đây với em. Em sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Được mấy lần anh nghe một phụ nữ nói với anh điều đó một cách thành thực? Em sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Đừng đánh mất nó. Đừng có nghĩ đến nơi nào khác, Coleman. Chúng ta ở đây chỉ để làm tất cả những chuyện này. Đừng nghĩ đến mai này gì cả. Đóng mọi cửa nẻo lại, cả trước và sau này. Thiên hạ nghĩ thế nào, dẹp chúng đi. Tất cả những gì mà cái xã hội tuyệt vời này đòi hỏi à? Cái cách xã hội này uốn nắn chúng ta à? ‘Tôi nên thế này, tôi nên thế nọ’? Đ.. m.. chúng nó. Anh phải là thế này, anh phải làm cái kia, những cái đó chỉ hủy hoại mọi thứ. Em có thể tiếp tục nhảy, nếu đấy là thỏa thuận của chúng

ta. Cái thời khắc bí mật của chúng ta - nếu đó là toàn bộ thỏa thuận giữa chúng ta. Đó là phần của anh. Một lát cắt từ thời gian. Nó chỉ vậy, không hơn, và em hy vọng anh biết điều đó.”

“Cứ nhảy đi.”

“Không phải chuyện đùa đâu,” cô nói. “Nếu em bỏ ý nghĩ rằng...”

“Cái gì? Nghĩ cái gì?”

“Ngay từ đầu em chỉ là một con điểm truy lạc.”

“Vậy sao?”

“Lão ta luôn luôn tự nhủ không phải tại lão ta, mà là tại em.”

“Lão cha dượng.”

“Phải. Lão ta cứ tự nhủ thế. Mà biết đâu đấy, có lẽ lão ta đúng. Nhưng ở tuổi lên tám, chín, mười em làm gì có lựa chọn. Sự hung bạo mới là thứ không chấp nhận được.”

“Khi em lên mười thì thế nào?”

“Giống như bắt em nhấc cả ngôi nhà lên và cõng nó trên lưng.”

“Lúc ban đêm cửa mở ra và ông ta bước vào phòng em thì thế nào?”

“Giống như thế anh là đứa trẻ trong cuộc chiến. Anh từng thấy những bức hình trên báo chụp những đứa bé sau khi họ giội bom thành phố của chúng chưa? Giống vậy đó. Dữ dội như một quả bom vậy. Nhưng bất chấp bao nhiêu lần bị thổi tung, em vẫn đứng vững. Đó là tai ương của em: việc em vẫn đứng vững. Rồi em mười hai mười ba tuổi và bắt đầu nổi vú. Em bắt đầu có kinh. Đột nhiên em chỉ là một thân xác xoay quanh cái hăm của em... Nhưng giờ hãy nói chuyện nhảy thôi. Mọi cánh cửa đều đóng, trước và sau này, Coleman. Em thấy anh, Coleman. Anh không đóng những cánh cửa. Anh vẫn có những huyền tưởng về tình yêu. Anh biết gì không? Em thực sự cần một thằng cha già hơn anh. Kẻ đã tổng khứ được hết thứ tình yêu vứt đá ra khỏi hảnh. Anh quá trẻ với em, Coleman. Nhìn anh đi. Anh chỉ là một cậu nhỏ phải lòng cô giáo dạy dương cầm. Anh say mê em, Coleman, và anh quá trẻ so với những người như em. Em cần một kẻ

già hơn nhiều. Em nghĩ em cần một ông ít nhất trăm tuổi. Anh có người bạn nào ngồi xe lăn có thể giới thiệu cho em không? Xe lăn thì được thôi - em có thể vừa nhảy múa vừa đẩy. Có thể anh có một người anh. Nhìn lại anh đi, Coleman. Sao lại đi nhìn em với con mắt học trò ấy. Làm ơn, làm ơn, gọi cho một người bạn già đời của anh. Em sẽ tiếp tục nhảy, anh chỉ cần gọi điện cho ông ta. Em muốn nói chuyện với ông ta.”

Và cô biết, trong khi cô nói điều này, rằng chính điều này và điệu nhảy đang khiến ông mê mết cô. Và chuyện này thật dễ dàng. Tôi đã quyển rữ biết bao đàn ông, biết bao con cu, những con cu ấy tìm thấy tôi và họ đến với tôi, không phải bất kỳ gã đàn ông nào có con cu, không phải cái lũ chẳng hiểu gì, cái đám chiếm khoảng chín mươi phần trăm bọn họ, mà là những người đàn ông, những chàng trai, những kẻ ra dáng đàn ông thật sự, những kẻ thật sự hiểu nó, như Smoky ấy. Các vị có thể rửa xả bản thân vì những thứ các vị không có, nhưng cái đó thì tôi nhận được rồi, cả khi diện đầy đủ quần áo, và nhiều gã biết điều đó - họ biết đó là gì, và đó là lý do họ tìm tôi, và đó là lý do họ đến, nhưng chuyện này, chuyện này, chuyện này giống như cướp của một đứa bé viên kẹo. Chắc chắn rồi - người đàn ông này nhớ. Sao ông có thể không nhớ chứ? Một khi các vị đã ném nó rồi, các vị không quên được. Ôi ôi. Sau hai trăm sáu mươi lần thổi kèn và bốn trăm lần đụ nhau và một trăm lẻ sáu lần thông đít, cuộc tán tỉnh mới bắt đầu. Nhưng đấy là cách nó xảy ra. Bao nhiêu lần trong đời ai đó từng yêu trước khi đụ? Bao nhiêu lần tôi từng yêu *sau khi* đụ? Hay chuyện này là vậy, người khai phá?

“Anh có muốn biết em cảm thấy gì không?” cô hỏi ông.

“Muốn.”

“Em cảm thấy thích *lắm*.”

“Vậy đấy,” ông hỏi, “ai có thể sống sót mà đi qua chuyện này?”

“Em sẽ ở đó cùng ngài, thưa ngài. Anh đúng, Coleman. Chuyện này sẽ dẫn tới tai họa. Dính vào chuyện này ở tuổi bảy mươi một ư? Bị

chuyện này quay như quay đế ở tuổi bảy mươi mốt ư? Ừm-ừm. Tốt hơn tui mình nên trở lại với cái thứ hồng hoang ấy thôi.”

“Cứ nhảy đi,” ông nói, và ông nhấn cái nút trên chiếc Sony cạnh giường và băng “The Man I Love” bắt đầu chạy lại từ đầu.

“Không. Không. Em van anh. Em phải nghĩ đến cả công việc lao công của em.”

“Đừng dừng lại.”

“ ‘Đừng dừng lại’ ” cô lặp lại. “Em đã nghe những lời này đâu đó trước đây.” Thực sự thì hiếm khi cô nghe từ “dừng lại” mà không có từ “đừng”. Từ một người đàn ông thì không đâu. Mà từ bản thân cô thì cũng chẳng mấy khi. “Em cứ nghĩ ‘đừng dừng lại’ là một từ,” cô nói.

“Đúng vậy. Cứ nhảy đi.”

“Vậy thì đừng đánh mất sự thật,” cô nói. “Một người đàn ông và một người đàn bà trong một căn phòng. Trần tròng. Chúng ta có được mọi thứ chúng ta cần. Chúng ta không cần tình yêu. Đừng hạ giá bản thân - đừng hóa thành một tên gốc úy mị. Anh thèm khát làm điều đó, nhưng đừng. Chúng ta đừng đánh mất hiện thực. Hãy tưởng tượng, Coleman, tưởng tượng chúng ta kéo dài chuyện này.”

Người đàn ông này chưa từng thấy tôi nhảy như vậy, anh chưa từng nghe tôi nói chuyện như vậy. Rất lâu rồi tôi không ăn nói giống như vậy, tôi nghĩ tôi đã quên mất phải nói như thế nào. Đã lẫn trốn quá lâu. Không một ai nghe tôi nói chuyện như vậy. Đôi khi có lũ điều hâu và lũ quạ trong rừng, còn ngoài ra thì không ai. Đây không phải là cách tôi vẫn mua vui đàn ông. Đây là lúc tôi trở nên khinh suất nhất. Tưởng tượng đi.

“Tưởng tượng,” cô nói, “ngày nào cũng ghé qua - và chuyện này đây. Người đàn bà không muốn sở hữu mọi thứ. Người đàn bà không muốn sở hữu bất cứ thứ gì.”

Nhưng thực sự thì cô cũng đã bao giờ muốn sở hữu thứ gì đâu.

“Hầu hết phụ nữ muốn sở hữu mọi thứ,” cô nói. “Họ muốn sở hữu thư từ của anh. Họ muốn sở hữu tương lai của anh. Họ muốn sở hữu những tưởng tượng của anh. ‘Sao anh dám đụ đứa nào ngoài tôi. Tôi phải luôn hiện diện trong đầu óc anh. Tại sao anh xem phim con heo trong khi anh đã có *tôi* ở nhà?’ Họ muốn làm chủ con người anh, Coleman à. Nhưng khoái cảm không nằm ở việc sở hữu một người. Khoái cảm là ở chuyện này. Có một đối thủ nữa trong phòng với anh. Ồ, em thấy anh, Coleman. Em có thể cho anh suốt cả đời em mà em vẫn có anh. Chỉ cần nhảy như thế này thôi. Điều đó không đúng sao? Em nhầm à? Anh thích thế này không, Coleman?”

“May mắn thật,” ông nói, nhìn theo, nhìn theo. “May mắn lạ lùng. Cuộc sống nợ anh chuyện này.”

“Giờ đây ư?”

“Em là độc nhất. Helen của Troy.”

“Helen của Hư vô. Helen của Hư không.”

“Cứ nhảy đi.”

“Em thấy anh, Coleman. Em thấy anh thật. Anh có muốn biết em thấy gì không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Anh muốn biết xem có phải em thấy một ông già, đúng không? Anh sợ em sẽ thấy một ông già và em sẽ bỏ chạy. Anh sợ rằng mọi thứ em thấy đều không có ở một chàng trai trẻ, nếu em thấy những thứ tã tưởi và những thứ không còn nữa, anh sẽ mất em. Bởi vì anh quá già. Nhưng anh có biết em thấy gì không?”

“Thấy gì?”

“Em thấy một chú nhóc. Em thấy anh yêu theo kiểu một chú nhóc. Và anh không được làm vậy. Không được vậy. Biết em thấy gì nữa không?”

“Có.”

“Giờ thì em thấy rồi đây - em thấy một ông già. Em thấy một ông già hấp hối.”

“Nói anh nghe coi.”

“Anh đã mất mọi thứ.”

“Em thấy vậy à?”

“Phải. Mọi thứ trừ em đang nhảy đây. Anh muốn biết em thấy gì không?”

“Thấy gì?”

“Anh không đáng bị chịu cái tay bài đó, Coleman. Em thấy vậy đó. Em thấy anh đang giận dữ. Và đó là cách nó sẽ kết thúc. Một ông già giận dữ. Nhẽ ra nó không nên như vậy. Đó là điều em thấy: cơn giận cực độ của anh. Em thấy cả giận dữ và hổ nhục. Em thấy, là một ông già, anh hiểu thời gian là gì. Cho đến phút chót anh mới hiểu được nó. Nhưng giờ anh đã hiểu. Và điều đó thật đáng sợ. Bởi vì anh không thể làm lại. Anh không thể trở lại tuổi hai mươi lần nữa. Nó sẽ không quay lại. Và đây là cách nó kết thúc. Và điều tồi tệ hơn cả cơn hấp hối, điều tồi tệ hơn cả cái chết, là đám con hoang chó đẻ đã gây ra chuyện này cho anh. Đã tước mọi thứ khỏi anh. Em thấy điều đó trong anh, Coleman. Em thấy nó vì nó là thứ em biết. Lũ con hoang chó đẻ thay đổi mọi thứ trong chớp mắt. Tước đi cuộc đời anh và quăng nó đi. Tước đi cuộc sống của anh và chúng quyết định sẽ ném nó đi. Anh đã chọn đúng người để nhảy đó. Chúng quyết định cái gì là rác và chúng quyết định anh là rác. Bôi xấu và hạ nhục và hủy hoại một người đàn ông vì một vấn đề mà ai cũng biết là nhảm nhí. Vì một cái từ rác rưởi hoàn toàn vô nghĩa với chúng, tuyệt đối vô nghĩa. Và điều đó khiến ta tức điên.”

“Anh không nhận ra là em có chú ý.”

Cô cười tiếng cười dễ dãi. Và nhảy. Không lý tưởng chủ nghĩa, không lý tưởng hóa, không chủ nghĩa không tưởng của tuổi trẻ ngọt ngào, bất chấp mọi thứ cô biết là thực tế, bất chấp cái thứ vô nghĩa vô

phương cứu chữa là cuộc đời cô, bất chấp mọi hỗn loạn và nhấn tâm, cô nhảy! Và nói như cô chưa từng nói với một người đàn ông nào trước đó. Chẳng ai nghĩ những phụ nữ làm tình kiểu như cô sẽ nói chuyện như vậy - ít nhất đó là điều bọn đàn ông không phang những phụ nữ kiểu như cô thường nghĩ. Đó là điều mà *những phụ nữ* không làm tình kiểu như cô thường nghĩ. Đó là điều mọi người ưa nghĩ - Faunia ngu ngốc. Ồ, cứ để họ nghĩ. Không phải ngại gì cả. “Phải, Faunia ngu ngốc có chú ý,” cô nói. “Còn cách nào khác để Faunia ngu ngốc sống sót được đâu? Làm Faunia ngu ngốc - đó là thành tựu của em, Coleman, đó là cái khôn ngoan nhất của em. Hóa ra, Coleman ạ, em mới là người nhìn anh nhảy từ trước đến nay. Làm thế nào em biết được? Bởi vì anh đang ở với em. Còn lý do nào khiến anh ở với em, nếu anh không giận dữ đến thế? Và tại sao em ở với anh, nếu em không giận dữ đến thế? Chính cái đó đã đưa đến cuộc đọ nhau ra trò này, Coleman à. Cái cơn giận dữ san bằng mọi thứ ấy. Cho nên đừng đánh mất nó.”

“Cứ nhảy đi.”

“Cho đến khi kiệt sức?” cô hỏi.

“Cho đến khi em kiệt sức,” ông bảo cô. “Cho đến hơi thở cuối cùng.”

“Bất cứ điều gì anh muốn.”

“Anh đã tìm thấy em ở đâu vậy, Voluptas?” ông nói. “Làm thế nào anh lại tìm được em? Em là ai?” ông hỏi, nhấn nút phát lại từ đầu bài “The Man I Love.”

“Em là bất cứ thứ gì anh muốn.”

Tất cả những gì Coleman đang làm là đọc cho cô nghe cái bài trên tờ báo số ra ngày Chủ nhật về vụ tổng thống và Monica Lewinsky, khi Faunia đứng dậy la lên, “Bộ anh không tránh được cái trò kèm cặp quỷ quái đó hả? Ngán kèm cặp lắm rồi! Em không học được! Em

không học! Em không *muốn* học! Thôi mẹ nó vụ dạy em đi - không hiệu quả gì đâu!” Và, ngay giữa bữa sáng của họ, cô bỏ chạy.

Sai lầm của cô là đã ở lại đó. Cô không về nhà, và bây giờ cô ghét ông. Cô ghét cái gì nhất? Rằng ông thực sự nghĩ đau khổ của ông là vấn đề to tát lắm. Ông thực sự nghĩ rằng những gì mọi người nghĩ, những gì mọi người nói về ông tại trường Athena, là rất chi kinh thiên động địa. Khổicứu dờ hơi không ưa ông - chuyện đó thì có gì quan trọng? Ông nghĩ đấy là điều khủng khiếp nhất từng xảy ra à? Ồ, chẳng có gì là ghê gớm. Hai đứa nhỏ ngạt thở và hấp hối, chuyện đấy mới ghê gớm. Bị ông bố dượng thọc ngón tay vào người, chuyện đấy mới ghê gớm. Mất việc khi sắp về hưu thì có gì ghê gớm. Đó là cái điều cô ghét ở ông - đau khổ của ông nồng nặc mùi những đặc quyền. Ông nghĩ ông đã không có cơ hội nào à? Người ta còn khổ chết mẹ kia, và ông nghĩ ông đã không có cơ hội nào à? Biết thế nào mới là không có cơ hội không? Đấy là lúc, sau ca vắt sữa sáng, gã đó lấy ống sắt và vục vào đầu ta. Tôi còn chẳng kịp thấy nó vục tới - và *ông ta* không có cơ hội nào sắt! Cứ như cuộc đời nợ *ông ta* thứ gì đó ấy!

Chuyện chung quy là vì trong bữa điểm tâm cô không muốn ai dạy dỗ mình. Monica tội nghiệp không kiếm được công việc nào tử tế ở New York? Anh biết không? Tôi đếch quan tâm. Bộ anh nghĩ Monica quan tâm chuyện lưng tôi bị đau nhức do vắt sữa mấy con bò chó chết đó sau khi làm việc cả ngày ở trường đại học à? Dọn rác rưởi của lũ người tại bưu điện vì họ không buồn đựng đến cái thùng rác chó đẻ? Bộ anh nghĩ Monica quan tâm chuyện đó? Cô ta cứ liên tục gọi điện cho Nhà Trắng, và hẳn là đau khổ lắm khi những cú điện của cô ta không có hồi âm. Và với anh thế là kết thúc rồi ấy hả? Chuyện đó cũng khủng khiếp hả? Với tôi nó còn chưa từng bắt đầu. Chưa bắt đầu nó đã kết thúc mẹ nó rồi. Thử ăn một ống sắt vào đầu rồi gục xem. Tối qua à? Đúng là nó đã xảy ra đấy. Thật tốt. Thật tuyệt. Tôi cũng cần nó. Nhưng tôi vẫn có ba công việc. Nó chẳng thay đổi được gì. Đó là lý do khi nó xảy ra ta đón nhận nó luôn, bởi vì nó không thay đổi được gì

hết. Cứ kể với mẹ là chồng bà ta thọc ngón tay vào người anh hằng đêm đi - nó không thay đổi được gì hết. Ồ chắc bây giờ biết rồi mẹ sẽ giúp ta. Nhưng chẳng có gì thay đổi hết. Chúng ta đã nhảy nhót đêm qua. Nhưng nó không thay đổi được gì cả. Người đàn ông đó đọc cho tôi nghe về những chuyện này ở Washington - nó thay đổi được cái gì, cái gì, cái gì hả? Anh ta đọc cho tôi nghe về những trò hoang đường ở Washington, Bill Clinton được bú cu. Cái đó thì giúp tôi được gì khi xe hơi của tôi không nổ máy? Anh ta thực sự nghĩ rằng đây là chuyện quan trọng trong cuộc đời này à? Nó không quan trọng đến thế đâu. Nó không quan trọng *chút nào*. Tôi có hai đứa con. Chúng chết hết rồi. Nếu sáng nay tôi chẳng còn tí sức lực nào để cảm thấy thương cho Monica và Bill, cứ việc đổ là do hai đứa con của tôi, nhé? Nếu đó là thiếu sót của tôi, thì đành vậy thôi. Tôi chẳng còn mấy hơi sức để bận tâm đến tất cả những rắc rối to tát của thế giới này đâu.

Sai lầm là đã lưu lại đó. Sai lầm là ở chỗ bị quyến rũ hoàn toàn. Ngay cả trong cơn bão dữ dội nhất, cô cũng lái xe về nhà. Ngay cả khi cô khiếp sợ Farley theo sau và ép xe cô lạc tay lái và bay xuống sông, cô cũng lái xe về nhà. Nhưng cô đã ở lại. Vì chuyện nhảy nhót cô đã ở lại, và đến buổi sáng cô giận dữ. Cô giận dữ với ông. Một ngày mới tuyệt vời, hãy xem tờ báo có những gì. Sau đêm vừa rồi người đàn ông đó muốn xem tờ báo viết về những chuyện gì? Có lẽ nếu họ không nói chuyện, nếu họ chỉ dùng điểm tâm rồi cô đi, thì việc ở lại hẳn cũng chẳng sao. Nhưng ông lại bắt đầu màn dạy dỗ. Đó chắc là điều tệ hại nhất ông đã làm. Lẽ ra ông *nên* làm gì? Cho cô thứ gì đó để ăn và để cho cô về nhà. Nhưng cuộc nhảy đêm qua đã gây ra tai họa. Tôi đã ở lại. Tôi đã ở lại một cách ngu ngốc. Ra về vào đêm - với một cô gái như tôi thì không có gì quan trọng hơn. Tôi có thể mơ hồ về nhiều việc, nhưng việc này thì không: ở lại đến sáng hôm sau, đó là việc *có đầy ẩn ý*. Ảo tưởng về Coleman-và-Faunia. Người ta bắt đầu chìm đắm trong ảo tưởng về sự vĩnh cửu, cái ảo tưởng nhảm sáo nhất thế gian. Tôi có một chỗ để về, đúng không? Đó không phải là nơi tuyệt

vời nhất nhưng vẫn là một chỗ để về. Vậy thì về đó thôi! Đụ bét nè đi, nhưng xong thì phải về. Một cơn bão dữ dội đã trút xuống vào Ngày Liệt sĩ, một cơn bão điên cuồng, gầm gào, tràn tới khắp các ngọn đồi như thể một cuộc chiến tranh đã nổ ra. Cuộc tấn công bất ngờ xuống vùng đồi núi Berkshire. Nhưng tôi dậy lúc ba giờ sáng, mặc quần áo, và bỏ về. Chớp lóe sáng, cây cối vỡ toác, cành rơi tứ tung, mưa đá giội xuống đầu tôi như đạn bắn, và tôi ra về. Bị đông gió quất vào người, tôi cứ đi. Ngọn núi nổ tung, và tôi vẫn đi. Tôi có thể bị sét đánh chết, khi đi từ nhà ra chỗ chiếc xe, nhưng tôi không ở lại - tôi về. Nhưng nằm trên giường với anh ta suốt đêm? Trăng tròn, vạn vật yên lặng, trăng và ánh trăng rọi khắp nơi, và tôi đã ở lại. Đến thẳng mù cũng có thể tìm được đường về nhà trong những đêm như thế, nhưng tôi đã không về. Và tôi đã không ngủ. Không thể. Thức trắng đêm. Không muốn lăn bất cứ chỗ nào gần người đàn ông này. Không muốn đụng vào người đàn ông này. Chẳng biết phải làm *ra sao*, dù cho tôi đã liếm cái lỗ đít của người đàn ông này nhiều tháng nay. Một gã hủi nằm ở mép giường cho đến sáng nhìn bóng những cái cây trườn lên bãi cỏ. Anh ta nói, “Em nên ở lại,” nhưng anh ta không muốn tôi làm thế, và tôi nói, “Em nghĩ em sẽ nhận lời,” và tôi đã làm. Người ta sẽ nghĩ ít nhất một trong hai chúng tôi sẽ giữ được cái đầu lạnh. Nhưng không. Cả hai chúng tôi đều đầu hàng ý tưởng tồi tệ đó. Những cô gái điếm đã nói với cô điều gì chứ, cái câu châm ngôn tuyệt vời của các cô gái điếm ấy: “Đàn ông không trả tiền để cô ngủ với họ. Họ trả tiền để cô về nhà.”

Nhưng cùng lúc cô biết mình ghét gì, thì cô cũng biết cô thích gì. Tính hào hiệp của ông. Cô hiếm khi chạm được vào lòng hào hiệp của bất kỳ ai. Và cái sức mạnh đến từ một người đàn ông không vụt ống sắt vào đầu tôi. Nếu anh thúc ép tôi, chắc tôi sẽ phải thừa nhận với anh rằng tôi thông minh. Chẳng phải tối qua tôi đã làm thế sao? Anh lắng nghe tôi và biết là tôi thông minh. Anh lắng nghe tôi. Anh trung thành với tôi. Anh không trách móc tôi về bất cứ chuyện gì. Anh không hề ử

mưu chống lại tôi. Và đây có phải là một lý do để trở nên điên cuồng như thế không? Anh tôn trọng tôi. Điều đó là thật. Đó là điều anh muốn nói khi tặng tôi chiếc nhẫn. Họ đã tước đi của anh tất cả và vì thế anh trần truồng đến với tôi. Vào giây phút chí tử nhất của anh. Đòi tôi chưa bao giờ được che chở bởi những người đàn ông như vậy. Anh sẽ giúp tôi mua xe nếu tôi cho phép anh. Anh sẽ giúp tôi mua mọi thứ nếu tôi cho phép anh. Với người đàn ông này tôi không phải chịu đau đớn. Chỉ cần nghe giọng anh lên bổng xuống trầm, chỉ việc *nghe* anh nói thôi, là tôi thấy an tâm.

Đây có phải là những thứ để mà trốn chạy không? Đây có phải là lý do để mà gây sự như một đứa trẻ không? Hoàn toàn tình cờ mà gặp được anh, cái tình cờ may mắn đầu tiên của mà - cũng là cái tình cờ may mắn *cuối cùng* của mà - và mà nổi cáu và bỏ chạy giống một đứa con nít? Mà thực sự muốn kết thúc? Để quay lại tình trạng trước khi gặp anh?

Nhưng cô đã bỏ chạy, bỏ chạy khỏi ngôi nhà, lái xe ra khỏi nhà xe và băng qua vùng núi đến thăm con quạ tại Hội Bảo vệ môi trường Audubon. Đi được năm dặm, cô rời đường lớn queo vào một lối mòn hẹp ngoằn ngoèo quanh co dài khoảng một phần tư dặm cho đến khi ngôi nhà hai tầng lợp ván màu xám hiện ra đầy ẩm cúng giữa rừng cây, trước đây từng là nhà ở nhưng giờ nó là trụ sở của Hiệp hội tại địa phương, nằm gần bìa rừng và gần những con đường leo núi. Cô chạy xe vào lối đi trái sỏi, dừng ngay vào gờ thanh chắn, rồi đậu xe trước cây bu lô có ghim tấm biển chỉ lối đến vườn dược thảo, xe của cô là cái duy nhất ở đây. Cô đã tới đích. Cô hẳn đã có thể lái xe trượt khỏi sườn núi như chơi.

Những chiếc chuông gió treo sát lối vào kêu lạnh lốt trong gió, leng keng, bí ẫn, như thể một dòng tu đang, bằng thứ ngôn ngữ không lời, chào mời khách thăm ở lại để chiêm nghiệm cũng như để nhìn ngắm - như thể một thứ gì đó nhỏ bé nhưng cảm động đang được sùng kính ở đây - nhưng lá cờ không được kéo lên trên cột cờ, và một biển báo

trên cửa nói rằng nơi đây vào các ngày Chủ nhật đến một giờ chiều mới mở cửa. Tuy nhiên khi cô đẩy, cánh cửa vẫn hé mở và cô bước qua cái bóng mỏng mảnh buổi sáng của những cây sơn thù du trụ lá và đi vào tiền sảnh, nơi những bao lớn đựng nhiều loại thức ăn trộn sẵn cho chim chắt trên sàn, sẵn sàng cho khách mua vào mùa đông, và đối diện những bao thức ăn đó, chất đầy đến cửa sổ dọc theo Bức tường đối diện, là những chiếc hộp đựng đủ kiểu máng thức ăn cho chim. Trong cửa hàng quà tặng, nơi họ bán máng thức ăn cho chim kèm những cuốn sách về thiên nhiên và bản đồ địa hình và những cuộn băng thu tiếng hót của chim và bộ sưu tập những món trang sức rẻ tiền lấy cảm hứng từ muông thú, không có chút ánh sáng đèn nào, nhưng khi cô queo sang hướng còn lại, vào một phòng trưng bày lớn hơn, chỗ chứa một sưu tập ít ỏi những con thú nhồi và một ít mẫu vật sống - rùa, rắn, vài con chim trong lồng - cô trông thấy nhân viên của hội, một cô gái mũm mĩm khoảng mười tám mười chín, nói “Xin chào,” và không cự nự gì chuyện chưa tới giờ mở cửa. Ở vùng núi xa xôi này, một khi lá thu trút hết, khách hiếm khi đến thăm vào ngày đầu tháng Mười một, và cô bé sẽ không từ chối một người khách xuất hiện lúc chín giờ mười lăm sáng, cho dù bộ đồ của người đàn bà này không giống gì đồ mặc ra đường một ngày giữa mùa thu ở vùng đồi núi Berkshire và cô ta dường như đang mặc, bên trên quần nỉ xám, một chiếc áo ngủ kẻ sọc của đàn ông, và trên đôi chân cô ta không có gì ngoài đôi dép lê đi trong nhà. Mái tóc vàng dài cũng không được túm lại hay chải gọn. Nhưng, xét cho cùng, trông cô ta lếch thếch hơn là phóng dăng, và vì thế cô gái, khi đó đang cho con rắn trong chiếc hộp ngay dưới chân cô ăn chuột - dùng cái kẹp đưa từng con chuột ra cho con rắn cho đến khi con rắn lao đến và ngoạm lấy nó và quy trình nuốt tưởng như vô tận bắt đầu - chỉ nói, “Xin chào,” và trở lại với công việc buổi sáng Chủ nhật của mình.

Con quạ sống trong cái lồng ở giữa, to bằng cỡ cái tủ quần áo, nằm giữa cái lồng nhốt hai con cú và cái lồng nhốt con chim cắt. Nó ở đó.

Chỉ thấy nó thôi cô đã cảm thấy dễ chịu hơn.

“Hoàng Tử. Này, quạ cồ.” Và cô tặc lưỡi với nó, lưỡi cô đá vào vòm họng - tặc, tặc, tặc.

Cô quay sang cô gái đang cho rắn ăn. Trước đây khi Faunia đến gặp con quạ cô ta không có ở đây, chắc chắn cô ta là người mới. Hoặc tương đối mới. Bản thân Faunia đã không đến thăm con quạ trong nhiều tháng nay và hoàn toàn không đến một lần nào từ khi cô gặp gỡ Coleman. Một thời gian dài đã trôi qua từ cái thời cô tìm cách để rời xa giống người. Cô không còn là khách thăm đều đặn ở đây từ khi con cô chết, dù trước đó có những lúc cô ghé qua đến bốn năm lần một tuần. “Nó có thể ra ngoài, nhỉ? Chỉ một lát thôi.”

“Chắc chắn rồi,” cô gái đáp.

“Tôi muốn nó đậu trên vai tôi,” Faunia nói và khom xuống mở móc giữ cửa kính lồng. “Ồ, xin chào Hoàng Tử. Ôi, Hoàng Tử. Nhìn mà y kìa.”

Khi cửa lồng mở, con quạ nhảy khỏi thanh gỗ nó đang đứng tới đậu trên cánh cửa lồng và đứng đó với cái đầu nghển từ bên này qua bên kia.

Cô bật cười khẽ. “Ngộ quá chừng. Nó đang kiểm tra tôi,” cô gọi vọng lại cô gái. “Nhìn nè,” cô nói với con quạ, và cho con chim xem chiếc nhẫn đá quý của cô, món quà của Coleman. Chiếc nhẫn ông tặng cô trên xe vào buổi sáng thứ Bảy tháng Tám ấy khi họ lái xe đến Tanglewood. “Nhìn nè. Nhảy qua. Nhảy qua đi,” cô thì thầm với con chim, chìa vai ra.

Nhưng con quạ khước từ lời mời và nhảy trở vào lồng và quay lại cuộc sống trên thanh gỗ.

“Hoàng Tử không có hứng,” cô gái nhân viên nói.

“Cứng nè?” Faunia nịnh nọt chú chim. “Lại đây, lại đây. Faunia nè. BẠN mà nè. Phải thế chứ. Lại đây nào.” Nhưng con chim không nhúc nhích.

“Nếu nó biết chị muốn bắt nó, nó sẽ không xuống đâu,” cô gái kia nói, và, dùng cái kẹp, gắp lên một con chuột nữa từ khay đựng chuột chết và chìa ra cho con rắn lúc đó rớt cuộc đã nuốt gọn, từng milimét một, nguyên con chuột vừa rồi. “Nếu nó biết chị đang cố bắt nó, nó sẽ đứng ngoài tầm với của chị, nhưng nếu nó nghĩ chị không để ý nó, nó sẽ mò ra.”

Họ cùng bật cười trước cách cư xử chẳng khác gì con người đó.

“Được rồi,” Faunia nói. “Tôi sẽ để nó yên một lát vậy.” Cô bước tới chỗ cô gái đang ngồi cho rắn ăn. “Tôi yêu quạ. Chúng là loài chim ưa thích của tôi. Cả loài raven nữa. Tôi từng sống ở Seeley Falls, vì thế tôi biết rõ về Hoàng Tử. Tôi biết nó khi nó ở đó lẩn quẩn quanh cửa hàng Higginson. Nó thường ăn cặp kẹp tóc của mấy bé gái. cặp ngay bất cứ thứ gì lấp lánh, bất cứ thứ gì màu mè. Nó nổi tiếng vì chuyện đó. Trước từng có những mẫu báo viết về nó được cắt ra trưng ở đây. Chỉ xoay xung quanh nó và những người nuôi nó sau khi tổ của nó bị phá và việc nó trở thành một nhân vật quan trọng ở cửa hàng ra sao. Được ghim ngay đó,” cô nói, chỉ về phía bảng tin treo ngay lối vào phòng. “Mấy bài báo đó đâu rồi?”

“Nó rút xuống hết rồi.”

Faunia phá ra cười, lần này dữ dội hơn lần trước nhiều. “Nó rút chúng xuống?”

“Bằng mỏ nó đó. Rĩa nát luôn.”

“Nó không muốn ai biết về lai lịch của nó đó! Xấu hổ về lai lịch của nó đó! Hoàng Tử!” cô gọi, quay về phía cái lồng với cửa lồng mở toang. “Mày xấu hổ vì quá khú tai tiếng của mày hả? Ôi, một anh chàng ngoan. Mày đúng là con quạ ngoan.”

Giờ cô chú ý đến một trong những con thú nhồi bầy rải rác trên những giá quanh phòng. “Kia là con mèo rừng hả?”

“Phải,” cô gái đáp, kiên nhẫn chờ con rắn kết thúc việc thè lưỡi về phía con chuột chết mà đớp lấy nó.

“Trước đây nó từng ở quanh đây hả?”

“Tôi không biết.”

“Tôi có thấy chúng quanh đây, trên mấy ngọn đồi. Nhìn giống con đó, con mèo tôi đã thấy ấy. Có khi chính là nó.” Và cô lại phá ra cười. Cô không say - thậm chí chưa uống hết nửa tách cà phê khi cô chạy ra khỏi nhà, nói chi đến uống rượu - nhưng tiếng cười lại nghe giống tiếng cười của ai đó đã làm vài ly. Chỉ là cô cảm thấy dễ chịu khi ở đây với con rắn, con quạ và con mèo rừng nhồi bông, không con nào trong đám này có ý định dạy dỗ cô điều gì đó. Không con nào trong đám định đọc tờ *New York Times* cho cô nghe. Không con nào cố cập nhật cho cô về lịch sử loài người trong ba ngàn năm qua. Cô biết tất cả những gì cô cần biết về lịch sử loài người: sự nhẫn tâm và sự bất khả tự vệ. Cô không cần ngày tháng và tên tuổi. Sự nhẫn tâm và sự bất khả tự vệ, mẹ kiếp tất cả chỉ có thế. Không có đối tượng nào ở đây định cố khích lệ cô đọc, bởi vì chúng không biết đọc, trừ cô gái. Con rắn chắc chắn không biết đọc. Nó chỉ biết cách ăn chuột. Chậm rãi và dễ dãi. Cả khối thời gian.

“Đó là loại rắn gì vậy?”

“Rắn chuột đen.”

“Nuốt trọn luôn.”

“Ờ.”

“Tiêu hóa ở trong ruột.”

“Ờ.”

“Nó sẽ ăn mấy con?”

“Đây là con chuột thứ bảy rồi. Nó nuốt con đó hơi chậm ngay cả so với nó lúc bình thường. Chắc đó là con cuối cùng.”

“Mỗi ngày bảy con hả?”

“Không. Cứ mỗi một hay hai tuần.”

“Rồi nó có được thả ra không hay sẽ ở rịt trong đó?” cô nói, chỉ cái hộp kính mà từ đó con rắn được nhắc qua hộp nhựa để cho ăn.

“Ở rịt trong đó luôn.”

“Được đó,” Faunia nói, rồi cô quay ra nhìn về phía con quạ, lúc đó vẫn đứng im trên thanh gỗ trong lồng. “Chậc, Hoàng Tử, tao bên này. Còn mày bên đó. Và tao chẳng quan tâm quái gì đến mày. Nếu mày không muốn đậu trên vai tao, kệ mày đấy.” Cô chỉ một con thú nhồi khác. “Con bên đó là con gì vậy?”

“Đó là con ó biển.”

Cô nhìn nó chăm chăm - dán mắt vào những chiếc vuốt sắc - và, lại với giọng cười giòn giã, nói, “Dây vào con ó biển đó chỉ có đại.”

Con rắn đang dòm dòm con chuột thứ tám. “Nếu như tôi bắt được con tôi ăn bảy con chuột,” Faunia nói, “tôi sẽ là người mẹ hạnh phúc nhất trên đời.”

Cô gái mỉm cười, nói, “Chủ nhật vừa rồi, Hoàng Tử thoát được ra ngoài và bay đi. Tất cả lũ chim ở đây không biết bay. Hoàng Tử là con duy nhất bay được. Bay khá nhanh.”

“Ồ, tôi biết điều đó,” Faunia nói.

“Tôi đang thay nước thì nó bay vụt ra cửa và biến thẳng vào đám cây. Trong chốc lát có ba bốn con quạ xông tới. Bao vây nó trên cây. Và chúng nổi cơn điên. Tấn công nó tới tấp. Mổ lưng nó. Chích chọe. Đánh nó. Chúng ở đó chừng vài phút. Nó kêu không đúng giọng. Nó không biết tiếng quạ. Chúng không thích có nó ở ngoài đó. Cuối cùng nó đáp xuống chỗ tôi, vì tôi đang ở ngoài đó. Chúng suýt nữa đã giết nó.”

“Đó là hậu quả của việc được người nuôi,” Faunia nói. “Đó là hậu quả của việc cứ luẩn quẩn cả đời với con người như chúng ta. Vết nhớ của người,” cô nói, không hề tỏ vẻ ghê tởm hay khinh miệt hay lên án. Thậm chí buồn rầu cũng không. *Nó là vậy* - theo kiểu lạnh lùng của riêng cô, đó là tất cả những gì Faunia nói với cô gái đang cho rắn ăn: chúng ta để lại vết nhớ, chúng ta để lại dấu vết, chúng ta để lại vết hằn của mình. Sự ô uế, sự tàn ác, sự lạm dụng, lỗi lầm, cứt đá, tinh dịch -

sống ở đây thì chỉ có cách đó. Không liên quan gì đến việc bất tuân. Không dính gì tới hồng ân hay chuộc tội hay cứu rỗi. Nó ở trong tất cả mọi người. Tồn tại bên trong. Cố hữu. Khuôn định nên ta. Cái vết nhơ ấy có ở đó trước cả khi nó biểu hiện ra. Nó ở đó mà không hề có dấu hiệu. Cái vết nhơ ấy là bản chất luôn rồi nên nó không cần đến dấu hiệu. Cái vết nhơ ấy *đến trước* sự bất tuân, *phủ trùm* lên sự bất tuân và làm rối tung mọi sự giải thích và sự hiểu. Nó là lý do vì sao toàn bộ sự thanh tẩy là một trò đùa. Một trò đùa man rợ. Huyền tưởng về sự thuần khiết thật là khủng khiếp. Thật là điên rồ. Thanh tẩy cái gì, nếu không phải là làm ô ố *hơn nữa*? Tất cả những điều cô nói này giờ về vết nhơ có thể chốt hạ thành: nó là cái không thể tránh khỏi. Đó cố nhiên là cách hiểu của Faunia: những sinh vật tất yếu bị vấy bẩn, đó là chúng ta. Phải cam chịu sự bất toàn dữ dội, khủng khiếp này. Cô giống như người Hy Lạp, người Hy Lạp của Coleman. Giống những vị thần của họ. Bọn họ nhỏ nhen. Bọn họ cãi cọ. Bọn họ đánh nhau. Bọn họ thù ghét. Bọn họ giết chóc. Bọn họ đụ. Tất cả những gì mà thần Zeus muốn làm là đụ - các nữ thần, người phàm, bò cái, gấu cái - và không chỉ trong hình dáng của chính thần mà, thậm chí còn phẫn khích hơn, còn cả trong lối thú vật. Để đê nặng trĩu lên một người phụ nữ trong lối bò mộng. Để thọc vào cô ta một cách quái gở trong lối thiên nga trắng đang đập cánh. Xác thịt không bao giờ là đủ cho chúa tể của các vị thần, cả sự truy lạc. Toàn bộ sự điên khùng mà ham muốn mang lại. Sự phóng đảng. Sự suy đồi. Những lạc thú thô bỉ nhất. Và cơn giận dữ từ bà vợ thấy hết mọi sự. Không phải Thượng đế của người Do Thái, cô đơn vô cùng, khó hiểu vô cùng, một cách độc tưởng đã, đang, và sẽ là vị thần duy nhất tồn tại, chẳng có gì khác để làm ngoài việc lo lắng cho dân Do Thái. Không phải vị thánh-người Thiên Chúa giáo đã bị phi giới tính hóa tuyệt đối và bà mẹ vô nhiễm của ông ta cũng như mọi tội lỗi và hổ nhục gợi cảm hứng từ sự phi trần tục trác tuyệt. Thay vào đó là Zeus của Hy Lạp, ràng rịt với sự mạo hiểm, biểu cảm đầy sống động, đồng bóng, dâm dục, tận tụy một cách khoái trá với sự tồn tại phong nhiêu của chính ông ta, không chút cô đơn, không chút giấu

giếm. Thay vào đó là vết nhơ *thần thánh*. Một thứ tôn giáo phản ánh thực tế tuyệt vời đối với Faunia Farley nếu, qua Coleman, cô biết được điều gì về nó. Như cái huyền tưởng ngạo nghễ ấy: con người được làm theo hình ảnh của Thượng đế, hẳn rồi, nhưng không phải Thượng đế của chúng ta - mà là *của họ*. Thượng đế trác táng. Thượng đế hư hỏng. Một Thượng đế đời thường, nếu trên đời từng có. Thượng đế trong hình ảnh *con người*.

“Vâng. Tôi cho rằng đó là bi kịch của việc người nuôi quạ,” cô gái đáp, không hẳn là bắt được ý của Faunia dù cũng không phải là hiểu chệch đi hoàn toàn. “Chúng không nhận ra loài của chúng. Nó không nhận ra. Đáng lẽ nó phải nhận ra. Một sự hằn sâu vào tiềm thức,” cô gái nói với cô. “Hoàng Tử thực sự là một con quạ không biết làm quạ.”

Bất chợt Hoàng Tử bắt đầu kêu quàng quạc, không phải bằng giọng quạ đích thực mà bằng tiếng kêu nó tình cờ tự bắt gặp và khiến các con quạ khác khùng lên. Hiện nó đã đậu trên cánh cửa lồng, kêu quàng quạc inh tai.

Mím cười đầy mời gọi, Faunia quay sang và nói. “Tao coi đó như một lời tán thành, Hoàng Tử.”

“Nó bắt chước đám học trò đến đây và bắt chước nó,” cô gái giải thích. “Khi bọn học trò bắt chước một con quạ à? Đó là ấn tượng của nó về bọn trẻ. Bọn trẻ làm vậy. Thế là nó chế ra ngôn ngữ riêng của nó. Từ bọn trẻ.”

Bằng chất giọng kỳ lạ của riêng mình, Faunia nói, “Tôi thích cái giọng kỳ lạ mà nó chế ra.” Và cùng lúc đó cô đã quay trở lại chỗ chiếc lồng và đứng chỉ cách cửa lồng vài tấc. Cô giơ tay lên, bàn tay đeo chiếc nhẫn, và nói với con chim. “Này, này. Nhìn xem tao mang cái gì tới cho mày chơi nè.” Cô tuột chiếc nhẫn ra và giơ lên để nó nhìn thật rõ. “Nó thích chiếc nhẫn mặt ngọc của tôi.”

“Thường tui tôi cho nó chơi chìa khóa.”

“Chật, nó đã vươn cao trong cuộc đời này. Không phải tất cả chúng ta cũng thế sao. Đây. Ba trăm đô đấy. Nào, chơi với nó đi. Bộ mày không biết một chiếc nhẫn đắt tiền khi người ta đưa nó cho mày hả?”

“Nó sẽ lấy đó,” cô gái nói. “Nó sẽ mang chiếc nhẫn vô lồng. Nó giống một con chuột rừng. Nó sẽ lấy thức ăn nhét vào những khe hở trên thành lồng rồi dùng mỏ đập bể nó ra.”

Lúc này con quạ đã kẹp chặt chiếc nhẫn trong mỏ nó, đầu giật giật qua lại. Rồi chiếc nhẫn rơi xuống nền nhà. Con chim đã thả nó xuống.

Faunia cúi xuống nhặt lên và đưa nó cho con quạ lần nữa. “Nếu mày làm rớt, tao sẽ không đưa nó cho mày nữa. Mày biết vậy mà. Ba trăm đô đó. Tao cho mày chiếc nhẫn ba trăm đô - mày là cái kiểu gì vậy, một gã sang chảnh à? Nếu mày muốn nó, mày phải lấy nó. Hiểu không? Nhớ chưa?”

Bằng mỏ nó gấp lấy chiếc nhẫn từ tay Faunia và giữ chặt.

“Cảm ơn,” Faunia nói. “Mang nó vô trong đi,” cô thì thầm để cô gái không nghe được. “Mang nó vô trong lồng đi. Đi đi. Cho mày đó.”

Nhưng nó lại thả xuống lần nữa.

“Nó rất thông minh,” cô gái nói với qua với Faunia. “Khi chơi với nó, tụi tôi đặt một con chuột vào trong một cái hộp rồi đập lại. Vậy là nó nghĩ ra cách mở cái hộp. Ly kỳ chưa?”

Faunia nhặt chiếc nhẫn và đưa cho nó lần nữa, và một lần nữa con quạ lại gấp lấy và thả cái nhẫn xuống.

“Ôi, Hoàng Tử - mày cố ý đấy à. Trò chơi của mày đấy phải không?”

Quạc. Quạc. Quạc. Quạc. Ngay vào mặt cô. Con chim xõ một tràng bằng tiếng kêu đặc biệt của nó.

Faunia giơ tay ra và bắt đầu vuốt ve cái đầu rồi sau đó, rất chậm rãi, vuốt nhẹ xuống thân, và con quạ để cô làm điều đó. “Ô, Hoàng Tử. Ô, bóng láng tuyệt đẹp này. Nó đang ư ử với tôi,” cô nói, giọng vỡ òa đầy sung sướng, như thể cuối cùng cô đã phát hiện ra ý nghĩa của mọi thứ.

“Nó đang ư ử.” Và cô bắt đầu ư ử lại, “Ewww... ewww... ummmm,” bắt chước con chim, lúc này quả thực là đang phát ra một thứ âm thanh trầm trầm khi nó cảm thấy sức nặng của bàn tay vuốt ve những cọng lông đen trên lưng nó. Rồi bất ngờ, tặc, tặc, tặc, nó đang đánh mỏ. “Ồ, hay quá nè,” Faunia thì thầm, rồi cô quay sang cô gái, với tiếng cười từ tận đáy lòng, nói, “Bán nó không? Tôi mê tiếng tặc tặc đó rồi. Tôi sẽ mua nó.” Trong khi đó cô đưa môi mình đến mỗi lúc một gần hơn với cái mỏ đang kêu tặc tặc của nó, thì thầm với con chim, “Phải, tao sẽ lấy mày, tao sẽ mua mày...”

“Nó mổ đấy, hãy coi chừng mắt chị,” cô gái nói.

“Ồ, tôi biết nó mổ mà. Tôi từng bị nó mổ mấy lần rồi. Khi chúng tôi gặp nhau lần đầu nó mổ tôi. Nhưng nó cũng đánh mỏ nữa.Ồ, lắng nghe nó đánh mỏ kia, mấy đứa.”

Và cô nhớ lại mình đã cố hết sức tự tử như thế nào. Hai lần. Trên căn phòng ở Seeley Falls. Cái tháng sau khi bọn trẻ chết, hai lần cố tự tử trong căn phòng đó. Thực tế là lần đầu tôi đã gần như chết hẳn. Tôi biết vì y tá đã kể cho tôi nghe. Cái thứ trên màn hình để thể hiện nhịp tim thậm chí còn không hiện lên. Thường như vậy là chết hẳn rồi, cô ta nói. Nhưng một vài cô gái lại gặp may mắn, quá trời may mắn. Trong khi tôi thì đã cố hết sức mà không được. Tôi nhớ mình đi tắm, cạo lông chân, mặc chiếc chân váy đẹp nhất, chiếc váy vải jean. Loại quần. Và một chiếc áo cánh mua ở Brattleboro lần đó, mùa hè đó, chiếc áo cánh thêu hình. Tôi nhớ chỗ rượu gin và thuốc an thần Valium, và nhớ lời mờ thứ bột này. Tôi quên tên rồi. Một thứ bả chuột, đắng, và tôi cuộn nó vào chiếc bánh pút đình bơ đường. Tôi có bột bếp lò không? Tôi quên làm việc đó sao? Người tôi tím tái hả? Tôi đã ngủ bao lâu? Họ đã quyết định phá cửa khi nào? Tôi vẫn không biết ai đã làm điều đó. Chuẩn bị cho mình sẵn sàng khiến tôi ngây ngất. Có những thời khắc trong cuộc đời đáng để ta ăn mừng. Những lần thắng lợi. Những dịp cần ăn diện. Ô, tôi đã sửa soạn bản thân. Tôi tết tóc lại. Tôi kẻ viền mắt. Hẳn sẽ làm mẹ tôi tự hào, quá đổi tự hào luôn. Trước

đó một tuần đã gọi để báo cho bà biết bọn trẻ đã chết. Cú điện đầu tiên sau hai mươi năm. “Mẹ, Faunia đây.” “Rất tiếc. Tôi không biết ai có tên đó,” và cúp máy. Đồ chó cái. Sau khi tôi trốn đi, bà ta nói với mọi người, “Chồng tôi thì nghiêm khắc mà Faunia lại không thể sống có phép tắc. Nó chẳng bao giờ sống có phép tắc được.” Một kiểu bao biện kinh điển. Đứa bé gái nhà giàu nào lại bỏ nhà đi vì một ông cha dượng nghiêm khắc? Nó chạy trốn, đồ chó ọ, là bởi gã cha dượng không có nghiêm khắc - bởi vì gã cha dượng là thằng biến thái và sẽ không để nó yên. Dù sao tôi cũng đã mặc bộ đồ đẹp nhất tôi có. Kém hơn thì không có được. Lần thứ hai tôi không ăn diện. Và việc tôi không ăn diện nói lên toàn bộ câu chuyện. Lòng tôi không còn đặt vào đó nữa, không còn nữa sau lần đầu thất bại. Lần thứ hai việc tự sát thật đột ngột và bột phát và chẳng vui gì. Lần đầu tiên đã mất bao thời gian chuẩn bị, ngày này qua đêm khác, toàn bộ những sự trông ngóng ấy. Pha chế. Mua bột. Kiểm đơn thuốc. Nhưng lần thứ hai thì vội vã. Chẳng có hứng gì. Tôi nghĩ mình đã dừng lại bởi tôi không thể chịu đựng nỗi cảm giác nghẹt thở. cổ họng tôi tắc nghẹn, thực sự nghẹt thở, không hợp được tí không khí nào, và cuống cuồng tìm cách cởi nút sợi dây điện. Lần đầu tiên không có cái kiểu vội vã ấy. Thật tĩnh tại và bình yên. Bọn nhỏ đã chết và không còn ai để tôi lo lắng nữa và tôi có tất cả thời gian trong cõi đời này. Giá như tôi thành công lần đó. Cái niềm khoan khoái nơi nó. Khi phút cuối không còn gì nữa, chỉ còn cái khoảnh khắc vui sướng cuối cùng, khi cái chết đáng lẽ sẽ giận dữ kéo đến, nhưng ta lại không cảm thấy giận dữ chút nào - chỉ hoan hỉ. Tôi không thể ngưng nghĩ về nó. Suốt tuần này. Người đàn ông ấy đọc cho tôi nghe bài về Clinton trên tờ *New York Times* và tất cả những gì tôi nghĩ đến là bác sĩ Kevorkian* và chiếc máy chứa monoxít cacbon của ông ta. Cứ hít vào thật sâu. Cứ hít đi cho đến khi chẳng có gì để hít nữa.

“ ‘Chúng là những đứa trẻ thật xinh đẹp,’ ” gã ta nói. “Bạn không bao giờ nghĩ một điều như vậy có thể xảy ra với bạn hoặc bạn bè bạn. Ít ra thì Faunia cũng tin rằng con cô ấy hiện đang ở cùng Chúa.’ ”

Đó là những điều một tay khốn nào đó đã nói với báo chí. 2 ĐỨA TRẺ CHẾT NGẠT TRONG MỘT VỤ CHÁY NHÀ. “ ‘Dựa vào điều tra sơ bộ’ trung sĩ Donaldson nói, ‘chứng cứ cho thấy một lò sưởi ...’ Người dân trong khu vực nói họ nhận ra có hỏa hoạn khi mẹ của bọn trẻ...”

Khi mẹ của bọn trẻ ngừng bú cái cu ả đang bú.

“Cha bọn trẻ, Lester Farley, từ tiền sảnh chạy vào ít phút sau đó, lảng giềng nói.”

Sẵn sàng giết tôi một lần và mãi mãi. Nhưng gã ta lại không làm. Và tôi cũng không làm được. Thật kinh ngạc. Thật kinh ngạc khi sao vẫn chưa có ai giết chết mẹ của hai đứa trẻ tử vong.

“Không, tao đã không làm được, Hoàng Tử. Mà cũng không thể tìm cách xoay xở để sống được. Cho nên,” cô thì thầm với con chim mà sắc đen bóng láng của nó dưới bàn tay cô ấm và mượt mà chẳng giống bất cứ thứ gì cô từng mơ trốn vuốt ve, “thay vào đó tại mình ở đây. Một con quạ thực sự không biết cách làm một con quạ, một người đàn bà thực sự không biết cách làm đàn bà. Chúng ta sinh ra là dành cho nhau. Lấy tao đi. Mà y là cái số phận đã dành cho tao, là mà y đó, cái con chim ngớ ngẩn.” Rồi cô bước lui lại và cúi chào. “Vĩnh biệt, Hoàng Tử của tao.”

Và con chim đáp lại. Với một tiếng kêu chói tai nghe giống “Tuyệt. Tuyệt. Tuyệt,” đến độ cô lại phá ra cười. Khi quay sang vẫy tay tạm biệt cô gái, cô nói với cô gái, “Chỉ chỉ đó tử tế hơn nhiều những gì tôi nhận được từ bọn đàn ông trên phố.”

Và cô đã bỏ lại chiếc nhẫn. Món quà của Coleman. Khi cô gái nhìn chỗ khác, cô đã giấu nó trong lồng. Đính hôn với một con quạ. Thế là đẹp.

“Cảm ơn,” Faunia nói.

“Không có chi. Chúc bình an,” cô gái nói với theo, và sau đó Faunia lái xe quay lại nhà Coleman để ăn cho xong bữa điểm tâm của cô và xem tiếp sau sẽ là gì. Chiếc nhẫn ở trong lồng. Nó đã có chiếc nhẫn. Nó đã có chiếc nhẫn ba trăm đô.

Chuyến đi đến Bức tường lưu động ở Pittsfield được tổ chức vào Ngày Cựu chiến binh, khi đó cờ treo rủ và nhiều thành phố tổ chức diễu hành - và các cửa hàng bách hóa bán hạ giá - và những cựu chiến binh mang tâm trạng giống Les cảm thấy ghê tởm với đồng bào của họ, đất nước của họ, và chính phủ của họ hơn bất kỳ ngày nào khác trong năm. *Bây giờ* bộ hấn phải tham gia vào một đoàn diễu hành vớ vẩn rồi tuần hành loanh quanh trong khi một ban nhạc chơi nhạc và mọi người vẩy cờ sao? *Bây giờ* mọi người sẽ cảm thấy dễ chịu trong phút chốc khi biểu dương những cựu chiến binh Việt Nam của họ chẳng? Nếu lúc này họ hào hứng muốn thấy hấn ngoài đó đến thế, sao họ lại rẻ rúng hấn khi hấn về nhà? Giải thích thế nào đây về việc những cựu binh ngủ ngoài đường trong khi tên trốn quân dịch đó ngủ trong Nhà Trắng? Willie Láu cá, tổng tư lệnh. Thăng con hoang. Bóp vú con nhỏ Do Thái đó trong khi ngân sách Sở Cựu chiến binh bị đổ xuống cống. Nói dối về chuyện tình dục à? Cứt. Chính quyền chó má này nói dối về *mọi thứ*. Không, chính phủ Mỹ đã chơi đủ trò đùa cợt tẻ hại với Lester Farley này rồi, chả cần phải thêm cái trò hề Ngày Cựu chiến binh này.

Nhưng hấn lại ở đó, vào đúng ngày đó chứ không phải bất kỳ ngày nào khác, đến Pittsfield trong chiếc xe khách của Louie. Họ đang hướng về phía mô hình to bằng một phần hai của Bức tường thật mà trong khoảng mười lăm năm nay đã đi chu du khắp đất nước; từ ngày mười đến ngày mười sáu tháng Mười một, nó sẽ được trưng bày trong bãi đỗ xe của khách sạn Ramada dưới sự bảo trợ của Hội Cựu chiến binh Mỹ ở Pittsfield. Đi cùng với hấn là chính nhóm bạn đã giúp hấn

vượt qua cuộc thử thách bữa ăn Tàu. Họ không chịu để hấn đi một mình, và họ trấn an hấn suốt: tụi này sẽ ở đó với anh, tụi này sẽ đứng cạnh anh, tụi này sẽ ở cùng anh 24/7 nếu cần. Louie còn đi xa đến mức nói rằng sau vụ này Les có thể ở lại với ông ta và vợ ông ta tại nhà của họ, và, cho dù là trong bao lâu đi nữa thì họ cũng sẽ chăm sóc hấn. “Anh không phải về nhà một mình, Les, nếu anh không muốn. Tôi nghĩ anh không cần phải cố. Anh đến ở với tôi và Tess đi. Tessie đã chứng kiến mọi chuyện. Tessie hiểu. Anh không phải lo về Tessie. Khi tôi về nước, Tessie đã thành động cơ thúc đẩy tôi. Hồi đó đại khái tôi nghĩ, Cóc có đứa nào được phép bảo tao phải làm gì. Chẳng cần có ai chọc tức tao cũng nổi con thịnh nộ được. Anh biết rồi còn gì. Anh biết hết mà, Les. Nhưng ơn Chúa Tessie kiên quyết ở bên cạnh tôi. Nếu anh muốn, bà ấy cũng sẽ giúp anh.”

Louie là người anh em của hấn, người anh em tốt nhất mà người ta có thể mong chờ, nhưng bởi vì ông ta sẽ không buông tha hấn về chuyện đi đến Bức tường, bởi vì ông ta cứ phát cuồng con mẹ nó lên với việc hấn ghé qua Bức tường đó, nên Les đã cố hết sức để không tóm lấy họng ông ta và bóp cổ thẳng con hoang đó. Thằng con hoang Tây Ban Nha ẻo lả, hãy để tao yên! Hãy thôi lải nhải với tao chuyện mà phải mất đến mười năm để tới được Bức tường. Hãy thôi lải nhải với tao nó đã làm thay đổi cái cuộc đời chó chết của mày ra sao. Hãy thôi lải nhải với tao việc mày làm lành với Mikey thế nào. Hãy thôi lải nhải với tao điều Mikey đã nói với mày tại Bức tường. Tao không muốn biết!

Nhưng họ vẫn lên đường, họ đang trên đường đi tới đó, và Louie lại lặp lại với hấn, “ ‘Không sao mà, Louie,’ đó là điều Mikey nói với tôi, và đó là điều Kenny sẽ nói với anh. Những gì cậu ấy nói với tôi, Les, là mọi chuyện không sao cả, tôi có thể sống tiếp cuộc đời của tôi.”

“Tôi không thể tới đó, Louie - quay lại đi.”

“Anh bạn, thư giãn đi. Mình đi được nửa đường rồi.”

“Bắt cái thứ chó chết này quay lại đi!”

“Les, anh phải đến đó mới biết được nó như thế nào. Anh phải đi,” Louie nói một cách thân tình, “anh phải tìm ra câu trả lời.”

“Tôi không *muốn* tìm ra!”

“Uống thêm một chút thuốc nữa nhé? Một chút Ativan. Một chút Valium. Thêm một chút cũng không sao đâu. Cho anh ấy ít nước, Chet.”

Khi họ đến Pittsfield và Louie đậu xe đối diện khách sạn Ramada, thật không dễ lôi Les ra khỏi chiếc xe. “Tôi không làm đâu,” hắn nói, và thế là những người khác đứng bên ngoài hút thuốc, để cho Les có thêm chút thời gian cho Ativan và Valium ngấm hết. Từ ngoài đường Louie vẫn để mắt coi chừng hắn. Có rất nhiều xe cảnh sát quanh đó và nhiều xe buýt. Nghi lễ đang diễn ra tại Bức tường, ta có thể nghe ai đó đang nói qua loa, một chính trị gia địa phương, có lẽ đã là người thứ mười lăm đứng đó mà hùng hồn phát biểu buổi sáng đó. “Những người mà tên của họ được khắc trên Bức tường sau lưng tôi đây là họ hàng, bạn bè, và láng giềng của các bạn. Họ là người Thiên Chúa giáo, Do Thái, Hồi giáo, da đen, da trắng, da đỏ - tất cả đều là người Mỹ. Họ đã thề giữ gìn và bảo vệ, và đã hy sinh mạng sống của họ để giữ lời thề đó. Không một sự vinh danh, không một nghi lễ nào có thể biểu lộ hết được lòng ngưỡng mộ và biết ơn của chúng ta. Bài thơ sau đây đã được để lại tại Bức tường này cách đây vài tuần ở Ohio, và tôi muốn chia sẻ nó với các bạn. ‘Chúng tôi nhớ đến các bạn, mỉm cười, tự hào, mạnh mẽ/ Bạn bảo chúng tôi đừng lo/ Chúng tôi nhớ những nụ hôn và những cái ôm nồng ấm cuối cùng đó...’”

Và khi bài diễn văn đó kết thúc, một bài nữa tiếp tục. “... nhưng với Bức tường đầy những cái tên sau lưng tôi đây, và khi tôi nhìn ra đám đông và thấy khuôn mặt của những người trung niên như tôi, một số họ đeo huy chương và trên người mặc một phần bộ quân phục, và tôi thấy nỗi buồn gợn lên trong mắt họ - có lẽ đó là những gì còn lại của cái nhìn vô hồn mà tất cả chúng ta đều mang theo khi chúng ta là những người lính quèn, những lính bộ binh, cách xa nhà mười mấy

ngàn cây số - khi thấy tất cả những điều này, tôi như được ném trở lại cách đây ba mươi năm. Phiên bản cố định của Bức tường này được khánh thành ở công viên Mali tại Washington vào ngày tháng Mười một năm 1982. Phải gần hai năm rưỡi sau tôi mới đến được đó. Nhìn lại thời điểm đó, tôi biết, giống như nhiều cựu chiến binh Việt Nam, tôi đã cố tình tránh xa nó, bởi vì tôi biết nó sẽ gợi lên những ký ức đôn đau. Và thế là vào một tối ở Washington, khi màn đêm buông xuống, tôi một mình đi đến chỗ Bức tường. Tôi để vợ và các con tôi ở lại khách sạn - chúng tôi đang trên đường từ Disney World trở về - và đến đó, đứng một mình tại chỗ đỉnh nhọn của nó, sát chỗ tôi hiện đang đứng. Và những ký ức ùa về - một con lốc xúc cảm ập đến. Tôi nhớ những người đã cùng tôi lớn lên, cùng tôi chơi bóng, những người giờ đang ở trên Bức tường này, ngay tại Pittsfield này đây. Tôi nhớ người trực điện đài của tôi, Sal. Chúng tôi gặp nhau ở Việt Nam. Chúng tôi chơi trò bạn-từ-đâu-tới. Massachusetts. Massachusetts. Chỗ nào ở Massachusetts? Cậu ta tới từ West Springfield. Tôi nói tôi đến từ Pittsfield. Và Sal chết một tháng sau khi tôi về. Tôi về Mỹ tháng Tư, và tôi nhật lên một tờ báo địa phương, và tôi thấy rằng Sal sẽ không gặp tôi ở Pittsfield hay Springfield để uống rượu. Tôi nhớ những người khác đã cùng tôi...”

Và sau đó đến lượt một ban nhạc - hẳn là một ban nhạc lính - chơi bài “Battle Hymn of the Green Berets”, khiến Louie kết luận rằng tốt nhất là chờ cho đến khi nghi lễ này hoàn toàn kết thúc mới lòi Les ra khỏi xe. Louie đã tính toán giờ để không phải chạm trán những bài diễn văn hoặc thứ âm nhạc mùi mẫn này, nhưng dường như chương trình đã bắt đầu khá trễ, thế là họ vẫn bị dính vào. Tuy nhiên, nhìn đồng hồ, thấy rằng đã gần giữa trưa, ông nghĩ chắc họ cũng sắp kết thúc rồi. Và, ha - họ đột ngột chuyển sang phần kết thúc. Một chiếc kèn lệnh đơn độc đang chơi nhạc hiệu kết thúc. Hợp quá thể. Đứng ngoài đường giữa những chiếc xe khách trống không và xe cảnh sát nghe nhạc hiệu kết thúc đã đủ khó chịu rồi, huống chi là ở ngay đó,

giữa những người đang khóc, đối diện với tiếng nhạc hiệu và Bức tường. Những đoạn nhạc hiệu vang lên, những đoạn nhạc hiệu đau đớn, những nốt nhạc khùng khiếp cuối cùng của mỗi đoạn, và sau đó ban nhạc chơi bài “God Bless America”, và Louie có thể nghe thấy mọi người ở chỗ Bức tường hát theo, “Từ núi cao, đến đồng cỏ, đến biển khơi, bọt trắng xóa,” và một lát sau buổi lễ kết thúc.

Bên trong chiếc xe, Les vẫn run bần bật, nhưng có vẻ hấn không còn nhìn ra sau lưng nữa và chỉ thỉnh thoảng hấn mới ngoái đầu lại để tìm “những thứ đó”, và vì thế Louie lóng ngóng leo vào trong xe và ngồi cạnh hấn, biết rằng toàn bộ cuộc đời của Les lúc này nằm cả ở nỗi khiếp sợ trước những gì hấn sắp tìm ra, và vì thế việc cần làm là đưa hấn đến đó và giải quyết dứt điểm chuyện này.

“Mình sẽ cho Swift vào đó trước, Les ạ, để tìm Kenny cho anh. Đó là một Bức tường khá dài. Không cần anh phải dò tìm qua tất cả những cái tên đó, Swift và mấy tay kia sẽ kiểm tra và xác định chỗ của nó trước. Những cái tên được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Họ ở trên đó theo thứ tự thời gian, từ người đầu tiên đến người cuối cùng. Chúng ta đã có ngày mất của Kenny, anh đã cho tụi tôi biết ngày, cho nên giờ tìm anh ta sẽ không lâu lắm đâu.”

“Tôi không làm chuyện đó đâu.”

Khi Swift quay lại chiếc xe, gã mở cửa xe và nói với Louie, “Thấy Kenny rồi. Chúng tôi đã tìm thấy cậu ta.”

“Tốt, đến lúc rồi, Lester. Mạnh mẽ lên. Anh sẽ bước tới đó. Nó nằm sau lưng khách sạn. Sẽ có những người khác ở đó cũng làm cái việc chúng ta đang làm. Họ đã thực hiện một nghi lễ nhỏ, nhưng nó đã xong và anh không phải bận tâm về nó nữa. Không diễn văn. Không mấy thứ vớ vẩn. Chỉ có con cái và bố mẹ và ông bà và tất cả sẽ cùng làm một việc giống nhau. Họ sẽ đặt những vòng hoa xuống. Họ sẽ cầu nguyện. Chủ yếu họ sẽ tìm những cái tên. Họ sẽ nói chuyện với nhau như mọi người vẫn làm thôi, Les. Một số người sẽ khóc. Ở đó chỉ có

vậy thôi. Giờ thì anh biết những gì xảy ra ngoài đó rồi. Anh có thể thông thả một tí cũng được nhưng anh phải đi với tui thôi.”

Trời nóng một cách khác thường so với tháng Mười một, và đến gần Bức tường họ thấy nhiều người chỉ mặc áo sơ mi và một số phụ nữ mặc quần cộc. Giờ đã giữa tháng Mười một mà người ta còn đeo kính râm, nhưng ngoại trừ việc đó ra thì hoa, mọi người, trẻ con, các ông các bà - đều chính xác như những gì Louie đã mô tả. Và Bức tường lưu động không phải cái gì quá ngạc nhiên: hẳn đã thấy nó trong các tạp chí, trên áo thun, hẳn còn đã một lần nhìn thấy trên ti vi Bức tường thật ở D.C. trước khi nhanh tay tắt đi. Trái dài toàn bộ chiều dài của bãi đỗ xe phủ đá dăm là những tấm bảng quen thuộc nối liền với nhau ấy, một nghĩa trang dốc đứng gồm những phiến đá đen dựng đứng dốc xuống từ hai đầu và được khắc bằng chữ trắng những cái tên san sát nhau. Tên mỗi người chết chỉ dài khoảng một phần tư chiều dài ngón tay út. Ngắn như vậy mới có thể khắc được tất cả tên của bọn họ, 58.209 người, những kẻ không còn được tảo mộ hay đi xem phim, nhưng họ vẫn tồn tại được, dù cho cái giá phải trả có là thế nào, trong những dòng chữ khắc trên một Bức tường nhôm đen di động được chống sau lưng một khung bằng các thanh đỡ cỡ hai nhân bốn inch trong một bãi đỗ xe sau lưng khách sạn Ramada ở Massachusetts.

Lần đầu Swift đến Bức tường gã không thể ra khỏi xe buýt, và những người khác phải lôi gã ra và cứ lôi như thế cho đến khi họ ép được gã đứng đối mặt với nó, và sau này gã nói, “Mày có thể nghe thấy tiếng Bức tường khóc.” Lần đầu Chet đến chỗ Bức tường gã bắt đầu đấm nó và gào lên, “Đúng ra đó không phải là tên của Billy - không, Billy, không! Đó phải là tên tao!” Lần đầu Bobcat đến chỗ Bức tường gã chỉ giơ bàn tay ra chạm nó và sau đó, như thể bàn tay bị đông cứng, không thể rút nó lại được nữa - một tay bác sĩ chuyên về cựu binh Việt Nam gọi đó là một dạng ngất. Lần đầu Louie đến chỗ Bức tường ông ta không phải mất thời gian để nhận ra mình phải làm gì và đi thẳng vào vấn đề. “Rồi, Mikey,” ông ta nói lớn, “Tao đây. Tao

đây,” và Mikey, nói bằng giọng của chính anh ta, trả lời ngay, “Không sao mà, Lou. Không sao cả.”

Les biết tất cả những câu chuyện kiểu vậy, cái có thể xảy ra trong lần đầu này, và bây giờ khi hắn ở đó lần đầu tiên, và hắn không cảm thấy điều gì cả. Chẳng có gì xảy ra. Mọi người bảo hắn mọi thứ sẽ tốt hơn, anh sẽ học được cách chấp nhận nó, mỗi lần anh quay lại đây mọi thứ sẽ tốt thêm lên, cho đến khi chúng tôi đưa được anh đến Washington và anh tìm kiếm tên của Kenny trên Bức tường lớn, và đó sẽ là lúc tinh thần anh được chữa lành thực sự - việc chuẩn bị tuần tự công phu là thế, vậy mà chẳng có gì xảy ra. Không có gì. Swift đã nghe Bức tường khóc - Les không nghe thấy gì cả. Không cảm thấy gì, không nghe thấy gì, thậm chí không nhớ cái gì. Giống như khi hắn thấy hai đứa con của hắn chết. Bước mào đầu ghê gớm vậy, hóa ra lại chẳng có gì cả. Ở đây hắn đã sợ hắn sẽ cảm thấy quá nhiều thứ song hóa ra hắn chẳng cảm thấy gì, và như vậy còn tồi tệ hơn. Nó chứng tỏ rằng, bất chấp mọi thứ, bất chấp Louie và những chuyến đi đến nhà hàng Tàu và những viên thuốc và việc không uống rượu, từ đầu hắn đã đúng khi tin rằng hắn đã chết. Tại nhà hàng Tàu hắn cảm thấy điều gì đó, và điều đó đã nhất thời đánh lừa hắn. Nhưng bây giờ hắn biết chắc chắn hắn đã chết bởi vì hắn thậm chí không thể nhớ lại ký ức về Kenny. Hắn từng khổ sở vì nó, vậy mà giờ hắn không làm thế nào nối kết được với nó.

Bởi vì hắn là người đến đây lần đầu, nên những người còn lại luôn luôn quần quanh hắn. Họ đi thơ thẩn chốc lát, mỗi lần một người, để viếng những người bạn của riêng họ, nhưng luôn luôn có một người ở lại với hắn để canh chừng hắn, và khi từng người quay lại, họ vòng tay quanh người Les và ôm siết hắn. Cả nhóm vào lúc đó tin rằng họ đồng điệu với nhau hơn bất cứ lúc nào trước đây, và tất cả họ đều tin, bởi vì mặt Les hiện lên vẻ sững sờ cần có, rằng hắn đang có cái trải nghiệm mà tất cả họ muốn hắn có. Họ không biết rằng khi hắn đưa mắt nhìn một trong ba lá cờ Mỹ, cùng với lá cờ POW/MIA đen, treo rủ phía

trên bãi đậu xe, hẳn không nghĩ về Kenny hay thậm chí về Ngày Cựu chiến binh mà nghĩ rằng cả ba lá cờ ở Pittsfield đều treo rủ bởi vì cuối cùng thì cái sự thật rằng Les Farley đã chết cuối cùng cũng đã được bày sàng ra. Chính thức rồi: mọi thứ ở hẳn đã chết và không chỉ ở bên trong. Hẳn không nói điều này với những người kia. Để làm gì cơ chứ? Sự thật là sự thật. “Tự hào về anh lắm,” Louie thì thầm với hẳn. “Biết anh làm được mà. Tôi biết là sẽ được thôi mà.” Swift thì nói với hẳn, “Nếu anh muốn nói về...”

Lúc này một sự bình thản bao trùm lấy hẳn mà họ lầm tưởng là sự thành công của quá trình điều trị. Bức tường Chữa lành - tấm bảng trước khách sạn ghi rõ như thế, và đó là chức năng của nó. Kết thúc việc đứng trước tên của Kenny, họ cùng Les đi suốt chiều dài Bức tường rồi lộn lại, cả nhóm nhìn theo những người đang tìm kiếm những cái tên, để cho Lester lĩnh hội hết mọi thứ vào đầu, để cho hẳn biết hẳn đang ở đây và đang làm cái mà hẳn làm. “Cưng ơi, đây không phải chỗ để leo trèo,” một phụ nữ nói nhỏ với cậu nhóc đang bị bà ta kéo xuống khỏi một đầu Bức tường, nơi nó đang đứng bên trên dòm xuống. “Họ là gì nhỉ? Họ của Steve là gì nhỉ?” một ông già hỏi vợ ông ta trong khi ông ta đang lần rờ một trong những bảng tên, dùng ngón tay đếm cẩn thận, từng hàng một, từ trên xuống. “Ngay đó,” họ nghe một phụ nữ nói với đứa nhỏ vừa mới chập chững đi; ngón tay bà ta chạm vào một cái tên trên Bức tường. “Ngay đây nè, cưng. Đó là cậu Johnny.” Và bà ta làm dấu thánh. “Anh chắc đó là dòng hai mươi tám chứ?” một phụ nữ hỏi chồng. “Chắc chắn.” “Phải, anh ấy chắc chắn ở đó. Ô số bốn, dòng hai mươi tám. Anh đã tìm thấy anh ấy ở Washington.” “Ồ, em không thấy anh ấy. Để em đếm lại.” “Đó là anh họ em,” một phụ nữ nói. “Anh ấy khai một chai Coca ở đó, và nó nổ. Dính bẫy mìn. Mười chín tuổi. Bên vùng địch kiểm soát. Cầu Chúa cho anh ấy yên nghỉ.” Có một cựu chiến binh đội mũ lính Lê dương Mỹ đang quỳ trước một tấm bảng giúp hai phụ nữ da đen trong bộ lễ phục nhà thờ đẹp nhất của họ. “Ông ấy tên gì?” ông ta hỏi người trẻ

hơn. “Bates. James.” “Ông ta đây,” tay cựu binh nói. “Ông ấy kìa, mẹ,” người phụ nữ trẻ nói.

Vì Bức tường này chỉ to bằng nửa Bức tường Washington, nên rất nhiều người phải quỳ xuống để tìm tên người thân và, với những người già, việc tìm ra cái tên họ cần quả là hết sức khó khăn. Có những bông hoa bọc trong giấy bóng kiếng được đặt tựa vào Bức tường. Có một bài thơ viết tay đề trên mẫu giấy mà ai đó đã dán vào chân tường. Louie cúi xuống để đọc những lời ấy: “Vì sao sáng, vì sao rực rỡ/ Vì sao đầu tiên tôi thấy đêm nay...” Có những người mắt đỏ lên vì khóc. Có những cựu binh đội mũ lưỡi trai đen của Cựu binh Việt Nam giống Louie, một số còn có huy chương chiến dịch dính trên mũ. Một chú bé mũm mĩm chừng mười tuổi, ương bướng quay lưng về phía Bức tường, nói với một phụ nữ, “Con không *muốn* đọc đâu.” Lại có một gã xăm kín mình, mặc áo thun Sư đoàn I Bộ binh - in dòng chữ “Big Red One” - rúm ró đi loanh quanh, dờ dẩn đi với những ý nghĩ kinh khủng. Louie dừng lại, chặn đường gã ta, và ôm một cú thật chặt. Cả bọn đều ôm gã ta. Họ thậm chí còn thúc Les ôm gã ta nữa. “Hai thằng bạn trung học của tôi có tên trên đó, chết cách nhau bốn mươi tám giờ,” một tay đứng gần đó nói. “Rồi cả hai được canh xác trong cùng một nhà tang lễ. Một ngày hết sức buồn ở trường Kingston.” “Nó là đứa đầu tiên tới Việt Nam,” một người khác nói, “và là đứa duy nhất trong đám tụi tôi không trở về. Và mấy ông biết nó muốn có cái gì dưới tên nó tại Bức tường đó không? Chính là cái nó muốn khi ở Việt Nam. Nói cho mấy ông biết: Một chai Jack Daniel’s, một đôi ủng tốt, và một mớ lông mu nướng thành miếng bánh.”

Có một nhóm bốn tay đứng đó tán gẫu, và khi Louie nghe thấy họ hồi tưởng, ông ta dừng bước lắng nghe, và những người khác đợi ở đó với ông ta. Bốn người đó đều đã bạc tóc - tất cả đều đã có tóc bạc rồi hay tóc bạc loăn xoăn hoặc, như một tay trong bọn, tóc bạc cột đuôi ngựa thò ra ở phía sau cái mũ lưỡi trai.

“Các anh ở bên đơn vị cơ giới hồi ở bên đó hả?”

“Ừ. Chủ yếu là chờ đồ đi, nhưng sớm muộn gì anh cũng biết anh sẽ phải rời tới súng.”

“Tụi tôi thì toàn đi bộ. Bọn tôi cuốc bộ khắp cái Cao nguyên Trung phần* mắc dịch đó. Qua bao nhiêu là núi với chả non.”

“Bọn đơn vị cơ giới thì chả bao giờ được thò mặt xuống hậu phương cả. Suốt thời gian ở đó, gần mười một tháng, về đến hậu phương là tôi sẽ phi thẳng về căn cứ và đi nghỉ R&R* - có vậy thôi.”

“Hễ bánh xích chuyển động là tụi nó biết ngay tụi ông sắp tới, và tụi nó biết khi nào tụi ông tới nơi, thế nên pháo B-40 luôn chờ sẵn ở đó. Nó còn dư thời gian để đánh bóng viên đạn và ghi tên ông lên đó nữa kìa.”

Đột nhiên Louie chen vào, nói rành rọt. “Chúng ta ở đây,” ông ta nói với bốn người lạ mặt. “Chúng ta ở đây, đúng chưa? Tất cả chúng ta đều ở đây. Để tôi ghi tên. Để tôi ghi tên với địa chỉ nghe.” Và ông ta lấy ở túi sau ra một cuốn sổ và, trong khi tì người vào cây ba toong, ghi lại mọi thông tin của họ để ông ta có thể gửi cho họ bản tin mà ông ta và Tessie tự mình thực hiện và gửi đi đôi ba lần mỗi năm.

Rồi họ đi qua mấy dãy ghế trống. Họ không thấy chúng trên đường vào, quá sức chăm chú với việc đưa Les tới Bức tường bằng được, không cho phép hấn gục xuống hoặc vùng bỏ chạy. Ở cuối bãi đậu xe, có bốn mươi một ghế xếp kim loại màu xám nâu, có lẽ được lấy từ tầng hầm nhà thờ nào đó và được xếp thành từng hàng đường cánh cung, kiểu như trong lễ tốt nghiệp hay trao giải thưởng - ba hàng mỗi hàng mười ghế, một hàng mười một ghế. Hấn việc xếp ghế được đầu tư khá khá công sức. Trên mỗi lưng ghế có dán tên của ai đó - bên trên mặt ghế trống không, một cái tên, tên đàn ông, được in trên tấm thiệp trắng. Một khu vực ghế tách biệt hẳn ra, và, để chắc chắn rằng không có ai ngồi vào những chỗ đó, giăng ngang lòng thòng xung quanh là một dải cờ tam giác xen kẽ hai màu đen và tía.

Có một vòng hoa tang được treo ở đó, một vòng hoa cẩm chướng lớn, và khi Louie, người không bỏ lỡ một thứ gì, dừng lại để đếm chúng, thì, đúng như ông ta suy đoán, có bốn mươi một bông cẩm chướng.

“Vụ gì đây?” Swift hỏi.

“Mấy người ở Pittsfield chết trận. Đó là ghế trống cho bọn họ,” Louie nói.

“Đời chó đẻ,” Swift nói. “Đúng là một cuộc tàn sát chó chết. Một là đánh cho thẳng thì thôi không thì đừng đánh đấm gì cả. Đồ chó đẻ khốn nạn.”

Nhưng buổi chiều hôm ấy chưa kết thúc với họ. Ngoài kia trên vỉa hè ngay trước khách sạn Ramada có một gã gầy gò đeo kính, mặc một cái áo khoác quá dày trong một ngày như hôm nay, gã đang bị chuyện gì đó rất nghiêm trọng - quát tháo những người lạ đi ngang qua, chỉ vào mặt họ, văng nước bọt vì hấn quát tháo quá dữ, và cảnh sát từ những xe tuần tra nhảy xuống cố gắng thuyết phục hấn bình tĩnh lại trước khi hấn lao ra tấn ai đó hoặc, giả như hấn có một khẩu súng giấu trong người, móc súng ra bắn. Một tay hấn cầm chai rượu mạnh - có vẻ đó là tất cả những gì hấn có trên người. “Nhìn tao nè!” hấn gào lên. “Tao là cục cứt và ai nhìn tao cũng biết tao là cục cứt hết. Nixon! Nixon! Chính thằng đó làm tao ra như vậy! Chính cái đó làm tao ra như vậy! Nixon đã tống tao qua Việt Nam!”

Dù nghiêm trang là thế trong khi nối đuôi nhau vào chiếc xe, mỗi người đều nặng trĩu ký ức, thì họ vẫn thấy chút nhẹ nhõm khi thấy Les, không giống cái tay phát khùng lên ngoài phố kia, đang ở trong trạng thái bình thản chưa từng có ở hấn. Tuy họ chẳng phải những người ưa bộc lộ những cảm xúc lớn lao, nhưng họ cảm nhận được, trong sự hiện diện của Les, những tình cảm có thể đi kèm cơn bột phát kiểu đó. Trong suốt chuyến về, mỗi người trong bọn - ngoại trừ Les - thấu hiểu đến mức cao nhất của mỗi người lẽ huyền bí của việc vẫn còn sống và trong dòng dịch chuyển.

Hắn trông bình thản, nhưng đó chỉ là lớp vỏ đánh lừa. Hắn đã quyết định. Dùng xe của hắn. Xử lý cả đám, kể cả hắn. Dọc theo con sông, nhắm thẳng vào họ, đánh lái vào làn đường của họ, ngay khúc quanh chỗ dòng sông rẽ ngoặt.

Hắn đã quyết định. Được tất cả mà lại chẳng mất gì. Đây không phải kiểu nếu cái đó xảy ra hay nếu tao thấy việc này hay nếu tao nghĩ thế thì tao sẽ làm thế và nếu tao không nghĩ thế thì tao sẽ không làm. Hắn đã cương quyết tới độ hắn không còn suy nghĩ nữa. Hắn đang thực hiện một nhiệm vụ tự sát, và trong lòng hắn kích động dữ dội. Không một lời nào cả. Không một ý nghĩ nào cả. Chỉ còn là thấy, nghe, ném, ngửi - là cơn giận dữ, cơn hưng phấn, và là sự chấp nhận. Chúng ta đâu còn ở Việt Nam. Chúng ta đã ở bên kia Việt Nam rồi.

(Bị quản thúc trở lại trong bệnh viện cựu chiến binh Northampton một năm sau đó, hắn cố diễn tả, bằng thứ tiếng Anh đơn giản, cho bác sĩ tâm lý nghe về trạng thái tinh khiết này của cái không gì cả. À nhưng tất cả đều được giữ kín. Cô ấy là bác sĩ. Đây là chuyện y đức. Hoàn toàn chỉ hai người biết với nhau thôi. “Lúc đó anh nghĩ gì?” “Không nghĩ gì cả.” “Anh tất đã nghĩ điều gì đó.” “Chẳng gì cả.” “Đến thời điểm nào thì anh lên xe tải?” “Sau khi trời tối.” “Anh có ăn tối không?” “Không ăn iếc gì cả.” “Tại sao anh lại nghĩ mình trèo lên xe?” “Tôi biết tại sao mà.” “Anh biết mình đang đi đâu.” “Đi tóm hắn.” “Tóm ai?” “Lão Do Thái. Lão giáo sư Do Thái.” “Tại sao anh định làm chuyện đó?” “Để tóm hắn.” “Vì anh phải làm thế?” “Vì tôi phải làm thế.” “Tại sao anh phải làm thế?” “Kenny.” “Anh định giết ông ấy.” “Ồ đúng vậy. Tất cả chúng tôi luôn.” “Vậy là có kế hoạch trước.” “Không kế hoạch gì cả.” “Anh biết mình đang làm gì.” “Biết.” “Nhưng anh không lên kế hoạch.” “Không.” “Anh có nghĩ mình đã trở lại Việt Nam không?” “Chẳng có Việt Nam gì hết.” “Anh có hồi tưởng gì không?” “Chẳng có hồi tưởng gì hết.” “Anh đã nghĩ mình ở trong rừng đúng không?” “Chẳng có rừng rú gì hết.” “Anh đã nghĩ mình sẽ cảm thấy khá hơn đúng không?” “Chẳng có cảm thấy gì hết.” “Anh đã

ngĩ tới bọn trẻ phải không? Đây là hành vi trả thù phải không?” “Chẳng có trả thù gì hết.” “Anh chắc không?” “Chẳng có trả thù gì hết.” “Người đàn bà này, theo lời anh, đã giết con anh, anh có nói với tôi, ‘trò bú cu của ả đã giết chết các con tôi’ - không phải anh đang muốn trả đũa cô ấy, trả thù cho vụ đó sao?” “Chẳng có trả thù gì hết.” “Anh có thấy tuyệt vọng không?” “Không, chẳng tuyệt vọng gì.” “Anh cố giết hai người và cả chính mình nữa và anh không hề giận dữ?” “Không, không còn giận dữ nữa.” “Thưa anh, anh lên xe tải của mình, anh biết họ sẽ xuất hiện ở đâu, anh lái xe tông thẳng vào đèn xe của họ. Và anh lại đang bảo tôi rằng anh không hề có ý giết họ.” “Tôi không giết họ.” “Thế ai giết họ?” “Chính họ tự giết mình.”)

Chỉ lái xe thôi. Hẳn chỉ làm có thế. Lên kế hoạch và không lên kế hoạch. Biết và không biết. Đèn pha đằng kia đang phóng về phía hẳn, rồi chúng biến mất. Không đụng xe à? Phải, không đụng xe. Khi họ lao ra khỏi đường, hẳn chuyển làn xe và chạy tiếp. Hẳn cứ thế chạy xe tiếp. Sáng hôm sau, ở ga ra của thị trấn, trong khi cùng chờ với nhóm thợ để bắt đầu một ngày làm việc, hẳn nghe được tin đó. Mấy gã kia đã biết cả rồi.

Không có vụ đụng xe nào nên, mặc dù vẫn lảng máng biết, hẳn lại không nắm được chi tiết, và khi lái xe về đến nhà và ra khỏi chiếc xe tải, hẳn không chắc chuyện gì đã xảy ra. Quả là một ngày tuyệt vời đối với hẳn. Mười một tháng Mười một. Ngày cựu chiến binh. Sáng đó hẳn đi với Louie - sáng đó hẳn đi thăm Bức tường, chiều hôm đó hẳn từ chỗ Bức tường về nhà, đêm đó hẳn ra khỏi nhà để đi giết tất cả mọi người. Đúng không nhỉ? Không biết được, vì chẳng có vụ đụng xe nào, nhưng vẫn là một ngày tốt đẹp xét từ phương diện điều trị tâm lý. Nửa sau của ngày hôm đó có ích hơn nửa đầu. Lúc này hẳn đã đạt được sự thanh thản đích thực. Bây giờ Kenny có thể nói chuyện với hẳn. Sát cánh xả đạn với Kenny, cả hai đều đã chuyển sang chế độ tự động hoàn toàn, cứ thế bắn loạn cả lên, thì lúc đó Hector, đội trưởng, gào lên ra lệnh “Gom đồ đạc rồi biến khỏi đây thôi!” và đột nhiên

Kenny chết. Đột ngột làm sao. Trên ngọn đồi nào đó. Bị tấn công, rút lui - và Kenny chết. Không thể như thế được. Thăng bạn của hẳn, cũng thanh niên nông thôn, cùng có xuất thân từ chuyện quê nó ở Missouri, hai đứa định cùng nhau làm nông trại bò sữa, cái thằng hồi sáu tuổi phải chứng kiến cha nó chết rồi chín tuổi thấy mẹ chết, sau đó được nuôi nấng bởi ông bác mà nó hết sức yêu thương và luôn kể về ông ấy, một nông gia bò sữa thành công với một nông trại to tướng - 180 con bò cho sữa, mười hai cỗ máy vắt được mỗi bên sáu con một lượt trong phòng vắt sữa - và cái đầu Kenny bay mất và nó chết queo.

Lúc này có vẻ như Les đã nói chuyện được với bạn hẳn. Cho Kenny thấy rằng Kenny không bị lãng quên. Kenny muốn hẳn làm việc đó, và hẳn đã làm. Giờ hẳn biết rằng bất cứ điều gì hẳn làm - ngay cả khi hẳn không chắc đó là gì - đều là làm cho Kenny. Ngay cả nếu hẳn giết ai đó và vào tù, điều đó cũng không quan trọng - quan trọng sao được nữa, vì hẳn đã chết. Đó chẳng qua là điều cuối cùng hẳn làm cho Kenny. Đã xin phép Kenny. Biết rằng bây giờ mọi chuyện đều ổn với Kenny.

(“Tao đến Bức tường và tên của nó ở đó và chỉ có im lặng. Tao cứ đợi, đợi, đợi mãi. Tao nhìn nó, nó nhìn tao. Tao không nghe thấy gì cả, không cảm thấy gì cả, và đó là lúc tao biết Kenny không ổn gì ráo. Rằng còn việc phải làm. Không biết đó là việc gì. Nhưng sẽ không có chuyện nó bỏ mặc tao thế này. Bởi thế nên chẳng có thông điệp nào cho tao. Vì tao còn việc phải làm cho Kenny. Bây giờ à? Bây giờ thì Kenny ổn rồi. Giờ nó có thể an nghỉ.” “Và anh vẫn chết sao?” “Mày bị ngu hả? Ồ, tao không nói chuyện với mày được, đồ ngu độn! Tao làm thế bởi vì tao *chết* rồi!”)

Sáng hôm sau, ở ga ra, chưa gì hẳn đã nghe thấy chuyện cô ta cùng lão Do Thái gặp tai nạn xe hơi. Mọi người đoán rằng cô ta đang bú cu lão và lão lên cơn phê và thế là xe họ phóng chệch khỏi mặt đường và xuyên qua rào chắn và văng qua bờ đê dọc xa lộ và cắm đầu xuống một khúc sông cạn. Lão Do Thái lạc tay lái.

Không, hẳn không liên hệ tin này với chuyện xảy ra trong đêm trước đó. Lúc đó hẳn chỉ ra ngoài lái xe thôi, trong một tâm trạng khác hoàn toàn.

Hắn nói, “Sao? Chuyện gì vậy? Ai giết cô ta?”

“Lão Do Thái. Bay khỏi mặt đường.”

“Chắc lúc đó cô ta đang cúi xuống bú lão.”

“Ấy là người ta nói vậy.”

Chỉ thế thôi. Cũng không cảm thấy gì về chuyện đó luôn, vẫn chẳng cảm thấy gì. Ngoài nỗi đau khổ của hắn. Tại sao hắn chịu bao nhiêu là đau khổ vì những gì xảy đến với hắn trong khi cô ta có thể tiếp tục thối kèn cho mấy lão già Do Thái? Hẳn là người phải chịu đau khổ, còn cô ta thì chỉ cứ thế đứng dậy và bỏ đi như không có gì xảy ra.

Dù sao, khi hắn nhăm nháp cà phê buổi sáng ở ga ra thị trấn, với hắn mọi chuyện có vẻ là như vậy.

Khi mọi người đứng dậy để ra xe, Les nói, “Chắc sẽ không còn nhạc vọng ra từ cái nhà đó mỗi tối thứ Bảy nữa.”

Mặc dù, như đôi khi vẫn xảy ra, chẳng ai biết hắn đang nói tới chuyện gì, nhưng họ vẫn cười, và một ngày làm việc bắt đầu.

Nếu cô ghi địa chỉ của mình ở Tây Massachusetts, các đồng nghiệp đặt báo *New York Review of Books* có thể truy ra cô qua mẫu rao vặt, nhất là khi cô còn mô tả ngoại hình của mình và liệt kê các bằng cấp. Tuy nhiên nếu không nêu rõ nơi cư trú, có thể cô sẽ chẳng nhận được dù chỉ một lời hồi đáp của bất kỳ ai trong bán kính một, hai, thậm chí ba trăm dặm. Và vì trong mọi mẫu rao vặt cô đọc được trên tờ *New York Review*, độ tuổi của các phụ nữ khác đều hơn cô từ mười lăm đến ba mươi tuổi, nên làm sao cô có thể khai tuổi thật của mình - cũng là để khắc họa bản thân một cách chính xác - mà không gợi lên mối hồ nghi rằng có điều gì đó quan trọng đang bị cô giấu giếm, một điều gì đó bất lợi cho cô, một phụ nữ tự nhận mình trẻ như vậy, hấp dẫn như

vậy, hoàn hảo như vậy, lại thấy cần thiết phải kiếm một bạn trai qua rao vặt tìm bạn sao? Nếu cô mô tả bản thân bằng từ “nồng nhiệt”, thì nó rất có thể sẽ bị những kẻ đầu óc đen tối diễn dịch ngay thành một lời mời mọc có chủ ý, mang hàm ý “buông thả” hoặc tệ hơn, và thư từ có thể tuôn vào hòm thư của cô ở *NYRB* từ những gã đàn ông mà cô không hề muốn dính líu chút nào. Nhưng nếu cô ra vẻ là một nữ học giả xem tình dục dứt khoát chỉ là thứ yếu so với sự nghiệp mưu cầu tri thức, học thuật và hàn lâm, cô chắc sẽ chỉ mời gọi được hồi đáp từ những kẻ gia giáo quá đỗi so với cô - một người có thể rất cuồng nhiệt khi được ở với một bạn tình mà cô tin tưởng. Nếu giới thiệu mình là người “xinh xắn”, cô sẽ tự xếp mình vào một cái nhóm phụ nữ gồm đủ các kiểu, hết sức mơ hồ, thế nhưng nếu cô mô tả mình, một cách thẳng thừng, là “đẹp”, nếu cô dám thành thực đến mức nói ra cái tính từ chưa bao giờ là cường điệu thái quá đối với những tình nhân của cô - họ từng gọi cô là *éblouissante* (như trong “*Éblouissante! Tu as un visage de chat*”^{*}); lộng lẫy, chói sáng - hoặc nếu, vì sự chính xác của một đoạn giới thiệu chỉ trên dưới ba mươi từ, cô nhắc đến nét hao hao được các bậc huynh trưởng nhận ra giữa cô với Leslie Caron^{*}, người mà cha cô luôn thích đề cao quá mức, thì bất kỳ ai không mặc chứng vĩ cuồng cũng sẽ mất vía đến độ không dám tiếp cận cô hoặc sẽ không chịu nghiêm túc xem cô như một người trí thức. Nếu cô viết, “Hoan nghênh ảnh đi kèm”, hoặc đơn giản là, “Vui lòng đính kèm ảnh”, thì thiên hạ có thể hiểu lầm là cô có ý đánh giá ngoại hình cao hơn trí tuệ, sự uyên bác và tinh tế; hơn nữa, bất cứ bức ảnh nào cô nhận được đều có thể đã bị chỉnh sửa, hoặc được chụp từ nhiều năm trước, hoặc hoàn toàn giả mạo. Việc hỏi xin ảnh thậm chí có thể làm nản lòng chính những mẫu đàn ông mà cô hy vọng thu hút được sự quan tâm, khiến họ thấy ngại phải hồi đáp. Thế nhưng nếu không yêu cầu ảnh, có thể rất cuộc cô sẽ phải vượt bao đường xá xa xôi tới Boston, New York, hay xa hơn nữa, để đi ăn tối với một ai đó hoàn toàn không thích hợp và thậm chí đáng tởm. Và đáng tởm không nhất thiết chỉ vì vẻ bề ngoài. Nếu hẳn ta là kẻ dối trá thì sao? Nếu hẳn là kẻ bịp bợm thì sao?

Nếu hẳn là kẻ rối loạn nhân cách thì sao? Nếu hẳn mắc bệnh AIDS thì sao? Nếu hẳn là kẻ bạo lực, đòi bại, đã có vợ, hoặc đang phải sống dựa vào bảo hiểm y tế thì sao? Nếu hẳn là kẻ lập dị, một kẻ mà cô đừng mơ đến chuyện thoát khỏi, thì sao? Lỡ cô cho một kẻ ưa rình mò biết tên họ và nơi làm việc của mình thì sao? Rồi, trong lần gặp mặt đầu tiên, làm sao cô *giữ kín* được tên mình? Trong công cuộc tìm kiếm một mối tình say đắm và nghiêm túc và sẽ tiến tới hôn nhân và gia đình, làm sao một người lương thiện, cởi mở lại có thể bắt đầu bằng việc nói dối về một thứ cốt yếu như tên của chính mình được? Lại còn chuyện chủng tộc nữa? Không phải là cô sẽ phải thêm vào cái câu lừa tình thân thiện “Chúng tộc không quan trọng” à? Nhưng chuyện này không phải là không quan trọng; nó không nên quan trọng đến thế, nó không được phép quan trọng đến thế, và nó hẳn đã không quan trọng gì nếu không phải do một thất bại hồi ở Paris lúc mười bảy tuổi đã khiến cô tin rằng một gã đàn ông khác chủng tộc thì không thể làm bạn tình được - vì đó sẽ là một bạn tình mà cô không thể hiểu thấu.

Khi đó cô còn trẻ và thích phiêu lưu, cô không *muốn* phải thận trọng, còn anh ta đến từ một gia đình tử tế ở Brazzaville, con trai của thẩm phán tòa án tối cao - đây là anh ta nói thế - đến Paris theo chương trình trao đổi sinh viên một năm ở trường Nanterre. Tên anh ta là Dominique, và cô nghĩ về anh ta như một người bạn chia sẻ mỗi tình tình thần với văn chương. Cô gặp anh ta tại một trong những buổi thuyết trình của Milan Kundera. Anh ta làm quen với cô ở đó, và ra ngoài họ vẫn đắm mình trong những nhận xét của Kundera về *Madame Bovary*, cả hai đều bị nhiễm cái thứ mà Delphine hào hứng gọi là “bệnh Kundera”. Với họ Kundera chính đáng vì ông là một nhà văn Czech bị ngược đãi, vì ông là một con người thất thế trong cuộc đấu tranh vĩ đại vì tự do của Tiệp Khắc. Cái khôi hài ở Kundera không có vẻ gì là phù phiếm, tuyệt đối không. Họ yêu cuốn *Sách cười và lãng quên*. Có điều gì đó thật đáng tin cậy ở ông. Về Đông Âu của

ông. Bản tính luôn trăn trở của người trí thức. Cái việc mọi thứ đều có vẻ khó khăn với ông. Cả hai đều bị khuất phục bởi sự giản dị của Kundera, thứ hoàn toàn trái ngược với thái độ ngôi sao, và cả hai đều tin vào đạo đức của ông trong suy tư và trong đau khổ. Toàn bộ nỗi phiền não trí thức ấy - và rồi lại còn tương mạo của ông ấy nữa. Delphine bị cuốn hút bởi cái nét đẩu sĩ rất thơ ở nhà văn này, với cô đó là biểu hiện ra bên ngoài của mọi xung đột bên trong.

Sau lần tán tỉnh trong giờ dạy của Kundera, tất cả trở thành một câu chuyện thể xác với Dominique, và cô chưa từng trải qua thứ gì như vậy trước đây. Hoàn toàn chỉ là thân xác của cô, không hơn. Cô đã chìm đắm vào bài giảng của Kundera đến mức cô đã làm lẫn mỗi gắn kết ấy với mỗi gắn kết giữa cô và Dominique, và tất cả xảy ra rất nhanh. Không có gì khác ngoại trừ thân xác của cô. Dominique không hiểu rằng cô không chỉ ham muốn tình dục. Cô muốn là một thứ gì khác hơn là một miếng thịt trên cây xiên nướng, được trở qua trở lại và phết mỡ. Đó chính là những gì anh ta làm - thậm chí anh ta còn nói toẹt ra: trở cô qua lại và phết mỡ cô. Anh ta chẳng quan tâm đến chuyện gì khác, nhất là văn chương lại càng không. Thả lỏng người ra và ngậm mồm lại - đó là thái độ của anh ta với cô, và ít nhiều cô đã bị kẹt trong câu chuyện đó, và rồi xảy ra cái đêm kinh khủng khi cô đến phòng của anh ta và anh ta chờ cô ở đó cùng với gã bạn. Vấn đề không phải là bây giờ cô có thành kiến, mà là cô nhận ra rằng nếu là người thuộc cùng chủng tộc cô đã không nhầm lẫn đến thế. Đây là thất bại tồi tệ nhất của cô, và cô chẳng bao giờ quên được nó. Sự cứu chuộc đến cùng vị giáo sư, người đã cho cô chiếc nhẫn Roman của ông. Tình dục, phải, tình dục tuyệt diệu, nhưng là tình dục với siêu hình học. Tình dục với siêu hình học cùng một người đàn ông có sự nghiêm trang mà không tự phụ. Một ai đó giống Kundera. Kế hoạch là vậy.

Vấn đề mà cô phải đối diện khi ngồi lại một mình trước máy vi tính rất lâu sau khi trời tối, là người duy nhất còn lại trong tòa nhà Barton Hall, không thể rời văn phòng, không thể đối diện thêm một buổi tối

nữa trong căn hộ của mình nơi cô thậm chí chẳng có lấy một con mèo bầu bạn - vấn đề là làm thế nào để gửi gắm vào mẫu rao vặt của cô, dù được mã hóa tinh tế cỡ nào cũng không quan trọng, một câu gì đó đại ý, “Chỉ gặp gỡ người da trắng.” Nếu ở Athena người ta khám phá ra rằng cô là người đã đưa ra một phép loại trừ như thế - không được, việc đó là không thể được với một người đã thăng tiến mau lẹ đến thế trong hệ thống hàn lâm ở Athena. Thế nhưng cô chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc yêu cầu gửi hình chụp, cho dù cô biết - nhờ những cố gắng hết sức mình để cân nhắc mọi thứ, để không ngờ nghếch về bất cứ chuyện gì, để đánh giá cách hành xử của bọn đàn ông dựa vào quãng đời ngắn ngủi làm người phụ nữ độc thân - rằng không gì có thể khiến một kẻ bạo dâm hay biến thái không gửi một bức ảnh được chỉnh sửa nhằm đánh lừa cô *đặc biệt* là về mặt chủng tộc.

Không được, thật là quá sức rủi ro - mà như thế cũng chẳng xứng với chân giá trị của cô - khi cho đăng một mẫu rao vặt để giúp cô gặp được một người đàn ông đạt đến cái tầm vóc mà cô chưa tìm ra được trong đám giảng viên ở một nơi quá đổi tình lẻ như Athena. Cô không thể làm chuyện ấy và không nên làm chuyện ấy, thế nhưng trong suốt thời gian cô nghĩ đến những điều bất trắc, những hiểm nguy sờ sờ, của việc quảng cáo với người lạ về bản thân mình như một phụ nữ đang tìm một bạn đời thích hợp, trong suốt thời gian cô nghĩ đến những lý do tại sao, với tư cách chủ nhiệm khoa Ngôn ngữ và Văn chương, thật là thiếu khôn ngoan khi mạo hiểm bộc lộ bản thân mình trước đồng nghiệp như một con người khác với cái vai một giáo sư và học giả nghiêm túc - phơi bày bản thân như một con người với những nhu cầu và khao khát, dù hoàn toàn mang tính người, nhưng rất có thể sẽ bị cố tình hiểu sai đi để tầm thường hóa cô - cô lại đang làm chính cái việc ấy: sau khi vừa gửi thư điện tử cho mọi thành viên trong khoa trình bày những suy nghĩ mới nhất của cô về chủ đề của các luận án tốt nghiệp, cô đang khổ công soạn một mẫu rao vặt tuân theo công thức ngôn ngữ đơn điệu của mục rao trên tờ *New York Review* nhưng vẫn

phải trình bày được một đánh giá trung thực về tầm vóc của cô. Vất vả với nó đến hơn một tiếng và cô vẫn chưa quyết định chọn ra được mẫu rao nào đỡ bề mặt hơn để gửi qua thư điện tử cho tờ báo, dù là gửi ẩn danh.

Tây Massachusetts, giáo sư gốc Paris, xinh xắn, nồng nhiệt, 29 tuổi, thoải mái trong việc dạy Molière như là

Một người có đầu óc ở vùng Berkshire, xinh đẹp, thông minh, làm món medallions de veau cũng giỏi chẳng kém làm chủ nhiệm một phân khoa xã hội, tìm một

Học giả nữ da trắng độc thân nghiêm túc cần tìm

Giáo sư TS Yale gốc Paris, nữ da trắng độc thân. Tóc nâu, xinh xắn, có học, yêu văn chương, hiểu thời trang, cần tìm

Học giả nghiêm túc, hấp dẫn, cần tìm

TS nữ da trắng độc thân, người Pháp, ở Massachusetts, cần tìm

Tìm cái gì? *Bất cứ thứ gì*, bất cứ thứ gì ngoài những gã đàn ông Athena - những gã ưa châm chọc, những bà già ủy mị, những tay đội gia đình lên đầu, rụt rè, nhạt nhẽo, những phụ huynh chuyên nghiệp, cả lũ bọn họ đều quá nghiêm chỉnh, quá mức gà trống thiếu sót. Cô phát ốm với cái kiểu bọn họ tự hào là đã cáng đáng được một nửa công việc nhà. Thật không mê nổi. “Vâng, tôi phải đi đây, tôi phải đỡ đàn vợ tôi. Tôi thay tã cho con nhiều chẳng kém gì cô ấy, cô biết đó.” Cô ngao ngán khi họ khoe khoang về sự hữu ích của họ. Ờ, rồi, cứ làm đi, nhưng đừng có tổng tặc khoe khoang những chuyện đó. Tại sao lại tự bêu với thiên hạ rằng mình là gã chồng sẵn lòng chia đôi việc nhà với vợ? Ngậm mồm vào mà làm. Về mối ác cảm này cô hoàn toàn

khác với các nữ đồng nghiệp còn lại, những người đánh giá cao kiểu đàn ông như thế do “sự thấu hiểu” ở họ. Đội vợ lên đầu tức là “thấu hiểu”? “Ồ, Sara Lee là một người thế-nọ-thế-kia cực kỳ xuất sắc. Cô ấy đã đăng được bốn bài nghiên cứu khoa học rười...” Ông Thấu Hiểu lúc nào cũng nhắc đến tiếng tăm của bà vợ. Ông Thấu Hiểu không thể nói về một show diễn tuyệt vời nào đó ở rạp Metropolitan mà thiếu đi câu chào đầu, “Sara Lee bảo rằng...” Hoặc họ vung vít ca ngợi vợ mình, hoặc họ câm như hến. Ông chồng nín lặng và càng lúc càng rầu rĩ, và cô chưa từng gặp chuyện này ở bất kỳ xứ sở nào khác. Nếu Sara Lee là một nhà nghiên cứu thất nghiệp trong khi ông ta đang vất vả bầu víu chỗ làm, ông ta sẽ thà mất việc còn hơn để cô vợ nghĩ rằng cô ta là kẻ yếu thế hơn trong hai người. Thậm chí có khi ông ta còn tự hào nếu tình thế đảo ngược, ông ta là kẻ phải ở nhà trong khi cô ta thì đi làm. Một phụ nữ Pháp, ngay cả một nhà nữ quyền Pháp, sẽ thấy một gã đàn ông như thế thật đáng tởm. Người phụ nữ Pháp thông minh, cô ta quyền rũ, cô ta *thực sự* độc lập, và nếu ông ta nói nhiều hơn cô ta, thế thì sao, vấn đề nằm ở đâu chứ? Toàn bộ sự tranh cãi nảy lửa này là về cái gì? Dứt khoát không phải là “Ồ, bạn thấy không, cô ấy bị thống trị bởi một gã chồng thèm khát quyền lực, lỗ mãng.” Không, càng làm phụ nữ lâu, thì người phụ nữ Pháp lại càng *muốn* người đàn ông tỏ rõ quyền lực của anh ta. Ôi, cô đã cầu nguyện xiết bao, khi đến Athena năm năm về trước, rằng cô sẽ gặp được người đàn ông tuyệt diệu nào đó biết tỏ rõ quyền lực của anh ta, và thay vào đó lớp giảng viên nam trẻ tuổi ở đây lại là những ông chồng nhu nhược kiểu chồng của Sara Lee, suốt ngày nội trợ nội triếc và tẻ ngắt, về mặt trí tuệ chẳng có gì gây hứng khởi, lại còn đội vợ lên đầu, được cô khoái chí xếp vào nhóm “Bim Sữa” trong những lá thư gửi bạn bè ở Paris.

Rồi tới phường “Mũ Nón”. Phường Mũ Nón này là đám “văn sĩ lưu trú”, những tay văn sĩ vờ vẫn đến khó tin của nước Mỹ*. Có lẽ, ở Athena bé tẹo, cô chưa được thấy thể loại rác rưởi nhất của đám đó,

nhưng hai gã ở đây thì cũng đủ tệ rồi. Họ chỉ thò mặt đến để dạy mỗi tuần một lần, họ có gia đình, họ tán tỉnh cô, và họ thật quá quắt không chịu được. Chừng nào chúng ta có thể ăn trưa với nhau, Delphine? Rất tiếc, cô nghĩ, nhưng tôi chả có ấn tượng gì hết. Điều cô thích ở Kundera lúc diễn thuyết là ở chỗ ông ấy luôn có vẻ gì đó hơi khó minh định, thậm chí đôi khi còn hơi xác xơ, một nhà văn lớn *malgré lui**. Ít nhất là cô cảm thấy thế và đó là điều cô thích ở ông ấy. Nhưng chắc chắn cô không thích, không thể *chịu được* cái thể loại ta-đây-văn-sĩ của những gã người Mỹ mà mỗi khi gã nhìn cô, cô biết thừa gã đang nghĩ, Với thứ tự tin kiểu Pháp và thời trang Pháp và giáo dục Pháp ưu tú của cô, thì cô quả là Pháp cực kỳ, nhưng cô dù sao vẫn là dân khoa bảng còn tôi là nhà văn - chúng ta không đồng đẳng.

Những gã văn sĩ lưu trú này, theo như cô ước đoán, bỏ một lượng thời gian khổng lồ chỉ để lo nghĩ xem mình nên đội cái gì. Phải, cả tay nhà thơ *lẫn* gã nhà văn đều có máu say mê mũ nón đến dị thường, và bởi thế cô xếp loại họ vào phường Mũ Nón trong những lá thư gửi bạn của mình. Một người thì luôn ăn mặc như Charles Lindbergh, với cái mũ phi công cổ lỗ sĩ, và cô không thể hiểu nổi mũ phi công thì có liên hệ gì với chuyện viết lách, nhất là với một gã văn sĩ lưu trú. Cô bình phẩm về chuyện này trong những lá thư tếu táo gửi cho bạn bè ở Paris. Người còn lại thuộc loại đội mũ-mềm, loại khiêm tốn - hạng người này, dĩ nhiên, rất ư *recherche** - gã bỏ ra đến tám tiếng trước gương chỉ để ăn diện một cách cầu thả. Phù phiếm, khó hiểu, đã trải qua một trăm tám mươi sáu lần kết hôn, và ảo tưởng về bản thân một cách khủng khiếp. Cô cảm thấy khinh thường hơn là ghét bỏ loại người này. Thế nhưng, chìm sâu trong nỗi thèm khát một chuyện tình lãng mạn ở vùng đồi núi Berkshire, đôi khi cô cảm thấy lưỡng lự trước hai gã Mũ Nón và tự hỏi cô có nên nghiêm túc xem họ như những ứng viên cho chuyện tình ái, ít nhất là thế. Không, cô không thể làm thế, nhất là sau những gì cô đã viết trong thư gửi đi Paris. Cô phải cự tuyệt họ dù cho

chỉ là vì họ cố nói chuyện với cô bằng ngôn ngữ của chính cô. Bởi vì một người trong bọn họ, gã trẻ hơn, gã ít ảo tưởng về bản thân mình hơn tí xiu, đã đọc Bataille, bởi vì gã biết vừa đủ về Bataille và đã đọc vừa đủ của Hegel, nên cô đã đi chơi với gã đôi lần, và đời này cô chưa bao giờ gặp một gã nào bị lột mất vẻ gợi tình mau lẹ như vậy khi đứng trước cô; bằng từng lời nói của mình - sử dụng ngôn ngữ của cô, thứ mà chính bản thân cô bây giờ cũng ít nhiều không chắc chắn về nó nữa - gã đã tự tống mình ra khỏi cuộc đời cô.

Trong khi những mẫu người đứng tuổi hơn, cái kiểu phớt tỉnh, không thời thượng, đám “Nhân Văn”... Chậc, bị bắt buộc phải đóng cái vai ấy là thế, trong các hội thảo và trên các nghiên cứu, phải viết và nói đúng như nghề nghiệp của cô yêu cầu, nhưng cái con người nhân văn lại chính là cái phần bên trong cô mà đôi khi cô cảm thấy mình đang phản bội nó, và chính vì thế cô bị họ thu hút: bởi vì họ là chính họ và vẫn luôn là như thế và bởi vì cô biết họ nghĩ cô là kẻ phản bội. Những giờ dạy của cô có đông sinh viên yêu thích, nhưng họ nghĩ về đám sinh viên đó với thái độ khinh khỉnh, rằng chúng theo đuổi một thứ một nhất thời. Những ông già đó, Những Nhà Nhân Văn, những tay nhân văn truyền thống kiểu cũ đã đọc mọi thứ, những giáo sư thuần thành (*cô nghĩ về họ như thế*), thỉnh thoảng khiến cô thấy mình nông cạn. Họ cười vào đám sinh viên ngưỡng mộ cô và họ coi thường học vấn của cô. Trong những buổi họp của khoa họ không ngại nói thẳng điều họ muốn nói, và tại sao lại không chứ; trong lớp học họ không ngại nói toạc điều họ cảm thấy, và một lần nữa, tại sao lại không chứ; và thế là, đứng trước họ cô vỡ vụn. Vì bản thân cô cũng không tin tưởng đến vậy đối với toàn bộ cái thứ tạm gọi là diễn ngôn mà cô tiếp nhận ở Paris và New Haven, ở bên trong, cô vỡ vụn. Chỉ có điều cô cần thứ ngôn ngữ đó để thành công. Một thân một mình ở Mỹ, cô cần đến quá nhiều thứ để có thể thành công! Thế nhưng tất cả những thứ cần có để thành công lại khiến cô ít nhiều phải thỏa hiệp, và

nó khiến cô cảm thấy bản thân càng ngày càng kém thực chất, và việc bi thảm hóa cảnh khốn khó của cô thành một “giao kèo kiểu Faust”* cũng chẳng cứu vãn được gì nhiều.

Lắm khi cô thậm chí còn thấy mình phản bội Milan Kundera, và do đó, một cách thâm lặng, mỗi khi ở một mình, cô sẽ hình dung ra ông trong óc và nói chuyện với ông và xin ông tha thứ. Ý đồ của Kundera trong các bài giảng là giải phóng trí tuệ ra khỏi cái lối rối rắm làm sang của người Pháp, là nói về tiểu thuyết như một thứ thuộc về riêng con người và *comédie humaine**; ý đồ của ông là giải phóng sinh viên khỏi những cái bẫy hấp dẫn của chủ nghĩa cấu trúc và chủ nghĩa hình thức và nổi ám ảnh với tính hiện đại, là tẩy sạch ở chúng thứ lý thuyết Pháp mà chúng đã bị nhồi nhét, và chỉ lắng nghe ông thôi cũng đã là một niềm khuây khỏa lớn lao, vì mặc cho những công trình được xuất bản của cô và tiếng tăm ngày càng tăng trong giới học thuật, cô vẫn luôn cảm thấy khó khăn khi nhìn văn chương thông qua lý thuyết văn chương. Giữa cái cô thích và cái cô cần phải ngưỡng mộ - giữa những gì cô cần phải nói về cái cô cần phải ngưỡng mộ với những gì cô nói với chính mình về những tác giả mà cô trân quý tồn tại một khoảng cách mênh mông đến độ cảm giác phản bội Kundera, tuy chưa phải là vấn đề nghiêm trọng nhất trong đời cô, đôi khi có thể trở thành nỗi xấu hổ do phản bội một người tình vắng mặt hết sức tử tế và chân thành.

Lạ một điều, người duy nhất mà dạo này cô thường gặp riêng lại là tay bảo thủ nhất trường, một ông già sáu mươi lăm tuổi đã ly dị, Arthur Sussman, nhà kinh tế học ở Đại học Boston, người đáng nhẽ đã là Bộ trưởng Tài chính trong nhiệm kỳ thứ nhì của Ford. Ông hơi mập, hơi thô cứng, luôn mặc com lê; ông ghét chính sách bình đẳng lao động^{*}, ông ghét Clinton, ông từ Boston đến đây mỗi tuần một lần, được trả cả một đồng tiền, và được xem là bậc khai quốc công thần, đã đưa Athena nhỏ bé lên bản đồ hàn lâm. Riêng cánh phụ nữ thì đoàn

chắc rằng cô đã ngủ với ông, chỉ vì ông từng có quyền lực. Họ thỉnh thoảng thấy hai người ăn trưa với nhau ở nhà ăn tự phục vụ. Ông vào nhà ăn và trông chán đến phát điên, cho đến khi trông thấy Delphine, và khi ông hỏi mình có thể ngồi chung không, cô nói, “Ông thật rộng rãi vì đã hạ cố có mặt ở trường chúng tôi hôm nay,” hoặc điều gì đó tương tự như vậy. Ở mức độ nào đó, ông thích cái cách cô chọc ghẹo ông. Trong bữa trưa, họ đã có với nhau thứ mà Delphine gọi là “một cuộc trò chuyện thực sự”. Ông bảo cô, thặng dư ngân sách lên đến ba mươi chín tỷ đô la, vậy mà chính phủ chẳng trả lại gì cho người đóng thuế. Người dân kiếm được số tiền đó và họ nên được tiêu nó, và họ đáng nhẽ không nên để bọn quan chức quyết định nên làm gì với số tiền của họ. Trong bữa trưa, ông giải thích cặn kẽ tại sao nên giao quỹ Bảo hiểm Xã hội cho các nhà phân tích đầu tư tư nhân. Mỗi người phải đầu tư vào tương lai của chính mình, ông bảo cô như thế. Tại sao người ta lại phải tin tưởng nhà nước chu cấp cho tương lai của người dân khi lâu nay quỹ Bảo hiểm Xã hội trả cho ta khoản lợi tức bằng X trong khi bất kỳ ai đầu tư vào thị trường chứng khoán trong cùng quãng thời gian đó thì bây giờ hẳn có thể kiếm được gấp đôi, nếu không muốn nói là nhiều hơn? Cốt lõi trong luận cứ của ông luôn là quyền cá nhân, tự do cá nhân, và điều ông không bao giờ hiểu, điều Delphine đã dám nói ra với vị bộ-trưởng-tài-chính-chưa-bao-giờ-tại-vị, là trong hầu hết trường hợp người dân không có đủ tiền để được quyền lựa chọn và không đủ học vấn để có được những ước đoán hiểu biết - người ta không có đủ am hiểu về thị trường. Mô hình của ông, như cô lý giải giùm ông, đặt ra dựa trên ý niệm cấp tiến về tự do cá nhân, mà trong cách nghĩ của ông, nó đã được giản lược thành chủ quyền cấp tiến trong thị trường. Khoản thặng dư ngân sách và quỹ Bảo hiểm Xã hội - đó là hai vấn đề đang khiến ông đau đầu, và họ dành toàn bộ thời gian nói về hai chuyện ấy. Có vẻ ông chủ yếu ghét Clinton vì đã đề xuất cái phiên bản Dân chủ của mọi thứ mà ông muốn. “Được cái là,” ông bảo với cô, “thằng người lùn Bob Reich đã vắng khỏi đó. Hẳn sẽ khiến Clinton tiêu cả mấy tỷ đô la để đào tạo lại

người dân cho những công việc mà họ không bao giờ giành được. Hẳn ra khỏi nội các là tốt rồi. Ít nhất người ta còn Bob Rubin ở đó, ít nhất người ta cũng có một tay trí óc lạnh mạnh biết đâu ra đấy. Ít nhất cha đó với Alan cũng giữ được các mức lãi suất ở đúng chỗ của chúng. Ít nhất cha đó với Alan cũng duy trì được đà phục hồi này...”

Thứ duy nhất cô thích ở ông là chuyện, bên cạnh những ý kiến thô lỗ của dân trong nghề về các vấn đề kinh tế, ông hóa ra cũng rất am tường về Engels và Marx. Ấn tượng hơn nữa là ông thuộc nằm lòng cuốn *Hệ tư tưởng Đức* của họ, một thứ cô từng thấy hết sức mê hoặc và rất yêu thích nó. Khi ông đưa cô đi ăn tối ở Great Barrington, mọi chuyện giữa họ trở nên vừa lãng mạn lại vừa trí tuệ hơn so với khi họ ăn trưa trong nhà ăn tự phục vụ. Trong bữa tối ông nói tiếng Pháp với cô. Một trong những người tình bị ông chinh phục nhiều năm trước là một phụ nữ Paris, và ông kể liên tu bất tận về người đàn bà này. Tuy nhiên, Delphine không cần câu khi ông kể về mối tình ở Paris hay về rất nhiều những mối quan hệ tình cảm trước và sau đó. Nhắc đến phụ nữ ông thường có cái kiểu khoe khoang, bằng một giọng điệu duyên dáng mà, sau một thời gian, cô thấy chẳng duyên dáng chút nào nữa. Cô không chịu nổi chuyện ông cứ nghĩ rằng cô bị ấn tượng với tất cả những chuyện yêu đương của ông, nhưng cô vẫn chấp nhận điều đó, chỉ hơi chán chán đôi chút, vì nếu không tính đến những lúc như thế thì cô lấy làm hoan hỉ khi được ăn tối với một người đàn ông lịch duyệt, thông minh, quyết đoán, thông thái và đọc nhiều. Trong bữa tối khi ông cầm tay cô, cô nói đôi câu để cho ông hiểu, dù rất tế nhị, rằng nếu ông nghĩ rằng ông sắp được ngủ với cô thì ông đúng là đang bị điên. Đôi khi trong bãi đậu xe, ông kéo cô lại bằng cách đặt tay lên hông cô và đẩy cô sát vào người mình. Ông nói, “Tôi không thể gặp gỡ cô hết lần này tới lần khác như thế này mà không có chút đam mê nào đó. Tôi không thể mời một phụ nữ đẹp như cô đi chơi, nói chuyện rồi nói chuyện và nói chuyện, và để rồi kết thúc ở đó.” “Ở Pháp chúng

tôi có một tục ngữ,” cô nói với ông, “rằng...” “Rằng gì?” ông hỏi, nghĩ rằng mình sắp biết thêm được một *bon mot** mới trong cuộc gạ gẫm này. Mỉm cười, cô nói, “Tôi không biết. Chắc sau này tôi sẽ nhớ ra,” và một cách nhẹ nhàng tách ra khỏi đôi tay mạnh mẽ đến ngạc nhiên của ông. Cô nhẹ nhàng với ông vì cách đó có tác dụng, cô nhẹ nhàng với ông vì cô hiểu ông nghĩ đây chỉ là vấn đề tuổi tác, trong khi thực ra, như cô giải thích với ông khi ông lái xe đưa cô về, lý do của cô không phải là một thứ tầm thường đến thế: nó là vì “trạng thái tâm lý”. “Là vì con người tôi,” cô nói với ông, và, ít ra thì câu nói đó đã đẩy ông dạt ra xa trong hai hoặc ba tháng, cho đến khi ông xuất hiện lần kế tiếp tại nhà ăn tự phục vụ, nhìn quanh xem cô có ở đó không. Đôi khi ông gọi điện cho cô lúc đã khuya hay sáng sớm. Từ trên chiếc giường ngủ ở Back Bay, ông muốn nói chuyện với cô về tình dục. Cô nói cô thích bàn về Marx hơn, và với nhà kinh tế học bảo thủ này, thế là đủ để đặt dấu chấm hết cho chủ đề tình dục. Thế nhưng đám phụ nữ không ưa cô cứ chắc chắn rằng vì ông có quyền thế nên cô đã ngủ với ông. Sẽ là không thể hiểu nổi với họ nếu biết, dù cho cô đơn và trống trải như thế, cô không hào hứng chút nào với việc mang cái danh là tình nhân của Arthur Sussman. Cô cũng nghe được rằng một trong đám phụ nữ ấy đã bảo cô là “quá *passé**”, học đời Simone de Beauvoir”. Ý của bà ta là thứ Beauvoir đã bán xối cho Sartre chính là sự khôn ngoan của mình - một phụ nữ rất thông minh nhưng cuối cùng lại là nô lệ của người đàn ông đó. Với những phụ nữ này, những người ngồi nhìn cô ăn trưa với Arthur Sussman và hiểu sai tất cả, mọi thứ đều là vấn đề, mọi thứ đều là lập trường ý thức hệ, mọi thứ đều là sự phản bội - mọi thứ đều là cuộc bán xối, Beauvoir bán xối, Delphine bán xối, vân vân, vân vân. Điều gì đó ở Delphine khiến bọn họ ghen tị đến tím mặt.

Lại một vấn đề nữa của cô. Cô không muốn xa lánh những phụ nữ ấy. Thế nhưng về mặt triết học cô vẫn tách biệt với họ không kém gì

cô tách biệt với đám đàn ông. Tuy rằng sẽ thật thiếu khôn ngoan nếu cô nói thẳng với họ, rằng đám phụ nữ này còn đậm tính nữ quyền hơn rất nhiều so với cô, nữ quyền hiểu theo nghĩa Mỹ. Thật thiếu khôn ngoan bởi vì họ luôn giữ thái độ khinh thị và ra cái vẻ biết rõ vị thế của cô, luôn hồ nghi những động cơ và mục đích của cô: cô hấp dẫn, trẻ trung, thanh mảnh, đúng một cách dễ dàng, cô đã thăng tiến cao và nhanh đến độ danh tiếng của cô bắt đầu lan ra bên ngoài trường đại học, và, giống như các bạn của cô ở Paris, cô không dùng và cũng không cần dùng đến tất cả những thứ khuôn sáo của họ (chính là những khuôn sáo đã khiến phường Bim Sữa trở nên nhu nhược một cách hăm hở đến vậy). Chỉ duy trong lá thư nặc danh gửi cho Coleman Silk cô mới dùng đến kiểu nói của họ, và điều đó không chỉ là ngẫu nhiên, vì cô đã quá là lo sợ, mà sau cùng, nó còn đầy chủ ý, nhằm che đậy danh tính của cô. Thực tình, cô cũng được giải phóng không kém gì các bà nữ quyền ở Athena kia, mà có khi còn hơn: cô đã rời đất nước của mình, gan góc rời nước Pháp, cô tận lực hoàn thành công việc, cô tận lực hoàn thành các công trình nghiên cứu, và cô muốn thành công; một thân một mình như cô, cô *phải* thành công. Cô hoàn toàn đơn độc, không được trợ giúp, không nhà cửa, mất quê hương - *dépaysée**. Sống ở một quốc gia tự do nhưng lại rất thường cảm thấy *dépaysée* một cách trơ trọi. Tham vọng à? Đúng là cô nhiều tham vọng hơn tất cả các bà nữ quyền độc lập và kiên trung kia cộng lại, nhưng bởi vì đàn ông cứ bị hút về phía cô, và trong đám đó có một người nổi bật như Arthur Sussman, và bởi vì, để thêm phần vui thú, cô mặc áo khoác Chanel kiểu Vintage với quần jean bó, hoặc là váy hai dây vào mùa hè, và bởi vì cô thích hàng len cashmere và đồ da, nên làm đám phụ nữ ấy cay cú. Cô đã quyết định không để tâm tới thứ quần áo phát khiếp *của họ*, thế thì họ có quyền gì mà cứ chõ vào cái mà họ coi là vô phương cứu chữa ở cô? Cô biết mọi điều họ nói trong lúc bực bội với cô. Họ nói điều mà những người đàn ông cô tôn trọng trong bực dọc vẫn nói - rằng cô thùng rỗng kêu to và không xứng đáng - và điều đó lại càng làm cô tổn thương. Họ bảo, “Cô ta đang lừa

phình sinh viên.” Họ bảo, “Sao mà sinh viên không nhìn ra được con mù này?” Họ bảo, “Bộ tụi nó không nhận ra cô ta là một mù sô-vanh Pháp sau tấm váy sao?” Họ nói rằng cô lên làm trưởng khoa chỉ vì *faute de mieux**. Và họ cười cợt ngôn ngữ của cô. “Ồ, dĩ nhiên, chính nhờ sức hấp dẫn liên văn bản mà có người hâm mộ cô ta. Là nhờ mối quan hệ của cô ta với hiện tượng luận. Cô ta *đúng* là một tay hiện tượng luận ha-ha-ha!” Cô biết họ nói gì để chế giễu cô, thế nhưng cô nhớ lại thời ở Pháp và ở Yale, thứ ngôn ngữ này là *lẽ sống* của cô; cô tin rằng để trở thành một nhà phê bình văn học giỏi thì cô phải nắm vững thứ ngôn ngữ này. Cô *cần* biết về tính liên văn bản. Điều đó có nghĩa cô là đồ dờm chẳng? Không! Nó có nghĩa người ta không thể phân loại cô được. Trong một số cộng đồng, người ta có thể xem điều đó là nét bí ẩn nơi cô! Nhưng chỉ cần có một tí ti nhỏ nhất cái không thể phân loại ở một xó xinh thối tha như chỗ này thôi, thế là thiên hạ nhặng cả lên. Cái sự không phân loại được của cô thậm chí còn làm cả Arthur Sussman phát cáu. Thế chớ nào mà đến cả trò kích dục qua điện thoại cô cũng không làm được? Cứ làm cái kẻ không phân loại được ở đây đi, cứ là thứ gì họ không chịu nổi đi, và họ sẽ hành hạ ta vì điều đó. Việc làm kẻ không phân loại được chính là một phần trong pho *bildungsroman* của cô, làm kẻ không thể phân loại đã luôn là cái tạo bàn đạp cho cô, đó là điều chẳng ai ở Athena hiểu được.

Bè lũ ba người phụ nữ đó - một giáo sư triết, một giáo sư xã hội học, và một giáo sư lịch sử - họ đặc biệt khiến cô phát điên. Thù ghét cô chỉ vì cô không phải kiểu nai lưng ra làm việc giống như họ. Bởi vì cô ăn diện đúng mốt, nên họ cảm thấy cô chưa đọc đủ các tạp chí học thuật. Bởi vì những ý niệm kiểu Mỹ của họ về sự độc lập khác hẳn với những ý niệm về sự độc lập kiểu Pháp nơi cô, nên cô bị họ xem là loại xu phụ những con đực quyền lực. Nhưng thực ra cô đã làm gì để đến mức gây ra sự ngờ vực ở họ, có lẽ là ngoại trừ việc cắt đặt các ông trong phân khoa ngon lành như không? Phải, cô đã ăn tối ở Great

Barrington với Arthur Sussman. Bộ như thế có nghĩa cô không coi mình bình đẳng với ông ấy về trí tuệ sao? Trong đầu mình cô không bao giờ nghi ngờ chuyện cô bình đẳng với ông. Cô không hề thấy hãnh diện vì được đi chơi với ông - cô chỉ muốn nghe xem ông nói gì về *Hệ tư tưởng Đức*. Và chẳng phải cô là người trước tiên tìm cách mời ba người *bọn họ* ăn trưa hay sao, sao họ có thể cứ mãi tỏ ra trên cơ như thế? Dĩ nhiên, họ chẳng buồn đọc công trình nghiên cứu của cô. Không ai trong bọn họ đọc bất cứ thứ gì cô đã viết. Chung quy chỉ là vấn đề nhận thức. Họ chỉ thấy Delphine sử dụng cái mà cô hiểu họ vẫn mĩa mai gọi là “phong thái Pháp bé xinh” lên những nam giảng viên trong biên chế. Tuy nhiên cô lại rất muốn tranh thủ được tình cảm của bè nhóm này, để có thể thẳng thắn nói với họ rằng cô không *thích* cái phong thái Pháp - nếu thích, cô đã sống ở Pháp chứ chẳng phải đến đây! Và cô không sở hữu các nam giáo sư biên chế - cô không sở hữu ai hết. Không thì tại sao cô lại có mặt một mình, người duy nhất tại bàn giấy trong văn phòng ở Barton Hall lúc mười giờ tối? Hiếm có tuần nào trôi qua mà cô không cố gắng rồi thất bại với bè lũ ba mụ đang khiến cô phát điên, khiến cô rối trí, mà cô không thể hấp dẫn, thu phục, hay tiếp cận bằng bất cứ cách nào. Cô gọi họ là “*Les Trois Graces*”* trong những lá thư gửi về Paris, cay nghiệt viết “graces” thành “grasses”*. Ba Con Heo Nái. Ở một số buổi liên hoan - những buổi tiệc tùng mà Delphine thực sự không muốn tới - *Les Trois Grasses* luôn luôn có mặt. Khi một trí thức nữ quyền tên tuổi nào đó xuất hiện, Delphine muốn ít nhất mình cũng được mời, nhưng chẳng bao giờ có cô. Cô có thể đến buổi diễn thuyết nhưng cô không bao giờ được mời dự bữa tối. Nhưng bộ ba quý sứ năm quyền quyết định kia, họ luôn có mặt ở đó.

Trong cuộc khởi nghĩa bất toàn chống lại chất Pháp của cô (cũng như việc bị ám ảnh vì chất Pháp ấy), tự nguyện rời khỏi đất nước của mình (nếu không nói là rời khỏi chính con người mình), bị vây bủa bởi

sự phản đối của *Les Trois Grasses* đến độ cứ phải tính toán mãi xem phải phản ứng thế nào mới có thể giành được sự quý mến của họ mà không làm rối thêm ý thức của cô về bản thân và không thể hiện lệch lạc hoàn toàn những khuynh hướng của người phụ nữ mà, một cách tự nhiên, trước đây cô từng là, đôi khi thấy chao đảo đến mức xấu hổ vì khoảng cách giữa cách cô phải ứng xử với văn chương để thành công trong chuyên môn và lý do đầu tiên khiến cô đến với văn chương, Delphine, quá đỗi ngạc nhiên, thấy rằng mình hầu như bị cô lập ở Mỹ. Mất quê hương, bị cô lập, bị ghẻ lạnh, bối rối về tất cả những gì thiết yếu đối với một cuộc đời, bị nổi trông mong rồi bời lả làm cho tuyệt vọng và bị vây bủa tứ bề bởi những thế lực hằn học xem cô như kẻ thù. Và tất cả chỉ là vì cô đã quá háng hái muốn tự mình xác lập mình. Tất cả chỉ vì cô đã can đảm và từ chối không chịu chấp nhận cái hình ảnh người ta ấn định cho mình. Trong mắt bản thân, cô đã lật đổ chính mình trong một nỗ lực rất đáng ngưỡng mộ nhằm *tạo ra* chính mình. Cuộc sống thật xấu xa khi nó đẩy chuyện này đến với cô. Từ tận sâu thẳm, đầy xấu xa và hằn thù, định đoạt một số phận không phải bằng những quy luật logic mà bằng một phút rồ dại thù nghịch. Dám dành hết tâm sức cho nhiệt huyết của bản thân ư, ta có thể rơi vào tay một kẻ tội phạm chai đá. Tôi sẽ sang Mỹ và sẽ tự viết nên cuộc đời mình, cô nói; tôi sẽ kiến tạo bản thân bên ngoài cái chính thống của những chuẩn mực gia đình, tôi sẽ chiến đấu *chống lại* những chuẩn mực, cái tôi chủ quan sôi nổi sẽ được đẩy tới giới hạn, đỉnh điểm của chủ nghĩa cá nhân - nhưng thay vì thế rốt cuộc cô lại rơi vào một tấn kịch ngoài tầm kiểm soát của mình. Rốt cuộc cô chẳng là tác giả của cái gì cả. Ta khao khát muốn làm chủ mọi thứ, và cái ta làm chủ là chính mình.

Tại sao việc hiểu ra mình cần làm gì lại bất khả đến thế?

Delphine sẽ thành ra là bị cô lập hoàn toàn nếu không có thư ký hành chánh Margo Luzzi, một phụ nữ lặng lẽ ngoài ba mươi đã ly dị, cũng cô đơn như cô, thạo việc một cách đáng ngạc nhiên, hết sức rụt rè, sẵn lòng làm mọi việc cho Delphine và đôi khi ăn trưa ngay trong

văn phòng của Delphine và sau cùng là người phụ nữ duy nhất ở Athena làm bạn với trưởng khoa. Rồi đến hai gã văn sĩ lưu trú. Họ có vẻ thích chính những điều mà người khác ghét ở cô. Nhưng cô không chịu được họ. Sao cô lại kẹt ở *giữa* như thế này? Và làm sao thoát ra đây? Bởi bi thảm hóa những thỏa hiệp của cô thành một “giao kèo kiểu Faust” cũng chẳng đem lại chút khuây khỏa nào, nên cũng chẳng ích gì cho cô khi cố coi cái cảnh kẹt-ở-giữa này của cô như một “cuộc lưu đày tinh thần kiểu Kundera”.

Cần tìm. Được thôi, *cần tìm*. Cứ làm như bọn sinh viên nói - Cố lên! Trẻ trung, xinh xắn, nữ tính, hấp dẫn, nữ trí thức gốc Pháp da trắng độc thân thành công trong học thuật, xuất thân từ Paris, tiến sĩ Yale, sống ở Mass, cần tìm...? Bây giờ thì nói toạc ra thôi. Đừng chạy trốn sự thật mình là ai và đừng chạy trốn sự thật mình tìm kiếm cái gì. Một phụ nữ giỏi giang, thông minh, dễ cực khoái, cần tìm... cần tìm... cần tìm, một cách cụ thể và không thỏa hiệp, *cái gì* đây?

Cô viết một mạch.

Đàn ông trưởng thành có bản lĩnh. Không ràng buộc. Độc lập. Dí dỏm. Sinh động. Dám đương đầu. Thẳng thắn. Học rộng. Có óc châm biếm. Hấp dẫn. Biết và yêu thích những tác phẩm văn chương lớn. Nói năng lịch sự và thẳng thắn. Thân hình gọn gàng. Thước tám hay thước chín. Da rám nắng. Mắt xanh lá thì tốt. Tuổi tác không quan trọng. Nhưng phải là trí thức. Chấp nhận tóc bạc, thậm chí khuyến khích...

Và lúc đó, và chỉ đến lúc đó, thì cái người đàn ông tưởng tượng đang được triệu tập, bằng tất cả sự tha thiết, trên màn hình mới ngưng tụ lại thành chân dung của một người cô đã biết. Đột nhiên cô ngừng viết. Bài tập này được thực hiện chỉ như một thử nghiệm, cố nói lỏng chút đỉnh giọng kèm của sự căng thẳng, trước khi quay lại viết một mẩu rao vặt không quá đỗi mờ nhạt vì thận trọng. Tuy vậy, cô ngạc nhiên trước những gì nảy ra trong đầu cô, trước *cái người* vừa nảy ra trong đầu cô, và trong cơn quẫn chí cô chẳng muốn gì hơn ngoài việc

xóa hết hơn tám chục chữ vô dụng kia càng nhanh càng tốt. Và bên cạnh đó là nghĩ đến các thể loại lý do, bao gồm nỗi xấu hổ, đã khiến cô chấp nhận thất bại như một phước lành và từ bỏ hy vọng giải quyết cái cảnh kẹt-ở-giữa bằng cách dẫn thân vào một ý đồ thỏa hiệp đến bất khả như vậy... Nghĩ rằng nếu ở lại Pháp cô hẳn sẽ không cần mẩu rao vặt này, không cần rao vặt tìm bất cứ thứ gì, nhất là lại tìm một người đàn ông... Nghĩ rằng việc đến Mỹ là điều dửng cảm nhất cô từng làm, nhưng dửng cảm đến mức nào thì lúc đó cô chẳng thể biết được. Cô chỉ làm việc đó như bước kế tiếp trong tham vọng của mình, và cũng không phải một tham vọng thô thiển, mà là một tham vọng đáng quý, tham vọng được độc lập, nhưng bây giờ chỉ còn mình cô với những hậu quả. Tham vọng. Phiêu lưu. Sự hào nhoáng. Sự hào nhoáng của việc sang Mỹ. Sự trên cơ. Sự trên cơ khi làm người ra đi. Ra đi vì cái khoái cảm của một ngày kia hồi hương sau khi đã viên mãn, của việc thắng lợi trở về. Ra đi vì tôi muốn một ngày nào đó trở về và nghe họ nói - tôi muốn họ nói gì nhỉ? “Nó đã làm được. Nó đã làm được việc đó. Và nếu nó làm được việc đó thì nó có thể làm được bất cứ thứ gì. Một cô gái nặng chỉ nặng chưa đến năm chục ký, cao chưa tới thước sáu, hai mươi tuổi đầu, một thân một mình, sang đó một mình với một cái tên chẳng có ý nghĩa gì với bất kỳ ai, và nó đã làm được. Tự lập thân. Không ai biết nó cả. Tự tạo dựng tên tuổi cho chính mình.” Và tôi muốn ai nói ra điều này? Và nếu họ nói thì có tạo ra khác biệt gì không? “Con gái chúng tôi ở Mỹ...” Tôi muốn họ nói, *phải* nói, “Nó thành đạt ở Mỹ bằng chính sức mình.” Bởi vì tôi không thể đạt được một thành công Pháp, một thành công thực sự, khi mẹ tôi và cái bóng của bà ấy phủ trên mọi thứ - cái bóng từ những thành tựu của bà ấy rồi, thậm chí còn tệ hơn, cái bóng của gia đình bên ngoài tôi, cái bóng của dòng họ Walincourt, được đặt tên theo vùng đất được vua Saint Louis ban cho họ vào thế kỷ mười ba và vẫn còn sống theo những lý tưởng gia đình như hồi chúng được *xác lập* vào thế kỷ mười ba. Sao mà Delphine ghét tất cả những gia đình ấy đến thế, giới quý tộc cổ xưa với dòng máu không bị lai tạp ở các tỉnh lẻ, tất cả bọn họ suy nghĩ y

hết nhau, trông tựa tựa nhau, có cùng những giá trị ngọt ngào và lòng thần phục Chúa ngọt ngào như nhau. Cho dù họ có tham vọng đến đâu, cho dù họ thúc đẩy con cái tới mức nào, họ đều ép chúng vào cùng cái khuôn dài mệt mỏi những khoan dung, vị tha, kỷ luật, đức tin, và tôn trọng - không phải tôn trọng tinh thần cá nhân (*đả đảo* tinh thần cá nhân!) mà là những truyền thống của gia đình. Quan trọng hơn trí thông minh, óc sáng tạo, sự phát triển sâu xa của cái tôi cá nhân tách ra khỏi họ, quan trọng hơn *mọi thứ*, là những truyền thống của dòng họ Walincourt ngu ngốc! Bà mẹ của Delphine là hiện thân của những giá trị ấy, là người áp đặt chúng cho gia đình mình, người hẳn sẽ trói chặt đứa con gái duy nhất vào những giá trị ấy từ lúc ra đời đến lúc chết, nếu con gái bà không có được cái dũng khí, bắt đầu từ tuổi thiếu niên, để chạy thoát khỏi bà càng xa càng tốt. Con cháu họ Walincourt thuộc thế hệ Delphine hoặc rơi vào loại tuyệt đối tuân lệnh hoặc nổi loạn ghê gớm đến độ không ai hiểu nổi, và thành công của Delphine thì không bị rơi vào một trong hai loại đó. Từ một hoàn cảnh xuất thân mà ít ai nghĩ đến chuyện gượng dậy nổi, Delphine đã thực hiện một cuộc đào thoát có một không hai. Bằng cách tới Mỹ, tới Yale, tới Athena, cô đã thực sự vượt qua được người mẹ không thể tự mình mơ tới việc rời khỏi nước Pháp - không có cha của Delphine và tiền bạc của ông ấy, Catherine de Walincourt ở tuổi hăm hai gần như sẽ chẳng dám mơ tới việc rời Picardy lên Paris. Bởi vì nếu rời Picardy và pháo đài của gia đình, bà sẽ là gì? *Tên* của bà sẽ có ý nghĩa gì? Tôi ra đi vì tôi muốn có được một thành tựu không ai được phép hiểu sai, một thành tựu không dính gì đến họ, một thành tựu thuộc về riêng tôi... Cô không thể kiếm được một gã đàn ông Mỹ không phải vì cô không kiếm được một gã đàn ông Mỹ, mà là vì cô không thể hiểu đàn ông ở đây và cô sẽ chẳng bao giờ hiểu được đàn ông ở đây, và lý do khiến cô không hiểu được những người đàn ông này là vì cô không thông thạo ngôn ngữ. Với tất cả niềm tự hào về sự thông thạo ngôn ngữ của mình, với toàn bộ sự *thông thạo* của mình, cô lại không hề thông thạo tí nào! Tôi nghĩ tôi hiểu họ, và tôi hiểu họ thật; điều tôi không hiểu không

phải những gì họ nói ra, mà là những thứ họ không nói ra, tất cả những thứ họ sẽ *không* nói ra. Ở đây cô chỉ sử dụng được năm mươi phần trăm trí thông minh, và ở Paris cô hiểu được mọi sắc thái nhỏ nhất trong lời nói. Làm kẻ thông minh ở đây thì có nghĩa lý gì khi mình thực tế chỉ là đứa ngốc bởi vì mình không xuất thân ở đây... Nghĩ đến việc thứ tiếng Anh duy nhất cô thực sự hiểu - không, thứ *tiếng Mỹ* duy nhất cô hiểu - là tiếng Mỹ hàn lâm, một thứ hầu như chẳng phải tiếng Mỹ, là lý do tại sao cô không thể *hòa nhập* được, sẽ không bao giờ hòa nhập được, lý do tại sao chẳng bao giờ có gã đàn ông nào xuất hiện, tại sao nơi này sẽ chẳng bao giờ là nhà của cô, tại sao những trực giác của cô lại sai và sẽ luôn luôn sai, tại sao đời sống trí thức nồng ấm hồi cô có được khi còn là sinh viên ở Paris sẽ chẳng bao giờ là của cô nữa, tại sao từ nay cho đến hết đời cô sẽ chỉ hiểu được mười một phần trăm về đất nước này và không phần trăm về đàn ông ở đây... Nghĩ đến việc toàn bộ ưu thế về trí tuệ của cô đã bị bóp nghẹn bởi cái cảnh *dépaysée* của cô... Nghĩ đến việc cô đã mất đi tầm nhìn ngoại vi của mình, rằng cô chỉ thấy những thứ ngay trước mắt mà không thấy được những thứ nằm ngoài tầm mắt, rằng những gì cô có ở đây không phải là tầm nhìn của một phụ nữ thông minh như cô, mà là một tầm nhìn phẳng bệt, hoàn toàn trực diện, tầm nhìn của một người nhập cư hoặc một người không ở đất nước của mình, một người ở *nhằm chỗ*... Nghĩ đến việc, tại sao tôi lại bỏ đi? Vì cái bóng của mẹ tôi? Đây là lý do khiến tôi từ bỏ mọi thứ vốn là của tôi, mọi thứ thân thuộc, mọi thứ đã biến tôi thành một con người tinh tế chứ không phải một đồng bất định như tôi hiện nay. Tôi đã từ bỏ mọi thứ mình yêu mến. Người ta làm điều đó khi họ không thể sống tại đất nước của mình được nữa bởi vì bọn phát xít đã nắm quyền chứ không phải vì cái bóng của mẹ họ... Nghĩ đến việc, tại sao tôi lại bỏ đi, tôi đã gây ra những gì, thật là một chuyện bất khả. Các bạn tôi, cuộc chuyện trò của chúng tôi, thành phố của tôi, những người đàn ông ở đó, tất cả những người đàn ông thông minh ở đó. Những người đàn ông tự tin mà tôi có thể cùng trò chuyện. Những người đàn ông trưởng thành có thể thấu hiểu. Những đàn ông

vững vàng, nồng nhiệt, đầy nam tính. Những đàn ông mạnh mẽ, không thể bị lung lay. Đàn ông ra đàn ông... Nghĩ đến việc, tại sao ai đó không *ngăn* tôi lại, tại sao không ai *nói* gì với tôi? Xa nhà chưa đầy mười năm mà cảm giác cứ như đó đã là hai cuộc đời tách biệt... Nghĩ đến việc cô vẫn là con gái bé bỏng của Catherine de Walincourt Roux, rằng cô đã không làm điều đó thay đổi một mảy may... Nghĩ đến việc làm một người Pháp ở Athena có thể khiến cô trở nên thứ hương xa có lạ đối với dân bản xứ, nhưng nó chẳng biến cô thành cái gì phi thường hơn mẹ cô và sẽ chẳng bao giờ làm được điều đó... Nghĩ đến việc, phải, đó là lý do tại sao cô bỏ đi, để trốn tránh cái bóng vĩnh viễn bao trùm của mẹ cô, và đó cũng là thứ chặn đường về của cô, và bây giờ cô chẳng ở đâu cả, kẹt ở giữa, chẳng ở đó cũng chẳng ở đây... Nghĩ đến việc bên dưới cái chất Pháp hương xa có lạ này, cô vẫn là cô như từ trước đến nay, rằng tất cả những gì mà cái chất Pháp hương xa có lạ ấy làm được ở Mỹ là biến cô thành một người ngoại quốc bị hiểu nhầm, hoàn toàn thảm hại... Nghĩ đến việc cô thậm chí còn trong tình trạng tồi tệ hơn việc kẹt ở giữa - rằng cô đang đi *lưu đày*, đang rơi vào, ngạc nhiên thay, một cuộc lưu đày khốn khổ tự mình gây ra khỏi mẹ cô - Delphine đã không nhận ra rằng trước đó, ngay từ lúc bắt đầu, thay vì ghi địa chỉ gửi mẫu rao vặt là tờ *New York Review of Books*, cô đã tự động để gửi nó cho đối tượng gửi thư trước đó, những người cô trao đổi nhiều nhất - mười thành viên của khoa Ngôn ngữ và Văn chương của Athena. Đầu tiên cô sơ ý không nhận ra sai sót đó và rồi, trong trạng thái rối loạn, phân tâm, căng thẳng, cô sơ ý không nhận ra rằng thay vì nhấn nút xóa, cô lại chồng thêm lên lỗi nhỏ xíu thường gặp này một lỗi nhỏ xíu thường gặp khác khi cô nhấn nút gửi đi. Và thế là một đi không thể vẫn hỏi cái mẫu rao vặt muốn tìm một bản sao của Coleman Silk, và không phải tới bộ phận được bảo mật của tờ *New York Review of Books*, mà là tới mọi thành viên trong khoa của cô.

Lúc điện thoại reo là đã hơn một giờ sáng. Cô đã tháo chạy khỏi văn phòng từ lâu - trốn khỏi văn phòng đầu chỉ nghĩ tới việc về lấy hộ chiếu và tháo chạy khỏi đất nước này - và khi đã quá giờ lên giường thường lệ của cô đến mấy tiếng thì điện thoại rung lên và cô nhận được tin dữ. Quá đỗi khổ sở vì việc mẫu rao vặt đã tình cờ biến thành thư điện tử gửi cho mọi người, cô vẫn còn thức và đi lang thang trong căn hộ của mình, vò đầu bứt tóc, khinh bỉ chính mình trong gương, gục đầu xuống bàn bếp úp tay vào mặt mà khóc, và, cứ như giật mình tỉnh giấc - từ giấc ngủ của một người trưởng thành cho đến trước ngày hôm nay vẫn được phòng thủ kỹ càng - nhảy bật lên mà la lớn, “Không có chuyện đó! Mình không làm chuyện đó!” Nhưng nếu không phải cô thì là ai? Trong quá khứ dường như lúc nào cũng có người cố hết sức để chà đạp cô, để gạt bỏ mọi phiền hà là cô, những con người nhẩn tâm mà cô đã học được qua kinh nghiệm máu xương cách bảo vệ mình chống lại họ. Nhưng đêm nay chẳng có ai để trách cứ: chính tay cô đã gieo mối họa tai hại.

Hoảng hốt, trong cơn quẫn trí, cô cố hình dung ra một cách nào đó, bất kỳ cách nào, để ngăn không cho điều tệ hại nhất xảy ra, nhưng trong trạng thái tuyệt vọng quá sức tưởng tượng, cô chỉ có thể mừng rỡ ra mỗi cái lộ trình thảm họa nhất, thứ tất yếu sẽ diễn ra: thời giờ trôi qua, rồi bình minh ló rạng, những cánh cửa của tòa nhà Barton Hall mở ra, đồng nghiệp trong khoa của cô lần lượt vào văn phòng của họ, khởi động máy tính, và đập vào mắt họ, thứ để nhắm nháp với món cà phê buổi sáng, chính là mẫu rao vặt cần tìm một bản sao của Coleman Silk mà cô không hề có ý định gửi nó đi. Được mọi thành viên trong khoa đọc một lần, hai lần, ba lần, và rồi nó sẽ được email khắp lượt cho mọi trợ giảng, giáo sư, quản trị viên, thư ký văn phòng, và sinh viên.

Tất cả sinh viên trong các lớp cô dạy sẽ đọc nó. Thư ký của cô sẽ đọc nó. Chỉ nội trong hôm nay, hiệu trưởng trường đại học sẽ đọc được nó, rồi tới các ủy viên quản trị nhà trường. Và cho dù cô có

tuyên bố mẫu rao vặt ấy chỉ là một trò đùa, một trò đùa nội bộ không hơn không kém, thì làm sao hội đồng quản trị lại cho phép một kẻ cợt nhả được tị vị ở Athena chứ? Nhất là khi chuyện đùa của cô được đăng trên tờ báo của sinh viên, việc chắc chắn sẽ xảy ra. Và trên cả tờ báo địa phương nữa. Sau khi nó đã được các tờ báo *Pháp* đăng lại.

Mẹ của cô! Nỗi ô nhục cho mẹ cô! Và cha cô! Nỗi thất vọng cho ông! Cả lũ anh em họ trung trinh của dòng họ Walincourt - nỗi khoái trá chúng tìm thấy trong thất bại của cô! Tất cả những chú bác bảo thủ đến lỗ bịch và những cô dì ngoan đạo đến lỗ bịch, những kẻ cùng nhau giữ nguyên vẹn cái chặt chội của quá khứ - chuyện này sẽ làm họ hài lòng biết bao khi ngồi bên nhau vênh váo trường giả trong nhà thờ! Nhưng giả sử cô giải thích rằng cô chỉ đang thể nghiệm rao vặt cá nhân như một loại hình văn chương, ngồi một mình trong văn phòng nghịch ngợm cho qua thời gian với mẫu rao vặt cá nhân như... như một bài haiku có giá trị thực tiễn. Chẳng ích gì. Quá khôi hài. Vô *phương* cứu vãn. Mẹ cô, cha cô, các anh em, bạn bè, thầy cô. Yale. *Yale!* Tin tức về vụ tai tiếng này sẽ tới tai tất cả người quen của cô, và nỗi xấu hổ sẽ theo cô vĩnh viễn không rời. Bây giờ cô còn biết mang hộ chiếu đi đâu được? Montreal? Martinique? Và kiếm sống cách nào? Không, ngay cả ở nơi xa xôi nhất của khối Pháp ngữ cô cũng sẽ không được phép dạy một khi người ta biết về mẫu rao vặt của cô. Cái cuộc sống chuyên môn thuần khiết, đầy uy tín mà cô đã khổ công lên kế hoạch, lao động cật lực đến thế vì nó, cái cuộc sống trí tuệ không bợn nhơ, không thể chê trách... Cô nghĩ đến chuyện gọi điện cho Arthur Sussman. Arthur sẽ tìm ra một lối thoát cho cô. Ông có thể nhắc điện thoại lên và nói chuyện ai đó. Ông mạnh mẽ, khôn ngoan, so ra với đời thì là người Mỹ thông minh nhất, sắc sảo nhất mà cô biết. Những người quyền thế như Arthur, dù chính trực tới đâu, cũng không bị khóa chặt trong nhu cầu phải luôn luôn nói ra sự thực. Ông sẽ nghĩ ra cách thích hợp để giải thích mọi chuyện. Ông sẽ nghĩ ra ngay những gì cần làm. Nhưng khi cô kể cho ông nghe chuyện đã xảy ra, tại sao ông

lại phải nghĩ cách giúp cô? Ông sẽ chỉ nghĩ rằng cô thích Coleman Silk hơn là thích ông. Sự ngạo mạn sẽ suy nghĩ tiếp giùm ông và dẫn ông đến kết luận ngu xuẩn nhất. Ông sẽ nghĩ điều mà *mọi người* sẽ nghĩ: rằng cô đang thèm muốn Coleman Silk, rằng cô không hề tư tưởng tới Arthur Sussman, nói chi tới phường Tã Lót hay Mũ Nón, mà là Coleman Silk. Tưởng tượng chuyện cô yêu Coleman Silk, ông sẽ dập ngay điện thoại xuống và không bao giờ nói chuyện với cô nữa.

Phải điếm lại các sự việc. Xem xét lại chuyện đã xảy ra. Cố gắng có một cái nhìn đủ rộng để đưa ra được hành động hợp lý. Cô không hề muốn gửi nó đi. Cô đã viết nó, đúng, nhưng cô ngại ngần với việc gửi nó đi và không muốn gửi nó đi và cô đã *không* gửi đi - thế nhưng nó vẫn *được gửi đi*. Cả lá thư nặc danh cũng vậy - cô đã không muốn gửi đi, đã mang nó tới New York mà không hề có ý định gửi đi, và nó đã được gửi đi. Nhưng thứ được gửi đi lần này thì tệ hơn rất, rất nhiều. Lần này cô tuyệt vọng đến độ lúc một giờ hai mươi khuya cô lại thấy hợp lý nhất là phải gọi điện cho Arthur Sussman bắt chấp việc ông nghĩ gì. Arthur phải giúp cô. Ông phải bảo cho cô biết cô nên làm gì để vãn hồi việc cô đã làm. Và rồi, vào đúng một giờ hai mươi, điện thoại cô đang cầm để bấm số cho Arthur Sussman đột nhiên rung chuông. Arthur đang gọi cô!

Nhưng đó lại là thư ký của cô. “Ông ấy chết rồi,” Margo nói, khóc nức nở tới nỗi Delphine không chắc mình vừa nghe thấy gì. “Margo - Chị ổn không?” “Ông ấy chết rồi!” “Ai chết?” “Tôi vừa mới nghe tin. Delphine. Thật kinh khủng. Tôi phải gọi cho cô, tôi phải gọi, tôi phải gọi cô. Tôi phải báo với cô một chuyện rất kinh khủng. Ôi, Delphine, trễ rồi, tôi biết là trễ rồi...” “Không! Không phải là Arthur chứ!” Delphine hét lên. “Là chủ tịch hội đồng giảng viên Silk!” Margo nói. “Chết rồi ư?” “Một tai nạn khủng khiếp. Quá sức kinh hoàng.” “Tai nạn gì? Margo, xảy ra chuyện gì vậy? Ở đâu? Nói chậm thôi. Bắt đầu lại nào. Chị đang nói chuyện gì mới được?” “Ở dưới sông. Với một phụ nữ. Trong xe của ông ấy. Một tai nạn xe hơi.” Đến lúc này Margo

không còn nói mạch lạc được nữa, trong khi Delphine thì sững sờ đến độ, sau này, cô không nhớ mình đã đặt ống nghe xuống hay khóc lóc chạy bổ vào giường hay nằm tại đó gào tên ông.

Cô đặt ống nghe xuống, và rồi cô trải qua những giờ khắc tồi tệ nhất đời mình.

Vì mẩu rao vặt họ sẽ nghĩ cô thích ông? Họ sẽ nghĩ cô yêu ông vì mẩu rao vặt? Nhưng họ sẽ nghĩ gì nếu họ thấy cô lúc này, phản ứng cứ như thể cô là một quả phụ? Cô không nhắm mắt lại được, bởi vì khi làm thế cô lại thấy đôi mắt của ông, đôi mắt xanh luôn nhìn chòng chọc của ông, nổ tung. Cô nhìn thấy chiếc xe bay khỏi mặt đường, và cái đầu ông lao về phía trước, và trong tích tắc xảy ra cú va chạm, đôi mắt ông nổ tung. “Không! Không!” Nhưng khi cô mở mắt để không phải thấy mắt ông nữa, cô chỉ thấy cái họa mình đã gây ra và những chế nhạo theo sau nó. Cô nhìn thấy cảnh ô nhục của mình khi mở mắt và thấy cảnh ông tan xác khi nhắm mắt, và suốt đêm quả lắc đau khổ cứ đưa cô từ cảnh này sang cảnh kia.

Cô thức dậy trong cùng cái trạng thái chấn động khi cô thiếp ngủ. Cô không thể nhớ tại sao mình run rẩy. Cô nghĩ mình run do một cơn ác mộng. Cơn ác mộng mà trong đó có đôi mắt nổ tung của ông. Nhưng không, nó đúng là đã xảy ra, ông đã chết. Và mẩu rao vặt - nó đã xảy ra. Mọi chuyện đã xảy ra, và chẳng thể làm gì được nữa. Mình đã muốn họ nói rằng... và bây giờ họ sẽ nói, “Con gái chúng tôi bên Mỹ hả? Chúng tôi không muốn nhắc đến nó. Với chúng tôi nó không còn tồn tại nữa.” Khi cô cố gắng bình tĩnh lại và tìm cách lập một kế hoạch, suy nghĩ là việc bất khả: chỉ có sự quẫn trí mới là khả thể, sự chờ đợi như một cái vực sâu hoắm chính là nỗi khiếp hoàng. Mới hơn năm giờ sáng. Cô nhắm mắt cố ngủ và xua mọi chuyện ra khỏi đầu, nhưng ngay lúc cô nhắm mắt, cô lại thấy mắt ông ở đó. Chúng nhìn cô chăm chăm rồi nổ tung.

Cô đang mặc đồ. Cô đang gào khóc. Cô đang bước ra khỏi cửa và trời chưa rạng. Không trang điểm. Không nữ trang. Chỉ có khuôn mặt

kinh hãi của cô. Coleman Silk đã chết.

Khi cô đến khu đại học, chưa có ai ở đó. Chỉ có lũ quạ. Còn sớm đến nỗi cờ cũng chưa được kéo lên. Mỗi sáng cô vẫn tìm hình bóng nó trên đỉnh tòa nhà North Hall, và mỗi sáng, khi nhìn thấy nó, cô lại cảm thấy một thoáng hài lòng. Cô đã rời quê nhà, cô đã dám làm thế - cô đang ở Mỹ! Lòng can đảm của chính cô và cái nhận thức rằng những gì cô đã làm là không hề dễ dàng đem lại cho cô sự bằng lòng. Nhưng lá cờ Mỹ không có ở đó, và cô cũng không nhận ra nó không có ở đó. Cô chẳng nhìn thấy gì ngoài cái việc cô phải làm.

Cô có chìa khóa vào tòa nhà Barton Hall và cô đi vào đó. Cô đến văn phòng của mình. Cô đã làm được đến mức đó. Cô đang gắng gượng. Giờ cô đang suy nghĩ. Tốt rồi. Nhưng làm sao cô vào được văn phòng của họ để đụng đến máy tính của họ đây? Lẽ ra đêm qua cô phải làm việc đó thay vì hoảng loạn bỏ chạy. Để lấy lại bình tĩnh, để cứu vãn tên tuổi, để chặn trước mối họa hủy hoại sự nghiệp, cô phải tiếp tục suy nghĩ. Suy nghĩ vẫn là công việc cả đời của cô. Cô có được rèn luyện làm gì khác nữa đâu kể từ khi bắt đầu đến trường? Cô rời văn phòng mình và đi dọc hành lang. Mục tiêu của cô giờ đã rõ, suy nghĩ của cô đã dứt khoát. Cô sẽ vào và xóa nó đi thôi. Cô có quyền xóa nó - cô đã gửi nó mà. Mà thậm chí cô cũng chẳng hề gửi nó. Cô không chú ý làm việc đó. Cô không phải chịu trách nhiệm trong chuyện này. Nó cứ thế mà gửi đi thôi. Nhưng khi cô thử vặn nắm đấm từng cánh cửa một, chúng đều bị khóa. Kể đó cô thử tra những chìa của mình vào các ổ khóa, đầu tiên là chìa vào tòa nhà này, rồi tới chìa vào văn phòng của cô, nhưng chẳng cái nào dùng được. Dĩ nhiên chúng không dùng được. Giờ chúng vô dụng và có là tối qua đi chẳng nữa thì chúng hẳn cũng vô dụng thôi. Cũng như chuyện suy nghĩ, dù cô có suy nghĩ được như Einstein thì suy nghĩ cũng sẽ chẳng mở được những cánh cửa này.

Trở lại văn phòng mình, cô mở những tập hồ sơ. Cô tìm cái gì? Sơ yếu lý lịch của cô. Tại sao lại tìm bản lý lịch? Đây là đoạn kết cho bản

lý lịch của cô rồi. Đây là đoạn kết cho đứa con gái của chúng tôi ở Mỹ. Và bởi vì mọi thứ kết thúc ở đây, cô kéo hết những tập hồ sơ ra khỏi học bàn và hất tung chúng xuống sàn. Dọn sạch toàn bộ ngăn kéo. “Chúng tôi không có đứa con gái nào ở Mỹ. Chúng tôi không có con gái. Chúng tôi chỉ có con trai.” Bây giờ cô không cố nghĩ rằng cô phải suy nghĩ nữa. Thay vào đó, cô bắt đầu ném các thứ đi. Bất cứ cái gì chất trên bàn của cô, bất cứ cái gì treo trên tường - vỡ vụn ra thì có khác gì đâu? Cô đã cố gắng và cô đã thất bại. Đó là kết thúc cho một *résumé** không tì vết và cho sự ngưỡng mộ dành cho nó. “Con gái của chúng tôi ở Mỹ đã thất bại rồi.”

Cô vẫn khóc sụt sịt khi cầm điện thoại lên gọi cho Arthur. Ông sẽ nhảy bật khỏi giường và phóng thẳng từ Boston tới đây. Chưa tới ba tiếng nữa ông sẽ có mặt ở Athena. Đến chín giờ Arthur sẽ tới đây! Nhưng con số cô gọi lại là con số khẩn cấp dán sẵn trên điện thoại. Và cô không hề có ý định gọi cho số đó cũng như không hề có ý định gửi hai lá thư kia đi. Cô chỉ có nỗi mong ước rất con người là muốn được cứu vớt.

Cô không nói nổi.

“A lô?” giọng người đàn ông ở đầu dây kia. “A lô? Ai vậy?”

Cô hầu như không thốt ra được. Hai từ tối giản nhất trong mọi ngôn ngữ. Tên của một người. Không thể giản lược và không thể thay thế. Tất cả những gì ở cô. *Đã từng* là cô. Và bây giờ là hai từ lỗ bịch nhất trên đời.

“Ai vậy? Giáo sư nào cơ? Tôi không hiểu cô đang nói gì, giáo sư.”

“An ninh à?”

“Nói lớn lên, giáo sư. Vâng, vâng, đây là Ban an ninh trường.”

“Đến ngay đây,” cô nói giọng van vỉ, và lại chảy nước mắt. “Ngay lập tức. Vừa xảy ra chuyện kinh khủng lắm.”

“Giáo sư? Cô ở đâu? Giáo sư, có chuyện gì vậy?”

“Barton.” Cô lặp lại để ông ta hiểu được. “Barton 121,” cô nói. “Giáo sư Roux.”

“Chuyện gì thế, giáo sư?”

“Chuyện kinh khủng.”

“Cô ổn không? Có chuyện gì vậy? Chuyện là sao? Có ai ở đó không?”

“Tôi ở đây.”

“Mọi thứ ổn chứ?”

“Có ai đó đã đột nhập.”

“Đột nhập vào đâu?”

“Văn phòng của tôi.”

“Lúc nào? Giáo sư, lúc nào?”

“Tôi không biết. Vào ban đêm. Tôi không biết.”

“Cô ổn không? Giáo sư Roux? Cô còn ở đó không? Barton Hall hả? Cô chắc không?”

Ngập ngừng. Cố gắng nghĩ. Mình có chắc không? Thực không? “Chắc chắn,” cô nói, lại sụt sịt không kèm nổi. “Nhanh lên, làm ơn! Tới ngay lập tức đi, *làm ơn!* Có người đột nhập vào văn phòng tôi! Ở đây tan hoang hết cả! Thật đáng sợ! Thật kinh hoàng! Đồ đạc của tôi! Có người xâm nhập vào máy tính của tôi! Nhanh lên!”

“Đột nhập hả? Cô có biết là ai không? Cô có biết *ai* đột nhập không? Có phải là một đứa sinh viên không?”

“Là chủ tịch hội đồng giảng viên Silk,” cô nói. “Nhanh lên đi!”

“Giáo sư - giáo sư, cô còn đó không? Giáo sư Roux, chủ tịch hội đồng giảng viên Silk chết rồi.”

“Tôi biết rồi,” cô nói. “Tôi biết, thật kinh khủng,” và rồi cô gào lên, gào lên trước nỗi kinh hoàng nơi những gì đã xảy ra, gào lên khi nghĩ đến điều cuối cùng mà ông đã làm, và làm với cô, với cô - và sau đó, ngày của Delphine là một cuộc huyền ảo.

Tin tức kinh hoàng về cái chết của chủ tịch hội đồng giảng viên Silk trong một tai nạn xe hơi với một nhân viên lao công của Đại học Athena hầu như chưa tới được tai lớp học cuối cùng trong trường thì những đồn thổi về vụ lùm xùm văn phòng của Delphine Roux và trò ngụy tạo email mà chủ tịch Silk gây ra chỉ vài giờ trước vụ tai nạn chết người đó đã bắt đầu lan ra. Trong khi mọi người phải khó lắm mới tin được toàn bộ *chuyện này* thì một câu chuyện khác, những tình tiết của vụ tai nạn, lan ngược từ thị trấn lên tới trường đại học, lại càng làm rối trí hầu như tất cả mọi người. Câu chuyện với tất cả những tình tiết gây sốc của nó được cho là đã xuất phát từ một nguồn đáng tin cậy: em trai của cảnh sát tuần tra tiểu bang đã phát hiện ra hai cái xác. Theo lời anh ta kể, lý do khiến ông chủ tịch hội đồng giảng viên mất lái là do, từ ghế bên cạnh, cô nhân viên lao công của Athena đang thỏa mãn ông trong khi ông đang lái xe. Cảnh sát có thể suy ra được điều này từ tình trạng y phục của ông và tư thế của cô lao công khi chết và vị trí của cô trong chiếc xe khi xác xe được tìm ra và kéo lên từ dưới sông.

Hầu hết người trong hội đồng giảng viên, nhất là những giáo sư lớn tuổi từng quen biết thân tình với Coleman Silk trong nhiều năm, ban đầu không chịu tin chuyện này, và giận dữ trước cái thói cả tin khiến người ta cho rằng chuyện này là một sự thật không thể chối cãi - mức độ tàn ác của sự xúc phạm này khiến họ thất kinh. Nhưng khi từng giờ trôi qua và các tình tiết mới về vụ đột nhập văn phòng được truyền tai, và những chuyện về vụ dâm dục của Coleman với cô nhân viên lao công xuất hiện dày đặc thêm - rất nhiều người nói rằng từng thấy họ lén lút đi với nhau - thì những bậc trưởng lão trong hội đồng giảng viên thấy càng lúc càng khó mà “tiếp tục” - như tờ báo địa phương ghi lại vào ngày hôm sau trong mục bình luận nhân vật - “đau lòng phủ nhận”.

Và khi mọi người bắt đầu nhớ lại chuyện, vài năm trước đây, không ai muốn tin rằng ông đã từng gọi hai sinh viên da đen của mình là lũ

ma; khi họ nhớ lại chuyện sau khi xin nghỉ việc trong ê chề ông đã tự cô lập mình với các đồng nghiệp cũ, và trong những dịp hiếm hoi người ta thấy ông trên phố thì ông đã cộc cằn đến độ thô lỗ với bất cứ ai tình cờ gặp ông; khi họ nhớ lại rằng trong nỗi thù ghét dữ dội của ông đối với tất cả những người và tất cả những gì có liên quan đến Athena ông hình như còn tự xa lánh con cái mình... thế đấy, ngay cả những người lúc buổi sớm còn bác bỏ bất kỳ ý kiến nào cho rằng cuộc đời Coleman Silk rất có thể đã đi tới một kết thúc ghê tởm như vậy, những giảng viên kỳ cựu từng thấy rằng không thể chấp nhận được khi nghĩ một người có tầm vóc trí tuệ như ông, một thầy giáo cuốn hút, một chủ tịch hội đồng giảng viên năng động và có tầm ảnh hưởng, một con người hấp dẫn, đầy sinh khí vẫn còn khỏe mạnh tráng kiện ở tuổi ngoài bảy mươi và là cha của bốn đứa con giỏi giang đã trưởng thành, lại đi từ bỏ mọi điều mà ông từng trân trọng để tuột dốc không phanh, trượt thẳng xuống một cái chết đầy tai tiếng của một kẻ ngoài cuộc quái gở tự cô lập mình - ngay cả bọn họ cũng phải đối mặt với sự thay đổi triệt để theo sau sự cố lũ ma và rằng nó không những đã đưa Coleman Silk tới kết cuộc ê chề của mình mà còn dẫn đến - một cách không thể tha thứ - cái chết ghê rợn của Faunia Farley, một người đàn bà ba mươi tư tuổi mù chữ đáng thương mà, như mọi người bây giờ đã biết, trong lúc tuổi già ông đã chọn làm nhân tình cho mình.

5

NGHI LỄ THANH TÂY

Hai đám tang.

Đám tang thứ nhất là của Faunia, tại nghĩa trang tận trên Battle Mountain, luôn là một chỗ đáng ngại trong mắt tôi mỗi khi lái xe ngang qua, làm rợn tóc gáy ngay cả lúc ban ngày, với những bí ẩn nơi sự tĩnh lặng của các bia mộ cổ và thời gian bất động, và lại càng đáng sợ hơn khi khu bảo tồn của tiểu bang tiếp giáp với nơi nguyên là nghĩa địa của dân da đỏ - một vùng hoang vu rộng lớn, cây cối rậm rạp, rải rác đá tảng, chằng chịt những dòng suối loang loáng nắng đổ xuống từ via đá này sang via đá khác và là nơi cư trú cho bọn sói đồng cỏ, linh miêu, và cả gấu đen, và các bầy hươu đi kiếm ăn thành từng đám khổng lồ như từ thời tiền thuộc địa. Hai bà chủ ở nông trại bò sữa đã mua cho Faunia lô đất nằm ngay bìa khu rừng tối tăm và tổ chức nghi lễ đơn sơ bên huyệt mộ trống. Người cởi mở hơn trong hai người, tự xưng là Sally, đọc bài diếu văn đầu tiên, giới thiệu đồng nghiệp của cô và con cái của họ, rồi nói, “Chúng tôi cùng sống với Faunia ở trên nông trại, và lý do chúng tôi có mặt ở đây sáng nay, cũng là lý do quý vị có mặt ở đây: để vinh danh một cuộc đời.”

Cô nói bằng một giọng trong, ngân vang, một phụ nữ nhỏ con, chân thật, khuôn mặt tròn trĩnh, mặc chiếc váy thụng dài, quyết tâm bám chặt lấy, bằng cung cách sôi nổi, một quan điểm gây ít phiền não nhất có thể cho sáu đứa trẻ lớn lên ở nông trại, mỗi đứa đều mặc những bộ quần áo thơm tất nhất của chúng, mỗi đứa đều cầm một nắm hoa để rải lên quan tài trước khi nó được hạ huyệt.

“Ai trong chúng ta,” Sally hỏi, “lại quên được tiếng cười vang và ấm áp của cô? Faunia có thể khiến chúng ta cười ngất bằng tiếng cười nghe mà muốn cười theo của cô cũng như những điều cô bất chợt thốt ra. Và như các bạn biết, cô cũng là con người có đời sống tâm linh sâu sắc. Một con người sống đời tâm linh,” cô lặp lại, “một con người hướng đến tâm linh - phiếm thần là từ diễn tả rõ nhất những niềm tin của cô. Thượng đế của cô là thiên nhiên, và lòng sùng mộ thiên nhiên của cô được mở rộng thành tình yêu dành cho đàn bò nhỏ bé của chúng tôi, cho loài bò nói chung, thực vậy, cho sinh vật nhân ái nhất trong các sinh vật, là người mẹ nuôi của loài người. Faunia có một lòng tôn kính lớn lao dành cho truyền thống làm nông trại gia đình. Cùng với Peg, tôi và lũ trẻ, cô đã góp phần nỗ lực gìn giữ loại hình nông trại bò sữa gia đình ở New England như một thực thể sống trong di sản văn hóa của chúng ta. Thượng đế của cô là mọi thứ quý vị nhìn thấy chung quanh nông trại chúng tôi và mọi thứ quý vị nhìn thấy chung quanh mình ở Battle Mountain này. Chúng tôi chọn nơi an nghỉ này cho Faunia bởi vì nó đã trở thành chốn thiêng liêng kể từ khi những thổ dân nói lời vĩnh biệt với người thân yêu của họ ở đây. Những câu chuyện tuyệt vời mà Faunia kể cho bọn trẻ của chúng tôi - về bọn én trong kho thóc và lũ bò cái trên đồng, về những con ưng đuôi đỏ chao lượn trên trời cao bên trên những đồng cỏ của chúng tôi - cũng chính là những câu chuyện mà quý vị có thể được nghe ngay tại đỉnh núi này trước khi sự cân bằng sinh thái của vùng đồi núi Berkshire bị xáo trộn lần đầu vì sự xuất hiện của...”

Sự xuất hiện của kẻ-ai-cũng-biết-là-ai. Những tư tưởng của Rousseau về môi trường học trong phần còn lại của bài điệu văn chỉ khiến tôi hầu như không thể tập trung chú ý được.

Người thứ nhì đọc điệu văn là Smoky Hollenbeck, cựu cầu thủ ngôi sao của Athena, người giám sát cơ sở vật chất của trường, cấp trên trực tiếp của Faunia, và - như tôi được biết qua Coleman, người nhận anh ta vào làm - đã có một thời gian không chỉ dừng ở “cấp trên” của

cô. Cái động ở Athena của Smoky là nơi Faunia đã, trên thực tế, phải gia nhập từ ngày đầu tiên vào làm trong đội lao công của hãn ta, và sau đó thì đột ngột bị thải hồi ngay khi Les Farley bằng cách nào đó khám phá ra chuyện Smoky tăng tịu với cô.

Không như Sally, Smoky không nói về sự thuần khiết phiếm thần của Faunia như một sinh thể sống theo tự nhiên; với tư cách đại diện cho trường đại học, hãn ta tập trung vào năng lực làm lao công của cô, bắt đầu bằng ảnh hưởng của cô đối với sinh viên được cô lau dọn phòng ngủ.

“Điều thay đổi ở các sinh viên khi Faunia vào làm,” Smoky nói, “là họ có một người mà bất cứ khi nào họ gặp, cô ấy đều chào họ với một nụ cười và lời chào và một câu Bạn khỏe không, hay Đã hết cảm lạnh chưa, hay Chuyện học hành thế nào. Cô luôn dành một phút để nói chuyện và làm thân với các sinh viên trước khi bắt đầu công việc. Qua năm tháng, cô không còn là vô hình với các sinh viên nữa, không còn đơn thuần là một lao công, mà đã là một người mà họ dần kính trọng. Nhờ biết Faunia, họ luôn có ý thức không để phòng ốc bừa bộn để cho cô phải dọn dẹp. Trái ngược với kiểu đó, quý vị có thể hình dung ra một lao công khác, người không bao giờ nhìn thẳng vào mắt ai, luôn giữ khoảng cách với sinh viên, không quan tâm sinh viên đang làm gì hoặc muốn biết họ đang làm gì. Ồ, đó không phải là Faunia - không bao giờ. Tôi nhận ra rằng tình trạng của ký túc xá sinh viên có liên hệ trực tiếp đến quan hệ của sinh viên với lao công của họ. Sổ cửa sổ bị vỡ chúng tôi phải gắn lại, sổ lỗ thùng trên tường chúng tôi phải đắp vá, là kết quả của việc sinh viên đá vào tường, đâm vào tường, trút sự thất vọng của họ vào tường... có thể là bất cứ trường hợp nào. Rồi sơn xít nguệch ngoạc trên tường. Đủ các màu. Ồ, nếu đó là tòa nhà Faunia phụ trách, quý vị sẽ không gặp những chuyện kiểu vậy. Thay vào đó quý vị sẽ có một tòa nhà hoạt động hiệu quả, có tác động tích cực tới việc học tập và sinh hoạt và tới cảm giác thấy mình là một phần của cộng đồng Athena...”

Một màn trình diễn tuyệt đối xuất sắc của gã đàn ông gia đình trẻ tuổi đẹp trai, tóc quăn, cao ráo, kẻ đã từng là tiền nhiệm của Coleman ở vị trí tình nhân của Faunia. Mỗi quan hệ trên mức đồng nghiệp với cô lao công hoàn hảo của Smoky nghe cũng khó tin, qua những gì hắn đang nói với chúng tôi, như là nhân vật phiếm thần thích kể chuyện theo cách tả của Sally. “Vào các buổi sáng,” Smoky nói, “cô làm việc ở khu North Hall và các văn phòng hành chính ở đó. Tuy công việc phải làm từng ngày có thay đổi chút đỉnh từ ngày này qua ngày khác, nhưng có những việc căn bản cần phải làm mỗi sáng, và cô đã làm rất xuất sắc. Các giỏ giấy vụn được dọn sạch, phòng vệ sinh, trong cả khu nhà có ba phòng, được dọn dẹp và lau chùi sạch sẽ. Chỗ nào cần đều được cô lau bằng giẻ ướt. Những khu vực nhiều người đi lại được hút bụi mỗi ngày, những khu ít người đi lại hơn thì mỗi tuần một lần. Việc quét bụi thường là hằng tuần. Các cửa sổ ở mặt tiền cửa sau được Faunia lau chùi hầu như hằng ngày, tùy theo lượng người ra vào. Faunia luôn thành thạo trong công việc, và cô rất chú ý đến các tiểu tiết. Có lúc bạn có thể chạy máy hút bụi và có lúc thì không - và chưa từng có lấy một lời phàn nàn về Faunia Farley liên quan đến chuyện đó. Chẳng mấy mà cô đã biết được thời điểm thích hợp nhất để hoàn thành công việc mà lại giảm thiểu được tối đa sự bất tiện cho mọi người trong trường.”

Trong mười bốn người, không kể đám trẻ con, mà tôi đếm được quanh huyệt mộ, đoàn của trường có vẻ chỉ gồm Smoky và nhóm đồng nghiệp của Faunia, bốn người đàn ông thuộc tổ bảo trì mặc áo khoác đeo cà vạt, đứng im lặng lắng nghe những lời ca ngợi dành cho công việc của cô. Theo phán đoán của tôi, những khách dự tang còn lại thì hoặc là bạn của Peg và Sally hoặc là dân địa phương thường mua sữa của nông trại và quen biết với Faunia qua việc lui tới nơi ấy. Rồi có Cyril Foster, trưởng trạm bưu điện của chúng tôi và chỉ huy tổ cứu hỏa tình nguyện, là người địa phương duy nhất mà tôi biết mặt. Cyril biết

Faunia do cô vẫn thường lui tới trạm bưu điện hai lần mỗi tuần để lau dọn, và đó cũng là nơi Coleman gặp cô lần đầu.

Và có cả cha của Faunia nữa, một người to con, già nua mà sự hiện diện đã được Sally nhắc đến trong bài điều văn của cô. Ông được cho ngồi trong một chiếc xe lăn cách quan tài chỉ vài tấc, được một phụ nữ khá trẻ chăm sóc, một y tá hoặc một người bạn gốc Philippines, cô này đứng ngay sau lưng ông và khuôn mặt giữ nguyên vẻ vô hồn suốt buổi lễ, tuy là người ta có thể thấy ông gục đầu vào hai bàn tay và đôi lúc không ngăn được nước mắt.

Tôi không thể xác định được ai ở đây là tác giả của bài điều văn trên mạng cho Faunia mà tôi đã đọc được vào tối hôm trước, đăng trên trang của nhóm tin Athena fac.discuss. Bài đăng này mở đầu bằng:

Từ: clytemnestra@houseofatreus.com

Đến: fac.discuss

Chủ đề: cái chết của một con hươu non*

Ngày gửi: Thứ Năm, 12 tháng Mười một 1998

Tôi tình cờ đọc được bài này khi, do tò mò, tôi coi lịch tuần của fac.discuss để xem tang lễ của chủ tịch hội đồng giảng viên Silk có xuất hiện trong mục những sự kiện sắp tới không. Tại sao lại có bài đăng thô bỉ này? Là trò chơi, là trò đùa à? Liệu nó chỉ là một hành động thể hiện sự buông thả bệnh hoạn theo một cơn bạo dâm nhất thời không hơn (hoặc kém), hay nó là một hành động phản bội có tính toán? Có thể nào nó là do Delphine Roux đăng lên không? Một cáo trạng nặc danh nữa của cô? Tôi không nghĩ thế. Nếu không dừng ở vụ đột nhập mà lại bịa tạc thêm nữa bằng tài dựng chuyện thiện xảo của mình thì cô cũng chẳng thu được gì thêm, và cô sẽ mất rất nhiều nếu “clytemnestra@houseofatreus.com” bằng cách nào đó bị phát hiện ra là đứa con tinh thần của cô. Ngoài ra, qua những bằng chứng hiện có,

một âm mưu điển hình của Delphine sẽ không thể xảo quyệt hay giả dối đến thế - những âm mưu của cô có mùi của sự ứng biến vội vàng, sự nhỏ nhen đầy rồ dại, sự khinh xuất do bị kích động quá mức của một tay nghiệp dư mà qua đó sản sinh ra cái loại hành động mất trí mà ngay cả kẻ thủ ác sau đó cũng thấy là không đời nào mà nó có thể xảy ra: cái đòn đánh trả thiếu cả sự khiêu khích và tính toán cặn kẽ của bậc thầy nham hiểm, dù những hậu quả của nó có ghê gớm đến cỡ nào.

Không, đây là trò quái ác chắc chắn *được xúi bẩy* bởi trò quái ác của Delphine, nhưng xảo quyệt hơn, tự tin hơn, độc địa một cách bài bản hơn nhiều - sự độc ác đã được nâng lên một tầm cao mới. Và bây giờ nó sẽ tạo đà cho những thứ gì nữa? Trò ném đá tập thể này bao giờ mới chấm dứt? Thói cả tin này bao giờ mới chấm dứt? Làm sao những người này có thể cứ lặp đi lặp lại với nhau câu chuyện Delphine Roux kể với bên An ninh - một trò bịa tạc rành rành, một lời dối trá hiển nhiên như thế, làm sao lại có người tin được? Và làm sao người ta chứng minh được Coleman có liên quan? Điều đó là không thể. Nhưng họ vẫn bắt chấp tin nó như thường. Dù cho là rồ dại đến vậy - rằng ông đã đột nhập vào đó, rằng ông mở tung các tập hồ sơ, rằng ông đột nhập vào máy tính của cô, gửi thư điện tử đến các đồng nghiệp của cô - thế mà họ lại tin chuyện đó, họ muốn tin chuyện đó, họ hăm hờ kể lại chuyện đó. Một câu chuyện hết sức vô lý, hoàn toàn đáng ngờ, ấy thế mà không một ai - một cách công khai - nêu ra những câu hỏi đơn giản nhất. Tại sao một người lại lục tung văn phòng của cô và bày sàng ra cho mọi người thấy là mình đã đột nhập nếu ông muốn thực hiện một trò chơi khăm? Tại sao ông lại soạn cái mẫu rao vặt ấy khi chín mươi phần trăm những người đọc nó không thể nghĩ đến chuyện nó có dính dáng đến ông? Ai, ngoài Delphine Roux, có thể đọc mẫu rao vặt đó và nghĩ đến ông? Mà nếu ông dám làm những chuyện như cô cáo buộc thì ông chắc hẳn là bị điên rồi. Nhưng đâu là bằng chứng rằng ông điên? Có ghi chép nào về hành xử điên khùng của ông trong quá khứ không? Coleman Silk, người một tay xoay chuyển cả cái đại học này -

người đó mà điên à? Cay đắng, giận dữ, tự cô lập, đúng - nhưng điên à? Những người ở Athena biết quá rõ rằng chuyện không phải là như thế, nhưng, cũng như trong vụ lũ ma, họ sẵn sàng hành xử theo kiểu mũ ni che tai. Buộc tội tức là chứng minh có tội. Nghe lời quy kết tức là tin nó. Động cơ của kẻ thủ ác ư? Cần gì. Logic hay giải thích hợp lý ư? Ai mà quan tâm. Chỉ cần có một cái nhãn. Cái nhãn đó chính là động cơ. Cái nhãn đó chính là bằng chứng. Cái nhãn đó chính là logic. Tại sao Coleman Silk làm chuyện này? Bởi vì ông ta là đồ x, vì ông ta là đồ y, vì ông ta là cả hai. Đầu tiên là một tay phân biệt chủng tộc rồi bây giờ là một kẻ hận đàn bà. Sang thế kỷ này thì không còn gọi ông là tay cộng sản được nữa rồi, dù ngày trước thì người ta sẽ làm vậy. Một hành vi thù hận đàn bà được thực hiện bởi một người từng cho thấy hẳn có khả năng đưa ra một nhận định phân biệt chủng tộc hẳn học làm tổn thương một sinh viên để bị tổn thương. Điều đó giải thích tất cả. Điều đó và chứng điên khùng.

Cái Ác nơi Tinh lẻ - sự đồn thổi, sự ganh ghét, sự cay nghiệt, sự buồn chán, những lời dối trá. Không, các độc dược tinh lẻ chẳng giúp được ai cái gì. Ở đây người ta chán nản, người ta ganh tị, cuộc sống của họ cứ thế và sẽ còn như thế mãi, cho nên, không cần nghiêm túc chất vấn câu chuyện, họ cứ kể lại chuyện đó cho nhau nghe - trên điện thoại, trên đường phố, trong quán tự phục vụ, trong lớp học. Họ kể lại nó ở nhà cho chồng cho vợ nghe. Không hẳn chỉ là vì vụ tai nạn nên người ta không có thời gian chứng minh đó là một lời dối trá nhằm nhí - nếu không có vụ tai nạn, cô hẳn không thể tung ra lời dối trá ấy. Nhưng cái chết của ông là vận may cho cô. Cái chết của ông là sự cứu chuộc cho cô. Cái chết can dự vào để đơn giản hóa mọi sự. Mọi nghi ngờ, mọi e sợ, mọi hồ nghi đều bị gạt sang một bên bởi cái kẻ dìm hàng vĩ đại nhất trong tất cả thầy ấy, chính là cái chết.

Đi bộ một mình ra xe sau đám tang Faunia, tôi vẫn không cách chi biết được ai ở đại học có khả năng nghĩ ra được cái trò đăng bài dưới cái tên clytemnestra này - đó là hình thức nghệ thuật hiểm ác nhất,

hình thức nghệ thuật trực tuyến, bởi sự nặc danh của nó - và tôi cũng không hình dung được cái thứ kế tiếp mà một ai đó, bất kỳ ai, có thể nghĩ ra và phát tán nặc danh. Tôi chỉ biết chắc một điều là mầm mống của ác tâm đã được tháo cũi sổ lồng, và khi đã động tới tư cách đạo đức của Coleman thì người ta sẽ không nề hà dùng đến bất cứ sự phi lý nào để phô ra một thái độ công phần. Một bệnh dịch đã bùng phát ở Athena - tôi đã nghĩ như thế trong cái hậu họa kéo theo ngay sau cái chết của ông - và cái gì sẽ khống chế sự lan tràn của bệnh dịch này đây? Nó ở ngay đó. Những mầm bệnh đang ở ngoài kia. Trong không trung. Trong kho lưu trữ của thế giới này, tồn tại mãi mãi và không thể xóa bỏ, dấu vết của sự đồi bại nơi sinh vật người.

Giờ đây tất cả mọi người đã đều đang viết *Lũ ma* - tất cả, ngoại trừ tôi, ấy là cho đến lúc đó.

Những điều tôi sắp viết đây sẽ khiến các bạn nghĩ [bài viết trên fac.discuss mở đầu như vậy] về những chuyện chẳng dễ chịu gì. Không chỉ là về cái chết thảm khốc của một phụ nữ vô tội ba mươi tư tuổi, một điều tự bản thân nó đã đủ kinh khủng rồi, mà còn về những tình huống cụ thể của sự kiện kinh hoàng này và của người đàn ông, kẻ đã dàn xếp, như thế một nghệ sĩ, những tình huống ấy để hoàn tất vòng quay trả thù nhắm vào Đại học Athena và những đồng nghiệp cũ của ông ta.

Một số người trong các bạn có thể đã biết rằng trong những giờ trước khi Coleman Silk dàn dựng vụ giết-người-tự-tử này - vì đó chính là cái mà ông ta đã thực hiện trên xa lộ bằng cách lái xe lao khỏi mặt đường và bay qua rào chắn bảo vệ rồi rơi xuống sông đêm đó - ông ta đã phá cửa đột nhập một văn phòng ở Barton Hall, lục lọi giấy tờ, và gửi đi dưới dạng thư điện tử một nội dung nhân danh một giảng viên trong khoa nhằm mục đích hủy hoại cô ấy. Thiệt hại ông ta gây ra cho cô ấy và cho cả trường là không đáng kể. Nhưng hành vi đột nhập và giả mạo đầy ác ý kiểu trẻ con đó được thúc đẩy bởi cùng một quyết

tâm, cùng một sự thù hận mà sau đó, ngay trong đêm ấy - sau khi được đẩy lên một mức độ ghê gớm - đã đẩy ông ta đến chỗ tự tử và cùng lúc đó, lạnh lùng sát hại một nhân viên lao công, người mà vài tháng trước đó ông ta đã dụ dỗ để phục vụ nhu cầu tình dục của ông ta, một hành vi hoàn toàn vụ lợi.

Nếu có thể, hãy hình dung cảnh ngộ khốn khổ của người phụ nữ này, một kẻ cứ mãi phải trốn chạy từ năm mười bốn tuổi, với nền học vấn chấm dứt ở năm thứ hai bậc trung học, và trong phần đời ngắn ngủi còn lại, là kẻ mù chữ thực sự. Hãy hình dung cô phải xoay xở với những mưu ma chước quỷ của một giáo sư đại học về hưu, kẻ mà trong suốt mười sáu năm làm vị chủ tịch hội đồng giảng viên độc đoán nhất trong các đời chủ tịch đã nắm được nhiều quyền lực ở Athena hơn cả hiệu trưởng. Cô có cơ may nào chống lại được thế lực vượt trội của ông ta đây? Và khi cô chịu thua trước ông ta, thấy mình bị biến thành nô lệ bởi một sức mạnh nam giới bạo ngược vượt xa sức mạnh của bản thân, thì cô có cơ may nào nhận ra được những mục đích báo thù mà để đạt được chúng ông ta đã trưng dụng thân xác đã phải lao lực của cô, đầu tiên là khi còn sống và sau là khi đã chết?

Trong tất cả những gã đàn ông nhẫn tâm liên tiếp thống trị cô, trong tất cả những gã đàn ông tàn bạo, hung hãn, nhẫn tâm, vô lối từng hành hạ, đánh đập, và hủy hoại cô, không có kẻ nào mà mục đích của hắn lại có thể trở nên méo mó đến thế vì lòng hận thù khôn nguôi như cái gã đàn ông có một oán hờn cần thanh toán với trường Đại học Athena nên đã chọn lấy một trong những người của chính đại học đó làm đối tượng để trút mối thù của mình, và theo một cách thức dễ gây tác động xấu nhất mà ông ta có thể nghĩ ra. Vào da thịt cô ta. Vào chân tay cô ta. Vào âm đạo của cô ta. Vào tử cung của cô ta. Vụ phá thai vô luân mà ông ta đã buộc cô thực hiện hồi đầu năm nay - và nó đã dồn cô vào chỗ tự tử - chỉ là một trong vô số không ai đếm nổi những sự hãm hiếp trút lên cái thân thể hoang tàn đổ nát của cô. Giờ đây chúng ta biết về khung cảnh ghê rợn ở hiện trường vụ sát nhân, về tư thế dâm dăng mà

Ông ta đã sắp xếp để đưa Faunia vào cõi chết, nhằm lột tả, trong một hình ảnh duy nhất, không thể tẩy xóa, cái kiếp nô lệ, cái kiếp cúi đầu của cô (mở rộng ra, là kiếp nô lệ và cúi đầu của cả trường) trước nỗi khinh bỉ điên loạn của ông ta. Chúng ta biết - chúng ta bắt đầu biết, qua những tình tiết kinh hoàng dần hé lộ từ cuộc điều tra của cảnh sát - rằng không phải tất cả những dấu bầm tím trên thân thể tả tơi của Faunia đều là do vụ tai nạn chết người gây ra, dù cho nó dữ dội là thế. Có những mảng da biến màu được nhân viên pháp y phát hiện trên mông và đùi cô và chúng không liên quan gì tới cú va chạm của vụ tai nạn, những vết bầm giập đã được tạo thành, ít lâu trước vụ tai nạn, bằng những cách thức rất khác: hoặc là một khí cụ đầu tù, hoặc là nắm đấm của người.

Tại sao? Hai con chữ nhỏ bé là vậy, mà vẫn đủ rộng lớn để khiến chúng ta điên loạn. Nhưng một trí óc nham hiểm đến bệnh hoạn như trí óc của kẻ đã sát hại Faunia thì không dễ gì hiểu được. Ở tận gốc của những thèm khát đã thúc đẩy người đàn ông này, có một bóng tối khôn dò mà những người không có bản chất tàn bạo hay mưu đồ báo thù - những con người chung sống hòa bình với những giới hạn do nền văn minh áp đặt lên cái thô lậu và phóng dăng - đều không hiểu nổi. Cái tâm đen của con người là không thể giải thích được. Nhưng vụ tai nạn của họ không hề là tai nạn, tôi biết điều đó cũng chắc chắn như tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất than khóc cho cái chết của Faunia Farley ở Athena, người đã phải chịu cảnh áp bức ngay từ những ngày đầu tiên của thời thơ ấu và kéo dài đến tận giây phút qua đời. Tai nạn đó không phải là tai nạn: đó là điều Coleman Silk khao khát thực hiện với tất cả sức mạnh của ông ta. Tại sao? Chữ “tại sao” này tôi có thể trả lời và tôi sẽ trả lời. Để thủ tiêu không chỉ hai người bọn họ, mà, cùng với họ, là toàn bộ dấu vết những gì ông ta, kẻ bạo hành tột bậc của cô, đã gây ra. Chính vì muốn ngăn không cho Faunia lột tẩy bản chất của mình mà Coleman Silk đã lôi cô ta theo mình xuống đáy sông.

Và vậy là ta có thể hình dung ra mức độ ghê tởm của những tội ác mà ông ta quyết tâm che giấu.

Hôm sau Coleman được chôn cất cạnh vợ ông trong khu vườn gọn gàng của nghĩa trang đối diện biển cỏ xanh bằng phẳng là những sân thi đấu của trường đại học, dưới chân mảng rừng sồi đặng sau khu North Hall và tháp đồng hồ lục giác lịch sử của nó. Tôi không ngủ được vào đêm trước cái ngày ấy, và khi thức dậy vào sáng hôm đó, tôi vẫn bứt rứt khó chịu về chuyện cái tai nạn này và ý nghĩa của nó lại đã bị bóp méo một cách có hệ thống và phát tán cho cả thế giới đến độ tôi không thể lặng lẽ ngồi yên một chỗ đủ lâu để uống cốc cà phê của mình. Làm sao người ta có thể lật ngược lại tất cả những lời dối trá này? Cho dù bạn chứng tỏ được điều gì đó là dối trá, thì ở một nơi như Athena, một khi nó xuất hiện, nó sẽ ở nguyên đó. Thay vì bồn chồn đi tới đi lui khắp nhà chờ tới giờ ra nghĩa trang, tôi mặc áo khoác và thắt cà vạt rồi đi xuống phố Town để lang thang ở đó - tới một nơi mà tôi có thể nuôi dưỡng cái ảo tưởng rằng tôi có thể làm gì đó với sự ghê tởm trong tôi.

Và với sự chấn động trong tôi. Tôi không nghĩ mình có thể đón nhận được tin là ông đã chết, chứ đừng nói tới chuyện nhìn ông được chôn cất. Đặt những thứ khác sang một bên, cái chết, do một tai nạn ác nghiệt, của một con người lành mạnh, khỏe khoắn đã bảy mươi mấy tuổi không thể không khiến cho người ta chua xót khủng khiếp - ít nhất người ta sẽ cảm thấy có lý hơn, ở một chừng mực nào đó, nếu ông ra đi bởi một cơn đau tim hay bệnh ung thư hay một cơn đột quỵ. Hơn nữa, lúc đó tôi tin - tôi đã tin ngay khi nghe hung tin - rằng tai nạn ấy đã không thể xảy ra nếu Les Farley với chiếc xe tải nhỏ của hắn không xuất hiện ở gần đó. Dĩ nhiên chẳng có tai ương nào trút lên đầu một người lại vô nghĩa đến độ không thể xảy ra, tuy nhiên đặt Les Farley vào tình huống này, xem Farley như *nguyên nhân* chủ yếu, chẳng phải ta đã có nhiều hơn một manh mối giải thích cho cái án tử

hình tàn bạo, chỉ cần đúng một tai nạn duy nhất, nhằm lấy đi tính mạng của cả người vợ cũ đáng khinh lẫn tình địch đáng ghét mà Farley đã điên cuồng theo dõi hay sao?

Với tôi, việc đi đến kết luận này tuyệt nhiên không phải do tôi cự tuyệt không muốn chấp nhận cái điều không thể giải thích như là chính nó - tuy rằng nó có vẻ dứt khoát là thế đối với cảnh sát tiểu bang vào buổi sáng sau đám tang Coleman, khi tôi đến trao đổi với hai sĩ quan là những người đầu tiên có mặt tại hiện trường vụ tai nạn và tìm ra hai cái xác. Việc khám nghiệm chiếc xe bị nạn chẳng phát hiện được điều gì khẳng định cái kịch bản tôi tưởng tượng ra, dù theo cách nào chẳng nữa. Thông tin mà tôi cung cấp cho họ - về việc Farley rình mò Faunia, về việc hãm theo dõi Coleman, về vụ đối đầu suýt xảy ra bạo lực, ngay bên ngoài cửa nhà bếp, khi Farley từ trong bóng tối găm lên xông vào hai người - đều được kiên nhẫn ghi lại, cùng với họ tên, địa chỉ, và số điện thoại của tôi. Sau đó tôi được họ cảm ơn vì đã hợp tác, và bảo đảm rằng mọi thứ sẽ được giữ bí mật tuyệt đối, và rằng nếu xác nhận được những gì tôi nghĩ là đúng họ sẽ liên lạc lại với tôi.

Họ chẳng bao giờ gọi lại.

Trên đường đi ra, tôi quay lại và nói, “Tôi hỏi một câu được không? Tôi có thể hỏi về tư thế của hai cái xác trong xe không?”

“Ông muốn biết gì, thưa ngài?” sĩ quan Balich nói, đó là tay có cấp bậc cao hơn trong hai người sĩ quan trẻ tuổi, một tay mặt kín như bưng, trầm tính, kẻ cả mà gia đình anh ta, có gốc Croatia, theo như tôi nhớ, từng sở hữu quán Madamaska Inn.

“Chính xác thì anh thấy gì khi phát hiện ra họ. Vị trí của họ. Tư thế của họ. Có lời đồn ở Athena rằng...”

“Không, thưa ngài,” Balich nói, lắc đầu, “chuyện không phải vậy đâu. Chẳng có lời đồn nào là đúng hết, thưa ngài.”

“Anh biết tôi đang đề cập đến cái gì à?”

“Tôi biết, thưa ngài. Đây rõ ràng là một vụ chạy quá tốc độ. Ông không thể vào cua với tốc độ như vậy. Jeff Gordon chắc cũng không thể vào cua với tốc độ như vậy*. Một người đã lớn tuổi với vài ba ly rượu ngấm vào đầu mà chạy qua khúc cua ấy như một dân tổ lái thì...”

“Tôi không nghĩ Coleman Silk từng có lúc nào lái xe như bọn tổ lái đầu, thưa sĩ quan.”

“Chậc...” Balich nói, và giơ cả hai tay lên, lòng bàn tay hướng về tôi, hàm ý rằng cả anh ta lẫn tôi đều không cách chi biết được điều đó. “Giáo sư Silk là người cầm lái chiếc xe đó, thưa ngài.”

Cử chỉ ấy cho thấy đã đến lúc tôi dừng lại, không tiếp tục đóng vai thám tử nghiệp dư gà mờ, không đẩy lập luận của tôi đi xa hơn, và lịch sự cáo lui. Anh ta đã gọi tôi là ngài đủ nhiều lần để tôi không ảo tưởng về chuyện ai mới là người nắm quyền kiểm soát, và thế là tôi cáo lui, và, như đã nói, chuyện kết thúc tại đó.

Ngày Coleman được chôn cất lại là một ngày tháng Mười một ấm áp trái mùa, hanh hao nhiều nắng. Cùng với những chiếc lá cuối cùng đã lìa cành trong tuần trước, những đường nét lờm chờm của phong cảnh núi non bây giờ bị phơi trần trong ánh nắng mặt trời, những khe nứt và đường vân của núi đá được tạc thành với những mảng đổ bóng tuyệt đẹp ta bắt gặp trên một bức tranh khắc xưa, và khi tôi đi về hướng Athena để dự đám tang vào sáng hôm đó, cảm giác về một sự tái xuất, về một khả năng lại có cơ hội thành hiện thực, được khơi dậy trong tôi, dù cho chẳng thích hợp gì, bởi vẻ xù xì lờm chờm rực sáng của cái quang cảnh xa xa trước mắt đã bị cây lá che khuất từ mùa xuân vừa rồi. Sự sắp xếp không có chỗ cho trò đùa của bề mặt trái đất, mà lần đầu tiên trong nhiều tháng qua ta lại được thán phục và trân quý, là một lời nhắc nhở về cái lực xâm thực tàn khốc khủng khiếp trong cuộc tấn công vũ bão của băng hà đã sục sạo khắp những ngọn núi nằm tít bên rìa dòng chảy phình to của nó xuống phía Nam. Đi quá nhà Coleman chỉ vài dặm, nó đã phun ra những tảng đá băng cỡ cái tủ lạnh

nhà hàng như chiếc máy bắn bóng tự động tung ra những cú ném cực nhanh, và khi tôi đi qua bờ dốc đứng mọc đầy cây mà dân địa phương gọi là “vườn đá” và thấy rõ mồn một những tảng đá khổng lồ, nay không còn lổm đổm phủ lá cây hè hay bóng chúng lướt đi, hết thảy đều đổ nghiêng về một phía trông chẳng khác gì Stonehenge vừa trải qua một cơn lũ quét, đâm sầm vào nhau nhưng vẫn gần như nguyên vẹn, một lần nữa tôi lại kinh hoàng khi nghĩ về khoảnh khắc va chạm đã bứt Coleman và Faunia ra khỏi cuộc đời họ và bắn họ vào miền quá khứ của trái đất. Bây giờ họ đã xa cách như những dòng sông băng. Như cuộc sáng tạo hành tinh này. Như bản thân cuộc sáng tạo.

Đó chính là lúc tôi quyết định đến gặp cảnh sát tiểu bang. Việc tôi không đến đây ngày hôm đó, ngay buổi sáng đó, thậm chí trước buổi tang lễ, một phần là bởi, khi đậu xe đối diện bãi cỏ trung tâm của thị trấn, tôi đã thấy qua cửa sổ nhà hàng Pauline’s Place, cha của Faunia đang ăn sáng - thấy ông ngồi tại bàn với người phụ nữ đã đẩy xe lăn cho ông lên nghĩa trang trên núi hôm trước. Tôi lập tức vào trong, chọn cái bàn kế ngay bàn của họ, gọi món, và, trong khi giả vờ đọc tờ *Madamaska Weekly Gazette* ai đó bỏ lại trên ghế, cố hết sức lắng nghe câu chuyện của họ.

Họ đang nói về một cuốn nhật ký. Trong số di vật mà Sally và Peg đã trao lại cho cha của Faunia, có cuốn nhật ký của Faunia.

“Ông không muốn đọc nó đâu, Harry. Ông chẳng muốn đâu.”

“Tôi phải đọc,” ông cụ nói.

“Ông không cần phải đọc nó,” người phụ nữ nói. “Tin tôi đi ông không cần đâu.”

“Nó làm sao mà kinh khủng bằng những thứ khác được.”

“Ông không muốn đọc nó đâu.”

Hầu hết người ta đều thôi phòng chính mình và nói láo về những thành tựu mà họ năm mơ mới có thể đạt được; Faunia lại nói dối là không đạt được sự thành thạo trong một kỹ năng căn bản đến độ, chỉ

trong khoảng một hay hai năm, hầu như mọi học sinh trên thế giới này đều đạt được ít nhất là ở mức độ sơ khai.

Và tôi biết được điều này trước cả khi uống xong ly nước trái cây. Chuyện mù chữ chỉ là diễn kịch, một màn diễn mà cô thấy là cần thiết trong hoàn cảnh của mình. Nhưng tại sao chứ? Một kiểu quyền lực của cô chẳng? Thứ quyền lực duy nhất của cô chẳng? Nhưng cô đã trả cái giá nào để có được quyền lực đó? Hãy nghĩ xem. Làm hại mình bằng cả chuyện mù chữ. Tự nguyện đón nhận nó. Tuy nhiên, không phải để biến mình thành trẻ con, không phải để cho người khác nhìn mình như một đứa trẻ ỷ lại, mà là ngược lại kìa: để làm nổi bật cái tôi man mọi thích hợp với cái thế giới này. Không bài bác việc học hành như một thứ khuôn phép ngọt ngào, mà hạ bệ việc học hành bằng một thứ tri thức mạnh mẽ hơn và nguyên sơ hơn. Cô chẳng chống đối gì chuyện biết đọc - giả vờ là mình không thể mới là thứ cô thấy muốn làm. Nó làm mọi chuyện thêm thú vị. Bao nhiêu đọc tố cũng là không đủ với cô: đọc tố nơi những tất cả những gì mà ta lẽ ra không nên thể hiện ra, nói ra, nghĩ trong đầu nhưng ta vẫn thể hiện ra và nói ra và nghĩ, dù cho có thích hay không.

“Tôi không đốt nó được,” cha Faunia nói. “Nó là của con tôi. Tôi không thể vất nó vào đồng rác được.”

“Nhưng tôi thì làm được,” người phụ nữ nói.

“Thế là không đúng.”

“Ông đã trải qua cái cảnh hầm chông bãi mìn này cả đời rồi. Ông không cần chịu đựng thêm nữa.”

“Đó là tất cả những gì còn lại của nó.”

“Còn khẩu súng nữa. Đó cũng là di vật của cô ấy. Cả những viên đạn nữa, Harry. Cô ấy để lại những thứ đó.”

“Cái kiểu mà nó sống,” ông nói, nghe giọng đột nhiên như sắp khóc.

“Cô ấy sống kiểu gì thì chết kiểu vậy. Đó là lý do tại sao cô ấy chết.”

“Cô phải đưa tôi cuốn nhật ký đó,” ông nói.

“Không. Chỉ việc ta đến đây là đã tội tệt lấm rồi.”

“Cứ đòi hủy nó đi, hủy nó đi, tôi chẳng biết phải làm sao nữa.”

“Tôi chỉ làm điều tốt nhất cho ông.”

“Nó nói gì?”

“Không đáng nhắc lại đâu.”

“Ôi, Chúa ơi,” ông nói.

“Ăn đi. Ông phải ăn gì đó. Mấy cái bánh kẹp kia trông ngon đấy.”

“Con gái tôi,” ông nói.

“Ông đã làm tất cả những gì có thể rồi.”

“Lẽ ra tôi phải đem nó đi năm nó sáu tuổi.”

“Sao mà ông không biết được. Làm sao ông biết được chuyện sau này sẽ ra sao?”

“Lẽ ra tôi không được để nó lại cho bà ta.”

“Và lẽ ra chúng ta đừng nên tới đây,” bạn đồng hành của ông nói. “Giờ chỉ còn thiếu điều là ông lăn ra ốm ở đây thôi. Như thế mới là trọn vẹn.”

“Tôi muốn mớ tro.”

“Người ta đáng lẽ nên chôn cả mớ tro theo mới phải. Trong năm mồ đó. Cùng với cô ấy. Tôi không biết tại sao họ không làm vậy.”

“Tôi muốn mớ tro, Syl à. Chúng là cháu tôi. Đó là toàn bộ những gì tôi còn lại trong đời mình.”

“Tôi đã lo xong mớ tro đó rồi.”

“Chúa ơi!”

“Ông không cần mớ tro đó. Ông đã chịu đựng đủ rồi. Tôi sẽ không để cho chuyện gì xảy ra cho ông nữa. Mớ tro đó không được lên máy bay với ta.”

“Cô đã làm gì?”

“Tôi đã lo xong xuôi cho chúng rồi,” người phụ nữ nói. “Tôi tuyệt đối không làm gì bất kính cả. Và giờ chúng không còn ở đây nữa rồi.”

“Ôi, Chúa ơi.”

“Kết thúc rồi,” cô nói với ông. “Tất cả đã kết thúc rồi. Ông đã hoàn thành trách nhiệm của mình. Ông còn làm nhiều hơn thế. Ông không cần phải làm gì nữa. Bây giờ ông lo ăn cái gì đi. Tôi đã thu dọn phòng rồi. Tôi cũng đã trả tiền. Bây giờ chỉ còn việc đưa ông về nhà thôi.”

“Ôi, cô đúng là nhất, Sylvia, đích thực là nhất.”

“Tôi không muốn ông đau lòng thêm nữa. Tôi sẽ không để ai làm ông đau lòng.”

“Cô đúng là nhất.”

“Nếm thử và ăn đi. Món bánh kẹp trông ngon đấy.”

“Muốn ăn không?”

“Không,” cô nói. “Tôi muốn ông ăn.”

“Tôi không ăn hết được.”

“Dùng xi rô đi. Đây này, tôi làm cho, tôi sẽ rót cho ông.”

Tôi chờ họ bên ngoài, trên bãi cỏ, và rồi khi tôi thấy cái xe lăn đi qua cửa nhà hàng, tôi băng qua đường và, khi người phụ nữ đẩy ông cụ ra khỏi nhà hàng Pauline’s Place, tôi tự giới thiệu mình, vừa nói vừa đi song song với xe lăn. “Tôi sống ở đây. Tôi biết con gái ông. Chút đình thôi, nhưng tôi có gặp cô ấy vài lần. Hôm qua tôi có dự đám tang. Tôi thấy ông ở đó. Tôi muốn ngỏ lời chia buồn.”

Ông là một người to lớn với vóc người to lớn, to lớn hơn nhiều so với khi ngồi rũ ra trên xe lăn ở đám tang. Ông có lẽ cao hơn mét tám, nhưng với cái nhìn trên khuôn mặt xương xương nghiêm nghị (cùng kiểu khuôn mặt vô hồn của Faunia, chính xác là khuôn mặt của cô - đôi môi mỏng, cái cằm chìa ra, cái mũi khoằm nhọn, và cũng đôi mắt xanh sâu hoắm ấy, và bên trên đó, lượn quanh đôi mi nhọn nhạt, cũng cái rẻo thịt căng đầy đó, cái vẻ đầy đặn đã khiến tôi khi ở nông trại bò

sữa phải chú ý đến nó như một nét đẹp lạ ở cô, cái nét duyên duy nhất trên khuôn mặt cô) - với cái nhìn của một người không chỉ bị kết án tù trên chiếc xe lăn đó mà còn phải chịu nỗi thống khổ lớn hơn nhiều trong phần đời còn lại. To lớn là thế, hay từng to lớn là thế, nhưng ở ông chẳng còn lại gì ngoài nỗi sợ hãi. Tôi thấy rõ nỗi sợ hãi đó ở đằng sau cái nhìn chăm chăm của ông ngay giây phút ông ngược lên để cảm ơn tôi. “Ông tử tế quá,” người đàn ông đó nói.

Ông có lẽ vào khoảng tuổi tôi, nhưng trong lời nói của ông cho thấy rõ một tuổi thơ quý tộc ở New England, đã tồn tại từ rất lâu trước khi cả hai chúng tôi ra đời. Ngay từ trong nhà hàng tôi đã nhận ra nó - bị trói buộc, chỉ qua kiểu ăn nói đó, chỉ qua kiểu ăn nói của những người giàu có tuồng như đến từ xứ Ăng Lê, vào những quy ước lịch thiệp của một nước Mỹ nào đó khác hẳn.

“Cô là mẹ kế của Faunia à?” Câu đó có vẻ hiệu quả trong việc khiến cô chú ý - và cũng khiến cô đi chậm lại, có lẽ vậy. Tôi đồ rằng họ đang trên đường trở lại College Arms, đi qua bãi cỏ rồi rẽ là tới.

“Đây là Sylvia,” ông nói.

“Cô có thể dừng lại một chút được không,” tôi nói với Sylvia, “để tôi có thể nói chuyện với ông đây.”

“Chúng tôi đang đi cho kịp chuyến bay,” người phụ nữ bảo tôi.

Vì cô rõ ràng quyết tâm tống khứ tôi khỏi ông ngay tại đây, nên tôi nói - trong khi cố gắng bước theo cái xe lăn, “Coleman Silk là bạn tôi. Ông ấy không mất lái rồi lao xuống sông. Ông ấy không thể làm thế. Chắc chắn là vậy. Xe ông ấy bị ép văng khỏi mặt đường. Tôi biết kẻ chịu trách nhiệm cho cái chết của con gái ông. Đó không phải là Coleman Silk.”

“Đừng có đẩy nữa. Sylvia, dừng lại mau.”

“Không,” cô ấy nói. “Chuyện này thật điên khùng. Đủ lắm rồi.”

“Chính là chồng cũ của cô ấy,” tôi nói với ông. “Chính là Farley.”

“Không,” ông nói yếu ớt, cứ như tôi vừa bắn ông. “Không... không.”

“Này ông!” người phụ nữ dừng lại thật, nhưng bàn tay không nắm chặt lấy tay cầm xe lăn của cô đã chộp lấy ve áo tôi. Cô thấp và mảnh khảnh, một phụ nữ trẻ người Philippines với khuôn mặt nâu nhạt, nhỏ nhắn, kiên quyết, và tôi có thể nhận ra qua vẻ cương quyết đen huyền trong đôi mắt không sợ hãi của cô rằng những chuyện lộn xộn của loài người không được phép mon men lại gần thứ mà cô phải bảo vệ.

“Cô không dừng lại một chút được sao?” tôi hỏi cô. “Chúng ta không thể đến chỗ bãi cỏ kia và ngồi đó nói chuyện được à?”

“Ông ấy không được khỏe. Ông đang vắt kiệt sức khỏe của một người mang trọng bệnh đấy.”

“Nhưng các vị có cuốn nhật ký của Faunia.”

“Không có.”

“Các vị có khẩu súng của Faunia.”

“Thưa ông, ông đi ngay đi. Hãy để ông ấy yên, tôi cảnh cáo ông đấy!” Tới đây cô xô tôi - với bàn tay vẫn nắm chặt lấy áo tôi, cô xô tôi ra.

“Cô ấy có khẩu súng đó,” tôi nói, “để tự vệ trước Farley.”

Cô đáp, gay gắt, “Vâng, thật đáng thương.”

Lúc đó tôi chẳng biết làm gì ngoài việc theo sát họ cho tới khi họ đến hàng hiên khách sạn. Cha của Faunia giờ đang khóc không giấu giếm.

Khi quay lại thấy tôi vẫn còn đó, cô nói, “Ông đã gây họa đủ rồi đấy. Giờ thì đi đi nếu không tôi sẽ kêu cảnh sát.” Có một vẻ hung tợn dữ dội ở con người nhỏ bé này. Tôi hiểu rất rõ: để giữ lại mạng sống của ông thì phải cần đến sự dữ dội đó.

“Đừng hủy cuốn nhật ký,” tôi nói với cô. “Trong đó có ghi chép về...”

“Rác rưởi! Ghi chép về những chuyện rác rưởi thì có!”

“Syl, Sylvia...”

“Tất cả lũ đó, nó, thằng anh, con mẹ, thằng cha dượng - cả lũ chúng nó đã giày xéo lên ông ấy suốt một đời. Họ đã cướp của ông ấy. Họ đã lừa gạt ông ấy. Họ đã làm nhục ông ấy. Con gái ông ấy là tội phạm. Có bầu và đẻ con lúc mới mười sáu - rồi ném đứa con đó cho trại mồ côi. Một đứa con mà cha của cô ta lẽ ra sẽ nuôi nấng. Cô ta là đồ đánh đi mười phương. Súng đạn, đàn ông, ma túy, những chuyện bẩn thỉu và tình dục. Tiền bạc ông ấy cho nó - ông biết nó đã làm gì với chỗ tiền đó không?”

“Tôi không biết. Tôi không biết gì về trại mồ côi. Tôi không biết gì về chuyện tiền bạc.”

“Ma túy! Nó ăn cắp số tiền đó để mua ma túy!”

“Tôi không biết gì về chuyện đó.”

“Cả gia đình đó - rác rưởi! Thương hại chút đi, *làm ơn!*”

Tôi quay sang ông. “Tôi muốn kẻ gây ra hai cái chết này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Coleman Silk không hại gì đến cô ấy cả. Ông ấy không giết cô ấy. Tôi yêu cầu được nói chuyện với ông chỉ một phút thôi.”

“Để cho ông ấy nói đi, Sylvia...”

“*Không!* Không có cho chiếc gì nữa! Ông đã cho họ quá nhiều rồi!”

Người ta bây giờ đã tụ lại trên hàng hiên khách sạn nhìn ngó chúng tôi, và có cả những người khác đang ngó xuống từ các cửa sổ tầng trên. Có lẽ họ là những người cuối cùng trong số những du khách mùa lá rụng, đến đây để bắt lấy chút gì còn sót lại của mùa thu rực rỡ. Có lẽ họ là cựu sinh viên Athena. Luôn có kha khá cựu sinh viên viếng thăm thị trấn này, những cựu sinh viên đã vào tuổi trung niên và lão niên giờ ghé lại chiêm nghiệm sự mất còn ở nơi này, nâng niu tất cả những gì đã xảy ra với họ, từng thứ một, trên những con phố này hồi năm một ngàn chín trăm bao nhiêu đấy. Có lẽ họ là khách viếng thăm thị trấn để ngắm những tòa nhà thời thuộc địa đã được phục chế, có một lô những

nhà kiểu đó, nối tiếp nhau trải dài gần một dặm ở hai bên phố Ward và dù không uy nghi như những tòa nhà ở Salem, thì chúng vẫn được Hội Lịch sử Athena xem là quan trọng, không thể quan trọng hơn, ở mạn phía Tây của Biệt thự Bảy đầu hồi*. Những người này đã không đến ngủ trong những căn phòng giả cổ được bài trí kỹ lưỡng của College Arms để rồi bị đánh thức bởi tiếng cãi cọ om sòm ngay dưới cửa sổ của họ. Ở một nơi cảnh đẹp nên thơ như phố South Ward và trong một ngày đẹp trời như ngày hôm nay, việc xảy ra một cảnh lộn xộn như thế - một ông tật nguyên khóc lóc, một phụ nữ châu Á nhỏ bé la hét, một người đàn ông, qua bộ dạng, rất có thể là một giáo sư đại học, có vẻ đang khùng bố cả hai bằng những điều ông ta nói - thì chắc chắn có vẻ vừa ly kỳ vừa ghê tởm hơn nếu một chuyện tương tự xảy ra ở giao lộ lớn trong thành phố.

“Nếu tôi được xem cuốn nhật ký...”

“*Không có nhật ký gì cả,*” cô nói, và tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc nhìn cô đẩy ông ấy lên đường dốc bên cạnh cầu thang rồi xuyên qua cửa chính vào trong khách sạn.

Quay trở lại quán Pauline, tôi gọi một tách cà phê và, trên tờ giấy mà cô hầu bàn tìm được cho tôi trong ngăn kéo dưới máy tính tiền, tôi viết lá thư sau:

Tôi là người đã đến gặp ông gần nhà hàng trên phố Town ở Athena vào buổi sáng sau đám tang Faunia. Tôi sống ở một con đường vùng quê ở ngoại vi Athena, cách nhà Coleman Silk quá cỡ vài dặm, ông này, như tôi đã giải thích, là bạn tôi. Qua Coleman tôi đã gặp gỡ con gái của ông vài lần. Đôi khi tôi có nghe Coleman nói về cô ấy. Mỗi quan hệ của họ rất nồng nàn, nhưng không hề có gì bạo lực. Ông ấy chủ yếu là người tình của cô ấy, nhưng ông ấy cũng biết cách làm một

người bạn và một người thầy. Nếu cô ấy có nhu cầu được chăm sóc thì tôi không tin là Coleman lại khước từ. Dầu cho về mặt tinh thần cô ấy có nhận được gì từ Coleman chẳng nữa thì chắc không đời nào, không đời nào nó lại hủy hoại cuộc đời cô ấy.

Tôi không biết lời đồn đại ác ý về họ và vụ tai nạn ở Athena đã tới tai ông bao phần. Tôi hy vọng là không có. Tuy nhiên, có một vấn đề công lý cần được thực thi, và nó khiến toàn bộ sự ngu xuẩn kia trở nên không đáng kể. Hai người đã bị sát hại. Tôi biết kẻ đã sát hại họ. Tôi không chứng kiến vụ giết người nhưng tôi biết nó đã xảy ra. Tôi hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Nhưng tôi cần có bằng chứng nếu muốn cảnh sát hay một luật sư tin lời tôi. Nếu ông nắm giữ bất cứ thứ gì cung cấp thông tin về tình trạng tinh thần của Faunia trong mấy tháng qua hoặc thậm chí là từ hồi cô ấy còn sống với Farley, tôi mong ông đừng hủy nó đi. Tôi đang nghĩ tới những thư từ mà ông hẳn đã nhận được từ cô ấy những năm qua cũng như những di vật tìm được trong phòng sau khi cô ấy chết và đã được Sally và Peg chuyển lại cho ông.

Số điện thoại và địa chỉ của tôi là...

Tôi chỉ có thể viết được đến đây. Tôi định chờ đến khi họ đi, rồi gọi điện tới College Arms và bằng câu chuyện bịa đặt nào đó, moi được từ tiếp tân tên họ và địa chỉ của ông, và gửi lá thư của tôi qua bưu điện chuyển phát nhanh. Tôi sẽ đến gặp Sally và Peg để hỏi thăm địa chỉ nếu không moi được nó ở khách sạn. Nhưng thực tế, tôi sẽ chẳng làm bất cứ việc nào hết. Dù Faunia có để lại thứ gì trong phòng thì chúng đã bị Sylvia vứt bỏ hay tiêu hủy cả rồi - lá thư của tôi cũng sẽ chịu số phận tương tự khi nó đến được địa chỉ đó. Cái con người nhỏ bé mà toàn bộ mục đích của cô là giữ không cho quá khứ hành hạ ông ấy thêm, sẽ không đời nào cho lọt vào bốn bức tường trong ngôi nhà của ông điều mà cô đã không cho phép khi cô trực diện đối đầu với tôi. Hơn nữa, tôi cũng không thể tranh cãi về cách cư xử của cô. Nếu đau khổ đã lây lan khắp gia đình đó như một chứng bệnh thì ta chẳng thể

làm gì khác ngoài việc treo một bảng hiệu giống cái mà người ta thường treo trên cửa phòng của người mắc bệnh truyền nhiễm khi tôi còn nhỏ, một tấm bảng CÁCH LY hay trong mắt người không nhiễm bệnh thì không là gì khác ngoài một chữ CÁCH LY đen in hoa to tướng. Sylvia nhỏ bé chính là chữ CÁCH LY đầy đằm gờ ấy, và tôi không có cách chi vượt qua được nó.

Tôi xé bỏ bức thư mình vừa viết và đi bộ qua thị trấn để đến dự tang lễ.

Tang lễ của Coleman được thu xếp bởi con cái ông, và bốn người bọn họ có mặt ở đó ngay cửa nhà nguyện Rishanger để chào những người dự tang khi họ lần lượt đi vào. Ý tưởng chôn cất ông ở bên ngoài Rishanger, nhà nguyện của đại học, là một quyết định của gia đình, và tôi có thể thấy đó là yếu tố then chốt của một kế hoạch được tính toán kỹ lưỡng, một nỗ lực để phá bỏ cái án tự lưu đày của cha họ, và nối kết ông, nếu không thể lúc sống thì hãy là lúc chết, trở lại với cộng đồng nơi ông đã tạo lập được sự nghiệp xuất sắc của mình.

Khi tự giới thiệu, tôi lập tức được Lisa, con gái Coleman, kéo sang một bên, cô ôm lấy tôi và nói bằng giọng thì thầm đầy nước mắt, “Chú là bạn ba cháu. Chú là người bạn duy nhất còn lại của ba cháu. Có lẽ chú là người cuối cùng gặp ba cháu.”

“Chúng tôi là bạn bè trong ít lâu,” tôi nói, nhưng không giải thích gì về việc đã gặp ông lần cuối cách nay mấy tháng, vào một sáng thứ Bảy hồi tháng Tám ở Tanglewood, và vào lúc đó ông đã cố ý để tình bạn ngăn ngui này trôi đi.

“Tụi cháu mất ông ấy rồi,” cô nói.

“Tôi biết.”

“Tụi cháu mất ông ấy rồi,” cô lặp lại, và rồi cô bật khóc, không nói gì nữa.

Một thoáng im lặng, rồi tôi nói, “Tôi yêu quý ông ấy và tôi ngưỡng mộ ông ấy. Tôi ước chi mình quen biết ông ấy lâu hơn.”

“Tại sao chuyện này lại xảy ra?”

“Tôi không biết.”

“Có phải ba cháu đã phát điên không? Bộ ông ấy mất trí sao?”

“Tuyệt đối không. Không đâu.”

“Vậy tại sao toàn bộ chuyện này lại xảy ra được?”

Khi tôi không trả lời (và làm sao tôi trả lời được, ngoài cách khởi sự viết cuốn sách này?), hai tay cô từ từ buông khỏi tôi, và khi chúng tôi đứng với nhau thêm vài giây nữa, tôi nhận thấy cô giống cha mồn một làm sao - mồn một như Faunia giống cha cô ấy. Cũng những đường nét như tạc, cũng đôi mắt xanh lá, cũng nước da ngăm ngăm, thậm chí cả vóc người cô cũng là một bản sao từ cơ thể vận động viên hạng nhẹ của Coleman chỉ có điều vai cô thì hẹp hơn một chút. Ở diện mạo, di sản gene của bà mẹ, Iris Silk, có vẻ chỉ hiện hữu trong mớ tóc đen rối nùi đồ sộ. Trong hết bức này tới bức ảnh khác chụp Iris - những bức ảnh tôi thấy trong album ảnh gia đình mà Coleman đã cho tôi xem - những đường nét trên khuôn mặt hầu như không quan trọng, mà tầm quan trọng nhường ấy của bà như một con người, nếu không muốn nói là toàn bộ ý nghĩa tồn tại của bà, có vẻ như đều tập trung cả trong khối tóc bậm sinh đã đầy kịch tính, quyết đoán này. So với bà mẹ, ở Lisa mái tóc có vẻ tương phản với tính cách của cô hơn là xuất phát từ tính cách ấy.

Chỉ trong mấy phút ở cạnh nhau, tôi đã có ấn tượng rõ rệt rằng mối liên hệ, nay đã đứt đoạn, giữa Lisa với cha cô sẽ không rời tâm trí cô một ngày nào trong suốt quãng đời còn lại của cô. Theo cách này hay cách khác, ý niệm về ông sẽ chi phối mọi điều cô nghĩ hoặc làm hoặc không làm được. Kết quả của việc yêu thương ông trọn vẹn như một cô con gái rệu, và của việc bị chia cắt với ông vào quãng thời gian cuối đời ông, chắc sẽ chẳng bao giờ để người phụ nữ này được yên.

Ba người đàn ông nhà Silk - anh song sinh Mark của Lisa, và hai anh lớn, Jeffrey và Michael - không xúc động lắm khi chào hỏi tôi. Tôi không thấy dấu vết gì của sự uất giận dữ dội nơi Mark như một đứa con bị xúc phạm, và khi, quãng một tiếng sau, thái độ bình thản của cậu ta tan biến bên huyết mộ, thế vào đó là vẻ nghiệt ngã của một kẻ phải gánh chịu nỗi mất mát vô phương bù đắp. Jeff và Michael rõ ràng là hai đứa con tráng kiện nhất nhà Silk, và ở họ ta thấy rõ dấu vết thể chất của bà mẹ vững như bàn thạch: ngoại trừ mái tóc bà (cả hai anh em hiện đã hói), chúng giống bà ở chiều cao, sự tự tin đã ăn sâu thành bản chất, vẻ uy quyền đầy chân thành. Họ không phải loại người luẩn quẩn trong cuộc sống. Điều này có thể thấy rõ ngay trong cách chào hỏi và qua vài lời họ nói ra. Khi ta gặp Jeff và Michael, nhất là khi họ đứng cạnh nhau, ta đã gặp được địch thủ xứng tầm. Cái hồi trước khi tôi biết về Coleman - cái thời vàng son của ông, trước khi ông bắt đầu quay cuồng mất kiểm soát trong cái nhà tù mỗi lúc một chật hẹp của cơn giận dữ, trước khi những thành tựu từng nói lên con người ông, những thành tựu từng *chính là* ông, biến mất khỏi cuộc đời ông - bạn chắc hẳn cũng sẽ gặp được một kẻ xứng tầm nơi ông và điều đó có lẽ giải thích tại sao tinh thần sẵn sàng hạ bệ tay chủ tịch hội đồng giảng viên lại mau chóng xuất hiện rộng khắp ngay khi ông bị kết án là đã nói to ra một từ miệt thị chủng tộc của người khác.

Mặc cho mọi tin đồn lan khắp thị trấn, số người dự đám tang Coleman vẫn vượt xa tưởng tượng của tôi; và hẳn là cũng vượt quá tưởng tượng của Coleman nếu ông từng nghĩ đến chuyện này. Sáu, bảy hàng ghế đầu đã đầy người, và dòng người vẫn đang tủa vào sau lưng tôi khi tôi tìm được một ghế trống ở lưng chừng quãng đường tới bàn thờ, bên cạnh một người mà tôi nhận ra - do đã thấy hẳn ta lần đầu tiên vào hôm trước - là Smoky Hollenbeck. Liệu Smoky có ý thức được mới một năm trước đây thôi, hẳn đã suýt thì trải qua tang lễ của chính hẳn tại nhà nguyện Rishanger này không? Có lẽ hẳn đang dự lễ tang

này để tạ ơn vận may của bản thân hơn là do lòng kính trọng đối với kẻ từng thay hẳn làm người tình của Faunia.

Ngồi bên cạnh Smoky là một phụ nữ mà tôi đoán là vợ hẳn, một phụ nữ tóc vàng xinh xắn khoảng bốn mươi tuổi và, nếu tôi nhớ chính xác, là cô bạn cùng lớp ở Athena mà Smoky kết hôn hồi thập niên bảy mươi và hiện là mẹ của năm đứa con. Nhà Hollenbeck thuộc nhóm người trẻ nhất, ngoài gia đình Coleman, trong số những người tôi thấy trong nhà nguyện khi tôi bắt đầu nhìn quanh. Ở đây chủ yếu là những người đã có thâm niên ở Athena, những giảng viên và nhân viên trong trường mà Coleman đã quen biết gần bốn mươi năm, trước khi Iris chết và ông xin nghỉ việc. Liệu Coleman sẽ nghĩ gì về những người kỳ cựu đang có mặt ở Rishanger để tiễn đưa ông, nếu ông có thể thấy họ ngồi trước quan tài của mình? Có lẽ ông sẽ nghĩ gì đó đại loại như, “Chả mấy khi lại có một dịp tuyệt vời để tự tán thưởng mình như thế này. Tất cả họ hẳn phải cảm thấy công chính biết bao vì đã không để bụng việc tôi khinh bỉ họ.”

Khi ngồi đó với tất cả đồng nghiệp của ông, thật lạ khi nghĩ rằng những người có học và lịch sự một cách chuyên nghiệp như thế lại sẵn lòng tin theo giấc mơ đáng kính của loài người về một hoàn cảnh mà ở đó một người có thể là hiện thân cho cái ác. Ấy thế mà cái nhu cầu đó lại tồn tại, bất tử và ăn sâu trong mỗi người.

Khi cánh cửa phía ngoài được đóng lại và người nhà Silk vào chỗ của họ ở hàng ghế đầu, tôi thấy nhà nguyện đã kín người tới hai phần ba, ba trăm người, có khi hơn, chờ đợi cái sự kiện cổ xưa và tự nhiên này của con người để tiếp nhận nỗi kinh hoàng về đoạn kết của cuộc đời. Tôi cũng thấy Mark Silk, một mình giữa các anh em, mang cái mũ chỏm của dân Do Thái.

Có lẽ cũng như hầu hết mọi người, tôi chờ đợi một trong những đứa con của Coleman sẽ lên bục phát biểu trước tiên. Nhưng sáng đó chỉ có một người phát biểu, và đó là Herb Keble, nhà chính trị học mà chủ tịch hội đồng giảng viên Silk nhận vào làm và là giáo sư da màu đầu

tiên của Athena. Rõ ràng gia đình ông đã chọn Keble vì cùng một lý do đã khiến họ chọn Rishanger làm nơi tổ chức tang lễ: để phục hồi tên tuổi cho cha của họ, để đảo ngược thời gian ở Athena và trả lại cho Coleman địa vị và uy tín trước đây của ông. Khi tôi nhớ lại vẻ nghiêm trang của Jeff và Michael lúc từng người bắt tay tôi, gọi tên tôi và nói, “Cảm ơn ông đã tới - sự có mặt của ông rất quan trọng với gia đình chúng tôi,” và khi tôi hình dung ra rằng họ chắc hẳn đã lặp lại câu nói tương tự với từng người đến viếng, trong số đó có rất nhiều người họ biết từ lúc còn bé, tôi thầm nghĩ, Và họ không hề có ý định từ bỏ, cho đến khi tòa nhà hiệu bộ được mang tên Coleman Silk.

Việc chỗ này gần như đầy ắp người có lẽ chẳng phải chuyện xảy ra tình cờ. Họ hẳn đã gọi cả triệu cuộc điện thoại từ sau khi vụ tai nạn xảy ra, huy động những người đến viếng tang theo kiểu người ta lùa cử tri tới phòng phiếu khi Thị trưởng Daley trước đây ra tranh cử ở Chicago. Và họ hẳn đã dọa dẫm thế nào đó với Keble, người mà Coleman đặc biệt coi thường, để thuyết phục ông ta tự nguyện đưa mình ra làm vật tế thần cho những tội lỗi của Athena. Càng nghĩ về cảnh hai cậu con trai nhà Silk vịn tay Keble, hù dọa ông ta, quát tháo ông ta, lên án ông ta, thậm chí thẳng thừng đe dọa ông ta vì cái cách ông ta phản bội cha họ hai năm trước, tôi lại càng thích họ - và lại càng thích Coleman vì ông đã sinh ra hai anh chàng khôn ngoan, vững chãi, to lớn này, những kẻ không ngần ngại làm những việc phải làm để trả lại thanh danh cho ông. Hai người này sẽ giúp tống cổ Les Farley vào tù cho đến hết đời.

Tôi đã tin như thế cho đến chiều hôm sau, ngay trước khi họ rời thị trấn, khi - bằng một sức thuyết phục thẳng thừng sốc óc mà tôi đoán chừng là cũng được sử dụng với Keble, không kém phần huých toẹt - họ cho tôi biết rằng tôi nên chấm dứt mọi thứ: quên hết về Les Farley và hoàn cảnh xảy ra vụ tai nạn và chuyện thúc giục cảnh sát điều tra sâu hơn vụ việc. Họ hẳn đã không thể làm rõ hơn được nữa rằng sự phản đối của họ sẽ là không có giới hạn nếu như chuyện dan díu của

cha họ với Faunia Farley có cơ trở thành tiêu điểm chú ý trong một vụ xử án mà người ta phải mở ra vì sự dai dẳng của tôi. Faunia Farley là cái tên mà họ không bao giờ muốn nghe thêm một lần nào nữa, nhất lại là trong một vụ xử đây tai tiếng có thể được tường thuật bằng thứ ngôn ngữ giật gân trên báo chí địa phương và ghi khắc vĩnh viễn không phai trong ký ức người dân địa phương và có thể khiến Tòa nhà Coleman Silk mãi mãi chỉ là một giấc mơ.

“Cô ta không phải là cái tên lý tưởng để cho người ta nghĩ đến khi nhắc tới di sản của cha chúng tôi,” Jeffrey bảo tôi. “Người đó phải là mẹ chúng tôi,” Michael nói. “Chẳng có gì để nói về con hĩm rẻ tiền này hết.” “Chẳng gì hết,” Jeffrey lặp lại. Thật khó để tin rằng, với thái độ mạnh bạo và quyết liệt như vậy, họ lại là giáo sư khoa học tại California. Người ta hẳn sẽ nghĩ họ đang điều hành hãng phim Twentieth Century Fox.

Herb Keble là một người đàn ông mảnh khảnh, da đen sẫm, giờ đã già, có dáng đi hơi khó khăn, dù không hề có vẻ lom khom hay khập khiễng vì bệnh tật, và có nét gì đó thống thiết ở một nhà thuyết giáo da màu trong cả phong thái nghiêm nghị lẫn giọng nói hung dữ của quan tòa tuyên án treo cổ. Ông ta chỉ cần nói, “Tên tôi là Herbert Keble” là cả khán phòng dính phép của ông ta lập tức; đứng sau bục, ông ta chỉ cần im lặng nhìn chăm chăm vào quan tài Coleman và rồi quay sang đám đông dự lễ và tuyên bố mình là ai là đã khơi dậy được cái mảng cảm xúc gắn liền với những buổi diễn giảng thánh thi. Ông ta nghiêm khắc cái kiểu nghiêm khắc của một lưỡi dao - một mối đe dọa nếu như ta không sử dụng nó một cách cực kỳ cẩn thận. Nhìn chung đây là một con người ấn tượng, trong cả phong thái lẫn diện mạo, và người ta có thể thấy Coleman đã thuê ông ta để phá vỡ rào cản màu da ở Athena vì những lý do tương tự như khi Branch Rickey ký hợp đồng với Jackie Robinson để đưa ông ta trở thành vận động viên bóng chày da đen đầu tiên ở giải ngoại hạng. Không dễ tưởng tượng hai chàng trai nhà Silk

lại có thể nạt nộ ép buộc Keble làm theo yêu cầu của họ, cho đến khi ta nghĩ đến sức hấp dẫn của việc được tỏ ra thống thiết đối với một tính cách đặc sệt thói phù phiếm thường thấy ở những kẻ được ủy quyền thực thi nghi lễ. Ông ta phô trương rất rõ cái uy quyền của kẻ dưới một người trên muôn người.

“Tên tôi là Herbert Keble,” ông ta mở lời. “Tôi là chủ nhiệm khoa Chính trị học. Năm 1996, tôi nằm trong số những người cảm thấy không tiện đứng lên bênh vực Coleman khi ông bị kết án là phân biệt chủng tộc - tôi, người đã đến Athena mười sáu năm trước, chính là năm mà Coleman Silk được chỉ định làm chủ tịch hội đồng giảng viên; tôi, người đầu tiên chủ tịch Silk quyết định bổ nhiệm giảng dạy. Có lẽ đã quá muộn màng khi giờ đây tôi mới đứng trước quý vị để tự khiển trách bản thân vì đã phụ lòng tin của người bạn và người bảo trợ của mình, và để làm điều tôi có thể làm - dù cũng đã quá muộn màng - để bắt đầu nỗ lực sửa chữa những bất công, những lỗi lầm tai hại, những sai lầm đáng khinh, mà Đại học Athena đã gây ra cho ông.

“Vào thời điểm xảy ra sự cố mang cái mác phân biệt chủng tộc, tôi nói với Coleman, ‘Tôi không thể đứng về phía ông trong chuyện này.’ Tôi chủ tâm nói thế với ông, tuy có lẽ không hoàn toàn vì sự cơ hội chủ nghĩa, hám danh, hay hèn nhát như ông đã mau chóng gán cho tôi. Lúc đó tôi nghĩ rằng mình có thể làm được nhiều hơn cho Coleman bằng cách vận động trong hậu trường để làm lắng dịu sự chống đối hơn là công khai liên minh với ông trước mặt mọi người, để rồi sau đó bị vô hiệu hóa, như tôi hẳn đã bị vậy, bị đốn hạ bởi cái vũ khí cực đoan vận năng chính là cái danh, ‘Chú Tom.’ Tôi nghĩ rằng mình có thể là tiếng nói của lẽ phải từ bên trong - hơn là từ bên ngoài - hàng ngũ những người giận dữ trước nhận xét bị coi là phân biệt chủng tộc của Coleman, thứ đã thúc đẩy họ đi tới chỗ phỉ báng ông và trường đại học một cách bất công vì cái vốn là sai sót của hai sinh viên ấy. Tôi đã nghĩ rằng nếu đủ khôn ngoan và đủ kiên nhẫn thì tôi có thể làm dịu đi sự phẫn nộ của, nếu không phải những người chống đối ông cực đoan

nhất, thì cũng phải là những thành viên chín chắn, điềm đạm trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi ở địa phương chúng ta và những người da trắng đồng cảm với họ, những người mà sự phản đối thực tình chẳng bao giờ vượt trên mức nhất thời và chóng qua. Tôi đã nghĩ rằng, tôi có thể kịp thời - và, tôi đã hy vọng, càng kịp chừng nào càng tốt - khởi xướng một cuộc đối thoại giữa Coleman với những người lên án ông, một cuộc đối thoại có thể dẫn đến việc loan truyền một tuyên bố chỉ rõ bản chất của hiểu lầm đã gây ra bi kịch này, và qua đó đưa sự vụ đáng tiếc này tới một kết thúc hợp tình hợp lý.

“Tôi đã lầm. Lẽ ra tôi đừng bao giờ nói với bạn mình, ‘Tôi không thể đứng về phía ông trong chuyện này.’ Lẽ ra tôi nên nói, ‘Tôi *tất* đứng về phía ông.’ Lẽ ra tôi phải chống lại các kẻ thù của ông không phải theo cái cách âm thầm và lằm lặc từ bên trong, mà phải thẳng thừng và thành thật từ bên ngoài - các động thái ủng hộ sẽ làm ông vững tâm hơn, ông sẽ không thấy bị bỏ mặc một mình để rồi gặm nhấm cái cảm giác tan nát khi bị ruồng bỏ đã gây mưng mủ cho vết thương dẫn đến việc ông xa lánh đồng nghiệp và rời khỏi trường đại học, và từ đó mà đi đến cảnh cô lập tự hủy hoại, thứ mà tôi tin - thật là kinh khủng đối với tôi khi phải tin như thế - đã dẫn dắt ông, không quá vòng vèo gì cho cam, đến cái chết bi thảm, hoài phí, và đáng tiếc trong vụ tai nạn xe hơi hôm ấy. Tôi lẽ ra đã phải nói lên những điều mình muốn nói lúc này trước mặt các đồng nghiệp, đồng liêu cũ của ông, nhất là trước mặt con cái ông, Jeff và Mike, những người từ California đến đây, và Mark với Lisa, tới đây từ New York - lẽ ra đã phải nói, với tư cách một thành viên gốc Phi có thâm niên của Đại học Athena, rằng:

“Coleman chưa một lần đi chệch khỏi lối cư xử cực kỳ công bằng trong giao tiếp với từng sinh viên một trong suốt thời gian ông làm việc tại Đại học Athena. Chưa bao giờ.

“Hành vi bị cho là sai trái ấy chưa hề xảy ra. Chưa bao giờ.

“Những gì ông đã buộc phải chịu - những lời kết án, những cuộc thẩm vấn, cuộc điều tra - vẫn còn là một vết nhơ với sự liêm chính của cơ sở đào tạo này cho đến ngày hôm nay, và nhất là ngày hôm nay. Tại đây, tại cái xứ New England đã có lịch sử gắn liền mình với sự kháng cự của con người Mỹ cá nhân trước những áp chế của một cộng đồng ưa chỉ trích - Hawthorne, Melville, và Thoreau hiện ra trong tâm trí ta - một con người Mỹ cá nhân vốn không nghĩ rằng thứ nặng cân nhất trong cuộc sống là các luật lệ, một con người Mỹ cá nhân luôn đòi hỏi tra vấn sự chính thống của tập tục và của chân lý có sẵn, một người Mỹ cá nhân không phải lúc nào cũng chiều theo những chuẩn mực của đa số về phép lịch sự và thị hiếu - một con người Mỹ cá nhân *par excellence** lại một lần nữa bị vu khống đã man bợ và lảng giềng thế nên ông sống xa lánh họ cho tới chết; bị tước bỏ thẩm quyền đạo đức bởi sự ngu dốt về đạo đức của họ. Vâng, chính là chúng ta, cái cộng đồng ưa xét nét ngu dốt về đạo đức, những người tự hạ nhục chính mình khi bôi nhọ thanh danh của Coleman Silk một cách đáng xấu hổ như thế. Tôi đặc biệt muốn nói tới những người như chính tôi, những người nhờ quan hệ thân tình mà biết được sự gắn bó sâu đậm của ông với Athena và sự thuần khiết trong cống hiến của ông trong vai trò nhà giáo dục, những người, dù là vì động cơ lầm lạc nào đi nữa, đã phản bội ông. Tôi sẽ nói lại lần nữa: chúng ta đã phản bội ông. Phản bội Coleman và phản bội Iris.

“Cái chết của Iris, cái chết của Iris Silk, xảy ra ngay giữa...”

Cách tôi hai ghế về bên trái, cô vợ của Smoky Hollenbeck đã bật khóc, cũng như nhiều phụ nữ khác gần đó. Smoky thì nghiêng người tới trước, trán hấn ta tì nhẹ vào hai bàn tay đan vào nhau trên lưng ghế dãy ghế trước mặt theo một cung cách nhang nhác của giáo sĩ. Tôi độ chừng hấn ta muốn tôi hay vợ hấn hay bất kỳ ai có thể đang quan sát hấn tin rằng hấn đang không thể chịu đựng nổi khi nghĩ về sự bất công xảy ra cho Coleman Silk. Tôi độ chừng hấn muốn ra về như chìm

trong nỗi thương cảm, nhưng bởi tôi biết về tất cả những gì hằn ta, người đàn ông gương mẫu của gia đình, muốn che giấu về cái bản chất Dionysus của mình, tôi cảm thấy khó mà nuốt nổi cái vế mặt đó.

Nhưng, không kể đến Smoky, thì sự chú ý, sự tập trung, sự tập trung sắc bén dồn vào từng lời của Herb Keble có vẻ chân thật đủ để cho tôi hình dung rằng những người hiện diện ở đây khó lòng mà không xót xa cho những thứ Coleman đã phải gánh chịu một cách bất công. Tôi tự hỏi, dĩ nhiên, không biết lời giải thích của Keble về lý do tại sao ông ta không đứng về phía Coleman vào thời điểm xảy ra sự cố lũ ma là do chính ông ta nghĩ ra hay là cái mà mấy cậu con trai nhà Silk bịa ra để ông ta có thể làm theo những gì họ yêu cầu trong khi vẫn giữ được thể diện. Tôi tự hỏi liệu lời giải thích ấy có mô tả chính xác những động cơ của ông ta khi ông ta nói những lời mà sau này rất nhiều lần Coleman đã cay đắng nhắc lại với tôi: “Tôi không thể đứng về phía ông trong chuyện này.”

Tại sao tôi lại không muốn tin người đàn ông này? Bởi, đến một độ tuổi nào đó, óc hoài nghi của người ta đã được tôi luyện thấm thía đến độ người ta không muốn tin vào bất kỳ ai nữa? Hiển nhiên, hai năm trước, khi ông ta im lặng và không đứng lên biện hộ cho Coleman, lý do của ông ta cũng chính là cái khiến người ta luôn im lặng: là vì lợi ích cá nhân mà họ im lặng. Sự thiết thực không phải là một động cơ quá đỗi tầm tối. Herb Keble chỉ lại là một người nữa cố gắng hợp thức hóa câu chuyện, dù là theo một cách táo bạo, thậm chí thú vị, bằng cách nhận tội lỗi về mình, nhưng dẫu sao vẫn không thể chối bỏ thực tế sờ sờ là ông ta đã không thể hành động khi cần thiết, và vì thế tôi nghĩ, nhân danh Coleman, Mẹ kiếp ông ta.

Khi Keble rời khỏi bục và, trước khi trở về chỗ ngồi, ông ta dừng lại để bắt tay từng người trong đám con cái của Coleman, động tác đơn giản đó chỉ là để thổi bùng lên cảm xúc dữ dội do bài diễn văn của ông ta khơi dậy. Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? Trong một thoáng, không có gì xảy ra. Chỉ có sự im lặng và quan tài và cơn say cảm xúc

của đám đông. Rồi Lisa đứng dậy, bước lên bậc tam cấp dẫn tới bục, và, từ trên bục cao đó, cô nói, “Phần cuối bản Giao hưởng số ba của Mahler.” Thế đấy. Họ quyết định chơi tới bến luôn. Họ chơi Mahler.

Chậc, có những lúc bạn không thể nghe Mahler. Khi ông ấy dựng ta lên mà lay lắc, ông ấy sẽ không dừng lại. Đến cuối đoạn nhạc, tất cả chúng tôi đều khóc.

Đối với riêng tôi, tôi nghĩ không có bất cứ thứ gì có thể làm tôi tan nát như thế trừ việc nghe Steena Palsson thể hiện bài “The Man I Love” khi cô ấy hát nó ở cuối chiếc giường của Coleman trong căn phòng trên phố Sullivan năm 1948.

Chuyến đi bộ qua ba ngã tư tới nghĩa trang thật khó quên, chủ yếu là bởi nó cứ như thể chưa từng xảy ra. Mới phút trước chúng tôi còn bị tê liệt bởi vẻ mong manh vô biên trong khúc nhạc khoan thai của Mahler, vì vẻ đơn sơ không giả tạo, không dàn dựng, vẻ đơn sơ dường như trải ra với nhịp bước dồn của cuộc sống cũng như tất cả sự thoái thác không muốn kết thúc của cuộc sống... mới lúc trước chúng tôi còn bị tê liệt bởi sự sánh vai tuyệt khéo của cái trang nghiêm và cái thân tình được khơi lên nơi sự dữ dội bị kìm nén, ngân vang, lặng đi của những thứ đàn dây, rồi dềnh lên thành những đợt sóng trào qua cái kết giả tạm đồ sộ dẫn tới cái kết đích thực, cái kết kéo dài, cái kết lịch sử... mới lúc trước chúng tôi còn bị tê liệt bởi sự trương nở, sự vút cao, sự tiến đến cao trào, rồi lắng xuống của một cuộc truy hoan bi thảm cứ tràn tới tràn tới bằng một nhịp độ kiên quyết không hề thay đổi, rút đi, rồi trở lại như nỗi đau hay sự trông ngóng không chịu tan biến... mới lúc trước chúng tôi còn, với sự khăng khăng mỗi lúc một dâng cao của Mahler, thấy mình như đang ở trong quan tài với Coleman, đồng điệu với toàn bộ nỗi khủng khiếp của sự vô tận cũng như niềm khao khát cháy bỏng muốn vượt thoát cái chết, và rồi bằng cách nào đó, sáu, bảy chục con người chúng tôi đã đưa mình đến được nghĩa trang để nhìn ông được chôn cất, một nghi thức tương đối đơn giản, tất cả tạo nên

một giải pháp cho câu chuyện cũng hợp lý như bất cứ giải pháp nào khác từng được nghĩ ra, nhưng là một thứ ta chẳng bao giờ hiểu thấu được. Ta cứ phải chính mắt nhìn thấy nó thì mới tin rằng nó tồn tại.

Tôi không tin hầu hết mọi người đều dự định đi theo thi hài đến tận huyệt mộ. Nhưng con cái nhà Silk có tài khơi dậy và duy trì cảm xúc bi thương, và tôi cho rằng đây chính là lý do tại sao có nhiều người đến thế tụ tập gần nhất có thể quanh huyệt mộ nơi sẽ là chỗ an nghỉ đời đời của Coleman, cứ như thể chúng tôi sẵn sàng bò vào đó và thế chỗ của ông, để hiến mình như vật thay thế, như kẻ thế mạng, như những món hiến tế, nếu điều đó có thể, bằng một con đường màu nhiệm, cho phép tái tục cuộc đời mẫu mực, mà chính Herb Keble thừa nhận, đã gần như bị đánh cắp khỏi tay Coleman từ hai năm trước.

Coleman sẽ được chôn cạnh Iris. Trên bia mộ của bà ghi 1932-1996. Bia của ông sẽ là 1926-1998. Những con số mới rạch ròi làm sao. Và chúng nói được mới ít ỏi làm sao về những điều đã xảy ra.

Tôi nghe bài kinh Kaddish vang lên trước khi nhận ra ai đó ở đây đang tụng nó. Trong giây lát, tôi ngỡ nó trôi dạt tới từ một nơi nào khác trong nghĩa trang để rồi nhận ra nó đến từ mé bên kia huyệt mộ, nơi Mark Silk - đứa con trai út, đứa con trai giận dữ, đứa con trai, giống như cô em sinh đôi của cậu ta, mang nét giống cha rõ nhất - đang đứng một mình, với cuốn kinh trên tay và cái mũ chỏm trên đầu, và đang tụng bằng một giọng dịu dàng, đắm nước mắt, bài kinh cầu nguyện quen thuộc bằng tiếng Hebrew.

Yisgadal, v'yiskadash...

Hầu hết dân Mỹ, kể cả tôi và có lẽ cả anh chị của Mark, đều không biết những lời đó có nghĩa gì, nhưng hầu hết mọi người đều nhận ra thông điệp trang nghiêm mà nó chuyển tải: một người Do Thái đã chết. Một người Do Thái nữa đã chết. Cứ như thế cái chết không phải là một hệ quả của cuộc sống mà là hệ quả của việc làm một người Do Thái.

Khi Mark hát xong, cậu ta gấp cuốn kinh lại, và rồi, sau khi tạo ra tâm trạng trầm lắng sâu thẳm ở những người khác, chính cậu ta cũng bị chìm trong cơn kích động. Đám tang Coleman kết thúc như vậy đó - với tất cả chúng tôi bị tê liệt đi, lần này là bởi sự suy sụp của Mark, cậu ta chới với vung vẩy tay trong không trung và, qua cái miệng há hốc, bật khóc nức lên. Tiếng than khóc dữ dội ấy, thậm chí còn xa xưa hơn bài kinh cậu ta vừa tụng, cất cao lên mỗi lúc một dữ dội cho đến khi cậu ta thấy chị mình chạy bổ đến với hai tay dang ra, cậu ta mới ngoảnh khuôn mặt nhà Silk rúm ró về phía cô, và kêu lên với vẻ kinh ngạc hoàn toàn ngây ngô của một đứa trẻ, “Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại ba nữa!”

Tôi thấy mình chẳng thể nào rộng lượng được. Những ý nghĩ rộng lượng khó mà xuất hiện trong cái ngày hôm đó. Tôi nghĩ, Làm thế thì cũng có nghĩa lý gì? Lúc ông ấy còn ở đây thì cậu đâu có hăm hở muốn gặp ông ấy như thế.

Mark Silk hẳn đã tưởng rằng cha cậu ta sẽ sống mãi để cho cậu ta thù ghét. Để thù ghét và thù ghét và thù ghét và thù ghét, và rồi có lẽ, cho đến lúc cậu ta muốn, sau khi những màn kết án đã lên tới đỉnh cao và cậu ta đã quật Coleman đến tận bờ vực cái chết bằng cái nút thắt thù hận của đứa con, cậu ta sẽ tha thứ cho ông ấy. Cậu ta cứ tưởng Coleman sẽ ở đây cho đến khi cả tấn kịch được diễn xong, cứ như cậu ta với Coleman đã được thả xuống không phải cuộc đời này mà trên sườn đồi phía Nam của vệ thành Athens, trong một sân khấu lộ thiên là chốn tôn nghiêm của thần Dionysus, nơi mà, trước con mắt của hàng vạn khán giả, luật tam duy nhất lại được tuân theo triệt để và cái quy trình thanh tẩy vĩ đại sẽ được trình diễn mỗi năm. Khao khát của con người dành cho mở, thân, kết - và phần kết cần có tầm vóc tương xứng với phần mở đầu và phần thân - được thể hiện trọn vẹn không đâu cho bằng những vở kịch mà Coleman đã dạy tại Đại học Athena. Nhưng bên ngoài bi kịch cổ điển của thế kỷ thứ năm trước Công nguyên, khát vọng về một sự hoàn tất, ấy là chưa nói đến một sự hoàn

tất hoàn hảo và công bằng, là một ảo tưởng ngu ngốc mà một kẻ trưởng thành không nên ôm ấp.

Mọi người bắt đầu tản đi. Tôi thấy vợ chồng Hollenbeck đi theo lối mòn giữa những bia mộ và hướng ra con phố gần đó, tay gã chồng quàng qua vai cô vợ, dìu cô ta đi với vẻ đầy bảo bọc. Tôi thấy anh luật sư trẻ, Nelson Primus, người đã đại diện cho Coleman trong sự cố lũ ma, và cạnh anh ta là một phụ nữ trẻ mang thai đang sụt sịt, chắc hẳn là vợ anh ta. Tôi thấy Mark đang ở cùng chị mình, cô chị vẫn đang an ủi cậu ta, và tôi thấy Jeff với Michael, hai người đã điều hành toàn bộ tang lễ này một cách trơn tru như thế, đang lặng lẽ nói chuyện với Herb Keble cách chỗ tôi đang đứng vài mét. Tôi không thể để mình đi vì Les Farley. Bên ngoài nghĩa trang này, hẳn ta vẫn cứ bạo liệt mà sống, không bị cản trở, không bị kết án bất cứ tội nào, nhào nặn lấy cái thực tại thô thiển của riêng mình, một kẻ cục súc gây gổ với bất cứ ai hấn thích theo bất cứ kiểu nào hấn thích vì tất tạt những lý do thầm kín biện minh cho bất kể thứ gì hấn muốn làm.

Đương nhiên, tôi biết rằng không có sự hoàn tất nào, không có sự hoàn tất hoàn hảo và công bằng nào, nhưng điều đó không có nghĩa rằng khi đứng đó cách chỗ mà cỗ quan tài được hạ xuống cái huyệt mới được đào độ một bước, tôi không ngoan cố nghĩ rằng cái kết thúc này, cho dù tất cả đều hiểu là nó tái lập vĩnh viễn vị trí của Coleman như một yếu nhân được ngưỡng mộ trong lịch sử trường đại học này, vẫn là chưa thỏa đáng. Quá nhiều sự thật vẫn còn bị che giấu.

Tôi muốn nói tới sự thật về cái chết của ông, không phải cái sự thật được phơi bày ra sau đó. Có sự thật này và rồi lại có sự thật khác. Vì dấu cho thế giới này đầy rẫy những người huênh hoang tin rằng họ biết tổng về anh hay hàng xóm của anh, thực sự những điều ta chưa biết là vô cùng tận. Sự thật về chúng ta là bất tận. Những lời dối trá cũng vậy. Bị kẹt giữa hai bên, tôi thầm nghĩ. Bị những người cao cả lên án, bị người công chính sỉ vả - rồi bị hủy diệt bởi kẻ tội phạm điên khùng. Bị rút phép thông công bởi những kẻ được cứu rỗi, những kẻ

được Chúa chọn, những nhà truyền giáo không lúc nào ngừng tồn tại thuộc về thói tục hiện thời, rồi lại bị hủy diệt bởi con quỷ nhẩn tâm. Cả hai nhu cầu cấp bách của con người đã tìm thấy giao điểm của chúng nơi ông. Cái thuần khiết và cái uế tạp, với tất cả sự dữ dội của chúng, ào đến, cùng nhau chia sẻ nhu cầu chung phải có một kẻ thù. Bị nghiền nát, tôi nghĩ. Bị nghiền nát bởi hàm răng thù địch của thế giới này. Bởi sự thù nghịch *chính là* cái thế giới này.

Một phụ nữ, lẻ loi một mình, cũng tới sát miệng huyết như tôi. Bà im lặng và không có vẻ sẽ khóc. Bà thậm chí có vẻ như không hiện diện ở đó - tức là, trong nghĩa trang, trong đám ma. Bà hoàn toàn có thể đang ở một góc đường, kiên nhẫn chờ chuyển xe buýt kế tiếp. Chính cái kiêu bà ôm cứng cái túi xách trước người khiến tôi nghĩ đến một người đang sẵn sàng rút ví trả tiền vé xe và rồi được đưa tới bất cứ nơi nào bà muốn tới. Tôi chỉ có thể nhận ra bà không phải người da trắng qua quai hàm nhô ra và khuôn miệng - qua một khối như trời ra tạc thành nửa dưới khuôn mặt bà mà không thể khiến người ta không có suy nghĩ - và, qua cả chất tóc thô ráp của bà. Màu da bà không sậm hơn da của dân Hy Lạp hay Ma Rốc, và tôi có lẽ cũng chẳng tìm hết chi tiết này đến chi tiết khác để đưa ra nhận định chính xác rằng bà là người da đen, nếu Herb Keble không nằm trong số rất ít người chưa lên đường về nhà. Theo độ tuổi của bà - sáu mươi lăm, có thể bảy mươi - tôi nghĩ bà hẳn là vợ của Keble. Thế nên không ngạc nhiên gì khi bà trông sững sờ một cách kỳ lạ. Chắc hẳn chẳng dễ dàng gì khi ngồi nghe chồng mình công khai đóng vai (dù là chịu ảnh hưởng của bất kỳ động cơ nào) vật tế thần của Athena. Tôi có thể hiểu được là bà có bao điều phải suy nghĩ, và việc tiêu hóa những ý nghĩ đó có thể tốn nhiều thời gian hơn mức đám tang này cho phép. Những ý nghĩ của bà chắc chắn vẫn quấn quanh với những điều ông chồng nói lúc nãy ở nhà nguyện Rishanger. Đó là nơi tâm trí bà đang kẹt lại.

Tôi đã lầm.

Khi tôi quay người rời khỏi đám tang, bà tình cờ cũng làm vậy, và thế là, do chỉ đứng cách nhau một hai bước, chúng tôi giáp mặt nhau.

“Tôi là Nathan Zuckerman,” tôi nói. “Tôi là một người bạn của Coleman lúc cuối đời.”

“Chào ông,” bà trả lời.

“Tôi tin rằng hôm nay chồng bà đã làm thay đổi mọi chuyện.”

Bà không nhìn tôi như thể tôi đã nhầm lẫn, dù tôi nhầm lẫn thật. Bà cũng không phớt lờ tôi, hay quyết định gạt tôi sang một bên và đi tiếp. Bà cũng không có vẻ như chẳng biết phản ứng ra sao dù hẳn là trong một cảnh khó xử như thế bà hẳn đã thấy thế. Một người bạn của Coleman lúc cuối đời à? Xét đến lai lịch thực sự của bà, hẳn bà đã có thể chẳng cần nói gì ngoài câu “Tôi không phải bà Keble” rồi bỏ đi?

Nhưng bà chỉ đứng đó, trước mặt tôi, không chút biểu lộ, hoàn toàn bị mê mụ đi trước những biến cố và khái thị của ngày hôm đó đến độ *không* nhận ra bà là gì đối với Coleman, vào lúc đó, là một việc không tưởng tượng được với tôi. Không phải những nét hao hao giống Coleman là cái ghi vào đầu tôi, ghi vào một cách nhanh chóng, với hàng loạt các chi tiết, giống như khi nhìn một ngôi sao xa tít qua một ống kính được ta từ từ điều chỉnh đến một tiêu cự chính xác. Cái tôi thấy - mất một lúc tôi mới thấy được, thấy được thấu suốt cái bí mật của Coleman - là một gương mặt hao hao giống Lisa, người thậm chí còn giống dì ruột mình hơn cả giống cha.

Chính qua Ernestine - người nói chuyện ở nhà tôi sau đám tang - mà tôi biết được hầu hết những gì giờ đây tôi biết về thời trai trẻ của Coleman ở East Orange: về việc bác sĩ Fensterman cố thu xếp để cho Coleman làm bài ầu trong kỳ thi tốt nghiệp để Bert Fensterman vượt lên trước ông và trở thành học sinh tốt nghiệp thủ khoa; về chuyện ông Silk tìm được căn nhà ở East Orange năm 1926, căn nhà khung gỗ mà hiện Ernestine vẫn đang ở, nó được bán cho cha bà “bởi một cặp vợ

chồng,” Ernestine giải thích với tôi, “phát điên với người ở nhà kế bên và do đó quyết bán căn nhà cho người da màu để chọc tức họ.” (“Đó, ông có thể nhận ra tôi thuộc thế hệ nào,” sau đó bà nói thêm với tôi. “Tôi dùng cả từ ‘da màu’ lẫn ‘da đen’.”) Bà kể tôi nghe cha bà đã mất tiệm bán mắt kính trong thời Đại khủng hoảng, rằng ông phải mất nhiều thời gian để vượt qua mất mát ấy, “tôi cũng không chắc,” bà ấy nói, “là ông ấy thực sự vượt qua được” - và ông tìm được chân bồi bàn trên toa xe ăn và làm cho hãng xe lửa suốt quãng đời còn lại. Bà nói về chuyện ông Silk gọi tiếng Anh là “ngôn ngữ của Chaucer, Shakespeare, và Dickens,” và ông làm mọi thứ để bảo đảm rằng con cái không chỉ học được cách nói chính xác mà còn phải biết suy nghĩ logic, biết phân loại, phân tích, mô tả, liệt kê, biết không chỉ tiếng Anh mà cả tiếng La tinh và Hy Lạp; bà nói về chuyện ông Silk đã đưa bọn trẻ tới những viện bảo tàng ở New York và đi xem những vở kịch Broadway; và chuyện, khi ông biết được Coleman bí mật làm một tay đấm bốc nghiệp dư cho Câu lạc bộ Newark Boys, ông đã bảo Coleman, bằng cái giọng tỏ ra uy quyền mà không cần phải lớn tiếng, “Nếu ta là cha của con, ta sẽ nói, ‘Tối hôm qua con thắng hả? Tốt. Bây giờ con có thể giải nghệ, giải nghệ mà chưa hề bị đánh bại.’ ” Qua Ernestine tôi biết được chuyện Doc Chizner, người dạy quyền Anh cho tôi trong một năm tôi dự lớp ngoại khóa của ông ta ở Newark, trước đó, tại East Orange, đã thâm nhập dưới trướng mình cậu nhóc Coleman sau khi ông ấy rời Newark Boys, chuyện Doc muốn Coleman đấu cho Đại học Pittsburgh, và rằng việc đó có thể đã kiếm cho ông ấy một học bổng ở trường Pittsburgh trên danh nghĩa một đấu thủ quyền Anh da trắng, nhưng rồi Coleman lại đăng ký học ở Howard vì đó là kế hoạch của ông bố. Chuyện bố của họ đột tử khi đang phục vụ trên toa xe ăn vào đêm nọ, và chuyện Coleman đã lập tức rời Howard để gia nhập hải quân, và gia nhập với tư cách một người da trắng. Chuyện ông chuyển đến Greenwich Village sau khi rời hải quân để đi học Đại học New York. Chuyện ông dẫn cô bạn da trắng về nhà vào Chủ nhật nọ, cô gái xinh xắn quê ở Minnesota ấy. Chuyện bánh

quy hôm ấy đã bị cháy khét bởi tất cả bọn họ đều lo lắng sợ nói ra điều gì sai quấy. Rồi chuyện, may cho tất cả mọi người là Walt, hồi đó vừa bắt đầu đi dạy ở Asbury Park, đã không lái xe về nhà để cùng ăn tối, và mọi chuyện đã diễn ra tuyệt vời đến độ Coleman chẳng có gì để phàn nàn. Ernestine kể cho tôi mẹ Coleman đã đối tốt hết sức với cô bạn gái, Steena. Họ ân cần và tử tế với Steena - và Steena cũng như thế với họ. Chuyện mẹ họ luôn cần cù thế nào, chuyện, sau khi bố họ chết, bà đã vươn lên, chỉ nhờ vào năng lực bản thân, để trở thành y tá trưởng da màu đầu tiên tại khu phẫu thuật của một bệnh viện tại Newark. Và bà đã yêu thương Coleman ra sao, và việc Coleman có làm điều gì thì cũng không thể dập tắt được tình thương của mẹ ông. Ngay cả cái quyết định suốt phần đời còn lại coi mẹ mình là người dưng, một người mẹ mà ông chưa từng có và cũng chưa bao giờ tồn tại, ngay cả việc đó cũng không thể giải thoát bà Silk khỏi tình mẫu tử. Và sau khi Coleman về nhà để báo với mẹ ông rằng ông sẽ cưới Iris Gittelman và bà sẽ chẳng bao giờ được làm mẹ chồng của cô con dâu hoặc làm bà nội của những đứa cháu, Walt đã cấm Coleman không bao giờ được liên lạc với gia đình, và Walt cũng nói thẳng với mẹ họ - sử dụng cùng thứ uy quyền sắt đá mà bố họ đã dùng để quản họ - rằng bà cũng không được liên lạc với Coleman.

“Tôi biết anh ấy chỉ muốn điều tốt nhất,” Ernestine nói. “Walt nghĩ đây là cách duy nhất để bảo vệ mẹ khỏi bị tổn thương. Khỏi bị tổn thương vì Coleman mỗi khi đến một dịp sinh nhật, mỗi khi đến một kỳ nghỉ lễ, mỗi khi đến Giáng sinh. Anh ấy tin rằng nếu đường dây liên lạc vẫn rộng mở, Coleman sẽ làm đau xót tâm hồn mẹ cả ngàn lần nữa, đúng theo cái cách anh ấy đã làm vào ngày hôm đó. Walt đã tức giận với Coleman vì đã về East Orange đột ngột, không báo trước cho bất kỳ ai trong chúng tôi, và nói với một phụ nữ già cả, một quả phụ, rằng luật chơi từ nay sẽ là như thế nào. Fletcher, chồng tôi, luôn viện đến ẩn ức tâm lý để giải thích cho những hành động của Walt. Nhưng tôi không nghĩ Fletcher đúng. Tôi không nghĩ Walt thực sự ganh tị với

vị trí của Coleman trong tim mẹ. Tôi không chấp nhận điều đó. Tôi nghĩ anh ấy cảm thấy bị xúc phạm và nổi cáu - không chỉ vì mẹ mà vì tất cả chúng tôi. Walt là người chịu trách nhiệm cho gia đình này; dĩ nhiên anh ấy phải phát khùng lên. Vào lúc đó, bản thân tôi không phát khùng như vậy và tôi cũng chẳng bao giờ làm thế, nhưng tôi hiểu Walter. Mỗi năm, vào sinh nhật Coleman, tôi gọi điện tới Athena để nói chuyện với anh ấy. Ba hôm trước cũng vậy. Hôm đó là sinh nhật anh ấy. Sinh nhật thứ bảy mươi hai. Cái chết hản đã diễn ra trong lúc anh ấy chạy xe về nhà sau bữa tối mừng sinh nhật. Hôm đó tôi gọi điện để chúc anh ấy sinh nhật vui vẻ. Không có ai trả lời thế nên hôm sau tôi gọi lại. Và nhờ thế tôi mới biết tin anh đã chết. Một ai đó trong nhà đã nhắc điện thoại lên và cho tôi hay. Bây giờ tôi mới nhận ra đó là một trong những cháu trai của mình. Tôi chỉ bắt đầu gọi đến ngôi nhà đó sau khi vợ Coleman chết và anh ấy rời trường đại học để sống một mình. Trước đó, tôi chỉ gọi điện tới văn phòng. Chẳng bao giờ nói với ai về chuyện này. Chẳng thấy có lý do gì để làm vậy cả. Tôi gọi vào dịp sinh nhật anh ấy. Gọi khi mẹ chúng tôi mất. Gọi khi tôi lấy chồng. Gọi khi tôi có con trai. Tôi gọi anh ấy khi chồng tôi mất. Chúng tôi luôn nói chuyện với nhau rất lâu. Anh ấy luôn muốn nghe các tin tức, kể cả tin về Walter và chuyện thăng tiến của anh cả. Và rồi mỗi lần Iris sinh nở, Jeffrey, Michael, rồi tới cặp sinh đôi, tôi đều nhận được điện của Coleman. Anh ấy gọi cho tôi ở trường. Chuyện sinh con luôn là thử thách lớn với anh ấy. Sinh từng ấy đứa con thì chẳng khác nào là đánh bạc với số phận. Bởi vì chúng có mối liên hệ di truyền với quá khứ mà anh ấy đã chối bỏ, luôn có khả năng, ông thấy đó, chúng có thể là một trường hợp lại giống, một cách rõ ràng rành ra. Anh ấy rất ưu tư về chuyện này. Nó rất có thể xảy ra - đôi khi chuyện đó xảy ra thật. Nhưng anh ấy cứ dẫn tới và có con. Đó cũng là một phần trong kế hoạch. Kế hoạch sống một đời tròn vẹn và bình thường và đông con cháu. Dẫu vậy, tôi tin rằng, nhất là trong những năm đầu, và chắc chắn mỗi khi một đứa con nữa sắp ra đời, Coleman đều thấy khổ sở vì quyết định của mình. Không gì có thể thoát khỏi con mắt tinh tường

của Coleman, và điều này cũng đúng với cảm xúc của chính anh ấy. Anh ấy có thể đoạn tuyệt với chúng tôi, nhưng không thể đoạn tuyệt với cảm xúc của anh ấy. Và điều này đúng nhất ở những chuyện liên quan đến con cái. Tôi nghĩ anh ấy đã đi đến kết luận rằng thật khủng khiếp khi che giấu một chuyện cốt yếu đến thế về thân thể một con người, và quyền của bọn trẻ ngay từ khi sinh ra là được biết về dòng giống của mình. Và cả nguy hiểm nữa. Hãy nghĩ về tai họa mà anh ấy có thể gây ra cho cuộc đời chúng nếu con cái của chúng sinh ra là người da đen rành rành. Đến lúc này thì anh ấy vẫn may mắn, với cả con ruột lẫn hai đứa cháu ruột ở California. Nhưng hãy nghĩ tới con gái anh ấy, đứa vẫn chưa lấy chồng. Giả sử một ngày kia nó có anh chồng da trắng, mà khả năng nhiều là thế, và nó đẻ ra một đứa con da đen, có thể vậy - chỉ là có thể thôi. Làm sao nó giải thích được chuyện này? Và chồng nó sẽ nghĩ sao? Anh ta sẽ suy luận rằng người khác là cha đứa bé. Lại còn là một tên da đen. Thừa ông Zuckerman, Coleman quả là tàn bạo đến đáng sợ khi không chịu nói cho con cái biết chuyện đó. Đây không phải lời phán xét của Walter - đó là lời của tôi. Nếu Coleman định giữ kín bí mật gốc gác chủng tộc của mình, thì cái giá anh ấy phải trả là không có con. Và anh ấy biết điều đó. Anh ấy phải biết điều đó. Thay vì thế, anh ấy đã gài một trái bom chưa nổ. Và với tôi trái bom ấy luôn lớn vồn ở phía sau những câu chuyện anh ấy kể về con cái. Nhất là khi anh ấy nói, không phải về đứa con gái, mà là đứa con trai trong cặp sinh đôi, Mark, thằng con mà anh ấy gặp đủ chuyện khổ sở với nó. Anh ấy nói với tôi Markie có lẽ thù ghét anh ấy vì những lý do riêng của nó, nhưng cứ như thể nó đã đoán được sự thực. ‘Nhân nào quả nấy thôi,’ anh ấy nói, ‘ngay cả là với một lý do sai lầm nào đó nó nghĩ ra. Markie thậm chí không được hưởng cái quyền xa xỉ là ghét cha nó vì cái lý do chính đáng. Anh đã cướp đi của nó,’ Coleman nói thế, ‘cái quyền đó từ khi nó được sinh ra.’ Và tôi nói, ‘Nhưng có khi nó lại chẳng thù ghét anh vì chuyện đó, Coleman.’ Và anh ấy nói, ‘Em không hiểu ý anh rồi. Không phải chuyện nó hẳn sẽ thù ghét anh vì thân phận da đen. Anh không ám chỉ điều đó khi nói lý

do chính đáng. Ý anh là nó hẳn sẽ thù ghét anh vì đã không bao giờ nói cho nó biết và bởi vì nó có quyền được biết.’ Và lúc đó, do có quá nhiều điều có thể hiểu lầm, nên chúng tôi bỏ lửng đề tài đó. Nhưng rõ ràng là anh ấy chẳng bao giờ quên được có một lời nói dối nằm ngay trong nền tảng mối quan hệ của anh ấy với con cái, một sự dối trá khủng khiếp, và thằng Markie ấy trực cảm được điều đó, ít nhiều nó nhận ra rằng đám con cái, những kẻ mang căn cước của cha mình trong gien và sẽ truyền căn cước đó đến con cháu mình, ít nhất là về mặt di truyền, và có lẽ cả về thể chất nữa, một cách hữu hình, sẽ chẳng bao giờ biết được trọn vẹn về chuyện chúng là ai và đã là ai. Đây chỉ là một điều mang tính suy đoán, nhưng tôi đôi khi nghĩ rằng Coleman coi Markie như một sự trừng phạt cho những điều anh ấy đã làm với mẹ mình. Tuy rằng,” Ernestine nói thêm, một cách thận trọng, “*anh ấy* chưa từng nói ra điều đó. Còn với Walter, điều tôi hiểu ra về Walter là anh ấy chỉ cố gắng làm mọi chuyện để trám vào chỗ của bố tôi, để bảo đảm rằng mẹ chúng tôi sẽ không đau đớn hết lần này đến lần khác.”

“Và có đúng thế không?” tôi hỏi.

“Ông Zuckerman à, đó là thứ không thể sửa chữa - không bao giờ. Khi mẹ chúng tôi mất trong bệnh viện, khi bà mê sảng, ông biết bà ấy nói gì không? Bà ấy cứ gọi y tá giống như những bệnh nhân trước đây gọi bà. ‘Ôi, y tá,’ bà ấy gọi, ‘ôi, y tá - đưa tôi ra xe lửa. Con tôi đang ốm ở nhà.’ Lặp đi lặp lại, ‘Con tôi đang ốm ở nhà.’ Ngồi đó cạnh giường bà, cầm tay bà và nhìn bà chết, tôi hiểu đứa con đang ốm ấy là ai. Walter cũng hiểu. Đó là Coleman. Chẳng biết bà ấy có khá hơn không nếu Walt đừng can thiệp theo cách của anh ấy, cấm cửa Coleman vĩnh viễn như thế... chẹp, điều đó thì tôi không thể biết được chắc. Nhưng năng lực đặc biệt của Walter chính là sự quyết đoán. Đó cũng là năng lực của Coleman. Gia đình chúng tôi là một gia đình của những người đàn ông quyết đoán. Bố tôi có tính đó, và nó cũng có ở ông nội tôi, một mục sư phái Giám lý ở Georgia. Họ đưa ra quyết định, và thế là không phải bàn cãi gì nữa. Chắc, sự quyết đoán ấy luôn

đi kèm với một cái giá. Nhưng hôm nay tôi nhận ra một điều. Và tôi ước giá mà bố mẹ tôi cũng biết được điều đó. Chúng tôi là một gia đình của những nhà sư phạm. Bắt đầu với bà nội tôi. Lúc nhỏ là gái nô lệ thì được bà chủ dạy đọc, rồi, sau Tuyên bố Giải phóng Nô lệ, bà đi học ở cái nơi mà hồi đó người ta gọi là Trường Công nghiệp và Sư phạm bang Georgia cho Người Da màu. Đó là cách mọi thứ bắt đầu, và đó cũng là cái số phận sắp đặt cho chúng tôi. Và đó là điều tôi nhận ra khi nhìn thấy đám con cái của Coleman. Tất cả đều là giáo viên, trừ một đứa. Và tất cả chúng tôi - Walt, Coleman, tôi, cũng là nhà giáo cả. Con trai tôi lại là chuyện khác. Nó không học hết đại học. Chúng tôi có một số bất đồng, và bây giờ nó đã tìm được một nửa quan trọng của nó, và chúng tôi lại bất đồng về người đó. Tôi có lẽ nên nói cho ông biết rằng trong hệ thống trường học da trắng ở Asbury Park khi Walter đến đó vào năm 1947 không hề có giáo viên da màu. Ông phải nhớ, Walter là người đầu tiên. Và sau đó là hiệu trưởng da đen đầu tiên của họ. Và sau đó là thanh tra giáo dục da đen đầu tiên của họ. Nghe vậy là ông có thể biết ít nhiều về Walt. Ở đó vốn đã có một cộng đồng da màu vững vàng, nhưng chỉ đến khi Walter xuất hiện vào năm 1947 thì mọi chuyện mới bắt đầu thay đổi. Và tính quyết đoán của anh ấy đóng vai trò rất lớn trong việc đó. Cho dù ông xuất thân từ Newark, tôi không nghĩ ông biết rằng cho đến 1947, chính sách giáo dục phân tách hợp pháp, hợp hiến vẫn được thừa nhận ở New Jersey. Ở hầu hết mọi cộng đồng, ta có trường học cho trẻ con da màu và trường cho trẻ con da trắng. Có một sự tách biệt rõ rệt về chủng tộc trong giáo dục tiểu học ở Nam Jersey. Từ Trenton, New Brunswick đổ xuống, anh có những trường học phân định rạch ròi như vậy. Và ở cả Princeton. Và ở cả Asbury Park. Tại Asbury Park, khi Walter tới đó, có một trường tên là Bangs Avenue, Đông hay Tây - một trong hai trường là dành cho trẻ con da màu sống quanh khu Bangs Avenue và trường còn lại là cho trẻ con da trắng sống quanh khu đó. Nó là một tòa nhà, nhưng được chia làm hai phần. Có hàng rào giữa hai phía của tòa nhà, bên này là trẻ da màu và bên kia là trẻ da trắng. Tương tự, giáo viên ở bên này là da

trắng và giáo viên bên kia là da màu. Hiệu trưởng là da trắng. Ở Trenton, ở Princeton - và Princeton không được coi là Nam Jersey - cũng có những trường phân cách kiểu đó cho đến tận 1948. Ở East Orange và ở Newark thì không, tuy rằng cũng có thời, ngay cả Newark cũng có một trường tiểu học cho trẻ em da màu. Đó là hồi đầu những năm 1900. Nhưng hồi năm 1947 - tôi nói đến tất cả những chuyện này là vì Walter, vì tôi muốn ông hiểu ông anh Walter của tôi, tôi muốn ông thấy mối quan hệ của anh ấy với Coleman trong bức tranh rộng hơn của những sự kiện xảy ra hồi đó. Lúc đó là trước phong trào dân quyền nhiều năm lắm. Ngay cả những chuyện Coleman làm, quyết định anh ấy lựa chọn, là sống như thành viên của một chủng tộc khác bất chấp tổ tiên da đen của mình - đó không hề là một quyết định khác thường trước khi có phong trào dân quyền. Người ta đã làm nhiều phim về chủ đề đó. Ông nhớ không? Có một bộ phim tên là *Pinky*, rồi có phim khác nữa, Mel Ferrer đóng, tôi không nhớ được tên, nhưng nó cũng nổi tiếng lắm. Thay đổi chủng tộc của mình - lúc đó làm gì có dân quyền, làm gì có sự bình đẳng, nên điều đó nằm trong đầu mọi người, da trắng cũng như da màu. Có lẽ nó xuất hiện trong đầu người ta nhiều hơn là trong thực tế, tuy nhiên, nó vẫn mê hoặc người ta theo cái kiểu truyện thần tiên vẫn mê hoặc chúng ta. Nhưng rồi vào năm 1947, thống đốc bang kêu gọi một hội nghị lập hiến để tu chính hiến pháp bang New Jersey. Và đó là khởi đầu của một thứ mới mẻ. Một trong những chỉnh sửa là những đơn vị Vệ binh Quốc gia phân cách về màu da không được tồn tại ở New Jersey nữa. Phần thứ nhì, thay đổi thứ nhì trong hiến pháp, là trẻ em sẽ không còn phải đi qua một ngôi trường để tới một ngôi trường khác trong cùng khu vực. Lời lẽ trong đó đại loại là như thế. Walter có thể trích cho ông nghe đúng từng chữ một. Những tu chính này xóa bỏ sự phân biệt trong trường công lập và trong Vệ binh Quốc gia. Chính quyền và các ủy ban giáo dục được yêu cầu thi hành. Ban giáo dục tiểu bang khuyến cáo từng ban giáo dục địa phương tiến hành kế hoạch hợp nhất các trường. Họ đề nghị trước hết là hợp nhất hội đồng giáo viên và rồi từ

từ hợp nhất học sinh hai trường làm một. Khi đó, ngay cả khi Walt chưa đến Asbury Park, ngay khi mới là một sinh viên ở trường Montclair State sau khi giải ngũ trở về, anh ấy đã để tâm đến những vấn đề chính trị - một trong những cựu quân nhân tích cực đấu tranh cho việc hợp nhất các trường ở New Jersey. Ngay cả khi hiến pháp bang chưa được tu chính, và sau khi nó được tu chính, chắc chắn vậy, Walter luôn thuộc nhóm người tích cực nhất trong cuộc đấu tranh hợp nhất các trường học.”

Điều bà muốn nói là Coleman *không* nằm trong nhóm cựu binh đấu tranh vì sự hợp nhất và bình đẳng và dân quyền; theo ý Walt, ông chẳng đấu tranh cho bất cứ thứ gì ngoại trừ chính bản thân mình. Silky Silk. Ông chiến đấu trên danh nghĩa Silky Silk và vì Silky Silk mà ông chiến đấu, và đó là lý do tại sao Walt không bao giờ chịu được Coleman, ngay cả khi Coleman còn là một cậu bé. Chỉ luôn vì bản thân mình, Walt thường nói thế. Chỉ luôn vì một mình Coleman mà thôi. Tất cả những gì ông muốn là được thoát ra.

Chúng tôi đã dùng xong bữa trưa tại nhà tôi từ mấy tiếng trước, nhưng năng lượng của Ernestine không hề có dấu hiệu suy giảm. Mọi chuyện quay cuồng trong đầu bà - và đây không chỉ là hệ quả từ cái chết của Coleman mà còn từ tất cả mọi chuyện bí ẩn xung quanh ông mà bà đã cố thấu hiểu trong suốt năm mươi năm qua - đang khiến từ ngữ ào ào tuôn ra từ miệng bà theo cái kiểu không thường gặp ở một nhà giáo tình lẻ nghiêm nghị, cái vai bà đã đảm nhiệm cả đời. Bà là một phụ nữ với vẻ ngoài chinh trang, có vẻ khỏe mạnh dù cho khuôn mặt hơi lộ vẻ mỏi mệt, với một sức ăn khỏe đến mức ta khó thể hình dung ra; từ quần áo và điệu bộ, từ cái kiểu tỉ mỉ của bà lúc ăn bữa trưa, thậm chí qua cả cung cách bà ngồi trên ghế thì rõ ràng tính cách của bà là kiểu dễ dàng nhường bước cho quy ước xã hội và phản xạ sâu thẳm nhất của bà trong mọi xung đột sẽ là tự động đóng vai người hòa giải - hoàn toàn là bậc thầy trong việc phản ứng một cách khôn ngoan, và lựa chọn cho mình cái vai của một người lắng nghe hơn là

người thuyết giảng, ấy vậy nhưng cái vẻ phẫn khích bắt nguồn từ cái chết của ông anh tự coi mình là người da trắng của bà, cái ý nghĩa đặc biệt nơi đoạn kết của một cuộc đời mà với gia đình bà chẳng khác nào một cuộc bội phản ngạo mạn đầy cố ý, hư hỏng và dai dẳng, dường như khó mà có thể xem xét theo những phương cách thông thường.

“Mẹ tôi xuống mồ mà vẫn tự hỏi tại sao Coleman làm vậy. ‘Mất sạch dấu vết trong mắt chính người nhà.’ Bà ấy thường nói vậy. Anh ấy không phải người đầu tiên trong dòng họ của Mẹ. Đã có những người khác giống vậy. Nhưng họ là những *người khác*. Họ không phải Coleman. Trong đời Coleman chưa bao giờ bực bội vì mình là người da đen. Không hề suốt từ khi chúng tôi biết anh ấy. Thực sự là thế. Làm người da đen chưa từng là vấn đề với anh ấy. Ông sẽ thấy mẹ tôi đêm đêm ngồi trên ghế, ngồi đó không nhúc nhích, và ông biết bà đang băn khoăn điều gì: là vì lý do này à, hay là vì lý do kia? Có phải nó muốn thoát khỏi cha nó không? Nhưng lúc anh ấy làm thế thì cha đã chết rồi. Mẹ tôi nghĩ ra đủ thứ lý do, nhưng chẳng lý do nào thỏa đáng. Có phải do anh ấy nghĩ rằng người da trắng tốt đẹp hơn chúng tôi chẳng? Họ có nhiều tiền hơn chúng tôi, chắc chắn rồi - nhưng tốt hơn ư? Anh ấy tin vào điều đó sao? Chúng tôi chưa bao giờ thấy bằng chứng cho điều đó, dù chỉ là tí chút. Bây giờ, khi trưởng thành người ta thoát ly và không còn liên hệ gì với gia đình của mình nữa, và không cần phải là dân da màu mới hành động như thế. Chuyện đó xảy ra hằng ngày trên khắp thế giới. Người ta thù ghét mọi thứ đến độ họ chỉ đơn giản là biến mất. Nhưng Coleman hồi còn nhỏ không phải là cậu bé ghét bỏ gia đình. Đó là đứa trẻ hoạt bát nhất, lạc quan nhất mà ông từng thấy. Lớn lên, *tôi* mới là người bất hạnh hơn Coleman. *Walt* bất hạnh hơn Coleman. Nhất là với từng ấy thành công *Walt* đạt được, từng ấy sự chú ý người ta dành cho anh ấy... không, mẹ tôi không thể lý giải nổi. Bà cứ mãi héo hon. Những bức ảnh của anh ấy. Những phiếu điểm. Những huy chương điền kinh. Kỷ yếu của anh ấy. Giấy chứng nhận anh ấy là học sinh thủ khoa. Thậm chí có cả những đồ

chơi của Coleman ở quanh bà, những đồ chơi anh ấy yêu thích hồi còn nhỏ, và bà giữ tất cả những món đó và bà nhìn chúng đăm đăm theo kiểu một kẻ độc tâm thuật nhìn đăm đăm vào quả cầu pha lê, như thể chúng sẽ làm sáng tỏ mọi chuyện. Anh ấy có bao giờ cho ai biết về việc mình đã làm không? Có không, ông Zuckerman? Anh ấy có bao giờ thừa nhận điều đó với vợ? Với các con anh ấy không?”

“Tôi nghĩ là không,” tôi nói. “Tôi chắc chắn ông ấy không làm vậy.”

“Vậy anh ấy vẫn cứ là Coleman cho đến tận cuối cùng. Làm gì là làm tới cùng. Đó là điểm đặc biệt ở anh ấy kể từ thời còn là một cậu bé - anh ấy tuyệt đối theo sát kế hoạch đã đề ra. Quyết định nào cũng cam kết thực hiện tới cùng. Dù có phải nói dối bao nhiêu để bảo vệ cho cái lời nói dối bự chẳng ban đầu ấy, nói dối gia đình, đồng nghiệp, anh ấy vẫn kiên trì tới cùng. Thậm chí còn được chôn cất như một người Do Thái. Ôi, Coleman,” bà nói buồn bã, “quyết tâm đến vậy đó. Ông anh Quyết Tâm của tôi,” và vào lúc đó, bà như sắp cười hơn là khóc.

Được chôn cất như một người Do Thái, tôi nghĩ, và lại còn, nếu tôi suy đoán đúng, bị giết như một người Do Thái. Một vấn đề nữa của việc mạo nhận.

“Nếu ông ấy có thừa nhận chuyện này với bất kỳ ai,” tôi nói, “thì có lẽ là với người phụ nữ chết cùng với ông ấy. Với Faunia Farley.”

Rõ ràng bà không muốn nghe về người phụ nữ đó. Nhưng bởi bản tính khôn ngoan, bà vẫn phải hỏi, “Làm sao ông biết được?”

“Tôi không biết. Tôi chẳng biết gì cả. Tôi chỉ nghĩ thế thôi,” tôi nói. “Nó ăn khớp với cái thỏa thuận mà tôi cảm nhận thấy giữa hai người - việc ông kể cho cô ấy nghe sự thật.” Khi nói “thỏa thuận giữa hai người” tôi muốn ám chỉ sự đồng thuận giữa họ rằng chẳng có lối thoát nào toàn vẹn khỏi tình cảnh của hai người, nhưng tôi không giải thích rõ ý mình với Ernestine. “Từ những gì hôm nay tôi biết được qua bà

thì chẳng có chuyện gì về Coleman mà tôi không phải xem xét lại. Tôi chẳng còn biết phải nghĩ thế nào về tất cả mọi chuyện nữa.”

“Chậc, lúc này ông đã là thành viên danh dự của gia đình Silk. Ngoài Walter, chẳng ai trong chúng tôi biết phải nghĩ sao về những vấn đề liên quan đến Coleman. Tại sao anh ấy làm thế, tại sao anh ấy nói dối đến kỳ cùng, tại sao mẹ chúng tôi phải chết như vậy. Nếu Walt không đặt ra luật đó trong nhà,” bà nói, “thì ai mà biết chuyện sẽ diễn biến ra sao? Ai mà biết có phải sau bao năm Coleman không nói gì với vợ, anh ấy sẽ đổi ý? Có lẽ một ngày nào đó còn nói cả với con cái anh ấy nữa. Có khi còn nói cho cả thế giới biết. Nhưng Walt đã đóng băng tất cả. Và đó chẳng bao giờ là một ý hay. Coleman làm vậy khi anh ấy vẫn chưa tới ba mươi. Một tay bốc đồng ở tuổi hăm bảy. Nhưng anh ấy đâu có hăm bảy mãi được. Cuộc đời cũng không thể cứ là năm 1953 mãi được. Người ta già đi. Các quốc gia già đi. *Các vấn đề* cũng thế. Đôi khi chúng biến mất luôn. Nhưng Walt đã đóng băng mọi thứ lại. Dĩ nhiên, nếu nhìn cho kỹ lưỡng hơn, thuần túy từ góc độ lợi thế xã hội, dĩ nhiên giới trung lưu da đen có học sẽ thấy rất có lợi khi làm như Coleman, cũng như ngày nay người ta sẽ thấy có lợi hơn nếu đừng viễn vông nghĩ đến chuyện đó. Ngày nay, nếu ông là một người da đen trung lưu có học và ông muốn con mình học ở những trường tốt nhất, và thậm chí là được học bổng toàn phần nếu ông không có đủ tài chính, ông sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện nói rằng ông không phải dân da màu. Đó sẽ là điều ngu xuẩn nhất ông có thể nghĩ đến. Trắng bạch như da ông, giờ đây *đừng* nói điều đó mới là có lợi, giống như hồi xưa *phải* nói thế mới có lợi. Vậy khác biệt ở đây là gì chứ? Nhưng tôi có thể nói vậy với Walter không? Tôi có thể bảo anh ấy, ‘Vậy khác biệt ở đây là gì chứ’ không? Thứ nhất bởi vì những gì Coleman đã gây ra cho mẹ chúng tôi, và thứ nhì là vì theo cách nhìn của Walter thì hồi đó có một cuộc chiến cần người ta phải chiến đấu, và Coleman không muốn chiến đấu - chỉ tính đến những lý do ấy thôi là tôi hầu như chắc chắn không thể nói được rồi. Nhưng đừng nghĩ

rằng bao năm qua tôi chưa từng cố tìm cách nói. Bởi vì Walter thực ra không phải là người khắc nghiệt. Ông muốn nghe về ông anh Walter của tôi không? Năm 1944 Walter là một tay súng hăm một tuổi trong một đại đội bộ binh da màu. Anh ấy đang đi tuần cùng một người lính khác. Họ ở trên một mỏm đồi ở Bỉ nhìn xuống một thung lũng có đường sắt chạy cắt qua. Họ thấy một tên lính Đức đi dọc đường sắt về phía Đông. Hẳn ta có một túi xách nhỏ quàng trên vai và hẳn ta đang huyết sáo. Người lính đi với Walter giương súng nhắm. ‘Mày làm cái quái gì thế?’ Walter hỏi anh ta. ‘Tao sẽ thịt thẳng đó.’ ‘*Tại sao? Dừng lại! Nó đang làm gì? Nó chỉ đi bộ thôi mà. Chắc nó đang về nhà.*’ Walter phải vật nhau để giằng khẩu súng khỏi tay đồng đội. Một cậu quê ở South Carolina. Họ từ mỏm đồi chạy xuống và bắt gã người Đức làm tù binh. Té ra hẳn *đang* về nhà thật. Hẳn được nghỉ phép, và con đường duy nhất về Đức mà hẳn biết là đi theo đường xe lửa về phía Đông. Và Walter đã cứu được mạng hẳn. Có bao nhiêu người lính từng làm được như thế? Ông anh Walter của tôi là người kiên định, anh ấy có thể rất cứng rắn nếu cần, nhưng anh ấy cũng là con người. Chính *bởi vì* anh ấy là con người nên anh ấy mới tin rằng tất cả những gì ta làm là để phát triển chủng tộc. Và vì thế tôi đã cố thử với anh ấy, đôi khi đã cố bằng cách nói với Walter những điều mà chính bản thân tôi cũng hồ nghi. Coleman là một phần trong thời đại của anh, tôi bảo Walt vậy. Coleman không thể chờ kết thúc phong trào dân quyền để có được nhân quyền của anh ấy, và do đó anh ấy chọn lối tắt. ‘Hãy nhìn anh ấy trên bình diện lịch sử,’ tôi nói với Walt. ‘Anh là một giáo viên lịch sử - hãy nhìn anh ấy như một phần của cái gì đó lớn hơn.’ Tôi bảo anh ấy. ‘Chẳng ai trong hai anh cam chịu hoàn cảnh trước mắt. *Cả hai* anh đều là chiến binh và *cả hai* đã chiến đấu. Anh chiến đấu theo kiểu của anh còn Coleman chiến đấu theo kiểu của anh ấy.’ Nhưng lý luận kiểu đó luôn là vô ích với Walter. Mà kiểu gì thì cũng vô ích thôi. Đó là đạo làm người của Coleman, tôi bảo Walt vậy - nhưng anh ấy chẳng thèm nghe. Với Walt, Coleman chỉ đang *từ chối* làm người. ‘Chắc chắn rồi,’ anh ấy nói với tôi, ‘chắc chắn là thế rồi. Ông anh của em

không ít thì nhiều đã sống cuộc đời nó sẽ sống, ngoại trừ việc làm một người da đen. Ngoại trừ? *Ngoại trừ* sao? Cái ngoại trừ đó đã thay đổi mọi chuyện.’ Walt không thể nhìn nhận Coleman theo cách nào khác ngoài cái cách từ xưa đến nay của anh ấy. Còn tôi thì có thể làm được gì đây, ông Zuckerman? Ghét bỏ Walt vì điều anh ấy đã gây ra cho Coleman khi đóng băng cái hiện trạng của gia đình chúng tôi như thế à? Ghét bỏ anh Coleman của tôi vì điều anh ấy đã gây ra cho mẹ tôi, vì anh ấy đã khiến người phụ nữ tội nghiệp đó phải đau khổ cho đến tận ngày cuối cùng trong đời à? Nếu tôi định ghét bỏ hai ông anh mình thì tại sao chỉ dừng ở đó? Tại sao không ghét luôn cha tôi vì tất cả những sai lầm của ông ấy? Tại sao không ghét luôn ông chồng quá cố của tôi? Tôi không có cưới một ông thánh, bảo đảm với ông vậy đó. Tôi yêu chồng tôi, nhưng tôi không bị tình yêu làm mờ mắt. Và còn con trai tôi thì sao? Một thằng nhóc luôn khiến người ta thấy dễ ghét. Nó phấn đấu hết sức để người ta không phải bần khoản chi khi ghét nó. Nhưng lòng thù ghét đem lại cái nguy cơ là, một khi ông bắt đầu thù ghét, ông sẽ nhận lại thứ lớn hơn gấp trăm lần cái ông dự tính. Một khi đã bắt đầu, ông không thể dừng lại được. Tôi không thấy có thứ gì khó kiểm soát hơn lòng thù ghét. Bỏ rượu chè còn dễ hơn làm chủ lòng thù ghét. Và bản thân điều ấy đã nói lên cái gì đó.”

“Trước hôm nay bà có biết,” tôi hỏi bà ấy, “tại sao Coleman nghỉ việc ở trường không?”

“Tôi không biết. Tôi nghĩ anh ấy đã đến tuổi hưu.”

“Ông ấy chẳng bao giờ nói với bà.”

“Không hề.”

“Vậy là bà không hiểu được Keble nói về chuyện gì đúng không?”

“Tôi không hiểu hết được.”

Vậy là tôi kể cho bà nghe vụ lũ ma, kể với bà toàn bộ những chuyện đã xảy ra, và khi tôi kể xong bà ấy lắc đầu và nói, thẳng thắn, “Tôi không nghĩ mình từng nghe được thứ gì ngu xuẩn hơn mà một cơ sở giảng dạy bậc cao phạm phải như vậy. Nghe như một hang ổ của lũ

ngu dốt. Ngược đãi một giáo sư đại học, bất kể ông ta là ai, bất kể ông ta có màu da gì, xúc phạm ông ta, lăng nhục ông ta, tước đi quyền hạn và phẩm giá và uy tín của ông ta vì một chuyện ngu xuẩn và vớ vẩn như thế. Tôi là con gái của cha tôi, ông Zuckerman ạ, con gái của một người cha luôn khắt khe trong lời lẽ, và mỗi ngày trôi qua, tôi lại thấy những lời lẽ tôi nghe người ta nói ra ngày càng ít diễn tả được những gì thực sự xảy ra. Qua những gì ông nói, tôi thấy có vẻ như ngày nay tại trường đại học điều gì cũng có thể xảy ra. Có vẻ như những người ở đó đã quên mất dạy học là gì. Có vẻ như cái việc họ đang làm giống trò hề hơn. Thời đại nào cũng có đám cầm quyền nói không với cái mới, và ở Athena này rõ ràng chúng đang thắng thế. Người ta phải khiếp đảm đến thế với mỗi từ ngữ được nói ra sao? Cái gì đã xảy ra với Tu chính án thứ nhất* của Hiến pháp Mỹ vậy? Hồi tôi với ông còn nhỏ, người ta định ra cái lệ rằng mỗi học sinh tốt nghiệp trung học ở New Jersey đều nhận được hai món tại lễ tốt nghiệp: bằng tốt nghiệp và cuốn Hiến pháp. Ông nhớ chuyện đó không? Ông phải học một năm về lịch sử Mỹ và một học kỳ về kinh tế học - à, dĩ nhiên, ông không còn phải làm vậy nữa: chữ ‘phải’ đã biến mất khỏi chương trình giảng dạy. Tại lễ tốt nghiệp, đã thành truyền thống tại nhiều trường học của ta hồi đó là hiệu trưởng sẽ trao bằng tốt nghiệp và một người khác sẽ trao bản Hiến pháp Mỹ. Ngày nay mới ít làm sao những người hiếu tương đối tậm tỵ về Hiến pháp Mỹ. Nhưng ở nước Mỹ này, theo sự quan sát của tôi, mỗi khắc mọi thứ lại trở nên ngu xuẩn hơn. Ở trường đại học ngày nay người ta bắt đầu đề ra những chương trình phụ đạo để dạy trẻ con những điều mà lẽ ra chúng phải học từ năm lớp chín. Ở trường Trung học East Orange từ lâu rồi bọn trẻ con không còn đọc những tác phẩm cổ điển. Chúng thậm chí chẳng biết đến *Moby-Dick*, số đọc nó thì còn ít nữa. Vào năm tôi về hưu, bọn trẻ đến gặp tôi và kể với tôi rằng trong Tháng Lịch Sử Da Đen chúng chỉ đọc tiểu sử của người da đen do người da đen viết. Tôi hỏi chúng, tác giả da đen hay da trắng thì có gì khác nhau? Tôi thấy mình hết chịu nổi cái Tháng Lịch Sử Da Đen rồi. Tôi thấy việc lấy tháng Hai làm Tháng

Lịch Sử Da Đen và tập trung nghiên cứu chủ đề đó thì chẳng khác gì sửa sắp hỏng cả. Ừ thì vẫn uống được đấy, nhưng vị của nó sẽ chẳng ra sao hết. Nếu ông định nghiên cứu và tìm hiểu về Matthew Henson, tôi cho rằng ông chỉ có thể nghiên cứu về Matthew Henson khi ông nghiên cứu những nhà thám hiểm khác.”

“Tôi không biết Matthew Henson là ai,” tôi nói với Ernestine, tự hỏi Coleman có biết chi tiết này không, liệu ông có muốn biết không, và liệu có phải việc không muốn biết là một trong những lý do khiến ông đi đến quyết định của mình.

“Ông Zuckerman...” bà nói, khá nhẹ nhàng, nhưng vẫn đủ khiến tôi xấu hổ như thường.

“Ông Zuckerman thời thanh niên đâu có được học Thám Lịch Sử Da Đen,” tôi nói.

“Ai đã phát hiện ra Bắc Cực?” bà hỏi tôi.

Tôi đột nhiên thấy rất thích bà, và càng như thế phong thái nhà giáo mô phạm lại càng bộc lộ rõ nơi bà. Dù lý do không giống nhau, tôi bắt đầu thấy thích bà chẳng kém tôi từng thích anh bà. Và bây giờ tôi thấy rằng nếu đặt họ cạnh nhau thì ta có thể đọc vị tính cách Coleman chẳng mấy khó khăn. *Ai cũng biết...* Ôi, Delphine Roux ngu ngốc, ngu ngốc, ngu ngốc. Sự thật của một người đâu có ai khác biết được, và thường thì - như trong trường hợp của bản thân Delphine - chính người đó lại là kẻ mơ hồ nhất. “Tôi không nhớ rõ đó là Peary hay Cook,” tôi nói. “Tôi quên người nào tới được Bắc Cực đầu tiên rồi.”

“Chậc, Henson tới đó từ *trước* đó. Khi được đưa tin trên tờ *New York Times*, ông ấy đã được công nhận. Nhưng bây giờ khi người ta viết sử, ông chỉ nghe nói tới Peary. Một ví dụ khác? Hãy nghĩ tới chuyện người ta cho rằng Huân tước Edmund Hillary đã tới đỉnh Everest đầu tiên trong khi ông chẳng thấy ai nói gì về Tenzing Norkay. Quan điểm của tôi,” Ernestine nói, giờ đây đúng như cá gặp nước, hết sức chín chu và mô phạm một cách chuyên nghiệp - và, trái ngược với

Coleman, là tất cả những gì cha bà muốn bà trở thành, “quan điểm của tôi là, nếu ông dạy một khóa về y học hoặc đại loại vậy, thì ông phải biết về bác sĩ Charles Drew. Ông đã từng nghe đến ông ấy chưa?”

“Không.”

“Xấu hổ quá đi, ông Zuckerman. Lát nữa tôi sẽ nói cho ông nghe. Nhưng ông phải nghiên cứu về bác sĩ Drew nếu ông muốn dạy về sức khỏe. Chứ không phải là nhét ông ấy vào tháng Hai. Ông hiểu ý tôi không?”

“Hiểu.”

“Nếu ông nghiên cứu về các nhà thám hiểm, những người trong ngành y và trong những lĩnh vực khác, ông tất sẽ biết họ. Nhưng bây giờ tất cả mọi thứ đều trở thành da đen thế này da đen thế kia. Tôi đã cố hết sức để không bị tác động, nhưng phải nói là không dễ dàng gì. Nhiều năm trước, trường Trung học East Orange từng là một nơi tuyệt vời. Bọn trẻ tốt nghiệp ở đó, nhất là những đứa theo học chương trình tài năng, sẽ vào được trường đại học chúng muốn. Ôi, đừng bắt tôi bắt đầu chủ đề này. Chuyện xảy ra cho Coleman với cái từ ‘lũ ma’ ấy, tất cả chỉ là một phần của cái thất bại vĩ đại đó mà thôi. Trong thời của bố mẹ tôi và cho đến tận thời của ông với tôi, người thất bại là kẻ không đạt được những yêu cầu đề ra. Bây giờ kẻ thất bại lại chính là sự trui rèn. Đọc tác phẩm cổ điển thì quá khó, nên người ta đổ tội cho văn chương cổ điển. Ngày nay sinh viên xem sự vô năng của mình như một đặc quyền. Tôi không hiểu nổi bài này, hẳn có gì đó rất sai lầm ở nó. Và có gì đó đặc biệt sai lầm ở một tay thầy giáo bất lương muốn dạy nó. Không còn những tiêu chuẩn nữa, ông Zuckerman ạ, chỉ còn những quan điểm. Tôi thường trăn trở với câu hỏi mọi thứ trước đây đã từng như thế nào. Nền giáo dục của chúng ta đã từng như thế nào. Trường Trung học East Orange đã từng như thế nào. Khu East Orange đã từng như thế nào. Việc tái thiết đô thị đã hủy hoại khu East Orange, tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì chuyện đó. Họ - những người cầm cương đô thị, những người sắm vai phụ thân thành phố này - họ cứ nói

về những điều lớn lao sắp xảy ra nhờ cuộc tái thiết. Nó làm giới thương nhân sợ chết khiếp và các thương nhân bỏ đi, và thương nhân càng bỏ đi nhiều, công việc kinh doanh lại càng kém. Rồi đường 280 và đại lộ cắt thị trấn nhỏ của chúng tôi thành những khu phố. Đại lộ đó đã xóa sổ phố Jones - thế là trung tâm của cộng đồng da màu chúng tôi cũng bị xóa sổ luôn. Rồi lại còn đường 280. Một cuộc xâm lăng hủy diệt. Hãy xem nó gây ra những gì cho cộng đồng! Bởi vì xa lộ phải chạy xuyên qua đó, những ngôi nhà xinh đẹp dọc đại lộ Oraton, Elmwood, Maple, tiểu bang đơn giản là mua lại toàn bộ và trong nháy mắt chúng đã biến mất. Ngày trước tôi có thể mua sắm toàn bộ đồ dùng cho dịp Giáng sinh trên phố Main. Ôi, phố Main và đại lộ Central. Đại lộ Central hồi đó được xem là đại lộ 5 của Orange. Ông biết ngày nay chúng tôi có gì không? Chúng tôi có một siêu thị ShopRite. Và chúng tôi có một cửa hàng Dunkin' Donuts. Và hồi trước còn có một cửa hàng Domino Pizza, nhưng người ta đã đóng cửa. Bây giờ chúng tôi có một khu ăn uống khác. Và còn có cả một tiệm giặt ủi. Nhưng chất lượng thì không thể so được. Khác nhau hoàn toàn. Nói thật nhé, giờ tôi phải lái xe ngược dốc tới West Orange để mua sắm. Trước đây tôi có phải làm vậy đâu. Chẳng có lý do để làm thế. Tối tối khi chúng tôi dắt chó đi dạo, tôi với chồng tôi, trừ phi thời tiết quá tệ - đi tới đại lộ Central, băng qua hai ngã tư, rồi đi dọc theo đại lộ Central qua bốn ngã tư, băng qua đường, rồi lộn trở lại, vừa đi vừa ngắm những cửa hàng sau lớp kính cửa sổ. Có một trung tâm mua sắm B. Altman. Tiệm Russek. Có một tiệm Black, Starr, và Gorham. Có một tiệm chụp ảnh của Bachrach. Một cửa hàng đồ nam giới rất đẹp, Minks, của người Do Thái, nằm trên phố Main. Có hai rạp chiếu. Rạp chiếu Hollywood trên đại lộ Central. Rạp Palace trên phố Main. Toàn bộ cuộc sống nằm ở đó, trong cái East Orange bé nhỏ...”

Toàn bộ cuộc sống là ở đó, tại East Orange. Và vào khi nào? Trước đó. Trước thời tái thiết đô thị. Trước khi những tác phẩm cổ điển bị bỏ xó. Trước khi người ta ngưng trao bản Hiến pháp cho học sinh tốt

nghiệp trung học. Trước khi có những lớp phụ đạo ở đại học dạy bọn trẻ những điều mà chúng lẽ ra phải biết từ lớp chín. Trước khi có Tháng Lịch Sử Da đen. Trước khi họ làm đại lộ và đường 280. Trước khi họ ngược đãi một giáo sư đại học vì nói từ “lũ ma” với lớp của mình. Trước khi bà ấy lái xe ngược dốc tới West Orange để mua sắm. Trước khi mọi chuyện thay đổi, kể cả Coleman Silk. Đó là khi mọi thứ hoàn toàn khác - trước đó. Và, bà than thở, nó sẽ chẳng bao giờ như cũ nữa, không bao giờ, dù ở East Orange hay bất kỳ nơi nào khác trên cái nước Mỹ này.

Lúc bốn giờ, khi tôi lái xe rời nhà để tới College Arms, nơi bà ở trọ, ánh trời chiều đang tàn đi chóng vánh và bầu trời, trĩu nặng với những đám mây dễ sợ, đã chuyển sang bầu trời tháng Mười một đông bão. Sáng hôm đó họ đã chôn Coleman - và sáng hôm trước họ đã chôn Faunia - trong tiết trời mùa xuân, nhưng bây giờ tất cả đều chỉ chăm chăm báo đông đã về. Mùa đông ba trăm sáu mươi mét trên trời cao. Nó sắp đến rồi.

Nỗi thôi thúc trong tôi muốn kể cho Ernestine về cái ngày hè mới bốn tháng trước, khi Coleman chở tôi tới nông trại bò sữa để xem Faunia làm công việc vắt sữa lúc năm giờ trong cái nóng nực cuối chiều - thực ra là để nhìn ông nhìn Faunia vắt sữa - không cần đến sự sắc sảo cũng có thể trấn áp được nó. Những mảnh ghép bị thiếu trong hình ảnh người anh của bà, bà không quá xăm xái muốn biết. Khôn ngoan như vậy nhưng bà không hỏi lấy một câu về việc ông đã sống ra sao trong những tháng cuối đời, chứ đừng nói tới chuyện cái gì có thể đã giết chết ông trong vụ tai nạn; là một phụ nữ tử tế và đứng đắn, bà không muốn đi sâu vào những chi tiết cụ thể xoay quanh cái chết của ông. Bà cũng không muốn tìm hiểu liệu có mối liên hệ nào giữa mệnh lệnh nổi loạn đã cắt lìa ông khỏi gia đình hồi ông mới ngoài hai mươi và lòng quyết tâm đầy phần nộ, khoảng bốn mươi năm sau đó, đã khiến ông dứt áo rời khỏi Athena, như một kẻ phản bội, một gã hạ đẳng trong ngôi trường đó. Không phải là tôi chắc chắn rằng đã có

một liên hệ nào đó, một đường dẫn nào đó nối kết quyết định này với quyết định kia, nhưng chúng ta vẫn có thể tìm hiểu, phải không? Làm sao một con người như Coleman lại tồn tại trên đời? Rốt cuộc ông là thế nào? Cái ông nghĩ về con người mình là lệch lạc hơn hay đúng đắn hơn so với cái mà người khác nghĩ con người ông nên là, phải là? Thậm chí liệu ta có thể biết được những điều như thế không? Nhưng cái ý niệm về cuộc đời như một thứ mà mục đích bị giấu kín, về phong tục như một thứ mà đó suy nghĩ về nó là việc không được phép, về xã hội như một thứ chỉ chăm chăm vào hình ảnh của chính nó, một hình ảnh rất có thể chứa đựng vô vàn tì vết, về một cá nhân như một thứ tách rời ra và vượt thoát những định thức xã hội định nghĩa anh ta, mà có lẽ với anh ta những định thức đó mới là thứ *phi thực* nhất - tóm lại, mọi thứ rối rắm nuôi sống óc tưởng tượng của con người dường như nằm đâu đó bên ngoài lòng trung thành kiên định của bà đối với tập hợp những luật lệ trường tồn với thời gian.

“Tôi chưa đọc tác phẩm nào của ông cả,” bà nói với tôi khi ngồi trong xe. “Dạo này tôi có xu hướng ngả sang đọc truyện trinh thám, và nhất là truyện trinh thám Anh. Nhưng khi về đến nhà, tôi sẽ kiểm một cuốn của ông để đọc thử.”

“Bà chưa nói cho tôi biết bác sĩ Charles Drew là ai.”

“Bác sĩ Charles Drew,” bà nói, “đã khám phá ra cách chống đông máu nhờ đó người ta có thể lưu trữ máu. Rồi sau đó ông bị thương trong một tai nạn xe hơi, và bệnh viện gần đó nhất lại không tiếp nhận người da màu, và ông đã bị chảy máu tới chết.”

Đó là toàn bộ câu chuyện của chúng tôi trong hai mươi phút chạy xe xuống núi vào thị trấn. Những lời thổ lộ tuôn ra như nước lũ đã kết thúc. Ernestine đã nói mọi điều cần nói. Với kết quả là số phận mỉa mai đến nghiệt ngã của bác sĩ Drew đã đem đến một quả tạ - dường như hết sức liên quan tới Coleman và số phận mỉa mai đến nghiệt ngã của ông - không khiến người ta bất bối rồi đi chút nào bởi sự khờ lờng ở nó.

Tôi không thể hình dung được có thứ gì lại có thể khiến Coleman trở nên bí ẩn đối với tôi hơn cái câu chuyện vừa lọt trần con người ông. Giờ khi tôi đã biết tất cả, tôi lại thấy cứ như thể tôi chẳng biết gì hết, và thay vì có được một hình dung thống nhất về Coleman qua những gì tôi biết được từ Ernestine, tôi lại thấy ông trở thành một con người không những bí ẩn mà còn bất nhất nữa. Ở một chừng mực nào, đến một mức độ nào, bí mật của ông đã định đoạt cuộc sống thường ngày và ảnh hưởng lên những suy nghĩ hằng ngày của ông? Theo năm tháng liệu nó có chuyển từ một bí mật nóng rẫy thành một bí mật nguội lạnh rồi thành một bí mật bị lãng quên chẳng còn quan trọng gì, chỉ còn là một thứ liên quan đến cái thách đố mà ông đã tự đặt ra, cái khoản cược với bản thân từ thuở xa xưa trước đây? Từ quyết định của mình, liệu ông có tìm được cuộc phiêu lưu mà ông hằng đeo đuổi, hay tự bản thân quyết định ấy đã là một cuộc phiêu lưu? Liệu có phải việc mạo nhận đã đem lại cho ông khoái cảm, việc triển khai cái ý định mạo hiểm đó là phần mà ông thích nhất, việc du hành ẩn danh qua cuộc đời này, hay thực ra ông chỉ đơn giản là khép lại cánh cửa với một quá khứ, với những con người, với cả một chủng tộc mà ông không muốn dính líu gì đến dù là thân tình hay chính thức? Phải chăng chính những trở ngại xã hội mới là điều ông muốn né tránh? Liệu ông có phải chỉ đơn thuần là một người Mỹ nữa, theo truyền thống tiên phong vĩ đại, tiếp nhận lời mời gọi dân chủ là vất bỏ gốc gác của mình nếu việc đó là cần thiết cho cuộc mưu cầu hạnh phúc? Hay là hơn thế nữa? Hay là kém hơn? Những động cơ của ông vụn vặt ra sao? Bệnh hoạn tới đâu? Và giả sử nó có cả hai tính chất ấy - thì phải nghĩ về nó thế nào? Và giả sử nó không có cả hai tính chất ấy - thì phải nghĩ về nó thế nào? Vào thời điểm tôi gặp ông, liệu cái bí mật đó chỉ là một vệt màu hầu như chẳng điểm thêm gì lên những màu sắc của một con người trọn vẹn, hay thực ra toàn bộ con người ông chẳng là gì ngoài một vệt màu trên cái đại dương mênh mông vô bờ của một bí mật trọn đời? Liệu ông có bao giờ ngơi cảnh giác, hay cảm giác như thể phải làm một kẻ trốn lánh vĩnh viễn? Có bao giờ ông vượt qua được thực tế

rằng ông không thể vượt qua được thực tế là ông đang thành công với kế hoạch của mình - rằng ông có thể lành lặn mà đối mặt với thế giới sau những chuyện ông đã làm, rằng ông có thể làm cho mình hiện ra trong mắt thiên hạ, mà đúng là trong mắt thiên hạ ông hiện ra như thế, hoàn toàn thoải mái an nhiên? Hãy giả định rằng, phải, tới một lúc nào đó cán cân nghiêng về phía cuộc sống mới và cuộc sống trước kia lùi vào dĩ vãng, nhưng liệu ông có bao giờ hoàn toàn vượt qua được nỗi sợ hãi bị lộ trần và cái cảm giác rằng ông sẽ bị phát hiện không? Khi lần đầu ông đến gặp tôi, điên cuồng vì cái chết đột ngột của người vợ, vì cái chết của người vợ bị *giết hại*, như ông tin là thế, người vợ ghê gớm mà ông luôn phải vật lộn, nhưng lòng tận tâm dành cho bà lại một lần nữa bùng lên trong ông vào thời khắc bà qua đời, khi ông xông vào nhà tôi, quay cuồng với ý nghĩ điên rồ rằng bởi cái chết của bà ấy, tôi phải viết cuốn sách cho ông, chẳng phải tình trạng điên loạn của ông tự nó không khác gì một lời tự thú được mã hóa sao? Lũ ma! Bị hủy hoại bởi một từ thậm chí chẳng còn ai dùng nữa. Treo cổ ông vì thứ đó, trong mắt Coleman, tức là tầm thường hóa mọi chuyện - guồng máy tinh vi đằng sau lời nói dối của ông, sự cắn ke hoàn hảo nơi mưu toan của ông, *tất cả*. Lũ ma! Nó đã tầm thường hóa một cách lộ bịch màn trình diễn bậc thầy chính là cuộc đời khôn khéo đến phi thường, cuộc đời dường như rất phải đạo của ông - một cuộc đời gần như không chút sóng gợn trên bề mặt bởi mọi bão tố đều lặn vào cái bí mật kia. Thật chẳng ngạc nhiên khi lời kết tội phân biệt chủng tộc kia lại cho ông ra cám. Như thế thành tựu của ông chẳng bắt rễ từ gì khác ngoài nỗi ô nhục. Thật chẳng ngạc nhiên khi *mọi* lời kết tội lại cho ông ra cám. Tội lỗi thực sự của ông vượt xa bất cứ thứ gì người ta muốn chụp mũ cho ông. Ông nói ra từ “lũ ma”, ông có cô bạn gái bằng nửa tuổi mình - tất cả chỉ là trò trẻ con. Những lỗi lầm mới nhỏ mọn biết bao, nhảm nhí biết bao, lộ bịch biết bao và nghe hết như là trò trẻ ranh với một người đàn ông, trên con đường vươn xa của mình, đã làm cái việc mà ông phải làm với mẹ mình, đến gặp bà, và nhân danh cái ý niệm đầy chất anh hùng của ông về cuộc đời mình, nói với bà, “Kết

thúc rồi. Tình cảm giữa chúng ta kết thúc rồi. Bà không còn là mẹ tôi và chưa bao giờ là mẹ tôi.” Kể cả gan làm điều đó thì không thể nào chỉ muốn làm người da trắng. Cái ông ta muốn là mình có thể làm thế. Sống tự do một cách sung sướng thì đã là gì chứ. Nó giống như sự man rợ trong *Iliad*, tác phẩm ưa thích của Coleman về tinh thần tham tàn của con người. Ở đó mỗi vụ giết người đều có trọng lượng riêng của nó, vụ sau lại tàn nhẫn hơn vụ trước đó.

Tuy vậy, sau đó, ông lại sống luồn lách. Sau đó, ông đã làm việc ấy: không bao giờ sống bên ngoài sự bao bọc của cái thành trì chính là quy ước xã hội nữa. Hay đúng hơn là, sống trọn vẹn bên trong thành trì ấy, và đồng thời, một cách lẩn lút, hoàn toàn vượt ra, hoàn toàn khép kín - cuộc đời của ông với một cái tôi tự sáng tạo ra không thể đầy đặn hơn được nữa. Phải, ông đã luồn lách được một thời gian dài, thậm chí cả đám con sinh ra cũng đều da trắng cả - thế rồi mọi thứ dừng lại. Bị chơi một ván bởi sự bất khả kiểm soát của một thứ hoàn toàn khác. Cái người đàn ông quyết định tạo ra một số phận lịch sử của riêng mình, người lên đường phá tung xiềng xích của lịch sử, và phá hết tất cả, thành công rực rỡ trong việc thay đổi số phận của chính mình, cuối cùng lại bị sập bẫy bởi cái lịch sử mà ông hoàn toàn không ngờ tới: thứ lịch sử còn chưa hẳn là lịch sử, thứ lịch sử mà đồng hồ đang điểm từng phút, thứ lịch sử đang sinh sôi khi tôi viết những dòng này, tích tụ mỗi lần một phút và tương lai sẽ hiểu thấu nó chứ không phải là chúng ta. Cái-chúng-ta mà không gì vượt thoát nổi: cái thời khắc hiện tại, cái số phận chung, cái tâm trạng hiện thời, cái tâm trí của đất nước, cái thòng lọng của lịch sử mà chính là thời đại của mỗi người. Bị chơi một ván bởi cái bản chất tạm thời đầy đáng sợ của vạn vật.

Khi chúng tôi tới phố South Ward, tôi đậu xe ngoài College Arms và nói, “Tôi muốn lúc nào đó được gặp Walter. Tôi muốn nói chuyện với Walter về Coleman.”

“Walter đã không nhắc tới tên Coleman kể từ năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu. Anh ấy sẽ không nói về Coleman đâu. Coleman đã gây dựng sự nghiệp tại một trường đại học đặc da trắng ở New England. Coleman đã chọn giảng dạy một bộ môn đặc da trắng trong chương trình. Với Walter, Coleman còn trắng hơn cả những người da trắng. Anh ấy không thể nói gì hơn điều đó đâu.”

“Vậy bà có báo cho ông ấy biết Coleman đã chết không? Bà có nói bà đã đi đâu không?”

“Không. Trừ phi anh ấy hỏi.”

“Bà có liên lạc với con cái của Coleman không?”

“Sao tôi phải liên lạc?” bà hỏi. “Nói cho chúng biết là việc của Coleman. Đâu phải việc của tôi.”

“Thế sao bà lại nói với tôi?”

“Tôi không nói với ông. Ở nghĩa trang ông đã tự giới thiệu. Ông nói với tôi, ‘Bà là em gái Coleman?’ Tôi bảo phải. Tôi chỉ nói sự thật. Tôi không phải loại người có gì phải giấu giếm.” Thái độ của bà vẫn hà khắc như khi bà ngồi với tôi cả buổi chiều - và như thái độ của bà với Coleman. Cho đến trước lúc đó, bà vẫn tự cân bằng một cách thận trọng giữa một bên là sự tan nát của bà mẹ và một bên là nỗi giận dữ của ông anh.

Đến đây bà rút ví ra khỏi sắc tay. Bà mở ví cho tôi xem một trong những bức ảnh được nhét trong một bì nhựa. “Ba mẹ tôi,” bà ấy nói. “Sau Thế chiến thứ nhất. Ông ấy vừa từ Pháp về.”

Hai người trẻ măng đứng trước hàng hiên bằng gạch, thiếu nữ bé nhỏ đội cái nón rộng vành và mặc váy dài mùa hè còn chàng thanh niên mặc lễ phục quân nhân, với mũ lưỡi trai, đai da giắt đạn, găng tay da, và giày boots bóng loáng. Da của họ hơi sáng nhưng họ là dân da đen. Làm sao ta nhận ra họ là người da đen? Không chỉ đơn thuần là bởi họ chẳng có gì phải giấu giếm.

“Ông ấy đẹp trai đấy. Nhất là trong bộ quân phục đó,” tôi nói. “Chắc là đồng phục kỵ binh.”

“Đồng phục bộ binh đó,” bà ấy nói.

“Tôi không nhìn rõ mẹ bà lắm. Cái nón che mất một ít gương mặt của bà ấy.”

“Người ta đâu thể làm tất cả để kiểm soát đời mình,” Ernestine nói, và cùng câu nói đó, một phát biểu tổng kết đầy sức nặng triết lý như những câu triết lý ít ỏi bà nói ra, bà nhét cái ví vào trong sách, cảm ơn tôi đã mời bữa trưa, và, một cách rõ rệt, lại thu mình vào cuộc sống bình thường, ngăn nắp, dứt khoát tránh xa lối suy nghĩ lệch lạc, dù là trắng hay đen hay ở giữa, bà rời xe. Thay vì trở về nhà lúc đó, tôi lại lái xe xuyên thị trấn tới nghĩa trang và, sau khi đậu xe ngoài đường, tôi đi bộ qua cổng, lòng vẫn chưa hiểu nổi chuyện đang xảy ra, và đứng trong bóng tối đang dần đổ xuống bên cạnh đồng đất lô nhô đắp trên quan tài của Coleman, tôi cảm thấy chấn động vì câu chuyện của ông, vì cái kết thúc và khởi đầu của nó, và ngay lập tức, tôi bắt đầu cuốn sách này.

Tôi bắt đầu bằng việc tự hỏi chuyện gì đã xảy ra khi Coleman nói với Faunia sự thật về khởi đầu của ông - giả sử ông có làm thế; tức là giả sử ông *buộc* phải làm thế. Giả sử rằng điều mà ông không thể nói thẳng ra với tôi vào cái ngày ông xông vào nhà tôi và gào lên, “Viết câu chuyện của tôi đi, mẹ kiếp!”, điều mà ông không thể nói với tôi khi ông phải từ bỏ (chính vì cái bí mật đó, bây giờ tôi mới nhận ra) việc tự mình viết cuốn sách, rốt cuộc ông đã không cưỡng lại được việc thú nhận nó với cô, với người nữ lao công ở trường đại học, người đã trở thành đồng chí của ông, người đầu tiên và cuối cùng kể từ Ellie Magee, người mà ông có thể tự lột truồng và xoay lưng về phía cô để phô ra cái chìa khóa dây cốt trời lên trên tấm lưng trần của ông, cái chìa khóa mà nhờ nó ông đã lên dây cốt để khởi đầu cuộc trốn chạy vĩ đại của mình. Ellie, trước đó là Steena, và cuối cùng là Faunia. Người phụ nữ duy nhất chưa từng biết bí mật của ông là người phụ nữ

ông đã sống chung cả đời, vợ của ông. Tại sao lại là Faunia? Có một bí mật là chuyện thường tình của con người, và tiết lộ cái bí mật ấy, dù sớm hay muộn, cũng là một chuyện thường tình chẳng kém. Ngay cả, như trong trường hợp này, tiết lộ với một phụ nữ chẳng hề chất vấn, một phụ nữ mà hẳn bạn sẽ nghĩ rằng cô là một món quà dành cho một người đàn ông sở hữu một bí mật như thế. Nhưng ngay cả với cô ấy ông cũng kể - nhất là với cô ấy. Bởi vì cô ấy không chất vấn không phải là do cô ấy đần độn hay không muốn đối mặt với chúng; việc cô ấy không hỏi gì cả, trong mắt Coleman, là xuất phát từ phẩm giá bị hủy hoại của cô ấy.

“Tôi thừa nhận là có thể không đúng hoàn toàn,” tôi nói với người bạn đã hoàn toàn bị biến dạng của mình, “Tôi thừa nhận là có thể tất cả đều sai. Nhưng sao lại không thử chứ: khi ông cố tìm hiểu xem cô có phải từng là một con điếm không... khi ông đang cố lột trần *bí mật* của cô...” Ở nơi huyết mộ của ông, nơi mà tất cả những gì ông từng là dường như bị xóa sổ bởi sức nặng và sự đồ sộ của đồng đất kia, tôi cứ chờ, chờ cho ông lên tiếng, cho tới khi tôi nghe ông hỏi Faunia xem công việc tồi tệ nhất cô từng làm là gì. Rồi tôi lại chờ, chờ thêm nữa, cho đến khi từng chút một tôi bắt được cái âm hưởng xác xược nơi những lời nói thẳng tưng vốn thuộc về cô. Và tất cả đã khởi đầu như thế: tôi đứng một mình trong nghĩa trang sụp tối và bước vào cuộc đọ sức giữa văn chương và cái chết.

“Sau bọn trẻ, sau đám cháy,” tôi nghe cô kể với ông, “có việc gì thì em làm việc đó. Em chẳng biết hỏi đó mình làm cái gì nữa. Em đã chìm trong một màn sương. Ờ, rồi đến vụ tự tử,” Faunia nói. “Nó xảy ra tuốt trên khu rừng phía ngoài Blackwell. Với một khẩu súng săn. Đạn ghém. Cái xác thì đưa đi rồi. Một bà em quen, mụ nghiện rượu Sissie ấy, kêu em lên đó và giúp bà ấy. Bà ấy sẽ lên đó dọn dẹp các thứ. ‘Tôi biết chuyện này nghe kỳ cục,’ Sissie nói với em, ‘nhưng tôi biết cô khá cứng và có thể xử lý mọi chuyện. Cô giúp tôi làm việc này được không?’ Có một người đàn ông với một người đàn bà sống ở đó,

cùng con cái của họ, rồi họ cãi lộn, và anh ta bỏ sang phòng khác rồi bắn nát sọ mình. ‘Tôi sẽ lên đó dọn dẹp,’ Sissie nói, thế là em lên đó với bà ta. Em cần tiền, mà em cũng không biết mình đang làm gì, nên em đi. Mùi chết chóc. Em nhớ cái mùi đó. Kim loại. Máu. Cái mùi đó. Nó chỉ xộc ra khi tụi em bắt đầu lau dọn. Xóc óc nhất là khi xối nước ấm vào máu. Chỗ đó là một căn chòi gỗ. Máu dính khắp nơi trên tường. Đò-òm một cái, thằng cha đó văng đầy trên tường, văng lên mọi thứ. Một khi xối nước ấm với thuốc tẩy uế vào đó... ôi chà. Em cố gắng cao su rồi nhưng em còn phải đeo thêm khẩu trang, bởi vì ngay cả *em* cũng không chịu nổi. Cũng có những mẩu xương trên tường, dính vào đó với máu. Thọc khẩu súng vào miệng. Đò-òm. Kiểu đó thì chắc chắn rằng với xương văng ra ngoài luôn. Thấy nó mà. Nó dính hết ở đó. Em nhớ mình nhìn Sissie. Em nhìn bà ta và bà ta lắc đầu. ‘Thế đ.. nào mà bọn mình lại làm vụ này để kiếm nhiều ấy tiền?’ Tụi em ráng làm hết sức cho xong việc. Một trăm đô một giờ. Em vẫn nghĩ cỡ đó là chưa đủ.”

“Thế em nghĩ người ta phải trả bao nhiêu?” Tôi nghe Coleman hỏi Faunia.

“Một ngàn. Đốt con mẹ chỗ đó đi. Trả bao nhiêu cũng không đủ. Sissie ra ngoài. Bà ta không làm nổi nữa. Nhưng em, hai con nhỏ chết, thằng Lester điên khùng bám theo em khắp nơi, hành hạ em cả ngày lẫn đêm, ai thèm quan tâm? Em bắt đầu mày mò chỗ đó. Bởi vì tính em nó vậy. Em muốn biết tại cái quái gì mà thằng cha này làm thế. Em lúc nào cũng hứng thú với chuyện đó. Tại sao người ta tự tử. Tại sao có bọn giết người hàng loạt. Nói chung là cái chết. Thật hấp dẫn. Em nhìn các ảnh chụp. Nhìn xem có chút hạnh phúc nào ở đó không. Nhìn khắp cái chòi đó. Cho đến khi tới tủ thuốc. Đám thuốc. Đám chai lọ. Không có hạnh phúc ở đó. Hiệu thuốc nhỏ xíu của riêng hẳn. Em đoán là thuốc tâm thần. Những thứ lẽ ra hẳn phải uống mà lại không uống. Rõ ràng hẳn ta đang cố tìm sự trợ giúp, nhưng hẳn không làm được. Hẳn không thể uống thuốc.”

“Sao em biết điều đó?” Coleman hỏi.

“Em đoán thế. Em không biết. Đây là chuyện em tự nghĩ ra. Đây là chuyện của em.”

“Có thể hẳn đã uống thuốc và hẳn vẫn tự tử như thường.”

“Có thể,” cô ấy nói. “Máu. Máu rất dính. Anh không thể nào chùi sạch máu trên sàn được. Hết khăn này tới khăn khác. Cái màu đó vẫn còn. Sau cùng nó cũng dần chuyển sang màu cá hồi, nhưng anh vẫn không chùi sạch nó được. Như thế có gì đó vẫn sống. Thuốc tẩy uế siêu mạnh - cũng chẳng làm được gì. Kim loại. Ngọt lịm. Phát ói. Em không ói. Em bỏ nó ra khỏi đầu. Nhưng em gần muốn ói.”

“Mất bao lâu mới xong?” ông hỏi cô.

“Tụi em ở đó chừng năm tiếng. Em chơi trò thám tử nghiệp dư. Hẳn ta độ ba mươi lăm. Em không biết hẳn làm nghề gì. Nhân viên bán hàng hay gì đó. Hẳn như người rừng. Loại sống trên núi. Râu ria xồm xoàm. Tóc tai rậm rì. Cô ta thì nhỏ con. Mặt mũi dễ coi. Da dẻ sáng sủa. Tóc sẫm. Mắt đen. Rất lạnh lẽ. Rụt rè. Đó chỉ là nhận xét em rút ra từ những bức ảnh. Hẳn ta thuộc loại dân miền núi to con khỏe mạnh còn cô ta là người nhỏ con nhút nhát. Em không biết. Nhưng em muốn biết. Em đã nếm đủ mùi đời khi chưa thành niên. Học hành dở dang. Em không đi học được. Bên cạnh đủ những lý do khác, thì còn là vì em thấy chán ngắt. Đủ thứ chuyện đang xảy ra trong nhà mọi người. Chắc mẹ nó luôn là nó cũng xảy ra trong nhà *em*. Làm sao em có thể đi học và học thủ phủ của Nebraska là ở đâu? Em muốn *biết*. Em muốn ra ngoài đời và nhìn cho biết. Bởi vậy em mới tới Florida, và cứ thế em tới đủ mọi nơi, và đó là lý do tại sao em sục sạo khắp cái chòi đó. Chỉ để xem loanh quanh. Em muốn biết điều tồi tệ nhất. Cái gì là tệ nhất? Anh biết không? Cô ta ở đó vào lúc hẳn ta làm vậy. Tới lúc bọn em tới đó, cô ta đã được đưa vào viện thần kinh.”

“Đó là thứ tệ nhất mà em từng phải làm hả? Công việc tệ nhất mà em từng phải làm hả?”

“Kỳ dị. Phải. Em đã thấy rất nhiều chuyện. Nhưng chuyện đó - nó không chỉ kỳ quái không thôi. Mà ngược lại, nó thật là hấp dẫn. Em muốn biết tại sao.”

Cô ấy muốn biết cái gì là tệ nhất. Không phải điều tuyệt nhất, mà là tệ nhất. Ý cô là sự thật. Sự thật là gì? Thế là ông ấy nói cho cô biết. Người phụ nữ đầu tiên sau Ellie biết được chuyện đó. Người đầu tiên kể từ Ellie. Bởi vì tại thời điểm ấy ông yêu cô, tưởng tượng trong đầu cảnh cô cạo rửa máu me. Đó là lúc ông cảm thấy gần gũi nhất với cô. Có thể là thế chăng? Đó là lúc ông cảm thấy gần gũi nhất với một người! Ông yêu cô. Bởi vì đó là khi bạn yêu một người - khi bạn thấy họ gan lì đối mặt với điều tồi tệ nhất. Không phải can đảm. Không anh hùng. Chỉ là gan lì. Ông chẳng có chút hoài nghi nào về cô. Không một chút. Chuyện này vượt ngoài mọi suy nghĩ và tính toán. Nó thuộc về bản năng. Có thể vài giờ sau nó sẽ hóa ra là một ý tưởng rất tệ, nhưng vào ngay lúc đó, không. Ông tin cô - là vậy đó. Ông tin cô: cô đã cạo rửa sạch máu trên sàn. Cô không sùng đạo, cô không cao đạo, cô không bị méo mó đi vì câu chuyện thần tiên về sự thanh khiết, dù cho những thứ bệnh hoạn khác đã làm biến dạng con người cô. Cô không hứng thú gì với việc phán xét - cô đã chứng kiến quá nhiều thứ để mà làm cái việc ấy. Cô sẽ không bỏ chạy như Steena, bất kể ông nói gì. “Em nghĩ sao,” ông hỏi cô, “nếu tôi nói với em rằng tôi không phải người da trắng?”

Ban đầu cô ấy chỉ nhìn ông, nếu có kinh ngạc, thì cũng chỉ kinh ngạc trong tích tắc không hơn. Rồi cô bắt đầu cười, cái kiểu phá lên cười đã thành đặc trưng của cô. “Em nghĩ gì à? Em nghĩ anh đang nói với em điều mà em đã nhận ra từ lâu.”

“Làm sao có thể.”

“Ô, không phải vậy sao? Em biết anh là ai mà. Em đã sống ở miền Nam. Em gặp đầy trường hợp. Đương nhiên là em phải biết. Còn lý do nào khác khiến em thích anh nhiều đến thế? Vì anh là giáo sư đại học à? Nếu đúng là thế thật thì có mà họa là em bị rồ.”

“Anh không tin em, Faunia.”

“Tùy anh thôi,” cô nói. “Anh tra hỏi xong chưa?”

“Tra hỏi gì?”

“Về công việc tệ nhất em từng làm.”

“Rồi,” ông nói. Rồi đợi cô tra hỏi về việc ông không phải người da trắng. Nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra. Cô có vẻ chẳng buồn quan tâm. Và cô cũng không bỏ chạy. Và khi ông kể cho cô nghe toàn bộ những gì đã xảy ra, cô nghe từ đầu tới cuối, nhưng chẳng phải vì cô thấy chuyện này khó tin hay lạ thường hay thậm chí kỳ quặc - chắc chắn là chẳng có gì đáng chỉ trích ở nó. Không. Với cô ấy, chuyện đó nghe y như cuộc đời này.

Vào tháng Hai, tôi nhận được điện thoại của Ernestine, có lẽ bởi vì lúc ấy là Tháng Lịch Sử Da Đen và bà nhớ ra là phải nói cho tôi biết về Matthew Henson và bác sĩ Charles Drew. Có lẽ bà nghĩ rằng đã tới lúc bà tiếp tục việc giáo dục tôi về chủng tộc, đặc biệt là chạm tới mọi thứ mà Coleman đã chối bỏ, một thế giới East Orange với mọi thứ đều sẵn đó, đầy tới ứa tràn ra, bốn dặm vuông nhưng nhúc các thứ hôi hối sự sống bám chắc lấy không rời, bệ đỡ đá tảng, nên thơ của một thời niên thiếu thành công, mọi sự chở che, mọi sự trung thành, mọi trận đánh, sự chính đáng của chúng chỉ đơn giản là bị xem nhẹ, và chẳng có gì mang tính lý thuyết trong chuyện này, chẳng có gì lừa mị hay hão huyền trong chuyện này - toàn bộ những điều hạnh phúc của một khởi đầu tốt đẹp rộn ràng với niềm hào hứng và lễ thường mà ông anh Coleman của bà đã xóa sạch.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, sau khi báo với tôi rằng Walter Silk và vợ ông có thể từ Asbury Park lên đây vào Chủ nhật, bà nói tiếp, nếu tôi không phiền lái xe tới Jersey, tôi sẽ được chào đón đến dự bữa tối Chủ nhật. “Ông đã muốn gặp Walter. Và tôi nghĩ có thể ông cũng muốn xem ngôi nhà của chúng tôi. Có nhiều tập bưu ảnh. Có căn

phòng của Coleman, hồi trước Coleman với Walter ngủ ở đó. Hai cái giường đôi vẫn còn đó. Căn phòng trước là của hai ông anh giờ là phòng cho con trai tôi, nhưng bộ khung bằng gỗ thích thì vẫn còn nguyên đó.”

Tôi đang được mời tới xem sự sung túc của Gia đình Silk mà Coleman đã vất bỏ như thể nó là ách nô lệ của ông, để ông có thể sống trong một thế giới xứng với ý thức của ông về tầm vóc của mình - để trở thành một người khác, một người nào đó vừa vặn với ông, và tạo nên số phận của mình bằng cách để cho một thứ khác nô dịch mình. Vứt bỏ sạch sẽ, vứt bỏ toàn bộ cành nhánh da đen, nghĩ rằng mình không thể nào thay thế chúng bằng cách nào khác nữa. Quá nhiều mong ngóng, quá nhiều mưu tính và đam mê và sự vi tế và che giấu, tất cả chúng nuôi dưỡng lòng khao khát muốn rời khỏi ngôi nhà để được chuyển mình.

Để trở thành một thực thể mới. Để tách riêng ra. Tấn bi kịch ẩn tàng dưới mái nhà nước Mỹ, tấn kịch lớn tức là việc vùng dậy và bỏ đi - và nghị lực cùng sự tàn bạo mà nỗi khao khát mê đắm ấy đòi hỏi.

“Tôi muốn tới,” tôi nói.

“Tôi không thể bảo đảm điều gì cả,” bà ấy nói. “Nhưng ông lớn rồi. Ông có thể tự trông chừng bản thân.”

Tôi bật cười. “Bà định bảo tôi cái gì đấy?”

“Walter có thể sắp tám mươi, nhưng anh ấy vẫn như cái lò lửa hừng hực gầm rú. Ông sẽ không thích những điều anh ấy nói đâu.”

“Về người da trắng hả?”

“Về Coleman, về kẻ dối trá đầy toan tính ấy. Về đứa con nhẫn tâm. Về kẻ phản bội chủng tộc mình.”

“Bà đã nói với ông ấy là Coleman đã chết.”

“Tôi đã quyết định làm vậy. Phải, tôi đã cho Walter hay. Chúng tôi là gia đình. Tôi đã nói với anh ấy mọi chuyện.”

Vài ngày sau, một bức ảnh được gửi đến cùng với lá thư ngắn của Ernestine: “Tôi tình cờ thấy cái này và nghĩ đến cuộc gặp sắp tới của chúng ta. Xin giữ nó, nếu ông muốn, như một kỷ vật của Coleman Silk bạn ông.” Đó là một bức ảnh đen trắng đã phai màu, kích thước khoảng chín nhân mười hai phân, một bức ảnh phóng to, trông biết ngay là được chụp trong sân sau nhà ai đó bằng một máy ảnh Brownie dạng hộp, trong ảnh Coleman như một cỗ máy chiến đấu mà đối thủ của ông sẽ phải đối mặt khi tiếng chuông vang lên. Ông lúc đó hẳn chưa thể quá mười lăm, mặc dù những đường nét nhỏ nhắn như tạc mà sau này sẽ mang lại cho ông một vẻ trẻ nít đầy lôi cuốn ở tuổi trưởng thành lúc này trên khuôn mặt cậu bé ấy đã mang đầy vẻ trưởng thành kiểu đàn ông. Giống như dân chuyên nghiệp, ông có cái nhìn trừng trừng báo đằm gở, cái nhìn chăm chú kiên trì của loài thú ăn thịt đang rình rập, mọi thứ đều bị tẩy sạch ngoại trừ khao khát để chiến thắng và sự khéo léo để hủy diệt. Cái nhìn ấy thần nhiên, chĩa ra từ ông như một mệnh lệnh, ngay cả khi cái cằm nhỏ sắc cạnh chọc vào bờ vai xương xương. Đôi găng của ông đang giơ lên sẵn sàng trong tư thế cổ điển - giơ ra phía trước cứ như chúng không chỉ mang hai năm đấm mà còn toàn bộ động lực của mười lăm năm sống trên cõi đời - và mỗi chiếc găng có chu vi còn lớn hơn cả khuôn mặt ông. Người ta sẽ ngỡ ngỡ như đang thấy một cậu trai ba đầu. *Tôi là một tay đấm bốc, tư thế đe dọa ấy hiện ngang thông báo, tôi không hạ đo ván - mà tôi tấn bọn họ. Tôi lấn lướt cho đến khi họ dừng trận đấu.* Không thể nhầm lẫn được, đó là ông anh mà bà đã đặt tên là Ông anh Quyết Tâm; quả vậy, dòng chữ “Ông anh Quyết Tâm,” nét chữ hẳn là từ hồi Ernestine còn con gái, được viết bằng mực bút máy xanh đã phai mờ ở mặt lưng bức ảnh.

Bà ấy cũng chẳng phải vừa, tôi nghĩ và tìm một khung ảnh nhựa trong cho cậu võ sĩ quyền Anh và đặt cậu ta trên bàn viết của tôi. Sự táo gan của gia đình đó không hề bắt đầu và kết thúc với Coleman. Đó là một món quà gan góc, tôi nghĩ, từ một phụ nữ với vẻ ngoài ngỡ như

gan góc. Tôi tự hỏi bà nghĩ gì khi mời tôi tới nhà. Tôi tự hỏi mình đã nghĩ gì khi nhận lời mời đó. Thật lạ lùng khi nghĩ rằng em gái Coleman và tôi lại bị hút vào nhau như thế - nhưng ta cũng không nên quên rằng mọi chuyện về Coleman đều lạ lùng gấp cả chục, cả trăm, cả nghìn lần.

Lời mời của Ernestine, bức ảnh của Coleman - đó là lý do tôi quyết định lên đường tới East Orange vào ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng Hai sau khi Thượng viện bỏ phiếu không cách chức Bill Clinton, và cũng là lý do tôi có mặt trên một con đường núi hẻo lánh đi tắt từ nhà tôi ra đường 7, mà lúc bình thường tôi chẳng bao giờ lái xe qua lối đó. Và đó cũng là nguyên do dẫn đến việc tôi để ý thấy chiếc xe tải tòi tàn màu xám có tấm dán mang dòng chữ POW/MIA trên đuôi xe đậu kề bên một cánh đồng rộng mà nếu không có nó thì tôi đã phóng thẳng qua, chiếc xe mà tôi chắc chắn là của Les Farley. Tôi thấy cái xe tải đó, không hiểu sao tôi biết ngay đó là xe của hắn, và không thể lái xe đi tiếp, không thể chỉ ghi nhận sự hiện diện của nó rồi tiếp tục đi, tôi đạp thắng cho xe dừng lại. Tôi chạy lùi cho đến khi xe tôi nằm ngay trước xe của hắn, và tôi đậu lại trên lề đường.

Tôi nghĩ mình đã không hoàn toàn chắc chắn rằng mình đang làm cái mình đang làm - nếu không phải thế thì sao tôi làm được việc đó? - nhưng cho đến lúc đó là đã gần ba tháng cuộc đời Coleman Silk trở nên gần gũi với tôi hơn cả cuộc đời chính tôi, và vì thế không thể có chuyện tôi lại ở đâu khác ngoài cái nơi lạnh giá trên đỉnh ngọn núi đó, đứng đó với bàn tay đeo găng đặt trên mui của chính cái xe từng lao sang phía đường ngược chiều và khiến Coleman mất lái tông xuyên rào chắn bảo vệ và, với Faunia bên cạnh, lao xuống con sông vào cái đêm trước ngày sinh nhật thứ bảy mươi hai của ông. Nếu đây là hung khí sát nhân thì kẻ sát nhân không thể ở đâu xa.

Khi tôi nhận ra mình đang đi đâu - và nghĩ lại về sự ngạc nhiên khi nghe được tin từ Ernestine, khi được mời tới gặp Walter, khi suy nghĩ cả ngày và thường là kéo dài tới tận khuya về một người mà tôi quen

biết chưa tới một năm và chưa từng là người bạn thân thiết nhất - diễn biến của các sự kiện có vẻ cũng tương đối logic. Đây là chuyện luôn xảy ra khi bạn viết sách. Không chỉ là có cái gì đó thúc đẩy ta tìm hiểu mọi thứ - mà là cái gì đó bắt đầu đặt mọi thứ vào con đường của ta. Đột nhiên không một con đường nào là không dẫn thẳng vào nỗi ám ảnh của ta.

Và thế là ta làm điều tôi đang làm thôi. Coleman, Coleman, Coleman, người mà giờ đây chẳng là ai nhưng lại chiếm cứ sự tồn tại của tôi. Dĩ nhiên ông không thể viết sách. Ông đã viết cuốn sách đó - chính là cuộc đời ông. Viết về mình vừa là sự phơi bày vừa là che giấu, nhưng với ông chỉ có thể là sự che giấu thế nên nó sẽ chẳng đi đến đâu. Cuốn sách của ông là đời ông - còn nghệ thuật của ông là làm một gã da trắng. Theo lời anh trai ông, là “trắng hơn cả người da trắng”. Đó là hành động phát minh độc nhất của ông: mỗi ngày ông thức dậy để làm cái con người do chính ông tạo ra.

Chẳng còn mấy tuyết trên mặt đất, chỉ vài mảng giăng mắc trên những gốc rạ của cánh đồng trống mênh mông, không có dấu vết gì để tôi theo đuôi, thế nên tôi bắt đầu băng sang mé bên kia, nơi có hàng cây thưa, và qua hàng cây tôi thấy một cánh đồng khác, thế là tôi cứ đi đến khi tới được cánh đồng thứ nhì, và tôi băng qua đó, và băng qua một hàng cây nữa, dày đặc hơn, đầy những dây thường xanh mọc cao, và ở mé bên kia là một mặt hồ đóng băng như con mắt lấp lánh, hình bầu dục và nhọn lại ở hai đầu, với những quả đồi nâu lốm đốm tuyết mọc lên chung quanh hồ và những rặng núi, trông rất dịu dàng, uốn lượn mãi về xa. Sau khi rời khỏi con đường chừng năm trăm mét, tôi đã xông vào - không, xâm nhập vào; tôi cảm thấy một cảm giác gần như phạm pháp... tôi nghĩ mình đã xâm nhập vào một khung cảnh tinh khôi, chưa bị xâm phạm, thanh thản uyên nguyên, như những khung cảnh vẫn bao quanh các hồ nước ở New England. Những chỗ thế này khiến ta nảy sinh một ý nghĩ - như chúng được trân quý vì thế - về

hình ảnh thế giới trước khi con người tìm tới. Sức mạnh của thiên nhiên đôi khi rất êm dịu, và đây là một nơi êm dịu, giúp ta ngừng lại những suy nghĩ vụn vặt mà đồng thời lại không khiến ta khiếp sợ bằng những lời nhắc nhở về tính hư vô của một cuộc đời và sự bao la của tàn phai. Nó nằm trọn về phía cái vùng an toàn của sự trác tuyệt. Người ta có thể thẩm thấu cái đẹp vào trong tâm hồn mình mà không cảm thấy nhỏ nhoi hay ngập tràn sợ hãi.

Trên mặt băng có một bóng người lẻ loi mặc bộ áo liền quần màu nâu và đội mũ đen ngồi trên một cái xô thấp màu vàng, lom khom bên một cái lỗ trên mặt băng với một cần câu ngắn cầm trên đôi tay đeo găng. Tôi chỉ bước lên mặt băng khi biết hẳn đã nhìn lên và thấy tôi. Tôi không muốn bất thần đến gần hẳn, hoặc như thế nào đó tỏ ra là tôi có ý định đấy, nhất là nếu người câu cá kia thực sự là Les Farley. Nếu đó là Les Farley, hẳn không phải loại người mà bạn muốn làm cho ngạc nhiên.

Dĩ nhiên tôi đã nghĩ đến chuyện thoái lui, tôi nghĩ đến việc quay trở lại con đường, chui vào xe, đi tiếp đến đường 7 về phía Nam và xuyên qua Connecticut tới đường 684 và từ đó đi tiếp tới Garden Gate Parkway. Tôi nghĩ đến chuyện tới xem qua phòng ngủ của Coleman. Tôi nghĩ đến chuyện gặp mặt ông anh Coleman, người mà, vì những điều Coleman đã làm, không thể thôi thù ghét em trai mình ngay cả khi đứa em ấy đã chết. Tôi chỉ nghĩ về mỗi chuyện đó suốt đoạn đường trên mặt băng để đến tận mắt nhìn kẻ đã giết Coleman. Ngay khi tôi lên tiếng, “Xin chào. Anh khỏe chứ?” tôi nghĩ: lặng lẽ tới gần hẳn hay không thì cũng chẳng khác gì nhau. Dù thế nào thì mi cũng là kẻ thù. Trên vũ đài trống trải, trắng xóa băng này, kẻ thù *duy nhất*.

“Cá cần câu không?” tôi hỏi.

“Ồ, không nhiều cũng chẳng ít.” Hẳn chỉ liếc về hướng tôi một cái rồi lại tập trung chú ý vào cái lỗ trên băng, một trong số mười hai hay mười lăm lỗ tương tự đã khoét thủng mặt băng cứng như đá và nằm rải rác ngẫu nhiên trên chùng bốn mét vuông mặt hồ. Nhiều khả năng

những lỗ này được khoan bằng cái dụng cụ đang nằm cách cái xô vàng của hắn ta vài bước, cái xô thực ra là một thùng đựng chất tẩy rửa cỡ hai chục lít. Máy khoan đó gồm một tay cầm kim loại dài hơn một mét tận cùng là một đoạn lưỡi khoan ruột gà hình trụ, một thứ công cụ chán chết, đáng gờm mà mũi khoan bề thế của nó - xoay bằng cách quay cái cần ở đầu trên - lấp lánh trong nắng như còn mới nguyên. Một cái máy khoan thứ thiệt.

“Thế là được rồi,” hắn lầm bầm. “Cho qua ngày ấy mà.”

Cứ như thế tôi không phải người đầu tiên mà là người thứ năm mươi ngẫu nhiên lang thang ra lưng chừng mặt bằng trên một cái hồ cách con đường làng năm trăm mét trên một vùng cao nguyên nông thôn để hỏi về chuyện câu cá. Vì hắn đội một cái mũ len đen kéo xuống trùm kín trán và phủ cả hai tai, và hắn có chòm râu bạc và ria mép khá rậm, nên khuôn mặt chỉ lộ ra một dải hẹp. Nếu có gì đáng chú ý thì đó là cái khoảng ấy kéo dài sang hai bên - trên trục ngang, một khoảng mặt hình chữ nhật hở ra. Đôi mày đen sậm của hắn dài và rậm, mắt hắn màu xanh và cách xa nhau một cách lạ lùng, trong khi nằm giữa ngay trên hàng ria mép là cái mũi tẹt chưa phát triển của trẻ con. Chỉ trong cái dải hẹp mà Farley bày ra giữa cái miệng có ria và mũ trùm len, đủ mọi loại quy luật cùng song hành, cả hình học lẫn tâm lý học, và chẳng cái nào ăn nhập với cái nào.

“Chỗ này đẹp đấy,” tôi nói.

“Vậy tôi mới tới đây.”

“Bình yên.”

“Gần với Thượng đế,” hắn nói.

“Sao? Anh thấy vậy à?”

Lúc này hắn trút bỏ cái sắc cạnh ở ngoài rìa, lớp vỏ phủ trên sự hướng nội của hắn, trút bỏ cái tâm trạng tôi lúc trước khi tôi đến, và trông cứ như hắn sẵn sàng giao tiếp với tôi chứ không chỉ coi đây là một sự sao nhãng vô nghĩa. Tư thế của hắn không thay đổi - vẫn hoàn

toàn mang vẻ câu cá hơn là tán gẫu - nhưng ít nhất một phần nhỏ của cái vẻ khó gần đã bị bào mòn bớt bởi một giọng nói ấm áp hơn, trầm ngâm hơn những gì tôi mong đợi. Tự lự, thậm chí bạn có thể gọi nó như vậy, tuy là theo một kiểu lững lờ khủng khiếp.

“Nơi này ở mãi trên đỉnh một ngọn núi,” hấn nói. “Không có nhà cửa quanh đây. Không chỗ trú. Không có nhà chòi nào trên hồ.” Sau mỗi lời nói, là một khoảng dừng u ám - một lời bình luận mang tính tuyên ngôn, rồi im lặng dồn nén. Chẳng ai đoán được, vào cuối mỗi câu nói, liệu hấn đã nói xong với bạn chưa. “Không có nhiều hoạt động ở đây. Không có nhiều tiếng ồn. Cái hồ chừng một cây số vuông. Không có cái bọ kè kè mũi khoan điện. Không có tiếng ồn với mùi xăng kinh tởm của bọ đó. Một cây số vuông chỉ toàn đất trống và rừng. Thật là một nơi đẹp đẽ. Chỉ có bình yên và im lặng. Lại sạch nữa. Thật là một nơi sạch sẽ. Cách xa hấn mọi bon chen, tất bật và điên rồ đang diễn ra không dứt.” Sau cùng là cái ngược nhìn lên để quan sát tôi. Để đánh giá tôi. Một cái nhìn rất nhanh mà chín mươi phần trăm là sự tối tăm bất khả dò thấu và mười phần trăm cởi mở một cách đáng ngại. Tôi không thể biết xem liệu có chút khôi hài nào trong người đàn ông này không.

“Chừng nào tôi còn giữ kín được chỗ này,” hấn nói, “nó sẽ vẫn còn nguyên như vậy.”

“Cũng đúng,” tôi nói.

“Bọn chúng sống ở thành phố. Bọn chúng sống trong cảnh bon chen và tất bật của công việc hằng ngày. Sự điên rồ trên đường đi làm. Sự điên rồ ở chỗ làm. Sự điên rồ trên đường từ chỗ làm về đến nhà. Giao thông. Kẹt xe. Bọn chúng bị mắc vào đó. Tôi thì thoát được.”

Tôi không cần hỏi “bọn chúng” là ai. Có thể tôi sống xa mọi thành phố thật đó, có thể tôi không hề sở hữu một máy khoan điện, nhưng tôi là bọn chúng, tất cả chúng ta là bọn chúng, tất cả mọi người ngoại trừ gã đàn ông ngồi xồm trên mặt hồ này nhấp nhấp cây cần câu ngắn trên tay và nói chuyện với một cái lỗ trên mặt băng, hấn chủ ý nói với

khối nước lạnh giá bên dưới nhiều hơn là nói với tôi - một kẻ trong số “bọn chúng”.

“Có thể một tay đi bộ đường dài sẽ đi qua đây, hay một tay trượt tuyết băng đồng, hoặc ai đó như ông. Phát hiện ra cái xe của tôi, rồi họ phát hiện ra tôi ngoài đây, nên họ sẽ đến chỗ tôi, chắc sẽ giống như khi ông bước ra đây - những người không câu cá như ông...” và đến đây hẳn ngược lên để nhìn lại lần nữa, để dự liệu, một cách bí nhiệm, cái tính chất “bọn chúng” không thể tha thứ được của tôi. “Tôi nghĩ ông không câu cá.”

“Không hề. Không. Thấy xe tải của anh thôi. Nay đẹp trời nên lái chơi lòng vòng ấy mà.”

“Ờ, bọn chúng cũng giống ông,” hẳn bảo tôi, cứ như thể những gì cần biết về tôi hẳn đã biết cả kể từ lúc tôi xuất hiện trên bờ hồ. “Bọn chúng luôn đến gần khi thấy một tay câu cá, và bọn chúng tò mò, và bọn chúng hỏi xem tôi câu được gì, ông biết đấy. Thế nên cái tôi làm là...” Nhưng tới đây trí óc hẳn như bị khựng lại, bị một suy nghĩ chặn lại, *Mình đang làm gì thế này? Mình đang làm nhảm về chuyện quá quý gì vậy?* Khi hẳn tiếp tục, tim tôi lập tức đập dồn đầy sợ hãi. Bởi thú câu cá của hẳn đã bị phá hỏng, tôi nghĩ, hẳn đã quyết định đùa với tôi một chút. Bây giờ hẳn đã vào vai. Hẳn rời khỏi cuộc câu cá và trở thành Les cùng tất cả những gì là Les và không phải là Les.

“Thế nên cái tôi làm là tôi sẽ,” hẳn tiếp tục, “nếu tôi có cá nằm trên mặt băng, tôi sẽ làm việc tôi đã làm khi thấy ông. Tôi sẽ nhặt ngay tất cả cá mà tôi bắt được lên và tôi sẽ bỏ nó vào trong một bao nhựa và để vào xô, cái xô tôi đang ngồi đây. Thế là cá được giấu sạch. Và khi người ta bước tới và hỏi, ‘Cá cắn câu không,’ tôi đáp, ‘Chẳng có gì. Tôi nghĩ chẳng có gì ở đây.’ Tôi câu chắc được chừng ba chục con rồi đấy. Một ngày tuyệt vời. Nhưng tôi sẽ bảo họ, ‘Không, tôi định về đây. Tôi ở đây hai tiếng rồi mà chưa có con nào cắn cả.’ Lần nào cũng vậy, họ đều quay lưng và bỏ đi. Họ sẽ đi tới những nơi khác. Rồi họ sẽ phao lên rằng cái hồ trên đó chẳng có gì. Thế nên nó mới bí mật vậy.

Có lẽ sau cùng tôi có vẻ hơi thiếu thành thật. Nhưng chỗ này lại thành ra một bí mật được giữ gìn cẩn mật nhất trên thế giới này.”

“Và bây giờ thì tôi đã biết,” tôi nói. Tôi thấy rằng không có cách nào khả dĩ làm hấn bật cười kiểu đồng lõa về chuyện hấn che giấu bí mật với những kẻ xâm phạm như tôi, tôi không thể khiến hấn thả lỏng đôi chút bằng cách cười trước điều hấn vừa nói, thế nên tôi quyết định không làm thế. Tôi nhận ra rằng dù chẳng có gì là quá riêng tư trong những lời qua lại giữa chúng tôi, do chủ ý của hấn, nếu không nói là của tôi, hai chúng tôi dường như đã cùng đứng trên một chiếc thuyền, mỉm cười cũng chẳng để làm gì. Tôi đang trong một cuộc đối thoại mà tại cái nơi xa xôi, hẻo lánh, lạnh giá này, nó đột nhiên trở thành thứ quan trọng nhất. “Tôi cũng biết được chuyện anh đang ngồi trên một đồng cá,” tôi nói. “Trong cái xô đó. Hôm nay được bao nhiêu con?”

“Chà, trông ông có vẻ biết giữ bí mật đấy. Khoảng ba mươi, ba lăm con. Phải, ông trông có vẻ ngay thẳng đấy. Tôi nghĩ tôi nhận ra ông là ai. Ông không phải chính là tay nhà văn đó sao?”

“Chính là tôi.”

“Rõ rồi. Tôi biết ông sống ở đâu. Phía bên kia đầm lầy chỗ có nhiều chim diệc. Chỗ của Dumouchel. Nhà của Dumouchel ở đó.”

“Tôi mua lại của Dumouchel đó. Vậy nói tôi nghe đi, vì tôi là người biết giữ bí mật, tại sao anh ngồi ngay đây mà không phải đằng kia? Cái hồ lớn đóng băng to thế này. Sao anh lại chọn ngay chỗ này để câu?” Ngay cả khi hấn không thực sự đang làm mọi việc để giữ chân tôi ở đó, thì dường như tôi đang đơn phương làm đủ cách để không phải đi khỏi chỗ này.

“À, ta chẳng bao giờ biết được,” hấn nói. “Ông luôn bắt đầu ở chỗ lần trước ông câu được cá. Nếu lần trước ông câu được cá, ông luôn bắt đầu ở chỗ đó.”

“À ra vậy. Tôi cứ lẩn tẩn mãi.” Bây giờ thì đi thôi, tôi nghĩ. Nói thế là đủ rồi. hơn mức cần thiết. Nhưng ý nghĩ về chuyện hấn là ai đã thu hút tôi. *Sự thật* về hấn thu hút tôi. Đây không phải là vì suy đoán. Đây

không phải là vì ngẫm nghĩ. Đây không phải là vì cái cách suy nghĩ làm nên văn chương hư cấu. Mà là vì bản thân sự việc này. Những nguyên tắc căn trọng đã chi phối gặt gao cuộc sống ngoài tác phẩm của tôi suốt năm năm qua đột nhiên bị gác lại. Tôi không thể quay trở lại khi đi trên mặt băng và bây giờ tôi cũng không thể quay người bỏ chạy. Việc này chẳng liên quan gì tới lòng can đảm. Nó chẳng liên quan gì tới lý trí hay logic. Hẳn ở đây. Đó là tất cả những gì can hệ. Điều đó và nỗi sợ hãi của tôi. Trong bộ đồ áo liền quần màu nâu dày cộp và mũ len trùm đầu màu đen và đôi ủng cao su đế dày, và hai bàn tay to bè trong đôi găng tay hở ngón màu rằn ri của dân đi săn (hay binh lính), đây là kẻ đã giết Coleman và Faunia. Tôi chắc chắn là thế. Họ không hề mất lái rồi lao xuống sông. Đây là kẻ giết người. Hẳn chính là kẻ đó. Làm sao tôi có thể bỏ đi được?

“Cá lúc nào cũng ở đó à?” tôi hỏi hẳn. “Khi anh trở lại đúng chỗ anh câu lần trước ấy?”

“Không, thưa ngài. Cá đi theo đàn. Dưới mặt băng. Hôm nay chúng ở mé Bắc của hồ, hôm sau chúng có thể ở mé Nam. Đôi khi có thể chúng ở cùng một chỗ trong hai lần liên tiếp ta tới đây. Chúng vẫn ở đó. Cái bọn cá làm là chúng thường tụ thành đàn và không di chuyển nhiều, bởi vì nước rất lạnh. Chúng có khả năng điều chỉnh thân nhiệt theo nhiệt độ nước và vì nước lạnh như thế, chúng không di chuyển nhiều, và chúng cũng không cần nhiều thức ăn lắm. Nhưng nếu ông tới được chỗ cá tụ thành đàn, ông sẽ câu được cả đồng cá. Nhưng có những ngày ông đến cũng cái hồ đó - ông chẳng bao giờ có thể thử được hết từng vị trí - và ông có thể thử đến năm sáu chỗ khác nhau, khoan lỗ, mà chẳng bao giờ dính câu. Chẳng bắt được lấy một con. Chỉ là ông không định vị được đàn cá. Và thế là ông cứ ngồi không ở đây thôi.”

“Ngồi gần với Thượng đế,” tôi nói.

“Ông hiểu đúng đó.”

Sự lưu loát của hắn - vì đây là điều tôi ít chờ đợi nhất - khiến tôi bị mê hoặc, cũng như sự tỉ mỉ của hắn khi hắn giải thích về sự sống trong một cái hồ khi nước vào mùa lạnh. Làm sao hắn biết tôi là “tay nhà văn đó”? Hắn cũng biết tôi là bạn của Coleman chẳng? Hắn cũng biết tôi có mặt ở đám tang Faunia chẳng? Tôi nghĩ trong đầu hắn hiện cũng có nhiều câu hỏi về tôi - và ý đồ của tôi khi đến đây - chẳng kém số câu hỏi trong đầu tôi về hắn vậy. Cái vùng hình vòm cung sáng lấp lánh và to lớn này, cái hầm mộ trên mặt đất của chòm núi này, cái nôi cho một khối nước ngọt hình bầu dục đóng băng cứng như đá, rồi những vận động cổ xưa chính là sự sống trong một cái hồ, là sự hình thành của băng giá, là sự trao đổi chất của cá, tất thấy những sức mạnh không âm thanh, không tuổi tác cứ kiên trì vận hành - cứ như thể chúng tôi đã chạm mặt nhau trên đỉnh thế giới, hai khối óc giấu kín đang tích tắc một cách hồ nghi, trong nội tâm chỉ độc có sự hoang tưởng và nỗi thù hận.

“Vậy nếu anh không bắt được cá,” tôi hỏi, “thì anh sẽ nghĩ về cái gì? Anh nghĩ về cái gì khi cá không cắn câu?”

“Để tôi nói cho ông nghe tôi vừa nghĩ tới chuyện gì. Tôi đang nghĩ nhiều thứ lắm. Tôi đang nghĩ đến Slick Willie*. Tôi đang nghĩ đến gã tổng thống của chúng ta - về cái vận may phát ớn của lão ta. Tôi đang nghĩ đến cái thằng cha cái gì cũng thoát được, và tôi đang nghĩ đến những thằng chạy trời không khỏi nắng. Những thằng không tránh được quân dịch và không thoát được nữa. Coi bộ không phải lẽ chút nào.”

“Việt Nam,” tôi nói.

“Phải. Tụi tôi bay lên trong mấy cái trực thăng mắc dịch đó - trong lần đi lính thứ nhì tôi làm xạ thủ trực thăng - và tôi đang nghĩ đến cái lần tụi tôi ra Bắc Việt để đón hai tay phi công đó. Tôi đang ngồi đây nghĩ đến cái lần đó. Slick Willie. Thằng con hoang đó. Nghĩ đến chuyện thằng con hoang chó đẻ được bú cu trong Phòng Bầu dục bằng

tiền thuế của nhân dân, rồi nghĩ đến hai tay phi công đó, chúng nó tham gia một đợt không kích cảng Hà Nội, tụi nó bị bắn rơi tả, và chúng tôi nhận được tín hiệu qua radio. Tụi tôi thậm chí còn chẳng phải trực thăng cứu nạn, nhưng tụi tôi đang ở gần đó, còn tụi nó đang phát tín hiệu cầu cứu rằng tụi nó sắp phải nhảy dù bỏ máy bay, vì tụi nó đang ở độ cao mà nếu không nhảy dù ngay thì máy bay sẽ đâm xuống đất. Tụi tôi đâu phải trực thăng cứu nạn - tụi tôi là trực thăng chiến đấu - tụi tôi chỉ tóm lấy cơ hội cứu được hai mạng người. Thậm chí tụi tôi cũng không được phép bay tới đó nữa, nhưng tụi tôi cứ đi thôi. Ông sẽ hành động theo bản năng như thế đó. Cả lũ bọn tôi chỉ nhất trí làm thôi, hai xạ thủ, thăng phi công, thăng phụ lái, tuy cơ may chẳng được bao nhiêu vì tụi tôi không có yểm trợ. Nhưng tụi tôi vẫn lao vô như thường - cố đón được chúng nó.”

Hắn đang kể cho tôi một chuyện thời chiến, tôi thầm nghĩ. Hắn biết mình đang làm chuyện đó. Hắn định đưa ra một nhận định. Một thứ gì đó hắn muốn tôi mang theo, đến bờ hồ, đến chỗ xe của tôi, về căn nhà hắn biết rõ vị trí, và hắn mong tôi hiểu rằng hắn biết hết. Mang theo với tư cách một “nhà văn” sao? Hay với một tư cách khác - một kẻ biết được bí mật của hắn, cái bí mật còn lớn lao hơn bí mật về cái hồ này. Hắn muốn tôi biết rằng không có nhiều người thấy được những điều hắn đã thấy, có mặt ở chỗ hắn từng có mặt, làm những việc hắn từng làm và, nếu cần, hắn có thể làm lại lần nữa. Hắn đã giết người ở Việt Nam và hắn đã mang kẻ sát nhân ấy cùng hắn trở về vùng đồi núi Berkshire, cùng hắn trở về từ xứ sở của chiến tranh, xứ sở của kinh hoàng, để đến cái nơi hoàn toàn không biết đến chiến tranh, biết đến kinh hoàng.

Cái khoan nằm trên mặt băng. Sự thẳng thừng của cái khoan. Không có hiện thân nào cho nỗi thù ghét của chúng ta lại cụ thể và chân thực hơn ánh thép lạnh tàn nhẫn của cái khoan đó ở chốn hẻo lánh này.

“Chúng tôi nghĩ, được rồi, bọn mình sẽ chết, bọn mình sẽ chết. Thế là tụi tôi bay ra đó và lần theo tín hiệu của hai tay đó, tụi tôi thấy một cái dù, và tụi tôi đáp xuống, và tụi tôi bốc được thăng đó lên không gặp trục trặc gì. Hẳn nhảy thăng vô, tụi tôi lôi hẳn vô và bay lên, không thấy tên địch nào xuất hiện. Nên tụi tôi nói với hẳn, ‘Anh biết người kia đâu không?’ và hẳn nói, ‘Chắc, thăng đó trôi tuốt đằng kia.’ Thế là tụi tôi bay lên, nhưng tới lúc đó bọn chúng đã biết tụi tôi ở đó. Tụi tôi bay thêm một quãng đi tìm cái dù kia, và rồi cứ như thế cả địa ngục xống chuông. Tôi nói ông nghe, thật không thể tin được. Tụi tôi không bao giờ đón được thăng kia. Cái trục thăng bị bắn dữ lắm chẳng ai có thể tin nổi. Pằng pằng chéo bùm. Súng máy. Đạn từ dưới mặt đất bắn lên. Tụi tôi chỉ còn nước quay đầu và biến khỏi đó càng nhanh càng tốt. Và tôi nhớ thăng mà tụi tôi cứu được bắt đầu khóc. Cái mà tôi muốn nói chính là chuyện này đây. Thăng này là phi công hải quân. Tụi nó xuất phát từ tàu Forrestal. Và hẳn đã biết thăng bạn hẳn hoặc đã bị giết hoặc đã bị bắt, và hẳn bắt đầu gào la. Chuyện thật kinh hoàng với hẳn. Đó là BẠN của hẳn. Nhưng tụi tôi không thể quay lại. Tụi tôi không thể mạo hiểm cái trục thăng với năm thăng trong đó. Cứu được một thăng là may rồi. Vậy là chúng tôi trở lại căn cứ và chui ra và tụi tôi nhìn lại cái trục thăng và có cỡ một trăm năm chục lỗ đạn trên đó. Không phát nào trúng đường dẫn thủy lực, đường dẫn xăng, nhưng mấy cánh quạt dính đạn lỗ chỗ, rất nhiều đạn bắn trúng cánh quạt. Làm nó hơi cong đi. Nếu tụi nó bắn trúng cánh quạt đuôi thì ông rớt liền, nhưng chúng bắn trượt. Ông có biết là tụi nó đã bắn rơi năm ngàn trục thăng trong cả cuộc chiến đó không? Phe mình mất hai ngàn tám trăm máy bay phản lực chiến đấu. Mất thêm hai trăm năm chục B-52 trong những đợt ném bom tầm cao Bắc Việt. Nhưng chính phủ sẽ chẳng bao giờ nói với ông điều đó. Điều đó thì không đâu. Họ chỉ nói cho ông nghe điều họ muốn nói. Và đời nào thăng Slick Willie bị vướng vào những thứ đó. Chỉ cái thăng đi quân dịch mới chết thôi. Hết lần này đến lần khác. Không, không hợp lý tí nào. Ông biết lúc này tôi đang nghĩ gì không? Tôi đang nghĩ rằng nếu tôi có một đứa con trai thì

bây giờ nó sẽ ở đây với tôi. Câu cá trên băng. Lúc ông đi ra đây tôi đang nghĩ vậy đó. Tôi nhìn lên và thấy ai đó đang đi tới, và tôi hơi mơ màng, và tôi nghĩ, Đó có thể là con mình. Không phải ông, không phải một người lớn như ông, mà là con trai tôi.”

“Anh không có con trai hả?”

“Không.”

“Chưa từng lấy vợ à?” tôi hỏi.

Lần này hẳn không trả lời tôi ngay. Hẳn nhìn tôi, nhắm vào tôi cứ như thể trên người tôi phát ra một tín hiệu giống như hai gã phi công nọ nhảy dù bỏ máy bay, nhưng hẳn không trả lời tôi. Bởi vì hẳn biết, tôi nghĩ. Hẳn biết tôi có dự đám tang Faunia. Ai đó đã bảo với hẳn rằng gã “nhà văn” đã ở đó. Hẳn nghĩ tôi là loại nhà văn nào? Một gã viết về những tội ác giống như tội ác của hẳn à? Một tác giả viết sách về bọ sát nhân và những vụ giết người à?

“Hồng bét,” cuối cùng hẳn nói, lại nhìn vào cái lỗ và nhúc nhích cần câu, giật nó bằng cổ tay độ chục lần. “Chuyện hôn nhân hồng bét. Từ Việt Nam trở về trong đầu toàn là giận dữ và bất mãn. Bị PTSD. Tôi bị mắc cái thứ mà bọn chúng gọi là rối loạn căng thẳng sau chấn thương. Bọn chúng bảo tôi thế. Khi về nước, tôi không muốn biết bất cứ ai. Tôi trở về, tôi không thể bắt nhịp được với bất cứ thứ gì thuộc về đời sống văn minh ở đây. Giống như tôi đã ở bên đó quá lâu, hoàn toàn điên loạn cả. Mặc quần áo sạch, và người ta chào hỏi, và người ta mỉm cười, và người ta đi dự tiệc, và người ta lái xe - tôi không bắt nhịp được nữa. Tôi không biết phải nói chuyện thế nào, tôi không biết phải chào hỏi ra sao. Tôi đã trốn tránh trong một thời gian dài. Tôi thường chui vào xe, lái loanh quanh, đi vào rừng, thả bộ trong rừng - đó là điều kỳ quặc nhất. Tôi trốn tránh *chính tôi*. Tôi không biết mình đang trải qua cái gì. Bạn bè thường gọi điện cho tôi, tôi không gọi lại. Chúng sợ tôi sẽ chết trong một tai nạn ô tô, chúng sợ tôi sẽ...”

Tôi cắt ngang. “Tại sao họ lại sợ anh sẽ chết vì tai nạn giao thông?”

“Tôi uống rượu. Tôi lái xe loanh quanh và uống rượu.”

“Anh có bao giờ dính vào tai nạn giao thông không?”

Hắn mỉm cười. Không dừng lại và nhìn tôi chăm chăm. Không ném cho tôi một cái nhìn đặc biệt đe dọa nào. Không nhảy bật dậy và chộp cổ tôi. Chỉ cười nhẹ, cái nụ cười hé lộ ở hắn nhiều thiện tính hơn hẳn những gì tôi nghĩ. Cố tình làm ra vẻ thoải mái, hắn nhún vai và nói, “*Dính* chứ. Tôi còn không biết mình đang trải qua chuyện gì nữa, ông *biết* đấy? Tai nạn? Một vụ tai nạn hả? Nếu dính vào một vụ tai nạn thực thì tôi cũng chẳng biết đâu ấy. Mà tôi cho rằng mình không dính đâu. Ông đang trải qua một thứ mà người ta gọi là rối loạn căng thẳng sau chấn thương. Bao nhiêu thứ cứ trở lại trong tiềm thức của ông, làm ông ngỡ ông còn ở Việt Nam, ông vẫn trong quân đội. Tôi chẳng phải dân có học. Tôi thậm chí còn không biết điều đó. Người ta cứ bực bội với tôi vì chuyện này rồi chuyện kia, và họ thậm chí không biết tôi đang trải qua cái gì và chính *tôi* thậm chí cũng chẳng biết - ông *biết* đấy? Tôi không có bạn bè học hành tử tế biết rành rẽ những thứ đó. Bạn của tôi toàn thứ thối tha không. Ôi, tôi muốn nói đến cái thể loại không thối không lấy tiền ấy.” Lại nhún vai. HÀi hước chẳng? Cố ý tỏ ra hài hước chẳng? Không, giống một lời đe dọa nhẹ tênh của một cái ác hung hiểm hơn. “Vậy thì tôi biết phải làm sao?” hắn hỏi với vẻ bất lực.

Hắn đang chơi khăm tôi. Đùa giỡn tôi. Bởi vì hắn biết rằng tôi biết. Chỉ có hai kẻ chúng tôi tại nơi này, và tôi biết, và hắn biết tôi biết. Và cái máy khoan biết. Tất cả những gì ta biết và tất cả những gì ta cần biết, tất cả được ghi khắc trên đường xoắn ốc cong cong của lưỡi thép.

“Làm sao anh phát hiện ra mình bị PTSD?”

“Một cô da màu ở Cơ quan cựu chiến binh. Xin lỗi. Một cô người Mỹ gốc Phi. Một người Mỹ gốc Phi rất thông minh. Cô ta có bằng thạc sĩ. Ông có bằng thạc sĩ không?”

“Không,” tôi đáp.

“Thế mà cô ấy có đấy, và tôi phát hiện mình bị bệnh như thế đó. Nếu không thì chắc nay tôi vẫn chưa biết. Đó là cách tôi bắt đầu tìm

hiếu về bản thân, về những thứ mình đang trải qua. Họ bảo cho tôi biết. Và không chỉ mình tôi. Đừng có nghĩ là chỉ mình tôi. Cả ngàn ngàn thẳng đang trải qua điều tôi đang trải qua. Cả ngàn ngàn thẳng tỉnh dậy lúc nửa đêm thấy mình đang ở Việt Nam. Cả ngàn ngàn thẳng bị người ta bắt đi lính và rồi họ không gọi chúng về. Cả ngàn ngàn thẳng bị mơ phải những giấc mơ thực sự kinh hoàng ấy. Và thế là tôi nói điều đó với cô nàng Mỹ gốc Phi ấy và cô ta hiểu ngay. Bởi vì cô ta có bằng thạc sĩ, cô ta giải thích cho tôi hiểu nó đi qua tiềm thức của tôi như thế nào, và chuyện cũng y như vậy với hàng ngàn ngàn thẳng khác. Tiềm thức. Thứ đó ông không kiểm soát được. Nó giống như chính quyền. Nó *chính là* chính quyền. Lặp lại tất cả những gì chính quyền làm. Nó khiến ông làm những chuyện mà ông không muốn làm. Cả ngàn ngàn thẳng lấy vợ và thế là cuộc đời họ hỏng bét thôi, bởi vì họ mang theo cơn phần nộ và bất mãn về Việt Nam trong tiềm thức. Cô ta giải thích toàn bộ chuyện này cho tôi. Người ta chỉ bốc tôi từ Việt Nam lên một chiếc phản lực không quân C-41 bay sang Philippines, rồi bay tiếp trên một chiếc máy bay của World Airways về Căn cứ không quân Travis, rồi họ cho tôi hai trăm đô để về nhà. Vậy là mất, đại khái, khoảng ba ngày từ lúc rời Việt Nam đến khi về nhà. Ông được trở lại với văn minh. Và ông hỏng bét cả. Và vợ ông, cho dù là mười năm sau, cô ta cũng hỏng bét mà thôi. Cô ta hỏng bét cả, mà cô ta có làm gì sai? Chẳng gì hết.”

“Vẫn bị PTSD à?”

“Chậc, tôi vẫn có xu hướng ở một mình đây, phải không? Ông nghĩ tôi đang làm gì ngoài đây chứ?”

“Nhưng không còn uống rượu và lái xe nữa,” tôi nghe mình thốt ra như thế. “Không còn tai nạn nữa.”

“Làm gì có tai nạn nào. Ông không nghe tôi nói à? Tôi đã bảo ông rồi còn gì. Đâu có tai nạn gì đâu.”

“Còn cuộc hôn nhân thì hỏng bét cả.”

“Ồ đúng thế. Lỗi của tôi. Trăm phần trăm. Cô ta là một phụ nữ dễ thương. Hoàn toàn không có gì đáng chê trách. Tất cả là do tôi. Luôn luôn do tôi. Cô ta xứng đáng có được người tốt hơn tôi nhiều.”

“Thế cô ấy gặp chuyện gì?” tôi hỏi.

Hắn lắc đầu. Một cái nhún vai buồn bã, một tiếng thở dài - hoàn toàn nhắm nhí, nhắm nhí *rành rành* một cách cố ý. “Không biết nữa. Bỏ đi mất, tôi dọa cô ta sợ thế còn gì. Dọa cho sợ vãi cứt luôn. Xin được gửi những lời thương nhớ đến cho cô ấy, cho dù cô ấy ở đâu. Một người hoàn toàn không có gì đáng chê trách.”

“Không con cái.”

“Không. Không con cái. Còn ông?” hắn hỏi tôi.

“Không.”

“Có vợ không?”

“Thôi rồi,” tôi nói.

“Vậy là tôi với ông cùng hội cùng thuyền. Tự do như chim trời. Ông viết loại sách gì vậy? Trinh thám hả?”

“Không hẳn thế,”

“Người thật việc thật hả?”

“Đôi khi.”

“Thế là truyện gì? Diễm tình à?” hắn hỏi, mỉm cười. “Hy vọng không phải truyện khiêu dâm.” Hắn vợ như đó là một ý nghĩ khó ưa mà ngay cả việc giữ nó trong đầu thôi cũng khiến hắn khó chịu. “Tôi thực sự mong rằng văn sĩ làng của chúng ta không ngồi trong nhà của Mike Dumouchel để viết và xuất bản sách khiêu dâm.”

“Tôi viết về những người như anh,” tôi nói.

“Vậy sao?”

“Phải. Về những người như anh. về những vấn đề của họ.”

“Thử kể tôi nghe tên một cuốn sách của ông xem nào?”

“Vết *nhơ* của người.”

“Thế à? Tôi mua được không?”

“Nó chưa ra. Chưa viết xong mà.”

“Tôi sẽ mua nó.”

“Tôi sẽ gửi cho anh một cuốn. Tên anh là gì?”

“Les Farley. Đúng rồi, gửi nhé. Khi ông viết xong, cứ gửi tới ga ra thị trấn. Ga ra Thị trấn. Đường 6. Les Farley.” Lại khiêu khích tôi, ở mức độ nào đó là khiêu khích tất cả - chính hẳn, bạn bè hẳn, “văn sĩ làng của chúng ta” - hẳn nói, đồng thời bật cười với ý nghĩ đó, “Tôi với đám bạn sẽ đọc nó.” Hẳn không hẳn cười lớn tiếng mà giống như rìa vào tiếng cười lớn như cá rìa mồi, cứ rìa quanh tiếng cười mà chẳng hề cắn câu. Tới sát cái lưỡi câu của niềm hoan lạc nguy hiểm, nhưng vẫn giữ khoảng cách để không cắn câu.

“Hy vọng anh sẽ đọc,” tôi nói.

Lúc đó tôi không thể cứ thế quay người và bỏ đi. Không thể kết thúc ở đây được, không thể khi hẳn vừa trút bỏ được một chút xiu lớp vỏ cảm xúc, không thể khi hiện ra trước mắt tôi khả năng nhìn được sâu hơn chút nữa vào tâm trí của hẳn. “Anh đã là người thế nào trước khi đi quân dịch?” tôi hỏi hẳn.

“Cái này là cho cuốn sách của ông đó hả?”

“Đúng thế. Đúng thế.” Tôi bật cười thành tiếng. Thậm chí hoàn toàn vô ý, trong một cơn bột phát dữ dội và lối bịch của thái độ bất chấp, tôi nói, một cách đại dột, “*Tất cả* đều là cho cuốn sách của tôi.”

Và bây giờ hẳn cũng cười phóng khoáng hơn. Trên cái nhà thương điên nơi lòng hồ này.

“Anh từng là người thích giao du phải không, Les?”

“Có chứ,” hẳn nói. “Đã từng.”

“Với người khác hả?”

“Phải.”

“Như kiểu là đi chơi với họ hả?”

“Phải. Có cả đồng bạn bè. Rồi ô tô xé gió. Ông biết đó, những thứ kiểu vậy. Tôi làm việc suốt. Nhưng khi tôi không làm việc, thì tôi đi chơi.”

“Và dân cựu binh Việt Nam các anh đều câu cá trên băng?”

“Tôi không biết.” Lại tiếng cười rìa môi. Tôi thầm nghĩ, với hẳn việc giết ai đó còn dễ hơn việc cười phá lên.

“Tôi bắt đầu câu cá trên băng,” hẳn bảo tôi, “cách đây không lâu lắm. Sau khi vợ tôi bỏ đi. Tôi thuê một căn chòi nhỏ, tuốt trong rừng, bên Dragonfly. Tuốt trong rừng, ngay bên bờ nước, hồ Dragonfly, trong khi tôi luôn câu cá vào mùa hè, xưa giờ luôn, tôi lại chưa từng hứng thú với câu cá trên băng. Ông biết đấy, tôi cứ mừng tượng ngoài đó lạnh lắm? Nên mùa đông đầu tiên tôi sống bên hồ, và mùa đông đó tôi không ổn lắm - cái chứng PTSD mắc dịch - tôi nhìn thấy một tay câu cá trên băng bước ra kia và đi câu. Nên tôi quan sát hẳn vài ba lần, và rồi một ngày nọ tôi mặc đồ vào và đi bộ ra đó và thằng cha đó đang câu được cả đồng cá, cá chêm vàng và cá hồi và đủ thứ. Nên tôi nghĩ, trò câu cá này cũng ngon lành chẳng kém câu cá mùa hè, nếu không nói là hơn. Ông chỉ cần mặc đủ quần áo và kiếm được trang thiết bị thích hợp. Thế là tôi làm thôi. Tôi xuống thị trấn và mua một cái khoan, một cái khoan ngon lành,” hẳn chỉ vào nó, “cần câu, môi nhựa. Ông có thể mua cả trăm loại môi nhựa khác nhau. Hàng trăm nhà sản xuất và nhãn hiệu khác nhau. Đủ mọi kích cỡ. Ông khoan một cái lỗ trên mặt băng, rồi ông thả cái môi nhựa ưng ý nhất xuống đó kèm theo miếng môi sống - chỉ cần cử động bàn tay, ông làm dây giật nhẹ, ông biết đó. Bởi vì bên dưới băng thì tối hù. Ồ, tối điên luôn,” hẳn bảo tôi, và, lần đầu tiên trong suốt cuộc trò chuyện, hẳn nhìn tôi không phải với quá trời mà chỉ là chút ít vẻ tối tăm trên khuôn mặt, chút ít vẻ lừa dối, chút ít vẻ hai mặt. Trong giọng của hẳn có một âm hưởng ớn lạnh khi hẳn nói, “Nó tối *thật sự* luôn.” Một âm hưởng ớn lạnh và đáng ngờ ngàng khiến cho mọi thứ xoay quanh tai nạn của Coleman trở nên rõ ràng như ban ngày. “Nên chỉ cần một chớp sáng

dưới đó,” hần nói thêm, “cũng có thể thu hút lũ cá. Tôi nghĩ chúng thích nghi được với môi trường tối hù đó.”

Không, hần không ngu. Hần là kẻ vũ phu và là tên sát nhân nhưng hần không ngu như tôi nghĩ. Hần không phải loại não phẳng. Bên dưới lớp ngụy trang, bộ não của hần không phẳng một chút nào.

“Bởi vì chúng phải ăn,” hần giải thích với tôi theo cái kiểu khoa học. “Chúng đi tìm thức ăn dưới đó. Và thân thể chúng có thể thích nghi với thứ nước cực lạnh đó và mắt chúng thích nghi được với bóng tối. Chúng rất nhạy cảm với chuyển động. Nếu chúng thấy bất kỳ chớp sáng nào hoặc chúng cảm nhận được rung động do cái mồi nhựa của ông tạo ra, chúng sẽ bị thu hút tới đó. Chúng biết cái thứ đó còn sống và có thể ăn được. Nhưng nếu không nhúc nhắc dây, ông sẽ chẳng bao giờ dính câu. Nếu tôi có một đứa con trai, ông thấy đó, đấy là điều tôi đang nghĩ tới, tôi sẽ dạy nó cách nhấc dây câu ra làm sao. Tôi sẽ dạy nó cách gắn mồi. Có nhiều loại mồi sống khác nhau, ông thấy đó, phần lớn là ấu trùng ruồi hay ấu trùng ong mà người ta nuôi để phục vụ câu trên băng. Và chúng tôi sẽ xuống cửa hàng, tôi với thằng Les Con, và chúng tôi sẽ mua mấy thứ đó ở cửa hàng chuyên về câu cá trên băng. Và chúng được làm sẵn thành một cái hộp nhỏ, ông biết đấy. Nếu tôi có một thằng Les Con ngay bây giờ, một đứa con chính tôi sinh ra, ông biết đấy, nếu đời tôi không hỏng bét ra vì cái thứ PTSD quái đản này, tôi sẽ ra đây với nó và dạy nó tất cả những trò này. Tôi sẽ dạy nó cách xài khoan.” Hần chỉ vào cái dụng cụ đó, vẫn còn nằm ngoài tầm với sau lưng hần trên mặt băng. “Tôi xài một cái khoan tắc hai. Có các loại đường kính từ một tắc tới hai tắc. Tôi khoái một cái tắc hai hơn. Thế là tuyệt hảo. Tôi chưa từng gặp khó khăn khi đưa một con cá qua một cái lỗ tắc hai. Tắc rưỡi thì hơi lớn. Lý do tắc rưỡi là quá lớn, là vì các lưỡi khoan chỉ rộng thêm ba phân, trông có vẻ không nhiều lắm, nhưng nếu ông nhìn một cái khoan tắc hai - đây nè, đê tôi cho ông coi.” Hần đứng dậy và bước tới và hần cầm lấy cái khoan. Dù mặc bộ áo liền quần độn bông và đi đôi ủng, cả hai đều làm phình to

dáng người thấp lùn, dềnh dàng của hắn, nhưng hắn vẫn di chuyển khéo léo trên mặt băng, kéo cái khoan lên bằng một tay theo kiểu bạn kéo cây gậy bóng chày lên khỏi mặt sân lúc chạy về băng ghế của đội sau khi phải rời sân vì một quả banh bị đối phương bắt dính. Hắn đến bên tôi và nâng mũi khoan dài sáng loáng lên ngang mặt tôi. “Đây.”

Đây. Đây là căn nguyên. Đây là cốt tủy. Đây.

“Nếu ông nhìn vào một cái khoan tắc hai rồi nhìn sang cái khoan tắc rưỡi,” hắn nói, “ông sẽ thấy chúng khác nhau nhiều lắm. Khi ông khoan tay xuyên qua cả ba tắc đến bốn tắc rưỡi băng, thì xài một cây khoan tắc rưỡi tốn sức hơn nhiều so với cây khoan tắc hai. Với cái này đây tôi có thể khoan thủng bốn tắc rưỡi băng trong chừng hai mươi giây. Nếu các lưỡi khoan còn tốt và sắc. Độ sắc bén là quan trọng hơn cả. Ông phải luôn giữ cho các lưỡi khoan được sắc.”

Tôi gật đầu. “Trên băng ngoài đây lạnh thiệt.”

“Lạnh quá trời luôn.”

“Nãy giờ tôi không nhận ra. Giờ thì tôi thấy lạnh rồi. Cái mặt tôi. Tôi bị lạnh gí đến nơi rồi. Tôi phải đi đây.” Và tôi lui một bước ra xa lớp tuyết tan mỏng quanh hắn và cái lỗ hắn đang câu.

“Cũng được. Và bây giờ ông biết chuyện câu trên băng rồi nhỉ, phải không? Có thể ông sẽ muốn viết một cuốn về chuyện này thay cho truyện trinh thám đó.”

Lê chân lui lại mỗi lần nửa bước, tôi đã rút về phía bờ hồ được chừng một mét, nhưng hắn vẫn giơ cao cái khoan trên một tay, lưỡi khoan xoắn ốc vẫn nằm ngang tầm mắt tôi hồi nãy. Hoàn toàn bị quật, tôi bắt đầu thối lui. “Và bây giờ ông đã biết địa điểm bí mật của tôi. Cả chuyện đó luôn. Ông biết hết rồi,” hắn nói. “Nhưng ông đừng nói cho ai nhé, được không? Có một địa điểm bí mật thú ra phết. Ông đừng nói cho bất cứ ai nhé. Ông phải học cách không nói gì cả.”

“Tôi kín miệng mà,” tôi nói.

“Có một con suối từ núi chảy xuống đây, nó chảy qua những vĩa đá. Tôi nói ông nghe vụ đó chưa?” hăn nói. “Tôi chưa từng lần đến tận nguồn của nó. Nó là một dòng nước liên tục chảy từ trên đó xuống cái hồ này. Và có một cái đập tràn ở mé Nam cái hồ, nước thoát đi qua chỗ đó.” Hăn chỉ, cũng bằng cái khoan. Hăn đang nắm chặt nó trong bàn tay to lớn đeo cái găng hở ngón. “Và rồi có vô số con suối dưới lòng hồ. Nước tràn lên từ bên dưới, nên nước cứ xoay vòng liên tục thôi. Nó tự làm sạch. Và bọn cá phải có nước sạch mới sống và lớn lên khỏe mạnh được. Và chỗ này có tất cả những thứ cần thiết. Và tất cả do Chúa tạo ra. Con người chẳng dính gì tới nó cả. Đó là lý do tại sao nó sạch và tại sao tôi tới đây. Nếu con người dính vào, hãy tránh nó cho xa. Đó là phương châm của tôi. Phương châm của một gã mang đầy nhóc PTSD trong tiềm thức. Rời xa con người, đến gần với Chúa. Nên ông đừng quên giữ kín địa điểm bí mật này cho tôi. Thời điểm duy nhất một bí mật bị tiết lộ, ông Zuckerman ạ, là khi ông nói ra bí mật đó.”

“Tôi nhớ rồi.”

“Và, này, ông Zuckerman... cuốn sách.”

“Sách gì?”

“Sách của ông. Nhớ gửi sách nghe.”

“Yên tâm,” tôi nói, “tôi sẽ gửi qua bưu điện,” và bắt đầu đi trở ra trên mặt băng. Hăn ở phía sau tôi, vẫn cầm cái khoan trong khi tôi chậm rãi rời đi. Đường sao mà dài. Nếu tôi có thoát được ngày hôm nay, thì tôi cũng biết rằng năm năm sống một mình trong căn nhà của tôi đến đây là kết thúc. Tôi biết rằng nếu, và khi, tôi hoàn tất cuốn sách, tôi sẽ phải tìm một nơi khác để sống.

Khi đã an toàn tới được bờ hồ, tôi ngoái lại nhìn xem liệu rốt cuộc hăn có tính đi theo tôi vào rừng và giết tôi trước khi tôi có cơ hội bước vào ngôi nhà tuổi thơ của Coleman Silk và, giống như Steena Palsson trước đây, ngồi với gia đình của ông ở East Orange như một người khách da trắng trong bữa tối Chủ nhật. Chỉ bằng việc đứng trước mặt

hắn, tôi đã có thể cảm thấy nỗi kinh hoàng của cái máy khoan - cho dù hắn đã ngồi xuống trên cái xô: màu trắng băng giá của mặt hồ vây quanh một điểm nhỏ xíu là một người đàn ông, dấu vết con người duy nhất giữa toàn bộ thiên nhiên này, giống như một dấu X thay cho chữ ký của một người mù chữ trên tờ giấy. Và nó đó, nếu không phải là cả câu chuyện, thì cũng là cả bức tranh. Hiếm hoi thay, vào cuối cái thế kỷ này của chúng ta, cuộc đời mới lại bày sàng ra một hình ảnh thuần khiết và bình yên như hình ảnh này: một người đàn ông lẻ loi ngồi trên một cái xô, câu cá qua bốn tắc rươi băng giữa một cái hồ liên tục xoay vần nước của nó trên đỉnh một ngọn núi thanh bình nước Mỹ.

Table of Contents

1. [1 AI CŨNG BIẾT](#)
2. [2 NÉ ĐÒN](#)
3. [3 BA LÀM GÌ VỚI MỘT ĐỨA NHỎ KHÔNG BIẾT ĐỌC?](#)
4. [4 THẺNG ĐIÊN NÀO NGHĨ RA CHUYỆN ĐÓ?](#)
5. [5 NGHI LỄ THANH TÂY](#)

Table of Contents

1 AI CŨNG BIẾT

2 NÉ ĐÒN

3 BA LÀM GÌ VỚI MỘT ĐỨA NHỎ KHÔNG BIẾT ĐỌC?

4 THẰNG ĐIÊN NÀO NGHĨ RA CHUYỆN ĐÓ?

5 NGHI LỄ THANH TÂY